

VĂN KIẾN ĐẢNG TOÀN TẬP
XUẤT BẢN LẦN THỨ NHẤT
THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN
BÍ THƯ TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
CỘNG SẢN VIỆT NAM, SỐ
208-QĐ/TW, NGÀY 1 THÁNG 11
NĂM 2013

HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN

LÊ HỒNG ANH	Chủ tịch Hội đồng
ĐINH THẾ HUYNH	Phó Chủ tịch Hội đồng
TRẦN QUỐC VƯỢNG	Phó Chủ tịch Hội đồng
TẠ NGỌC TẤN	Ủy viên
NGUYỄN HOÀNG VIỆT	"
BÙI VĂN NAM	"
MAI QUANG PHẤN	"
PHÙNG HỮU PHÚ	"
LÊ QUANG VĨNH	"
PHẠM VĂN LINH	"
NGUYỄN QUANG THUẤN	"
HOÀNG PHONG HÀ	"

BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO

TRẦN QUỐC VƯỢNG	Trưởng ban
HOÀNG PHONG HÀ	Thường trực
LÊ QUANG VĨNH	Ủy viên
HOÀNG QUỐC TUẤN	"
NGUYỄN MẠNH HÀ	"

NHÓM XÂY DỰNG BẢN THẢO TẬP 56

TRẦN MINH HOÀNG (Chủ biên)
ĐỖ QUỐC TOÁN
PHÙNG THỊ KIM ANH

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

**VĂN KIẾN ĐẢNG
TOÀN TẬP**

**TẬP 56
1997**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT
HÀ NỘI - 2015**

LỜI GIỚI THIỆU TẬP 56

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 56 tập hợp những văn kiện phản ánh sự lãnh đạo của Đảng trong năm 1997, năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII. Nội dung các văn kiện của Đảng tập trung phản ánh các vấn đề chủ yếu sau:

Về chính trị, Đảng tập trung lãnh đạo cuộc bầu cử Quốc hội khóa X, đặc biệt là việc lựa chọn, giới thiệu nhân sự ứng cử đại biểu Quốc hội, ứng cử các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước và việc bầu cử nhân sự cấp cao của Đảng; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong sạch, vững mạnh, đấu tranh phòng, chống tham nhũng, củng cố hệ thống chính trị, tăng cường công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

Về kinh tế, Đảng chủ trương thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo, đẩy mạnh cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, cho phép thành lập thị trường chứng khoán; định hướng trong việc đàm phán gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), tổng kết việc phát triển một số thành phần, loại hình kinh tế, việc sản xuất, kinh doanh của quân đội và công an; cho ý kiến đối với một số dự án kinh tế quan trọng, việc xây dựng và quản lý ngân sách của Đảng.

Về an ninh, trật tự, Đảng chỉ đạo nghiên cứu xây dựng thiết chế dân chủ ở cơ sở, thực hiện các nhiệm vụ cụ thể, cấp bách ở nông thôn; cho ý kiến xử lý một số vụ việc lớn, phức tạp, như: vụ gây rối ở Quỳnh Phụ và một số xã thuộc các huyện khác của tỉnh

Thái Bình, vụ tham ô tại Công ty TAMEXCO, vụ buôn lậu ở biên giới tỉnh Long An, vụ án buôn bán trái phép chất ma túy có liên quan đến một số cán bộ công an và bộ đội biên phòng ở Lai Châu.

Về tư tưởng, văn hóa, Đảng quyết định xuất bản công khai bộ *Văn kiện Đảng Toàn tập* nhằm cung cấp những chứng cứ tin cậy để thông tin chân thực trong Đảng và trong nhân dân về các sự kiện lịch sử, chống lại các luận điệu sai trái, xuyên tạc lịch sử, vu khống Đảng của các thế lực thù địch, phản động; tăng cường quản lý báo chí, xuất bản; đổi mới công tác tuyên truyền miệng; phát triển internet ở Việt Nam; triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng; đăng cai tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp tại Việt Nam.

Về công tác tổ chức, cán bộ, Đảng tập trung kiện toàn Ban bảo vệ chính trị nội bộ ở nhiều tỉnh, thành phố phía Nam, biên giới phía Bắc và các thành phố lớn; chủ trương hạn chế việc chia tách địa giới hành chính cấp tỉnh và cấp huyện; thông qua Chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Văn kiện Đảng Toàn tập, tập 56 gồm 93 tài liệu được bố cục thành hai phần: phần văn kiện chính và phần phụ lục. Trong mỗi phần, tài liệu được sắp xếp theo trật tự thời gian. Đối với tài liệu hội nghị Trung ương được sắp xếp theo trình tự diễn biến của từng hội nghị; đối với tài liệu một số vụ việc được sắp xếp theo trình tự giải quyết để tiện cho việc theo dõi, nghiên cứu.

Mặc dù có nhiều cố gắng trong công tác biên tập, xuất bản *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 56, song khó tránh khỏi những thiếu sót, rất mong nhận được những ý kiến góp ý, trao đổi của bạn đọc.

Xin trân trọng giới thiệu tập 56 *Văn kiện Đảng Toàn tập* cùng bạn đọc.

Tháng 1 năm 2015

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 10-CT/TW, ngày 4 tháng 1 năm 1997

Về tăng cường việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị (khóa VII) về đấu tranh chống tham nhũng

Thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị khóa VII về lãnh đạo cuộc đấu tranh chống tham nhũng, nhiều bộ, ngành và cấp ủy địa phương đã xây dựng và triển khai kế hoạch, chương trình hành động nhằm phòng ngừa và chống tham nhũng ở ngành, địa phương mình. Thanh tra Nhà nước và các ngành bảo vệ pháp luật đã bước đầu tập trung lực lượng thanh tra, kiểm sát một số ngành, lĩnh vực trọng điểm như ngân hàng, nhà, đất và xét xử một số vụ án tham nhũng lớn.

Tuy nhiên, nhìn chung việc triển khai thực hiện nghị quyết còn chậm, chưa sâu rộng và chưa cụ thể; kết quả chống tham nhũng còn rất thấp, chưa tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ; nạn tham nhũng ngày càng phát triển nghiêm trọng.

Tình hình trên có nguyên nhân khách quan là Nghị quyết 14 ban hành trước khi bước vào Đại hội Đảng toàn

quốc lần thứ VIII, toàn Đảng đang tập trung vào công tác chuẩn bị, tiến hành Đại hội. Nhưng, chủ yếu là do sự lãnh đạo, điều hành của Đảng và Nhà nước chưa tập trung, thống nhất, thông suốt từ trên xuống dưới. Nhiều nội dung trong Nghị quyết 14 chưa được cụ thể hóa để triển khai thực hiện. Nhiều ngành và cấp ủy chưa coi việc chống tham nhũng là trách nhiệm hàng đầu, là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của mình; nhiều nơi "khoán" trách nhiệm chống tham nhũng cho đồng chí cấp ủy viên phụ trách chính quyền và các cơ quan bảo vệ pháp luật.

Để Nghị quyết 14 được thực hiện có hiệu quả, tạo được sự chuyển biến thật sự, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng ủy trực thuộc Trung ương cần tập trung sức chỉ đạo thực hiện một số việc sau đây:

1. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ phối hợp chặt chẽ trong việc chỉ đạo soạn thảo để sớm ban hành Pháp lệnh chống tham nhũng; đồng thời xúc tiến việc rà soát, sửa đổi Bộ luật hình sự và các văn bản pháp luật liên quan, trong đó quy định rõ các tội danh tham nhũng và hình phạt, kể cả phạt về kinh tế tương ứng để thể hiện sự nghiêm khắc hơn đối với loại tội này.

2. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần tăng cường chỉ đạo việc tiếp tục cải cách nền hành chính nhà nước. Coi trọng việc hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế; khắc phục những sơ hở trong quản lý ngân sách, tài chính, ngân hàng, quản lý tài sản công, quản lý các khâu cấp phép, giao thầu, xây dựng cơ bản... Thực hiện chủ trương công khai hóa các thể chế và thủ tục hành chính; các quy định về nhà đất, đăng ký kinh

doanh, xét duyệt dự án và cấp vốn đầu tư, đấu thầu, cho vay tín dụng, thu thuế, thủ tục hải quan, các chế độ bảo hiểm, các khoản đóng góp... nhất thiết phải được niêm yết tại công sở, nơi tiếp dân. Công chức được giao nhiệm vụ tiếp xúc, giải quyết công việc của dân phải có phù hiệu hoặc bảng ghi họ tên, chức vụ. Khi tiếp dân phải đề cao trách nhiệm phục vụ: giải thích, hướng dẫn chu đáo, sẵn sàng giải đáp thắc mắc của dân. Cơ quan hành chính cấp trên phải tăng cường việc thanh tra, kiểm tra đột xuất. Nếu cơ quan, công chức nào thực hiện không đúng, những nhiễu dân, tiếp dân sai quy định hoặc lảng tránh trách nhiệm thì người phụ trách cơ quan và công chức vi phạm phải bị xử lý và công bố rộng rãi cho dân biết.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ xác định cụ thể những yêu cầu về phẩm chất đạo đức của cán bộ, đảng viên, nhất là đảng viên là công chức trong bộ máy nhà nước; quy định những điều cấm làm đối với đảng viên, cán bộ, công chức.

Những quy định đó phải trở thành kỷ luật của Đảng, được thể chế hóa thành pháp luật (thể hiện trong Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh về cán bộ, công chức, quy chế công vụ) và là căn cứ để kiểm tra, nhận xét đảng viên, cán bộ, công chức. Những quy định này phải công bố rộng rãi cho nhân dân biết để giám sát, phát hiện với tổ chức đảng và cơ quan nhà nước những đảng viên, cán bộ, công chức có hành vi sai trái, vi phạm những điều cấm làm.

4. Các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng trong các cơ quan nhà nước cần phối hợp chặt chẽ với thủ trưởng cơ quan

xây dựng và thực hiện các quy định về việc tiếp dân, giải quyết công việc của dân; có các hình thức thuận tiện để dân phát hiện, tố cáo những cán bộ, nhân viên có hành vi tham nhũng, nghiêm túc xem xét và kịp thời xử lý người tham nhũng, người có thủ đoạn ngăn cản, đe dọa, trả thù người tố cáo và cả những người tố cáo sai với dụng ý xấu.

Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc và đảng đoàn các đoàn thể nhân dân có kế hoạch, biện pháp cụ thể hướng dẫn, động viên và tổ chức nhân dân tham gia chống tham nhũng; kịp thời kiến nghị với các cơ quan có trách nhiệm xử lý kẻ tham nhũng và công khai cho dân biết.

5. Việc tặng và nhận quà biếu vốn là hành vi giao tiếp thể hiện mối quan hệ bình thường trong xã hội, nhưng hiện nay đang phát triển không lành mạnh với động cơ vụ lợi, tiêu cực. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo cơ quan chức năng nghiên cứu xây dựng các quy định chặt chẽ, hợp lý việc tặng và nhận quà biếu. Thực hiện ngay việc cấm các cơ quan dùng của công chia cho cá nhân dưới mọi hình thức hoặc mua quà biếu ngoài quy định, kể cả trong dịp tết Nguyên đán Đinh Sửu; cấm các cơ quan và cán bộ, công chức nhận quà biếu của cấp dưới, của công dân, của các doanh nghiệp trong và ngoài nước sai quy định.

6. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc cụ thể hóa và tổ chức thực hiện chủ trương kê khai về nhà, đất đối với cán bộ lãnh đạo từ cấp huyện trở lên và những công chức, những giám đốc, tổng giám đốc công ty có liên quan nhiều và trực tiếp đến tiền, hàng, nhà, đất và công tác nhân sự. Yêu cầu người kê khai cam kết khai đúng, khai đủ và chịu trách nhiệm trước Đảng, trước pháp luật về nội dung kê khai của mình.

Xây dựng chính sách cụ thể về nhà ở, đất ở của cán bộ, công chức, quy định về xử lý các dạng vi phạm một cách nghiêm minh. Đồng thời, nghiên cứu quy định đầy đủ cụ thể về kê khai tài sản, kê khai thu nhập phục vụ cho việc thi hành luật về thuế thu nhập cá nhân và việc kê khai các tài sản có giá trị cao ở những bước tiếp theo.

7. Ban Cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước cần có kế hoạch tăng cường lực lượng cần thiết, có thể trưng tập một số thanh tra viên có kinh nghiệm ở các ngành và địa phương, tập trung thanh tra một số ngành, lĩnh vực trọng điểm như: cấp phép, giao thầu, xây dựng cơ bản, hải quan, quản lý tài chính trong các doanh nghiệp nhà nước... đã để xảy ra tham nhũng thất thoát lớn. Qua thanh tra, kiến nghị bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách và chấn chỉnh các biện pháp quản lý; nếu phát hiện có dấu hiệu phạm pháp phải chuyển ngay cho các cơ quan bảo vệ pháp luật xử lý.

8. Ban cán sự đảng các cơ quan bảo vệ pháp luật chỉ đạo việc rút kinh nghiệm xử lý các vụ án tham nhũng vừa qua. Trên cơ sở đó, hoàn thiện cơ chế phối hợp trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án, bảo đảm các vụ án tham nhũng, kể cả những hành vi can thiệp, bao che trái pháp luật phải được xử lý nghiêm minh, công bằng, không để lọt người, lọt tội hoặc xử lý oan người vô tội. Trước mắt, tập trung xử lý nghiêm túc, dứt điểm một số vụ tham nhũng nghiêm trọng đã được phát hiện mà dư luận đang quan tâm.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật phải nghiêm túc trong việc thanh tra, kiểm tra nội bộ và xử lý nghiêm cán bộ tham nhũng, tiêu cực trong cơ quan, kiên quyết làm trong sạch nội

bộ nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác và tạo lòng tin đối với nhân dân.

Về lãnh đạo và tổ chức thực hiện:

- Kể từ nay, trong chương trình làm việc của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, vấn đề lãnh đạo đấu tranh chống tham nhũng được coi là một công tác trọng tâm, thường xuyên. Bộ Chính trị nghe báo cáo và thảo luận, quyết định về các chủ trương và biện pháp lớn bảo đảm hiệu quả của cuộc đấu tranh chống tham nhũng. Thường vụ Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị trực tiếp chỉ đạo, điều hành các quyết định của Bộ Chính trị, chỉ đạo các ban tham mưu của Trung ương nghiên cứu đề nghị Bộ Chính trị xem xét, bổ sung hoặc ban hành các quy định mới về vấn đề này. Từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị chỉ đạo sự phối hợp thực hiện trong các ngành, lĩnh vực, địa phương được phân công phụ trách.

- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phụ trách từng ngành, từng cấp và bí thư cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng phải trực tiếp, thường xuyên chỉ đạo công tác chống tham nhũng và chịu trách nhiệm nếu để xảy ra tham nhũng nghiêm trọng ở cơ quan, đơn vị mình.

- Các cấp ủy, đảng đoàn, ban cán sự đảng căn cứ vào Nghị quyết 14 Bộ Chính trị khóa VII và Chỉ thị này để kiểm điểm công tác đấu tranh chống tham nhũng trong thời gian qua, bổ sung chương trình, kế hoạch và trực tiếp chỉ đạo thực hiện cuộc đấu tranh chống tham nhũng trong thời gian tới. Tình hình thực hiện, kết quả đạt được và kiến nghị của

ngành, địa phương cần được kịp thời báo cáo bằng văn bản với Thường vụ Bộ Chính trị.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có kế hoạch hướng dẫn để các cấp ủy và cơ quan chủ quản chủ động lãnh đạo, định hướng dư luận phát huy tác dụng tích cực của báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng trong việc tuyên truyền, giáo dục quần chúng chống tham nhũng; đồng thời chấn chỉnh, uốn nắn những lệch lạc trong việc đưa tin khiến nhân dân hoang mang và bị kẻ xấu lợi dụng kích động.

- Ban Nội chính Trung ương và Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị theo dõi, đôn đốc thực hiện Chỉ thị này, hàng tháng báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 27-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 1997

Về định hướng chuẩn bị đề án Chiến lược cán bộ trình Hội nghị Trung ương 3

Tại phiên họp ngày 3 và 4-1-1997, sau khi nghe đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Tiểu ban xây dựng đề án Chiến lược cán bộ báo cáo "Đề cương Chiến lược cán bộ của thời kỳ mới", Bộ Chính trị có một số ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Tên gọi của đề án nên thể hiện đầy đủ là: Chiến lược cán bộ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá độ lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

2. Về phạm vi của đề án: Cần đề cập việc xây dựng đội ngũ cán bộ nói chung, trong đó trọng tâm là cán bộ lãnh đạo đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang, cán bộ quản lý nhà nước, cán bộ khoa học kỹ thuật và cán bộ quản lý doanh nghiệp.

3. Phần mở đầu, cần làm rõ đặc trưng của thời kỳ mới cả ở trên thế giới và trong nước. Tình hình thế giới có thuận lợi nhưng cũng có nhiều vấn đề phức tạp, đầy thử thách đối

với công cuộc cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Chúng ta muốn xóa đói, giảm nghèo, phấn đấu sau hơn 20 năm nữa trở thành nước công nghiệp; bảo vệ, giữ vững chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ. Nhưng chúng ta còn nhiều khó khăn; kẻ địch lại luôn có âm mưu chống phá, xóa bỏ Đảng ta và chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

Với tinh thần kiên cường, bất khuất, thông minh, sáng tạo, chúng ta phải sử dụng kinh nghiệm quản lý, khoa học công nghệ, vốn đầu tư của nước ngoài để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Hội nghị Trung ương 3 khóa VII đã xác định nhiệm vụ phát triển kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, trong đó công tác cán bộ lại có vị trí then chốt trong nhiệm vụ xây dựng Đảng. Bởi vậy trong thời kỳ mới nhiệm vụ của công tác cán bộ rất nặng nề.

4. Về đánh giá, cần khẳng định đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ trong những năm qua đã có những thành tựu lớn, góp phần đánh thắng các đế quốc xâm lược, trụ vững và tiến hành đổi mới thắng lợi trong khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ. Cần tổng kết công tác cán bộ, đội ngũ cán bộ qua 10 năm đổi mới, thấy rõ sự trưởng thành của số đông cán bộ, đồng thời đánh giá đúng mức một bộ phận cán bộ thoái hóa về chính trị, quan điểm lệch lạc, nhận thức mơ hồ, phai nhạt lý tưởng, không tin tưởng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; thoái hóa về phẩm chất đạo đức, chạy theo đồng tiền, lối sống thực dụng, cá nhân chủ nghĩa... Tìm nguyên nhân thành công, yếu kém và những bài học kinh nghiệm.

5. Về quan điểm, bám sát hai nhiệm vụ chiến lược, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, quá độ lên chủ nghĩa xã

hội và bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc; nắm vững chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, Cương lĩnh, Điều lệ Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ; coi trọng đức, tài của cán bộ, đức là gốc, tài là quan trọng; cán bộ phải được rèn luyện trong phong trào cách mạng; trẻ hóa, trí thức hóa, bảo đảm các độ tuổi kế tiếp liên tục; quan tâm cán bộ nữ, cán bộ dân tộc; khắc phục tư tưởng cá nhân hẹp hòi, cục bộ bè phái...

6. Cần có những mục tiêu mang tính định lượng trong từng thời gian (đến năm 2000, đến năm 2020).

7. Cần nêu rõ các nhiệm vụ của Chiến lược cán bộ, mà nhiệm vụ bao trùm là tạo được đội ngũ cán bộ cách mạng cho đời nay và đời sau, nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

8. Về tiêu chuẩn, cán bộ trong Đảng hay ngoài Đảng đều phải là cán bộ cách mạng; có đủ đức, tài, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trung thành với chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, gương mẫu thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, "cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư"; có trí tuệ, có kinh nghiệm thực tiễn. Nêu rõ tiêu chuẩn từng loại cán bộ, nhất là cán bộ chủ trì mỗi cấp (lãnh đạo Đảng, đoàn thể, lực lượng vũ trang; quản lý nhà nước; khoa học kỹ thuật; quản lý kinh doanh). Cán bộ cấp chiến lược phải có khả năng đề ra đường lối, thuyết phục mọi người hiểu rõ đường lối, tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối.

9. Về chính sách cán bộ, cần nêu đủ ba mặt: đào tạo bồi dưỡng, sử dụng quản lý và chế độ đãi ngộ; thể hiện rõ chính sách đối với từng loại cán bộ (lãnh đạo, quản lý, khoa

học, kinh doanh, lực lượng vũ trang, cán bộ trẻ, nữ, xã, phường...); coi trọng giáo dục lý tưởng cách mạng, kết hợp với khuyến khích lợi ích vật chất; bảo đảm công bằng xã hội; thực hiện lời dạy của Bác Hồ: cán bộ vừa là người lãnh đạo, vừa là người dày tớ trung thành của nhân dân.

10. Về biện pháp, tăng cường xây dựng cơ quan làm công tác cán bộ, thực hiện dân chủ trong việc bầu cử, bổ nhiệm cán bộ.

*
* *
*

Căn cứ các ý kiến trên đây và sau khi lấy thêm ý kiến của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị vắng mặt trong cuộc họp này (đồng chí Võ Văn Kiệt, Nông Đức Mạnh, Phan Văn Khải), Tiểu ban biên tập thành văn bản dự thảo Chiến lược cán bộ để Bộ Chính trị thảo luận, chuẩn bị trình Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 26-TB/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1997

Về việc triển khai thực hiện quy hoạch khu đô thị mới Bắc Thăng Long - Thủ đô Hà Nội

Ngày 2-1-1997, Thường vụ Bộ Chính trị sau khi nghe Thường vụ Thành ủy Hà Nội báo cáo về việc triển khai thực hiện quy hoạch khu đô thị mới Bắc Thăng Long - Hà Nội và đại diện các ban, ngành liên quan phát biểu bổ sung, đã kết luận về vấn đề này như sau:

1. Quy hoạch khu đô thị Bắc Thăng Long, trong đó dự kiến sẽ xây dựng đồng bộ các khu công nghiệp, các khu dân cư, dịch vụ và nghỉ ngơi, giải trí, đã được Bộ Chính trị tán thành và Thủ tướng Chính phủ ra quyết định phê duyệt. Xây dựng khu đô thị mới Bắc Thăng Long, cũng như một số khu vực khác ở Thủ đô, sẽ góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế Hà Nội, tạo thêm công ăn việc làm và cải thiện đời sống của nhân dân Thủ đô, đồng thời góp phần thúc đẩy sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước.

Vì vậy, cần xúc tiến khẩn trương để các dự án được triển khai xây dựng, sớm hoàn thành và phát huy hiệu

quả. Tuy nhiên việc giải phóng mặt bằng và xây dựng công trình có liên quan đến việc thu hồi ruộng đất và di chuyển nhiều gia đình nhân dân đang sống trong khu vực, cần được tiến hành chu đáo, trên cơ sở làm tốt công tác tuyên truyền, giải thích, vận động quần chúng và thực hiện tốt các chính sách liên quan để nhân dân hiểu rõ, đồng tình và tích cực thực hiện.

2. Việc giải phóng mặt bằng, chuẩn bị xây dựng khu giải trí sân golf tại đầm Vân Trì, xã Kim Nỗ, huyện Đông Anh nằm trong quy hoạch khu đô thị mới Bắc Thăng Long, Hà Nội là một phần của những công việc nói trên và là cần thiết.

Từ cuối năm 1995 đến nay, các cấp, các ngành của thành phố đã có những cố gắng triển khai các nội dung liên quan đến giải phóng mặt bằng để thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ giao đất thực hiện dự án. Tuy nhiên tình hình triển khai thực hiện vừa qua cho thấy các mặt công tác chuẩn bị, đặc biệt là việc giải thích, vận động nhân dân, thi hành chính sách còn chưa đồng bộ, sâu sắc và có những thiếu sót, khiến một số người có đất trong phạm vi dự án chưa thông suốt, đồng tình và tự nguyện giao đất để xây dựng công trình. Một số người đã có những hành vi sai trái gây rối an ninh, trật tự. Lãnh đạo thành phố chỉ đạo xử lý có lúc còn chủ quan, nóng vội. Trong khi đó tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể ở cơ sở chưa phát huy được vai trò lãnh đạo, chỉ đạo, vận động đối với cán bộ, đảng viên và nhân dân.

3. Để xúc tiến thực hiện quyết định của Thủ tướng Chính phủ xây dựng khu đô thị mới Bắc Thăng Long, Hà Nội, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu Thường vụ Thành ủy và Ủy

ban nhân dân thành phố tập trung triển khai ngay những công việc sau:

- Trước mắt, tạm thời giãn thời gian bàn giao mặt bằng sân golf cho chủ dự án tại xã Kim Nỗ; tái lập mọi sinh hoạt bình thường của nhân dân thôn Thọ Đa, xã Kim Nỗ.

- củng cố các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể của xã Kim Nỗ, phát huy vai trò tiên phong gương mẫu của từng cán bộ, đảng viên ở thôn, xã trong việc vận động quần chúng cùng thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước. Thiết lập lại cho được trật tự, kỷ cương trong thôn, xã.

- Kiên trì vận động, tuyên truyền giải thích sâu rộng, dân chủ trong cán bộ và nhân dân về chủ trương, chính sách giải phóng mặt bằng để xây dựng khu vực quy hoạch đô thị mới Bắc Thăng Long, Hà Nội, trong đó có dự án khu giải trí, sân golf ở xã Kim Nỗ.

- Xem xét triển khai đồng thời một dự án khác trong vùng cùng với dự án sân golf, tạo nên sự hài hòa về tâm lý trong nhân dân.

- Lãnh đạo các tổ chức đảng, chính quyền thành phố trực tiếp xuống thôn lắng nghe đầy đủ ý kiến và nguyện vọng chính đáng của nhân dân, thực hiện đúng đắn chính sách đền bù một cách công bằng, công khai, có biện pháp chăm lo giúp đỡ nhân dân địa phương phải di chuyển thu xếp việc làm, ổn định đời sống, ưu tiên thu hút lao động vào làm việc tại các công trình trong dự án...

- Vận động quần chúng đấu tranh với các phần tử quá khích. Phân hóa và nghiêm trị những kẻ xấu cầm đầu kích động những hành vi vi phạm pháp luật, tính mạng của nhân viên thi hành công vụ và tài sản của Nhà nước.

Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu Thường vụ Thành ủy và Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện tốt những nội dung kết luận trên đây, thường xuyên báo cáo kết quả về Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 12-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1997

**VỀ VIỆC TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU QUẢN TRIỆT
và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai
Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII**

Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã thảo luận và thông qua các nghị quyết về định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và nhiệm vụ đến năm 2000.

Việc tổ chức nghiên cứu quản trịet và thực hiện hai nghị quyết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, bảo đảm cho các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ ở nước ta thật sự là "quốc sách hàng đầu" thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển mạnh mẽ, vững chắc theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Để đạt yêu cầu Nghị quyết Trung ương đề ra, các cấp ủy đảng, các ngành, các đoàn thể cần thực hiện thật tốt những việc sau đây:

1. Tổ chức phổ biến và nghiên cứu Nghị quyết

a) Việc phổ biến, nghiên cứu quán triệt nội dung Nghị quyết cần được tiến hành rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân, trước hết tập trung làm thật tốt trong nội bộ Đảng; trong ngành giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ; trong hệ thống các viện nghiên cứu, các trường học; các ngành kinh tế, các tổ chức sản xuất, kinh doanh, các nhà doanh nghiệp; trong giới trí thức, học sinh, sinh viên.

b) Làm cho mọi cấp, mọi ngành, toàn thể cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân hiểu rõ những quan điểm cơ bản của Đảng về vị trí, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa và đến năm 2000; nắm vững những chủ trương, chính sách và các giải pháp bảo đảm cho các lĩnh vực này thật sự là "quốc sách hàng đầu", và thật sự trở thành sự nghiệp của toàn xã hội; nhận thức đầy đủ yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý của Nhà nước, phát huy vai trò tích cực và chủ động của toàn dân trong việc chăm lo sự nghiệp giáo dục, khoa học và công nghệ.

Trên cơ sở đó, các ngành, địa phương và cơ sở liên hệ kiểm điểm, đánh giá tình hình thực tế ở đơn vị mình đồng thời xây dựng kế hoạch, chương trình hành động, xác định biện pháp cụ thể để phát huy thành tựu, khắc phục khuyết điểm, thực hiện tốt nhiệm vụ từ nay đến năm 2000, sớm tạo ra bước chuyển biến tích cực, rõ rệt trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ.

c) Đổi mới phương pháp, hình thức, nâng cao chất lượng và hiệu quả việc phổ biến quán triệt Nghị quyết. Cùng với

việc phổ biến quán triệt phải bàn ngay chương trình hành động, bảo đảm cho tinh thần Nghị quyết thấm sâu đến dân, khơi dậy cho được một phong trào quần chúng chấn hưng sự nghiệp giáo dục, tiến quân mạnh mẽ vào hoạt động khoa học và công nghệ trong thời kỳ mới.

d) Tài liệu chính thức để phổ biến quán triệt là hai nghị quyết và hai bài phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị Trung ương của đồng chí Tổng Bí thư.

Các tỉnh, thành ủy, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng tổ chức phổ biến và nghiên cứu Nghị quyết trong đảng bộ, ngành, đoàn thể mình. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách địa phương nào, ngành nào chịu trách nhiệm phổ biến các nghị quyết trong địa phương mình, ngành mình. Ở những tỉnh mới phân chia địa giới hành chính, đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng là bí thư tỉnh ủy tỉnh cũ có trách nhiệm phổ biến Nghị quyết cho cán bộ các tỉnh mới chia. Bộ Chính trị sẽ cử các đồng chí Ủy viên Trung ương báo cáo Nghị quyết tới các đồng chí lão thành cách mạng và cán bộ ở địa phương mà đồng chí bí thư tỉnh ủy không phải là Ủy viên Trung ương Đảng.

Việc tổ chức quán triệt nội dung Nghị quyết cho lãnh đạo chủ chốt các tỉnh, thành và ban ngành, đoàn thể trực thuộc Trung ương được kết hợp trong lớp nghiên cứu sâu Nghị quyết Đại hội VIII do Bộ Chính trị triệu tập.

Các trường học, viện nghiên cứu đưa nội dung Nghị quyết vào chương trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm biên soạn tài liệu phục vụ đợt học tập, nghiên cứu, hướng dẫn kế hoạch tổ chức triển khai đợt quán triệt Nghị quyết,

chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến rộng rãi trong nhân dân.

2. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn có trách nhiệm lãnh đạo tổ chức thực hiện, đưa Nghị quyết của Trung ương vào cuộc sống một cách tích cực, chủ động và sáng tạo, tập trung vào những vấn đề bức xúc trước mắt nhằm nhanh chóng tạo ra những chuyển biến tiến bộ trong sự nghiệp giáo dục và khoa học công nghệ.

Các cơ quan nhà nước, trước hết là Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường có chương trình hành động tổng thể và trước mắt cần làm ngay để thực hiện Nghị quyết; kiểm điểm sâu sắc những ưu điểm, khuyết điểm trong những năm qua, rút ra những bài học cần thiết nhằm chấn chỉnh và tăng cường công tác quản lý, sớm giải quyết cho được những vấn đề nổi cộm trong nhà trường. Đồng thời phải có kế hoạch nhanh chóng thể chế hóa các định hướng chiến lược giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ thành chiến lược, luật pháp, chính sách.

Các tổ chức kinh tế, xã hội ở từng địa phương, cơ sở xác định chủ trương, biện pháp, bước đi, chương trình hành động cụ thể đến năm 2000 và từng năm và tổ chức thực hiện có hiệu quả.

Nghị quyết Trung ương 2 cần được quán triệt và thể hiện trong kế hoạch và chương trình tổng thể triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội. Trong quá trình thực hiện cần tập trung vào các trọng điểm, làm dứt điểm từng việc, coi trọng công tác kiểm tra,

phổ biến kinh nghiệm hay, kịp thời phát hiện và uốn nắn những sai sót, xử lý đúng đắn các vấn đề mới nảy sinh.

Ban Khoa giáo Trung ương làm đầu mối phối hợp, cùng với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Kinh tế Trung ương, Ban Dân vận Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, giúp Bộ Chính trị hướng dẫn triển khai, đôn đốc, kiểm tra thực hiện, làm cho Nghị quyết thực sự đi vào cuộc sống; đồng thời thường xuyên sơ kết và báo cáo Bộ Chính trị về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUY CHẾ LÀM VIỆC
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ THƯỜNG VỤ
BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 23-QĐ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1997

Căn cứ Điều lệ, Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Bộ Chính trị quyết định Quy chế làm việc của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị như sau:

Chương I

**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Điều 1.

Quyết định những chủ trương, chính sách, biện pháp lớn nhằm thực hiện và kiểm tra việc thực hiện Điều lệ Đảng, nghị quyết của Đại hội, nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương:

1. Kinh tế - xã hội:

Phương hướng, nhiệm vụ, mục tiêu, chủ trương lớn của kế hoạch và ngân sách nhà nước hàng năm (trong đó có các chính sách và cân đối lớn; các chương trình, dự án lớn, danh mục công trình trọng điểm quốc gia).

Chiến lược và quy hoạch phát triển một số ngành, lĩnh vực đặc biệt quan trọng.

Quy hoạch phát triển tổng thể các vùng trong cả nước, các vùng kinh tế trọng điểm, một số thành phố lớn và khu công nghiệp tập trung.

Những chủ trương lớn về xây dựng quan hệ sản xuất, cơ chế quản lý.

Những chủ trương, chính sách kinh tế - xã hội quan trọng, có tác động sâu rộng đến quyền lợi và tình hình tư tưởng của nhiều đối tượng xã hội, những vấn đề đòi hỏi sự phối hợp sức mạnh tổng hợp của Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân để thực hiện.

Chiến lược tổng thể về vay vốn, sử dụng vốn vay và trả nợ.

Một số dự án đầu tư đặc biệt quan trọng có ý nghĩa lớn về kinh tế - xã hội, hoặc có ảnh hưởng lớn đến quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

2. Quyết định những vấn đề có tính chiến lược thuộc các lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, khoa học, giáo dục; lãnh đạo việc bảo vệ và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh; kết luận một số vấn đề lớn về lịch sử có tính chính trị.

3. Có ý kiến chỉ đạo về chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và hàng năm, về các quan điểm, nội dung cơ bản của các dự án luật, một số pháp lệnh, nghị quyết quan trọng của

Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội và một số nghị định quan trọng của Chính phủ (chủ yếu là những nghị định ban hành các chính sách lớn chưa đủ điều kiện xây dựng thành luật, pháp lệnh).

4. Quyết định chủ trương, chính sách lớn về công tác quần chúng, dân tộc, tôn giáo... Chỉ đạo phương hướng, nhiệm vụ hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội.

5. Quyết định chủ trương lớn về xây dựng lực lượng vũ trang và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

6. Quyết định những chủ trương lớn về hoạt động đối ngoại của Đảng và Nhà nước:

Đánh giá, nhận định tình hình quốc tế, khu vực và quan hệ đối ngoại.

Chủ trương thiết lập và chấm dứt quan hệ ngoại giao với các nhà nước; gia nhập và rút khỏi các tổ chức quốc tế quan trọng và phương hướng hoạt động trong các tổ chức đó.

Chủ trương quan trọng về quan hệ giữa Đảng ta với một số đảng trên thế giới.

Chủ trương đàm phán về biên giới, lãnh thổ, chủ quyền đối với tài nguyên quốc gia.

Những vấn đề quan trọng thuộc nội dung đàm phán, ký kết, tuyên bố của nước ta với nước ngoài.

Chủ trương ký kết các điều ước quốc tế quan trọng.

Đăng cai các hội nghị quốc tế cấp nguyên thủ và Chính phủ.

Chương trình hoạt động đối ngoại của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Quốc hội.

7. Quy định quy chế về phân công, phối hợp và phân cấp thẩm quyền quyết định về tổ chức bộ máy của Đảng và của cả hệ thống chính trị.

Quyết định việc thành lập hoặc giải thể các tổ chức đảng và các cơ quan đảng trực thuộc Trung ương. Quy định chức năng nhiệm vụ, tổ chức, và chỉ đạo công tác của các cơ quan nói trên.

Quyết định Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Hướng dẫn việc thực hiện Điều lệ Đảng.

Quyết định chủ trương thành lập, giải thể bộ, cơ quan ngang bộ; các đoàn thể chính trị - xã hội; điều chỉnh địa giới tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Duyệt nội dung chuẩn bị Đại hội các Đảng bộ Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và những đảng bộ khác xét cần thiết.

8. Cử Thường vụ Bộ Chính trị và đồng chí Thường trực Bộ Chính trị. Xác định những nhiệm vụ Bộ Chính trị ủy quyền cho Thường vụ Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị giải quyết; xem xét các quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị.

- Phân công công tác các Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, Ủy viên Bộ Chính trị.

- Quyết định giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể hoặc bố trí, chỉ định, đề bạt, chuẩn y, tạm đình chỉ công tác, miễn nhiệm, kỷ luật và để nghỉ hưu đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị quản lý.

- Chuẩn y hoặc chỉ định các cấp ủy trực thuộc Trung ương.

- Quy định việc khen thưởng trong Đảng.
- Xét việc tặng thưởng Huân chương Sao Vàng cho các tổ chức và cá nhân.

9. Quyết định những chủ trương biện pháp lớn về công tác xây dựng Đảng. Chỉ đạo hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Quyết định các vấn đề về tài chính của Đảng.

10. Quyết định những chủ trương, chính sách mới do tình hình đặt ra giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành Trung ương và báo cáo Ban Chấp hành Trung ương tại phiên họp gần nhất.

Điều 2.

Quyết định chương trình hoạt động hàng năm, hàng quý và hàng tháng của Bộ Chính trị.

Điều 3.

Chỉ đạo chuẩn bị các dự thảo văn kiện và đề án nhân sự Đại hội để trình Ban Chấp hành Trung ương.

Quyết định chuẩn bị và triệu tập hội nghị Ban Chấp hành Trung ương; chỉ đạo việc chuẩn bị các báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết trình hội nghị Trung ương.

Chương II

TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Bộ Chính trị ủy quyền Thường vụ Bộ Chính trị thay mặt Bộ Chính trị giải quyết những công việc sau:

Điều 4.

Quyết định chương trình làm việc hằng tuần của Bộ Chính trị.

Điều 5.

Chỉ đạo chuẩn bị các vấn đề trình Bộ Chính trị: tổ chức và kiểm tra việc chuẩn bị các đề án, trực tiếp nghe trước và cho ý kiến chỉ đạo hoàn chỉnh nội dung một số đề án quan trọng trước khi đưa trình Bộ Chính trị; tổ chức thông tin cho Bộ Chính trị những vấn đề liên quan đến đề án.

Điều 6.

Thường vụ Bộ Chính trị, với sự tham gia của các Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách lĩnh vực, trực tiếp chỉ đạo, xử lý, giải quyết các việc sau:

1. Cho ý kiến về các chủ trương:

- Quy hoạch và phát triển một số ngành, vùng và lĩnh vực quan trọng.

- Một số dự án đầu tư quan trọng về kinh tế - xã hội hoặc có ảnh hưởng đến an ninh, quốc phòng, đối ngoại.

- Những vấn đề quan trọng khác về kinh tế - xã hội do Ban Cán sự Đảng Chính phủ đề nghị hoặc Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu.

2. Định hướng chương trình giáo dục lý luận Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đảng, nhà nước, đoàn thể; chương trình xuất bản các sách chính trị, lý luận nói chung.

Duyệt chương trình nghiên cứu khoa học cấp nhà nước liên quan đến lý luận chính trị và nhân sự chủ trì các chương

trình đó; có ý kiến chỉ đạo việc nghiệm thu và phổ biến kết quả nghiên cứu một số đề tài xét thấy cần thiết.

Lãnh đạo, chỉ đạo những hoạt động quan trọng trong lĩnh vực văn học nghệ thuật.

Định hướng tuyên truyền, thông tin báo chí trong nước và tuyên truyền, thông tin đối ngoại từng thời kỳ và nhân dịp các ngày lễ lớn, các sự kiện đặc biệt quan trọng; đấu tranh chống những luận điệu xuyên tạc và quan điểm sai trái.

Chủ trương lớn về công tác báo chí xuất bản và chỉ đạo xử lý những vấn đề cụ thể trong lĩnh vực này có ảnh hưởng chính trị rộng.

3. Định hướng hoạt động đối với một số hội quần chúng có tính chất chính trị - xã hội hoặc có phạm vi hoạt động và ảnh hưởng xã hội trong toàn quốc.

Chỉ đạo xử lý các vấn đề quan trọng nảy sinh trong công tác dân vận và những "điểm nóng" trong nội bộ nhân dân.

4. Chỉ đạo xử lý những vấn đề và vụ việc quan trọng về chống diễn biến hòa bình.

Chỉ đạo việc xử lý các vụ án quan trọng liên quan đến chính trị, tôn giáo và quan hệ đối ngoại. Nghe báo cáo và có ý kiến về việc khởi tố đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị quản lý; quyết định các biện pháp xử lý về mặt đảng (nếu cần) để tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan pháp luật tiến hành việc điều tra, xét xử.

5. Chỉ đạo xử lý một số vấn đề cụ thể về đối ngoại sau đây:

Việc Nhà nước ta bày tỏ thái độ về các sự kiện quốc tế quan trọng có liên quan đến nước ta. Việc các ngành, đoàn thể tham gia các tổ chức, diễn đàn quốc tế quan trọng; chủ

trương đảng cai các hội nghị quốc tế cấp bộ, ngành, đoàn thể Trung ương tại Việt Nam.

Chủ trương về quan hệ giữa Đảng ta với các đảng trên thế giới; việc ta giúp đỡ, ủng hộ các đảng.

Việc các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương, Phó Chủ tịch nước, Phó Thủ tướng, Phó Chủ tịch Quốc hội và người đứng đầu các đoàn thể chính trị - xã hội đi nước ngoài.

Những chủ trương cụ thể quan trọng khác về đối ngoại do đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách lĩnh vực đề xuất.

6. Xác định chủ trương về việc thành lập, giải thể các cơ quan trực thuộc Chính phủ, các tổ chức kinh tế có vị trí quan trọng; các hội có tính chất chính trị - xã hội.

Chỉ đạo việc chuẩn bị nội dung, nhân sự đại hội các đảng bộ trực thuộc Trung ương, các đoàn thể chính trị - xã hội và các hội có tính chất chính trị - xã hội.

7. Quyết định chức năng, nhiệm vụ bộ máy và quy chế hoạt động của các ban đảng trực thuộc Trung ương trừ Ủy ban Kiểm tra Trung ương, giao nhiệm vụ và kiểm tra hoạt động của các cơ quan đó.

8. Quyết định giới thiệu ứng cử vào các chức vụ lãnh đạo cơ quan nhà nước, đoàn thể hoặc bố trí, chỉ định, đề bạt, chuẩn y, tạm đình chỉ công tác, miễn nhiệm, kỷ luật và đề nghị hưu đối với cán bộ thuộc diện được Bộ Chính trị ủy quyền quản lý.

- Chuẩn y chủ nhiệm và các thành viên ủy ban kiểm tra các đảng bộ trực thuộc.

- Xét việc tặng thưởng Huân chương Hồ Chí Minh hoặc giải thưởng Hồ Chí Minh cho các tổ chức và cá nhân.

9. Ban hành những văn bản chỉ đạo thực hiện các nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương và nghị quyết Bộ Chính trị.

10. Chỉ đạo kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của Đảng.

Điều 7.

Chỉ đạo việc thực hiện chế độ bảo mật trong Đảng.

Điều 8.

Định kỳ hàng tháng báo cáo Bộ Chính trị về những việc chủ yếu Thường vụ Bộ Chính trị đã giải quyết.

Chương III

**TRÁCH NHIỆM VÀ QUYỀN HẠN
CỦA ỦY VIÊN BỘ CHÍNH TRỊ**

Điều 9. Ủy viên Bộ Chính trị

1. Tham gia thảo luận và biểu quyết các quyết định của Bộ Chính trị.

2. Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về tổ chức chỉ đạo thực hiện và kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị trong lĩnh vực hoặc địa bàn công tác được phân công.

3. Đề xuất với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị những vấn đề về đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, trước hết về lĩnh vực được phân công.

4. Chỉ đạo các cơ quan chức năng, các tổ công tác, hội đồng... có liên quan để phối hợp giải quyết công việc của Đảng trên lĩnh vực được phân công. Đối với các vấn đề vượt

quá thẩm quyền, hoặc thấy cần thiết thì đề nghị Thường vụ Bộ Chính trị hoặc Bộ Chính trị xem xét, giải quyết.

5. Cho ý kiến về chương trình công tác và chỉ đạo xử lý các kiến nghị của các ban Đảng thuộc lĩnh vực mình phụ trách.

6. Hàng năm tự phê bình và phê bình trước tập thể Bộ Chính trị về trách nhiệm được phân công.

Điều 10. Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị

1. Tham gia thảo luận và quyết định tập thể những công việc chung của Thường vụ Bộ Chính trị.

2. Chủ trì cùng với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương có liên quan giải quyết những công việc được Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị phân công.

Điều 11. Đồng chí Thường trực Bộ Chính trị

1. Giúp đồng chí Tổng Bí thư giải quyết công việc hàng ngày của Đảng.

2. Chỉ đạo Văn phòng Trung ương cùng các cơ quan liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

3. Chủ trì cùng với các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách lĩnh vực xử lý những việc cần có sự phối hợp, hoặc những việc do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách lĩnh vực đề nghị.

4. Chỉ đạo việc thực hiện chế độ thông tin cho các Ủy viên Trung ương, các cấp ủy đảng về hoạt động của các cơ quan lãnh đạo của Đảng và các thông tin cần thiết khác.

5. Thay mặt Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị ký một số văn bản của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ PHƯƠNG PHÁP CÔNG TÁC

Điều 12.

- Bộ Chính trị làm việc theo chương trình hằng năm, hằng quý, hằng tháng, hằng tuần.

- Mỗi tháng Bộ Chính trị họp 2 lần vào những ngày cuối của tuần thứ nhất và tuần thứ ba của tháng; họp bất thường hoặc có điều chỉnh thời gian họp nói trên khi cần. Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị có trách nhiệm dự đầy đủ các cuộc họp của Bộ Chính trị.

- Bộ Chính trị mỗi năm một lần kiểm điểm tập thể việc lãnh đạo và chỉ đạo thực hiện các nghị quyết của đại hội, của Ban Chấp hành Trung ương và gửi báo cáo tới các Ủy viên Trung ương.

Điều 13.

- Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo chuẩn bị các đề án trình Bộ Chính trị.

- Khi chuẩn bị một số quyết định quan trọng của Bộ Chính trị, cần lấy ý kiến của các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương có liên quan.

- Những đề án quan trọng gửi đến các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị trước cuộc họp ít nhất 3 ngày.

- Nói chung, tại hội nghị chỉ nghe báo cáo những vấn đề quan trọng và còn ý kiến khác nhau, không đọc lại toàn văn đề án, không nghe lại báo cáo của các cơ quan chức năng. Thời gian chủ yếu ở hội nghị dành cho Bộ Chính trị thảo luận. Các đồng chí phát biểu tập trung vào những vấn đề mà hội nghị phải giải quyết, mỗi lượt phát biểu không quá 20 phút.

- Bộ Chính trị biểu quyết bằng hình thức thích hợp đối với những vấn đề quan trọng có ý kiến khác nhau. Đồng chí Tổng Bí thư chủ trì hội nghị kết luận phiên họp. Các kết luận quan trọng được dự thảo gửi các đồng chí trong Bộ Chính trị góp ý kiến trực tiếp vào văn bản. Các quyết định của Bộ Chính trị cần được thông tin tới các đồng chí Ủy viên Trung ương bằng các hình thức thích hợp.

Điều 14.

- Thường vụ Bộ Chính trị họp xử lý công việc hằng tuần.

- Thường vụ Bộ Chính trị mời các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị dự họp về các vấn đề liên quan.

- Chánh Văn phòng Trung ương chịu trách nhiệm thông báo kịp thời ý kiến kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị đến các đơn vị và cá nhân có liên quan để thực hiện.

Điều 15.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách từng lĩnh vực chủ động kiến nghị những vấn đề cần đưa vào chương trình làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị và giải quyết công việc theo phân công; đối với những việc vượt quá thẩm quyền, hoặc xét thấy

cần thiết mới đề nghị Thường vụ Bộ Chính trị hoặc Bộ Chính trị bàn tập thể.

Các ý kiến và quyết định của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách lĩnh vực giải quyết công việc với danh nghĩa Ủy viên Bộ Chính trị, do Chánh Văn phòng Trung ương Đảng thông báo đến các đơn vị và cá nhân có nhiệm vụ thực hiện.

Điều 16.

- Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác tổ chức thay mặt Bộ Chính trị ký: quyết định chuẩn y cấp ủy viên, chủ nhiệm và thành viên ủy ban kiểm tra của các cấp ủy trực thuộc Trung ương; quyết định chỉ định ủy viên ban cán sự đảng, đảng đoàn cơ quan Trung ương; quyết định giới thiệu ứng cử, bổ nhiệm hoặc điều chuyển công tác, nghỉ hưu... đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị ủy quyền Thường vụ Bộ Chính trị quản lý.

- Đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác kiểm tra thay mặt Bộ Chính trị ký: quyết định kỷ luật với hình thức khiển trách, cảnh cáo đối với cán bộ thuộc diện Bộ Chính trị ủy quyền Thường vụ Bộ Chính trị quản lý; quyết định tạm đình chỉ sinh hoạt cấp ủy viên, ủy viên ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương; thông báo giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng đối với những trường hợp Thường vụ Bộ Chính trị đã xem xét.

Các quyết định nói trên đây do các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách công tác tổ chức và công tác kiểm tra ký thay mặt Bộ Chính trị đều đóng dấu Ban Chấp hành Trung

ương và do Văn phòng Trung ương thống nhất đăng ký, phát hành.

Điều 17.

Các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị có trách nhiệm thực hiện nghiêm chỉnh Quy chế này. Cuối mỗi năm Thường vụ Bộ Chính trị báo cáo trước Bộ Chính trị về việc thực hiện Quy chế này trong năm và đề nghị sửa đổi, bổ sung nếu cần.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 29-TB/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1997

Về tổ chức, biên chế và chương trình công tác năm 1997 của Ban Kinh tế Trung ương

Ngày 9-1-1997, sau khi nghe Ban Kinh tế Trung ương báo cáo về tổ chức, biên chế và chương trình công tác của Ban năm 1997, Thường vụ Bộ Chính trị kết luận:

Đảng lãnh đạo toàn diện, trong đó nhiệm vụ trọng tâm là lãnh đạo phát triển nền kinh tế theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, Trung ương Đảng phải có một cơ quan đủ mạnh làm tham mưu chiến lược về kinh tế cho Đảng.

Nhiệm vụ chủ yếu của Ban Kinh tế Trung ương là nghiên cứu, tham mưu đề xuất những vấn đề mang tính chiến lược, những vấn đề thuộc đường lối, chính sách kinh tế lớn của Đảng như: quan hệ sản xuất, vấn đề ruộng đất; liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa; các mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường, giữa quản lý nhà nước về kinh tế và quyền tự chủ sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giữa kinh tế trung ương và kinh tế địa phương...; chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, phát triển

những ngành, lĩnh vực, địa bàn then chốt; vai trò của tổ chức đảng, công đoàn trong doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế; dự báo tình hình phát triển kinh tế thế giới, kinh tế khu vực; kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng trên các lĩnh vực kinh tế, tổng kết kinh nghiệm tốt cần phát huy, phát hiện lệch lạc cần uốn nắn và kiến nghị với Bộ Chính trị, với Trung ương những vấn đề về đường lối, chính sách, chủ trương, biện pháp lớn...

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội VIII, Chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương và phương hướng trên đây, Ban cần xây dựng chương trình nghiên cứu những vấn đề lớn đến năm 2000, trên cơ sở đó, đề ra chương trình công tác hàng năm, 6 tháng... Ngay từ bây giờ cần phải tổ chức nghiên cứu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội những năm 2001 - 2010, chuẩn bị trình Đại hội IX của Đảng.

Tổ chức của Ban không cần đông, không tăng biên chế, nhưng Ban cần bổ sung cán bộ giỏi, có trình độ nghiên cứu và tổ chức, để Ban đủ sức chủ trì nghiên cứu hoặc tổng hợp kết quả nghiên cứu những vấn đề lớn về kinh tế - xã hội tham mưu cho Trung ương, Bộ Chính trị. Ngoài cán bộ chuyên trách, Ban cần có một số đồng chí lãnh đạo Ban bán chuyên trách là cán bộ lãnh đạo, chuyên gia đầu ngành của các bộ và cơ quan nhà nước về kinh tế kiêm nhiệm. Khi Ban chủ trì chuẩn bị những đề án lớn, có thể huy động rộng rãi lực lượng của các ngành, viện... tham gia nghiên cứu.

Theo tinh thần trên, Ban Kinh tế cần nghiên cứu kiến nghị bổ sung Quyết định về chức năng, nhiệm vụ của Ban; ban hành Quy chế về các mối quan hệ giữa Ban Kinh tế với

các ban cán sự, đảng đoàn, đảng ủy khối trong khối kinh tế... để Ban có điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ được giao.

Ban kinh tế cần tham gia cùng các ban chức năng có liên quan nghiên cứu đề xuất về chính sách khuyến khích cán bộ về công tác ở các ban đảng và khuyến khích, khen thưởng đối với những cán bộ, chuyên gia làm việc có hiệu quả cao, có đóng góp xứng đáng vào việc xây dựng các đề án về đường lối, chính sách của Đảng.

Thừa lệnh Thường vụ Bộ Chính trị, xin thông báo các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO QUYẾT ĐỊNH CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 30-TB/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1997

Về việc tổ chức nghiên cứu tổng kết thực tiễn một số vấn đề kinh tế quan trọng

Để góp phần triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, Thường vụ Bộ Chính trị trong cuộc họp ngày 20-1-1997 với lãnh đạo Ban Kinh tế Trung ương, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Ban Tổ chức Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội, Viện Nghiên cứu quản lý kinh tế Trung ương, đã quyết định giao cho **Ban Kinh tế Trung ương chủ trì tổ chức nghiên cứu tổng kết thực tiễn một số vấn đề kinh tế quan trọng sau đây** trong đường lối phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta:

1. Tình hình phát triển kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần.
2. Tình hình phát triển kinh tế hợp tác và thực hiện công nông liên minh về kinh tế.
3. Tình hình phát triển kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta.

4. Tình hình giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu trên bộ (chủ yếu là các cửa khẩu ở phía Bắc), kết quả tích cực và những tác động tiêu cực.

5. Tình hình phát triển kinh tế biển.

Mục đích, yêu cầu của việc nghiên cứu tổng kết thực tiễn các vấn đề trên là:

- Đánh giá đúng thực trạng, những thành tựu (những mặt được) và những tồn tại yếu kém (chưa được, chưa thành công) về các mặt trên đây sau 10 năm đổi mới.

- Phân tích rõ, cụ thể nguyên nhân (khách quan, chủ quan) của những thành tựu, tồn tại và yếu kém của từng vấn đề.

- Kiến nghị chủ trương, chính sách, cơ chế, biện pháp nhằm thúc đẩy phát triển trong thời kỳ 1996 - 2000 và trong thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhằm mục đích đó, nay thành lập các tổ công tác và chỉ định các đồng chí có tên dưới đây làm Tổ trưởng các tổ công tác:

Tổ 1: Nghiên cứu tổng kết tình hình phát triển kinh tế biển, do đồng chí Nguyễn Tấn Trinh, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Kinh tế Trung ương làm tổ trưởng.

Tổ 2: Nghiên cứu tổng kết tình hình giao lưu kinh tế với bên ngoài qua các cửa khẩu trên bộ, do đồng chí Bùi Danh Lưu, Phó Trưởng ban Kinh tế Trung ương làm tổ trưởng.

Tổ 3: Nghiên cứu tổng kết tình hình phát triển kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế tư bản tư nhân, do đồng chí Đỗ Hoài Nam, Phó Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia làm tổ trưởng.

Tổ 4: Nghiên cứu tổng kết tình hình phát triển kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, do đồng chí Ngô Đình Giao, Giáo sư, Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kinh tế quốc dân Hà Nội làm tổ trưởng.

Tổ 5: Nghiên cứu tổng kết tình hình phát triển kinh tế hợp tác và liên minh công nông về kinh tế do đồng chí Nguyễn Văn Nam, Trợ lý Tổng Bí thư làm tổ trưởng.

Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Trưởng ban Kinh tế Trung ương, trực tiếp chỉ đạo các tổ công tác.

Ban cán sự đảng các bộ, ngành, các viện nghiên cứu, các trường đại học và các tỉnh ủy, thành ủy có liên quan cử cán bộ có năng lực, am hiểu vấn đề tham gia vào các tổ công tác, cung cấp tài liệu và tạo điều kiện để các tổ công tác đến nghiên cứu, khảo sát thực tiễn ở ngành và địa phương.

Kinh phí bảo đảm cho việc nghiên cứu này lấy từ kinh phí nghiên cứu khoa học của Nhà nước. Ban Kinh tế Trung ương lập dự trù kinh phí, làm việc với Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, bảo đảm các điều kiện tài chính cho công tác đột xuất này.

Thừa lệnh Thường vụ Bộ Chính trị, Văn phòng Trung ương xin thông báo để các cơ quan có liên quan biết và thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 37-TB/TW, ngày 27 tháng 1 năm 1997

VỀ DỰ ÁN LIÊN DOANH VỚI XINGAPO XÂY DỰNG KHU DU LỊCH ĐÀ LẠT - ĐAN KIA (SUỐI VÀNG) TỈNH LÂM ĐỒNG

Ngày 10-12-1996, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Tỉnh ủy Lâm Đồng và Tổng cục Du lịch báo cáo về dự án liên doanh với Xingapo xây dựng khu Du lịch Đà Lạt - Đan Kia (Suối Vàng) thuộc tỉnh Lâm Đồng. Ngày 26-12-1996, đồng chí Tổng Bí thư đã nghe đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Lâm Đồng báo cáo, giải trình một số vấn đề mà Thường vụ Bộ Chính trị nêu ra trong phiên họp ngày 10-12-1996. Đồng chí Tổng Bí thư có ý kiến như sau:

1. Về chủ trương, đồng ý cho tỉnh Lâm Đồng triển khai dự án liên doanh khu du lịch Đà Lạt - Đan Kia (Suối Vàng) với Xingapo. Trong quá trình thực hiện dự án cần lưu ý việc sử dụng hợp lý đất đai, tăng cường bảo vệ và trồng rừng đầu nguồn, bảo tồn thiên nhiên, giữ gìn môi trường sinh thái trong khu vực dự án. Việc mở rộng hoạt động khu du lịch phải đi đôi với việc giải quyết tốt vấn đề lao động trong khu vực. Tỉnh cần có quy hoạch cụ thể các vùng chuyên canh để

cung cấp thực phẩm cho khu du lịch, đồng thời tổ chức tốt các hoạt động dịch vụ khác cho khu du lịch để thúc đẩy sự phát triển tổng hợp cả trong và ngoài khu vực dự án.

2. Đây là một dự án lớn, thời gian hoạt động dài, ta cần chủ động tính toán kỹ lợi ích của phía Việt Nam bằng cách nâng cao dần tỷ lệ góp vốn của phía Việt Nam ở giai đoạn II, thông qua huy động vốn trong nội bộ nền kinh tế và sử dụng ngay tiền cho thuê đất và tiền lãi do liên doanh đem lại để góp vốn. Mặt khác, tỉnh phải cùng với đối tác xây dựng quy hoạch tổng thể nhằm tạo ra sự phát triển đồng bộ hài hòa giữa khu vực dự án và khu Đà Lạt cũ hiện nay, trong một số quần thể du lịch hiện đại của thành phố Đà Lạt.

3. Về thời hạn của hợp đồng liên doanh, theo Luật đất đai Việt Nam, việc giao đất liên doanh trên 50 năm phải được Thường vụ Quốc hội xem xét quyết định; trước mắt chỉ cấp giấy phép hoạt động 50 năm, nếu liên doanh hoạt động có hiệu quả sẽ xem xét gia hạn sau.

Trường hợp phía đối tác không chấp nhận thời hạn 50 năm, đề nghị Thủ tướng Chính phủ đàm phán với Thủ tướng Xingapo để tranh thủ sự ủng hộ về thời hạn này.

Xin thông báo để các cơ quan biết.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 33-TB/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1997

Về công tác của Ban Khoa giáo Trung ương

Trong phiên họp ngày 21-12-1996, sau khi nghe Ban Khoa giáo Trung ương báo cáo về tình hình tổ chức và chương trình công tác năm 1997 của Ban, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Chức năng và nhiệm vụ chủ yếu của Ban Khoa giáo Trung ương là nghiên cứu, tham mưu những vấn đề ở tầm chiến lược, giúp Trung ương hoạch định đường lối, chính sách lớn về công tác khoa giáo. Ban phải tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực công tác khoa giáo, phát hiện và đề xuất kịp thời với Thường vụ Bộ Chính trị các vấn đề cần phải chỉ đạo trong quá trình thực hiện; chú trọng bảo vệ đường lối, quan điểm của Đảng, nhất là trong lĩnh vực khoa học xã hội.

2. Về tổ chức, giữ nguyên mô hình hiện nay. Ở Trung ương có Ban Khoa giáo Trung ương, ở các tỉnh ủy, thành

ủy có Ban Tuyên giáo hoặc Ban Khoa giáo. Cần củng cố đội ngũ cán bộ của Ban đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ. Nghiên cứu hình thức tổ chức và quy chế làm việc thích hợp để phát huy khả năng của các đồng chí Ủy viên Trung ương, các đồng chí bí thư ban cán sự các ngành trong khối tham gia vào công việc của Ban (có thể là ủy viên ban kiêm chức, tham gia các hội đồng do Ban thành lập). Các ban tuyên giáo hoặc khoa giáo các tỉnh, thành ủy cũng cần thực hiện theo tinh thần trên.

3. Về chương trình công tác năm 1997 của Ban: Thường vụ Bộ Chính trị đồng ý với các nội dung công tác Ban đã trình và lưu ý Ban cần coi trọng việc hướng dẫn và kiểm tra các cấp, các ngành triển khai Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII); giúp Thường vụ Bộ Chính trị chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ.

Hiện nay, Thường vụ Bộ Chính trị đang chỉ đạo các cơ quan có trách nhiệm tổng kết các chuyên đề:

- Tình hình phát triển kinh tế nhà nước, doanh nghiệp nhà nước trong nền kinh tế nhiều thành phần.
- Tình hình phát triển kinh tế hợp tác và thực hiện công - nông liên minh về kinh tế.
- Tình hình phát triển kinh tế tư bản nhà nước và kinh tế tư bản tư nhân ở nước ta.
- Tình hình giao lưu với bên ngoài qua các cửa khẩu trên bộ, kết quả tích cực và những tác động tiêu cực.
- Kinh tế biển.

Ban Khoa giáo Trung ương cần có kế hoạch tham gia công tác tổng kết và nghiên cứu khoa học về các vấn đề trên.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 34-TB/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1997

**Về việc xây dựng nhà nghỉ cho cán bộ cách mạng
lão thành**

Ngày 28-1-1997, sau khi nghe báo cáo của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương về việc xây dựng nhà nghỉ cho cán bộ cách mạng lão thành thay nhà nghỉ Vĩnh Yên đã chuyển giao để làm trụ sở Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Xây dựng nhà nghỉ mới, với quy mô tương tự như nhà nghỉ Vĩnh Yên để cán bộ cách mạng lão thành trong cả nước tiếp tục có nơi nghỉ dưỡng là cần thiết.

Về địa điểm nhà nghỉ mới, sử dụng khu vực Trường Cơ yếu cũ thuộc Ban Cơ yếu Chính phủ ở Đại Lải (nay Trường đã chuyển về Hà Nội).

Kinh phí xây dựng do Thủ tướng Chính phủ quyết định trên cơ sở quy hoạch, kế hoạch, thiết kế và dự toán cụ thể.

Xin thông báo để các cơ quan có liên quan biết và thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 32-TB/TW, ngày 1 tháng 2 năm 1997
Về công tác của Ban Nội chính Trung ương

Trong phiên họp ngày 21-12-1996, sau khi nghe Ban Nội chính Trung ương báo cáo về tổ chức nhân sự và chương trình công tác năm 1997 của Ban, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đảng ta là đảng cầm quyền, là đảng duy nhất lãnh đạo đất nước. Đảng phải chăm lo xây dựng Nhà nước để Nhà nước luôn giữ vững bản chất Nhà nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân. Trước tình hình và nhiệm vụ của đất nước bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vấn đề củng cố và tăng cường Nhà nước càng phải được Đảng quan tâm lãnh đạo.

Vì vậy, Đảng phải có tổ chức đủ mạnh để tham mưu ở tầm chiến lược, đề xuất với Trung ương, Bộ Chính trị những vấn đề có tính đường lối về nhà nước và pháp luật như: bản chất giai cấp của Nhà nước; xây dựng và hoàn thiện tổ chức bộ máy nhà nước vững mạnh, nâng cao hiệu lực và hiệu quả

điều hành phù hợp với quá trình phát triển kinh tế trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; công tác xây dựng pháp luật, công tác an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, giữ vững ổn định chính trị; phát huy quyền dân chủ của nhân dân tham gia công việc của Nhà nước trên cả hai hình thức: dân chủ trực tiếp và dân chủ đại diện; phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp...

Với chức năng, nhiệm vụ như trên, khái niệm Ban Nội chính như hiện nay là hẹp và tổ chức bộ máy, cán bộ của Ban chưa đáp ứng được yêu cầu.

Theo tinh thần trên, Ban Nội chính Trung ương chuẩn bị lại đề án tổ chức của Ban (gắn với việc chuẩn bị Hội nghị Trung ương 3), xác định rõ chức năng, nhiệm vụ, tổ chức của Ban; nghiên cứu xem bên cạnh Ban có nên tổ chức hội đồng không; xem xét việc đổi lại tên Ban cho phù hợp, cân nhắc xem có thể gọi là Ban Nhà nước và pháp luật không.

2. Trước mắt, giữ nguyên tổ chức và chức năng, nhiệm vụ của Ban Nội chính như Quyết định số 17 của Ban Bí thư (Khóa VII); giữ nguyên tổ chức nội chính ở các tỉnh ủy, thành ủy như hiện có.

3. Về chương trình công tác năm 1997 của Ban, Thường vụ Bộ Chính trị nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau đây:

- Tập trung cho công tác chuẩn bị và thẩm định đề án trình Hội nghị Trung ương 3 về vấn đề nhà nước; theo dõi và đề xuất với Bộ Chính trị trong công tác lãnh đạo việc bầu cử Quốc hội khóa X.

- Nâng cao chất lượng tham mưu về công tác xây dựng pháp luật, xác định rõ quy trình Đảng lãnh đạo công tác xây

dựng pháp luật để bảo đảm sự lãnh đạo chặt chẽ của Bộ Chính trị trong công tác này.

- Cần quan tâm đến việc theo dõi tình hình an ninh trên các lĩnh vực, xác định rõ quy chế thông tin phù hợp giữa các ngành an ninh, quốc phòng đối với Ban Nội chính. Ban cần tăng cường theo dõi công tác nội chính địa phương.

- Trên cơ sở kinh nghiệm kiểm tra ngành kiểm sát, Ban cần nâng cao chất lượng công tác kiểm tra và đưa vào hoạt động thường xuyên. Tăng cường công tác kiểm tra các ngành trong Khối trong việc chấp hành quan điểm, đường lối của Đảng.

- Về biên chế của Ban, giữ nguyên như hiện nay, tăng thêm 2 phó ban (1 phó ban theo dõi các tỉnh phía Nam).

TL THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**
Số 25-QĐ/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997
**Về việc xuất bản công khai bộ
Toàn tập văn kiện Đảng**

- Căn cứ ý kiến của Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư khóa VII (Công văn số 569-CV/VPTW ngày 23-6-1995) về việc xuất bản Toàn tập văn kiện Đảng;

- Căn cứ Quyết định số 101-QĐ/TW ngày 12-10-1995 của Ban Bí thư Trung ương về việc thành lập Hội đồng và Ban chỉ đạo xuất bản Toàn tập văn kiện Đảng khóa VII (dưới đây gọi tắt là Hội đồng và Ban chỉ đạo);

- Căn cứ đề nghị của Hội đồng xuất bản Toàn tập văn kiện Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

1. Xúc tiến xuất bản Toàn tập văn kiện Đảng từ những tổ chức tiền thân tới nay.

2. Việc xuất bản Toàn tập văn kiện Đảng cần đạt những mục đích, yêu cầu sau đây:

Mục đích:

- Sưu tầm, xác minh và xuất bản tương đối đầy đủ bộ Toàn tập văn kiện Đảng, nhằm góp phần phản ánh một cách khách quan quá trình hình thành, phát triển của Đảng và tiến trình cách mạng Việt Nam do Đảng lãnh đạo; qua đó góp phần làm sáng tỏ bản chất cách mạng, sáng tạo của Đảng ta, vai trò và công lao to lớn của Đảng trong lịch sử cách mạng của dân tộc, những bài học kinh nghiệm có thể rút ra qua những thành tựu, thắng lợi và cả sai lầm, vấp vấp của Đảng qua các chặng đường lịch sử của cách mạng.

- Giúp lãnh đạo Đảng đúc rút kinh nghiệm, bài học để kế thừa, bổ sung và phát triển đường lối của Đảng phù hợp với yêu cầu giai đoạn cách mạng mới.

- Cung cấp những tư liệu lịch sử xác thực và có hệ thống cho công tác nghiên cứu lý luận, nghiên cứu biên soạn lịch sử Đảng, tuyên truyền, giáo dục và bồi dưỡng cán bộ, đảng viên, nhân dân, nhất là thế hệ trẻ về truyền thống cách mạng của Đảng, của dân tộc.

- Góp phần cung cấp chứng cứ tin cậy để thông tin chân thực trong Đảng và trong nhân dân về các sự kiện lịch sử, bác bỏ những thông tin không đúng, sai trái, đấu tranh chống lại các luận điệu xuyên tạc lịch sử, vu khống Đảng.

- Cung cấp tư liệu lịch sử Đảng dùng cho việc giới thiệu với bạn bè quốc tế về lịch sử vẻ vang và bài học kinh nghiệm của Đảng ta.

Yêu cầu:

Việc công bố Toàn tập văn kiện Đảng phải quán triệt các yêu cầu: trung thực, chính xác, khách quan; tương đối đầy

đủ, toàn diện, có hệ thống; đảm bảo tính khoa học và tính chính trị chặt chẽ.

3. Phạm vi xuất bản văn kiện:

- Văn kiện Đảng được chuẩn bị xuất bản lần này mang tính liên tục từ các tổ chức tiền thân của Đảng đến năm 1995, gồm:

+ Tài liệu về các tổ chức tiền thân của Đảng.

+ Tài liệu về các Đại hội đại biểu toàn quốc, Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ của Đảng.

+ Tài liệu của các hội nghị Trung ương.

+ Các tài liệu của Thường vụ Trung ương Đảng, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường trực Bộ Chính trị - Ban Bí thư, Thường vụ Bộ Chính trị...

+ Một số tài liệu lịch sử quan trọng khác.

- Các tập văn kiện Đảng sẽ xuất bản theo trình tự thời gian từ xa tới gần, từ các tổ chức tiền thân của Đảng đến ngày nay, có phân ra từng thời kỳ.

- Trong thời gian từ nay đến cuối năm 1999 cần xây dựng xong toàn bộ dự thảo bộ Toàn tập văn kiện Đảng đến năm 1995 và xuất bản xong tất cả những tập có thể cho xuất bản công khai vào lúc đó.

Các văn kiện chưa hết thời hạn giải mật sẽ để lại công bố sau vào thời gian thích hợp.

Theo tinh thần trên đây, Hội đồng xuất bản cần tổ chức xét duyệt và chỉ đạo hoàn chỉnh dự thảo các tập văn kiện Đảng thời kỳ 1986 - 1995 mà đến nay đã được dự thảo xong, nhưng tạm thời chưa xuất bản công khai các tập văn kiện nói trên.

4. Kiện toàn Hội đồng xuất bản Toàn tập văn kiện Đảng như danh sách kèm theo. Hội đồng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc xuất bản bộ Toàn tập văn kiện Đảng, trực tiếp xét duyệt các bản thảo, xác định những vấn đề cần xin ý kiến Bộ Chính trị quyết định liên quan đến việc xuất bản và phát hành các tập văn kiện Đảng.

Kiện toàn **Ban chỉ đạo xây dựng bản thảo Toàn tập văn kiện Đảng** như danh sách kèm theo. Ban chỉ đạo chịu trách nhiệm trực tiếp lập kế hoạch và tổ chức thực hiện kế hoạch soạn thảo các tập văn kiện Đảng trình Hội đồng xét duyệt.

5. Cục Lưu trữ thuộc Văn phòng Trung ương Đảng chịu trách nhiệm chính về cung cấp tư liệu. Ban Tổ chức Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương, các cơ quan an ninh, quốc phòng, đối ngoại... cử người giúp Ban chỉ đạo khi cần thiết trong việc sưu tầm, cung cấp và thẩm định văn kiện, tài liệu liên quan.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương cấp kinh phí dùng cho việc soạn thảo và xuất bản Toàn tập văn kiện Đảng.

6. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Những quy định trước đây trái với Quyết định này, nay hủy bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

DANH SÁCH
HỘI ĐỒNG XUẤT BẢN TOÀN TẬP VĂN KIẾN ĐẢNG
VÀ BAN CHỈ ĐẠO XÂY DỰNG BẢN THẢO
(Ban hành kèm theo Quyết định số 25-QĐ/TW,
ngày 3-2-1997)

**1. Danh sách Hội đồng xuất bản Toàn tập văn
kiện Đảng**

- Lê Khả Phiêu, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng.
- Nguyễn Đức Bình, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng.
- Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng.
- Nguyễn Hữu Thọ, Ủy viên Hội đồng.
- Phan Diễn, Ủy viên Hội đồng.
- Nguyễn Duy Quý, Ủy viên Hội đồng.
- Hà Đăng, Ủy viên Hội đồng.
- Đặng Xuân Kỳ, Ủy viên Hội đồng.
- Lê Hai, Ủy viên Hội đồng.
- Trần Nhâm, Ủy viên Hội đồng.
- Vũ Hữu Ngoạn, Ủy viên Hội đồng.
- Trần Đình Nghiêm, Ủy viên Hội đồng.
- Nguyễn Văn Lan, Ủy viên Hội đồng.

2. Danh sách Ban chỉ đạo xây dựng bản thảo

- Phan Diễn, Trưởng ban.
- Hà Đăng, Phó Trưởng ban.
- Vũ Hữu Ngoạn, Thường trực.
- Trần Đình Nghiêm, thành viên.
- Nguyễn Văn Lan, thành viên.
- Trịnh Nhu, thành viên.
- Nguyễn Phúc Khánh, thành viên.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 36-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997
Về tổng kết sản xuất, kinh doanh của
Quân đội và Công an

Trong phiên họp ngày 28-1-1997, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ chỉ đạo việc tổng kết, đánh giá hiệu quả sản xuất, kinh doanh của các đơn vị làm kinh tế trực thuộc Bộ Quốc phòng và Bộ Nội vụ.

Phân công đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị làm việc với đại diện lãnh đạo của hai Bộ về kế hoạch tiến hành tổng kết, chuẩn bị báo cáo với Thường vụ Bộ Chính trị tình hình và phương hướng thực hiện nhiệm vụ làm kinh tế của Quân đội và Công an.

Xin thông báo để hai Bộ biết và thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 CHÁNH VĂN PHÒNG
 PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 38-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997
Về một số công tác của
Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương

Ngày 9-1-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã làm việc với lãnh đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương về chương trình, nội dung công tác tư tưởng văn hóa năm 1997 và đến năm 2000. Thường vụ Bộ Chính trị thông qua đề án của Ban và nhấn mạnh mấy ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về tổ chức cán bộ

- Để thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ của mình, *Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cần hết sức coi trọng việc tổng kết lý luận, thực tiễn công tác tư tưởng văn hóa; cụ thể hóa chức năng tham mưu, chỉ đạo tác chiến và kiểm tra trong thời kỳ phát triển mới của đất nước.*

- Đồng ý cử một Phó Trưởng ban phụ trách phía Nam thay đồng chí Lê Thanh Nhân nghỉ hưu. Cần tuyển dụng những cán bộ giỏi để bổ sung cán bộ cho Ban.

- Ban phải có chiến lược đào tạo cán bộ tư tưởng văn hóa dài hạn và ngắn hạn. Chú ý cán bộ tuyên truyền miệng, báo

chí, đặc biệt là bình luận viên chính trị trên các báo, đài. Mở các lớp tập huấn định kỳ cho lãnh đạo ban tuyên giáo các tỉnh, thành và quận, huyện về lý luận và nghiệp vụ công tác tư tưởng - văn hóa.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa có trách nhiệm phối hợp với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh trong việc xác định, thông qua, kiểm tra nội dung, chương trình đào tạo, tiêu chuẩn, đối tượng tuyển sinh nhằm đào tạo những cán bộ cốt cán trên lĩnh vực báo chí, tư tưởng và tuyên truyền tại Phân viện Báo chí - Tuyên truyền.

- Xuất phát từ tính chất của nhiệm vụ chính trị và các mối quan hệ chức năng, cần chuyển Đảng bộ Phân viện Báo chí - Tuyên truyền về sinh hoạt tại Khối cơ quan Trung ương về công tác tư tưởng.

- Ban cần khẩn trương chỉ đạo việc thành lập và củng cố trung tâm bồi dưỡng chính trị cấp huyện để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cơ sở. Việc này đã có Quyết định 100 của Ban Bí thư (khóa VII), Nhà nước cấp kinh phí hoạt động và có thể huy động thêm các nguồn lực khác cho hoạt động của Trung tâm.

- Quan tâm xây dựng và củng cố đội ngũ cán bộ làm công tác tư tưởng, văn hóa ở cơ sở.

2. Về nghị quyết của Trung ương, các chỉ thị và nghị quyết của Bộ Chính trị sẽ được ban hành

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì cùng với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin, Đảng đoàn Liên hiệp văn học nghệ thuật, Ban Cán sự Đảng Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia, Học viện Chính trị Quốc

gia Hồ Chí Minh chuẩn bị Nghị quyết Trung ương 5 về: "Chiến lược xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc".

- Chuẩn bị trình một số văn bản chỉ đạo của Bộ Chính trị về củng cố và tăng cường công tác tư tưởng - văn hóa - thông tin ở cơ sở; về tăng cường lãnh đạo và quản lý báo chí - xuất bản trong tình hình hiện nay; về công tác giáo dục lý luận chính trị cho đảng viên dân tộc thiểu số; về giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, lịch sử Đảng, lịch sử dân tộc trong các hệ thống nhà trường; về công tác tuyên truyền miệng; về tăng cường công tác thông tin đối ngoại; về chế độ học tập của đảng viên; về kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười, 150 năm Tuyên ngôn Đảng Cộng sản và những ngày lễ lớn năm 2000.

- Trình Bộ Chính trị: Phác thảo chiến lược đấu tranh chống diễn biến hòa bình trên mặt trận tư tưởng - văn hóa.

3. Về một số vấn đề chỉ đạo công tác tư tưởng - văn hóa

- Ban Tư tưởng - Văn hóa có nhiệm vụ giúp Bộ Chính trị thẩm định các đề án của Đảng đoàn các hội văn học nghệ thuật trước khi trình Bộ Chính trị.

- Ban phải chỉ đạo, tổ chức lực lượng tiến công địch chủ động, liên tục và có hiệu quả trên mặt trận chính trị tư tưởng. Cần chú ý các vấn đề sau:

+ Thu thập đầy đủ thông tin, tổng hợp, phân tích sâu sắc, kịp thời và phê phán sắc bén nội dung các tài liệu, các luận điểm chống đối. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương *lập một tổ chuyên trách* để theo dõi, phân tích tổ chức lực lượng tác chiến cụ thể trên lĩnh vực này.

+ Tăng cường giáo dục ý thức cảnh giác cách mạng trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Dựa vào quần chúng, sử dụng các lực lượng quần chúng có tổ chức tham gia vạch trần những luận điệu giả dối, xuyên tạc, đả kích của các phần tử xấu và dùng nhiều hình thức đấu tranh: đối thoại, đấu tranh trực diện của quần chúng, sinh hoạt Đảng và đoàn thể, thông qua các phương tiện thông tin đại chúng, tổ chức lực lượng tuyên truyền miệng. Lấy "dân trị" trước, "pháp trị" sau hoặc kết hợp cả hai là tùy trường hợp cụ thể nhưng nâng cao ý thức chính trị và sức mạnh của quần chúng luôn là điều căn bản.

+ Có dự báo về âm mưu của địch chống phá tư tưởng, chính trị trong từng thời gian và các biện pháp chủ động tiến công của ta.

+ Nhà nước sớm có văn bản quy định về in ấn, sử dụng điện thoại ra nước ngoài, FAX, mạng internet.

+ Rà soát, sắp xếp lại báo chí theo tinh thần Chỉ thị 08 Ban Bí thư khóa VII, chấn chỉnh ngay việc quảng cáo trên báo chí, truyền hình. Hiện nay quảng cáo quá nhiều, có những hình ảnh không phù hợp với thuần phong mỹ tục Việt Nam. Trên mặt báo cần thực hiện phê bình báo chí để nâng cao chất lượng, nội dung chính trị, tư tưởng của báo chí.

+ Ban Tư tưởng - Văn hóa cần tổ chức lực lượng cộng tác viên đọc và kiểm tra nội dung sách báo, phát hiện kịp thời những sai sót, lệch lạc về quan điểm tư tưởng; phối hợp với lãnh đạo đảng các địa phương, với lãnh đạo cơ quan chủ quản của báo, nhà xuất bản để kịp thời uốn nắn và xử lý nghiêm túc.

- Đồng ý để Ban cử đoàn cán bộ đi Cuba nghiên cứu kinh nghiệm đấu tranh chống hoạt động phá hoại của đài, báo thù địch.

Xin thông báo để các đồng chí biết và thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 39-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997

Về công tác của Ban Tổ chức Trung ương

Tại phiên họp ngày 21-1-1997, sau khi nghe các đồng chí lãnh đạo Ban Tổ chức Trung ương báo cáo về tình hình tổ chức, cán bộ, chương trình công tác của Ban Tổ chức Trung ương năm 1997, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Về các công tác trọng tâm, ngoài những việc Ban đã báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương:

1. Tổ chức điều tra khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên, qua đó đánh giá bản chất giai cấp của Đảng và chất lượng tổ chức cơ sở đảng hiện nay.

Chú ý:

- Huy động các nhà khoa học, các cán bộ có trình độ các cấp ủy tỉnh, thành tham gia nghiên cứu, khảo sát, đi sâu vào bản chất của vấn đề; tránh làm hình thức.

- Khảo sát các dạng sử dụng lao động thuê mướn của một bộ phận đảng viên hiện nay với những biểu hiện bóc lột lao

động như thế nào; tổng kết tình hình đảng viên làm kinh tế tư nhân; tình hình cơ cấu đội ngũ đảng viên, phân loại đảng viên, làm rõ số đảng viên thoái hóa biến chất, đảng viên có trình độ năng lực hạn chế, hoặc đảng viên già yếu... Xác định rõ những cơ sở "trắng", không có đảng viên.

- Khảo sát, đánh giá thực trạng hình thức tổ chức đảng trong hệ thống doanh nghiệp nhà nước, đặc biệt của các tổng công ty mạnh, đánh giá sức chiến đấu và vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng trong các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân, liên doanh, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài và các đơn vị sự nghiệp.

- Đề xuất các chủ trương giải quyết.

2. Dự thảo chỉ thị phát triển đảng trong các trường học.

3. Nghiên cứu làm rõ tổ chức đảng bộ khối, đảng bộ theo ngành dọc.

Về tổ chức, bộ máy của Ban Tổ chức Trung ương:

- Đảng thống nhất quản lý cán bộ. Cơ quan chịu trách nhiệm trước Đảng làm công tác cán bộ là Ban Tổ chức Trung ương và ban tổ chức của Đảng ở các cấp.

- Ban Tổ chức Trung ương là cơ quan tham mưu chiến lược cho Trung ương và Bộ Chính trị về công tác tổ chức, cán bộ, có vai trò chỉ đạo hướng dẫn đối với các cấp, các ban, các cơ quan nhà nước, đoàn thể về công tác tổ chức cán bộ. Trong Ban Tổ chức Trung ương cần có đủ các bộ phận nghiên cứu, theo dõi công tác tổ chức quản lý cán bộ và chính sách cán bộ các cơ quan đảng, Nhà nước, đoàn thể ở Trung ương và các địa phương. Đồng thời phải làm rõ hơn hình thức tổ chức huy

động được các đồng chí Ủy viên Trung ương và các chuyên gia có liên quan tham gia nghiên cứu và đề xuất các chủ trương chiến lược về công tác tổ chức và cán bộ (hội đồng hoặc tiểu ban...).

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 44-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997

**Về vấn đề quản lý, thiết lập, sử dụng mạng internet
thực nghiệm ở Việt Nam**

Ngày 28-1-1997, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các ngành có liên quan báo cáo về việc chuẩn bị ban hành quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng internet thực nghiệm ở Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Đồng ý việc sử dụng mạng internet ở Việt Nam, song cần lưu ý giáo dục rộng rãi cho cán bộ, nhân dân hiểu được cái lợi, cái hại của việc sử dụng internet, để tự giác chấp hành và có ý thức ngăn chặn những trường hợp vi phạm; đảm bảo sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, đảm bảo bí mật quốc gia.

Cần quy định tiêu chuẩn rõ ràng, chặt chẽ đối với những người đăng ký sử dụng internet... Các ngành có liên quan cần bàn với Bộ Ngoại giao tham khảo luật pháp quốc tế để có quy định cụ thể, phù hợp.

Việc phát triển mạng internet phải được thực hiện từng bước theo phương châm mở ra đến đâu bảo vệ chắc đến đó,

không làm tràn lan. Cần có thời gian cần thiết chuẩn bị chu đáo rồi mới thực hiện, khi thực hiện phải kiểm tra ngay.

2. Tán thành việc lập Ban điều phối quốc gia mạng internet ở Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường làm Trưởng ban.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chuẩn bị dự thảo để Bộ Chính trị ra chỉ thị về việc sử dụng quản lý mạng internet ở Việt Nam ngay sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành các văn bản về vấn đề này.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 40-TB/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1997

Về việc triển khai thực hiện nội dung
Hội nghị cán bộ toàn quốc về công tác bảo vệ
chính trị nội bộ

Để tổ chức tốt việc triển khai thực hiện nội dung Hội nghị cán bộ toàn quốc về công tác bảo vệ chính trị nội bộ do Thường vụ Bộ Chính trị triệu tập (từ ngày 26 đến 28-12-1996), Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Trung ương, các ban cán sự đảng và đảng đoàn các cơ quan Trung ương:

1. Tổ chức triển khai thực hiện nội dung Hội nghị cán bộ toàn quốc về công tác bảo vệ chính trị nội bộ đến các tổ chức cơ sở đảng; chỉ đạo cơ quan bảo vệ chính trị nội bộ phối hợp với các ban xây dựng đảng, quân đội, công an giúp chuẩn bị tốt nội dung hội nghị triển khai và chương trình hành động phù hợp với đặc điểm của địa phương và của ngành mình, nhằm tạo chuyển biến nhận thức sâu sắc hơn nữa về tinh thần cảnh giác cách mạng trước âm mưu thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch, thấy rõ hơn trách nhiệm

bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ của mỗi cán bộ, đảng viên trong tình hình mới.

2. Xây dựng kế hoạch tổng kết công tác bảo vệ Đảng từ năm 1975 đến nay; chú ý tập trung tổng kết thời kỳ 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới nhằm rút ra những bài học thiết thực cho công tác bảo vệ chính trị nội bộ từ nay về sau.

3. Phấn đấu đến năm 2000 hoàn thành cơ bản việc khai thác hồ sơ, tài liệu có liên quan đến công tác bảo vệ chính trị nội bộ. Có kế hoạch thẩm tra, xác minh, kết luận những vấn đề lịch sử của cán bộ lãnh đạo chủ chốt, cán bộ các cơ quan trọng yếu, cơ mật thuộc diện địa phương, ngành và cấp mình quản lý; phục vụ việc chuẩn bị nhân sự Quốc hội khóa X.

4. Kiện toàn Ban bảo vệ chính trị nội bộ trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy ở tất cả các tỉnh từ Quảng Trị trở vào, thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng, các tỉnh biên giới phía Bắc. Biên chế các ban ít nhất 7 cán bộ và nhân viên chuyên trách, do một đồng chí ủy viên thường vụ tỉnh ủy, thành ủy phụ trách.

Ở các tỉnh không thuộc diện nói trên chưa lập ban thì bố trí 3 đến 5 cán bộ chuyên trách do một đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy phụ trách.

Ở các quận, huyện, thị thuộc Thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng, thành phố Hà Nội, thành phố Hải Phòng và các thành phố trực thuộc tỉnh, nơi nào đã thành lập ban thì tiếp tục củng cố nâng cao chất lượng hoạt động, nơi nào chưa lập ban thì bố trí từ 1 đến 2 cán bộ chuyên trách, do đồng chí ủy viên thường vụ cấp ủy phụ trách.

Ở các quận, huyện, thị không thuộc diện nói trên, bố trí một cán bộ chuyên trách và do đồng chí phó bí thư cấp ủy trực tiếp phụ trách.

Ở các ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương căn cứ vào đặc điểm, yêu cầu của từng ngành để bố trí một số cán bộ chuyên trách công tác bảo vệ chính trị nội bộ, do một ủy viên ban cán sự đảng, đảng đoàn trực tiếp phụ trách.

Ở các đảng bộ cấp trên cơ sở bố trí một cán bộ chuyên trách làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ, do bí thư hoặc phó bí thư đảng ủy phụ trách, ở các tổ chức cơ sở đảng do đồng chí bí thư hoặc phó bí thư cấp ủy trực tiếp làm công tác bảo vệ chính trị nội bộ.

5. Gửi bài nói chuyện của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị cán bộ toàn quốc về công tác bảo vệ chính trị nội bộ ngày 27-12-1996 đến các chi bộ nghiên cứu; các tài liệu nghiên cứu khác sử dụng theo hướng dẫn của Ban Bảo vệ chính trị nội bộ Trung ương.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 41-TB/TW, ngày 12 tháng 2 năm 1997
Về một số dự án luật thuế

Trong phiên họp ngày 24, 25 và 31-1-1997, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề của các dự án *Luật thuế trị giá gia tăng (VAT)*, *Luật thuế thu nhập công ty* và *Luật thuế thu nhập cá nhân*, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về việc trình Quốc hội thông qua dự án *Luật thuế trị giá gia tăng* và *Luật thuế thu nhập công ty* tại kỳ họp lần thứ 11 Quốc hội khóa IX (tháng 4-1997); hai luật này có hiệu lực thi hành từ ngày 1-1-1998.

Riêng *Luật thuế thu nhập cá nhân* chưa thông qua trong kỳ họp này, các cơ quan có trách nhiệm tiếp tục nghiên cứu, khảo sát thực tế để hoàn chỉnh dự luật. Trước mắt, sửa đổi pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao về hai điểm sau:

+ Điều chỉnh mức khởi điểm chịu thuế lên 2 triệu đồng/1 tháng/1 người.

+ Bỏ thuế thu nhập đối với khoản thu nhập không thường xuyên là quà tặng, quà biếu bằng ngoại hối từ nước ngoài gửi về.

2. *Luật thuế trị giá gia tăng* phải phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội nước ta, thể hiện rõ định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung Luật này nhằm đáp ứng những yêu cầu sau đây:

+ Khuyến khích phát triển sản xuất, nhất là đối với vùng có nhiều khó khăn. Đồng thời, hạn chế sản xuất kinh doanh những mặt hàng xa xỉ, mê tín dị đoan, không phù hợp với truyền thống văn hóa dân tộc.

+ Khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, hạn chế nhập những mặt hàng tiêu dùng chưa thiết yếu, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước.

+ Khắc phục thiếu sót, sơ hở của luật thuế hiện hành; đơn giản trong việc tính thuế, thu thuế; bảo đảm công bằng, hợp lý, bảo vệ và khuyến khích người sản xuất, kinh doanh đúng pháp luật; tạo được sự đồng tình của nhân dân, góp phần bảo đảm an toàn xã hội, ổn định chính trị.

- Về đối tượng chịu thuế:

Những người kinh doanh có nơi sản xuất, có cửa hàng, cửa hiệu cố định đều là đối tượng áp dụng thuế VAT (không nên phân biệt hộ kinh doanh lớn, hộ kinh doanh nhỏ); những người kinh doanh không có nơi cố định thì áp dụng chế độ khoán thu.

- Về thuế suất:

Việc xác định thuế suất, giao cho Chính phủ tính toán cụ thể và trình Quốc hội quyết định, bảo đảm không làm giảm số thu ngân sách khi áp dụng luật thuế này.

3. Về *Luật thuế thu nhập công ty*, nên đổi lại tên gọi là: "**Luật thuế thu nhập doanh nghiệp**". Luật này được áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động kinh doanh trên các lĩnh vực.

Mức thuế suất phổ thông của thuế thu nhập doanh nghiệp là 32%, mức thuế suất bổ sung trước mắt áp dụng thống nhất là 25%, nhưng cần tiếp tục nghiên cứu để quy định một số mức thuế suất bổ sung khác nhau đối với các loại doanh nghiệp có điều kiện kinh doanh khác nhau.

4. *Luật thuế trị giá gia tăng* và *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp* có phạm vi điều chỉnh rộng, có số thu chiếm tỉ trọng lớn trong ngân sách nhà nước. Để tổ chức thực hiện tốt hai luật thuế này, Bộ Chính trị lưu ý một số điểm sau đây:

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính chỉ đạo việc chấn chỉnh và tăng cường công tác kiểm kê, kiểm soát, sớm đưa hoạt động kế toán, thống kê ở các doanh nghiệp vào nền nếp.

- Chú ý nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ cán bộ kế toán tinh thông nghiệp vụ, có phẩm chất tốt, toàn tâm với sự nghiệp phát triển của đất nước. Xây dựng hai trung tâm đào tạo kế toán, thống kê ở Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh theo hướng vừa là nơi đào tạo, vừa là nơi làm dịch vụ kế toán, thống kê cho các doanh nghiệp.

- Đổi mới phương pháp thu thuế, đối tượng chịu thuế phải có trách nhiệm tự khai, tự nộp thuế. Cơ quan quản lý nhà nước về thuế có trách nhiệm kiểm tra đôn đốc, nếu có vi phạm phải xử lý nghiêm minh, kịp thời.

- Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền nội dung, ý nghĩa tích cực

của hai luật thuế này để nhân dân và các doanh nghiệp tự nguyện chấp hành.

Bộ Chính trị sẽ ban hành chỉ thị về việc lãnh đạo thực hiện các luật thuế nói trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 42-TB/TW, ngày 15 tháng 2 năm 1997
Về việc chuẩn bị Đại hội đại biểu lần thứ II
của Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Việt Nam

Ngày 12-2-1997, sau khi nghe báo cáo của Đảng đoàn Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Để thực hiện *Luật hợp tác xã*, Chỉ thị 68-CT/TW của Ban Bí thư khóa VII và chuẩn bị Đại hội đại biểu lần thứ II, Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Việt Nam cần tiến hành ngay mấy việc sau đây:

1. Tổng kết các hình thức kinh tế hợp tác và hợp tác xã của các ngành và lĩnh vực.

Đồng chí Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị chủ trì, cùng với Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo Ban Kinh tế Trung ương, Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam và các ngành có liên quan chuẩn bị đề cương tổng kết, trình Thường vụ Bộ Chính trị thông qua, sau đó hướng dẫn để các ngành, các địa phương tiến hành tổng kết.

2. Tổng kết về mặt tổ chức và hoạt động của Hội đồng Liên minh các hợp tác xã Việt Nam từ khi thành lập đến nay, kể cả tổ chức và hoạt động của công đoàn trong các hợp tác xã, trên cơ sở đó bổ sung, cụ thể hóa rõ thêm về chức năng nhiệm vụ và phương án kiện toàn tổ chức, nhân sự của Hội đồng Liên minh các hợp tác xã.

3. Trên cơ sở tiến hành tốt những nội dung trên, Đảng đoàn Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét, cho ý kiến các báo cáo tổng kết và về việc tổ chức đại hội theo nhiệm kỳ.

Xin thông báo để các cơ quan biết và thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 CHÁNH VĂN PHÒNG
 PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
 Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 43-TB/TW, ngày 17 tháng 2 năm 1997

Về việc tổ chức Đại hội của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam

Ngày 12-2-1997, sau khi nghe Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam báo cáo công tác và việc chuẩn bị cho Đại hội lần thứ 3 của Phòng, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Từ sau Đại hội lần thứ 2 (tháng 4-1993), Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đã phát huy tốt chức năng là tổ chức đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam và tổ chức xúc tiến thương mại, đầu tư; góp phần tích cực vào sự nghiệp phát triển kinh tế nước nhà. Tuy nhiên, tác động của Phòng đối với việc nâng cao hiệu quả và bảo vệ lợi ích của phía Việt Nam tại các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài còn hạn chế.

2. Trong thời gian tới, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cần chú trọng hơn nữa các hoạt động tuyên vận động giới doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế thực hiện đúng các chính sách và pháp luật của

Đảng, Nhà nước; phối hợp với các cơ quan hữu quan nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, phản ánh kịp thời nguyện vọng của các doanh nghiệp, góp phần sửa đổi, bổ sung các chính sách, luật pháp nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp; bảo đảm nguyên tắc bình đẳng, các bên cùng có lợi, bảo vệ độc lập, chủ quyền của phía Việt Nam trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến hỗ trợ xuất khẩu và đầu tư trong nước, hỗ trợ phát triển khu vực doanh nghiệp vừa và nhỏ.

3. Tổ chức của Phòng Thương mại và Công nghiệp ở Việt Nam trong giai đoạn trước mắt giữ như mô hình hiện nay: Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có các chi nhánh và văn phòng đại diện tại các địa phương. Chú trọng hỗ trợ thành lập và tăng cường hoạt động của các hiệp hội ngành hàng, các hội, nhóm doanh nghiệp trong cả nước; vận động các tổ chức đó và các tổng công ty nhà nước gia nhập Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam để phối hợp và nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng cường vị thế của giới doanh nghiệp Việt Nam trong điều kiện hội nhập quốc tế.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam có trách nhiệm nghiên cứu đề xuất việc thành lập các Phòng Thương mại và Công nghiệp địa phương, Phòng Thương mại của người nước ngoài ở Việt Nam vào thời gian thích hợp trên cơ sở bảo đảm tính thống nhất, có hiệu quả và có cơ sở pháp lý chặt chẽ.

4. Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam về việc tiến hành Đại hội đại biểu

lần thứ 3 vào cuối tháng 3-1997 và về số lượng, cơ cấu Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm tra của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam nhiệm kỳ tới. Đảng đoàn Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề xuất giới thiệu nhân sự chủ chốt của ban lãnh đạo nhiệm kỳ mới theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị xem xét quyết định.

Xin thông báo để các cơ quan biết và thực hiện.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG
PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 45-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1997

**Về dự án *Luật dân tộc*
và dự án *Pháp lệnh về lao động công ích*
và *huy động nguồn lực để xây dựng đất nước***

Tại phiên họp ngày 25 và ngày 31-1-1997, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề của dự án *Luật dân tộc* và *Pháp lệnh về lao động công ích và huy động nguồn lực để xây dựng đất nước*, Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về dự án *Luật dân tộc*

- Dân tộc là một vấn đề chiến lược, xuyên suốt trong đường lối của Đảng ta. Với đường lối, chính sách dân tộc đúng đắn, Đảng và Nhà nước ta đã củng cố và mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh của cả cộng đồng dân tộc "nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một". Nhân dân ta nói chung và đồng bào các dân tộc thiểu số nói riêng đã có đóng góp to lớn cho sự nghiệp độc lập dân tộc, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc và trong công cuộc đổi mới hiện nay.

- Đường lối, chính sách dân tộc của Đảng đã được thể hiện trong các nghị quyết Đại hội, nghị quyết Ban Chấp hành Trung ương và được thể chế hóa trong Hiến pháp, các đạo luật trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế, xã hội và các chương trình phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội dài hạn và hàng năm của Nhà nước.

Việc cấp bách nhất hiện nay là tập trung tổ chức thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước đã có nhằm cải thiện đời sống vật chất và tinh thần, nâng cao dân trí, đào tạo cán bộ cho các dân tộc ít người; thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển và mức sống giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi.

Vấn đề xây dựng *Luật dân tộc* cần được tiếp tục nghiên cứu và chuẩn bị kỹ hơn nữa trên cơ sở cân nhắc thận trọng các mặt chính trị, kinh tế, xã hội..., Bộ Chính trị sẽ xem xét thông qua sau.

2. Về dự án Pháp lệnh về lao động công ích và huy động nguồn lực để xây dựng đất nước

- Chủ trương huy động sức dân trong đó có huy động nguồn lao động để xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội đã được Bộ Chính trị trình và Hội nghị Trung ương 2 (khóa VIII) đã thông qua. *Pháp lệnh về lao động công ích và huy động các nguồn lực để xây dựng đất nước* nhằm thể chế hóa chủ trương trên, do vậy cần sớm được ban hành.

- Cần có chính sách rõ ràng đối với những người trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ lao động như đối với người thực hiện nghĩa vụ quân sự.

- Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo tổ chức tốt việc sử dụng lực lượng lao động nghĩa vụ, bảo đảm có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, thực sự là nơi rèn luyện thử thách thế hệ trẻ vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trước mắt, tập trung sử dụng lao động nghĩa vụ vào các lĩnh vực: trồng rừng và xây dựng cơ sở hạ tầng như làm đường giao thông v.v., làm thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long.

- Các cấp ủy, các cấp chính quyền, đoàn thể nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền ý nghĩa tích cực của chủ trương này; phát động phong trào cách mạng trong thanh niên hăng hái tham gia thực hiện nghĩa vụ lao động xây dựng đất nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 46-TB/TW, ngày 28 tháng 2 năm 1997

Về việc xử lý đối với
vụ án buôn lậu ma túy có liên quan đến
một số cán bộ công an và bộ đội biên phòng

Ngày 22-2-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã họp để nghe đồng chí Phạm Chuyên, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Giám đốc Công an thành phố Hà Nội và đại diện lãnh đạo các ban, ngành liên quan báo cáo về kết quả điều tra bước đầu vụ án buôn lậu ma túy có liên quan đến một số cán bộ công an và bộ đội biên phòng.

Sau khi nghe báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Đây là một vụ án buôn lậu ma túy rất lớn, rất phức tạp, có tổ chức, có liên quan đến đường dây buôn lậu ma túy quốc tế và liên quan đến một số cán bộ công an, bộ đội biên phòng và đảng viên, cán bộ trong cơ quan nhà nước.

Số lượng lớn ma túy được đưa từ nước ngoài vào Việt Nam, không những được tiêu thụ ở nước ta mà từ đây lại tiếp tục được đưa đi các nước khác... Ngoài đường dây đã

được phát hiện, tổ chức buôn lậu quốc tế này còn có thể có những đường dây khác và các đối tượng khác mà ta chưa phát hiện hết.

2. Từ khi triển khai vụ án, được sự chỉ đạo trực tiếp của Bộ trưởng Nội vụ, các lực lượng trong ban chuyên án của công an thành phố Hà Nội đã có cố gắng trong việc điều tra, xác minh, bước đầu phát hiện được một số đối tượng vi phạm là cán bộ trong công an, bộ đội biên phòng... Căn cứ vào các kết quả điều tra của Bộ Nội vụ và Công an thành phố Hà Nội, Thường vụ Bộ Chính trị đồng ý phải tiếp tục tập trung điều tra, củng cố chứng cứ và nhanh chóng có kết luận để đưa vụ án ra xét xử trước pháp luật vào cuối tháng 3-1997 hoặc chậm nhất vào đầu tháng 4-1997. Kết quả điều tra làm rõ chứng cứ vụ án đến đâu thì xét xử đến đó. Đồng thời, phải tiếp tục điều tra, thu thập thêm chứng cứ để làm rõ toàn bộ vụ án và đưa ra xét xử tiếp khi kết thúc điều tra.

Với các đối tượng trong vụ án là sĩ quan, chiến sĩ bộ đội biên phòng thì Bộ Quốc phòng ra quyết định tước quân tịch và đưa ra xét xử trong cùng một vụ án (không tách ra để xét xử riêng ở Tòa án Quân sự).

Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao cần tập trung chỉ đạo Công an thành phố Hà Nội, Viện Kiểm sát nhân dân và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội nhanh chóng điều tra và xét xử đạt kết quả tốt đối với vụ án này.

3. Đảng ủy Công an Trung ương, Đảng ủy Tổng cục cảnh sát nhân dân và các cấp ủy đảng liên quan trong Tổng

cục, Tổng cục xây dựng lực lượng công an nhân dân; Tỉnh ủy Lai Châu, các đảng ủy công an tỉnh, bộ đội biên phòng tỉnh Lai Châu phải tự kiểm điểm, làm rõ phạm vi trách nhiệm của tập thể cấp ủy và của từng cá nhân cấp ủy viên có liên quan trong việc để xảy ra vi phạm pháp luật nghiêm trọng và sự lơ là kỷ luật của một số cán bộ, chiến sĩ ở các đơn vị thuộc quyền. Có hình thức xử lý kỷ luật thích đáng đối với tập thể cấp ủy và cá nhân thiếu tinh thần trách nhiệm và thiếu kiểm tra, quản lý đã để xảy ra sai phạm, kể cả những người có liên quan trong việc điều động Vũ Xuân Trường từ công an tỉnh Lai Châu về Bộ Nội vụ (mặc dù đã phát hiện Vũ Xuân Trường có hành vi buôn lậu ma túy từ khi còn công tác ở Lai Châu).

Việc kiểm điểm phải được tiến hành nghiêm túc, có báo cáo bằng văn bản gửi Thường vụ Bộ Chính trị trong tháng 3-1997. Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm giúp Thường vụ Bộ Chính trị theo dõi, chỉ đạo thực hiện việc này.

4. Trên cơ sở những bài học rút ra được từ vụ án này, Đảng ủy Công an Trung ương, Tỉnh ủy Lai Châu và Đảng ủy Quân sự Trung ương phải tập trung chỉ đạo để nhanh chóng củng cố, kiện toàn cả về tổ chức và cán bộ trong lực lượng công an và bộ đội biên phòng; trước hết là ở các đơn vị vừa để xảy ra sai phạm như các Cục Cảnh sát hình sự, Cảnh sát kinh tế, Cảnh sát điều tra thuộc Tổng cục Cảnh sát nhân dân; Phòng Cảnh sát kinh tế, Công an tỉnh Lai Châu; Đồn Biên phòng cửa khẩu Tây Trang (Lai Châu).

5. Để đấu tranh có hiệu quả với loại tội phạm sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, buôn bán, tiêu thụ ma túy, Đảng ủy

Công an Trung ương và lãnh đạo Bộ Nội vụ cần xem xét thành lập một đơn vị mạnh, có hiệu lực (có thể là Cục Cảnh sát phòng, chống ma túy) gồm các cán bộ, chiến sĩ trong sạch, có bản lĩnh vững vàng, đã qua thử thách, tin cậy, có trình độ nghiệp vụ cao để đặc trách làm công tác này.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 47-TB/TW, ngày 28 tháng 2 năm 1997
Về việc xử lý đối với vụ án xảy ra tại
Công ty TAMEXCO

Tại phiên họp ngày 22-2-1997, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao báo cáo và ý kiến của các ban, ngành liên quan về kết quả phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án xảy ra tại Công ty TAMEXCO, Thường vụ Bộ Chính trị đã có ý kiến như sau:

1. Việc xét xử sơ thẩm vụ án đã đạt các yêu cầu đề ra, đúng thủ tục tố tụng hình sự. Song có sự sơ suất trong việc phát ngôn của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố tại phiên tòa, gây nghi ngờ trong công luận, cần được nghiêm túc rút kinh nghiệm.

Ban Cán sự Đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Ban Cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao và Đảng ủy Công an Trung ương cần tiếp tục chỉ đạo việc củng cố đầy đủ các chứng cứ, xem xét cụ thể từng mức án sơ thẩm để tổ chức xét xử phúc thẩm vụ án đúng thời gian và đạt hiệu quả cao.

Đồng thời, cần tiếp tục điều tra, thu thập chứng cứ, làm rõ trách nhiệm đối với một số cán bộ có liên quan ở Ban Tài

chính - Quản trị Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Quận ủy quận Tân Bình, Ngân hàng Nhà nước và Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nếu người nào có đủ chứng cứ kết luận đã phạm tội thì phải tiếp tục truy tố và xử lý trước pháp luật.

2. Việc để xảy ra vụ án tại Công ty TAMEXCO có phần trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, quản lý của một số cấp ủy đảng. Để xác định rõ trách nhiệm và rút được những bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo của Đảng, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu:

- Ban Thường vụ Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh, Quận ủy quận Tân Bình, Ban Tài chính - Quản trị Thành phố Hồ Chí Minh kiểm điểm về trách nhiệm của tập thể cấp ủy và của từng cá nhân có liên quan trong việc chỉ đạo, quản lý, kiểm tra đối với hoạt động của Công ty TAMEXCO và về những sai phạm nghiêm trọng xảy ra tại Công ty này.

- Ban Thường vụ Tỉnh ủy Bà Rịa - Vũng Tàu tiếp tục kiểm điểm làm rõ trách nhiệm của tập thể cấp ủy và của từng cá nhân có liên quan trong việc chỉ đạo công tác quản lý đất đai ở địa phương để Phạm Huy Phước và đồng bọn lợi dụng gây hậu quả nghiêm trọng.

- Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước, cấp ủy đảng Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam kiểm điểm về trách nhiệm của tập thể cấp ủy, lãnh đạo và của từng cá nhân có liên quan trong sự chỉ đạo, điều hành và quản lý đã để thất thoát một khối lượng lớn tài sản của Nhà nước; rút kinh nghiệm từ vụ án này và các vụ án khác có liên quan đến ngành ngân hàng để chấn chỉnh các hoạt động tín dụng, đề cao các biện pháp bảo đảm an toàn vốn vay; tìm

mọi biện pháp thu hồi tối đa số tài sản đã bị thất thoát, không những đối với Công ty TAMEXCO mà đối với cả các nơi khác.

Việc kiểm điểm đối với các cấp ủy, tổ chức đảng nói trên phải được tiến hành nghiêm túc; xác định rõ những trường hợp phải xử lý kỷ luật về đảng hoặc xử lý bằng pháp luật. Khi tổ chức kiểm điểm, có đại diện Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương cùng dự.

Các báo cáo kiểm điểm phải chuẩn bị bằng văn bản để trực tiếp lên báo cáo với Thường vụ Bộ Chính trị trong tháng 3-1997.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn, theo dõi, chỉ đạo việc kiểm điểm và kiến nghị với Thường vụ Bộ Chính trị những trường hợp cần xử lý kỷ luật về đảng.

3. Đối với những người mà Phạm Huy Phước khai là đã nhận tiền tài trợ của Công ty TAMEXCO để đi nước ngoài thì lãnh đạo các cơ quan chủ quản phải yêu cầu những người đó tự báo cáo. Nếu phát hiện có dấu hiệu nhận hối lộ, hoặc bao che cho hành động phạm pháp của Phước và đồng bọn thì phải xác minh, kết luận và tùy theo mức độ sai phạm mà kiểm điểm và có hình thức kỷ luật thích hợp.

4. Ban Kinh tế Trung ương chủ trì phối hợp với Ban Tài chính - Quản trị Trung ương phải tổ chức rút kinh nghiệm từ vụ án ở Công ty TAMEXCO và ở các công ty khác để kịp thời chấn chỉnh hoạt động kinh tế của Đảng; đề xuất phương hướng hoạt động trong thời gian tới, đảm bảo các hoạt động kinh tế của Đảng phải có hiệu quả cao, đúng pháp luật, bảo vệ được uy tín của Đảng và bảo vệ được cán bộ.

5. Ban Cán sự Đảng Kiểm toán Nhà nước có trách nhiệm chỉ đạo cơ quan Kiểm toán Nhà nước, theo chức năng của mình, tổ chức kiểm tra, kiểm toán đối với các cơ quan, đơn vị có liên quan đến vụ án ở Công ty TAMEXCO để chấn chỉnh các hoạt động tài chính, kế toán ở các cơ quan này và rút kinh nghiệm chung cho các đơn vị khác.

6. Về việc để Công ty TAMEXCO tồn tại hay phá sản, Thành ủy, Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh trao đổi, bàn bạc cụ thể với các ngành liên quan và báo cáo xin ý kiến của Thủ tướng Chính phủ quyết định.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 48-TB/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1997

**Về việc điều chỉnh, chia tách, thành lập
một số đơn vị hành chính**

Trong phiên họp ngày 1-3-1997, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về việc một số tỉnh đề nghị điều chỉnh, chia tách, thành lập đơn vị hành chính, Bộ Chính trị đã thảo luận, cân nhắc và kết luận như sau:

1. Sự ổn định các đơn vị hành chính là điều kiện quan trọng để tập trung và sử dụng tốt các nguồn lực cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và bảo vệ đất nước trong giai đoạn hiện nay. Do vậy, từ nay không đặt vấn đề chia tách địa giới đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp huyện (kể cả ở các tỉnh mới chia tách).

2. Riêng đối với vùng đồng bằng sông Cửu Long, cần tiếp tục nghiên cứu, nếu có đủ điều kiện, có thể thành lập một tỉnh mới (bao gồm các huyện thuộc Đồng Tháp Mười).

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc nghiên cứu để thực hiện việc phân bổ ngân sách, phân bổ biên chế hành chính sự nghiệp phù hợp với mỗi loại tỉnh trên cơ sở dân số

và diện tích tự nhiên; ưu tiên xây dựng đường giao thông cho vùng Tây Bắc và Tây Nguyên, để các vùng này có điều kiện hòa nhập với sự phát triển của các vùng khác trong cả nước.

4. Các cấp ủy, tổ chức đảng, các cấp chính quyền và đoàn thể làm tốt công tác tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân địa phương đồng tình và thực hiện tốt chủ trương trên đây.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG TRI CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 02-TT/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1997

Về việc lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp

Theo Điều lệ của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, các tổ chức Đoàn đã lần lượt tiến hành đại hội và Đại hội Đoàn toàn quốc lần thứ VII sẽ tiến hành vào cuối năm 1997.

Trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thanh niên nước ta đã có nhiều đóng góp to lớn và quan trọng. Những tấm gương thanh niên tiêu biểu trong sản xuất kinh doanh, học tập, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia, trật tự và an toàn xã hội đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều. Lòng tin của thanh niên vào sự lãnh đạo của Đảng ngày càng tăng.

Trong nhiệm kỳ qua (1992 - 1997), dưới sự lãnh đạo của các cấp ủy đảng, công tác Đoàn và phong trào thanh thiếu nhi nước ta có những chuyển biến tích cực. Hai phong trào lớn "Thanh niên lập nghiệp" và "Tuổi trẻ giữ nước" đã cổ vũ hàng triệu thanh niên xung kích thực hiện các chương trình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, đáp ứng các lợi ích

chính đáng của thanh thiếu nhi. Vai trò và ảnh hưởng của Đoàn trong thanh thiếu nhi và trong xã hội từng bước được củng cố. Số thanh niên vào Đoàn, số đoàn viên ưu tú được kết nạp Đảng ngày càng tăng. Chất lượng tổ chức cơ sở Đoàn và cán bộ, đoàn viên từng bước được nâng cao.

Tuy nhiên, hiệu quả công tác của Đoàn chưa tương xứng với vị trí, vai trò của thanh niên; tổ chức Đoàn cơ sở chưa được chú trọng củng cố; số thanh niên được tập hợp vào tổ chức Đoàn, Hội còn thấp so với tổng số thanh niên; đội ngũ cán bộ Đoàn, Hội chưa được chăm lo đào tạo và bố trí sử dụng hợp lý. Một bộ phận thanh niên còn mơ hồ về lý tưởng, chưa xác định được mục đích cuộc sống, thiếu ý chí khắc phục khó khăn. Tình trạng thiếu việc làm, tay nghề kém, mù chữ, sức khỏe và thể lực thấp, đặc biệt là các tệ nạn xã hội như nghiện hút, mại dâm và phạm pháp đang lan rộng trong thanh thiếu nhi... là những mối lo của toàn xã hội.

Thực hiện các nghị quyết, chính sách của Đảng và Nhà nước, nhiều cấp ủy đảng, chính quyền và các ngành đã tăng cường lãnh đạo chăm lo đầu tư cho công tác thanh niên, ban hành nhiều cơ chế chính sách mới, phát huy lực lượng trẻ vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, nhiều chủ trương của Đảng còn chưa được cụ thể hóa thành các chương trình công tác của cấp ủy đảng, chính quyền và Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, nhất là thiếu những giải pháp cụ thể để phát huy khả năng to lớn của thanh niên.

Để lãnh đạo Đại hội Đoàn các cấp đạt kết quả tốt, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng làm tốt một số việc sau đây:

- Chỉ đạo Ban Chấp hành Đoàn các cấp xây dựng tốt báo cáo Đại hội. Báo cáo phải mang tính tổng kết cao. Phải căn cứ vào các nghị quyết vận động thanh niên của Đảng, các nghị quyết của Đoàn và vị trí, vai trò của Đoàn và của thanh niên để đánh giá kết quả hoạt động nhiệm kỳ qua, rút ra những bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó xây dựng chương trình công tác nhiệm kỳ tới, trong đó cần đặc biệt coi trọng chương trình thực hiện nhiệm vụ trung tâm là công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Cần làm rõ từng nội dung công việc, trên từng lĩnh vực mà Đoàn Thanh niên Cộng sản và thanh niên giữ vai trò nòng cốt, đưa ra Đại hội bàn và quyết định. Trên cơ sở đó phát động các phong trào thanh niên xung kích thực hiện.

- Các cấp ủy đảng và các cấp chính quyền cần tạo điều kiện và giao nhiệm vụ cho thanh niên, phát huy vai trò xung kích, sáng tạo của tuổi trẻ trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thực hiện các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh ở mỗi địa phương, đơn vị và trên phạm vi cả nước. Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, v.v. xây dựng các đề án thanh niên tham gia các chương trình kinh tế - xã hội của Nhà nước để trình Bộ Chính trị và Chính phủ xem xét quyết định.

- Trong nhiệm kỳ tới Đoàn cần tăng cường công tác giáo dục chính trị - tư tưởng, giáo dục truyền thống và ý thức giai cấp trong thanh niên công nhân, tăng cường công tác tư tưởng và tổ chức trong thanh niên nông dân và trong học sinh, sinh viên, thanh niên trí thức; nâng cao chất lượng đoàn viên và tổ chức Đoàn để làm nòng cốt trong Hội Liên

hiệp thanh niên Việt Nam, Hội sinh viên Việt Nam và phong trào của thanh niên; chăm lo xây dựng Đội Thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh và công tác chăm sóc giáo dục thiếu niên nhi đồng; tập hợp đông đảo thanh thiếu nhi vào tổ chức và tham gia các phong trào hành động cách mạng của tuổi trẻ; bồi dưỡng đoàn viên ưu tú để bổ sung lực lượng trẻ cho Đảng.

- Chỉ đạo các cấp bộ Đoàn lựa chọn kỹ nhân sự Ban Chấp hành, đảm bảo tiêu chuẩn đức, tài và yêu cầu trẻ hóa đội ngũ cán bộ Đoàn, không để các phần tử cơ hội, phần tử xấu len lỏi vào Ban Chấp hành Đoàn các cấp.

- Các Ban Tổ chức, Tư tưởng - Văn hóa, Dân vận Trung ương giúp Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng báo cáo Đại hội và trình Bộ Chính trị cho ý kiến.

- Các cấp ủy đảng và chính quyền tạo mọi điều kiện cần thiết để Đoàn Thanh niên các cấp tổ chức tốt Đại hội với tinh thần tiết kiệm, tránh phô trương hình thức.

Thông tri này phổ biến đến chi bộ.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 49-TB/TW, ngày 14 tháng 3 năm 1997

Về tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX và việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X

Tại phiên họp ngày 28-2, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề về tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX và việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

I- VỀ TỔNG KẾT NHIỆM KỲ QUỐC HỘI KHÓA IX

1. Việc tổng kết, đánh giá về cơ cấu tổ chức, bộ máy của Quốc hội cũng như của các cơ quan hành pháp và tư pháp, từ đó xác định phương hướng đổi mới, kiện toàn bộ máy là thuộc nội dung đề án trình Hội nghị Trung ương 3. Vấn đề này, đang được các cơ quan có trách nhiệm chuẩn bị.

2. Tại kỳ họp Quốc hội lần này, theo luật định, chỉ tiến hành kiểm điểm hoạt động trong nhiệm kỳ khóa IX của Quốc hội, Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Báo cáo kiểm điểm hoạt động của Quốc hội trong nhiệm kỳ khóa IX, tuy chủ yếu tập trung vào hoạt động của Quốc

hội, song cần đánh giá hoạt động của các cơ quan hành pháp, tư pháp để thể hiện trách nhiệm toàn diện của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong việc giám sát toàn bộ hoạt động của bộ máy nhà nước.

II- VỀ BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA X

1. Quốc hội khóa X là khóa Quốc hội của những năm cuối thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI, có vai trò quan trọng trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng về đổi mới và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Do vậy, tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội phải bảo đảm có chất lượng cao hơn cả về trình độ, năng lực cũng như về phẩm chất đạo đức. Đại biểu Quốc hội phải là người có quan điểm, lập trường vững vàng, trung thành với Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Về số lượng, cơ cấu

- Tổng số đại biểu Quốc hội không quá 450 người; cần nhắc thêm số đại biểu tối thiểu ở mỗi tỉnh, thành (không nhất thiết mỗi tỉnh số đại biểu tối thiểu tới 4 người); các thành viên của Chính phủ nên là đại biểu Quốc hội.

- Đại biểu Quốc hội phải là người đủ tiêu chuẩn, đồng thời cần lưu ý cơ cấu, thành phần đại biểu để Quốc hội thể hiện ý chí của khối đại đoàn kết toàn dân. Có tỷ lệ hợp lý đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số, là phụ nữ, chú ý tăng số đại biểu Quốc hội là người ngoài Đảng (khoảng 20%). Tầng số đại biểu là luật gia, nhà kinh tế, trí thức và công nhân hoạt động trong một số lĩnh vực sản xuất quan trọng.

- Việc tăng thêm đại biểu hoạt động chuyên trách phải được cân nhắc kỹ để phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội

của nước ta hiện nay. Đại biểu chuyên trách tập trung vào các ủy ban của Quốc hội. Không nên bố trí đại biểu chuyên trách ở các địa phương; đồng chí lãnh đạo chủ chốt của địa phương là đại biểu Quốc hội kiêm nhiệm phụ trách điều hành hoạt động của đoàn đại biểu Quốc hội tại địa phương đó. Không lập bộ máy giúp việc riêng của đoàn đại biểu Quốc hội.

- Nên chỉ định một số đại biểu Quốc hội là Việt kiều.

3. Việc tổ chức lựa chọn và bầu cử Quốc hội phải tiến hành thực sự dân chủ, đúng pháp luật. Người tự ứng cử và những người được giới thiệu ứng cử đều phải qua hiệp thương và phải được Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương giới thiệu mới được ghi tên vào danh sách những người ứng cử.

Các cấp ủy đảng lãnh đạo chặt chẽ quá trình chuẩn bị và tiến hành bầu cử.

4. Cuộc bầu cử Quốc hội khóa X sẽ tổ chức vào ngày 20-7-1997.

5. Căn cứ vào tinh thần chỉ đạo trên, Bộ Chính trị sẽ thành lập Tiểu ban nhân sự Quốc hội khóa X; Ủy ban Thường vụ Quốc hội lập Hội đồng bầu cử; chỉ đạo và triển khai kế hoạch bầu cử, trình Quốc hội thông qua *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội (sửa đổi)*.

Bộ Chính trị sẽ có chỉ thị về lãnh đạo cuộc bầu cử này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 50-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1997

Về chương trình công tác năm 1997 và tổ chức nhân sự của Ủy ban Kiểm tra Trung ương

Ngày 11-3-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo về chương trình công tác năm 1997 và tổ chức nhân sự của Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

- Hiện nay, ở một số nơi cấp ủy nắm không vững và có những việc làm không đúng đường lối, chủ trương của Đảng, vai trò lãnh đạo của Đảng bị hạ thấp, tổ chức đảng mất sức chiến đấu. Vì vậy phải tăng cường và chủ động tiến hành công tác kiểm tra của cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp đối với việc thực hiện chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước, việc chấp hành nguyên tắc tổ chức và Điều lệ của Đảng, kiểm tra vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng và tính chiến đấu của đảng viên; không phải chỉ khi có dấu hiệu vi phạm mới kiểm tra. Chủ động tiến hành công tác kiểm tra và kiểm tra có trọng điểm để phát hiện những nhân tố mới,

những kinh nghiệm hay; phát hiện những mặt còn yếu kém, chặn đứng các sai phạm nhằm chấn chỉnh, củng cố tổ chức, làm trong sạch Đảng, nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng. Mục đích của công tác kiểm tra là nhằm xây dựng và bảo vệ cho toàn Đảng nói chung, cho đơn vị, địa phương và cho chính bản thân cán bộ, đảng viên được kiểm tra, bảo đảm cho đảng viên và tổ chức đảng hành động đúng Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Cần khắc phục ngay tình trạng một số cán bộ, đảng viên có sai phạm nghiêm trọng, bị xử lý theo luật pháp, ảnh hưởng xấu đến uy tín của Đảng, nhưng việc kiểm tra, kiểm điểm trách nhiệm của cấp ủy và của đảng viên có sai phạm hoặc có liên quan đến sai phạm không được rõ ràng, việc xử lý kỷ luật Đảng thiếu nghiêm minh, tổ chức đảng, cơ quan quản lý và đảng viên ở đó không rút ra được những bài học sâu sắc có tính giáo dục cao.

- Về chương trình công tác cụ thể của Ủy ban Kiểm tra Trung ương năm 1997.

Ngoài các công việc thường xuyên, Ủy ban Kiểm tra Trung ương cần tập trung vào một số trọng tâm như:

+ Tập trung giải quyết thư tố cáo cán bộ diện Trung ương quản lý, phục vụ cho công tác nhân sự nhiệm kỳ Quốc hội mới với cách làm chặt chẽ, nghiêm minh, vừa bảo vệ tổ chức, vừa bảo vệ cán bộ, tránh để kẻ xấu lợi dụng.

+ Kiểm tra một số tổ chức đảng trong lực lượng Công an nhân dân về việc chấp hành Chỉ thị 15 và Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị.

+ Chủ trì cùng các ban, ngành xây dựng một số quy

định, hướng dẫn của Đảng về quản lý và xử lý đảng viên khi có sai phạm.

+ Thường vụ Bộ Chính trị giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì hướng dẫn các tổ chức đảng, cấp ủy, cán bộ, đảng viên có liên quan đến vụ án TAMEXCO, vụ án buôn lậu ma túy có liên quan đến một số cán bộ công an và bộ đội biên phòng, kiểm tra, kiểm điểm trách nhiệm lãnh đạo đơn vị và quản lý đảng viên để xảy ra vụ việc. Cần tổng kết các vụ này một cách chu đáo toàn bộ quá trình từ khi có biểu hiện sai phạm đến lúc kết thúc vụ án để rút ra những bài học sâu sắc cho công tác xây dựng đảng. Ủy ban Kiểm tra Trung ương cần phân công một đồng chí có năng lực, có kinh nghiệm, có khả năng tổng kết để trực tiếp chỉ đạo việc này, có sự tham gia của Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, tập trung hoàn thành và báo cáo kết quả với Bộ Chính trị trong quý II-1997.

- Về tổ chức biên chế:

Trong tình hình hiện nay, cần sớm bổ sung thêm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương để đủ 9 đồng chí như Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định theo hướng tăng thêm Ủy viên Trung ương (khóa VII có 6 đồng chí, khóa này có 3 đồng chí).

Số cán bộ cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương hiện nay hầu hết trưởng thành từ cơ sở, qua thực tiễn chiến đấu, có bản lĩnh chính trị, giữ được phẩm chất đạo đức, trình độ kiến thức tuy đã được nâng lên nhưng vẫn còn hạn chế, nhất là về kiến thức kinh tế, luật pháp và tuổi đời bình quân khá cao. Do đó phải tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ kiểm tra đủ về số lượng, nâng cao về chất lượng và

hiệu quả công tác, đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ của tình hình mới. Ngoài số cán bộ trong biên chế, Ủy ban Kiểm tra Trung ương được phép lựa chọn một số đồng chí đã nghỉ hưu nhưng còn đủ sức khỏe, có uy tín, năng lực, kinh nghiệm để làm phái viên.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 51-TB/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1997

***Về dự án **Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích
và huy động các nguồn lực xây dựng đất nước*****

Tại phiên họp ngày 14-3-1997, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội báo cáo dự án Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích và huy động các nguồn lực xây dựng đất nước, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về nghĩa vụ lao động công ích hằng năm và lao động công ích trong trường hợp khẩn cấp đã có pháp lệnh điều chỉnh. Để phù hợp với tình hình hiện nay, Bộ Chính trị đồng ý sửa đổi, bổ sung một số điểm như đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội. Các cấp chính quyền cần tổ chức sử dụng nghĩa vụ lao động công ích có hiệu quả cao vào việc xây dựng các công trình ở địa phương.

2. Việc huy động sự đóng góp của nhân dân để xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương đã được quy định trong nhiều văn bản pháp luật của Nhà nước, nay

không cần thiết phải bổ sung vấn đề này vào nội dung Pháp lệnh nghĩa vụ công ích nữa.

3. Về nghĩa vụ lao động của thanh niên

- Chủ trương huy động sức lao động của thanh niên xây dựng các công trình lớn của đất nước có ý nghĩa quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao về phát triển kinh tế, giải quyết việc làm, nâng cao đời sống nhân dân; đồng thời, qua đó giáo dục, rèn luyện, thử thách thế hệ trẻ vì sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đào tạo đội ngũ cán bộ kế tiếp cho cách mạng trong thời kỳ mới.

Thực hiện chủ trương trên, chủ yếu là động viên sự tình nguyện của thanh niên, chưa cần thiết phải ra pháp lệnh quy định chế độ nghĩa vụ. Các cấp ủy, các cấp chính quyền, đoàn thể nhân dân có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo việc tuyên truyền sâu rộng trong toàn Đảng, toàn dân về ý nghĩa tích cực của chủ trương này; khơi dậy truyền thống, phát động phong trào cách mạng trong thanh niên hăng hái tình nguyện tham gia lao động xây dựng đất nước.

- Đối tượng lao động tình nguyện là nam, nữ thanh niên từ 17 đến 27 tuổi; thời gian lao động là 2 năm. Sau thời gian lao động được hưởng chính sách (có thể áp dụng như đối với người thực hiện nghĩa vụ quân sự).

- Các đơn vị lao động cần được tổ chức chặt chẽ; sử dụng cán bộ quân đội làm cán bộ khung. Lao động tình nguyện của thanh niên tập trung vào các lĩnh vực: trồng rừng, xây dựng cơ sở hạ tầng như làm đường giao thông, ra khơi đánh cá, làm thủy lợi ở đồng bằng sông Cửu Long, xây dựng khu công nghiệp, đô thị.

- Việc sử dụng lao động thanh niên phải bảo đảm có kỷ luật, có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao. Trước mắt, chưa nên làm ô ạt, phải có phương án rõ ràng, khả năng quản lý đến đâu thì huy động nhân lực tới đó; vừa làm, vừa rút kinh nghiệm.

Căn cứ vào ý kiến chỉ đạo trên, Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội chuẩn bị chỉ thị của Bộ Chính trị về việc lãnh đạo thực hiện chủ trương này; Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo việc ban hành nghị định về chính sách đối với thanh niên tình nguyện lao động xây dựng đất nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 54-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1997

Về đề án Nhà nước trình Hội nghị Trung ương 3

Tại phiên họp ngày 15-3, sau khi nghe Tiểu ban chuẩn bị đề án Hội nghị Trung ương 3 trình bày đề án về Nhà nước, Bộ Chính trị đã thảo luận và có ý kiến như sau: Do nội dung của Nghị quyết này rất rộng, mà thời gian còn lại để chuẩn bị rất ngắn, cần tập trung đi sâu làm nổi bật những điểm mấu chốt sau đây:

1. Phạm vi và trọng tâm của đề án

Bộ Chính trị nhấn mạnh, việc xây dựng đề án cần bám sát phạm vi, yêu cầu mà Bộ Chính trị đã xác định là: Trong điều kiện thời gian chuẩn bị Hội nghị Trung ương eo hẹp, cần tập trung vào kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), gắn với việc tổng kết kinh nghiệm 10 năm đổi mới; đồng thời cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương đã đề ra trong Nghị quyết Đại hội VIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ta khi chuyển sang thời kỳ mới đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Nội dung của đề án phải thể hiện tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt là: Xây dựng Nhà nước ta thực sự của dân, do dân, vì dân. Mục tiêu của Nhà nước là phục vụ và bảo đảm lợi ích của nhân dân; phát huy mạnh mẽ quyền dân chủ, động viên công sức, trí tuệ của dân vào công cuộc phát triển và bảo vệ đất nước. Nhân dân thật sự là người được quyền làm chủ, đồng thời có nghĩa vụ trong việc chấp hành luật pháp, có trách nhiệm trong việc xây dựng và kiện toàn Nhà nước trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả.

Đổi mới thiết chế tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước phải dựa trên cơ sở các nguyên tắc đã được xác định trong Cương lĩnh, Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng và Hiến pháp 1992. Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp cần phải được cân nhắc kỹ, thận trọng; chỉ làm nếu thấy thật bức thiết, không sửa không được, còn nhìn chung chưa nên đặt ra vấn đề này.

2. Về đánh giá tình hình

- Cần khẳng định trong 10 năm qua, và nhất là trong những năm gần đây, chúng ta đã có những đổi mới trên lĩnh vực xây dựng Nhà nước và pháp luật. Hoạt động của bộ máy nhà nước đã góp phần quan trọng phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, giữ vững ổn định chính trị, thực hiện thắng lợi công cuộc đổi mới.

- Cần phân tích sâu sắc, đầy đủ và nghiêm túc các thiếu sót, nhất là trong các vấn đề sau:

+ Hoạt động của các cơ quan dân cử, nhất là hội đồng nhân dân các cấp còn hình thức, chưa thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo luật định. Chưa có đủ thiết chế để thực hiện được

phương châm "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đối với các công việc quan trọng của Nhà nước. Vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân tham gia vào công việc chính quyền còn hạn chế và có biểu hiện bị hình thức hóa.

+ Hoạt động của bộ máy nhà nước còn kém hiệu lực, chưa thật trong sạch, vững mạnh.

+ Kỷ cương trong xã hội bị buông lỏng; ý thức chấp hành pháp luật trong nhân dân trong cơ quan nhà nước và ngay cả trong cơ quan bảo vệ pháp luật chưa nghiêm, tình trạng coi thường phép nước, vi phạm pháp luật còn phổ biến; tội phạm hình sự và tệ nạn xã hội phát triển.

Những khuyết điểm trên đây bắt nguồn từ khuyết điểm của việc lãnh đạo và quản lý điều hành, từ việc đề ra chủ trương, chính sách, cơ chế ở tầm vĩ mô đến việc tổ chức thực hiện của các ngành, các cấp. Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước vừa có tình trạng buông lỏng, vừa có hiện tượng bao biện, chông chéo, vừa chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa chưa phát huy tốt hiệu lực điều hành của bộ máy nhà nước. Với tư cách của đảng cầm quyền, Đảng phải chịu trách nhiệm trước tình hình này. Trước hết, Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và từng Ủy viên Trung ương cần nghiêm túc xem xét khuyết điểm và yếu kém của mình để từ đó có giải pháp đúng, quyết tâm cao lãnh đạo toàn dân tiếp tục hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đáp ứng yêu cầu phát huy mạnh mẽ nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Trên đây chỉ là một số gợi ý sơ bộ, trong quá trình xây dựng đề án cần tiếp tục đi sâu xem xét, đặc biệt cần đi sâu

phân tích nguyên nhân vì sao đã có Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII) mà công cuộc đổi mới Nhà nước vẫn chưa tiến lên được bao nhiêu, tình trạng quan liêu, tham nhũng, thoái hóa của một bộ phận cán bộ trong bộ máy nhà nước chưa được ngăn chặn mà còn có chiều hướng phát triển, từ đó làm sáng tỏ sự cần thiết phải bàn vấn đề này ở Hội nghị Trung ương 3 để bổ sung, phát triển Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII).

3. Về chủ trương và nhiệm vụ tiếp tục đổi mới Nhà nước trong thời gian tới

- Vấn đề trọng tâm hiện nay là tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua hai hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để Nhà nước thực sự của dân, do dân và vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng, để mọi quyền hành, lực lượng đều ở nơi dân.

Nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân, đây là nguyên tắc hiến định. Để thực hiện tốt nguyên tắc này, cần nghiên cứu làm rõ nội dung đổi mới Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp, từ việc bố trí cán bộ, bầu cử lựa chọn đại biểu đến cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động để các cơ quan này có thực quyền, hoạt động có hiệu quả thiết thực, không tốn kém, hình thức.

Cần làm rõ hơn nội dung nhân dân làm chủ thông qua Mặt trận và đoàn thể nhân dân. Xác định rõ vai trò, vị trí, trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức này trong việc thực hiện cơ chế "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"; đồng thời tăng cường vai trò của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc giáo dục ý thức tự giác chấp hành pháp luật của nhân dân.

Cần chỉ đạo thực hiện tốt những hình thức dân chủ trực tiếp đã được Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) xác định, đồng thời nghiên cứu thêm những hình thức mới phù hợp với đặc điểm, truyền thống của dân tộc và pháp luật của Nhà nước. Điều quan trọng là phải có thiết chế rõ ràng để các hình thức dân chủ trực tiếp đi vào cuộc sống, như: quyền dân chủ trong việc tham gia bố trí nhân sự, sử dụng ngân sách, kiểm tra sản xuất, phân phối, tài chính, đề xuất kỷ luật, khen thưởng. Quyền dân chủ ấy càng phải cụ thể hóa ở từng loại hình cơ sở (đơn vị sản xuất, cơ quan, trường học, bệnh viện...).

- Về vấn đề bổ sung, sửa đổi tổ chức bộ máy nhà nước trên các lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp, trước hết cần rà soát lại kỹ các luật về tổ chức bộ máy nhà nước, nếu thấy có những điều khoản không phù hợp thì xem xét sửa ngay hoặc sửa một phần. Trên cơ sở đó sẽ điều chỉnh thể chế tương ứng nhằm tạo ra sự chuyển biến rõ nét về trật tự, kỷ cương trong Nhà nước và trong xã hội. Bảo đảm Nhà nước ta trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả, điều hành thông suốt, khắc phục bộ máy công kênh, chồng chéo, quan liêu, làm cho các cơ quan, cán bộ, viên chức nhà nước thật sự là công bộc tận tụy phục vụ nhân dân, lắng nghe ý kiến và chịu sự giám sát của nhân dân; kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện quan liêu, hách dịch, cửa quyền, tham nhũng.

Một số kiến nghị đổi mới thiết chế tổ chức nhà nước (Hội đồng nhân dân, Viện Kiểm sát, Ủy ban nhân dân, chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân từ cấp tỉnh trở xuống do bầu cử hay cấp trên bổ nhiệm...):

+ Về Hội đồng nhân dân các cấp, đa số ý kiến trong Bộ Chính trị cho rằng không đặt vấn đề bỏ tổ chức Hội đồng nhân dân ở cấp huyện, quận và phường, mà cần phát huy mạnh mẽ hơn vai trò của Hội đồng nhân dân các cấp này trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở địa phương. Song cũng có một số ý kiến cho rằng nên bỏ Hội đồng nhân dân ở các cấp này vì tác dụng ít mà lại làm bộ máy công kênh, không hợp lý.

+ Về đổi tên Ủy ban nhân dân thành Ủy ban hành chính, chức Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp do cấp trên bổ nhiệm, tổ chức Viện Kiểm sát thành Viện Công tố, đa số các đồng chí trong Bộ Chính trị cho rằng chưa thực sự có yêu cầu cấp thiết. Nhưng cũng có một số ý kiến cho rằng cần thực hiện bổ nhiệm Chủ tịch Ủy ban nhân dân để tạo điều kiện khắc phục tình trạng cục bộ địa phương trong bố trí cán bộ và có thể quyết định nhanh chóng khi cần thay đổi cán bộ; cần thực hiện việc đổi tên Ủy ban nhân dân và Viện Kiểm sát cho phù hợp với yêu cầu đổi mới nhiệm vụ, chức năng của các cơ quan này. Ý kiến chung đều thống nhất rằng điều quan trọng nhất là xác định rõ chức năng, thẩm quyền của các cơ quan này phù hợp với yêu cầu xây dựng Nhà nước vững mạnh, trong đó Viện Kiểm sát chủ yếu phải tập trung làm chức năng công tố và chỉ nên thực hiện nhiệm vụ kiểm sát chung đối với văn bản pháp quy.

- Về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước: là đảng cầm quyền, Đảng ta phải chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của bộ máy nhà nước. Vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có ý nghĩa quyết định để bảo đảm bản chất giai cấp của Nhà nước, bảo đảm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân.

Đề án cần làm rõ hơn nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với từng cấp, từng lĩnh vực của bộ máy nhà nước; đổi mới tổ chức đảng trong bộ máy nhà nước để Đảng thực sự giữ vai trò lãnh đạo, không buông lỏng và không bao biện công việc nhà nước.

*
* *

Căn cứ vào ý kiến trên đây của Bộ Chính trị, Tiểu ban chỉnh lý lại dự thảo đề án và triển khai việc lấy ý kiến theo kế hoạch chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 52-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997

Về một số dự án luật và nghị quyết Quốc hội

Tại phiên họp ngày 7-3 và 8-3, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề của Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự, dự án Luật thương mại và dự thảo Nghị quyết về chủ trương xử lý một số vấn đề về nhà ở, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về Dự án luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự

- Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự như tờ trình của Đảng đoàn Quốc hội là cần thiết nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu của cuộc đấu tranh chống tham nhũng, chống các tệ nạn xã hội.

- Người có chức vụ cao mà lợi dụng chức vụ để tham nhũng thì phải bị xử nghiêm khắc hơn, cần xem đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự để áp dụng mức án cao trong khung hình phạt, nhưng không nên lấy đó làm căn cứ để định thêm khung hình phạt hoặc đưa sang khung hình phạt khác.

- Vấn đề nhận quà biếu phải quy định cụ thể: cái gì, trường hợp nào được nhận và cái gì, trường hợp nào không

được nhận; cũng phải quy định rõ trường hợp nào không được lấy của công làm quà tặng, quà biếu. Hành vi nhận quà biếu giá trị lớn có liên quan đến công vụ nên coi là tội nhận hối lộ, không cần thiết phải quy định thành một tội riêng.

- Việc xử lý đối với những người trồng trái phép cây thuốc phiện hoặc cây khác có chứa chất ma túy phải có tình có lý; phải giúp đồng bào chuyển đổi cây trồng, đảm bảo cuộc sống. Chỉ xử lý hình sự đối với những trường hợp đã được vận động, giáo dục, được Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi cây trồng và đã bị xử lý hành chính mà vẫn còn cố tình trồng trái phép.

- Đối với những người nghiện chất ma túy, không nên xử lý về hình sự, mà nên áp dụng các biện pháp vận động tuyên truyền, giáo dục, tổ chức cai nghiện và xử lý hành chính.

- Việc xác định mức độ tham nhũng phải xử lý về hình sự và mức độ tham nhũng phải xử lý ở mức án cao nhất là cần thiết, nhưng phải xem xét nhiều mặt để xác định đúng bản chất của hành vi tham nhũng, không nên chỉ căn cứ vào hậu quả vật chất (số tiền tham nhũng).

- Đối với tội hiếp dâm trẻ em, phải xử nặng, tội rất nặng thì phải tử hình. Những vấn đề này, nên để Quốc hội thảo luận; sau đó Đảng đoàn Quốc hội trình lại Bộ Chính trị. Song việc quy định cụ thể trường hợp nào phải xử tử hình thì cần cân nhắc thêm về cách thể hiện trong văn bản sao cho không gây bất lợi về tâm lý xã hội, và chỉ đưa vấn đề này ra thảo luận ở từng đoàn đại biểu.

2. Về Dự thảo nghị quyết của Quốc hội về giao dịch dân sự về nhà ở

Về vấn đề này, cần chuẩn bị hai nghị quyết để đưa ra kỳ họp Quốc hội lần này quyết định.

- Một nghị quyết xử lý những giao dịch dân sự về nhà ở (cho mượn, cho thuê... nhà ở) giữa cá nhân với cá nhân và giữa cá nhân với tổ chức, trong đó cần quy định rõ đối với những trường hợp Nhà nước, đoàn thể mượn hoặc thuê nhà của dân thì nay cần giải quyết trả nhà hoặc đền bù thích hợp.

Đây là vấn đề phức tạp có liên quan đến nhiều đối tượng xã hội, nhất là ở các đô thị lớn. Do vậy, cần phải tổ chức việc nghiên cứu, khảo sát cụ thể, phân loại những trường hợp phải xử lý, xác định chính xác số lượng từng loại. Trên cơ sở đó, cân nhắc để có chủ trương, chính sách giải quyết phù hợp.

- Đồng thời phải ra một nghị quyết khác khẳng định không đặt vấn đề xem xét lại các trường hợp nhà trong cải tạo, nhà đã hiến cho Nhà nước, nhà vắng chủ bất hợp pháp của người di tản, vượt biên mà Nhà nước đã quản lý. Tuy nhiên đối với những trường hợp mà đương sự nay quá khó khăn về nhà ở cũng nên tùy tình hình cụ thể mà xem xét có sự giải quyết nhất định thích hợp.

Căn cứ vào tinh thần trên, cơ quan chức năng chuẩn bị hai nghị quyết để Chính phủ và Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét lại, sau đó trình Bộ Chính trị cho ý kiến một lần nữa trước khi đưa ra Quốc hội thảo luận quyết định.

3. Về dự án Luật thương mại

Việc ban hành *Luật thương mại* là yêu cầu cấp thiết hiện nay nhằm tạo cơ sở pháp lý mở rộng thị trường giao lưu hàng hóa và dịch vụ thông suốt trong cả nước cũng như mở rộng giao lưu thương mại với nước ngoài, theo định hướng xã hội

chủ nghĩa. Nội dung của dự luật phải thể hiện được những yêu cầu sau:

- Bảo đảm vai trò chủ đạo của thương nghiệp nhà nước; tăng cường sự quản lý của Nhà nước trong lĩnh vực thương mại.

- Hoạt động thương mại vì lợi ích quốc gia, lợi ích người tiêu dùng, góp phần ổn định chính trị, thực hiện chính sách phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, củng cố và xây dựng từng bước quan hệ sản xuất mới; giải phóng sức lao động, phát triển lực lượng sản xuất; tạo điều kiện cho các vùng dân cư đều phát triển.

- Khuyến khích xuất khẩu, giảm dần nhập siêu, ưu tiên việc nhập khẩu để phát triển sản xuất, phục vụ xuất khẩu; hạn chế nhập những mặt hàng tiêu dùng xa xỉ, chưa thiết yếu; bảo hộ hàng trong nước...

- Cần rà soát lại cách diễn đạt và việc sử dụng từ ngữ ở nhiều câu, nhiều đoạn trong dự thảo luật để bảo đảm thể hiện chính xác, nhất quán những khái niệm và nội dung trình bày trong luật, tránh gây hiểu lầm, hiểu sai lệch, hoặc không rõ ràng, khó hiểu.

Căn cứ vào các yêu cầu trên và ý kiến phát biểu của các đồng chí Bộ Chính trị trong phiên họp, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc chỉnh lý dự luật để trình Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 53-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997

**Về việc tham gia Đại hội Liên hoan
thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 14**

Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 14 (Festival 14) sẽ được tổ chức từ ngày 27-7 – 5-8-1997 tại Cuba.

Đây là một hoạt động nhằm tăng cường tình đoàn kết, hữu nghị, đấu tranh vì hòa bình, độc lập dân tộc và phát triển của thanh niên và sinh viên tiến bộ, dân chủ toàn thế giới.

Thanh niên và sinh viên nước ta tham gia Festival 14 là thực hiện trách nhiệm quốc tế đối với phong trào thanh niên và sinh viên thế giới; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của thanh niên và sinh viên thế giới đối với công cuộc đổi mới của nhân dân ta; bày tỏ tình đoàn kết, hữu nghị với tuổi trẻ và nhân dân Cuba.

Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh phối hợp với các cơ quan, ban, ngành, địa phương lựa chọn, cử các đại biểu

theo đúng tiêu chuẩn và cơ cấu (sinh viên, thanh niên, công nhân, nông dân, lực lượng vũ trang, dân tộc, nữ...). Đại biểu thanh niên Việt Nam tham gia Festival 14 phải là những người có thành tích trong lĩnh vực mình hoạt động, có trình độ chính trị và phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết các vấn đề trong nước, nắm vững đường lối đối ngoại của Đảng ta, có kiến thức về các chuyên đề và có khả năng giao tiếp một cách có văn hóa, trong đó có một tỷ lệ thỏa đáng các đại biểu có trình độ ngoại ngữ khá, để tham gia có hiệu quả các hoạt động của Festival 14. Chọn những nghệ sĩ trẻ xuất sắc để tham gia các hoạt động nghệ thuật.

Số cán bộ lãnh đạo lớn tuổi tham gia đoàn nên ít. Không nhất thiết mỗi tỉnh phải có 1 người tham gia.

Số lượng đại biểu nên tính cho vừa phải (tổng số khoảng 120 người).

Đoàn đại biểu thanh niên nước ta tham gia Festival 14 phải được lãnh đạo tốt về tư tưởng, chính trị và có tổ chức chặt chẽ bảo đảm nâng cao uy tín của thanh niên, sinh viên và nhân dân ta, góp phần làm cho Festival 14 thành công tốt đẹp.

2. Phát động trong thanh niên, sinh viên phong trào hưởng ứng Festival 14 bằng những việc làm thiết thực, qua đó giáo dục lý tưởng cách mạng, ý thức trách nhiệm của tuổi trẻ đối với Tổ quốc và nhân dân, với sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng nếp sống văn minh, lành mạnh và tinh thần quốc tế trong sáng.

3. Ban Dân vận Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Đối ngoại Trung ương, Bộ Ngoại giao, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Nội vụ phối hợp giúp Trung ương

Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh chuẩn bị về lập đoàn đại biểu và xây dựng đề án hoạt động của Đoàn.

4. Giao cho đồng chí Phạm Thế Duyệt chỉ đạo việc thành lập và xây dựng nội dung hoạt động của Ban trụ bị về Festival 14 của Việt Nam.

5. Chính phủ chỉ đạo Bộ Tài chính, Tổng cục Hàng không dân dụng Việt Nam, Tổng cục Hải quan và các bộ, ngành có liên quan giúp đoàn đại biểu thanh niên và sinh viên nước ta giải quyết kịp thời các vấn đề về tài chính, vật chất và những vấn đề khác có liên quan.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHÁ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 56-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997

Về tình hình hoạt động ngân hàng sau 5 năm thực hiện Pháp lệnh

Trong hai ngày 20 và 21-3-1997, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước báo cáo tình hình hoạt động ngân hàng từ khi có Pháp lệnh, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Trong những năm vừa qua, ngành ngân hàng đã có nhiều đổi mới, trưởng thành cả về cơ chế quản lý, hệ thống tổ chức, đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất kỹ thuật, đã có những đóng góp lớn vào thành công của công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước.

Nhưng lĩnh vực ngân hàng cũng còn nhiều khuyết điểm, yếu kém. Báo cáo chưa phân tích đầy đủ, sâu sắc những khuyết điểm và yếu kém đó, nhất là trong việc thực hiện đường lối, quan điểm, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với lĩnh vực kinh tế quan trọng này. Bởi vậy Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước cần kiểm điểm sâu hơn để trình lại Bộ Chính trị, lưu ý tập trung vào các nội dung sau:

1. Về trách nhiệm của ngành ngân hàng trong việc quản lý lưu thông tiền tệ, nhất là quản lý ngoại tệ và vàng

Cần làm rõ nguyên nhân và trách nhiệm trong việc để nhiều đồng tiền nước ngoài và vàng được dùng cho lưu thông và thanh toán trên thị trường trong nước; tình trạng lưu thông tiền và thanh toán không qua ngân hàng, tạo phương tiện mở rộng nhập khẩu quá mức và không đúng định hướng của Nhà nước, kể cả nhập hàng tiêu dùng cao cấp và nhập lậu hàng hóa không kiểm soát được; trách nhiệm của ngân hàng trong việc buông lỏng quản lý mở LC nhập hàng trả chậm dẫn đến nhập siêu và thâm hụt lớn cán cân thương mại, làm giảm hoặc hạn chế nguồn dự trữ ngoại tệ, dẫn đến việc hàng ngoại chèn lấn hàng nội, gây khó khăn cho sản xuất, việc làm và đời sống người lao động trong nước, ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của nền kinh tế.

2. Về hoạt động ngân hàng phục vụ đường lối thực hành tiết kiệm, tăng tích lũy đầu tư cho sản xuất, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội

Cần phân tích rõ vì sao ngân hàng chưa huy động được các nguồn vốn trong xã hội, chưa khuyến khích được tiết kiệm, tăng tích lũy cho đầu tư phát triển? Làm rõ trách nhiệm của ngân hàng trước tình trạng lãng phí, tiêu dùng vượt quá khả năng của nền kinh tế.

Phân tích rõ cơ cấu cho vay của các ngân hàng thương mại. Làm rõ tỷ lệ cho vay đầu tư, đổi mới công nghệ phát triển sản xuất và cho vay để buôn bán; tỷ lệ cho vay giữa các

ngành, các vùng, cho vay để phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn; tỷ lệ cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn; cho vay đối với người giàu và người nghèo; cho vay thu mua lương thực của nông dân; cho vay giải quyết việc làm, các đối tượng chính sách, vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn... để đánh giá mức độ ngân hàng phục vụ đúng đường lối, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Đảng và Nhà nước.

3. Về ngân hàng với chủ trương phát triển của thành phần kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Cần phân tích rõ ngân hàng đã làm gì để góp phần đổi mới, nâng cao hiệu quả kinh doanh và phát triển kinh tế nhà nước, để kinh tế nhà nước giữ được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế? Ngân hàng đã làm gì để hỗ trợ sự phát triển của kinh tế cá thể, tiểu chủ, kinh tế hộ nông dân và hướng dẫn họ đi vào kinh tế hợp tác, hỗ trợ và tạo điều kiện cho kinh tế hợp tác phát triển? Ngân hàng đã làm gì để hỗ trợ cho kinh tế tư bản tư nhân trong nước phát triển, kiểm soát được hoạt động của họ, hướng họ liên doanh liên kết với nhà nước, đi vào con đường kinh tế tư bản nhà nước, tăng thêm sức cạnh tranh với bên ngoài? Ngân hàng đã làm gì để góp phần thu hút vốn đầu tư nước ngoài, huy động được vốn trong nước, tăng tỷ lệ góp vốn cho phía Việt Nam trong liên doanh và kiểm soát được hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài?

Mặt khác, cần đánh giá việc thực hiện chính sách kinh tế nhiều thành phần ngay trong hệ thống ngân hàng. Đánh giá vai trò quản lý nhà nước trong lĩnh vực lưu thông tiền tệ của Ngân hàng Nhà nước; đánh giá về tổ chức, cơ

chế quản lý, hiệu quả hoạt động của các ngân hàng thương mại quốc doanh. Cần xem xét mặt tích cực và tiêu cực của việc cho phép thành lập hàng loạt ngân hàng thương mại cổ phần, liên doanh với nước ngoài và chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam; đánh giá tình hình hoạt động của các ngân hàng này. Cần tổng kết, rút kinh nghiệm việc thí điểm thành lập các quỹ tín dụng nhân dân để có chủ trương mở rộng.

4. Cần kiểm điểm tình hình điều hành lãi suất, tỷ giá, hạn mức tín dụng, về thế chấp tài sản khi cho vay với các đối tượng; trách nhiệm của ngân hàng đối với những khoản cho vay khó đòi đối với tình trạng nợ nần dây dưa trong các doanh nghiệp; trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng các khoản vay, viện trợ và trả nợ nước ngoài, quản lý dự trữ vàng và ngoại tệ của quốc gia; về tiền lương, tiền thưởng, về tình hình đội ngũ cán bộ và tình hình tham nhũng, về công tác thanh tra, kiểm tra trong ngành ngân hàng.

Sau khi Ban Cán sự Đảng Ngân hàng Nhà nước bổ sung hoàn chỉnh báo cáo theo tinh thần chỉ đạo nói trên, Bộ Chính trị sẽ xem xét việc trình Quốc hội thông qua *Luật ngân hàng*.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHÁ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 58-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997

VỀ CƠ CHẾ KINH DOANH LƯƠNG THỰC VÀ PHÂN BÓN

Ngày 11-3-1997, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các ngành có liên quan báo cáo về cơ chế kinh doanh lương thực và phân bón, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Việc kinh doanh lương thực và phân bón phải quán triệt quan điểm của Đảng về quan hệ giữa Nhà nước với nông dân, công nghiệp với nông nghiệp, thực hiện tốt liên minh công - nông, trước hết là liên minh về kinh tế; bảo đảm lợi ích chính đáng của nông dân, giúp đỡ nông dân phát triển sản xuất, nâng cao đời sống, tăng tích lũy và đóng góp ngày càng nhiều cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, góp phần đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

2. Công tác quản lý nhà nước và việc sử dụng lực lượng kinh tế nhà nước trong lưu thông lương thực cần nhằm mục tiêu tiêu thụ kịp thời hết lương thực hàng hóa của nông dân với giá cả hợp lý; bảo đảm an toàn lương thực quốc gia, ổn định thị trường lương thực trong nước và nâng cao hiệu quả xuất khẩu.

3. Thực hiện tốt chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần trong kinh doanh lương thực và phân bón.

Các doanh nghiệp nhà nước kinh doanh lương thực và phân bón phải thực sự trở thành lực lượng chủ lực trên thị trường lúa gạo và phân bón, có mạng lưới trực tiếp mua lương thực và bán phân bón tới các hộ nông dân.

Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác ở nông thôn dưới nhiều hình thức thích hợp, làm cho các tổ chức này thực sự trở thành người đại diện bảo vệ quyền lợi của các hộ nông dân thành viên, quan hệ trực tiếp với doanh nghiệp nhà nước khi mua phân bón, bán lương thực; tiến tới tham gia vào hoạt động xuất, nhập khẩu các mặt hàng này.

Sử dụng tư thương trong một số khâu cần thiết, nhưng phải hạn chế mặt tiêu cực của tư thương làm thiệt hại đến nông dân, làm ảnh hưởng tới sản xuất và đời sống nông dân, tới lợi ích của Nhà nước. Khuyến khích tư nhân tham gia liên doanh, liên kết với các thành phần kinh tế khác bằng những hình thức phù hợp.

4. Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh doanh lương thực và phân bón.

Gắn việc nhập khẩu phân bón và xuất khẩu lương thực trong hoạt động kinh doanh để sử dụng vốn hợp lý và giảm chi phí lưu thông.

Phân công hợp lý nhiệm vụ xuất khẩu lương thực và nhập khẩu phân bón giữa các doanh nghiệp nhà nước trung ương và địa phương để việc xuất khẩu lương thực và nhập khẩu phân bón có hiệu quả và đáp ứng tốt nhất yêu cầu của nông dân. Tiếp tục chỉ đạo mô hình thí điểm gắn sản xuất và xuất khẩu lương thực, trước mắt đối với các nông trường quốc

doanh đã được Thủ tướng Chính phủ cho phép trực tiếp xuất khẩu lương thực.

Tập trung hợp lý các đầu mối giao dịch ký hợp đồng với nước ngoài. Kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm những trường hợp tranh giành khách, ký hợp đồng với khách hàng nước ngoài vì lợi ích cá nhân, cục bộ gây thiệt hại đến lợi ích đất nước; nghiêm cấm việc mua bán hạn ngạch xuất khẩu gạo và nhập khẩu phân bón dưới mọi hình thức. Tính toán chặt chẽ hiệu quả kinh tế của các dự án liên doanh với nước ngoài trong kinh doanh lương thực.

Nghiên cứu cơ chế bảo đảm vốn cho kinh doanh lương thực và phân bón theo hướng: ngân hàng cho doanh nghiệp nhà nước vay vốn hoặc bảo lãnh cho doanh nghiệp nhà nước vay vốn nước ngoài nếu doanh nghiệp bảo đảm khả năng trả nợ đúng hạn để nhập phân bón; doanh nghiệp bán phân bón cho nông dân lấy tiền để mua lương thực xuất khẩu.

Tăng quy mô dự trữ quốc gia về lương thực để bảo đảm vững chắc an toàn lương thực quốc gia; đồng thời sử dụng có hiệu quả lực lượng dự trữ quốc gia. Thực hiện việc điều tiết hợp lý lợi ích của người sản xuất và người tiêu dùng chủ yếu bằng thực lực kinh tế của Nhà nước, hạn chế việc sử dụng các biện pháp hành chính.

5. Để giải quyết cơ bản, vững chắc vấn đề sản xuất lương thực và nâng cao hiệu quả kinh doanh lương thực, phân bón, cần khẩn trương nghiên cứu và có kế hoạch triển khai các biện pháp phòng tránh, thoát lũ ở đồng bằng sông Cửu Long, đưa nhanh các tiến bộ khoa học kỹ thuật và công nghệ mới vào sản xuất, bảo quản phơi sấy và chế biến lương thực dưới nhiều hình thức, bước đi và cách làm thích hợp.

6. Sản xuất, kinh doanh lương thực, phân bón và dự trữ lương thực là nhiệm vụ quan trọng có liên quan trực tiếp tới đại bộ phận nhân dân, đến việc ổn định tình hình kinh tế - xã hội, tạo nguồn lực và thị trường cho công nghiệp hóa, cần được tiếp tục nghiên cứu, xây dựng thành một chương trình riêng để đưa vào nội dung đề án trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII sắp tới.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 55-TB/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1997

Về một số dự án pháp lệnh

Tại phiên họp ngày 13 và ngày 14-3-1997, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội báo cáo một số vấn đề của các dự án *Pháp lệnh chống tham nhũng, Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí* và *Pháp lệnh cán bộ, công chức*; Bộ Chính trị đã có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Tham nhũng, quan liêu, lãng phí của công là tệ nạn liên quan trực tiếp đến cán bộ, đảng viên có chức, có quyền. Các tệ nạn này là nguy cơ làm thoái hóa Đảng và suy thoái bộ máy nhà nước. Do vậy, việc sớm ban hành các pháp lệnh trên là yêu cầu cấp thiết nhằm thể chế hóa và tổ chức thực hiện chủ trương của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về chống tham nhũng, quan liêu, lãng phí, làm trong sạch bộ máy Đảng và Nhà nước ta.

2. Về dự án *Pháp lệnh chống tham nhũng*

- Dự án *Pháp lệnh chống tham nhũng* cần quán triệt các quan điểm chỉ đạo của Bộ Chính trị nêu trong Nghị quyết số 14

ngày 15-5-1996 của Bộ Chính trị (khóa VII) và Chỉ thị số 10 ngày 4-1-1997 của Bộ Chính trị (khóa VIII), nhằm góp phần đẩy mạnh việc phòng và chống tệ tham nhũng có hiệu quả vững chắc; tích cực chống tham nhũng, nhưng không ồn ào, không để kẻ địch lợi dụng chống phá ta, nhất là trong thời điểm chúng ta đang tập trung làm tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa X.

- Về quy định những việc mà những người có chức vụ, quyền hạn không được làm, cần phải phù hợp và nhất quán với các quy định trong *Pháp lệnh cán bộ, công chức* và *Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*.

Cán bộ, công chức đương chức không được tham gia thành lập hoặc trực tiếp lãnh đạo, điều hành quản lý doanh nghiệp tư nhân, công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, mở trường học tư, bệnh viện tư, cơ sở nghiên cứu khoa học tư.

Đối với cán bộ lãnh đạo và quản lý doanh nghiệp nhà nước thì thu nhập chính phải bằng tiền lương do doanh nghiệp trả (cần có chính sách để bảo đảm vấn đề này); có thể tham gia mua cổ phần với tỷ lệ nhất định, nhưng thu nhập qua cổ phần chỉ là thu nhập phụ so với tiền lương.

3. Về dự án *Pháp lệnh thực hành tiết kiệm, chống lãng phí*

- Đồng ý với đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội về đối tượng điều chỉnh của *Pháp lệnh* này, tập trung vào các tổ chức, cá nhân sử dụng vốn, tài sản của Nhà nước ở 4 lĩnh vực: sử dụng kinh phí, ngân sách nhà nước; sử dụng đất đai, nhà công vụ, tài nguyên thiên nhiên; đầu tư xây dựng; quản

lý và sử dụng vốn và tài sản tại doanh nghiệp nhà nước. Cần có quy định về chấp hành thời gian lao động của cán bộ, viên chức nhà nước.

Pháp lệnh cần có một số quy định về nguyên tắc và yêu cầu nhằm khuyến khích, động viên phong trào rộng lớn trong toàn dân, toàn xã hội chống lãng phí, thực hành tiết kiệm. Quy định rõ việc tổ chức ma chay, cưới xin, lễ hội, liên hoan... phải tiết kiệm, giữ gìn thuần phong, mỹ tục, không phô trương, hình thức tốn kém; trước hết, cán bộ, đảng viên phải gương mẫu thực hiện.

- Cần xác định rõ trách nhiệm phải bồi thường vật chất của người gây ra lãng phí, thất thoát; nhất là trách nhiệm của thủ trưởng đơn vị, người ra các chủ trương, quyết định sai dẫn đến lãng phí, tổn thất sức dân và tài sản của Nhà nước.

- Để Pháp lệnh có hiệu lực khi thực hiện, điều quan trọng là phải xây dựng được hệ thống định mức, tiêu chuẩn, chế độ phù hợp với tình hình thực tiễn và có khả năng thực hiện được. Đây là công việc phức tạp, các cơ quan có trách nhiệm cần tập trung lực lượng nghiên cứu, rà soát lại các quy định hiện hành để sửa đổi các định mức, tiêu chuẩn không còn phù hợp; bổ sung thêm các quy định mới để ban hành ngay sau khi Pháp lệnh được thông qua (các dự thảo quy định về định mức, tiêu chuẩn cần được gửi đến các đồng chí Bộ Chính trị góp ý kiến trước khi ban hành).

4. Về Pháp lệnh cán bộ, công chức

- Phạm vi điều chỉnh của Pháp lệnh bao gồm tất cả cán bộ, công chức trong toàn bộ hệ thống chính trị là phù hợp với

đặc điểm hình thành và phát triển của đội ngũ cán bộ, công chức nước ta. Song, cần phân biệt rõ cán bộ lãnh đạo và những công chức làm việc chuyên nghiệp trong các cơ quan đảng, Nhà nước và đoàn thể để có quy định phù hợp với từng loại cán bộ, công chức (trong dự án Pháp lệnh chưa phân biệt rõ vấn đề này). Cần nêu rõ Đảng Cộng sản Việt Nam thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ, công chức thông qua các cấp ủy và các tổ chức đảng.

- Về quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, công chức, nên xác định rõ: cán bộ, công chức được hưởng tiền lương tương xứng với công việc được giao (Điều 7).

- Về những việc mà cán bộ, công chức không được làm, nên sửa lại một số điểm như sau:

+ Không nên quy định trong Pháp lệnh việc công chức không được đình công, lãn công.

+ Cán bộ, công chức làm việc ở *những ngành nghề do Chính phủ quy định*, trong 5 năm kể từ khi thôi việc, nghỉ hưu không được làm cho các tổ chức tư nhân trong nước, tổ chức, cá nhân người nước ngoài hoặc tổ chức liên doanh với nước ngoài.

+ Cấm cán bộ, công chức làm tư vấn mà gây thiệt hại cho Nhà nước vì mục đích tư lợi.

+ Thân nhân (bố, mẹ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi) của cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức không được tham gia góp vốn trong các tổ chức kinh tế thuộc quyền quản lý nhà nước *trực tiếp* của cơ quan mình.

+ Cán bộ, công chức là người đứng đầu cơ quan, tổ chức không được bố trí bố, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em ruột, con nuôi, con dâu, con rể làm các công việc về tổ chức nhân sự,

kế toán, thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan do mình phụ trách trực tiếp.

- Về chế độ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, cần xác định là *do cấp ủy đảng* và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

- Về quản lý cán bộ, công chức, nên xác định theo hướng Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước đối với cán bộ, công chức làm việc trong bộ máy nhà nước.

- Đối với cán bộ, công chức trong thời gian bị đình chỉ công tác, không nên quy định chỉ được tạm ứng 50% lương và phụ cấp lương.

*

* *

Căn cứ những ý kiến trên, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo cơ quan có trách nhiệm chỉnh lý các dự án pháp lệnh và lấy ý kiến của các đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ 10. Nếu có vấn đề cần thiết thì xin ý kiến Bộ Chính trị trước khi Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 57-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1997

Về nhiệm vụ và chương trình công tác năm 1997 của Ban Đối ngoại Trung ương

Ngày 18-3-1997, sau khi nghe báo cáo về nhiệm vụ và chương trình công tác năm 1997 của Ban Đối ngoại Trung ương, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Những năm qua quan hệ đối ngoại của ta bao gồm quan hệ đối ngoại theo đường Đảng, quan hệ ngoại giao của Nhà nước và quan hệ đối ngoại nhân dân ngày càng phát triển mạnh mẽ. Ban Đối ngoại Trung ương với chức năng là cơ quan tham mưu của Trung ương Đảng đã có nhiều cố gắng thực hiện tương đối tốt các nhiệm vụ đã được quy định trong Quyết định 14-QĐ/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ngày 30-12-1991. Thời gian tới đây Ban Đối ngoại Trung ương cần xác định chức năng tham mưu cho phù hợp với tình hình mới, đồng thời tổ chức thực hiện tốt quan hệ đối ngoại theo đường Đảng, góp phần hướng dẫn hoạt động đối ngoại nhân dân; đặc biệt coi trọng công

tác kiểm tra, đánh giá kết quả triển khai thực hiện đường lối và chính sách đối ngoại.

Thường vụ Bộ Chính trị ủy nhiệm đồng chí Nguyễn Mạnh Cẩm chỉ đạo Ban Đối ngoại Trung ương và triệu tập cuộc họp với Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và các cơ quan liên quan khác rút kinh nghiệm về các hoạt động đối ngoại thời gian qua, đề ra phương hướng và quy chế hoạt động đối ngoại trên từng lĩnh vực, đề xuất kiến nghị về tổ chức, phân công, phân cấp quản lý nhằm tăng cường và mở rộng đồng thời bảo đảm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động đối ngoại trên cơ sở thống nhất quản lý và quản lý chặt chẽ các hoạt động đối ngoại.

Cần xác định rõ trách nhiệm và thẩm quyền của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách từng lĩnh vực đối với các hoạt động đối ngoại trong lĩnh vực hoặc địa bàn được phân công phụ trách; cố gắng phân định những việc gì đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách lĩnh vực quyết định, những việc gì đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị phụ trách chính trị đối ngoại quyết định, những việc gì thuộc chức trách, thẩm quyền quyết định của Ban Đối ngoại Trung ương, của các ban, ngành, đoàn thể nhân dân.

Thường vụ Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương cùng với các cơ quan chức năng, căn cứ vào đặc thù của hoạt động đối ngoại và tổ chức đảng ở ngoài nước, nghiên cứu phương án thành lập Đảng ủy Đối ngoại Trung ương nhằm tăng cường sự lãnh đạo thống nhất của Đảng đối

với công tác đối ngoại của Đảng, Nhà nước và nhân dân ở mọi cấp.

Các công việc trên đây cần sớm được triển khai thực hiện và báo cáo với Bộ Chính trị xem xét quyết định.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ VĂN PHÒNG

TRẦN TÌNH

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 13-CT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1997

Về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X

Theo quy định của Hiến pháp năm 1992, đến tháng 9-1997 Quốc hội khóa IX sẽ hết nhiệm kỳ, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X phải được tiến hành chậm nhất là trong tháng 7-1997.

Bầu cử đại biểu Quốc hội là sự kiện có ý nghĩa chính trị to lớn của đất nước ta, là nhiệm vụ trọng đại của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta để nhân dân cả nước lựa chọn những đại biểu xứng đáng đại diện cho ý chí, nguyện vọng của mình tại cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Thành công của việc bầu cử đại biểu Quốc hội lần này sẽ góp phần phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân; góp phần quan trọng vào việc thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, tạo tiền đề vững chắc để đất nước bước vào thế kỷ XXI.

Với ý nghĩa quan trọng đó, cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X phải được tập trung chỉ đạo chặt chẽ của các cấp, các ngành để đạt kết quả thật tốt. Do vậy, các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng cần nắm vững các yêu cầu sau đây:

1. Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng cần có kế hoạch chỉ đạo cụ thể việc chuẩn bị và tiến hành cuộc bầu cử, coi đây là một nhiệm vụ trung tâm rất quan trọng của Đảng trong năm 1997, bảo đảm cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội được tiến hành thực sự dân chủ, đúng pháp luật, an toàn, tiết kiệm, tạo nên không khí ngày bầu cử là ngày hội của toàn dân.

2. Về tiêu chuẩn đại biểu Quốc hội: Để Quốc hội xứng đáng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất và đủ sức làm tròn trách nhiệm của mình trong thời kỳ mới, đại biểu Quốc hội khóa X phải là người trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hăng hái phấn đấu thực hiện sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh; có lịch sử chính trị rõ ràng; có phẩm chất đạo đức tốt, cần, kiệm, liêm chính, chí công vô tư; có trình độ hiểu biết và năng lực thực hiện nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, tham gia quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; gương mẫu trong cuộc sống, chấp hành pháp luật, được nhân dân tín nhiệm và có điều kiện tham gia các hoạt động của Quốc hội.

Trong quá trình hoạt động, đại biểu Quốc hội phải làm tròn nghĩa vụ người đại biểu của nhân dân; nếu có vi phạm phải xử lý kịp thời, kể cả việc miễn nhiệm.

3. Lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn và trên cơ sở tiêu chuẩn mà xác định cơ cấu, thành phần đại biểu để Quốc hội thể hiện ý chí của khối đại đoàn kết toàn dân, nâng cao được chất lượng và hiệu quả hoạt động. Nhằm mục đích đó, cần chỉ đạo để có được tỷ lệ hợp lý đại biểu Quốc hội là người dân tộc thiểu số, đại biểu nữ, đại biểu là người ngoài đảng; tăng số đại biểu là công nhân, nông dân, trí thức; tăng thêm số lượng các đại biểu Quốc hội làm chuyên trách ở các cơ quan của Quốc hội. Cơ cấu hợp lý số lượng các đồng chí đang công tác ở các cơ quan của Đảng, ở các cơ quan hành pháp, tư pháp cũng như các lĩnh vực khác tham gia Quốc hội. Đảng đoàn Quốc hội và Ban Tổ chức Trung ương có kế hoạch hướng dẫn cụ thể về vấn đề này.

Các tổ chức đảng có trách nhiệm giới thiệu những đảng viên ưu tú để ứng cử đại biểu Quốc hội. Mọi đảng viên phải chấp hành nghiêm chỉnh quyết định của tổ chức đảng.

Các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm lựa chọn và giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn ứng cử đại biểu Quốc hội.

4. Cuộc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân ở một số địa phương mới được chia và điều chỉnh địa giới hành chính sẽ tổ chức cùng một ngày với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X. Vì vậy, các cấp ủy đảng ở những địa phương này cần quan tâm lãnh đạo tốt việc bầu cử bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Các cơ quan nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, các đơn vị lực lượng vũ trang cần tạo điều kiện để công dân thực hiện đầy đủ

quyền bầu cử và ứng cử theo quy định của pháp luật. Mọi cán bộ, đảng viên phải đề cao tinh thần trách nhiệm trước Đảng, phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu trong cuộc bầu cử.

Các cơ quan có trách nhiệm cần lắng nghe ý kiến của nhân dân, của tập thể trong việc lựa chọn người ứng cử, bảo đảm cách làm dân chủ và đúng quy định của *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội*.

Cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X được nhân dân phấn khởi chờ đón và được dư luận quốc tế quan tâm. Các cơ quan ở Trung ương và các địa phương cần có kế hoạch tổ chức tuyên truyền và phổ biến sâu rộng trong Đảng và nhân dân về ý nghĩa và tầm quan trọng của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X, về *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội*, về vai trò, vị trí của Quốc hội nhằm nâng cao ý thức trách nhiệm của cử tri, động viên các tầng lớp nhân dân hăng hái tham gia bầu cử. Đồng thời, các cấp ủy đảng và các cơ quan hữu quan cần có biện pháp bảo đảm an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội; kịp thời ngăn chặn những luận điệu xuyên tạc, những âm mưu, hành động lợi dụng bầu cử để gây rối; có kế hoạch phòng, chống bạo lực có thể xảy ra trong thời gian tiến hành bầu cử.

Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Hội đồng bầu cử Trung ương, Đảng đoàn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các cấp ủy đảng cần có kế hoạch cụ thể để thi hành tốt Chỉ thị này, đảm bảo cho cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X đạt kết quả cao, góp phần thực hiện tốt quyền dân chủ đại diện của nhân dân. Đồng thời cần giao cho các cơ

quan chức năng, các nhà khoa học nghiên cứu xây dựng các cơ chế, chính sách để thực hiện quyền dân chủ trực tiếp của nhân dân, nhất là ở cơ sở; tạo điều kiện để người lao động ở các cơ sở (xã, phường, đơn vị sản xuất kinh doanh, cơ quan, đơn vị sự nghiệp...) được tham gia bàn bạc và kiểm tra, kiểm soát các lĩnh vực công tác, sản xuất, phân phối, tài chính... của đơn vị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 59-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 1997

Về các dự án đầu tư quan trọng

Ngày 28 và 29-3-1997, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về các dự án đầu tư quan trọng trong các kế hoạch 5 năm đến năm 2010, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý về nguyên tắc chủ trương đầu tư và phương hướng huy động vốn, huy động sức dân để thực hiện 8 dự án nêu tại Tờ trình số 319/Pg, ngày 26-3-1997 của Ban Cán sự Đảng Chính phủ.

Bộ Chính trị sẽ nghe và cho ý kiến từng dự án cụ thể, trước khi có quyết định đầu tư.

2. Trong quá trình chuẩn bị các dự án, cần lưu ý thêm một số vấn đề sau:

- Về chương trình khí đốt - điện - đạm giai đoạn 1:

Nên tham khảo kinh nghiệm các nước khi liên doanh, hợp tác với nước ngoài và căn cứ đặc điểm các mỏ của ta (địa hình, địa chất, trữ lượng...) để đưa ra các điều kiện đàm phán, bảo đảm quyền lợi của nước ta (chia lợi nhuận, thuế tài nguyên và các loại thuế khác...).

Phía Việt Nam chiếm tỷ lệ lớn vốn đầu tư đường ống dẫn khí, phải nắm quyền điều hành; nếu chưa có kinh nghiệm, có thể thuê nước ngoài điều hành trong thời gian nhất định.

Doanh nghiệp Việt Nam phải tham gia xây lắp để nắm công nghệ, tiến tới tự xây lắp đường ống dẫn khí ở độ sâu trên 70m nước.

Phía Việt Nam nắm độc quyền tiêu thụ khí để chủ động trong việc thực hiện các chính sách phát triển (điện, đạm...) qua giá bán khí đốt.

- Về dự án lọc dầu số 1 Dung Quất:

Đồng ý thực hiện phương án Việt Nam tự đầu tư thực hiện dự án này. Cần huy động tối đa nguồn vốn trong nước, chủ động vay vốn nước ngoài; thực hiện đấu thầu quốc tế để nhập công nghệ, thiết bị tiên tiến và thuê tư vấn nước ngoài để tăng cường hiệu quả của công trình. Chú ý đầu tư sớm khâu sản xuất nhựa đường để đáp ứng nhu cầu phát triển giao thông, nguyên liệu cho sản xuất sợi tổng hợp để cùng với phát triển trồng bông ở miền Trung tiến tới đáp ứng nhu cầu may mặc trong nước và xuất khẩu.

Tiến hành đồng thời quy hoạch tổng thể khu công nghiệp Dung Quất và thu hút vốn xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp này. Ngay từ đầu, phải tính đến đầu tư xây dựng cảng nước sâu cho phép tàu có trọng tải lớn (10-15 vạn tấn) hoạt động thường xuyên và tạo các điều kiện thuận lợi cho việc cung cấp điện, nước, đường xá, thông tin liên lạc... Coi trọng việc bảo vệ môi trường sinh thái khu vực này.

- Về chương trình kiểm soát lũ đồng bằng sông Cửu Long:

Cần có giải pháp đồng bộ đặt trong tổng thể thống nhất với việc phát triển toàn lưu vực sông Mê Kông. Mục tiêu là, kiểm soát lũ cả năm đối với vùng ngập nông để chủ động sản xuất cả năm; đối với vùng ngập sâu kiểm soát lũ theo thời gian, hạn chế lượng nước lũ mang ít phù sa, tiêu thoát lũ cuối vụ để chủ động xuống giống vụ đông xuân kịp thời vụ, bảo đảm sản xuất phát triển ở mức cao, phát triển kinh tế - xã hội toàn diện.

Phân biệt các loại công trình: Nhà nước đầu tư, Nhà nước và nhân dân cùng đầu tư, nhân dân đầu tư.

- Về dự án thủy điện Sơn La:

Thủy điện Sơn La là một công trình trong tổng sơ đồ phát triển điện, bắt buộc phải làm càng sớm càng tốt.

Luận chứng kinh tế - kỹ thuật công trình này phải tính khả năng lợi dụng tổng hợp: thủy điện - thủy lợi - giao thông vận tải - thủy sản - du lịch - sinh thái. Tranh thủ vốn ODA, đồng thời có các hình thức huy động vốn trong nước cho công trình này.

Cần đánh giá đầy đủ hơn khu vực lòng hồ và các yếu tố ảnh hưởng đến công trình (khoáng sản, di tích khảo cổ, đặc điểm địa chất, thủy văn...) để có giải pháp hạn chế thiệt hại có thể xảy ra trước mắt và lâu dài. Đặc biệt đây là khu vực hay xảy ra động đất nhất trong cả nước. Có thể mời chuyên gia Nga làm tư vấn trong quá trình chuẩn bị.

Các ngành cùng các địa phương liên quan tính toán kỹ các phương án công trình, phương án tái định cư dân vùng lòng hồ. Bộ Chính trị sẽ nghe và quyết định phương án cụ thể.

- Về chương trình trồng rừng:

Chú ý ưu tiên đầu tư trồng rừng đầu nguồn. Những vùng có liên quan trực tiếp đến các công trình thủy điện (sinh thủy, chống xói mòn, bồi lắng lòng hồ).

- Về dự án xa lộ Bắc - Nam:

Cần xác định rõ mục đích, yêu cầu đầu tư của công trình này là: cùng với quy hoạch tổng thể, kết hợp giữa các phương tiện đường bộ - đường sắt - đường biển - đường không, bảo đảm giao thông vận tải nhanh chóng, thuận tiện, thông suốt, không bị ách tắc trong mùa mưa lũ; khai thác tiềm năng kinh tế - kết hợp an ninh - quốc phòng các vùng Tây Nguyên; kết hợp hình thành đầu mối giao thông - quá cảnh quốc tế.

Khảo sát, thiết kế các tuyến cụ thể, nên tính khả năng làm tuynen xuyên qua núi ở những nơi có thể. Bộ Quốc phòng cần tham gia từ đầu, khảo sát thiết kế những đoạn có liên quan đến yêu cầu của an ninh - quốc phòng.

Đây là một công trình có vốn đầu tư lớn, đoạn đường dài, qua nhiều địa hình phức tạp cho nên thời gian thi công cũng kéo dài. Cần chuẩn bị kỹ về các mặt: luận chứng kinh tế kỹ thuật, thiết kế công trình, tính toán phân kỳ chặt chẽ, trên cơ sở hiệu quả kinh tế - xã hội mà quyết định đoạn nào làm trước, đoạn nào làm sau, làm đến đâu chắc đến đó, không vội vã. Trong năm 1997 - 1998 cần tập trung làm tốt khâu chuẩn bị. Trước mắt có thể nâng cấp những đoạn đường cần nâng cấp nằm trong phương án tổng thể nhằm phục vụ cho việc mở vùng kinh tế đem lại hiệu quả ngay.

3. Các dự án của các công trình trên đây đều phải được chuẩn bị kỹ mới trình ra Quốc hội. Tuy nhiên, một số công trình đang được chuẩn bị, Quốc hội quan tâm, do vậy cần

thiết báo cáo có tính chất thông tin để Quốc hội khóa này biết chủ trương về xây dựng các công trình dầu khí, trồng rừng, kiểm soát lũ đồng bằng sông Cửu Long, thủy điện Sơn La, xa lộ Bắc - Nam. Khi các dự án cụ thể của các công trình này đã được xác định cụ thể sẽ trình Quốc hội phê chuẩn để thực hiện.

Đồng thời, cần xúc tiến ngay việc chuẩn bị các dự án về thép, công nghiệp cơ khí, về hàng không, hàng hải... trong tổng thể chiến lược công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn đến năm 2010 để trình Hội nghị Trung ương 4 (khóa VIII) thông qua.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 63-TB/TW, ngày 4 tháng 4 năm 1997

Về tiếp tục triển khai tích cực và vững chắc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước

Cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước là một chủ trương lớn của Đảng và Nhà nước. Từ giữa năm 1992, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan đã có nhiều quyết định triển khai thực hiện.

Đến nay, có 10 doanh nghiệp nhà nước đã chuyển thành công ty cổ phần và một số doanh nghiệp nhà nước đang làm các thủ tục để thực hiện cổ phần hóa. Ngoài ra, một số doanh nghiệp khác đã áp dụng nhiều hình thức huy động cổ phần để tăng thêm vốn phát triển.

Kết quả bước đầu các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa đều có những tiến bộ với mức độ khác nhau cả về năng suất, chất lượng, hiệu quả. Đã thu hút được một nguồn vốn đáng kể trong cán bộ công nhân viên tại doanh nghiệp và ngoài xã hội; tạo được động lực trong quản lý và phát huy tốt hơn tính tích cực, sáng tạo của người lao động. Doanh thu, lợi nhuận, các khoản nộp ngân sách, tích lũy vốn của doanh

ng nghiệp và thu nhập của người lao động đều tăng. Việc làm của người lao động được bảo đảm tốt hơn; các biểu hiện tiêu cực trong doanh nghiệp giảm bớt.

Bên cạnh mặt tích cực cũng đã nảy sinh một số vấn đề cần được chú ý xử lý: sau khi doanh nghiệp thực hiện cổ phần hóa và đã hoạt động có hiệu quả, chưa có chính sách để khắc phục kịp thời tình trạng cổ phần của công nhân lao động quá ít so với cổ phần của cán bộ lãnh đạo doanh nghiệp; chưa có cơ chế để người lao động mới vào làm việc ở doanh nghiệp sau khi cổ phần hóa sớm được mua cổ phần; phần vốn Nhà nước thu được khi cổ phần hóa đều thu về ngân sách trong khi doanh nghiệp thiếu vốn và sản xuất kinh doanh đang có hiệu quả; lợi nhuận các xí nghiệp đã cổ phần hóa thu được để lại cho đầu tư phát triển sản xuất còn ít. Vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng, vai trò của công đoàn trong một số doanh nghiệp lu mờ, để mọi hoạt động của doanh nghiệp do hội đồng quản trị và giám đốc quyết định...

Mặt khác, việc thí điểm cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước làm chậm, số lượng doanh nghiệp nhà nước đã thực hiện cổ phần hóa còn ít, nguyên nhân chủ yếu là do:

- Các cấp ủy đảng và chính quyền chưa quán triệt đầy đủ chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước nên chưa chủ động triển khai. Cán bộ lãnh đạo và công nhân viên các doanh nghiệp còn nhiều băn khoăn, lo lắng về vị trí công tác, việc làm, thu nhập và đời sống khi thực hiện cổ phần hóa. Tâm lý e ngại, chần chừ còn phổ biến.

- Chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước là một vấn đề mới, nhưng một số quy định của Trung ương chưa đủ cụ thể, các văn bản pháp quy ban hành còn chậm, thủ tục còn

phiên hà, làm cho việc triển khai gặp khó khăn, lúng túng. Việc chỉ đạo thiếu thường xuyên, sâu sát và còn dàn đều, chưa tập trung vào một số ngành, địa phương trọng điểm.

- Cổ phần hóa là nhằm huy động vốn của toàn xã hội, nhưng chúng ta chưa làm cho người lao động và nhân dân quan tâm đến cổ phần hóa; chưa tạo được môi trường pháp lý, môi trường kinh tế thuận lợi cho việc cổ phần hóa; chưa có những hình thức, cơ chế gọi vốn và giao dịch chứng khoán phù hợp với điều kiện thực tế hiện nay để nhân dân có thể góp vốn và mua bán cổ phiếu thuận tiện, dễ dàng.

Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ VIII đã xác định: "Triển khai tích cực và vững chắc việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước để huy động thêm vốn, tạo thêm động lực thúc đẩy doanh nghiệp nhà nước làm ăn có hiệu quả, làm cho tài sản nhà nước ngày càng tăng lên, không phải để tư nhân hóa. Bên cạnh những doanh nghiệp 100% vốn nhà nước sẽ có nhiều doanh nghiệp nhà nước nắm đa số hay nắm tỷ lệ cổ phần chi phối. Gọi thêm cổ phần hoặc bán cổ phần cho người lao động tại doanh nghiệp, cho các tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp tùy từng trường hợp cụ thể; vốn huy động được phải dùng để đầu tư mở rộng sản xuất kinh doanh".

Để thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Bộ Chính trị yêu cầu thực hiện tốt những việc sau đây:

1. Các cấp ủy đảng và chính quyền phải quán triệt và tuyên truyền, giải thích trong nhân dân chủ trương, chính sách của Đảng về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước. Cổ phần hóa phải xuất phát từ yêu cầu phát triển của doanh

ng nghiệp nhà nước, nhằm huy động thêm vốn của cả bên trong và bên ngoài doanh nghiệp để đầu tư mở rộng ngành nghề, hiện đại hóa công nghệ, tạo thêm việc làm, phân công lại lao động, phát triển sản xuất, tăng thêm khả năng cạnh tranh, tăng tích lũy cho doanh nghiệp, đóng góp cho ngân sách và thu nhập của người lao động. Cổ phần hóa phải làm cho tiềm lực kinh tế của Nhà nước ngày càng tăng lên, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp ngày càng cao, góp phần đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước phải gắn liền với đổi mới cơ chế quản lý để tạo động lực, phát huy mạnh hơn vai trò làm chủ và tính năng động, sáng tạo của người lao động trong quản lý doanh nghiệp; đồng thời phải bảo đảm vai trò quản lý của Nhà nước trên cơ sở giữ số cổ phần cần thiết chi phối của Nhà nước tại doanh nghiệp.

2. Có chính sách khuyến khích cán bộ và công nhân trong doanh nghiệp mua cổ phần tại doanh nghiệp cổ phần hóa, nhưng không để chênh lệch quá lớn giữa lãnh đạo doanh nghiệp và người lao động. Có chính sách hỗ trợ cho công nhân nghèo mua được một số cổ phần cần thiết nhằm tạo động lực, góp phần xóa đói, giảm nghèo và thực hiện công bằng xã hội. Thực hiện tốt quy định về việc cấp lại cho người lao động trong các doanh nghiệp cổ phần hóa một số cổ phiếu tùy theo thời gian cống hiến của mỗi người, số cổ phiếu này thuộc sở hữu nhà nước tại doanh nghiệp, người lao động được hưởng cổ tức, được thừa kế cho con làm việc tại công ty cổ phần và không được chuyển nhượng. Có cơ chế để hàng năm gọi thêm cổ phần nhằm tăng thêm vốn cho phát triển sản xuất đồng thời tạo điều kiện cho người lao động mới vào xí

ng nghiệp được mua cổ phần. Có chính sách khuyến khích các cổ đông giành lợi nhuận tăng tích lũy để phát triển sản xuất. Khi có yêu cầu vốn để phát triển, doanh nghiệp có thể bán một số cổ phần cho tổ chức và cá nhân ngoài doanh nghiệp.

Trong khi chờ đợi thành lập thị trường chứng khoán, để thúc đẩy quá trình cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, trước mắt cho thành lập Trung tâm giao dịch giúp các cổ đông mua bán cổ phiếu thuận tiện.

3. Tổ chức đảng trong doanh nghiệp cổ phần hóa phải nắm vững chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa, vươn lên làm tốt vai trò lãnh đạo của mình, cấp ủy đảng phải bàn các chủ trương quan trọng của doanh nghiệp trước khi đưa ra hội đồng quản trị thảo luận quyết định, đặc biệt phải quan tâm lãnh đạo các chủ trương của doanh nghiệp về đầu tư và hợp tác với bên ngoài để phát triển, về xác định tỷ lệ cổ phần giữa Nhà nước và các cổ đông khác, giữa các thành viên trong doanh nghiệp và ngoài doanh nghiệp, giữa cán bộ lãnh đạo và công nhân trong doanh nghiệp; về thực hiện lương, thưởng và phúc lợi xã hội, tích lũy, tiêu dùng và làm nghĩa vụ đối với Nhà nước; về công tác xây dựng đảng, công tác cán bộ và công tác vận động quần chúng, công nhân viên chức... Đảng viên trong doanh nghiệp, nhất là đảng viên giữ chức vụ lãnh đạo phải gương mẫu và lãnh đạo công nhân viên chức thực hiện tốt chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

4. Các bộ, ngành, địa phương trình Thủ tướng Chính phủ phương án phân loại các doanh nghiệp nhà nước: loại cần tiếp tục giữ 100% vốn nhà nước; loại cần tiến hành cổ phần hóa, trong đó xác định cụ thể những doanh nghiệp nhà nước cần giữ cổ phần đa số, hoặc chỉ cần giữ cổ phần chi

phối. Trên cơ sở đó áp dụng đa dạng các hình thức cổ phần hóa và tùy điều kiện cụ thể của từng doanh nghiệp mà xác định hình thức cổ phần hóa phù hợp, như giữ nguyên giá trị hiện có của doanh nghiệp, phát hành cổ phiếu để thu hút thêm vốn phát triển doanh nghiệp (trước mắt, đây là hình thức chủ yếu); bán một phần giá trị hiện có của doanh nghiệp cho các cổ đông; tách một bộ phận của doanh nghiệp đủ điều kiện để cổ phần hóa; doanh nghiệp nhà nước đầu tư vốn làm nòng cốt để xây dựng doanh nghiệp mới dưới dạng cổ phần. Ưu tiên đầu tư lại cho doanh nghiệp phần vốn của Nhà nước thu được khi cổ phần hóa để đổi mới công nghệ phát triển sản xuất; những doanh nghiệp chưa có yêu cầu thì Nhà nước điều chuyển vốn đó vào đầu tư cho phát triển các doanh nghiệp khác đang cần vốn; không sử dụng phần vốn này vào việc khác.

5. Trong năm 1997, cần củng cố các doanh nghiệp nhà nước đã cổ phần hóa, đồng thời lựa chọn thêm một số doanh nghiệp nhà nước nhỏ và vừa, chủ yếu thuộc các ngành sau đây để mở rộng việc thí điểm cổ phần hóa: các doanh nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, chế biến nông sản, thủy hải sản, các doanh nghiệp dịch vụ, các doanh nghiệp thương mại kinh doanh các mặt hàng không chi phối lớn đến đời sống nhân dân, các doanh nghiệp vận tải đường bộ, đường sông Nhà nước không cần giữ 100% vốn. Sau một năm thực hiện sẽ sơ kết rút kinh nghiệm.

6. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, ban cán sự đảng các bộ và các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức thực hiện tốt các yêu cầu trên, tạo ra sự chuyển biến về thực hiện cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp nhà nước ngay trong năm 1997. Ban Chỉ

đạo cổ phần hóa Trung ương cần tập trung chỉ đạo các địa phương: Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh, Hải Phòng, Đà Nẵng, Bà Rịa - Vũng Tàu, Đồng Nai, Sông Bé... và các Bộ Giao thông - Vận tải, Công nghiệp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn... Phải thường xuyên theo dõi sát, nắm chắc tình hình, giúp các doanh nghiệp tiến hành cổ phần hóa và hoạt động thuận lợi. Rà soát lại để bổ sung, sửa đổi kịp thời các quy định về cổ phần hóa; hoàn chỉnh dần chính sách nhằm đảm bảo cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước tích cực, vững chắc, đạt được các mục tiêu đã đề ra, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát tài sản của Nhà nước.

7. Ban Tổ chức Trung ương, Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh xây dựng đề án về chức năng, nhiệm vụ của tổ chức đảng, công đoàn, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh trong các doanh nghiệp cổ phần hóa để trình Bộ Chính trị.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Kinh tế Trung ương và các ban đảng có liên quan có nhiệm vụ giúp Bộ Chính trị kiểm tra, đôn đốc thực hiện tốt chủ trương này.

Sau một thời gian tiếp tục thực hiện thí điểm, Bộ Chính trị sẽ chỉ đạo việc sơ kết và ra chỉ thị hoặc nghị quyết về vấn đề cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 61-TB/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1997

VỀ VIỆC VIỆT NAM ĐĂNG CAI HỘI NGHỊ CẤP CAO LẦN THỨ 7 CÁC NƯỚC CÓ SỬ DỤNG TIẾNG PHÁP (NĂM 1997)

Theo đề nghị của nước ta, Hội nghị cấp cao lần thứ 6 Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp (dưới đây gọi tắt là Cộng đồng Pháp ngữ) họp tháng 12-1995 tại Côtônú (Bênanh) đã chọn Việt Nam là nước đăng cai tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 của Cộng đồng vào tháng 11-1997.

1. Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp là một tổ chức liên khu vực gồm 49 nước và chính phủ thành viên, trong đó có một số nước tư bản phát triển (Pháp, Canada, Bỉ, Thụy Sĩ, Lúcxambua, Mônacô), một số nước đang phát triển ở châu Phi, Caraíp, châu Á - Thái Bình Dương và 3 nước Trung Đông Âu. Trong các nước thành viên của Cộng đồng, các nước châu Phi có quan hệ gắn bó với Cộng đồng, Pháp có vai trò then chốt và có sự đóng góp lớn, ngoài ra Canada cũng có tiếng nói quan trọng. Pháp và Cộng đồng Pháp ngữ

không phải là một. Cộng đồng Pháp ngữ không phải là khối Liên hiệp Pháp.

Điểm chung trong Cộng đồng là tiếng Pháp được sử dụng ở những mức độ khác nhau, hoặc là ngôn ngữ chính thức, ngôn ngữ làm việc (như Pháp, Canada, hay là một số nước châu Phi) hoặc là một trong các ngoại ngữ chính (như Ai Cập, Libăng, Rumani, Lào, Việt Nam...). Trong xu thế chung các nước trên thế giới ngày càng mở rộng và tăng cường tham gia các tổ chức đa phương, Cộng đồng Pháp ngữ tiếp tục mở rộng tổ chức của mình (tại Hội nghị cấp cao lần thứ 6 năm 1995, Cộng đồng đã kết nạp thêm Xaotômê, một nước nói tiếng Bồ Đào Nha và Môndavi, một nước cộng hòa thuộc Liên Xô cũ).

2. Từ thập kỷ 70, Việt Nam đã là thành viên của Tổ chức Hợp tác văn hóa - kỹ thuật (ACCT) là tổ chức liên chính phủ của Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp. Từ đó nước ta đã tham dự tất cả các Hội nghị cấp cao của Cộng đồng tổ chức hai năm một lần, lần thứ nhất vào năm 1986.

Việc Việt Nam tham gia Cộng đồng các nước có sử dụng tiếng Pháp là thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa quan hệ đối ngoại, vì hòa bình, độc lập, phát triển. Hiện nay nước ta đã có quan hệ song phương với hầu hết các nước trên thế giới; tham gia những tổ chức đa phương toàn cầu (Liên hợp quốc), tổ chức khu vực (ASEAN) và liên khu vực (Phong trào không liên kết, Cộng đồng Pháp ngữ). Sự kết hợp hoạt động đối ngoại song phương với hoạt động đối ngoại đa phương tạo thêm thuận lợi cho nước ta trong hội nhập quốc

tế, củng cố và nâng cao vị thế quốc tế để thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ.

Cùng với tiếng Anh, tiếng Pháp là một trong 6 ngôn ngữ chính thức và một trong hai ngôn ngữ làm việc của hệ thống Liên hợp quốc. Nước ta nằm trong một khu vực chủ yếu sử dụng tiếng Anh và việc sử dụng tiếng Anh là rất cần thiết trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhưng bên cạnh tiếng Anh và các ngoại ngữ khác, việc sử dụng tiếng Pháp sẽ góp phần mở rộng thêm khả năng hợp tác kinh tế, khoa học - kỹ thuật và trao đổi văn hóa với bên ngoài của nước ta. Nước ta tham gia Cộng đồng Pháp ngữ không chỉ nhằm tiếp tục phát triển quan hệ giữa nước ta và nước Pháp, mà điều quan trọng hơn là với việc tham gia Cộng đồng Pháp ngữ, nước ta có thêm điều kiện mở rộng quan hệ với nhiều nước châu Phi, là khu vực vốn có quan hệ đoàn kết, hữu nghị sâu nặng với Việt Nam trong quá trình đấu tranh giải phóng, giành độc lập dân tộc nhưng đến nay còn ít quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa... với nước ta trong quá trình xây dựng đất nước. Hoạt động này sẽ tạo thêm thuận lợi để tăng cường quan hệ hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa các nước và các tổ chức trong Cộng đồng, có lợi cho công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ độc lập chủ quyền mỗi nước. Tuyên truyền về Hội nghị cấp cao các nước có sử dụng tiếng Pháp, chúng ta cần làm rõ mục đích trên đây, giới thiệu Cộng đồng Pháp ngữ với mức độ thích hợp, cân bằng đối với các nước thành viên, không để dư luận trong nước và quốc tế hiểu lầm là chúng ta chỉ quan tâm tăng cường quan hệ với riêng Pháp.

3. Trong dịp Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp họp ở Hà Nội, chúng ta cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền thông tin đối ngoại, giới thiệu sự nghiệp đổi mới của đất nước ta, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta, làm cho các nước châu Phi vốn có nhiều thiện cảm với Việt Nam hiểu biết thêm về thành tựu trong công cuộc đổi mới của ta, Hội nghị cấp cao lần thứ 7 lần này sẽ góp phần tăng cường quan hệ đoàn kết và thúc đẩy việc khai thác những tiềm năng hợp tác sau này.

Cần chú ý là do đặc điểm hình thành và phát triển của Cộng đồng Pháp ngữ, bên cạnh mặt hợp tác, đoàn kết là chủ yếu, trong quan hệ cộng đồng vẫn tồn tại những khác biệt, tranh chấp, có khi là mâu thuẫn giữa các nước phát triển, hoặc giữa các nước phát triển với các nước đang phát triển.

4. Việc Cộng đồng Pháp ngữ chọn Việt Nam để đăng cai tổ chức Hội nghị cấp cao lần thứ 7 nói lên vị thế quốc tế mới của nước ta, đồng thời phù hợp với mong muốn của Cộng đồng vì đây là Hội nghị cấp cao đầu tiên của Cộng đồng tổ chức ở châu Á. Đây cũng là lần đầu tiên Việt Nam là nước chủ nhà của một hội nghị quốc tế lớn với quy mô gần 2.000 người tham dự, trong đó có các nguyên thủ của gần 50 nước và đông đảo các nhà báo quốc tế. Chúng ta cần chuẩn bị khẩn trương, chu đáo và bảo đảm tuyệt đối an toàn Hội nghị.

Bộ Chính trị giao Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cùng phối hợp để hướng dẫn dư luận và chỉ

đạo công tác thông tin tuyên truyền về Cộng đồng Pháp ngữ, về Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp; yêu cầu các ngành, các cơ quan hữu quan, các cấp bộ đảng phối hợp chặt chẽ với Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương trong việc này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 14-CT/TW, ngày 9 tháng 4 năm 1997
Về lãnh đạo việc quản lý,
sử dụng mạng internet ở Việt Nam

Trong thời đại hiện nay, phát triển công nghệ thông tin là một nhu cầu tất yếu của các quốc gia trên thế giới.

Internet là mạng thông tin máy tính liên quốc gia đang được phát triển và sử dụng rộng rãi ở nhiều nước. Đối với nước ta, việc trao đổi thông tin qua mạng internet sẽ đem lại một khối lượng thông tin phong phú, đa dạng, góp phần phát triển nhiều hoạt động khoa học, giáo dục, kinh tế, xã hội... Nhưng mạng internet còn có thể bị lợi dụng để truyền những thông tin không có lợi với nội dung xuyên tạc sự thật, truyền bá lối sống, sinh hoạt văn hóa không lành mạnh, các bí mật về kinh tế, công nghệ và các tài liệu có nội dung vu cáo, kích động chống đối.

Vì vậy việc quản lý sử dụng mạng internet phải bảo đảm an toàn, giữ gìn nghiêm ngặt các bí mật quốc gia khi đưa thông tin vào mạng, cũng như khi nhận thông tin từ mạng. Nhà nước phải có những biện pháp quản lý chặt chẽ từ khâu

khai thác, lưu giữ đến khâu truyền tải, phổ biến các thông tin đó nhằm ngăn chặn những thông tin xấu, độc hại.

Chính phủ đã ban hành quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng internet ở Việt Nam. Để phát huy hiệu quả của việc sử dụng mạng internet, đồng thời loại bỏ mặt tiêu cực của nó, cần có sự lãnh đạo chặt chẽ của các cấp bộ đảng, các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở.

Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Các cấp ủy, tổ chức đảng có trách nhiệm chỉ đạo các cấp chính quyền, thủ trưởng các cơ quan quản lý, sử dụng mạng internet thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng mạng internet; cùng với các cấp chính quyền chịu trách nhiệm về kết quả cũng như sai phạm khi sử dụng mạng này. Các cấp ủy, tổ chức đảng cần làm tốt các việc sau đây:

- Lãnh đạo công tác tư tưởng đối với đảng viên, cán bộ, nhân viên có hoạt động liên quan đến việc sử dụng internet, trau dồi kiến thức, kỹ năng khai thác tốt nhất các thông tin có lợi của mạng phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời luôn luôn đề cao ý thức trách nhiệm, nâng cao cảnh giác đối với các hoạt động của các thế lực thù địch lợi dụng internet để phá hoại, gieo rắc các nọc độc về tư tưởng và văn hóa, lấy cắp các bí mật quốc gia...

- Các đảng bộ cơ sở, chi bộ đảng có trách nhiệm lãnh đạo, kiểm tra đảng viên và quần chúng trong việc thực hiện nghiêm chỉnh quy chế tạm thời về quản lý, thiết lập, sử dụng mạng internet ở Việt Nam do Chính phủ ban hành. Phát hiện kịp thời các hành vi vi phạm quy chế để uốn nắn, xử lý.

2. Việc mở rộng phạm vi sử dụng internet phải dựa trên nguyên tắc: quản lý chặt chẽ đến đâu thì mở rộng đến đấy,

không được mở rộng ô ạt, tùy tiện. Công việc này phải được chuẩn bị rất chu đáo về mặt kỹ thuật, về đội ngũ cán bộ, về cơ chế kiểm tra, kiểm soát.

3. Các ban cán sự đảng và thủ trưởng các cơ quan có chức năng chính trong việc quản lý sử dụng mạng internet (Bộ Khoa học - Công nghệ và Môi trường, Tổng cục Bưu điện, Bộ Văn hóa - Thông tin, Bộ Nội vụ, Bộ Quốc phòng) chịu trách nhiệm chỉ đạo cụ thể và theo sát tình hình phát triển mạng, có kiến nghị về các chủ trương quản lý và sử dụng mạng internet, kịp thời thông báo và xin ý kiến Thường vụ Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ về những vấn đề có liên quan đến an ninh và bí mật quốc gia.

Trong quá trình sử dụng mạng internet, cần kịp thời đúc rút kinh nghiệm về mọi mặt để tiến tới ban hành văn bản quản lý chính thức của Nhà nước.

4. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương có trách nhiệm tham gia ban điều phối quốc gia mạng internet; phối hợp với Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin trong việc chỉ đạo, kiểm tra việc thu nhận và phổ biến thông tin lấy từ mạng internet và truyền thông tin từ trong nước qua mạng trong lĩnh vực báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ; đồng thời phối hợp xử lý những trường hợp vi phạm quy chế sử dụng mạng internet.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 64-TB/TW, ngày 19 tháng 4 năm 1997

Về hai luật thuế và các dự án đầu tư quan trọng

Trong phiên họp ngày 18-4-1997, sau khi nghe Đảng đoàn Quốc hội trình bày một số vấn đề trong dự án *Luật thuế trị giá gia tăng (VAT)*, *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp* và các dự án đầu tư quan trọng, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về *Luật thuế trị giá gia tăng*

- Đồng ý bổ sung vào đối tượng chịu thuế các dịch vụ tài chính, ngân hàng, trừ dịch vụ tín dụng (cụ thể là hoạt động cho vay) và quỹ đầu tư.

- Đồng ý bổ sung một số loại hàng hóa, dịch vụ sau đây vào đối tượng không thuộc diện chịu thuế: bảo hiểm cây trồng, vật nuôi; hàng hóa nhập khẩu là máy móc, thiết bị thuộc viện trợ không hoàn lại cho Chính phủ Việt Nam; xây dựng cơ sở hạ tầng bằng vốn góp của nhân dân.

- Đồng ý chuyển các dịch vụ khoa học - kỹ thuật, hoạt động kinh doanh cây giống, con giống từ diện chịu thuế suất 10% sang diện chịu thuế suất 5%.

- Đồng ý chuyển các dịch vụ: xổ số kiến thiết, mỹ viện, mát xa, karaoke, khiêu vũ, sân gôn, đua ngựa sang diện thu thuế tiêu thụ đặc biệt.

2. Về Luật thuế thu nhập doanh nghiệp

- Những hộ nông dân sản xuất hàng hóa lớn cần đưa vào diện đối tượng chịu thuế. Chính phủ quy định cụ thể về tiêu chuẩn hộ nông dân sản xuất hàng hóa lớn và cách thu thuế đối với các hộ này.

- Ngoài mức thuế suất phổ thông là 32%, cần quy định mức phụ thu với các doanh nghiệp kinh doanh trong những ngành thu được lợi nhuận cao; áp dụng mức thuế suất 25% ưu đãi trong 3 năm kể từ ngày thực hiện *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp* đối với những doanh nghiệp kinh doanh trong những ngành lợi nhuận ít và đang gặp nhiều khó khăn cần được hỗ trợ.

3. Về các dự án đầu tư quan trọng

Đồng ý ghi vấn đề này vào nghị quyết chung của kỳ họp Quốc hội theo tinh thần:

- Quốc hội đồng ý về chủ trương để Chính phủ tiến hành chuẩn bị, triển khai xây dựng các dự án khả thi đối với từng công trình.

- Chính phủ chuẩn bị để trình Quốc hội khóa X quy định rõ tiêu chuẩn của những dự án đặc biệt lớn và quan trọng mà

Quốc hội cần trực tiếp phê chuẩn, phù hợp với Hiến pháp và các luật hiện hành. Đồng thời tạo điều kiện để Chính phủ chủ động quyết định việc triển khai thực hiện các loại dự án khác trong kế hoạch.

Đảng đoàn Quốc hội căn cứ vào ý kiến trên đây của Bộ Chính trị để chỉ đạo kỳ họp Quốc hội.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 28-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 1997

VỀ QUY CHẾ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Căn cứ vào Điều lệ Đảng do Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII thông qua và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII),

Bộ Chính trị quyết định Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương như sau:

Chương I

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 1.

Nhiệm vụ cụ thể của Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

1. Giải quyết những công việc thuộc nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra quy định trong Điều lệ Đảng, các quy định của Ban Chấp hành Trung ương và Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Giúp Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị tiến hành công tác kiểm tra theo Điều 30 Điều lệ Đảng, làm tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng; tham gia ý kiến về công tác cán bộ; thực hiện những nhiệm vụ do Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị giao.

3. Hướng dẫn, kiểm tra các tổ chức đảng và đảng viên thực hiện công tác kiểm tra và kỷ luật trong Đảng.

4. Phối hợp với Ban Tổ chức Trung ương và Văn phòng Trung ương giúp Bộ Chính trị theo dõi việc thực hiện Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương và kiến nghị với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị nhằm thực hiện đúng quy chế.

5. Quyết định những vấn đề về tổ chức, biên chế, bộ máy, cán bộ của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương theo thẩm quyền. Quyết định các biện pháp, kế hoạch thực hiện đường lối, chính sách, nghị quyết, chỉ thị của Đảng và pháp luật của Nhà nước trong cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 2.

Nhiệm vụ của Thường trực Ủy ban và các thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

1. Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương gồm Chủ nhiệm và một số phó chủ nhiệm, có nhiệm vụ thay mặt Ủy ban chỉ đạo, điều hành việc thực hiện chương trình công tác và các nhiệm vụ cụ thể do Ủy ban ủy nhiệm.

2. Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương chủ trì công việc của Ủy ban, chủ trì các cuộc họp Ủy ban.

Phó chủ nhiệm thường trực giải quyết công việc hằng ngày, quản lý và điều hành cơ quan thực hiện chương trình công tác và các quyết định của Ủy ban; thay mặt Chủ nhiệm khi Chủ nhiệm vắng.

3. Các thành viên Ủy ban tham gia thảo luận và biểu quyết các quyết định của Ủy ban; phụ trách một số lĩnh vực công tác và thực hiện những nhiệm vụ cụ thể do Ủy ban phân công. Qua thực hiện nhiệm vụ, báo cáo, đề xuất ý kiến với Ủy ban để Ủy ban báo cáo với Bộ Chính trị.

Điều 3.

Quyền hạn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương được yêu cầu các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên báo cáo tình hình, cung cấp tài liệu về những vấn đề có liên quan đến nội dung kiểm tra; được yêu cầu các tổ chức đảng có liên quan phối hợp hoạt động trong công tác kiểm tra. Các tổ chức đảng cấp dưới và đảng viên cần nghiêm túc thực hiện yêu cầu của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Trong quá trình Ủy ban Kiểm tra Trung ương tiến hành công tác kiểm tra, các tổ chức đảng và đảng viên nếu thấy có vấn đề cần tham gia ý kiến thì trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương, không được can thiệp hoặc gây khó khăn, trở ngại cho việc kiểm tra. Khi báo cáo Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị, Ủy ban Kiểm

tra Trung ương cần trình bày những ý kiến của tổ chức đảng và đảng viên về vấn đề có liên quan, kể cả những ý kiến trái với ý kiến của Ủy ban.

2. Thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương do Thường trực Ủy ban Kiểm tra Trung ương phân công được mời dự các kỳ họp của Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị bàn về công tác kiểm tra, công tác xây dựng Đảng và các công tác có liên quan. Theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, các thành viên của Ủy ban Kiểm tra Trung ương không phải Ủy viên Trung ương được mời dự hội nghị Trung ương, trừ những vấn đề Ban Chấp hành Trung ương cần bàn riêng.

3. Ủy ban Kiểm tra Trung ương được cử thành viên Ủy ban và cán bộ đến các địa phương, đơn vị để thực hiện nhiệm vụ công tác kiểm tra; dự các cuộc họp cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy trực thuộc Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể... bàn về công tác kiểm tra hoặc những công việc liên quan đến công tác kiểm tra.

4. Trong quá trình kiểm tra, nếu phát hiện có những quyết định hoặc việc làm trái với Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng, pháp luật của Nhà nước và vi phạm phẩm chất, đạo đức của đảng viên, đang hoặc sẽ gây tác hại nghiêm trọng thì Ủy ban Kiểm tra Trung ương được quyền yêu cầu cấp ra quyết định hoặc làm việc sai trái đó đình chỉ những việc đang làm, đồng thời Ủy ban cần thông báo hoặc báo cáo kịp thời với cấp có thẩm quyền để giải quyết.

5. Các tổ chức đảng và đảng viên phải chấp hành đầy đủ, kịp thời các kết luận, quyết định, thông báo theo thẩm quyền của Ủy ban Kiểm tra Trung ương về công tác kiểm tra, về kỷ luật đảng; Ủy ban Kiểm tra Trung ương kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các kết luận, quyết định, thông báo đó.

Chương II

NGUYÊN TẮC VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 4.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm việc dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, trực tiếp và thường xuyên là Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm việc theo chế độ tập thể, quyết định theo đa số.

Điều 5.

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện chế độ báo cáo, sơ kết, tổng kết công tác theo quy định của Trung ương.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương họp hai kỳ mỗi quý và họp bất thường khi cần.

3. Hằng năm và khi cần, tập thể Ủy ban và từng thành viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương thực hiện tự phê bình, phê bình về trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ, về chấp hành quy chế làm việc, về phẩm chất đạo đức cách mạng.

Chương III

SỰ LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO CỦA BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG, BỘ CHÍNH TRỊ ĐỐI VỚI ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG VÀ CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA ỦY BAN KIỂM TRA TRUNG ƯƠNG

Điều 6.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương đối với Ủy ban Kiểm tra Trung ương:

1. Mỗi năm một lần, Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Ban Chấp hành Trung ương về công tác kiểm tra và việc thi hành kỷ luật trong Đảng.

Sáu tháng một lần, Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị về hoạt động của Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ủy ban kiểm tra các cấp.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương báo cáo Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị những vấn đề cần giải quyết và các vụ kỷ luật thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

Đối với những vụ kỷ luật thuộc thẩm quyền Ban Chấp hành Trung ương quyết định, Ủy ban Kiểm tra Trung ương xem xét, báo cáo và chuẩn bị để Bộ Chính trị trình Ban Chấp hành Trung ương xem xét, quyết định.

Sau khi Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị có quyết định thi hành kỷ luật, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chịu trách nhiệm tổ chức việc công bố và theo dõi, kiểm tra, đôn đốc thi hành các quyết định đó.

Điều 7.

Quan hệ với các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng:

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương phối hợp với các ban và các cơ quan của Trung ương Đảng trong việc thực hiện chức trách của mình và thực hiện những nhiệm vụ do Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị giao; thường xuyên trao đổi thông tin, cung cấp tài liệu có liên quan, giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ và làm tốt chức năng tham mưu cho Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương tham gia với các ban có liên quan trong việc chuẩn bị và chuẩn y nhân sự cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp ủy trực thuộc Trung ương, trong việc bố trí, đề bạt, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Điều 8.

Quan hệ với các ban cán sự đảng, đảng đoàn của cơ quan nhà nước và đoàn thể chính trị - xã hội:

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và ban cán sự đảng, đảng đoàn của cơ quan nhà nước, đoàn thể chính trị - xã hội phối hợp và trao đổi với nhau để giải quyết những trường hợp đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý làm việc tại cơ quan, đoàn thể đó vi phạm kỷ luật của Đảng, vi phạm pháp luật của Nhà nước hoặc bị tố cáo, trước khi quyết định hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền quyết định. Trường hợp có ý kiến khác nhau, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và cơ quan có liên quan có trách nhiệm báo cáo các ý kiến khác nhau đó để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Ủy ban Kiểm tra Trung ương và Ban Cán sự Đảng Thanh tra Nhà nước có chương trình, kế hoạch phối hợp công tác, thường xuyên trao đổi tình hình, trao đổi ý kiến trong việc giải quyết các tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên là cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý.

Điều 9.

Quan hệ với các cấp ủy trực thuộc Trung ương:

1. Ủy ban Kiểm tra Trung ương hướng dẫn, kiểm tra các cấp ủy trực thuộc Trung ương thực hiện công tác kiểm tra và thi hành kỷ luật trong Đảng theo quy định của Điều lệ Đảng và quy định của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị.

Các cấp ủy trực thuộc Trung ương phải thực hiện sự hướng dẫn và yêu cầu kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

2. Các cấp ủy trực thuộc Trung ương khi chuẩn bị nhân sự để bầu cử ủy ban kiểm tra của cấp mình phải trao đổi ý kiến với Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Nếu cần điều động chủ nhiệm ủy ban kiểm tra của cấp ủy thì phải thảo luận với Ủy ban Kiểm tra Trung ương để báo cáo Bộ Chính trị. Nếu điều động phó chủ nhiệm hoặc ủy viên ủy ban kiểm tra thì phải trao đổi với Ủy ban Kiểm tra Trung ương và sau khi điều động phải kịp thời bổ sung bảo đảm sự hoạt động liên tục của ủy ban kiểm tra.

3. Các báo cáo thường kỳ của cấp ủy trực thuộc Trung ương về công tác tổ chức, cán bộ, công tác kiểm tra, về kinh tế - tài chính của Đảng và các báo cáo khác có liên quan đến

công tác xây dựng Đảng gửi lên Trung ương Đảng phải đồng gửi cho Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Điều 10.

Quan hệ với ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới:

Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ đạo và kiểm tra hoạt động của ủy ban kiểm tra các cấp.

Ủy ban kiểm tra của cấp ủy cấp dưới chịu sự chỉ đạo và kiểm tra của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

*Chương IV***CHẤP HÀNH QUY CHẾ****Điều 11.**

1. Các tổ chức đảng, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và mọi đảng viên có liên quan chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế này.

2. Ủy ban Kiểm tra Trung ương căn cứ vào nhiệm vụ do Điều lệ Đảng quy định, vào Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Quy chế làm việc của các ban của Trung ương và Quy chế này để xây dựng các quy định cụ thể về tổ chức bộ máy, lề lối làm việc của cơ quan Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

3. Các tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương căn cứ vào Điều lệ Đảng, quy chế làm việc của cấp ủy và Quy chế này để xây dựng và ban hành quy chế làm việc của ủy ban kiểm tra cấp mình.

Điều 12.

Quyết định về Quy chế làm việc này thay thế Quyết định về Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương số 18-QĐ/TW, ngày 16-12-1991 do Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) ban hành và được phổ biến toàn văn đến chi bộ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 65-TB/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1997

Về một số điểm trong bản Quy định thi hành Điều lệ Đảng

Tại phiên họp ngày 18-4-1997, về quy định thi hành Điều lệ Đảng, Bộ Chính trị đã kết luận:

1. Về đảng viên là người "có lao động, không bóc lột"

Phân công đồng chí Nguyễn Đức Bình cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương chỉ đạo tổ chức nghiên cứu, hội thảo, làm rõ hơn căn cứ lý luận, giải thích trong điều kiện thực tế hiện nay ở nước ta thế nào là bóc lột, là nhà tư bản? Điều lệ Đảng quy định đảng viên là người "không bóc lột" vậy đảng viên được làm kinh tế tư nhân đến mức độ nào, không được làm những việc gì? Chuẩn bị các vấn đề trên để trình Bộ Chính trị thảo luận trước Hội nghị Trung ương 4.

Trước mắt, việc hướng dẫn thi hành điểm quy định trên đây trong Điều lệ Đảng vẫn thực hiện như nội dung đã nêu trong báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương khóa VI tại Đại hội VII và báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương

khóa VII tại Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ về vấn đề này.

2. Về tặng huy hiệu đảng

Bộ Chính trị đồng ý tặng huy hiệu đảng đối với những đảng viên có đủ 40, 50, 60, 70 năm tuổi đảng.

3. Về mức đóng đảng phí của đảng viên

Bộ Chính trị giao Ban Tổ chức Trung ương chủ trì cùng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương tổ chức khảo sát phân tích tình hình thu nhập và đóng đảng phí của đảng viên hiện nay để đề xuất với Bộ Chính trị phương án quy định hướng dẫn cụ thể sát hợp.

4. Về việc xem xét giải quyết thư tố cáo

- Đảng viên phải nêu cao tinh thần dân chủ trong tự phê bình và phê bình; khi tố cáo với Đảng, Nhà nước những việc làm sai trái của tập thể và cá nhân, phải nói đúng sự thật, dám ký tên, chịu trách nhiệm về thư tố cáo của mình và chỉ gửi đến tổ chức đảng và cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

- Tổ chức đảng phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo những tổ chức và đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, giữ bí mật cho người tố cáo; giải quyết dứt điểm và kịp thời các vụ việc bị tố cáo; nghiêm cấm và kiên quyết xử lý những tổ chức, cá nhân trù dập người tố cáo.

- Những trường hợp tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận và thông báo thì người tố cáo phải

chấp hành, không tố cáo đi, tố cáo lại nhiều lần, nếu không cung cấp được thông tin cần thiết để làm rõ thêm sự việc. Người tố cáo dựng chuyện vu khống phải bị xử lý theo Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Trước tình hình có một số người viết thư tố cáo với tinh thần trách nhiệm, dám nói sự thật, nhưng vì sợ bị trù dập nên giấu tên; qua thực tế xem xét nội dung thư giấu tên có một số đúng sự thật, nhưng cũng có thư nội dung sai sự thật. Vì vậy đối với những thư tố cáo không ký tên, mạo tên, nhưng nội dung thư có căn cứ cụ thể và có điều kiện xác minh thì ủy ban kiểm tra cần nghiên cứu báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của thường vụ cấp ủy, nếu được thường vụ cấp ủy đồng ý thì tổ chức kiểm tra xem xét theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

- Trong thời gian tổ chức có thẩm quyền đang kiểm tra và chưa có kết luận thì đảng viên bị tố cáo vẫn làm việc và được hưởng các quyền của đảng viên.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 66-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 1997

Về Bộ luật hình sự

Căn cứ vào đề nghị của Đảng đoàn Quốc hội trong Tờ trình Bộ Chính trị số 247/ĐĐQH9 về một số vấn đề tiếp thu ý kiến đại biểu Quốc hội để chỉnh lý dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của *Bộ luật hình sự*, Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Về các tội liên quan đến tham nhũng

Tham nhũng là phải truy cứu trách nhiệm hình sự, việc quy định mức giá trị tài sản đối với các tội tham nhũng cũng chỉ là một trong những căn cứ để truy cứu trách nhiệm hình sự, vì vậy Quốc hội chưa nên quy định cụ thể mức giá trị tài sản đối với các tội tham nhũng mà nên giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội cùng với Chính phủ căn cứ vào tình hình, nghiên cứu ban hành các quy định cụ thể mức giá trị tài sản đối với các tội tham nhũng.

Trong luật cần có điều luật quy định chặt chẽ các biện pháp thu hồi tài sản của Nhà nước bị tham nhũng.

2. Về các tội phạm ma túy

- Đồng ý với ý kiến của Đảng đoàn Quốc hội đối với tội

sản xuất, tàng trữ, vận chuyển và mua bán trái phép trên 5kg thuốc phiện; trên 100 gam hêrôin, côcain là bị phạt tù chung thân hoặc tử hình. Cần áp dụng khung hình phạt cao nếu bán ma túy cho trẻ em.

- Chỉ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người trồng trái phép cây thuốc phiện và các cây khác có chứa ma túy, sau khi đã được giáo dục nhiều lần, đã được tạo điều kiện để ổn định cuộc sống và đã bị xử phạt hành chính mà còn vi phạm.

3. Về các tội phạm tình dục đối với người chưa thành niên

Đối với tội hiếp dâm trẻ em, không nên quy định cụ thể mức tuổi của nạn nhân ngay trong luật, để không gây bất lợi về tâm lý xã hội. Phải xử lý thật nghiêm khắc đối với các tội phạm này, tội rất nặng thì phải áp dụng hình phạt chung thân, tử hình. Việc quy định cụ thể mức tuổi của nạn nhân để áp dụng các khung hình phạt, nên giao cho Ủy ban Thường vụ Quốc hội cùng với Chính phủ nghiên cứu ban hành.

Việc áp dụng các khung hình phạt đối với người phạm tội tham nhũng, tội phạm ma túy, tội phạm tình dục đối với người chưa thành niên (nhất là phạt tù chung thân hoặc tử hình) phải xem xét nhiều mặt, để xác định đúng bản chất của hành vi phạm tội khi xét xử.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 67-TB/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1997

Về nhân sự Đại hội lần thứ VIII Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam

Ngày 5-5-1997, sau khi nghe Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam báo cáo về nhân sự Đại hội lần thứ VIII Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị kết luận như sau:

Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam là một tổ chức quần chúng có tính chất mặt trận. Vì vậy, nhân sự tham gia Ban Chấp hành phải thể hiện rõ tính chất quần chúng và tính chất mặt trận của tổ chức. Báo cáo chuẩn bị nhân sự tham gia Ban Chấp hành Trung ương Hội lần này chưa thể hiện đầy đủ tính chất quần chúng và tính chất mặt trận của Hội. Tỷ lệ đảng viên dự kiến tham gia Ban Chấp hành còn quá cao, tỷ lệ người ngoài đảng quá thấp, nhiều đồng chí trong Ban Chấp hành là cán bộ lãnh đạo, trong đó một số là lãnh đạo các bộ, ngành do tính chất công tác sẽ ít có thời gian làm công tác của Trung ương Hội và khó có điều kiện trực tiếp

tiếp xúc nhiều với quần chúng; số người đại diện cho các giới trí thức, nhà khoa học, văn nghệ sĩ, nhà giáo, đại diện các hội quần chúng, người công tác và sinh hoạt ở cơ sở... còn ít, tuổi bình quân Ban Chấp hành còn quá cao.

Cần rút bớt một số nhân sự là cán bộ lãnh đạo, nhất là cán bộ lãnh đạo các bộ, ngành như: Lao động - Thương binh và Xã hội, Du lịch, Tài chính, Tòa án, Ban Tổ chức Trung ương... và cán bộ là đại biểu Quốc hội. Cần trẻ hóa Ban Chấp hành và tăng tỷ lệ là người ngoài đảng trong Ban Chấp hành, chú ý chọn những người hoạt động trực tiếp trong các ngành nghề, những cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, giáo dục, nghệ thuật giỏi và cán bộ dân tộc ít người, cán bộ của các Hội Sinh viên, Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam, nhằm huy động sự đóng góp thiết thực cho phong trào phụ nữ. Tương ứng, cần có phân biệt hợp lý tiêu chuẩn đối với các cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Hội với tiêu chuẩn của các Ủy viên Ban Chấp hành; không nên đòi hỏi như nhau.

Đồng ý số lượng các Phó Chủ tịch là 4 đồng chí và đề nghị Bộ Chính trị giới thiệu đồng chí Trương Mỹ Hoa để Đại hội bầu làm Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

Đồng ý giới thiệu các đồng chí Nguyễn Thị Phương Minh (Phó Chủ tịch Trung ương Hội khóa VII), Nguyễn Thị Oanh (Ủy viên Đoàn Chủ tịch khóa VII, Trưởng ban Tổng hợp Trung ương Hội), Lê Thị Thu (Ủy viên Đoàn Chủ tịch khóa VII, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ Thành phố Hồ Chí Minh) để Đại hội bầu làm Phó Chủ tịch Trung ương Hội.

Nếu được nên có thêm một đồng chí hoạt động ở miền Trung làm Phó Chủ tịch Hội và có thêm cán bộ dân tộc thiểu số tham gia Đoàn Chủ tịch.

Ban Tổ chức Trung ương làm tờ trình Bộ Chính trị về nhân sự Chủ tịch Hội và làm các văn bản gửi Đảng đoàn Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam theo quy định của Đảng.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 68-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1997

Về nhân sự ứng cử Đại biểu Quốc hội khóa X

Tại phiên họp ngày 17 và 18-5-1997, sau khi nghe Ban Chỉ đạo nhân sự bầu cử Quốc hội khóa X báo cáo về đề nghị của các địa phương và các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương, Bộ Chính trị tán thành giới thiệu các đồng chí và các vị có tên trong danh sách dưới đây ứng cử đại biểu Quốc hội khóa X:

I- CÁC CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG

1. Lê Khả Phiêu, Ủy viên Thường vụ Thường trực Bộ Chính trị.
2. Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Dân vận Trung ương.
3. Nguyễn Văn An, Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.
4. Nguyễn Thị Xuân Mỹ, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Trung ương.
5. Nguyễn Tấn Dũng, Ủy viên Thường vụ Bộ Chính trị, Trưởng Ban Kinh tế Trung ương.

6. Nguyễn Hữu Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.
7. Đặng Hữu, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương.
8. Phan Thế Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương.
9. Nguyễn Văn Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.
10. Nguyễn Duy Lự (Hong Vinh), Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng biên tập Báo Nhân dân.

II- VĂN PHÒNG CHỦ TỊCH NƯỚC

Sẽ có thông báo sau.

III- CÁC CƠ QUAN CỦA QUỐC HỘI

1. Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Quốc hội.
2. Đặng Quân Thụy, Phó Chủ tịch Quốc hội.
3. Vũ Mão, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
4. Lý Tài Luận, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
5. Nguyễn Văn Yếu, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
6. Trần Thị Tâm Đan, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
7. Nguyễn Thị Thân, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
8. Vũ Đình Cự, Ủy viên Trung ương Đảng, Ủy viên Ủy ban Thường vụ Quốc hội.
9. Cư Hòa Văn, Phó Chủ tịch Hội đồng Dân tộc.

10. Y Luyện Niek Đăm, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk (đã có tên trong danh sách giới thiệu địa phương).

11. Sơn Song Sơn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh.

12. Vũ Minh Mão, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Khoa học Công nghệ và Môi trường.

13. Phạm Thị Trân Châu, Giáo sư Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Hà Nội.

14. Đinh Hạnh, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội.

15. Lê Viêt Dực, Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thuốc lá.

16. Tào Hữu Phùng, Thứ trưởng Bộ Tài chính.

17. Lê Quốc Khánh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội.

18. Bùi Ngọc Thanh, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội.

19. Ngô Anh Dũng, Vụ trưởng Vụ Đối ngoại Văn phòng Quốc hội.

20. Chu Thúy Quỳnh, Giám đốc Nhà hát Ca múa nhạc dân tộc Trung ương.

21. Vũ Đức Khiển, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật.

22. Trần Thế Vượng, Vụ trưởng Vụ Pháp luật Văn phòng Quốc hội.

23. Trần Trọng Hựu, Vụ trưởng Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia.

24. Nguyễn Thái Phúc, Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

25. Tăng Văn Luy, Ủy viên Ủy ban Quốc phòng an ninh.

26. Trần Quang Bình, Phó Tổng Thanh tra quân đội.

27. Nguyễn Văn Trí, Ủy viên Ủy ban Quốc phòng an ninh.

28. Nguyễn Văn Khá, Giám đốc Công an tỉnh Nam Định.

29. Lương Ngọc Toàn, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Giáo dục.

30. Đặng Thị Thanh Hương, Phó Chủ nhiệm Ủy ban Văn hóa - Giáo dục.

31. Nguyễn Thị Hoài Thu, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Ủy ban các vấn đề xã hội.

32. Phạm Thanh Sơn, Phó Chủ nhiệm Văn phòng Quốc hội.

33. Phan Trung Lý, Vụ trưởng - Văn phòng Quốc hội.

34. Lê Quang Vũ, Vụ trưởng - Văn phòng Quốc hội.

35. Lê Huy Ngọ, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

36. Nguyễn Đình Lộc, Bộ trưởng Tư pháp.

37. Đỗ Văn Tài, Phó trưởng Ban Đối ngoại Trung ương.

38. Nguyễn Ngọc Trân, Phó Chủ tịch Ủy ban trù bị Hội nghị cấp cao các nước nói tiếng Pháp.

39. Mã Điền Cư, Ủy viên Hội đồng Dân tộc.

40. Tô Ngọc Thanh, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Hội Liên hiệp Văn học nghệ thuật Việt Nam.

Còn 2 đại biểu do Đảng đoàn Quốc hội giới thiệu và báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị.

IV- CHÍNH PHỦ VÀ CƠ QUAN TRỰC THUỘC CHÍNH PHỦ

1. Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ.

2. Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ.

3. Nguyễn Khánh, Phó Thủ tướng Chính phủ.
4. Nguyễn Mạnh Cẩm, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Ngoại giao.
5. Nguyễn Ngọc Hiến, Thứ trưởng Bộ Tư pháp.
6. Nguyễn Sinh Hùng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Tài chính.
7. Phạm Gia Khiêm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Khoa học Công nghệ và Môi trường.
8. Trần Đình Hoan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Lao động - Thương binh và Xã hội.
9. Nguyễn Công Tạn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
10. Lê Ngọc Hoàn, Quyền Bộ trưởng Giao thông vận tải.
11. Nguyễn Khoa Điềm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Văn hóa - Thông tin.
12. Trần Hồng Quân, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Giáo dục và Đào tạo.
13. Đỗ Nguyên Phương, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Y tế.
14. Trần Xuân Giá, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng Kế hoạch và Đầu tư.
15. Trương Đình Tuyển, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Thương mại.
16. Hà Quang Dự, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng phụ trách công tác thanh niên và thể dục thể thao.
17. Đỗ Quang Trung, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ.

18. Nguyễn Văn Hiệu, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Khoa học Trung tâm Khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia.
19. Nguyễn Duy Quý, Ủy viên Trung ương Đảng, Giám đốc Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn quốc gia.
20. Trần Mai Hạnh, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam.
21. Hồ Anh Dũng, Tổng Giám đốc Đài Truyền hình Việt Nam.
22. Hồ Tiến Nghi, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Giám đốc Thông tấn xã Việt Nam.
23. Võ Thị Thắng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng cục trưởng Du lịch Việt Nam.
24. Trần Thị Thanh Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Ủy ban Bảo vệ và Chăm sóc trẻ em.
25. Thái Phụng Nê, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Điện lực Việt Nam.
26. Hồ Sỹ Thoảng, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Dầu mỏ và khí đốt Việt Nam.
27. Đỗ Trung Tá, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Bưu chính viễn thông.
28. Trần Bảo Giốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Máy và thiết bị công nghiệp.
29. Đỗ Quốc Sam, Chủ tịch Hội đồng thẩm định Nhà nước.
30. Nguyễn Cảnh Dinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban sông Mê Kông của Việt Nam, Trưởng ban Chỉ đạo chống lụt bão Trung ương.

V- QUÂN ĐỘI, CÔNG AN

QUÂN ĐỘI

1. Đoàn Khuê, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Quốc phòng.
2. Phạm Văn Trà, Ủy viên Bộ Chính trị, Thứ trưởng Bộ Quốc phòng - Tổng Tham mưu trưởng.
3. Phạm Thanh Ngân, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị.
4. Nguyễn Văn Rinh, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Tổng Tham mưu trưởng.
5. Nguyễn Phúc Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ nhiệm Tổng cục Hậu cần.
6. Trần Đức Việt, Phó Chủ nhiệm Tổng cục Công nghiệp quốc phòng - kinh tế.
7. Lê Đức Tụ, Chánh án Tòa án quân sự Trung ương.
8. Đỗ Xuân Công, Phó Tư lệnh Quân chủng Hải quân.
9. Đặng Vũ Liêm, Phó Tư lệnh về chính trị Bộ đội biên phòng.
10. Nông Ngọc Toàn, Phó Tư lệnh Quân khu 1.
11. Lò Văn Nhài, Phó Tư lệnh Quân khu 2.
12. Lê Trung Thành, Phó Tư lệnh chính trị Quân khu 3.
13. Phạm Văn Long, Phó Tư lệnh chính trị Quân khu 4.
14. Trần Ngọc Yến, Phó Tư lệnh Quân khu 5.
15. Nguyễn Văn Chia, Phó Tư lệnh Quân khu 7.
16. Trần Vinh Quang, Chủ nhiệm chính trị Quân khu 9.
17. Phạm Văn Tánh, Tư lệnh Quân khu Thủ đô.

CÔNG AN

1. Lê Minh Hương, Ủy viên Bộ Chính trị, Bộ trưởng Nội vụ.

2. Nguyễn Văn Rốp, Ủy viên Trung ương Đảng, Thứ trưởng Bộ Nội vụ.

VI- TÒA ÁN, VIỆN KIỂM SÁT

1. Trịnh Hồng Dương, Phó Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.
2. Hà Mạnh Trí, Ủy viên Trung ương Đảng, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

VII- CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG MẶT TRẬN TỔ QUỐC VIỆT NAM

1. Lê Quang Đạo, Chủ tịch Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
2. Trần Văn Đăng, Ủy viên Trung ương Đảng, Tổng Thư ký Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
3. Ngô Bá Thành, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Luật gia Việt Nam, Ủy viên Đoàn Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam.
4. Trần Mạnh Sang, Phó Giám đốc Nhà máy Đông lạnh Quy Nhơn, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
5. Phạm Khuê, Giáo sư, bác sĩ y khoa, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.
6. Nguyễn Lân Dũng, Giám đốc Trung tâm Vi sinh học ứng dụng, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

7. Trần Văn Tấn, Chủ nhiệm bộ môn toán Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, Ủy viên Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.

8. Hà Học Trạc, Chủ tịch Liên hiệp các hội khoa học - kỹ thuật Việt Nam.

9. Nguyễn Thị Kim Thoa, Phó Viện trưởng Viện vật lý địa cầu.

10. Đồng Thị Bích Thủy, Phó Chủ nhiệm Khoa Công nghệ tin học, Giám đốc Trung tâm Tin học Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Tôn Thất Bách, Hiệu trưởng Trường Đại học Y khoa Hà Nội.

12. Trương Duy Nghĩa, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Khoa học kỹ thuật Nhiệt Việt Nam.

13. Hữu Thịnh, Phó Tổng Thư ký Hội Nhà văn Việt Nam.

14. Trần Khánh Chương, Phó Tổng Thư ký Hội Mỹ thuật Việt Nam.

15. Nguyễn Trọng Bằng, Tổng Thư ký Hội Nhạc sĩ Việt Nam.

16. Tiến Thọ, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Sân khấu Việt Nam.

17. Linh Nga Niek Đăm, Ủy viên Ban Chấp hành Hội Văn hóa văn nghệ các dân tộc thiểu số và Hội Văn nghệ dân gian Việt Nam.

18. Trương Mỹ Hoa, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam.

19. Nguyễn Văn Tư, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam.

20. Nguyễn Đức Triều, Ủy viên Trung ương Đảng, Chủ tịch Hội Nông dân Việt Nam.

21. Nguyễn Quốc Thuộc, chuyên viên cao cấp Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

22. Vũ Trọng Kim, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh.

23. Trương Thị Mai, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội Liên hiệp Thanh niên Việt Nam.

24. Linh mục Vương Đình Ái, Chủ tịch Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.

25. Linh mục Phan Khắc Từ, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.

26. Hòa thượng Kim Cương Tử, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

27. Hòa thượng Thích Minh Châu, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Hội đồng trị sự Trung ương Giáo hội Phật giáo Việt Nam.

28. Nguyễn Trọng Nhân, Chủ tịch Hội Chữ thập đỏ Việt Nam.

29. Phan Quang Diêu (Phan Quang), Chủ tịch Hội Nhà báo Việt Nam.

30. Hà Văn Tấn, Viện trưởng Viện Khảo cổ học Việt Nam, Phó Chủ tịch Hội Khoa học - Lịch sử Việt Nam.

31. Trần Đại Hưng, Ủy viên Thường vụ Trung ương Hội Luật gia Việt Nam.

32. Vũ Xuân Hồng, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Thư ký Liên hiệp các hội hữu nghị Việt Nam.

33. Nguyễn Ty, Phó Chủ tịch thường trực Hội đồng Trung ương Liên minh các hợp tác xã Việt Nam.

34. Nguyễn Xuân Hương, Phó Chủ tịch Hội Y học cổ truyền Việt Nam.

35. Nguyễn Duy Cường, Tổng hội Y dược học Việt Nam.

VIII- CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ

1. Trần Văn Tuấn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy Hà Nội.
2. Hoàng Văn Nghiê, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.
3. Trương Tấn Sang, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Thành ủy Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Huỳnh Đam, Ủy viên Thường vụ Thành ủy, Quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.
5. Trần Huy Năng, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng.
6. Giàng Văn Quậy, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang.
7. Dương Mạc Thăng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Cao Bằng.
8. Lò Văn Puôn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu.
9. Tráng A Pao, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai.
10. Hà Thị Khiết, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang.
11. Dương Công Đá, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.
12. Hà Văn Phụng, Bí thư Tỉnh ủy Bắc Cạn.
13. Nông Thế Nghiệp, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên.
14. Hoàng Công Dung, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái.
15. Tòng Thị Phóng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La.

16. Hoàng Xuân Cừ, Bí thư Tỉnh ủy Phú Thọ.
17. Nguyễn Xuân Thiết, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc.
18. Hồ Đức Việt, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ninh.
19. Phạm Thị Hải Chuyên, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang.
20. Ngô Đình Loan, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh.
21. Khuất Hữu Sơn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây.
22. Nguyễn Đức Kiên, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hải Dương.
23. Đặng Văn Cảo, Bí thư Tỉnh ủy Hưng Yên.
24. Hoàng Văn Hôn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hòa Bình.
25. Phạm Ngọc Thiện, Phó Bí thư Tỉnh ủy Hà Nam.
26. Đặng Phúc Tựu, Phó Bí thư Tỉnh ủy Nam Định.
27. Vũ Xuân Trường, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình.
28. Bùi Văn Thành, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Trưởng ban Tổ chức Tỉnh ủy Ninh Bình.
29. Mai Xuân Minh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa.
30. Nguyễn Như Vĩ, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An.
31. Nguyễn Văn Mão, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.
32. Lê Công Minh, Phó Bí thư Tỉnh ủy Quảng Bình.

33. Nguyễn Đức Hoan, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị.

34. Ngô Yên Thi, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế.

35. Trương Quang Được, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng.

36. Mai Thúc Lâm, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Nam.

37. Võ Đức Huy, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Quảng Ngãi.

38. Tô Tử Thanh, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Bình Định.

39. Lê Văn Hữu, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên.

40. Nguyễn Thiết Hùng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

41. Y Vêng, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ nhiệm Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy Kon Tum.

42. Sô Lây Tăng, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Kon Tum.

43. Ksor Phước, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy Gia Lai.

44. Y Luyện Niêk Đăm, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

45. Chamale' Điêu, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy Ninh Thuận.

46. Trần Khán, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận.

47. Nguyễn Hoài Bảo, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

48. Nguyễn Hữu Luật, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Quyền Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

49. Phan Văn Dương, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bình Dương.

50. Hồ Thanh Tuyên, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Tây Ninh.

51. Lê Hoàng Quân, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai.

52. Trần Văn Khánh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

53. Nguyễn Tấn Đạt, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Long An.

54. Lê Minh Châu, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

55. Nguyễn Hữu Khánh, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.

56. Huỳnh Hữu Kha, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang.

57. Trần Văn Truyền, Phó Bí thư Tỉnh ủy Bến Tre.

58. Lư Văn Điền, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cần Thơ.

59. Phan Tấn Tài, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Trưởng ban Kinh tế tỉnh Vĩnh Long.

60. Nguyễn Thái Bình, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Bí thư thị ủy Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

61. Mai Hồng Thái, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

62. Trương Quốc Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy Kiên Giang.

63. Phan Tấn Đạt, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

64. Trần Thanh Khiêm, Ủy viên Thường vụ Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 69-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1997

Về đề án Nhà nước trình Hội nghị Trung ương 3

Tại phiên họp ngày 12 và 13-5-1997, sau khi nghe Tiểu ban chuẩn bị đề án Hội nghị Trung ương 3 trình bày đề án về Nhà nước, Bộ Chính trị đã thảo luận và cho rằng về cơ bản, đề án thể hiện được ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị trong phiên họp ngày 15-3-1997 và đã tiếp thu các ý kiến đóng góp của cán bộ lãnh đạo các cấp ở các địa phương, các cán bộ lão thành và các nhà khoa học.

Một số vấn đề trong đề án còn có ý kiến khác nhau, Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Về tên gọi của đề án

Nội dung của đề án tập trung giải quyết hai vấn đề cơ bản là: phát huy quyền làm chủ của nhân dân; đẩy mạnh việc xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh có hiệu lực và hiệu quả.

Do vậy, nên gọi tên của đề án là: "*Phát huy quyền làm*

chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh".

2. Về đánh giá tình hình

Về cơ bản, đề án đã phản ánh được thực trạng tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước ta hiện nay trên cả hai mặt thành tựu và khuyết điểm. Nhưng về nguyên nhân của yếu kém cần bổ sung và tập trung phân tích làm rõ một số nguyên nhân sau đây:

- Sự yếu kém của bản thân bộ máy nhà nước trên các mặt: phân công, phân nhiệm, kiểm tra, kiểm kê, kiểm soát; hiệu lực điều hành quản lý; phẩm chất cán bộ, viên chức...

- Về dân chủ, chưa thiết kế được nội dung thiết thực của cơ chế huy động nhân dân xây dựng Nhà nước và giám sát mọi hoạt động của Nhà nước.

3. Về phát huy quyền dân chủ

- Cần thể hiện đầy đủ cả hai mặt: mở rộng dân chủ đi đôi với đề cao kỷ cương, kỷ luật. Chúng ta đi vào cơ chế thị trường và thực hiện chính sách mở cửa càng phải giữ vững tính tập trung, đề phòng các biểu hiện dân chủ cực đoan, tự phát, chệch định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Mở rộng các hình thức dân chủ trực tiếp, trước hết thực hiện ở cơ sở để nhân dân trực tiếp thể hiện ý chí, nguyện vọng của mình đối với những vấn đề quan trọng của địa phương và cơ sở. Trước mắt, chưa nên đặt vấn đề xây dựng *Luật trưng cầu dân ý*.

4. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội

Chủ trương và giải pháp phải nhằm bảo đảm Quốc hội

thực sự là cơ quan đại biểu cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, thực hiện đầy đủ trách nhiệm theo quy định của Hiến pháp. Chưa cần thiết phải tăng thêm số kỳ họp thường kỳ của Quốc hội trong 1 năm, điều quan trọng là phải tiếp tục đổi mới và hoàn thiện quy trình chuẩn bị và tổ chức kỳ họp để nâng cao chất lượng và hiệu quả các kỳ họp của Quốc hội.

5. Về đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan hành chính

- *Về tổ chức của Hội đồng nhân dân*, trước mắt cho đến hết nhiệm kỳ Hội đồng nhân dân các cấp (1999) vẫn giữ nguyên như quy định luật hiện hành. Tiếp tục tổng kết và nghiên cứu tổ chức và hoạt động của Hội đồng nhân dân, để báo cáo Bộ Chính trị xem xét quyết định trước khi bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ mới.

- *Về chức vụ chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp*, thực hiện theo quy định của Hiến pháp 1992 và luật hiện hành. Cần có cơ chế để chủ động thực hiện được việc điều động, chuyển chủ tịch Ủy ban nhân dân khi có yêu cầu.

- *Về cán bộ chính quyền cấp xã*, không nên xác định là công chức, không đưa vào định biên, nhưng cần có chính sách đãi ngộ thỏa đáng và có kế hoạch đào tạo để cán bộ cấp xã có đủ khả năng và toàn tâm, toàn ý xây dựng chính quyền cơ sở vững mạnh.

6. Về các cơ quan tư pháp

- Đổi mới tổ chức và hoạt động của Viện Kiểm sát nhân dân để thực hiện đầy đủ chức năng theo luật định; tập trung

làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp bảo đảm không lọt kẻ phạm tội, không làm oan người vô tội, khắc phục tình trạng bắt, giam, giữ người trái phép.

- Về Tòa án nhân dân:

+ Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử, bỏ thủ tục xét xử sơ, chung thẩm. Tổ chức tòa án các cấp, giữ nguyên như hiện nay; tòa án quân sự thực hiện thẩm quyền xét xử theo quy định của luật hiện hành.

+ Chưa nên đặt vấn đề xem lại việc quản lý tòa án địa phương. Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao tăng cường sự phối hợp để quản lý tòa án địa phương theo quy chế của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Cần thêm thời gian thực hiện và có tổng kết rút kinh nghiệm mới có cơ sở xem xét lại vấn đề này.

+ Phân cấp việc bổ nhiệm thẩm phán tòa án cấp tỉnh và cấp huyện.

Căn cứ vào kết luận trên đây và ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị trong phiên họp ngày 15-3 và ý kiến phát biểu của các đồng chí Bộ Chính trị trong phiên họp này, Ban dự thảo chỉnh lý đề án trình Thường vụ Bộ Chính trị duyệt lại trước khi gửi đến các đồng chí Ủy viên Trung ương.

Trên cơ sở đề án, Tiểu ban hoàn chỉnh dự thảo nghị quyết và xin ý kiến các đồng chí Bộ Chính trị trước khi trình Trung ương.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 15-CT/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1997

Về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội

Bảo hiểm xã hội là chính sách lớn của Đảng và Nhà nước góp phần bảo đảm ổn định đời sống cho người lao động, ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy sự nghiệp xây dựng đất nước, bảo vệ Tổ quốc.

Từ khi triển khai Điều lệ bảo hiểm xã hội theo *Bộ luật lao động*, được sự chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền, hệ thống bảo hiểm xã hội Việt Nam đã nhanh chóng xây dựng tổ chức, bộ máy, thực hiện đúng các chế độ chính sách đối với người tham gia và hưởng bảo hiểm xã hội; tổ chức thu đạt kết quả khá cao, chi trả kịp thời cho các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội và bước đầu đã hình thành được quỹ bảo hiểm xã hội tập trung độc lập với ngân sách nhà nước.

Tuy nhiên, việc tổ chức thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội còn một số mặt chưa tốt:

- Việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc ở nhiều doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp ngoài quốc doanh và việc chấp

hành chi bảo hiểm xã hội theo chứng từ chưa được thực hiện nghiêm túc.

- Công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý các trường hợp vi phạm chế độ bảo hiểm xã hội các năm trước đây chưa được thực hiện dứt điểm.

- Công tác quản lý hồ sơ, lý lịch gốc của người lao động ở nhiều cơ quan, đơn vị nhà nước và các doanh nghiệp thiếu chặt chẽ, có nơi để thất lạc hồ sơ, nên đã ảnh hưởng đến việc giải quyết các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động, trước mắt ảnh hưởng đến tiến độ cấp sổ bảo hiểm xã hội theo quy định của *Bộ luật lao động*.

- Công tác tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên và nhân dân về chính sách bảo hiểm xã hội chưa được quan tâm một cách đúng mức.

Để tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội theo luật định, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, đảng đoàn, ban cán sự đảng và đảng ủy trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo một số công việc sau đây:

1. Phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức đảng ở các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp nhà nước, các doanh nghiệp ngoài quốc doanh trong việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động, trọng tâm là thu nộp bảo hiểm xã hội, bảo đảm nguyên tắc có tham gia thì mới được hưởng các chế độ bảo hiểm xã hội.

2. Trong năm 1997, các tỉnh ủy, thành ủy chỉ đạo tổ chức bảo hiểm xã hội cùng với các ngành liên quan làm tốt công tác kiểm tra, rà soát lại hồ sơ, cấp lại sổ (hoặc thẻ) lĩnh lương hưu và trợ cấp của các đối tượng hưởng bảo hiểm xã hội, đồng thời thực hiện việc cấp sổ bảo hiểm xã hội cho người lao

động theo đúng quy định. Công việc này liên quan đến hàng triệu người lao động, nên phải có những biện pháp chỉ đạo thích hợp, bảo đảm chặt chẽ, công bằng.

3. Các tổ chức đảng, đoàn thể, cơ quan nhà nước tăng cường lãnh đạo, giám sát, kiểm tra nhằm bảo đảm thực hiện đúng các chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động. Chống các biểu hiện tiêu cực, thất thoát trong công tác này. Các cơ quan thanh tra phải kết luận giải quyết dứt điểm những vi phạm đã được phát hiện, đồng thời thường xuyên kiểm tra, phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi vi phạm các chế độ bảo hiểm xã hội, những trường hợp nghiêm trọng phải truy tố trước pháp luật.

4. Các cấp ủy đảng định kỳ nghe lãnh đạo cơ quan bảo hiểm xã hội báo cáo việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội để uốn nắn và chấn chỉnh kịp thời các sai sót trong quá trình thực hiện.

5. Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bảo hiểm xã hội Việt Nam và các ngành có liên quan tổ chức sơ kết hoạt động bảo hiểm xã hội trong thời gian qua, có những kiến nghị sửa đổi, hoàn thiện các chế độ bảo hiểm xã hội, tạo điều kiện mở rộng chế độ bảo hiểm xã hội đối với người lao động thuộc các thành phần kinh tế và sớm xây dựng *Luật bảo hiểm xã hội*.

6. Bảo hiểm xã hội Việt Nam cần tiếp tục kiện toàn tổ chức, bộ máy, quan tâm xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, cán bộ nghiệp vụ và trang bị các phương tiện kỹ thuật cần thiết để nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và rộng hơn trên lĩnh vực này.

7. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương hướng dẫn báo chí và các phương tiện thông tin đại chúng tuyên truyền, giáo dục cán bộ, đảng viên, nhân dân nhận thức đúng về ý nghĩa của bảo hiểm xã hội, động viên mọi người tích cực và chủ động tham gia công tác bảo hiểm xã hội.

8. Ban Kinh tế Trung ương giúp Bộ Chính trị, Thường vụ Bộ Chính trị theo dõi, đôn đốc thực hiện Chỉ thị này và báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 29-QĐ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 1997

Về thi hành Điều lệ Đảng

- Căn cứ Điều lệ Đảng,
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Bộ Chính trị tại Điều 17 của Điều lệ Đảng,

Bộ Chính trị ban hành bản quy định thi hành Điều lệ Đảng với một số nội dung chủ yếu sau đây:

1. Điều 3 (điểm 2): Quyền của đảng viên trong việc ứng cử, đề cử và bầu cử cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng

a) Quyền ứng cử

- Tất cả đảng viên chính thức đều có quyền ứng cử vào cấp ủy các cấp, dù đảng viên đó là đại biểu hay không là đại biểu của đại hội.

Đảng viên không phải là đại biểu của đại hội ứng cử vào cấp ủy từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên phải có các điều kiện: chậm nhất là 15 ngày trước khi họp đại hội phải gửi đến cấp ủy triệu tập đại hội đơn xin ứng cử; bản xác nhận

lý lịch và bản nhận xét của cấp ủy cơ sở. Nếu không có đủ các điều kiện đó thì đơn xin ứng cử không có giá trị.

- Cấp ủy viên các cấp có quyền ứng cử để bầu vào ban thường vụ; ủy viên thường vụ có quyền ứng cử để bầu bí thư, phó bí thư. Trường hợp cấp ủy chỉ bầu bí thư, phó bí thư, không bầu ban thường vụ thì cấp ủy viên có quyền ứng cử để bầu bí thư, phó bí thư.

- Chỉ có đại biểu chính thức (ở đại hội đại biểu) và đảng viên chính thức (ở đại hội đảng viên) mới có quyền ứng cử làm đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên trực tiếp.

b) Quyền đề cử

- Đại biểu chính thức của đại hội đại biểu đảng bộ mỗi cấp có quyền đề cử những đảng viên trong số đại biểu chính thức của đại hội cấp đó đi dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên.

- Đại biểu chính thức của đại hội đại biểu đảng bộ mỗi cấp có quyền đề cử đảng viên chính thức trong đảng bộ (kể cả đảng viên không phải là đại biểu của đại hội) tham gia cấp ủy cấp mình.

Khi đề cử đảng viên không phải là đại biểu của đại hội vào cấp ủy, người đề cử phải báo cáo bằng văn bản về sơ yếu lý lịch, tư cách của người được đề cử với cơ quan chuẩn bị nhân sự của đại hội và được sự đồng ý của người đó.

- Đảng viên chính thức và đảng viên dự bị trong đại hội đảng viên đều có quyền đề cử đảng viên chính thức làm đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên hoặc vào cấp ủy cấp mình.

- Cấp ủy triệu tập đại hội có trách nhiệm báo cáo với đại hội về công tác chuẩn bị nhân sự cấp ủy khóa mới; trình

danh sách nhân sự do cấp ủy giới thiệu để đại hội xem xét bầu cấp ủy khóa mới.

c) Quyền bầu cử

Chỉ có đại biểu chính thức của đại hội đại biểu các cấp và đảng viên chính thức của đại hội đảng viên mới có quyền bầu cấp ủy cấp mình và bầu đại biểu dự đại hội cấp trên.

2. Điều 4 (điểm 3): Lịch sử chính trị của người vào Đảng

a) Về quan điểm chỉ đạo thực hiện

Khi nghiên cứu vận dụng thực hiện các quy định về lịch sử chính trị của người vào Đảng, các cấp ủy và tổ chức đảng phải thực sự khách quan, xem xét toàn diện, làm rõ thực chất mức độ các mối quan hệ về chính trị của người vào Đảng để có hướng xử lý đúng đắn từng trường hợp cụ thể; không vội vàng kết nạp những người tuy có tinh thần hăng hái, tích cực trong công tác, nhưng chưa có sự thẩm tra, xác minh làm rõ các mối quan hệ về lịch sử chính trị; không lơ là lỏng lẻo cảnh giác kết nạp những người không có đủ sự tin cậy về chính trị vào Đảng; cũng không quy kết "liên quan chính trị", "nghi vấn chính trị" một cách không có căn cứ.

b) Về một số quy định cụ thể đối với những trường hợp không được kết nạp vào Đảng

- Những người bản thân là tay sai cho địch, đã có hành động chống phá cách mạng, có tội ác với nhân dân như làm gián điệp, chỉ điểm, mật vụ, CIA, phòng nhì...; hoạt động trong các đảng phái và tổ chức phản động; trong ban chấp

hành các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội do địch lập ra từ áp, khóm trở lên; làm việc trong bộ máy đàn áp cách mạng và các lực lượng vũ trang của địch, giữ các chức vụ chỉ huy và những tên có hành động chống phá cách mạng, có tội ác đối với nhân dân, v.v..

- Những người tuy bản thân không làm tay sai cho địch nhưng có cha, mẹ, vợ, chồng và người nuôi dưỡng là phản động, ác ôn có nợ máu với nhân dân, đã bị nhân dân xử trí (trừ trường hợp đã thoát ly gia đình, tích cực tham gia cách mạng, qua quá trình rèn luyện thử thách, chứng tỏ đã thật sự giác ngộ lý tưởng của Đảng, trung thành với cách mạng, kiên quyết chống lại hành động sai trái của những người nói trên, nếu đủ tiêu chuẩn đảng viên, được tỉnh ủy, thành ủy và đảng ủy trực thuộc Trung ương đồng ý và đã được kiểm tra thật chặt chẽ thì có thể xem xét kết nạp).

- Những người đã tham gia cách mạng nhưng sau đó đã phản bội, đầu hàng địch.

- Những người đã có hành động chống đối đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước như: trực tiếp hoặc gián tiếp lưu trữ, truyền bá, tán phát tài liệu phản động; cung cấp tài liệu mật của Đảng và Nhà nước cho các tổ chức phản động và phần tử xấu ở trong nước và ngoài nước.

- Những người chuyên làm nghề mê tín, dị đoan; lợi dụng các hoạt động tôn giáo làm hại đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội.

- Những người sống chủ yếu bằng nguồn tiền, hàng của người thân tị nạn chính trị ở nước ngoài gửi về.

3. Điều 4: Điều kiện xem xét kết nạp lại và việc tính tuổi đảng cho đảng viên được kết nạp lại

a) Điều kiện xem xét kết nạp lại

Chỉ xem xét, kết nạp lại những người:

- Có đủ tiêu chuẩn đảng viên nêu tại điểm 1, Điều 1.

- Phải qua một thời gian thử thách, ít nhất là 12 tháng sau khi đã ra khỏi Đảng trước đó; nếu bị xử lý án hình sự thì ít nhất sau 12 tháng kể từ khi thi hành xong bản án.

- Phải thực hiện đúng các thủ tục nêu ở các điểm 1, 2, 3 Điều 4.

b) Việc tính tuổi đảng cho đảng viên được kết nạp lại

Tuổi đảng của đảng viên được kết nạp lại được tính từ ngày đảng viên đó được công nhận là đảng viên chính thức lần đầu, trừ thời gian không tham gia sinh hoạt đảng.

4. Điều 4 (điểm 4): Kết nạp đảng viên trong một số trường hợp đặc biệt

Trường hợp đặc biệt là trường hợp ở một số lĩnh vực hoạt động chưa có tổ chức đảng; hoặc đã có tổ chức đảng nhưng hoàn cảnh công tác của người vào Đảng không cho phép họ có thể sinh hoạt chi bộ đảng theo quy định... Việc xét kết nạp vào Đảng một số trường hợp đặc biệt nói trên do số ít đồng chí có trọng trách trong Đảng, chủ yếu là ở cấp Trung ương và cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương tiến hành sau khi đã báo cáo và được Thường vụ Bộ Chính trị đồng ý.

5. Điều 6: Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên, quản lý hồ sơ đảng viên và thủ tục chuyển sinh hoạt đảng

a) Phát thẻ và quản lý thẻ đảng viên

Thẻ đảng viên phát cho đảng viên chính thức tại tổ chức cơ sở đảng, do cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng ra quyết định.

Đảng viên được nhận thẻ đảng viên phải chấp hành đúng những quy định về sử dụng và bảo quản thẻ đảng viên, khi mất hoặc làm hỏng thẻ đảng viên phải báo cáo ngay với cấp ủy để xét việc phát lại hoặc đổi thẻ đảng viên; khi bị khai trừ, xóa tên phải nộp lại thẻ đảng viên cho chi bộ, đảng ủy cơ sở.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý sổ phát thẻ đảng viên.

Các tỉnh ủy, thành ủy và cấp ủy trực thuộc Trung ương chỉ đạo và kiểm tra việc phát thẻ đảng viên.

b) Quản lý hồ sơ đảng viên

Hồ sơ đảng viên gồm: lý lịch đảng viên (theo mẫu do Ban Tổ chức Trung ương phát hành); các nghị quyết và quyết định của cấp ủy về kết nạp đảng viên, về công nhận đảng viên chính thức, về đề bạt, khen thưởng, kỷ luật đảng viên; các bản kiểm điểm, nhận xét đảng viên; giấy chuyển sinh hoạt đảng...

Cấp ủy cơ sở quản lý hồ sơ đảng viên và danh sách đảng viên. Cấp ủy cơ sở nào không có điều kiện quản lý và bảo quản hồ sơ đảng viên thì cấp ủy cấp trên trực tiếp quản lý.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng quản lý sơ yếu lý lịch và danh sách đảng viên của đảng bộ, chi bộ cơ sở trực thuộc.

Hàng năm cấp ủy quản lý hồ sơ đảng viên phải tiến hành việc bổ sung lý lịch đảng viên và hồ sơ đảng viên.

c) Chuyển sinh hoạt đảng

- Đảng viên được cấp có thẩm quyền quyết định chuyển công tác sang một đơn vị mới, hoặc thay đổi nơi ở mới lâu dài thì phải làm thủ tục chuyển sinh hoạt đảng chính thức.

Khi chuyển sinh hoạt đảng chính thức cho đảng viên, cấp ủy nơi đảng viên đang sinh hoạt và công tác làm đầy đủ thủ tục, niêm phong hồ sơ, giao cho đảng viên trực tiếp mang theo để báo cáo với các cấp ủy đảng làm thủ tục giới thiệu và tiếp nhận sinh hoạt đảng theo hướng dẫn cụ thể của Ban Tổ chức Trung ương; trường hợp đặc biệt thì hồ sơ đảng viên do tổ chức đảng trực tiếp chuyển.

- Đảng viên có công việc phải thay đổi nơi ở và nơi công tác trong thời gian dưới 1 năm (riêng đảng viên được cử đi học ở các trường trong nước từ 3 tháng đến 2 năm), sau đó lại trở về đơn vị cũ, phải làm thủ tục giới thiệu sinh hoạt đảng tạm thời từ đảng bộ, chi bộ cơ sở nơi đảng viên sinh hoạt đảng chính thức đến đảng bộ, chi bộ cơ sở nơi công tác, học tập hoặc nơi cư trú mới.

Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời có nhiệm vụ và các quyền như sau:

- Thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ theo quy định tại Điều 2 và các quyền ghi tại Điều 3 của Điều lệ Đảng, trừ quyền biểu quyết, quyền ứng cử và quyền bầu cử.

- Nếu cần kéo dài thời hạn sinh hoạt đảng tạm thời, đảng viên phải xin gia hạn và báo cáo với cấp ủy đảng nơi đảng viên đang sinh hoạt tạm thời để thông báo tổ chức đảng nơi sinh hoạt chính thức của đảng viên đó biết.

- Đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời nếu vi phạm kỷ luật, cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt tạm thời có trách nhiệm xem xét xử lý tới mức cảnh cáo và thông báo với cấp ủy nơi sinh hoạt chính thức biết. Trường hợp phải xử lý kỷ luật ở mức cao hơn, cấp ủy nơi đảng viên sinh hoạt đảng tạm thời phải thông báo mức độ khuyết điểm để cấp ủy nơi quản lý chính thức của đảng viên đó xử lý; đồng thời báo cáo với cấp ủy cấp trên của tổ chức cơ sở đảng nơi quản lý đảng viên đó biết và chỉ đạo việc xử lý theo đúng quy định của Điều lệ Đảng về thi hành kỷ luật đảng viên vi phạm.

Việc quản lý, chuyển sinh hoạt đảng và tổ chức sinh hoạt đảng cho những đảng viên đi ra nước ngoài (có nhiệm vụ được giao hoặc đi làm việc riêng) theo Quy định số 17-QĐ/TW ngày 10-12-1996 của Bộ Chính trị.

6. Điều 10 (điểm 2, 3); Điều 21 (điểm 3, 4, 5); lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng; lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau; lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc

a) Việc lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng

Tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng là tổ chức đảng cấp trên của các tổ chức cơ sở đảng không phải là cấp huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh như quy định chung đối với các tổ chức cơ sở đảng đã nêu ở điểm 2, Điều 10 của Điều lệ Đảng. Các tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng nói trên do cấp ủy các cấp trên của cơ sở quyết định thành lập và quy định chức năng, nhiệm vụ, nhằm giúp cấp ủy tập trung chỉ đạo đối với hoạt động của các tổ chức cơ sở đảng ở những đơn vị đó.

Ở một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có thể lập tổ chức đảng ở những nơi có đặc điểm riêng (đảng ủy khối hoặc ban cán sự đảng các cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp trực thuộc tỉnh ủy, thành ủy...). Các tổ chức đảng đó giúp cấp ủy chỉ đạo hoạt động đối với một số tổ chức cơ sở đảng trong cùng một ngành hoặc trong một số ngành có quan hệ với nhau về nhiệm vụ chính trị được giao. Các tổ chức cơ sở đảng lớn, có vị trí quan trọng có thể được đặt trực thuộc tỉnh, thành ủy.

b) Việc lập cơ cấu tổ chức ở các cơ sở đảng có đặc điểm khác nhau

- Ở một số đơn vị cơ sở chưa đủ 30 đảng viên nhưng có yêu cầu tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, phù hợp với tình hình, đặc điểm của các đơn vị đó (là đơn vị có vị trí quan trọng về chính trị, kinh tế, xã hội như ở các cơ quan Trung ương, trường đại học, doanh nghiệp lớn, xã, phường có số dân đông...) thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét quyết định cho lập đảng bộ cơ sở.

- Ở một số khoa của trường đại học, một số phân xưởng, xí nghiệp trực thuộc của doanh nghiệp; một số thôn, xóm, ấp, bản, cụm dân cư ở xã, phường... có hơn 30 đảng viên, do tình hình thực tế và yêu cầu chỉ đạo không thể tách ra nhiều chi bộ, thì cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét quyết định cho lập chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở. Chi bộ có từ 30 đảng viên trở lên chia thành nhiều tổ đảng. Tổ đảng có nhiệm vụ chủ yếu là trực tiếp quản lý, giáo dục, hướng dẫn và giúp đỡ đảng viên sản xuất, công tác và học tập tốt, lãnh đạo quần chúng thực hiện nghị quyết của Đảng và pháp luật Nhà nước, hoàn thành nhiệm vụ của đơn vị; tuyên

truyền vận động quần chúng vào Đảng. Tổ đảng sinh hoạt ít nhất mỗi tháng 1 lần.

- Ở một số tổ chức cơ sở đảng có đông đảng viên (chủ yếu là ở các doanh nghiệp, trường đại học lớn) có thể được lập đảng ủy bộ phận trực thuộc đảng ủy cơ sở và là cấp trên của các chi bộ. Đảng ủy bộ phận có nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nghị quyết của đảng ủy cơ sở ở các chi bộ, thẩm định nghị quyết của chi bộ về kết nạp đảng viên, về thi hành kỷ luật đảng viên để đề đạt ý kiến với đảng ủy cơ sở. Nhiệm kỳ của đảng ủy bộ phận như nhiệm kỳ của đảng ủy cơ sở.

c) Việc lập hoặc giải thể đảng bộ, chi bộ

- Việc lập đảng bộ, chi bộ:

Khi có yêu cầu và có đủ điều kiện như quy định tại Điều 21, Điều lệ Đảng thì cấp ủy cấp trên của đảng bộ, chi bộ quyết định việc lập đảng bộ, chi bộ, chỉ định đảng ủy, chi ủy lâm thời, chỉ đạo việc chuẩn bị tiến hành đại hội bầu đảng ủy, chi ủy chính thức theo quy định tại điểm 5, Điều 13, Điều lệ Đảng và báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp.

- Việc giải thể đảng bộ, chi bộ:

Chỉ giải thể một đảng bộ, chi bộ khi đảng bộ, chi bộ đó đã làm xong nhiệm vụ hoặc không còn phù hợp về mặt tổ chức.

Cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định việc giải thể đảng bộ, chi bộ trực thuộc và báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp. Việc giải thể một chi bộ hoặc đảng ủy bộ phận do đảng ủy cơ sở quyết định và báo cáo cấp ủy cấp trên trực tiếp.

Cấp ủy của tổ chức đảng nơi có quyết định giải thể thực hiện việc giới thiệu sinh hoạt đảng cho đảng viên và bàn giao cho cấp ủy cấp ra quyết định giải thể: con dấu, hồ

sơ tài liệu, cơ sở vật chất của đảng bộ và danh sách đảng viên hiện có.

7. Điều 11 (điểm 2): Quy định số lượng đại biểu và phân bổ đại biểu đi dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp

Số lượng đại biểu đại hội toàn quốc của Đảng do Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

Số lượng đại biểu đại hội đại biểu đảng bộ các cấp do cấp ủy cấp triệu tập đại hội quyết định theo chỉ thị của Bộ Chính trị trước khi tiến hành đại hội. Cấp ủy triệu tập đại hội phân bổ số lượng đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc căn cứ vào số lượng đảng viên, số lượng đảng bộ trực thuộc, vị trí quan trọng của từng đảng bộ.

Đại biểu dự đại hội đại biểu các cấp gồm các ủy viên ban chấp hành cấp triệu tập đại hội, các đại biểu do đại hội đại biểu đảng bộ, chi bộ trực thuộc bầu, đại biểu được chỉ định theo quy định tại điểm 4, Điều 11 của Điều lệ Đảng.

Khi bầu đại biểu dự đại hội đại biểu đảng bộ cấp trên, bầu đại biểu chính thức trước, bầu đại biểu dự khuyết sau. Trường hợp bầu đại biểu chính thức đã lấy đủ số lượng mà vẫn còn một số đại biểu được số phiếu trên một nửa so với tổng số đại biểu hoặc tổng số đảng viên được triệu tập thì đại biểu dự khuyết lấy trong số các đồng chí đó theo số phiếu bầu từ cao đến thấp. Nếu vẫn chưa đủ số lượng đại biểu dự khuyết theo quy định, có bầu nữa hay không là do đại hội quyết định.

Việc chuyển đại biểu dự khuyết thành đại biểu chính thức do thường vụ cấp ủy cấp triệu tập đại hội (ở Trung ương là Bộ Chính trị) quyết định. Việc chuyển tư cách đại biểu này

phải được ban thẩm tra tư cách đại biểu đại hội xem xét và báo cáo đại hội thông qua. Đại biểu dự khuyết được chuyển thành đại biểu chính thức ở mỗi đảng bộ theo thứ tự số phiếu bầu ở đại hội đại biểu đảng bộ đó. Trường hợp bằng phiếu nhau thì lấy người có tuổi đảng cao hơn.

Sau khi trúng cử, đại biểu chính thức chuyển công tác và sinh hoạt đảng đến đơn vị mới, nhưng tổ chức đảng ở đơn vị mới đó vẫn trực thuộc cấp ủy cấp triệu tập đại hội thì đồng chí đại biểu đó vẫn được triệu tập đến dự đại hội; nếu đồng chí đại biểu đó đã chuyển đến đơn vị mới mà tổ chức đảng ở đơn vị mới đó không trực thuộc cấp ủy cấp triệu tập đại hội thì tổ chức đảng ở đơn vị đó được chuyển đại biểu dự khuyết thành chính thức để thay thế. Trường hợp không có đại biểu dự khuyết để thay thế thì được bầu bổ sung.

Trường hợp đặc biệt, ở đảng bộ đã bầu xong đại biểu lại có quyết định tách đảng bộ đó thành một số đảng bộ mới, thì cấp ủy triệu tập đại hội có thể quyết định bầu bổ sung một số đại biểu cho các đảng bộ mới đó phù hợp với quy định tại điểm 2 Điều 11 của Điều lệ Đảng về phân bổ đại biểu cho các đảng bộ trực thuộc.

8. Điều 11 (điểm 4): Chỉ định đại biểu tham dự đại hội đại biểu đảng bộ các cấp

Việc chỉ định đại biểu chỉ thực hiện đối với tổ chức đảng ở các đơn vị hoạt động trong điều kiện đặc biệt.

Các tổ chức đảng hoạt động trong trường hợp đặc biệt là tổ chức đảng hoạt động ở ngoài nước, hoặc hoạt động phân tán, hoặc đang làm nhiệm vụ chiến đấu, không thể mở đại hội được.

Cấp ủy triệu tập đại hội được chỉ định một số đại biểu ở các đảng bộ, chi bộ đó phù hợp với tính chất, đặc điểm, số lượng đảng viên ở các đơn vị đó.

9. Điều 12 (điểm 2); Điều 20 (điểm 2): Quy định số lượng cấp ủy viên, số lượng ủy viên ban thường vụ và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp

Việc quy định số lượng cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy mỗi cấp căn cứ vào nhiệm vụ chính trị, vị trí, đặc điểm của mỗi cấp; vào số lượng đơn vị trực thuộc và số lượng đảng viên của mỗi đảng bộ.

Trước mỗi kỳ đại hội đại biểu đảng bộ các cấp, căn cứ vào nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị ra chỉ thị và Ban Tổ chức Trung ương ra văn bản hướng dẫn cụ thể về việc chuẩn bị và tiến hành đại hội đại biểu đảng bộ các cấp, có quy định về số lượng (tối đa, tối thiểu) cấp ủy viên, ủy viên thường vụ, ủy viên ủy ban kiểm tra của cấp ủy mỗi cấp. Từ đó, cấp ủy từng cấp tiến hành công tác chuẩn bị nhân sự khóa mới trình đại hội đại biểu đảng bộ cấp mình xem xét, quyết định số lượng cấp ủy viên trước khi tiến hành công tác bầu cử. Cấp ủy khóa mới sau khi được bầu thảo luận và quyết định về số lượng ủy viên thường vụ và số lượng ủy viên ủy ban kiểm tra cấp mình trước khi tiến hành bầu cử các chức vụ đó theo quy định hiện hành.

10. Điều 14 (điểm 1): Lập các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy

Ban thường vụ cấp ủy từ cấp huyện và tương đương trở lên được lập các ban chuyên trách giúp việc của cấp mình;

nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế, và việc bố trí cán bộ lãnh đạo các cơ quan này theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

11. Điều 27 (điểm 4): Chỉ định đồng chí bí thư cấp ủy và một số đồng chí ngoài đảng bộ quân sự địa phương tham gia đảng ủy quân sự tỉnh, thành, huyện, quận, thị xã

Trước mỗi kỳ đại hội đại biểu đảng bộ quân sự địa phương (cấp tỉnh và cấp huyện) hoặc khi có yêu cầu điều động cán bộ giữa nhiệm kỳ, cấp ủy quân sự địa phương đề nghị với cấp ủy địa phương cùng cấp chỉ định đồng chí bí thư cấp ủy địa phương và một số đồng chí khác công tác và sinh hoạt đảng ngoài đảng bộ quân sự địa phương tham gia đảng ủy quân sự địa phương. Số lượng, vị trí, chức vụ công tác của các đồng chí được chỉ định tham gia đảng ủy quân sự ở mỗi địa phương có thể khác nhau, tùy theo yêu cầu nhiệm vụ công tác quốc phòng và công tác quân sự ở từng địa phương.

12. Điều 30: Công tác kiểm tra của Đảng

Các tổ chức đảng vừa phải tiến hành công tác kiểm tra, vừa chịu sự kiểm tra của Đảng là: cấp ủy, ban thường vụ cấp ủy các cấp; đảng ủy, chi ủy cơ sở và các chi bộ; ủy ban kiểm tra, các ban của cấp ủy ở các cấp; các ban cán sự đảng, đảng đoàn.

Các cấp ủy đảng, trước hết là ban thường vụ cấp ủy đề ra phương hướng, nhiệm vụ kiểm tra trong từng thời gian; nghe báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ kiểm tra theo quy chế

làm việc, xem xét và giải quyết các yêu cầu, kiến nghị của các tổ chức đảng về công tác kiểm tra; lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức và hoạt động của ủy ban kiểm tra; xây dựng, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kiểm tra; có chương trình, kế hoạch kiểm tra việc chấp hành Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của cấp ủy cấp trên và cấp mình về mọi lĩnh vực hoạt động; kiểm tra việc ra các quyết định và tổ chức thực hiện các quyết định của cấp ủy cấp mình và cấp dưới.

Ban cán sự đảng, đảng đoàn căn cứ nhiệm vụ, quyền hạn và quy chế làm việc của mình để xác định nội dung, đối tượng kiểm tra cho phù hợp, bảo đảm Cương lĩnh chính trị, Điều lệ Đảng, nghị quyết, chỉ thị của Đảng được chấp hành nghiêm chỉnh.

Các tổ chức đảng ở cơ sở kiểm tra việc thực hiện, bảo đảm các nghị quyết, chỉ thị và Điều lệ của Đảng và pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm chỉnh ở cơ sở mình. Chi bộ kiểm tra đảng viên chấp hành Điều lệ Đảng, trước hết là thực hiện nhiệm vụ chính trị ở đơn vị gắn với thực hiện nhiệm vụ đảng viên.

13. Điều 32 (điểm 4): Giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên

Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết tố cáo đối với tổ chức đảng và đảng viên theo đúng Quy định về phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

- Đảng viên phải nêu cao tinh thần dân chủ trong tự phê bình và phê bình; khi tố cáo với Đảng, Nhà nước những việc làm sai trái của tập thể và cá nhân, phải nói

đúng sự thật, dám ký tên, chịu trách nhiệm về thư tố cáo của mình và chỉ gửi đến tổ chức đảng và cá nhân có thẩm quyền giải quyết tố cáo.

- Tổ chức đảng phải bảo đảm quyền dân chủ của đảng viên và quần chúng trong việc giám sát, tố cáo những tổ chức và đảng viên vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật Nhà nước, giữ bí mật cho người tố cáo; giải quyết dứt điểm và kịp thời các vụ việc bị tố cáo; chậm nhất là 3 tháng đối với cấp tỉnh, thành, huyện, quận và tương đương, 6 tháng đối với cấp Trung ương. Trường hợp hết thời hạn mà chưa giải quyết xong thì thông báo cho người tố cáo biết. Nghiêm cấm và kiên quyết xử lý những tổ chức và cá nhân truy tìm, trù dập, trả thù người tố cáo; không để người bị tố cáo chủ trì, giải quyết những tố cáo liên quan đến bản thân.

- Những trường hợp tố cáo đã được cơ quan có thẩm quyền xem xét, kết luận và thông báo thì người tố cáo phải chấp hành, không tố cáo đi, tố cáo lại nhiều lần, nếu không cung cấp được thông tin cần thiết để làm rõ thêm sự việc. Người tố cáo dựng chuyện vu khống phải bị xử lý theo Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

- Trong tình hình có một số người viết thư tố cáo với tinh thần trách nhiệm, dám nói sự thật, nhưng vì sợ bị trù dập nên giấu tên; và qua thực tế xem xét nội dung thư giấu tên có thư đúng sự thật, cũng có thư sai sự thật. Đối với những thư tố cáo không ký tên, mạo tên, nhưng nội dung thư có căn cứ cụ thể và có điều kiện xác minh thì ủy ban kiểm tra cần nghiên cứu báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của thường vụ cấp ủy, nếu được thường vụ cấp ủy đồng ý thì tổ chức kiểm tra xem xét theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

- Tổ chức đảng và đảng viên bị tố cáo, khi được kiểm tra phải báo cáo trung thực với tổ chức đảng có thẩm quyền, được quyền đưa ra bằng chứng xác thực để bác bỏ nội dung tố cáo không đúng.

- Trong thời gian tổ chức có thẩm quyền đang kiểm tra và chưa kết luận thì đảng viên bị tố cáo vẫn làm việc và được hưởng các quyền của đảng viên.

14. Điều 32 (điểm 4): Giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng

- Cấp ủy và ủy ban kiểm tra các cấp có nhiệm vụ giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng.

- Khi giải quyết khiếu nại kỷ luật trong Đảng, cấp ủy và ủy ban kiểm tra từ cấp huyện, quận và tương đương trở lên có quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật do cấp ủy và ủy ban kiểm tra cấp dưới quyết định. Trường hợp cần thay đổi hình thức kỷ luật cao hơn vượt quá thẩm quyền thì phải báo cáo lên tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền quyết định theo quy định tại Điều 36, chương VIII, Điều lệ Đảng.

Ủy ban kiểm tra của cấp ủy cơ sở có trách nhiệm xem xét khiếu nại kỷ luật của đảng viên do chi bộ quyết định nhưng không có thẩm quyền chuẩn y, thay đổi hoặc xóa bỏ hình thức kỷ luật mà phải đề nghị với cấp ủy cơ sở xem xét quyết định.

- Tổ chức đảng cấp trên chỉ giải quyết những khiếu nại kỷ luật do tổ chức đảng cấp dưới trực tiếp quyết định hoặc đã giải quyết khiếu nại. Tổ chức đảng cấp trên khi nhận được những khiếu nại vượt cấp thì chuyển cho tổ chức đảng cấp dưới có thẩm quyền giải quyết.

Tổ chức đảng khi nhận được khiếu nại không thuộc thẩm quyền giải quyết thì chuyển cho các cơ quan chức năng có thẩm quyền giải quyết, đồng thời báo cho người khiếu nại biết. Cơ quan chức năng sau khi giải quyết phải thông báo kết quả cho tổ chức đảng đã chuyển thư khiếu nại và người khiếu nại biết.

- Ủy ban Kiểm tra Trung ương có trách nhiệm xem xét, đề xuất ý kiến giải quyết và chuẩn bị hồ sơ các vụ khiếu nại kỷ luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị. Quá trình xử lý, Ủy ban Kiểm tra Trung ương làm đúng quy trình và theo sự phân cấp quản lý cán bộ của Bộ Chính trị.

- Việc giải quyết khiếu nại kỷ luật tiến hành tuân tữ từ ủy ban kiểm tra và cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức đảng đã quyết định thi hành kỷ luật. Sau khi được giải quyết, nếu đảng viên hoặc tổ chức đảng bị thi hành kỷ luật không đồng ý, có khiếu nại tiếp thì cấp trên nữa mới giải quyết, lần lượt cho đến Ban Chấp hành Trung ương. Những trường hợp khiếu nại cần trình Ban Chấp hành Trung ương giải quyết, do Bộ Chính trị quyết định.

Những trường hợp Ban Chấp hành Trung ương xử lý kỷ luật, nếu có khiếu nại thì do Ban Chấp hành Trung ương xem xét giải quyết.

- Khi nhận được khiếu nại kỷ luật, cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra phải thông báo cho tổ chức đảng hoặc đảng viên khiếu nại biết. Kể từ ngày nhận được khiếu nại, chậm nhất ba tháng đối với cấp tỉnh, thành phố, huyện, quận và tương đương, sáu tháng đối với cấp Trung ương, cấp ủy hoặc ủy ban

kiểm tra phải xem xét, giải quyết, trả lời cho tổ chức đảng và đảng viên khiếu nại biết.

Nghiêm cấm các hành vi cản trở, dìm bỏ không xem xét, giải quyết khiếu nại kỷ luật đảng.

- Không giải quyết những trường hợp khiếu nại sau đây: quá thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được quyết định kỷ luật theo quy định tại điểm 7, Điều 39 của Điều lệ Đảng; đã được cấp có thẩm quyền cao nhất xem xét, kết luận; bị tòa án xử phạt tù cải tạo không giam giữ trở lên chưa được cơ quan pháp luật có thẩm quyền hủy án; cá nhân, tập thể và tổ chức đảng khiếu nại hộ cho đảng viên bị thi hành kỷ luật.

Trường hợp người bị thi hành kỷ luật có khiếu nại chưa được giải quyết mà đã chết, nếu thân nhân của người đó có yêu cầu thì tổ chức đảng vẫn xem xét, giải quyết.

15. Điều 34: Khen thưởng đối với tổ chức đảng và đảng viên

- Tặng huy hiệu Đảng đối với những đảng viên có đủ 40 năm, 50 năm, 60 năm, 70 năm tuổi đảng.

- Biểu dương, khen thưởng bằng những hình thức thích hợp như bằng khen, giấy khen, phần thưởng bằng hiện vật đối với những đảng viên ưu tú, có thành tích xuất sắc: Chi bộ đề nghị, đảng ủy cơ sở xem xét công nhận, biểu dương, khen thưởng đảng viên có thành tích xuất sắc hàng năm. Các cấp trên cơ sở (tỉnh, huyện) khen thưởng, biểu dương những đảng viên có thành tích đặc biệt xuất sắc theo định kỳ hoặc bất thường do cấp ủy cơ sở đề nghị.

- Biểu dương, khen thưởng bằng những hình thức thích hợp như cờ, bằng khen, giấy khen, phần thưởng bằng hiện

vật... đối với các tổ chức cơ sở đảng đạt danh hiệu "trong sạch, vững mạnh": Đảng ủy, chi bộ cơ sở đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp xem xét và ra quyết định công nhận biểu dương, khen thưởng theo định kỳ (tối thiểu 5 năm 2 lần); cấp ủy tỉnh và tương đương lựa chọn, biểu dương, khen thưởng những tổ chức cơ sở đảng đạt tiêu chuẩn trong sạch, vững mạnh tiêu biểu theo định kỳ (tối thiểu 5 năm 1 lần).

Nguồn kinh phí đối với các hình thức khen thưởng quy định trên có kèm theo phần thưởng bằng hiện vật được trích từ quỹ khen thưởng chung của các ngành và địa phương hoặc từ ngân sách đảng.

16. Điều 35, Điều 36: Thi hành kỷ luật trong Đảng

- Đảng viên vi phạm đến mức phải thi hành kỷ luật đều phải xử lý kỷ luật nghiêm minh: Vi phạm đến mức khai trừ thì phải khai trừ, không áp dụng hình thức xóa tên; cấp ủy viên vi phạm đến mức cách chức thì phải cách chức, không áp dụng hình thức thôi chức; đảng viên dự bị vi phạm kỷ luật thì khiển trách hoặc cảnh cáo, không đủ tư cách đảng viên thì xóa tên.

- Đảng viên tham gia nhiều cấp ủy, vi phạm đến mức phải cách chức cấp ủy viên ở một cấp ủy nào đó thì ban thường vụ cấp ủy cấp trên trực tiếp của cấp ủy cao nhất mà đảng viên đó là thành viên quyết định.

- Đảng viên giữ nhiều chức vụ, vi phạm kỷ luật phải cách một hay tất cả các chức vụ hoặc khai trừ, thì tổ chức đảng có thẩm quyền cách chức vụ cao nhất quyết định. Nếu chỉ cách chức bí thư, phó bí thư thì vẫn còn là ủy viên thường vụ; nếu cách chức ủy viên thường vụ thì vẫn còn là cấp ủy viên; khi

bị cách chức cấp ủy viên thì không còn chức bí thư, phó bí thư, ủy viên thường vụ.

- Đảng viên bị cách chức vụ đảng thì cấp ủy quản lý đảng viên đó chỉ đạo xem xét, xử lý chức vụ chính quyền, đoàn thể (nếu có) theo quy định của cơ quan nhà nước và điều lệ của đoàn thể.

17. Điều 40 (điểm 4): Đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng

a) Việc đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng nhằm ngăn chặn hành động gây trở ngại cho việc xem xét, kết luận của tổ chức đảng có thẩm quyền hoặc có hành động cụ thể làm cho vi phạm trở nên nghiêm trọng hơn. Do đó, chỉ áp dụng trong các trường hợp như sau:

- Đảng viên bị cơ quan pháp luật có thẩm quyền ra lệnh truy tố, tạm giam; hoặc có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng.

- Cấp ủy viên có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của cấp ủy và công tác kiểm tra của Đảng.

- Tổ chức đảng có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng kỷ luật đảng mà có hành động cụ thể cố ý gây trở ngại cho hoạt động của tổ chức đảng, cho công tác lãnh đạo và kiểm tra của Đảng.

b) Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy đối với cấp ủy viên là ba tháng;

trường hợp cần thiết phải gia hạn, thì thời gian đình chỉ kể cả gia hạn nhiều nhất không quá sáu tháng. Thời hạn đình chỉ hoạt động đối với tổ chức đảng nhiều nhất không quá ba tháng.

- Thời hạn đình chỉ sinh hoạt đảng đối với đảng viên, cấp ủy viên bị tạm giam được tính theo thời hạn tạm giam (kể cả gia hạn nếu có) của cơ quan pháp luật có thẩm quyền.

c) Quyết định đình chỉ do cấp ủy hoặc ủy ban kiểm tra cấp có thẩm quyền quyết định kỷ luật khai trừ đảng viên, cách chức cấp ủy viên hoặc giải tán tổ chức đảng quyết định. Cụ thể là:

- Đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên (kể cả chi ủy viên trong đảng bộ cơ sở), do chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, ủy ban kiểm tra cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở đảng hoặc đảng ủy cơ sở được ủy quyền quyết định. Đối với đảng viên là cán bộ thuộc diện cấp ủy cấp trên quản lý, chi bộ và đảng ủy cơ sở đề nghị, cấp ủy quản lý cán bộ đó quyết định.

Trường hợp đảng viên bị tạm giam, bị truy tố thì tổ chức đảng ở cơ quan ra quyết định truy tố, tạm giam có trách nhiệm thông báo với cấp ủy cơ sở nơi đảng viên đó sinh hoạt để phối hợp thực hiện.

- Đình chỉ sinh hoạt đảng hoặc đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên do chi bộ và cấp ủy cùng cấp đề nghị, cấp ủy cấp trên trực tiếp quyết định. Nếu đảng viên tham gia nhiều cấp ủy thì cấp ủy phát hiện đảng viên có dấu hiệu vi phạm đề nghị, cấp ủy có thẩm quyền cách chức, khai trừ đảng viên đó quyết định.

- Đình chỉ hoạt động của một tổ chức đảng do cấp ủy cấp trên trực tiếp đề nghị, cấp ủy cấp trên cách một cấp quyết

định. Đình chỉ hoạt động của một cấp ủy (hoặc ban thường vụ cấp ủy) trực thuộc Trung ương do Bộ Chính trị quyết định và báo cáo với Ban Chấp hành Trung ương. Sau khi có quyết định đình chỉ, cấp ủy cấp trên trực tiếp của tổ chức bị đình chỉ được chỉ định một tổ chức đảng tạm thời tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức đảng đã bị đình chỉ hoạt động. Nếu tổ chức đảng bị đình chỉ được quyết định trở lại hoạt động hoặc bị kỷ luật giải tán và đã lập tổ chức đảng mới thì tổ chức đảng tạm thời đương nhiên phải giải thể.

- Khi có đủ căn cứ phải đình chỉ mà tổ chức đảng cấp dưới không đề nghị đình chỉ hoặc không đình chỉ và trong trường hợp cần thiết thì tổ chức đảng cấp trên có thẩm quyền ra quyết định đình chỉ sinh hoạt đảng của đảng viên, sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên hoặc đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng. Quyết định đó được thông báo cho đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động và các tổ chức đảng có liên quan để chấp hành.

d) Trong thời gian đảng viên bị đình chỉ sinh hoạt đảng, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt cấp ủy, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động phải nghiêm chỉnh chấp hành mọi yêu cầu của tổ chức đảng có thẩm quyền (tường trình sự việc, tự kiểm điểm sai lầm, thực hiện các việc được giao, v.v.); được đề đạt ý kiến của mình với tổ chức đảng có thẩm quyền; không được lấy danh nghĩa tổ chức đảng hoặc danh nghĩa cấp ủy viên đã bị đình chỉ để điều hành công việc.

đ) Tổ chức đảng có thẩm quyền phải xem xét, kết luận rõ ràng nội dung vi phạm của đảng viên, cấp ủy viên bị đình chỉ sinh hoạt, tổ chức đảng bị đình chỉ hoạt động. Nếu đảng viên vi phạm chưa đến mức khai trừ, cấp ủy viên vi

phạm chưa đến mức phải cách chức, tổ chức đảng vi phạm chưa đến mức phải giải tán, thì tổ chức đảng có thẩm quyền quyết định để đảng viên, cấp ủy trở lại sinh hoạt, tổ chức đảng trở lại hoạt động và xem xét xử lý kỷ luật bằng hình thức thích hợp.

e) Khi đảng viên, cấp ủy viên không còn bị tạm giam, tổ chức đảng có thẩm quyền xem xét việc cho đảng viên, cấp ủy viên trở lại sinh hoạt; xem xét, kết luận vi phạm và xử lý kỷ luật đảng bằng hình thức thích hợp (nếu có vi phạm đến mức phải xử lý).

Tổ chức đảng nào quyết định đình chỉ sinh hoạt của đảng viên, đình chỉ sinh hoạt cấp ủy của cấp ủy viên, đình chỉ hoạt động của tổ chức đảng thì tổ chức đảng đó quyết định cho đảng viên, cấp ủy viên, tổ chức đảng trở lại sinh hoạt, hoạt động và chỉ đạo xem xét xử lý kỷ luật đảng (nếu có vi phạm đến mức phải xử lý).

18. Điều 42, Điều 43: Việc thực hiện chức năng lãnh đạo của Đảng ở những nơi không lập đảng đoàn, ban cán sự đảng

Nơi không lập đảng đoàn hoặc ban cán sự đảng thì về mặt tổ chức, cấp ủy cùng cấp lãnh đạo các cơ quan nhà nước và đoàn thể cấp đó thông qua vai trò trách nhiệm của cấp ủy viên và đảng viên là cán bộ phụ trách các cơ quan, đoàn thể đó; đồng thời thông qua hoạt động của tổ chức cơ sở đảng trong các cơ quan đó theo chức năng nhiệm vụ đã được Ban Bí thư khóa VII quy định. Khi tập thể lãnh đạo cơ quan, đoàn thể thảo luận quyết định về chủ trương, nhiệm vụ và công tác cán bộ của ngành, đoàn thể và cơ quan thì đảng viên

là thủ trưởng cơ quan và lãnh đạo đoàn thể đó mời đại diện của đảng ủy, chi ủy cơ quan tham gia. Khi cấp ủy cơ quan họp bàn về việc thực hiện nghị quyết của Đảng thì đảng ủy, chi ủy mời thủ trưởng (nếu thủ trưởng không trong cấp ủy hoặc không phải là đảng viên) tham dự.

19. Điều 46: Nguyên tắc, chế độ quản lý tài chính, tài sản của Đảng

- Cấp ủy các cấp lãnh đạo, chỉ đạo các hoạt động tài chính và quản lý tài sản của Đảng ở các tổ chức đảng cấp dưới; chịu trách nhiệm trước cấp ủy cấp trên và các tổ chức đảng cấp dưới về các hoạt động tài chính và tài sản ở cấp mình.

- Cấp ủy các cấp có thể lập các hình thức tổ chức phù hợp (ban, phòng...) hoặc cử cán bộ giúp cấp ủy thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản của Đảng ở cấp mình theo sự hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương và Ban Tài chính - Quản trị Trung ương. Các tổ chức đó có trách nhiệm giúp cấp ủy hướng dẫn, kiểm tra cấp ủy và cơ quan tài chính, quản trị của tổ chức đảng cấp dưới về nghiệp vụ tài chính, quản lý và sử dụng tài sản của Đảng, định kỳ báo cáo với cấp ủy cấp mình xem xét về kết quả thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính và tài sản được giao.

- Ủy ban kiểm tra của cấp ủy các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của cấp ủy cấp dưới và của cơ quan tài chính cấp ủy cùng cấp.

Ngoài những vấn đề nêu trên Bộ Chính trị sẽ có quy định riêng về: đảng viên phải là người "có lao động, không bóc lột" (điểm 1 Điều 1); mức đóng đảng phí và chế độ sử dụng đảng phí của đảng viên (Điều 46).

Bộ Chính trị giao cho Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương và một số cơ quan đảng có liên quan nghiên cứu, cụ thể hóa để hướng dẫn những điểm thuộc về phương pháp, quy trình, thủ tục và nghiệp vụ để thực hiện đúng những quy định của Điều lệ Đảng, phù hợp với tình hình và yêu cầu thực tiễn của công tác xây dựng Đảng trong thời kỳ mới.

Quy định này được lưu hành trong hệ thống Đảng tới các chi bộ, có hiệu lực thi hành từ ngày ký. Các quy định trước đây trái với nội dung quy định này đều bãi bỏ.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 70-TB/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1997

VỀ VIỆC TỔNG KẾT THỰC HIỆN CHỈ THỊ 08-CT/TW CỦA BAN BÍ THƯ (KHÓA VII) VỀ CÔNG TÁC BÁO CHÍ, xuất bản

Ngày 28-5-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin báo cáo tổng kết thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VII) về công tác báo chí, xuất bản. Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Đồng ý về cơ bản với nội dung của bản báo cáo tổng kết và những kiến nghị trong tờ trình của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

2. Báo cáo tổng kết cần phân tích sâu hơn về đội ngũ làm công tác báo chí, xuất bản; làm rõ những mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ và hướng chấn chỉnh, đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng về chính trị, đạo đức, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ, phóng viên, biên tập viên làm công tác báo chí, xuất bản.

3. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí, xuất bản cần phân tích rõ: Tác động của cơ chế thị

trường đối với hoạt động báo chí, xuất bản; vai trò của báo chí, xuất bản trong cuộc đấu tranh giai cấp, đấu tranh giữa hai con đường, trong việc bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa, truyền thống dân tộc, chống lai căng; vấn đề đối tượng phục vụ của báo chí, xuất bản (cần coi trọng đối tượng phục vụ: công - nông - binh - trí; chú ý địa bàn nông thôn, miền núi); quan hệ giữa số lượng và chất lượng đối với báo chí, xuất bản (hiện nay số lượng nhiều nhưng chất lượng còn thấp); cần giảm bớt những tờ báo chất lượng thấp, nội dung trùng lặp, không đủ điều kiện hoạt động, nhất là các số phụ, số chuyên đề thực hiện không đúng quy định trong giấy phép.

Lãnh đạo các ban, ngành, cấp ủy địa phương có báo, nhà xuất bản phải định kỳ làm việc với ban biên tập, có chủ trương, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời và phải chịu trách nhiệm trước Đảng và Nhà nước đối với công tác báo chí, xuất bản của ban, ngành, địa phương mình. Cơ quan báo và nhà xuất bản cần có ban biên tập, ban cán sự đảng (hoặc đảng tổ) để đảm bảo lãnh đạo tập thể; một số tờ báo và nhà xuất bản quan trọng cần có chức danh chủ nhiệm để bảo đảm sự lãnh đạo của cơ quan chủ quản.

4. Cần tổ chức tốt hội nghị tổng kết toàn quốc về công tác báo chí, xuất bản vào thời điểm sau bầu cử Quốc hội khóa X. Sau hội nghị tổng kết toàn quốc, cần có tổng kết sâu từng lĩnh vực; mở các lớp bồi dưỡng về chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và đường lối của Đảng cho đội ngũ lãnh đạo, quản lý và những người trực tiếp làm công tác báo chí, xuất bản. Giao cho Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chịu trách nhiệm

chuẩn bị hội nghị tổng kết về tổ chức triển khai các nhiệm vụ công tác sau hội nghị.

5. Bộ Chính trị sẽ có chỉ thị (hoặc nghị quyết) về công tác báo chí, xuất bản trong tình hình mới. Thường vụ Bộ Chính trị phân công đồng chí Nguyễn Đức Bình chỉ đạo Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Ban Cán sự Đảng Bộ Văn hóa - Thông tin chuẩn bị văn bản này.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 16-CT/TW, ngày 6 tháng 6 năm 1997

**Về việc tổ chức kỷ niệm
80 năm Cách mạng Tháng Mười Nga
(7-11-1917 – 7-11-1997) và 150 năm
Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản
(2-1848 – 2-1998)**

Kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11-1917 – 7-11-1997) và 150 năm ra đời tác phẩm bất hủ của C. Mác và Ph. Ăngghen *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (2-1848 – 2-1998) là hai ngày kỷ niệm lớn đối với toàn thế giới. Đây là hai sự kiện có ý nghĩa bước ngoặt trong lịch sử nhân loại, khẳng định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và mở ra con đường giải phóng nhân dân lao động và các dân tộc bị áp bức, mở đầu thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Với ý nghĩa quốc tế và thời đại to lớn đó, chúng ta tổ chức trọng thể hai ngày kỷ niệm này nhằm giáo dục lý tưởng cách mạng, khẳng định những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng sáng tạo của

Đảng ta, khẳng định sự nghiệp đổi mới đúng đắn của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam vì mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc.

I- CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG

1. Khẳng định giá trị bền vững của những nguyên lý cơ bản trong *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* gắn với thực tiễn thế giới ngày nay, nêu được những yêu cầu mới để biến *Tuyên ngôn* thành hiện thực. Khẳng định ý nghĩa vĩ đại của Cách mạng Tháng Mười Nga trong việc mở ra thời đại mới của xã hội loài người. Mặc dù cách mạng đang phải trải qua những bước khúc khuỷu, quanh co nhưng điều đó quyết không phủ nhận tính đúng đắn và ý nghĩa thời đại, thời sự của chủ nghĩa Mác - Lênin, quyết không xóa bỏ được quy luật của lịch sử, chủ nghĩa xã hội cuối cùng nhất định sẽ thay thế chủ nghĩa tư bản. Trên cơ sở đó đấu tranh có hiệu quả chống lại các luận điệu thù địch, bác bỏ những quan điểm sai trái, xuyên tạc chủ nghĩa Mác - Lênin và Cách mạng Tháng Mười Nga, kiên định lý tưởng, mục tiêu cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. Khẳng định công cuộc đổi mới hiện nay dưới sự lãnh đạo của Đảng dựa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh là tiếp tục con đường mà nhân dân ta đã lựa chọn, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại. Từ đó, củng cố niềm tin và thúc đẩy mọi người tự giác hành động,

đưa Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng vào cuộc sống, ra sức đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam.

3. Từ những nguyên lý của *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, những kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga và phong trào cách mạng trên thế giới rút ra những bài học cho cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới hiện nay, đặc biệt nghiên cứu các bài học về: nắm vững bản chất cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, nhận thức đúng về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, bài học về chiến lược và sách lược cách mạng, về xây dựng Đảng kiểu mới, về mối quan hệ giữa Đảng với quần chúng nhân dân, về đại đoàn kết toàn dân, về giáo dục chủ nghĩa yêu nước gắn với yêu chủ nghĩa xã hội và nêu cao tinh thần quốc tế chân chính, về giáo dục lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong cán bộ, nhân dân ta, đặc biệt là thanh niên.

II- TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM

Việc tổ chức các hoạt động kỷ niệm phải trang trọng, đạt hiệu quả thiết thực, lấy nội dung giáo dục trong Đảng, trong nhân dân là chính, không phô trương, hình thức. Cần tập trung làm tốt các việc sau đây:

1. Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn quốc gia tổ chức hai cuộc hội thảo khoa học lớn về hai sự kiện trọng đại này.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì phối hợp với Hội đồng Lý luận Trung ương và Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh biên tập Đề cương tuyên truyền về hai sự kiện, cung cấp cho các báo, đài, hệ thống báo cáo viên, cấp ủy và ban tuyên giáo các cấp.

3. Các báo, đài ở Trung ương có các bài xã luận, chuyên luận, nghiên cứu về các ngày kỷ niệm này; lựa chọn đăng một số bài có nội dung sâu sắc qua các cuộc hội thảo; phản ánh các hoạt động kỷ niệm ở trong nước và trên thế giới.

4. Tổ chức các báo cáo viên có trình độ lý luận đến nói chuyện ở các tổ chức đảng, đoàn thể, mặt trận, trong các trường học, viện nghiên cứu, đơn vị lực lượng vũ trang theo các chủ đề tư tưởng đã nêu trên và dựa vào Đề cương tuyên truyền của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

5. Nhà xuất bản Chính trị quốc gia xuất bản một số ấn phẩm về hai sự kiện lịch sử này. Có thể tái bản *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* và lựa chọn in lại một số bài (hoặc trích) của Lênin, của Chủ tịch Hồ Chí Minh về Cách mạng Tháng Mười.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 71-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1997

Về việc tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tuyên truyền miệng

Vừa qua, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương báo cáo tổng kết hoạt động tuyên truyền miệng trong những năm qua. Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Từ khi Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) ra Chỉ thị 14-CT/TW ngày 3-8-1977 đến nay, công tác tuyên truyền miệng đã có nhiều kết quả. Lực lượng tuyên truyền miệng có tổ chức của Đảng đã được phát triển cả về số lượng và chất lượng, đã trực tiếp cung cấp thông tin có định hướng về những vấn đề thời sự trong nước và quốc tế, trực tiếp đưa quan điểm, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước tới đảng viên và quần chúng, góp phần nâng cao nhận thức, củng cố niềm tin và tình cảm đối với Đảng, khơi dậy quyết tâm của mọi người, đẩy mạnh công cuộc đổi mới, tạo ra sự nhất trí về tư tưởng và hành động ngày càng cao trong Đảng và trong xã hội.

Bên cạnh bước trưởng thành và kết quả đã đạt được, công tác tuyên truyền miệng cũng còn những hạn chế và khuyết điểm. Lực lượng báo cáo viên đông nhưng chưa mạnh; không ít cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành chưa tích cực tham gia công tác tuyên truyền miệng. Chất lượng nội dung nhìn chung còn thấp. Nhiều đảng viên chưa chủ động tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng trong quần chúng. Phương thức hoạt động chủ yếu vẫn nặng một chiều từ trên xuống, chưa chú trọng đến đối thoại... Những hạn chế và khuyết điểm trên đã hạn chế hiệu quả của công tác tuyên truyền miệng.

Hiện nay, đất nước đang bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ nay đến năm 2020, ra sức phấn đấu đưa nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp; từng bước thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Trong thời kỳ phát triển trước mắt, chúng ta có cả thời cơ lớn và những thách thức lớn. Tình hình và nhiệm vụ mới đòi hỏi phải tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tư tưởng nói chung, công tác tuyên truyền miệng nói riêng.

Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn phải tăng cường lãnh đạo và đổi mới có hiệu quả công tác tuyên truyền miệng, trong đó báo cáo viên là bộ phận rất quan trọng.

1. Toàn Đảng, mọi cán bộ, đảng viên, trước hết là các đồng chí Ủy viên Trung ương và cấp ủy viên các cấp, phải căn cứ vào đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và

Nhà nước mà trực tiếp tuyên truyền cho quần chúng. Đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên là lực lượng quan trọng trong công tác tuyên truyền ở cơ sở.

2. Xây dựng, củng cố và đổi mới đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên từ Trung ương đến cơ sở với số lượng hợp lý, chất lượng ngày càng cao. Nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của Trung tâm Thông tin công tác tư tưởng của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và hoạt động báo cáo viên ở các tỉnh, thành phố; nâng cao hiệu quả hoạt động của trung tâm bồi dưỡng chính trị quận, huyện, thị xã và hoạt động tuyên truyền miệng trong toàn bộ hệ thống các ban, ngành, đoàn thể từ Trung ương đến cơ sở.

Để thực hiện tốt hai nhiệm vụ trên cần phải:

a) Thường xuyên và kịp thời cung cấp thông tin cho đảng viên và báo cáo viên để mọi đảng viên đều có thể tiến hành tuyên truyền miệng ở mọi lúc, mọi nơi, mọi đối tượng. Ban hành sớm các chế độ chính sách và bảo đảm các phương tiện hoạt động để tạo điều kiện thuận lợi và động viên đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

b) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương cùng Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Bộ Tài chính nghiên cứu giải quyết chế độ chính sách cho đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên và các phương tiện cần thiết đảm bảo cho hoạt động tuyên truyền miệng được tiến hành thuận lợi, có hiệu quả.

c) Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và ban tuyên giáo các cấp ủy đảng trực tiếp chỉ đạo và quản lý hoạt động của đội ngũ báo cáo viên, tuyên truyền viên, định kỳ sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm và báo cáo kịp thời với cấp ủy.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII***

Ngày 9 tháng 6 năm 1997

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Tại Hội nghị lần này, để triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn và quyết định các vấn đề: Tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; một số việc cần làm để bảo đảm lãnh đạo tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa X vào tháng 7 năm nay. Đây là những vấn đề vừa có tầm quan trọng cơ bản, lâu dài, vừa có những việc cấp bách cần làm ngay trong thời gian tới.

* Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 9-6 đến ngày 18-6-1997 (B.T).

Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc chuẩn bị các văn kiện, từ khâu dự thảo đến tổ chức nhiều cuộc tham khảo ý kiến rộng rãi của các ngành, các cấp từ Trung ương đến địa phương và cơ sở, các nhân sĩ trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các vị lão thành cách mạng, các nhà khoa học trong cả nước. Nhiều ý kiến phong phú và xác đáng đã được tiếp thụ để chỉnh lý, bổ sung dự thảo trình Hội nghị Trung ương.

Các văn kiện đã được gửi trước theo đúng quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương để các đồng chí có thời gian nghiên cứu, chuẩn bị. Trước khi Trung ương thảo luận, tôi xin phát biểu một số ý kiến sau đây.

Thưa các đồng chí,

Từ khi giành chính quyền trong hơn nửa thế kỷ qua, ở mọi giai đoạn phát triển của cách mạng Việt Nam, Đảng ta luôn luôn coi việc xây dựng, tăng cường, kiện toàn nhà nước là một nhiệm vụ hàng đầu, làm cho Nhà nước ta thực sự là trụ cột của hệ thống chính trị, là một công cụ chủ yếu, vững mạnh của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Những năm gần đây, trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, việc tăng cường, phát huy vai trò của Nhà nước lại càng được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Hội nghị Trung ương 2 (khóa VII) đã bàn về xây dựng nhà nước, cho ý kiến chỉ đạo việc chuẩn bị và ban hành Hiến pháp 1992; tiếp đến Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) đã nêu lên những quan điểm, nguyên tắc xác định bản chất giai cấp của Nhà nước ta; đề ra những quyết sách nhằm từng bước thực hiện một cuộc cải

cách về tổ chức bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu bức thiết của công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ mà Đại hội toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VII đã đề ra.

Đến nay, nhìn lại chặng đường mười năm đổi mới, trong lĩnh vực xây dựng nhà nước, chúng ta đã thu được những thành tựu bước đầu, góp phần quan trọng đưa đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, tạo ra thế và lực để chuyển sang một thời kỳ mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đóng góp chủ yếu của bộ máy nhà nước ta là đã tổ chức đưa đường lối đổi mới của Đảng đi vào cuộc sống, trước hết là đổi mới về kinh tế, mở ra bước ngoặt trong quá trình chuyển nền kinh tế từ cơ chế tập trung quan liêu, bao cấp sang cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Trong bối cảnh quốc tế phức tạp và tình hình trong nước có nhiều khó khăn, Đảng ta đã sáng suốt chủ trương vừa tập trung giải quyết các vấn đề kinh tế, xã hội cấp bách, vừa giữ vững ổn định chính trị, củng cố an ninh, quốc phòng, thi hành chính sách đối ngoại rộng mở. Thực hiện chủ trương của Đảng, bộ máy nhà nước đã từng bước chuyển đổi cơ chế điều hành các lĩnh vực của đời sống xã hội thông qua thực hiện cuộc cải cách lớn hệ thống thể chế, trước hết là thể chế kinh tế, thể hiện bước tiến bộ về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Các bộ phận chủ yếu từ lập pháp đến hành pháp và tư pháp đều được điều chỉnh một bước đáng kể; chất lượng, hiệu quả hoạt động được nâng cao rõ rệt, góp phần quan trọng hình thành nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành trong cơ chế thị trường theo định hướng xã hội

chủ nghĩa, phát huy mặt tích cực, hạn chế mặt tiêu cực, giải phóng các năng lực sản xuất, huy động khả năng tiềm tàng của đất nước; dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được mở rộng, được thể chế hóa trên nhiều mặt từ kinh tế, chính trị đến các lĩnh vực khác; phát huy tính năng động, cổ vũ, khơi dậy mạnh mẽ nhiệt tình lao động sáng tạo của mọi tầng lớp nhân dân.

Những thành tựu trên chứng tỏ Đảng ta có đủ bản lĩnh, năng lực lãnh đạo, phát huy sức mạnh và hiệu lực của Nhà nước trong việc tổ chức, triển khai thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng vì lợi ích của nhân dân, vì sự phồn vinh của đất nước. Đảng cầm quyền lãnh đạo toàn xã hội chủ yếu thông qua Nhà nước và Nhà nước với một hệ thống bộ máy quyền lực được tổ chức rộng khắp ở tất cả các cấp, các ngành, các lĩnh vực, các địa bàn trên cả nước là chỗ dựa quan trọng nhất để nhân dân thực hiện đầy đủ quyền làm chủ xã hội.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong việc xây dựng Nhà nước, chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận còn không ít khuyết điểm và những vấn đề tồn tại khiến mọi người đang băn khoăn, lo lắng; nhất là tình trạng tham ô, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, ức hiếp dân không những chưa bị ngăn chặn, giảm bớt mà ngược lại, có nơi, có lúc, có việc còn trở nên trầm trọng hơn, gây bất bình trong dư luận, làm giảm lòng tin của nhân dân, làm nản lòng những nhà đầu tư, kinh doanh muốn làm ăn hợp pháp và chính đáng, kìm hãm quá trình phát triển của đất nước. Một công tác trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới là phải tìm mọi biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi

các tệ nạn này. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: "Tiếp tục cải cách bộ máy nhà nước, xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam". Chủ trương lớn trên đây cần được quán triệt và thực hiện tích cực trong suốt quá trình đi lên của đất nước.

Hội nghị Trung ương lần này sẽ thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng về xây dựng Nhà nước trong mười năm đổi mới, trước hết là kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và Trung ương 8 (khóa VII), rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp triển khai thực hiện chủ trương của Đại hội Đảng lần thứ VIII nhằm xây dựng Nhà nước ta thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả; phát huy mạnh mẽ hơn nữa vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm tròn chức năng, nhiệm vụ là một công cụ trụ cột, chủ yếu của nhân dân trong thời kỳ mới.

Thư các đồng chí,

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước của dân, do dân và vì dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng, mang bản chất giai cấp công nhân, có tính nhân dân và tính dân tộc sâu sắc. Thực hiện nguyên tắc đó, Nhà nước ta phải phát huy quyền làm chủ của nhân dân, mở rộng dân chủ xã hội chủ nghĩa; mọi hoạt động quản lý, điều hành đều dựa trên những nguyên tắc và phương pháp dân chủ. Tuy nhiên, trong thực thi quyền lực, trong quan hệ với dân, có không ít trường hợp các cơ quan nhà nước chưa thể hiện được điều

đó. Tình trạng mất dân chủ xảy ra không chỉ ở cấp trên mà ở cả cấp cơ sở, nơi chính quyền ở ngay trong lòng dân. Mặt khác, lại đang diễn ra tình trạng phân tán, cục bộ, kỷ luật lỏng lẻo, phép nước không nghiêm, kỷ cương xã hội lơ lửng. Cả hai hiện tượng trên đây đều trái với bản chất của Nhà nước trong chế độ mới.

Điều quan trọng hàng đầu là phải thu hút nhân dân, đặc biệt là công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang tham gia quản lý nhà nước, sử dụng trên thực tế quyền lực của người làm chủ. Khi thực sự thu hút được sự tham gia của nhân dân vào quản lý nhà nước, sức mạnh của Nhà nước sẽ nhân lên gấp nhiều lần như Lenin từng nói. Chúng ta đã nói nhiều về điều này, song còn thiếu những biện pháp, những việc làm cụ thể, nhất là vai trò kiểm kê, kiểm soát của nhân dân chưa được coi trọng.

Trong điều kiện hiện nay, việc tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát do các cơ quan nhà nước thực hiện theo thẩm quyền là cần thiết, nhưng cần được bổ sung, hay nói đúng hơn, cần phối hợp với thanh tra, kiểm tra, giám sát bằng lực lượng đông đảo nhân dân có mặt ở khắp nơi, với trăm tai ngàn mắt, nhìn thấu mọi việc, biết được mọi nhẽ, tường tận mọi điều. Nhân dân là lực lượng hùng hậu trong sự nghiệp chấn hưng đất nước, bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ mới, ngăn chặn, đẩy lùi mọi biểu hiện tiêu cực trong các cơ quan và nhân viên nhà nước. Cần sớm nghiên cứu, soạn thảo và ban hành các thể lệ, quy chế về các hình thức nhân dân tham gia công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát. Phương châm: "Dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" đã tổng kết sâu sắc quá trình thực hiện quyền dân chủ ở cơ sở. Nhân

dân thực hiện quyền lực kiểm kê, kiểm soát từ sản xuất đến phân phối, đặc biệt là về tài chính, bảo đảm cho sự phát triển lành mạnh và đúng hướng.

Đảng có trách nhiệm lãnh đạo Nhà nước và tổ chức tốt việc nhân dân tiến hành thanh tra, giám sát, kiểm kê, kiểm soát. Đồng thời, bản thân các cấp bộ đảng, Mặt trận và các đoàn thể phải trực tiếp tiến hành việc giám sát, kiểm kê, kiểm soát theo hệ thống của mình đối với các cấp chính quyền, các cơ quan sự nghiệp, các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế trên địa bàn, không phân biệt do Trung ương hay địa phương quản lý.

Cùng với việc từng bước áp dụng các hình thức dân chủ trực tiếp, phải phát huy hơn nữa các hình thức dân chủ đại diện thông qua bộ máy do nhân dân trực tiếp bầu ra và chịu sự giám sát của nhân dân, trước hết là Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp. Chính quyền của nhân dân phải do nhân dân thực hiện, thông qua những đại biểu do mình bầu ra. Bản thân các cơ quan nhà nước không tự có quyền mà là được nhân dân ủy nhiệm theo thẩm quyền cụ thể do pháp luật quy định. Đồng thời, để phòng ngừa tình trạng mất dân chủ hoặc dân chủ hình thức, khi người đại diện vi phạm quyền dân chủ của cử tri đã bầu mình, cần có cơ chế trực tiếp kiểm tra, giám sát hữu hiệu từ phía nhân dân. Vì vậy, phối hợp chặt chẽ dân chủ đại diện với dân chủ trực tiếp là yêu cầu rất quan trọng, không thể thiếu được. Có như vậy mới bảo đảm quyền lực của nhân dân được thực hiện một cách vững chắc trong đời sống xã hội.

Phát huy dân chủ phải đi liền với tăng cường kỷ luật, kỷ luật trong bộ máy đảng, nhà nước, đoàn thể và kỷ luật ngoài

xã hội. Nói đến Nhà nước là nói đến pháp luật, kỷ cương, trật tự; phải kiên quyết lập lại trật tự, kỷ cương trong xã hội, trước hết trong bộ máy nhà nước.

Quyền làm chủ của cộng đồng, tức là quyền của số đông, chỉ được thực thi khi mỗi thành viên đều làm theo ý chung chứ không tùy tiện làm theo ý riêng của mình; làm ngược lại sẽ là vô chính phủ. Cả vô chính phủ lẫn độc đoán chuyên quyền đều trái với bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, xét về thực chất, dân chủ gắn liền với kỷ cương, có khuôn khổ, trong vòng trật tự. Không thể có dân chủ mà lại thiếu pháp luật, kỷ luật, kỷ cương. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa càng đòi hỏi phải xác định khuôn khổ, phạm vi của dân chủ và tự giác hành động trong khuôn khổ. Trong phạm vi quốc gia, khuôn khổ ấy là Hiến pháp và pháp luật. Theo tinh thần đó, chúng ta càng thấy sự bức xúc thiết lập trật tự, kỷ luật trong quản lý nhà nước, quản lý xã hội, tạo điều kiện thực hiện dân chủ đúng đắn, bảo đảm tự do cho mỗi người và cho cả cộng đồng.

Kỷ luật, pháp luật, trật tự, kỷ cương phải được thiết lập nghiêm ngặt trong toàn xã hội, trước hết trong các bộ máy nhà nước, đảng, đoàn thể, trong chính ngay các cơ quan pháp luật.

Xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường nhất thiết phải đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước. Có nhiều việc đã, đang và sẽ phải làm để thể chế hóa điều khẳng định đó.

Một số ý kiến cho rằng chỉ trong nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung bao cấp, khi bộ máy nhà nước là người trực tiếp tổ chức và điều khiển nền sản xuất xã hội với hệ thống

chỉ tiêu pháp lệnh và mệnh lệnh hành chính thì mới cần đến vai trò quản lý, điều hành của Nhà nước, còn trong cơ chế thị trường thì cứ để cho các thành phần kinh tế phát triển, thị trường sẽ định hướng, dẫn dắt cả người sản xuất lẫn người tiêu dùng. Suy nghĩ giản đơn, sai lầm đó tất yếu dẫn đến tình trạng buông lỏng quản lý nhà nước, xuất hiện tình trạng thả nổi, vô chính phủ, để những mặt tiêu cực của kinh tế thị trường phát triển, tạo cơ hội cho những kẻ thoái hóa, biến chất và các thế lực xấu lũng đoạn thị trường, đục khoét tài sản của Nhà nước và nhân dân, thực hiện âm mưu và hành động chống phá cách mạng trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng. Mặt khác, tình trạng quan liêu, cửa quyền, thủ tục rườm rà, qua nhiều khâu, nhiều nấc vẫn đang tiếp tục hạn chế sự phát triển của lực lượng sản xuất và năng lực sáng tạo của nhân dân, gây ra tệ hối lộ khá phổ biến. Chúng ta vẫn đang còn nắm quá chặt những cái cần mở rộng; đồng thời lại đang buông lỏng những cái cần phải nắm. Đó là một bài học kinh nghiệm lớn thu được trong quá trình đổi mới. Từ bài học đó, Đảng ta nhận thức sâu sắc phải thường xuyên quan tâm, chăm lo xây dựng chính quyền, sử dụng và phát huy nó một cách đúng đắn để khắc phục cả hai mặt trên đây nhằm phục vụ đắc lực sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội vì lợi ích của đất nước, của nhân dân.

Đương nhiên, vấn đề đặt ra là chúng ta rất cần đến vai trò Nhà nước, nhưng không phải như trong cơ chế cũ, can thiệp sâu vào mọi lĩnh vực của đời sống xã hội bằng biện pháp hành chính, hạn chế tính năng động, sáng tạo của nhân dân lao động. Quá trình chuyển đổi cơ chế hiện nay không

cho phép chúng ta tiếp tục quản lý theo lối cũ mà đòi hỏi phải đổi mới nhận thức, quan niệm cũng như tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước.

Trong khi khẳng định bản chất của Nhà nước ta, chúng ta cũng đồng thời thấy rõ vai trò, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước phải biểu hiện qua sự vận hành của một cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động tương ứng với trình độ của lực lượng sản xuất và trình độ dân trí, phù hợp với nhu cầu quản lý xã hội trong từng hoàn cảnh, giai đoạn lịch sử. Kinh nghiệm cho thấy, mức độ thành công của công cuộc đổi mới phụ thuộc vào tính đúng đắn của đường lối, đồng thời còn trực tiếp phụ thuộc vào khả năng tìm kiếm, lựa chọn các phương thức tổ chức và hoạt động thích hợp.

Để xác định đúng đắn vai trò của Nhà nước chúng ta luôn nhớ lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh: "Nếu không có nhân dân thì Chính phủ không đủ lực lượng. Nếu không có Chính phủ, thì nhân dân không ai dẫn đường"¹⁾.

Theo tinh thần đó, Nhà nước phải tạo môi trường lành mạnh cho sản xuất, kinh doanh; khẩn trương nhưng vững chắc thiết lập đồng bộ các yếu tố của thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa để ngay từ đầu và trên từng bước đi hình thành cho được cơ chế thị trường hoạt động hữu hiệu. Đồng thời, Nhà nước phải định hướng phát triển xã hội thông qua việc hoạch định chính sách phát triển lâu dài, được cụ thể hóa thành các chương trình, kế hoạch xây dựng kinh tế - xã hội nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất phát triển mạnh

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2011, t.4, tr.64 (B.T).

mẽ đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp trong từng thời kỳ; tạo lập các cân đối lớn; xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật; đổi mới một cách cơ bản cơ chế kế hoạch hóa, xử lý tốt mối quan hệ giữa kế hoạch và thị trường; và điều rất cơ bản là phải tạo cho được động lực phát triển, khơi dậy mọi sáng kiến, lòng hăng hái, nhiệt tình, óc sáng tạo của các tổ chức và từng cá nhân, giải phóng mọi năng lực sản xuất, khai thác mọi tiềm năng trong nhân dân. Khuyến khích mọi người hăng hái thực hành tiết kiệm, phát triển sản xuất, làm tròn nghĩa vụ với Nhà nước, tích cực tham gia công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa; trên cơ sở đó mà tăng thu nhập, làm giàu hợp pháp, giúp nhau xóa đói, giảm nghèo. Phát triển có trọng điểm đi đôi với quan tâm thích đáng đến sự tiến bộ của các vùng trên cả nước; người giỏi giúp người kém, người giàu giúp người nghèo, vùng phát triển nhanh giúp vùng phát triển chậm hơn.

Cùng với chức năng tạo điều kiện và định hướng phát triển kinh tế trong cơ chế thị trường, chức năng điều tiết của Nhà nước là đặc biệt cần thiết. Chức năng điều tiết phải nhằm bảo đảm công bằng và tiến bộ xã hội ngay trong từng bước phát triển, hạn chế phân hóa giàu nghèo; ngăn ngừa, khắc phục các hiện tượng tiêu cực, các mặt trái của kinh tế thị trường; kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm minh những hành vi phạm pháp.

Song song với việc thực hiện chức năng quản lý xã hội, Nhà nước ta còn là người đại diện cho nhân dân thực hiện vai trò sở hữu đối với tài sản thuộc sở hữu toàn dân. Đây là chức năng đặc thù của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, nắm giữ những bộ phận then chốt có vai trò chi phối nền kinh tế. Tài sản đó

là lực lượng vật chất mà Nhà nước phải biết sử dụng một cách có hiệu quả để định hướng và điều tiết thị trường, trực tiếp đầu tư vào một số lĩnh vực có tác động thúc đẩy và dẫn dắt nỗ lực của toàn dân nhằm đưa kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững, giải quyết các vấn đề xã hội, củng cố quốc phòng, an ninh, mở rộng hoạt động đối ngoại.

Để làm tốt chức năng trên đây, phải đổi mới, điều chỉnh cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của Nhà nước một cách kịp thời. Trong đó, cần khẳng định phương thức hàng đầu là quản lý kinh tế, xã hội bằng pháp luật; xác lập môi trường, khuôn khổ pháp lý; một mặt nhằm phát huy quyền tự chủ của các đơn vị sản xuất, kinh doanh, tính năng động của các thành phần kinh tế, tháo gỡ các ràng buộc, giải phóng các nguồn lực, phát huy các động lực, khơi dậy các tiềm năng; mặt khác hạn chế tác động tiêu cực, ngăn chặn các mặt trái của kinh tế thị trường.

Đồng thời, Nhà nước cũng cần giảm việc can thiệp quá sâu vào quyền điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của cơ sở và các quan hệ dân sự để tập trung hướng mạnh vào xây dựng thể chế, sử dụng các công cụ điều hành vĩ mô, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất của Trung ương và sự phân công, phân cấp cho chính quyền địa phương, cơ sở. Xử lý kịp thời những vấn đề bức xúc như đẩy lùi lạm phát, khắc phục suy thoái...; xác định đúng khâu then chốt để tập trung giải quyết trong từng thời điểm.

Theo chức năng của mình, Nhà nước vừa là người dẫn đường cho dân, lại vừa là người phục vụ cho mọi hoạt động của xã hội. Cần quan niệm rõ ràng và có phương thức đúng đắn xử lý mối tương quan đó. Chẳng hạn như xã hội hóa một

số mặt: y tế, giáo dục, thể thao, cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp là chủ trương rất quan trọng được Đại hội VIII đề ra trên cơ sở tổng kết thực tiễn 10 năm đổi mới. Song xã hội hóa không đồng nghĩa với phi nhà nước hóa và càng không phải là tư hữu hóa. Phương châm cơ bản ở đây vẫn là "Nhà nước và nhân dân cùng làm"; trong đó Nhà nước có vai trò nòng cốt, thực hiện quản lý nhà nước, tổ chức cho dân làm và trong điều kiện cụ thể, tham gia cùng làm với dân; không làm thay dân, cũng không khoán trắng.

Hiện nay, quy định về thẩm quyền của từng thiết chế trong bộ máy nhà nước còn nhiều điều cần làm rõ, mối quan hệ giữa trách nhiệm tập thể với trách nhiệm cá nhân thủ trưởng và cán bộ, viên chức chưa được quy định cụ thể, thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, qua khá nhiều tầng nấc. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, viên chức còn yếu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và thiếu rèn luyện. Thể chế còn nhiều mặt bất cập cộng với những yếu kém về năng lực và sự thoái hóa của một bộ phận cán bộ đang ảnh hưởng không nhỏ đến việc tăng cường hiệu lực của bộ máy nhà nước.

Mục tiêu chung của cải cách, đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động của từng cơ quan cũng như cả bộ máy nhà nước là làm cho Nhà nước ta thực sự trong sạch, vững mạnh, có hiệu lực và hiệu quả. Các yêu cầu đó quan hệ khăng khít với nhau, bổ sung cho nhau, chi phối lẫn nhau và phải được tiến hành một cách tích cực, đồng bộ trên cả ba mặt lập pháp, hành pháp, tư pháp với những biện pháp cụ thể và bước đi vững chắc.

Đối với Quốc hội, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, hình thức chủ yếu thực hiện quyền dân chủ đại diện của

nhân dân, phải tiếp tục đổi mới cơ cấu tổ chức và phương thức hoạt động. Tiếp tục làm tốt hơn nữa chức năng lập pháp, chủ động đề ra chương trình xây dựng pháp luật hàng năm và cả nhiệm kỳ, không những chỉ về số lượng văn bản mà cần coi trọng chất lượng, bao gồm cả tính khả thi của luật; đồng thời đặt trọng tâm vào yêu cầu thi hành luật. Các văn bản luật và pháp quy khác được ban hành ngày càng nhiều; vì vậy, cần có chương trình phổ biến và giáo dục về luật, để dân biết, dân hiểu, dân tin, sống và làm theo luật pháp. Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả của công tác giám sát tối cao của Quốc hội đang là một khâu cần tăng cường trong hoạt động của Quốc hội hiện nay. Quyền quyết định của Quốc hội về các vấn đề quan trọng thuộc quốc kế dân sinh phải được phát huy một cách thực chất, nhất là trong lĩnh vực kế hoạch và ngân sách.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách nền hành chính nhà nước mà mục tiêu là xây dựng một nền hành chính dân chủ, trong sạch, vững mạnh, năng động, hoạt động thông suốt theo đúng chức năng và quyền hành pháp, tiếp tục đổi mới và từng bước hiện đại hóa bộ máy nhà nước, bảo đảm hoạt động có hiệu lực, hiệu quả trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, hướng vào phục vụ dân, bảo vệ lợi ích của dân, huy động sức dân một cách hợp lý và chịu sự giám sát của dân.

Từng bước tổ chức nền hành chính nhà nước phù hợp với nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, thực hiện đầy đủ chế độ tuyển chọn, đào tạo và xây dựng đội ngũ viên chức có phẩm chất tốt, thành thạo nghiệp vụ và có ý thức công vụ cao. Trong điều kiện mới, xác định rõ chức

năng, thẩm quyền, sắp xếp hợp lý cơ cấu tổ chức của Chính phủ, của các bộ, cơ quan ngang bộ, làm rõ chức năng, thẩm quyền và tổ chức của các cấp chính quyền địa phương. Đó là quá trình xây dựng nền hành chính dân chủ, sát dân, sát cơ sở, xóa bỏ mọi thủ tục phiền hà, dành thuận tiện cho dân, đáp ứng mọi yêu cầu, quyền lợi hợp pháp, chính đáng của dân.

Phải phân cấp rành mạch trách nhiệm và thẩm quyền giữa các cấp chính quyền: trên cơ sở đảm bảo thống nhất thi hành pháp luật trong cả nước, chính quyền Trung ương quản lý tập trung một số lĩnh vực theo ngành dọc được xác định từ yêu cầu thực tế. Đối với một số lĩnh vực khác, Trung ương trực tiếp quản lý một phần, còn một phần phân cấp cho địa phương quản lý. Một số khác nữa ngoài những lĩnh vực trên thì giao quyền chủ động cho các cấp chính quyền địa phương theo luật định. Đối với tất cả các lĩnh vực, để bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, thiết lập kỷ cương xã hội, cần tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra theo cả chiều dọc và chiều ngang. Chính quyền Trung ương thống nhất quản lý, kiểm tra theo chiều dọc; chính quyền địa phương thực hiện kiểm tra theo chiều ngang trên địa bàn đối với các cơ quan sự nghiệp, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế, không phân biệt do Trung ương hay địa phương quản lý.

Tiếp tục cải cách tư pháp là một yêu cầu cấp bách. Nhân dân đòi hỏi các cơ quan và nhân viên tư pháp phải mẫu mực tuân thủ Hiến pháp, pháp luật, thể hiện tính dân chủ, công khai, đại diện cho công lý của chế độ, phải thật sự trong sạch, công minh. Phải xác định rõ thẩm quyền của mỗi cấp tòa án

và các cơ quan tư pháp khác; bảo đảm thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử; xây dựng cơ chế tuyển chọn, bồi dưỡng cán bộ tư pháp theo chức danh; quan tâm giáo dục phẩm chất, đạo đức và đào tạo nghề nghiệp. Kiện toàn các tòa chuyên môn cả về thẩm quyền và về tổ chức, nhân sự, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu đổi mới tư pháp. Kiện toàn các viện kiểm sát theo hướng tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp. Chấn chỉnh công tác thi hành án theo hướng tập trung vào một đầu mối. Sớm kiện toàn các tổ chức hỗ trợ tư pháp như tổ chức luật sư, tư vấn pháp luật, công chứng, giám định tư pháp..., làm cho các hoạt động này thực sự trở thành những trợ thủ đắc lực cho nền tư pháp trong điều kiện dân chủ hóa sinh hoạt mọi mặt của xã hội ta.

Cải cách bộ máy nhà nước, nghiên cứu, ban hành hệ thống pháp luật phù hợp với điều kiện cụ thể nước ta theo hướng xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân là một quá trình phức tạp và lâu dài; đòi hỏi sự lãnh đạo, chỉ đạo sát sao của các cấp ủy đảng, có những biện pháp đồng bộ về chính trị, tư tưởng, tổ chức, cán bộ, pháp luật... Chỉ có như vậy, tổ chức bộ máy nhà nước, pháp luật, chính sách mới có tác dụng thiết thực, thúc đẩy sự phát triển về mọi mặt trong từng bước đi lên của đất nước.

Thưa các đồng chí,

Tôi xin chuyển sang phần thứ hai: về Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Đảng ta đã nhiều lần khẳng định: phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng đảng là then chốt. Trong xây dựng đảng thì

công tác cán bộ là quan trọng nhất, là khâu then chốt của vấn đề then chốt. Bác Hồ đã chỉ rõ: "Cán bộ là cái gốc của mọi công việc", "công việc thành công hay thất bại đều do cán bộ tốt hay kém".

Đảng ta là đảng cầm quyền, lãnh đạo đất nước và toàn bộ hệ thống chính trị. Vì vậy, Đảng lo cán bộ không chỉ cho bản thân mình, mà còn cho cả hệ thống chính trị, cho toàn xã hội, trên tất cả các lĩnh vực. Chỉ có chủ động xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ vững mạnh, Đảng mới đủ khả năng lãnh đạo, tổ chức toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Thực tế chứng minh, trong gần 50 năm tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ, trải qua quá trình hoạt động bí mật và công khai, hợp pháp và không hợp pháp, đấu tranh chính trị và đấu tranh vũ trang, tiến hành các cuộc vận động cách mạng rộng lớn và sâu sắc gắn liền với phong trào cách mạng sôi sục của nhân dân, Đảng ta và Bác Hồ đã đào tạo, xây dựng nên một đội ngũ cán bộ đông đảo, trung thành với sự nghiệp cách mạng, hăng hái, nhiệt tình, năng động và sáng tạo. Hàng vạn cán bộ được rèn luyện, thử thách qua đấu tranh cách mạng và kháng chiến, không ít đồng chí đã hy sinh, nhiều người đã trưởng thành. Ngay trong những năm tháng chiến tranh gian khổ, Đảng ta đã nhìn xa, chăm lo đào tạo hàng vạn cán bộ quản lý nhà nước, quản lý sản xuất kinh doanh, cán bộ khoa học và công nghệ, nguồn vốn quý của Đảng và nhân dân ta. Đây là một bài học kinh nghiệm lớn thể hiện tầm nhìn chiến lược của Đảng về công tác cán bộ nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của sự nghiệp cách mạng.

Hiện nay, đất nước ta đang chuyển sang thời kỳ phát triển mới; xuất hiện những vận hội, thời cơ lớn cần ra sức tận dụng, đi liền với những khó khăn, thử thách mà chúng ta nhất định phải vượt qua. Có những tồn tại từ cơ chế cũ phải tiếp tục khắc phục, có cả những vấn đề mới nảy sinh trong quá trình chuyển sang cơ chế mới cần giải quyết, có yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại và kinh tế đối ngoại, hội nhập với khu vực và thế giới. Tình hình đó đòi hỏi đội ngũ cán bộ của chúng ta phải có đầy đủ phẩm chất chính trị và kiến thức, phải hết sức kiên định, vững vàng, đồng thời rất thông minh, sáng tạo.

Nhìn chung, đội ngũ cán bộ hiện nay, cả về chất lượng, số lượng và cơ cấu đều có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Vừa qua, tuy có nhiều cố gắng trong công tác cán bộ, nhưng không ít việc còn mang tính chất ứng phó; chưa xây dựng được chiến lược cán bộ trong giai đoạn mới. Ban Chấp hành Trung ương chưa có nghị quyết chuyên đề về cán bộ. Bộ Chính trị, Ban Bí thư, Thường vụ Bộ Chính trị tuy dành nhiều thời gian cho công tác cán bộ, nhưng chủ yếu là xử lý những việc cụ thể, chưa có lúc nào bàn chuyên sâu về cán bộ và công tác cán bộ ở tầm chiến lược.

Vì vậy, việc xây dựng chiến lược cán bộ cho thời kỳ mới là vấn đề cực kỳ hệ trọng, rộng lớn và phức tạp; vừa cơ bản lại vừa cấp bách. Hội nghị Trung ương lần này cần đánh giá chính xác thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ hiện nay; dự báo đúng sự phát triển của tình hình và yêu cầu, nhiệm vụ chính trị trong thời kỳ mới; trên cơ sở đó vạch ra

phương hướng cơ bản của việc xây dựng đội ngũ cán bộ đến năm 2020; đề ra chương trình, kế hoạch để thực hiện theo phương hướng đó ngay từ bây giờ, chuẩn bị cho Đại hội IX; xác định các quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu, chính sách và giải pháp lớn.

Đánh giá đúng thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ hiện nay là vấn đề rất quan trọng, là cơ sở để xác định mục tiêu, phương hướng cho thời gian tới. Trong quá trình tiến hành tổng kết công tác xây dựng đảng những năm qua, cũng như trong việc chuẩn bị cho Hội nghị Trung ương lần này, còn không ít ý kiến khác nhau về đánh giá cán bộ và công tác cán bộ của Đảng.

Tôi nghĩ rằng, tùy theo vị trí công tác và nhiệm vụ được giao, tiêu chuẩn hàng đầu để đánh giá đội ngũ cán bộ trước hết là khả năng, trình độ xác định đường lối chính trị đối với cấp trên và năng lực tổ chức thực hiện đường lối ấy đối với cán bộ thừa hành cấp dưới. Chính nhờ sự đóng góp của một đội ngũ cán bộ có phẩm chất và năng lực mà chúng ta đã đạt được thành tựu to lớn trong sự nghiệp đổi mới hơn mười năm qua. Trước sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu, trước yêu cầu chuyển từ cơ chế cũ sang cơ chế mới, đội ngũ cán bộ tiếp tục có bước phát triển và trưởng thành trên tất cả các lĩnh vực chính trị, kinh tế, khoa học, giáo dục, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại... Đội ngũ cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý, đã thể hiện bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự chủ, tự lực tự cường, năng động và sáng tạo; có kiến thức, trình độ và năng lực hoạt động thực tiễn, trưởng thành trong quản lý kinh tế, quản lý xã

hội, thích nghi dần với cơ chế mới. Số đông vẫn giữ được lối sống lành mạnh, chăm lo sự nghiệp chung. Đây là mặt mạnh cơ bản của đại bộ phận cán bộ cần được khẳng định.

Mặt khác, cũng cần nhìn thẳng vào sự thật là trong đội ngũ cán bộ hiện đang có nhiều vấn đề đáng lo ngại cả về phẩm chất và năng lực. Kiến thức, trình độ hiểu biết về lý luận và thực tế của nhiều cán bộ chưa theo kịp yêu cầu của tình hình hiện nay. Một bộ phận không nhỏ cán bộ đã thoái hóa về chính trị và phẩm chất, đạo đức, lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí, quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, cơ hội và thực dụng. Không ít cán bộ bị giảm sút uy tín, không còn là công bộc của dân, thậm chí trù dập, ức hiếp dân. Cần sớm khắc phục tình hình này, nếu để kéo dài và phát triển thì sẽ dẫn tới nguy cơ không lường hết được. Nguyên nhân của tình trạng này là do một mặt, khi đi vào cơ chế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, trước sự cám dỗ của tiền tài, vật chất, trước những đòn tiến công hiểm độc của các thế lực thù địch, nhiều cán bộ đã lơ là tu dưỡng, rèn luyện, phấn đấu, né tránh tự phê bình và phê bình nên bị chủ nghĩa cá nhân lấn át. Mặt khác, công tác cán bộ của nhiều cấp ủy và tổ chức đảng bị buông lỏng, yếu kém, và có những sai phạm cả về quan điểm và phương pháp.

Từ thực tiễn công tác cán bộ thời gian qua, từ yêu cầu, nhiệm vụ chính trị của thời kỳ mới, việc xây dựng chiến lược cán bộ hiện nay cần đặc biệt chú ý những vấn đề trọng yếu sau đây:

Một là, phải luôn nắm vững và thực hiện đúng những quan điểm và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin

và tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác cán bộ. Chủ động có tầm nhìn xa, dự báo đúng tình hình, bám sát yêu cầu nhiệm vụ chính trị để có quy hoạch, kế hoạch xây dựng đội ngũ cán bộ, chuẩn bị không chỉ cho trước mắt mà cho cả một thời kỳ tương đối dài.

Đường lối chính trị bao giờ cũng quyết định đường lối tổ chức và cán bộ. Công tác cán bộ phải luôn bám sát nhiệm vụ chính trị, xuất phát từ nhiệm vụ chính trị và phục vụ nhiệm vụ chính trị. Có một đội ngũ cán bộ đủ phẩm chất và năng lực xây dựng đường lối chính trị đúng đắn và tổ chức thực hiện thắng lợi đường lối đó là vấn đề cốt tử của lãnh đạo, là sinh mệnh của đảng cầm quyền.

Vì vậy, đồng thời với việc xây dựng đường lối chính trị và chiến lược kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, phải xây dựng cho được một đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ. Trong đó, đặc biệt chú trọng đội ngũ cốt cán các cấp, trước hết là ở cấp chiến lược và cơ sở, nhất là người chủ trì phải thật sự vững vàng, có đủ bản lĩnh, phẩm chất và năng lực giải quyết các nhiệm vụ trong thời kỳ mới, kể cả khi gặp những tình huống phức tạp.

Một trong những nội dung quan trọng nhất của chiến lược cán bộ là phải tạo được nguồn cán bộ, xây dựng được quy hoạch và chăm lo đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Càng đi vào kinh tế thị trường, càng hội nhập với khu vực và thế giới, trong thời đại của trí tuệ, bùng nổ thông tin thì nhiệm vụ cách mạng ngày càng khó khăn, phức tạp; công việc càng mới mẻ. Trong bối cảnh đó, Đảng và Nhà nước ta càng phải ý thức sâu sắc tầm quan trọng quyết định của vấn đề cán bộ, ra sức

chăm lo xây dựng, có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ. Đương nhiên phải hiểu đúng, làm đúng và có biện pháp tiến hành quy hoạch sao cho thiết thực và có hiệu quả.

Hai là, xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ phải trên cơ sở giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân của Đảng, có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng hiền tài.

Quan trọng quan điểm giai cấp công nhân trong công tác cán bộ là vấn đề có tính nguyên tắc. Đảng và Nhà nước ta phải đào tạo, lựa chọn và sử dụng những người thật sự trung thành với lý tưởng và sự nghiệp của giai cấp công nhân, với lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Những người được bố trí vào các cương vị lãnh đạo của Đảng và Nhà nước trước hết phải được đào tạo và thử thách trong hoạt động thực tiễn, trong phong trào cách mạng của nhân dân, thể hiện rõ bản lĩnh, trình độ, phẩm chất cách mạng, hết lòng vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Điều đó hoàn toàn phù hợp với bản chất của chế độ ta, với yêu cầu tăng cường vai trò lãnh đạo và tính chất giai cấp công nhân của Đảng.

Đương nhiên, chúng ta không hiểu quan điểm giai cấp một cách đơn giản, cứng nhắc, dẫn đến biệt phái, hẹp hòi, thành phần chủ nghĩa. Quan điểm giai cấp đúng đắn và sâu sắc mà Bác Hồ đã vận dụng nhuần nhuyễn là phải đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài không phân biệt dân tộc, tôn giáo, trong Đảng hay ngoài Đảng, đồng bào trong nước hay người Việt Nam cư trú ở nước ngoài.

Cũng không định kiến với những người có quá khứ sai lầm nay đã thực sự hối cải và tiến bộ.

Đối với những cán bộ cốt cán, cán bộ lãnh đạo, đặc biệt ở cấp chiến lược, phải đòi hỏi nghiêm ngặt về quan điểm của giai cấp công nhân về phẩm chất và bản lĩnh chính trị, được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn.

Đối với các chuyên gia, cán bộ khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật, sản xuất, kinh doanh thì ai có tài năng, có sáng kiến đều được trọng dụng, miễn là họ tán thành đường lối đổi mới, toàn tâm, toàn ý phụng sự đất nước, phụng sự nhân dân. Theo gương Bác Hồ, chúng ta phải dày công bồi dưỡng, vun trồng, trọng dụng những cán bộ có tâm đức và tài năng, có triển vọng thuộc mọi tầng lớp xã hội; thu hút, cảm hóa, tập hợp được những trí thức giỏi nhất của đất nước trên mọi lĩnh vực; tuyên truyền, giác ngộ để bổ sung vào đội ngũ cán bộ của Đảng.

Quan tâm đổi mới, trẻ hóa đội ngũ cán bộ. Trên cơ sở tiêu chuẩn và có sự chuẩn bị chu đáo, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ, giữ vững ổn định chính trị, kết hợp yêu cầu phục vụ nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Ba là, phải có quan điểm và phương pháp đánh giá, sử dụng cán bộ một cách công tâm, khách quan, khoa học. Xử lý đúng đắn các mối quan hệ giữa đức và tài, giữa giai cấp và dân tộc, giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa cống hiến và đãi ngộ, giữa tiêu chuẩn và cơ cấu, giữa năng lực thực tế và bằng cấp, giữa đào tạo ở nhà trường và rèn luyện trong thực tiễn qua phong trào cách mạng của nhân dân.

Đánh giá cán bộ là vấn đề hệ trọng, rất nhạy cảm và phức tạp. Đây là khâu mở đầu quyết định, nếu đánh giá đúng thì bố trí, sử dụng đúng cán bộ; nếu đánh giá sai thì bố trí, sử dụng sai và có thể gây ra những tâm tư, thắc mắc, mất đoàn kết nội bộ. Muốn đánh giá đúng cán bộ, phải có quan điểm và phương pháp thật sự khoa học, khách quan, công tâm, theo một quy trình chặt chẽ, tuân theo lời dạy của Bác Hồ: "nhận xét cán bộ không nên chỉ xét ngoài mặt, chỉ xét một lúc, một việc, mà phải xét kỹ cả toàn bộ công việc của cán bộ"¹⁾.

Muốn đánh giá và bố trí, sử dụng đúng phải dựa trên các căn cứ chủ yếu sau đây:

- Phải nắm vững và dựa vào tiêu chuẩn cán bộ. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, tiêu chuẩn chung đối với người cán bộ là: Có phẩm chất chính trị tốt, vững vàng, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; có tinh thần năng động, sáng tạo, phấn đấu thực hiện đường lối đổi mới của Đảng, dám đấu tranh với những quan điểm sai trái. Có ý thức tổ chức, kỷ luật, giữ gìn đoàn kết nội bộ. Có quan hệ mật thiết với nhân dân. Có năng lực, trình độ và sức khỏe phù hợp với nhiệm vụ công tác được giao. Có phong cách làm việc khoa học, đưa lại hiệu quả thiết thực. Các mặt đó có quan hệ mật thiết với nhau, tạo nên phẩm chất của người cán bộ trong thời kỳ mới. Chung quy lại, người cán bộ phải có phẩm chất và năng lực, có đức và tài, trong đó "đức là cái gốc của người cán bộ" như Bác Hồ từng nhấn mạnh.

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.318 (B.T).

- Phải lấy hiệu quả công tác và sự đóng góp thực tế làm thước đo phẩm chất và năng lực cán bộ. Mọi bằng cấp, danh hiệu và chức vụ, năng khiếu đều phải được kiểm nghiệm qua thực tiễn. Phải dựa vào dân để phát hiện, đánh giá, kiểm tra cán bộ.

- Phải đặt cán bộ trong môi trường và điều kiện cụ thể, trong mối quan hệ biện chứng với đường lối, chính sách, tổ chức và cơ chế quản lý để xem xét toàn diện trong cả quá trình phát triển của cán bộ. Cán bộ tốt, vững vàng, đủ năng lực thì xác định được đường lối đúng, xây dựng được cơ chế, chính sách và tổ chức hợp lý. Ngược lại, cán bộ kém thì gây tác hại đến đường lối, chính sách và tổ chức. Đường lối đúng, cơ chế, chính sách và tổ chức hợp lý, khoa học là điều kiện thuận lợi cho cán bộ phát huy tài năng để cống hiến cho đất nước. Ngược lại, khi đường lối, cơ chế, chính sách và tổ chức không thích hợp thì dễ dẫn đến làm cho cán bộ bị suy thoái phẩm chất và thui chột tài năng.

- Phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ để bố trí đúng người, đúng việc, đúng lúc và đúng chỗ. Mọi vấn đề về chủ trương, chính sách, đánh giá, sử dụng cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền quyết định sau khi lắng nghe đầy đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan và ý kiến đóng góp của nhân dân tại cơ sở. Kết hợp đúng đắn giữa chế độ tập thể và trách nhiệm cá nhân, tập trung và dân chủ. Muốn thực hiện tốt vấn đề này, lại phải thể chế hóa, quy định các khâu, các việc phải làm rất cụ thể.

Bốn là, trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, Đảng phải đặc biệt chăm lo giáo dục,

rèn luyện phẩm chất đạo đức, lối sống lành mạnh cho cán bộ, giữ gìn đoàn kết và bảo vệ chính trị nội bộ; đấu tranh kiên quyết chống tham ô, lãng phí, quan liêu, trù dập cấp dưới, ức hiếp nhân dân, hối lộ, buôn lậu, làm giàu phi pháp, lối sống thực dụng, xa hoa hưởng lạc.

Phải đề cao việc học tập rèn luyện theo tư tưởng, đạo đức, phong cách của Bác Hồ; thường xuyên tự phê bình và phê bình, kết hợp với việc tổ chức để nhân dân giám sát, phê bình, góp ý kiến cho cán bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý. Cán bộ ở cấp càng cao thì càng phải gương mẫu, càng phải giữ gìn phẩm chất, đạo đức, thực hiện tốt "tu thân, tề gia", "cần kiệm liêm chính".

Giáo dục, rèn luyện và quản lý tốt đội ngũ cán bộ là biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta. Lúc này bảo vệ cán bộ chính là bảo vệ phẩm chất chính trị, quan điểm, đạo đức, lối sống, giữ cho cán bộ trung thành, trung thực, không thoái hóa sa ngã. Sớm xây dựng, hoàn chỉnh nội quy, quy chế kiểm tra cán bộ trong làm ăn kinh tế, trong giao dịch, tiếp xúc với người nước ngoài.

Thường xuyên chăm lo xây dựng sự đoàn kết thống nhất trong đội ngũ cán bộ, khắc phục bằng được những hiện tượng mất đoàn kết ở một số nơi. Giáo dục cho mọi cán bộ nhận thức đầy đủ trách nhiệm của mình với Đảng, với đất nước, với công việc chung. Mỗi người phải biết vượt lên lợi ích cá nhân, cục bộ, đặt lợi ích chung của nhân dân, của dân tộc trên hết và trước hết; tuân thủ nghiêm ngặt các nguyên tắc tổ chức sinh hoạt đảng. Thực hiện các chính sách cán bộ một

cách nhất quán, công tâm, công bằng. Bố trí đúng người đứng đầu và cán bộ lãnh đạo chủ chốt là một điều kiện quan trọng để bảo đảm đoàn kết nội bộ.

Năm là, Đảng phải thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ; đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật nhà nước và điều lệ của các tổ chức quần chúng.

Đảng cầm quyền phải trực tiếp nắm vấn đề cán bộ, chuẩn bị cán bộ cho cả hệ thống chính trị, trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội; thông qua đảng viên và các tổ chức đảng (ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy...) để thực hiện đường lối, chính sách cán bộ.

Tăng cường vai trò lãnh đạo của các cấp ủy là nhân tố quyết định sự thành công của công tác cán bộ. Ở đâu và lúc nào cấp ủy và tổ chức đảng, trước hết người lãnh đạo chủ chốt, có quan điểm đổi mới đúng đắn, thực sự dân chủ, khách quan, công tâm thì ở đó, lúc đó công tác quy hoạch, đào tạo, lựa chọn, xây dựng đội ngũ cán bộ thu được kết quả tốt. Khắc phục tình trạng một số cấp ủy, tổ chức đảng không trực tiếp làm công tác cán bộ, chỉ khoán trắng cho cơ quan tổ chức, tham mưu. Đồng thời phải tăng cường chất lượng các cơ quan tham mưu, giải quyết tốt mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan tham mưu về công tác cán bộ.

Trên đây là một số ý kiến báo cáo với Trung ương để góp phần vào việc thảo luận và quyết định của Hội nghị.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương (khóa VIII).

Mong các đồng chí đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc xây dựng Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này, bảo đảm cho Hội nghị thành công tốt đẹp.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ ba

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997,

tr.5-35.

BẢN TRÌNH BÀY Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 42/TLHN, ngày 18 tháng 6 năm 1997

Về một số vấn đề Trung ương thảo luận và góp ý vào đề án và dự thảo Nghị quyết "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh"

Đề án về Nhà nước trình Ban Chấp hành Trung ương lần này đã được tu chỉnh trên cơ sở tiếp thu nhiều ý kiến đóng góp xác đáng và hợp lý của các cán bộ lão thành cách mạng, các đại biểu Quốc hội, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và đại diện các địa phương, cơ sở ở các khu vực trong cả nước.

Tại Hội nghị Trung ương lần này đã có 164 ý kiến phát biểu ở tổ và 24 đồng chí phát biểu tại hội trường.

Nhìn chung, nhiều đồng chí tán thành với cách đặt vấn đề, nội dung, phạm vi của đề án.

Nhiều đồng chí Trung ương đã có ý kiến làm rõ mức độ các thành tựu và phân tích sâu sắc hơn khuyết điểm, những mặt hạn chế và nguyên nhân của tình hình; đề nghị bổ sung,

sửa đổi hoặc nhấn mạnh thêm một số điểm cho chính xác, thỏa đáng cả về nội dung và cách diễn đạt.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị xem xét, chọn lọc, tiếp thu các ý kiến đóng góp hợp lý, chỉnh lý dự thảo Nghị quyết và tổ chức chỉ đạo thực hiện.

Dưới đây Bộ Chính trị xin trình bày về một số vấn đề lớn, có ý nghĩa quan trọng về chính trị có liên quan đến bản chất của Nhà nước và tổ chức, hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau.

I- VỀ CÁCH ĐẶT VẤN ĐỀ VÀ PHẠM VI CỦA ĐỀ ÁN

Một số ý kiến cho rằng vấn đề Nhà nước đã được bàn ở Hội nghị Trung ương 8 khóa VII, nhưng kết quả thực hiện thấp, vì vậy Hội nghị Trung ương lần này không nên chỉ bàn riêng vấn đề Nhà nước mà cần bàn tổng thể cả hệ thống chính trị (Đảng, Nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể). Một số ý kiến đề nghị cần xác định rõ hơn phạm vi, trọng tâm của đề án để Trung ương có cơ sở thảo luận, quyết định.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Từ khi giành chính quyền, Đảng ta luôn luôn coi việc xây dựng, tăng cường, kiện toàn Nhà nước là một nhiệm vụ hàng đầu, làm cho Nhà nước ta thực sự là trụ cột của hệ thống chính trị, là một công cụ chủ yếu vững mạnh của nhân dân trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, việc tăng cường, phát huy vai trò của Nhà nước lại càng được Đảng ta đặc biệt quan tâm. Hội nghị Trung ương 2, khóa VII đã

bàn về việc xây dựng Nhà nước, cho ý kiến chỉ đạo việc chuẩn bị và ban hành Hiến pháp 1992; Hội nghị Trung ương 8 khóa VII đã nêu lên những quan điểm, nguyên tắc xác định bản chất giai cấp của Nhà nước ta; đề ra những quyết sách nhằm từng bước thực hiện một cuộc cải cách tổ chức bộ máy nhà nước, đáp ứng yêu cầu bức thiết của công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ mà Đại hội toàn quốc lần thứ VI và lần thứ VII đã đề ra.

Thực hiện các nghị quyết nói trên, bên cạnh những thành tựu đã đạt được như trong đề án và dự thảo Nghị quyết lần này đã khẳng định, chúng ta phải thẳng thắn thừa nhận còn không ít khuyết điểm, tồn tại khiến mọi người đang băn khoăn, lo lắng; nhất là tình trạng tham ô, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, sách nhiễu, ức hiếp dân không những chưa bị ngăn chặn, giảm bớt mà ngược lại, có nơi, có lúc, có việc còn trở nên trầm trọng hơn, gây bất bình trong dư luận, làm suy giảm lòng tin của nhân dân, kìm hãm quá trình phát triển của đất nước. Một công tác trọng tâm của Đảng và Nhà nước ta trong thời gian tới là phải tìm mọi biện pháp ngăn chặn, đẩy lùi các tệ nạn này.

Bởi vậy, Hội nghị Trung ương 3 sẽ thảo luận, đánh giá kết quả thực hiện các nghị quyết của Đảng về xây dựng Nhà nước trong mười năm đổi mới, trước hết là kết quả thực hiện Nghị quyết Trung ương 2 và Trung ương 8 khóa VII, rút kinh nghiệm, đề ra biện pháp triển khai thực hiện chủ trương của Đại hội VIII gắn với việc tiếp tục nghiên cứu đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước sau bầu cử Quốc hội khóa X, nhằm xây dựng Nhà nước ta thật sự trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực và hiệu quả, phát huy mạnh mẽ

hơn nữa vai trò của Nhà nước trong việc thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, làm tròn chức năng, nhiệm vụ là một công cụ trụ cột, chủ yếu của nhân dân trong thời kỳ mới.

Đây là vấn đề rất quan trọng và bức xúc, có liên quan trực tiếp đến sự tồn vong của Đảng và chế độ. Bộ Chính trị đề nghị các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương phụ trách từng ngành, từng cấp, từng lĩnh vực phải gương mẫu, trực tiếp thường xuyên chỉ đạo việc thực hiện và phải thể hiện đầy đủ trách nhiệm của mình về vấn đề này.

II- VỀ ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH

Một số ý kiến cho rằng việc đánh giá tồn tại, khuyết điểm chưa sâu, chưa đi thẳng vào những vấn đề gay gắt, bức xúc cần khắc phục. Một số ý kiến nhận xét Nhà nước ta chưa thể hiện rõ bản chất Nhà nước của dân, do dân, vì dân; bản chất xã hội chủ nghĩa của Nhà nước đã bị phai nhạt, v.v..

Bộ Chính trị cho rằng: Để đánh giá đúng những thành tựu cũng như khuyết điểm, yếu kém, cần dựa trên các căn cứ chủ yếu sau đây:

- Báo cáo chính trị đã được Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII thảo luận và nhất trí thông qua. Trong đó, những đánh giá về ưu, khuyết điểm của hệ thống chính trị, của bộ máy nhà nước cho đến nay vẫn còn nguyên giá trị.

- Các báo cáo kiểm điểm, tổng kết hoạt động của Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao trước khi kết thúc nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX.

Trên cơ sở đó, đề án trình Trung ương đã tập trung đánh giá những kết quả nổi bật và những mặt hạn chế, yếu kém, khuyết điểm chủ yếu trên các lĩnh vực: xây dựng pháp luật, cải cách hành chính, cải cách tư pháp, hoạt động giám sát, kiểm tra, về đội ngũ cán bộ công chức và về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, để từ đó có những giải pháp khắc phục.

Chúng ta cần khẳng định rằng những thành tựu đã đạt được trong công cuộc đổi mới vừa qua không thể tách rời sự đóng góp của Nhà nước trên cả ba lĩnh vực lập pháp, hành pháp và tư pháp. Qua đổi mới hệ thống chính trị mà trọng tâm là cải cách bộ máy nhà nước, bản chất giai cấp, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước được tiếp tục giữ vững và củng cố. Đây là mặt mạnh cơ bản của Nhà nước ta.

Tuy nhiên, chúng ta cũng phải nghiêm khắc với những khuyết điểm, yếu kém trên lĩnh vực xây dựng Nhà nước cũng như trong tổ chức và hoạt động của bộ máy nhà nước. Cần thấy rõ bộ máy nhà nước ta chưa thật trong sạch, nhất là tình trạng quan liêu, tham nhũng chưa được ngăn chặn mà ngày càng phát triển, hiệu lực quản lý, điều hành còn nhiều yếu kém, để tình trạng phân hóa giàu nghèo giữa các tầng lớp nhân dân ngày càng có chiều hướng sâu rộng thêm, kỷ cương xã hội bị buông lỏng làm xói mòn bản chất tốt đẹp của Nhà nước, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, với Nhà nước ta.

- Về nguyên nhân yếu kém của hệ thống chính trị, một số đồng chí cho rằng đề án chỉ nêu ba nguyên nhân là chưa đủ và đề nghị bổ sung thêm một số nguyên nhân khác.

Bộ Chính trị nhận thấy các ý kiến đóng góp của Trung ương là xác đáng, cần được tiếp thu để làm rõ hơn, đầy đủ hơn cả về hai mặt khách quan và chủ quan. Theo tinh thần đó cần thể hiện cụ thể hơn ba nguyên nhân đã nêu trong dự thảo, đồng thời bổ sung thêm hai nguyên nhân sau đây:

+ Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế là nhiệm vụ mới mẻ, hiểu biết của chúng ta còn ít; có nhiều việc vừa phải làm, vừa phải tìm tòi rút kinh nghiệm, vì vậy những hạn chế, thiếu sót trong tổ chức và hoạt động của Nhà nước là điều khó tránh khỏi.

+ Trong việc ban hành các chủ trương mới về sắp xếp, điều chỉnh tổ chức bộ máy ở một số ngành và địa phương, do chưa kịp thời tổng kết thực tiễn, thiếu cơ sở khoa học nên khi thực hiện có vướng mắc, thiếu sức thuyết phục, hiệu quả và tác dụng còn hạn chế.

III- MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ TỔ CHỨC BỘ MÁY NHÀ NƯỚC

1. Về tổ chức Hội đồng nhân dân các cấp

Qua thảo luận, còn có hai loại ý kiến khác nhau như sau:

- Một số ý kiến đề nghị không nên tổ chức Hội đồng nhân dân ở cấp huyện, quận và phường vì Hội đồng nhân dân ở cấp này tồn tại chỉ là hình thức; thực chất không bàn và quyết định thêm được vấn đề gì.

- Một số ý kiến ngược lại cho rằng ở đâu có Ủy ban nhân dân thì ở đó có Hội đồng nhân dân để phát huy quyền làm chủ của nhân dân đối với cơ quan nhà nước.

Bộ Chính trị thấy rằng đây là vấn đề quan trọng, lại chưa được tiến hành tổng kết một cách sâu sắc. Vừa qua, đồng chí Tổng Bí thư và một số đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị đã trực tiếp nghe nhiều địa phương và cơ sở phản ánh về vấn đề này, thấy chưa đủ căn cứ thực tiễn để đặt vấn đề xem xét nên bỏ Hội đồng nhân dân ở cấp nào. Mặt khác, đây là vấn đề nhạy cảm về chính trị, đụng đến nguyên tắc quy định trong Hiến pháp là: nhân dân sử dụng quyền lực nhà nước thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân; việc xem xét vai trò của Hội đồng nhân dân ở một cấp có liên quan đến cơ chế bầu Ủy ban nhân dân, bầu hội thẩm nhân dân và quyền giám sát cơ quan hành chính, cơ quan tư pháp cùng cấp. Vì vậy, vấn đề này cần được nghiên cứu kỹ, toàn diện hơn, và có thể tiến hành thí điểm ở một vài địa phương để thấy hết các vấn đề cần giải quyết; từ đó, có cơ sở thực tế giúp cho việc quyết định chủ trương khi chuẩn bị bầu Hội đồng nhân dân khóa mới vào năm 1999.

Vấn đề quan trọng hiện nay là cần phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động của Hội đồng nhân dân và quản lý hành chính ở đô thị với hoạt động của Hội đồng nhân dân và quản lý hành chính ở nông thôn; sự khác nhau về quy mô và đặc điểm hoạt động của từng loại đơn vị và cấp hành chính. Trên cơ sở đó làm rõ nội dung đổi mới Hội đồng nhân dân các cấp từ việc bố trí cán bộ, bầu cử lựa chọn đại biểu đến cơ cấu tổ chức, cơ chế hoạt động để hội đồng nhân dân có thực quyền. Báo cáo trình Hội nghị Trung ương lần này đã xác định cơ chế phân cấp về thẩm quyền và trách nhiệm hành chính nhằm phát huy vai trò chủ động của các cấp chính quyền địa phương trên cơ sở bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương. Hội

đồng nhân dân có thực quyền quyết định những vấn đề được phân cấp cho địa phương, trước hết là về ngân sách, về quy hoạch phát triển trên lãnh thổ và kế hoạch đầu tư công cộng. Riêng Hội đồng nhân dân tỉnh (và thành phố trực thuộc Trung ương) còn có thêm quyền chủ động nhất định về bộ máy hành chính và đội ngũ công chức địa phương phù hợp với quy định và hướng dẫn chung của Trung ương. Quyền giám sát của Hội đồng nhân dân đối với các cơ quan hành chính, tư pháp ở địa phương cũng được đặt ra cụ thể hơn.

2. Về cơ chế bầu cử hoặc bổ nhiệm chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp

Qua thảo luận, có ý kiến đề nghị giữ nguyên cơ chế kết hợp bầu cử với phê chuẩn như hiện nay, có ý kiến đề nghị chuyển sang cơ chế thủ trưởng cơ quan hành chính cấp trên bổ nhiệm chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp dưới.

Bộ Chính trị cho rằng vấn đề này phải được đặt trong cơ chế chung của Đảng về điều động, sắp xếp cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương và địa phương. Các ý kiến phát biểu đều nhất trí cao về chủ trương luân chuyển cán bộ chủ chốt, vừa cho phép điều hòa đội ngũ cán bộ, tăng cường được cán bộ cho những nơi yếu, vừa nhằm bồi dưỡng cán bộ về bản lĩnh và tầm nhìn thông qua các cương vị công tác ở các lĩnh vực và địa bàn khác nhau, từ thực tiễn mà phát hiện và đào tạo những cán bộ lãnh đạo ưu tú.

Đương nhiên, khi điều động cán bộ, Đảng phải cân nhắc nhiều mặt, chú ý tới điều kiện và hoàn cảnh cụ thể của từng người, nhưng cần nhấn mạnh một vấn đề có tính nguyên tắc đã được ghi trong Điều lệ Đảng là cán bộ phải chấp hành vô

điều kiện quyết định điều động của Đảng; phải coi việc chấp hành không nghiêm chỉnh quyết định điều động là vi phạm kỷ luật Đảng. Điều này đã từng được áp dụng thành nề nếp trong công tác cán bộ của Đảng, đặc biệt là trong thời kỳ bí mật cũng như trong những năm kháng chiến. Ngày nay, thực tiễn cuộc sống đòi hỏi chúng ta phải khôi phục các quy định về điều động, luân chuyển đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt ở Trung ương và địa phương nhằm đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Theo tinh thần đó, việc chọn cử chức danh chủ tịch Ủy ban nhân dân trước hết phải tuân thủ quy chế của Đảng về điều động, quản lý cán bộ, thực hiện đúng quy trình và thủ tục đã quy định trong Đảng.

Về mặt nhà nước, cơ bản vẫn áp dụng cơ chế chủ tịch Ủy ban nhân dân do cử tri bầu làm đại biểu Hội đồng nhân dân và do Hội đồng nhân dân bầu, cơ quan hành chính cấp trên phê chuẩn. Trong trường hợp cá biệt, khi cần điều động cán bộ không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân làm chủ tịch Ủy ban nhân dân thì cần có quy định "chủ tịch Ủy ban nhân dân không nhất thiết phải là đại biểu Hội đồng nhân dân". Trường hợp này chủ tịch Ủy ban nhân dân cũng như các thành viên khác của Ủy ban nhân dân tuy không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân nhưng vẫn do Hội đồng nhân dân bầu và chịu sự giám sát của Hội đồng nhân dân; nếu Hội đồng nhân dân bỏ phiếu bất tín nhiệm thành viên nào của Ủy ban nhân dân thì người đó phải từ chức hoặc cấp trên ra quyết định miễn nhiệm. Như vậy vẫn giữ được nguyên tắc bầu cử dân chủ, đồng thời thực hiện được chủ trương điều động, luân chuyển cán bộ theo yêu cầu của Đảng.

Vấn đề này cần sớm được Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ nghiên cứu trình Quốc hội khóa mới thảo luận, quyết định khi sửa *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân*.

3. Về chính sách đối với cán bộ cấp xã, phường

Các ý kiến phát biểu đều nhất trí cao chủ trương kiện toàn chính quyền cơ sở, tán thành việc áp dụng nhiều hình thức dân chủ trực tiếp đi đôi với việc tăng cường cơ chế dân chủ đại diện như đã nêu trong báo cáo trình Trung ương và coi đây là một nội dung quan trọng của việc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước ta hiện nay. Theo tinh thần đó, cùng với việc tích cực đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ năng lực và phẩm chất cán bộ cơ sở, cần có chính sách đãi ngộ hợp lý đối với cán bộ xã, phường.

Bộ Chính trị thấy rằng đây là một đòi hỏi chính đáng song cần được giải quyết từng bước phù hợp với tính chất của cán bộ ở cơ sở và khả năng, điều kiện chung của đất nước.

Vấn đề này có liên quan đến tổng thể chính sách tiền lương và phụ cấp hiện nay đang có nhiều bất hợp lý, cần được nghiên cứu giải quyết đồng bộ. Bộ Chính trị tán thành ý kiến đề nghị giao cho Ban Cán sự Đảng Chính phủ khẩn trương tổng kết tình hình thực tế, xây dựng đề án về chế độ tiền lương, phụ cấp phù hợp với cơ chế mới, trước hết là tiền lương và phụ cấp do ngân sách nhà nước đài thọ để trình Bộ Chính trị và Trung ương. Trong đề án cải tiến chính sách lương, phụ cấp cần xác định cụ thể chế độ đãi ngộ đối với từng loại cán bộ ở cơ sở; gồm các cán bộ chủ chốt giữ chức danh được bầu cử, đảm đương công việc theo nhiệm kỳ, đồng thời có quy

chế phù hợp với các cán bộ chuyên môn trong từng lĩnh vực nghiệp vụ phải qua đào tạo, tuyển chọn và làm việc ổn định lâu dài ở cơ sở.

4. Về vấn đề kết hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ

Kết hợp quản lý theo ngành và lãnh thổ là nguyên tắc phổ biến trong quản lý nhà nước nhằm đáp ứng hai yêu cầu rất quan trọng là phát huy sức mạnh, sự chủ động sáng tạo của mọi cấp chính quyền, mọi đơn vị hành chính để tạo ra động lực phát triển trong hệ thống quản lý nhà nước, đồng thời bảo đảm tính thống nhất của quốc gia.

Trong hệ thống quản lý Nhà nước ta, sự kết hợp quản lý theo ngành và lãnh thổ dựa trên nguyên tắc "song trùng lãnh đạo". Bước vào giai đoạn phát triển mới của đất nước, tình hình thực tế đòi hỏi phải đổi mới cơ chế xác định thẩm quyền và trách nhiệm cũng như quy chế phối hợp giữa cơ quan trung ương và các cấp chính quyền địa phương trong những lĩnh vực khác nhau, phù hợp với đặc điểm từng ngành, nhằm khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, bỏ sót công việc, gây trục trặc cho sự vận hành bộ máy hành chính, khiến cho việc quản lý theo ngành cũng như quản lý theo lãnh thổ đều không được thực hiện tốt.

Báo cáo trình Hội nghị Trung ương lần này nêu mấy hướng chính trong việc đổi mới quan hệ quản lý theo ngành và theo lãnh thổ:

Một là, trên cơ sở bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương về thể chế, về chiến lược và quy hoạch phát triển toàn ngành, cần phân cấp mạnh mẽ và rõ ràng cho

chính quyền địa phương, tăng trách nhiệm và thẩm quyền quyết định những vấn đề của địa phương, đặc biệt là về quy hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư công cộng, về thu, chi ngân sách, về tổ chức và nhân sự hành chính địa phương. Trung ương thực hiện sự can thiệp cần thiết chủ yếu là bằng thể chế (điều chỉnh thể chế cũ, ban hành thể chế mới). Nội dung phân cấp có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo đảm thực quyền và hoạt động thiết thực của hội đồng nhân dân các cấp.

Hai là, trách nhiệm và thẩm quyền hành chính của các cấp chính quyền phải được phân định cụ thể phù hợp với tính chất và yêu cầu của từng ngành và lĩnh vực hoạt động. Có những ngành được Trung ương trực tiếp quản lý cả về tổ chức và kinh phí theo ngành dọc; có những ngành giao cho địa phương quyền chủ động cao hơn về quản lý tổ chức và hoạt động. Song bất cứ cơ quan, tổ chức thuộc lĩnh vực hoạt động nào cũng chịu sự quản lý của Trung ương theo ngành và sự quản lý của chính quyền địa phương theo địa bàn lãnh thổ. Nội dung quản lý của Trung ương và địa phương phải đi liền với trách nhiệm và thẩm quyền, được xác định cụ thể đối với từng ngành và phù hợp với từng địa bàn, không nhất loạt như nhau, nhất là trong các vấn đề về tổ chức, nhân sự, kinh phí.

Ba là, sự phân cấp đó tạo điều kiện và đòi hỏi phải tăng cường quan hệ phối hợp giữa Trung ương và địa phương, giữa ngành và cấp. Sự phối hợp này vừa phải xuất phát từ việc bảo đảm lợi ích chung của đất nước, vừa phải được xây dựng thành quy chế ràng buộc rõ ràng về trách nhiệm, nhất là trong công tác thanh tra theo ngành, gắn với sự kiểm tra,

kiểm soát của cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đối với các tổ chức và cơ quan hoạt động trên địa bàn, kể cả các đơn vị được tổ chức quản lý theo ngành dọc.

Trên cơ sở định hướng này, Ban Cán sự Đảng Chính phủ phải chỉ đạo việc nghiên cứu và ban hành những quy định cụ thể về phân cấp và phối hợp đối với từng ngành và lĩnh vực, trước hết là những ngành có phạm vi rộng và có thể phân cấp mạnh hơn cho địa phương. Thực tiễn đổi mới trong những ngành đó cần được theo dõi, tổng kết kịp thời để bổ sung, hoàn chỉnh thể chế và mở rộng việc áp dụng.

5. Về Viện Kiểm sát nhân dân

Ngoài những ý kiến nhất trí với đề án và dự thảo Nghị quyết, một số ý kiến khác đề nghị Viện Kiểm sát chỉ làm chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp; vì cho rằng trong thực tế với khối lượng văn bản của các bộ và địa phương ngày càng lớn thì Viện Kiểm sát không thể kiểm sát hết và khó tránh được tình trạng văn bản trái pháp luật bị bỏ lọt. Trong kiểm sát hành vi, tình trạng kiểm sát và thanh tra trùng đẫm công việc của nhau gây phiền hà cho những cơ quan, đơn vị bị kiểm tra cho đến nay vẫn chưa khắc phục được; mặt khác, tình trạng bỏ trống trận địa, không ai kiểm tra, kiểm sát trên một số lĩnh vực, địa bàn dễ xảy ra các vi phạm pháp luật, gây thất thoát lớn đến tài sản của Nhà nước đang là vấn đề gây bất bình trong nhân dân.

Bộ Chính trị cho rằng hiện nay chưa nên đặt vấn đề điều chỉnh chức năng của ngành kiểm sát mà cần củng cố, kiện toàn về mọi mặt để Viện Kiểm sát nâng cao được chất lượng

hoạt động, thực hiện tốt chức năng do Hiến pháp quy định, trước hết cần tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

Tuy nhiên cũng cần phải thấy hết những hạn chế trong việc thực hiện chức năng của ngành kiểm sát như ý kiến một số đồng chí Trung ương đã nêu trên đây. Để khắc phục những hạn chế này, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương giao cho Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ: trên cơ sở quy định của Hiến pháp, phối hợp nghiên cứu xây dựng các quy định phân công, phân cấp cho từng loại cơ quan trong việc kiểm tra, kiểm soát văn bản; ban hành văn bản định rõ trách nhiệm cụ thể của Viện Kiểm sát và Thanh tra Nhà nước, sự phối hợp giữa hai cơ quan để tránh sự trùng đẫm giữa hoạt động kiểm sát chung và thanh tra.

6. Về Tòa án nhân dân

Về tổ chức Tòa án nhân dân, Bộ Chính trị nhất trí với nhiều ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương đề nghị: Tòa án nhân dân tổ chức theo đơn vị hành chính như quy định của luật hiện hành.

Riêng vấn đề giao cho cơ quan nào quản lý các tòa án địa phương về mặt tổ chức, tuy có nhiều ý kiến đề nghị giao cho Tòa án nhân dân tối cao quản lý tòa án địa phương, song Bộ Chính trị thấy rằng vấn đề này đã được đặt ra và xem xét kỹ khi xây dựng Hiến pháp 1980 và Hiến pháp 1992.

Sau Hiến pháp 1992, khi thảo luận sửa *Luật tổ chức Tòa án nhân dân*, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa IX đã biểu quyết, quyết định "việc quản lý các Tòa án nhân dân địa phương về mặt tổ chức do Bộ trưởng Tư pháp đảm nhiệm..."

với lý do chủ yếu là: Tòa án nhân dân tối cao là cơ quan xét xử, không làm nhiệm vụ quản lý.

Vì vậy đề nghị Trung ương chấp nhận việc thực hiện quy định nói trên theo *Luật tổ chức Tòa án nhân dân* hiện hành. Song cần coi trọng việc giải quyết tốt hơn các mối quan hệ, sự phối hợp hoạt động giữa Bộ Tư pháp và Tòa án nhân dân tối cao trong việc quản lý tổ chức, biên chế... của Tòa án nhân dân cấp dưới; đồng thời cần đẩy mạnh việc đào tạo, nâng cao chất lượng cán bộ tòa án các cấp để đảm bảo việc xét xử công minh, đúng quy định của pháp luật.

IV- VỀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

- Một số ý kiến đề nghị muốn đảm bảo được sự lãnh đạo của Đảng thì phải xây dựng được tổ chức và đội ngũ cán bộ Đảng vững mạnh. Các ban của Trung ương phải gọn nhẹ với đội ngũ cán bộ giỏi, có phẩm chất và trình độ, đủ tầm nghiên cứu chiến lược, đủ sức tham mưu cho Trung ương lãnh đạo Nhà nước.

Bộ Chính trị nhận thấy đây là những ý kiến xác đáng đã được nêu ra thảo luận trong một số hội nghị Trung ương, nhưng việc chỉ đạo thực hiện chưa thật tập trung, đồng bộ, nhất là việc xác định và cụ thể hóa chức năng nhiệm vụ, quan hệ và lề lối làm việc của các ban, cũng như việc thực hiện các chính sách để có thể điều động, thu hút, bổ sung được đội ngũ cán bộ có chất lượng cho các ban Đảng, đáp ứng cả yêu cầu trước mắt và lâu dài. Bộ Chính trị tán thành với ý kiến đề nghị của một số đồng chí là sắp tới phải đặt vấn đề

đúng mức và tập trung hơn trong việc chỉ đạo kiện toàn cơ quan tham mưu, giúp việc của Trung ương Đảng.

Riêng về việc tổ chức các ban đảng ở địa phương (nhất là ở cấp tỉnh, thành phố), tại Hội nghị này một số ý kiến đề nghị cần khẳng định không nhất thiết ở Trung ương có ban nào thì ở địa phương cũng phải có ban đó mà cần dồn ghép một số ban lại cho gọn nhẹ, đồng thời đề nghị Trung ương cần biểu quyết để thống nhất thực hiện. Đây là vấn đề phức tạp, lại thiếu những cơ sở khoa học về tổ chức, nên việc giải quyết không thể vội vàng. Bộ Chính trị đã giao cho các cơ quan chức năng nghiên cứu một cách thận trọng để có phương án tổ chức phù hợp và có hướng dẫn cụ thể. Mặt khác theo quy định của Điều lệ Đảng (Điều 14, điểm 1) thì việc lập các ban chuyên trách giúp việc của cấp ủy từ cấp huyện trở lên do Ban thường vụ cấp đó quyết định; nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức, biên chế và việc bố trí cán bộ lãnh đạo các cơ quan này theo quy định của Bộ Chính trị và hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương.

- Một số ý kiến đề nghị cần có cơ chế phối hợp giữa cấp ủy địa phương với ngành dọc trong việc lãnh đạo, quản lý một số ngành và đơn vị kinh tế của Trung ương đóng trên địa bàn địa phương.

Bộ Chính trị tán thành với ý kiến này của Trung ương và nhận thấy đây là vấn đề rất quan trọng, nhưng thời gian qua chưa được quan tâm chỉ đạo nên đã để nảy sinh nhiều sơ hở cần được khắc phục. Trong đề án và dự thảo nghị quyết lần này đã đề cập đến một số nguyên tắc chung và trong mục 4 của bản trình bày này đã giải thích thêm một số điểm về sự kết hợp giữa ngành và lãnh thổ trong quan hệ về mặt nhà

nước. Đề nghị trong thời gian tới các đồng chí Trung ương công tác ở các địa phương và các ngành cần tập trung chỉ đạo việc nghiên cứu, tổng kết thực tiễn để xây dựng được cơ chế phối hợp cụ thể, từ đó tạo được sức mạnh tổng hợp trên địa bàn lãnh thổ.

*
* * *

Trên đây là một số vấn đề Bộ Chính trị thấy cần thiết phải trình bày thêm với Trung ương.

Nếu Trung ương nhất trí với các vấn đề đã trình bày, đề nghị Trung ương ủy nhiệm cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc tu sửa, hoàn chỉnh Nghị quyết trước khi ban hành.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 43/TLHN, ngày 18 tháng 6 năm 1997
Về những ý kiến Trung ương thảo luận
Chiến lược cán bộ

Tại Hội nghị Trung ương 3 lần này đã có 150 ý kiến phát biểu ở tổ và 18 đồng chí phát biểu tại hội trường về dự thảo Nghị quyết Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhìn chung, các đồng chí Trung ương cơ bản đồng tình với bản dự thảo Nghị quyết mà Bộ Chính trị trình ra Trung ương; cho rằng dự thảo Nghị quyết được chuẩn bị tốt, tiếp thu được nhiều ý kiến đóng góp, do đó có tính tổng kết và có tính khả thi.

Các đồng chí Trung ương cũng đã đóng góp nhiều ý kiến quan trọng, sâu sắc, xác đáng để bổ sung, sửa đổi, chuẩn xác hóa một số nội dung đã trình bày trong dự thảo Nghị quyết từ phạm vi giới hạn đến đánh giá tình hình, xác định mục tiêu, quan điểm và giải pháp.

Bộ Chính trị tán thành với nhiều ý kiến đã phát biểu, đề nghị Trung ương cho cân nhắc, tiếp thu để ra Nghị quyết và chỉ đạo thực hiện.

Dưới đây Bộ Chính trị xin trình bày với Trung ương một số vấn đề lớn, quan trọng, những vấn đề còn có ý kiến khác nhau qua thảo luận, để Trung ương xem xét, quyết định.

1. Về cách đặt vấn đề của Chiến lược cán bộ

- Đa số ý kiến đều tán thành phải có chiến lược cán bộ và nhất trí với nội dung bản Chiến lược này, cho rằng đến nay Trung ương mới bàn và ra nghị quyết là chậm. Tuy nhiên, có một số đồng chí còn băn khoăn không biết kỳ này Trung ương đã nên ra nghị quyết về chiến lược cán bộ chưa, đây đã phải là chiến lược chưa hay chỉ là định hướng chiến lược hoặc chỉ nên ra nghị quyết về công tác cán bộ. Để nâng cao chất lượng và tính khả thi của Chiến lược không những phải định tính mà còn phải định lượng; không những phải có quy hoạch, kế hoạch dài hạn 20 - 25 năm, mà còn phải có kế hoạch đến Đại hội IX và Đại hội X của Đảng; kết hợp được những phương hướng chung với những nhiệm vụ, cơ chế, giải pháp cụ thể.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Cán bộ luôn luôn là vấn đề có ý nghĩa quyết định đối với sự nghiệp cách mạng, "là cái gốc của mọi công việc", là khâu then chốt trong công tác xây dựng Đảng. Trong thời kỳ mới, chúng ta đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh có những thời cơ, thuận lợi mới, nhưng cũng có nhiều khó khăn, thách thức mới.

Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra dưới những hình thức mới rất quyết liệt. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển rất nhanh. Cơ sở vật chất kỹ thuật của nước ta quá nghèo

nàn và lạc hậu, đòi hỏi phải đi tắt, đón đầu, phải làm nhiều việc chưa có tiền lệ trong lịch sử. Xu thế hợp tác, liên kết khu vực và quốc tế về kinh tế, thương mại và nhiều lĩnh vực khác ngày càng tăng, nhưng cạnh tranh cũng rất gay gắt. Đảng và Nhà nước ta phải xử lý hàng loạt mối quan hệ phức tạp: xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường để phát triển lực lượng sản xuất, đồng thời phải xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa; tăng trưởng kinh tế phải đi đôi với tiến bộ và công bằng xã hội, xóa đói giảm nghèo, hạn chế bất công; mở cửa hội nhập với thế giới và khu vực để xây dựng, phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ vững ổn định chính trị, bảo vệ vững chắc độc lập chủ quyền và bản sắc dân tộc; sử dụng những yếu tố của chủ nghĩa tư bản để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội; mở rộng dân chủ đồng thời phải giữ vững kỷ luật, kỷ cương, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng... Đó là những công việc rất hệ trọng, khó khăn, phức tạp, chứa đựng nhiều mâu thuẫn.

Các mặt tiêu cực phát sinh và phát triển trong hoàn cảnh mới rất nhanh. Tệ tham nhũng, suy thoái trong một bộ phận cán bộ vẫn là thách thức lớn.

Trong khi đó các thế lực thù địch lại đang thực hiện âm mưu "diễn biến hòa bình" nhằm thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng, làm chuyển hóa chế độ chính trị, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Họ đang muốn lợi dụng sự đổi mới, sự chuyển tiếp các thế hệ cán bộ của ta, thông qua quan hệ kinh tế, văn hóa, ngoại giao... để làm đội ngũ cán bộ ta "tự diễn biến" đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Chúng ta phải chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ cho thời kỳ mới. Chỉ có chủ động xây dựng, kiện toàn đội ngũ cán bộ vững mạnh, Đảng ta mới có điều kiện lãnh đạo và tổ chức toàn dân tiến hành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời chuẩn bị tốt thế hệ cán bộ cách mạng cho đời sau.

Trong bản dự thảo Chiến lược đã nêu ra những nội dung cơ bản xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, bao gồm hệ thống các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, tiêu chuẩn, nhiệm vụ, các chính sách, giải pháp lớn, vừa đáp ứng yêu cầu cấp bách trước mắt, vừa chuẩn bị cơ bản cho lâu dài. Để xác định được những định hướng đúng, phải tổng kết tình hình đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, rút ra những bài học kinh nghiệm, dự báo sự phát triển của tình hình làm căn cứ khoa học. Xét về các mặt đó thì bản dự thảo Chiến lược trình Trung ương kỳ này tuy còn những điểm phải bổ sung hoàn thiện, nhưng cơ bản đã đảm bảo những yêu cầu của một bản chiến lược. Trong bản chiến lược chung không thể trình bày hết các chỉ tiêu, kế hoạch cụ thể. Sau này trong chỉ đạo tổ chức thực hiện phải xây dựng các quy hoạch, kế hoạch, dự án cụ thể (như quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo chính trị chủ chốt các cấp; quy hoạch đào tạo cán bộ cho miền núi, vùng sâu, vùng xa; các chính sách và quy chế cụ thể, v.v.).

Đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị tiếp thu ý kiến đóng góp, bổ sung thêm một số chỉ tiêu định lượng; chỉ đạo các ngành, các cấp, các cơ quan chức năng xây dựng các quy hoạch, kế hoạch với những giải pháp và bước đi cụ thể từ nay đến Đại hội IX, Đại hội X để đưa chiến lược vào cuộc sống.

Trên tinh thần ấy, đề nghị Hội nghị Trung ương lần thứ ba (khóa VIII) ra Nghị quyết về "*Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*".

- Về xây dựng đội ngũ cán bộ, nhiều ý kiến tán thành tập trung vào bốn loại như dự thảo Nghị quyết. Có ý kiến đề nghị tập trung vào ba loại: cán bộ lãnh đạo chính trị; cán bộ quản lý kinh doanh; cán bộ khoa học. Có ý kiến ngoài ba loại trên nên thêm hai loại nữa là: cán bộ nội chính (bao gồm cán bộ lực lượng vũ trang, cán bộ ngành tư pháp) và cán bộ dân vận. Lại có ý kiến đề nghị ngoài bốn loại như dự thảo nên thêm loại cán bộ tham mưu trực tiếp giúp lãnh đạo. Một số đồng chí cho rằng chiến lược phải đề cập toàn bộ đội ngũ cán bộ, nếu theo dự thảo Chiến lược này thì cán bộ cơ sở cảm thấy mình không phải là người trong cuộc.

Về vấn đề này, *Bộ Chính trị có ý kiến như sau:*

Đảng ta là đảng cầm quyền, Đảng không những phải lo cán bộ cho bản thân mình, mà còn phải lo cán bộ, công chức cho cả hệ thống chính trị, cho toàn xã hội, trên mọi lĩnh vực, mọi cấp từ Trung ương đến địa phương và cơ sở. Chỉ có như thế Đảng mới có điều kiện lãnh đạo và tổ chức toàn dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp cách mạng. Về cơ bản, dự thảo Chiến lược đã được xây dựng theo quan điểm đó. Song trong cách thể hiện còn có chỗ chưa làm nổi bật vai trò của đội ngũ cán bộ cơ sở. Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho tiếp thu sửa lại mục tiêu của Chiến lược như sau: "Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ Trung ương đến cơ sở, đặc biệt là người đứng đầu, có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng, trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm sự

chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập, tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội. Trước mắt, bảo đảm chuẩn bị tốt nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng".

Mặt khác, để không dàn trải, thể hiện rõ đặc thù của thời kỳ mới - thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa; xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước; phù hợp với chủ trương coi kinh tế là trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt, chiến lược cán bộ lại phải đặt trọng tâm vào bốn loại cán bộ: cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân các cấp; cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang (quốc phòng và an ninh); cán bộ khoa học, chuyên gia; cán bộ quản lý kinh doanh.

Như vậy, Chiến lược vừa thể hiện được tính toàn diện, vừa nổi rõ trọng tâm trọng điểm. Đó là căn cứ để các cấp, các ngành cụ thể hóa và tổ chức thực hiện.

2. Về đánh giá đội ngũ cán bộ, có 3 loại ý kiến:

- Nhiều ý kiến cho rằng dự thảo Nghị quyết đã nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá thẳng thắn, đúng mức, có sức thuyết phục.

- Một số ý kiến cho rằng dự thảo đánh giá mặt yếu kém của đội ngũ cán bộ quá nặng nề và bi quan. Đánh giá như thế cán bộ cảm thấy bị xúc phạm và sẽ không thể lý giải được vì sao trong thời gian qua sự nghiệp đổi mới đạt được những thành tựu to lớn và rất quan trọng.

- Một số ý kiến khác lại cho rằng dự thảo đánh giá những khuyết điểm, non kém của cán bộ như vậy là còn nường nhẹ,

tình hình thực tế nghiêm trọng đến mức đội ngũ cán bộ hiện nay đã mất khả năng miễn dịch, nếu không thấy sự thật đó để có quyết tâm xoay chuyển tình hình, thì Đảng ta có nguy cơ sụp đổ.

Bộ Chính trị cho rằng đánh giá đúng thực trạng mặt mạnh, mặt yếu của đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ là một căn cứ quan trọng để xác định phương hướng tới, là cơ sở để đoàn kết, thống nhất đội ngũ cán bộ. Song để đánh giá đúng cần phải thống nhất các quan điểm, nguyên tắc và phương pháp đánh giá. Đó là:

- Phải xuất phát từ những quan điểm và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về cán bộ và công tác cán bộ. Nhìn nhận một cách toàn diện, cụ thể, lịch sử và phát triển theo tư duy mới.

- Căn cứ vào đường lối chính trị, đường lối tổ chức và đường lối cán bộ của Đảng.

- Phải lấy mức độ hoàn thành nhiệm vụ và hiệu quả thực tế để đánh giá cán bộ. Mọi phẩm giá và bằng cấp, danh hiệu và chức vụ, tài năng và cống hiến đều phải được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn.

- Đặt cán bộ và công tác cán bộ trong bối cảnh và môi trường công tác cụ thể cả ở trong nước và quốc tế.

Trong đó, tiêu chuẩn hàng đầu để xem xét, đánh giá một đội ngũ cán bộ trước hết và chủ yếu là xem xét đội ngũ đó có khả năng và trình độ xác định đường lối chính trị và tổ chức thực hiện đường lối đó như thế nào, đúng hay không đúng, có mang lại hiệu quả và đưa đất nước tiến lên một cách vững chắc hay không? Không thể có đường lối đổi mới đúng đắn và thành tựu đổi mới rất quan trọng vừa qua nếu không có một đội

ngũ cán bộ tốt. Vì vậy để tiếp thu các ý kiến, Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho đánh giá tổng quát về đội ngũ cán bộ, nội dung cơ bản như ý kiến phát biểu khai mạc hội nghị Trung ương của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười: *có bản lĩnh chính trị vững vàng, có ý thức tự chủ, tự lực tự cường, năng động và sáng tạo; trình độ kiến thức và năng lực hoạt động thực tiễn có bước trưởng thành, thích nghi dần với cơ chế mới; số đông vẫn giữ được lối sống lành mạnh, chăm lo cho sự nghiệp chung*. Đây là mặt mạnh, mặt cơ bản của đại bộ phận cán bộ cần được thống nhất khẳng định.

Mặt khác, cũng cần nhìn thẳng vào sự thật là trong đội ngũ cán bộ hiện nay đang có nhiều vấn đề rất đáng lo ngại cả về phẩm chất và năng lực. *Nhìn chung đội ngũ cán bộ hiện nay, cả về chất lượng, số lượng và cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Một bộ phận không nhỏ, kể cả một số ít cán bộ lâu năm, ở cấp cao, mơ hồ về chính trị, thoái hóa về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí, quan liêu, bè phái, mất đoàn kết, cơ hội và thực dụng, thậm chí có người do bất mãn cá nhân đi đến phản bội lý tưởng của Đảng và lợi ích của nhân dân*. Điều nghiêm trọng là tình hình đó đang có chiều hướng phát triển và làm xói mòn bản chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, làm suy giảm uy tín của Đảng, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với chế độ, là môi trường để các thế lực thù địch thực hiện "diễn biến hòa bình".

3. Về các quan điểm, nổi lên ba vấn đề lớn sau đây:

- Một là, đa số Trung ương nhất trí với quan điểm: "xây dựng đội ngũ cán bộ phải trên cơ sở quán triệt quan điểm giai

cấp công nhân của Đảng, đồng thời phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết của dân tộc". Có ý kiến đề nghị cần đặc biệt nhấn mạnh và nêu cao yêu cầu phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc; đưa vế này lên vị trí số 1.

Bộ Chính trị cho rằng giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công nhân là vấn đề thuộc về bản chất của một đảng kiểu mới, nó phải được quán triệt trong toàn bộ công tác xây dựng Đảng, trước hết là trong công tác cán bộ. Đây là vấn đề có tính nguyên tắc, được tổng kết từ thực tiễn của cách mạng nước ta, có ý nghĩa chỉ đạo chung cho các thời kỳ. Đương nhiên chúng ta không hiểu quan điểm giai cấp công nhân một cách đơn giản, giáo điều. Quan điểm giai cấp công nhân đúng đắn đã được Đại hội VIII của Đảng khẳng định như sau:

+ Kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Trong bất kỳ tình huống khó khăn nào cũng không dao động, xa rời mục tiêu đó.

+ Kiên định và vận dụng sáng tạo, góp phần phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, xuất phát đầy đủ từ thực tiễn Việt Nam, trên cơ sở đó xây dựng đường lối, chủ trương và các chính sách đúng đắn.

+ Giữ vững nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, thường xuyên tự phê bình và phê bình, giữ gìn sự đoàn kết thống nhất trong Đảng.

+ Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân; xây dựng đội ngũ cán bộ và đảng viên theo quan điểm của giai cấp công nhân.

+ Củng cố mối quan hệ gắn bó mật thiết với nhân dân, tăng cường khối đại đoàn kết toàn dân. Chăm lo đời sống, thực sự phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

+ Trung thành với chủ nghĩa quốc tế của giai cấp công nhân, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại.

Quan điểm giai cấp công nhân như thế không những không mâu thuẫn mà hoàn toàn thống nhất với lợi ích, với truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc. Hơn nữa truyền thống yêu nước, đoàn kết dân tộc cũng phải được phát huy theo quan điểm của giai cấp công nhân. Nhấn mạnh quan điểm giai cấp công nhân đồng thời nhấn mạnh truyền thống yêu nước và đoàn kết của dân tộc là rất cần thiết. Bởi vì sức mạnh của Đảng ta, của đội ngũ cán bộ là ở sự kết hợp nhuần nhuyễn hệ tư tưởng tiên tiến của giai cấp công nhân với khí phách, tinh hoa, truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc. Thực tiễn toàn bộ tiến trình cách mạng nước ta, do giải quyết đúng đắn mối quan hệ cơ bản này đã là một nhân tố quan trọng đưa đến thắng lợi.

Để tránh hiểu lầm là chúng ta coi nhẹ truyền thống yêu nước và đoàn kết của dân tộc, Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến đóng góp, bỏ chữ "đồng thời" và viết lại như sau: "Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ phải trên cơ sở quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết của dân tộc".

- Hai là, một số đồng chí đề nghị cần làm rõ nội dung quan điểm "Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ".

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

"Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ" là một vế của quan điểm đã được Đại hội VIII xác định: "Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng

thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị, tôn trọng pháp luật và điều lệ của các tổ chức quần chúng". Đây là một vấn đề rất hệ trọng thuộc về nguyên tắc của đảng cầm quyền; là bài học lớn được tổng kết từ thực tiễn cách mạng nước ta. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ thể hiện ở những vấn đề chủ yếu sau đây:

+ Đảng đề ra quan điểm, đường lối, chủ trương, chính sách cán bộ.

+ Đảng cụ thể hóa thành quy hoạch, kế hoạch, quy chế, quy trình đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá bố trí, đề bạt, sử dụng cán bộ...

+ Đảng lãnh đạo, chỉ đạo và kiểm tra các cấp, các ngành tổ chức thực hiện.

+ Đảng quyết định việc phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy và tổ chức đảng; Đảng trực tiếp quản lý cán bộ lãnh đạo chủ chốt trong các tổ chức của hệ thống chính trị như cán bộ lãnh đạo các cơ quan nhà nước, lực lượng vũ trang, Mặt trận, đoàn thể nhân dân, tổ chức kinh tế, xã hội,...

+ Đảng quản lý cán bộ theo nguyên tắc của Đảng, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của các đoàn thể.

+ Tất cả các quyết định về cán bộ nhất thiết phải do tập thể có thẩm quyền của Đảng quyết định theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy đầy đủ trách nhiệm của cá nhân của các cơ quan tham mưu trong quá trình chuẩn bị.

+ Khắc phục tình trạng cấp ủy không trực tiếp chăm lo công tác cán bộ, chỉ khoán trắng cho cơ quan tổ chức, cơ quan

tham mưu. Đồng thời phải tăng cường chất lượng các cơ quan tham mưu, giải quyết phối hợp tốt mối quan hệ công tác giữa các cơ quan tham mưu làm công tác cán bộ, công tác xây dựng đảng.

- *Ba là*, về quan hệ giữa đức và tài trong tiêu chuẩn cán bộ, có ý kiến cho rằng dự thảo quá nhấn mạnh đến đức, coi nhẹ tài, đưa tài xuống hàng thứ ba trong ba tiêu chuẩn cán bộ là không phù hợp với thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Về vấn đề này, *Bộ Chính trị có ý kiến như sau:*

Trong tiêu chuẩn của người cán bộ cách mạng, đức và tài có quan hệ mật thiết với nhau, không thể tách rời nhau. Đảng ta trong suốt chiều dài lịch sử xây dựng đội ngũ cán bộ của mình luôn luôn coi trọng cả đức và tài, trong đó đức là gốc.

Ngày nay, trong điều kiện kinh tế thị trường và mở cửa, trong tình hình một bộ phận không nhỏ cán bộ thoái hóa về phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống... thì việc tiếp tục nhấn mạnh đức là gốc như tư tưởng của Bác Hồ và như Nghị quyết Đại hội VIII đã xác định là hoàn toàn cần thiết.

Song nói đức là gốc hoàn toàn không có nghĩa xem nhẹ tài, coi tài là phụ. Bởi vì nếu không xây dựng được một đội ngũ cán bộ có tài thì cũng không thể thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Hơn nữa, đức ở đây được dùng theo nghĩa rộng bao gồm phẩm chất chính trị, đạo đức lối sống, phong cách lề lối làm việc. Đối với người cán bộ, đảng viên đặc biệt phải giác ngộ cao về mục tiêu, lý tưởng xã hội chủ nghĩa, có đạo đức xã hội

chủ nghĩa. Khi nói người cán bộ có bản lĩnh chính trị vững vàng thì không phải chỉ nói về đức. Bản lĩnh chính trị là sự thống nhất giữa đức và tài. Người có bản lĩnh chính trị vững vàng là người có cả đức và cả tài. Phẩm chất chính trị; đạo đức lối sống; trình độ, kiến thức, năng lực hòa quyện với nhau hình thành nên mẫu hình của người cán bộ trong thời kỳ mới.

Bộ Chính trị đề nghị Trung ương cho thể hiện mối quan hệ giữa đức và tài theo tinh thần Nghị quyết Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng: "các tiêu chuẩn có quan hệ mật thiết với nhau, coi trọng cả đức và tài, đức là gốc".

- Về tiêu chuẩn chung của cán bộ, công chức và tiêu chuẩn của bốn loại cán bộ trọng tâm, có ý kiến đề nghị chỉ xây dựng tiêu chuẩn chung, còn các tiêu chuẩn cụ thể sẽ kết hợp với xây dựng tiêu chuẩn chức danh cán bộ.

- Bộ Chính trị đề nghị cùng với tiêu chuẩn chung cần có tiêu chuẩn cụ thể cho bốn loại cán bộ trọng tâm, nhưng tiếp thu ý kiến của Trung ương viết gọn, rõ, không trùng lặp, làm rõ được yêu cầu đặc thù đối với mỗi loại cán bộ.

4. Về quy chế, chính sách cán bộ

- Nhiều ý kiến đồng tình trong Chiến lược cần trình bày rõ những tư tưởng chỉ đạo xây dựng các quy chế cán bộ, nhất là các quy chế đánh giá, bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ...

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

+ *Về đánh giá cán bộ:* Đây là vấn đề rất quan trọng, là cơ sở để sắp xếp, bố trí, đề bạt... cán bộ. Vì vậy phải được tiến

hành theo một quy trình chặt chẽ, bảo đảm khách quan và công tâm. Trách nhiệm đánh giá thuộc về tập thể cấp ủy, tổ chức đảng có thẩm quyền và cá nhân cán bộ tự đánh giá. Việc đánh giá phải căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao và hiệu quả thực tế. Phương thức đánh giá phải trên cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình theo nguyên tắc tập thể, công khai, dân chủ và kết luận theo đa số.

+ *Về bổ nhiệm, miễn nhiệm cán bộ*, Văn kiện Đại hội VIII xác định: "Xây dựng quy chế bầu cử có nhiệm kỳ, bổ nhiệm có thời hạn. Có chế độ cho cán bộ được từ chức, hoặc rút chức để nhận công việc thích hợp". Cụ thể hóa tư tưởng đó, dự thảo Chiến lược quy định: "Thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn. Hết hạn giữ chức vụ, cấp có thẩm quyền căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ và yêu cầu công tác để xem xét quyết định có tiếp tục bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ đó nữa hay không" và "trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, người nào vì công việc, lý do sức khỏe, hoàn cảnh cá nhân được từ chức, miễn chức; người không hoàn thành nhiệm vụ, có sai phạm, uy tín giảm sút thì tùy theo mức độ mà miễn chức, hoặc cách chức kịp thời". Quy định như thế cho mọi loại cán bộ, kể cả cán bộ chuyên môn là rất cần thiết để bảo đảm cho cán bộ luôn nêu cao tinh thần trách nhiệm, tìm tòi, sáng tạo, hoàn thành nhiệm vụ một cách tốt nhất, khắc phục được sức ì, hoặc làm việc theo lối mòn của cán bộ.

+ *Về luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý*. Đây là một nội dung quan trọng trong công tác cán bộ. Việc luân chuyển

cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các vùng, các ngành, các cấp không phải chủ yếu để khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng ngành, từng địa phương, mà quan trọng hơn là nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo nên sự đồng đều trong đội ngũ cán bộ; bồi dưỡng cán bộ một cách toàn diện, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch đi vào rèn luyện trong thực tiễn.

Đương nhiên việc luân chuyển phải căn cứ vào quy hoạch, kế hoạch, đặc điểm của từng vùng, từng lĩnh vực, theo một quy trình chặt chẽ và có chế độ, chính sách thích hợp.

+ *Về chế độ học tập lý luận chính trị đối với cán bộ, đảng viên*.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội VIII, tình hình tư tưởng và yêu cầu nhiệm vụ của thời kỳ mới, Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến Trung ương bổ sung thêm quy định: các tổ chức đảng phải thường xuyên bồi dưỡng cho cán bộ, đảng viên các vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước, những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới của thời đại, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn Đảng. Cần nhấn mạnh rằng lười học tập là một biểu hiện của sự thoái hóa.

- Về chính sách cán bộ, nhiều ý kiến đề nghị tại Hội nghị này Trung ương phải biểu quyết về cải cách tiền lương, vì chế độ tiền lương hiện nay đã quá bất hợp lý và lạc hậu, nhất là đối với cán bộ khi về hưu, cán bộ cơ sở. Cần đổi mới kịp thời và thống nhất chế độ chính sách về nhà ở, phương tiện đi lại và điều kiện làm việc cho cán bộ.

Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Chính sách tiền lương, nhà đất, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc của cán bộ chưa hợp lý, thiếu công bằng và chưa được thực hiện thống nhất là những vấn đề gây nhiều tâm tư thắc mắc trong đông đảo cán bộ, đặc biệt là cán bộ hưu, cán bộ cơ sở. Để giải quyết vấn đề này một cách căn bản, phải xử lý nhiều vấn đề lớn như cải cách chế độ tiền lương; tinh giản bộ máy và biên chế; nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác; chống tham ô, lãng phí; cải thiện một cách cơ bản nền tài chính quốc gia, tăng thêm nguồn thu cho ngân sách; bảo đảm sự cân đối giữa tích lũy và tiêu dùng phù hợp với trình độ kinh tế của đất nước...

Trước mắt, đề nghị Trung ương giao cho Bộ Chính trị chỉ đạo các cơ quan chức năng bổ sung, xây dựng một số quy định để thực hiện thống nhất về nhà công vụ, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc; giải quyết những bất hợp lý về lương và phụ cấp, chú ý cán bộ cơ sở và cán bộ khi về hưu.

5. Về những nhiệm vụ chủ yếu từ nay đến Đại hội IX của Đảng

Như ý kiến phát biểu của nhiều đồng chí Trung ương, thời gian 5 - 10 năm tới có ý nghĩa rất quan trọng, thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; thực hiện sự chuyển tiếp lớn các thể hệ cán bộ, mở đầu cho thế kỷ XXI. Đây cũng là giai đoạn có tính chất quyết định đối với việc thực hiện Chiến lược cán bộ. Vì vậy nhiệm vụ chủ yếu của công tác cán bộ từ nay đến Đại hội IX là:

- Tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ, rà soát, sắp xếp, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ hiện có, khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, sớm hình thành đội ngũ cán bộ kế cận, có phẩm chất và năng lực, đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu, chuẩn bị tốt nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

- Xây dựng và ban hành một số quy chế về công tác cán bộ để bảo đảm cho công tác cán bộ tiến hành có nền nếp và hiệu quả, như quy chế về đánh giá, tuyển chọn, bổ nhiệm và miễn nhiệm, luân chuyển cán bộ, chế độ học tập lý luận chính trị...

- Căn cứ vào Nghị quyết về Chiến lược cán bộ, các đồng chí Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, các đảng ủy trực thuộc Trung ương, lãnh đạo các ban, ngành Trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan nhà nước, Mặt trận và các đoàn thể nhân dân chịu trách nhiệm xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch cán bộ thuộc phạm vi phụ trách. Bảo đảm ngân sách và các điều kiện cần thiết cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Tiến hành tự phê bình và phê bình trong cán bộ, đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng và tiêu cực, xây dựng đội ngũ cán bộ trong sạch, vững mạnh. Đây là đợt sinh hoạt chính trị lớn có ý nghĩa rất quan trọng, cần làm thật nghiêm túc, có kế hoạch cụ thể, tập trung vào các hành vi tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản của Nhà nước, nhận hối lộ và đòi hối lộ, bảo đảm chất lượng và hiệu quả thật sự của đợt tự phê bình và phê bình từ Ban Chấp hành

Trung ương, Bộ Chính trị đến các cấp, các ngành, các địa phương và cơ sở.

Thông qua đó khôi phục lại sức sống của nguyên tắc tự phê bình và phê bình, đưa vào nền nếp, nâng cao sức chiến đấu của các tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên.

*
* * *

Căn cứ ý kiến của Trung ương và kết quả biểu quyết, đề nghị Trung ương ủy nhiệm cho Bộ Chính trị chỉ đạo việc hoàn chỉnh Nghị quyết trước khi ban hành.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

Số 03-NQ/HNTW, ngày 18 tháng 6 năm 1997

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân,
tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội
chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh

Phần thứ nhất

TÌNH HÌNH XÂY DỰNG NHÀ NƯỚC
TRONG THỜI GIAN QUA VÀ NHỮNG YÊU CẦU
ĐẶT RA TRONG THỜI KỲ MỚI

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, quá trình đổi mới ở nước ta đã diễn ra một cách toàn diện và đồng bộ, trong đó có đổi mới hệ thống chính trị. Từ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng đến nay, công cuộc xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã có những tiến bộ quan trọng:

- Đã từng bước phát triển hệ thống quan điểm, nguyên tắc cơ bản về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa của dân, do dân, vì dân. Hiến pháp 1992 và nhiều bộ luật, luật, pháp lệnh đã được ban hành, tạo khuôn khổ pháp lý để Nhà nước quản lý bằng pháp luật trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng... Đã có nhiều quyết định cải cách có ý nghĩa quan trọng trên lĩnh vực xây dựng Nhà nước và pháp luật, làm cơ sở cho đổi mới hệ thống chính trị, đổi mới tổ chức hoạt động của bộ máy nhà nước.

- Dân chủ xã hội chủ nghĩa tiếp tục được phát huy trên nhiều lĩnh vực. Dân chủ về kinh tế ngày càng được mở rộng đã tác động tích cực đến việc giải phóng sức sản xuất, là động lực thúc đẩy kinh tế phát triển, nâng cao đời sống nhân dân. Dân chủ về chính trị có bước tiến quan trọng, thể hiện ở việc bầu các cơ quan dân cử, ở chất lượng sinh hoạt của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, tại các cuộc thảo luận của nhân dân tham gia ý kiến xây dựng các dự án luật, trong hoạt động của báo chí...

- Tổ chức bộ máy, chức năng, nhiệm vụ của Nhà nước, trước hết là của cơ quan hành chính nhà nước, đã có một bước điều chỉnh theo yêu cầu của quá trình chuyển từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung quan liêu bao cấp sang quản lý nền kinh tế nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước đã có bước đổi mới, vừa bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan nhà nước.

Những kết quả của đổi mới hệ thống chính trị, từ đổi mới tư duy, chính sách, pháp luật đến tổ chức và hoạt động của

bộ máy nhà nước tuy mới là bước đầu, song đã tạo nền tảng vững chắc cho đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững quốc phòng - an ninh. Bản chất giai cấp công nhân, tính dân tộc, tính nhân dân của Nhà nước được giữ vững và củng cố. Đây là mặt mạnh cơ bản của Nhà nước ta.

Bên cạnh những thành tựu đã đạt được trong quá trình đổi mới, những mặt yếu kém vốn có của hệ thống chính trị, của bộ máy nhà nước trong cơ chế cũ đã bộc lộ rõ ràng; đồng thời xuất hiện những khó khăn, vướng mắc mới cần giải quyết:

- Bộ máy nhà nước ta chưa thật trong sạch, vững mạnh; tình trạng tham nhũng, lãng phí, quan liêu còn nghiêm trọng, chưa được ngăn chặn; hiệu lực quản lý, điều hành chưa nghiêm; kỷ cương xã hội bị buông lỏng, làm giảm sút lòng tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước ta.

- Quản lý nhà nước chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới; chưa phát huy đầy đủ mặt tích cực và hạn chế được tính tự phát, tiêu cực của kinh tế thị trường. Đất đai, vốn và tài sản nhà nước chưa được quản lý chặt chẽ, sử dụng lãng phí và thất thoát nghiêm trọng. Chưa tăng cường được vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, chưa phát triển được kinh tế hợp tác và phát huy khả năng của các thành phần kinh tế khác, để tình trạng chênh lệch thu nhập giữa các tầng lớp nhân dân có chiều hướng mở rộng, một bộ phận kinh doanh phi pháp, làm giàu bất chính.

- Tổ chức bộ máy nhà nước còn nặng nề, sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện ba quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp còn có những điểm chưa rõ về chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ phân cấp

trung ương - địa phương còn một số mặt chưa cụ thể (như về quản lý đầu tư, tài chính, tổ chức bộ máy, kết hợp quản lý theo ngành và lãnh thổ...), làm cho tình trạng tập trung quan liêu cũng như phân tán, cục bộ chậm được khắc phục.

- Sự lãnh đạo của Đảng chưa đáp ứng yêu cầu của quá trình đổi mới tổ chức, hoạt động của Nhà nước, còn có tình trạng buông lỏng và bao biện, chông chéo nên chưa phát huy tốt vai trò lãnh đạo của Đảng và hiệu lực điều hành của bộ máy nhà nước. Các cấp ủy và tổ chức đảng thiếu quan tâm lãnh đạo việc xây dựng và phát triển quan hệ sản xuất, củng cố và tăng cường kinh tế quốc doanh và hợp tác xã, xây dựng và quản lý thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ vốn và tài sản của Nhà nước.

Có nhiều nguyên nhân gây nên những yếu kém của hệ thống chính trị, của bộ máy nhà nước, trong đó chủ yếu là:

- Việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa trong điều kiện chuyển đổi nền kinh tế là nhiệm vụ mới mẻ, hiểu biết của chúng ta còn ít, có nhiều việc phải vừa làm, vừa tìm tòi, rút kinh nghiệm.

- Đảng chưa làm tốt việc lãnh đạo cụ thể hóa Nghị quyết của Đảng về xây dựng Nhà nước để có chủ trương kịp thời xử lý những vấn đề phát sinh trong thực tiễn đổi mới, đặc biệt là những vấn đề nổi lên ngày càng bức xúc như tình trạng quan liêu, lãng phí, tham nhũng, thiếu trách nhiệm trong bộ máy nhà nước; thiếu những biện pháp tổ chức thực hiện đường lối, chủ trương kiên quyết, hợp lý và đủ mạnh để tạo chuyển biến tích cực nhằm khắc phục những khuyết điểm, yếu kém.

- Chưa kịp thời tổng kết thực tiễn và còn thiếu cơ sở khoa học khi quyết định một số chủ trương về sắp xếp điều chỉnh

tổ chức bộ máy ở trung ương và địa phương nên khi thực hiện có vướng mắc, hiệu quả và tác dụng còn hạn chế.

- Các cơ quan nhà nước chưa phát huy đầy đủ trách nhiệm trong việc quán triệt và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng; trong việc tự đổi mới, tự chỉnh đốn, bảo đảm sự trong sạch và nâng cao hiệu quả hoạt động ở từng cơ quan, đơn vị.

- Các đoàn thể quần chúng chưa chú trọng xây dựng các nội dung cụ thể, thiết thực và đổi mới phương thức hoạt động để tổ chức vận động nhân dân phát huy quyền làm chủ trong việc tham gia xây dựng chính quyền, giám sát hoạt động của cán bộ, công chức nhà nước và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân, sống, làm việc theo Hiến pháp, pháp luật.

*
* * *

Các nghị quyết của Đảng, nhất là Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương (khóa VII) đã nêu lên những quan điểm cơ bản và phương hướng tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Cần tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết đó.

Để đáp ứng đòi hỏi ngày càng cao đối với việc xây dựng Nhà nước trong thời kỳ mới, Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần này nhấn mạnh một số chủ trương, nhiệm vụ với các yêu cầu sau đây:

Một là, tiếp tục phát huy tốt hơn và nhiều hơn quyền làm chủ của nhân dân qua các hình thức dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp để nhân dân tham gia xây dựng và bảo vệ Nhà

nước, nhất là việc giám sát, kiểm tra của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

Hai là, tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh, hoạt động có hiệu lực, hiệu quả; cán bộ, công chức nhà nước thật sự là công bộc, tận tụy phục vụ nhân dân.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước; xây dựng và hoàn thiện nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng phù hợp với đặc điểm, tính chất của các cơ quan nhà nước ở từng cấp, chú trọng sự lãnh đạo của các tổ chức đảng đối với việc kiểm kê, kiểm soát trong quản lý kinh tế, tài chính.

Ba yêu cầu trên quan hệ chặt chẽ với nhau, dựa trên nền tảng chung là xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân, thực hiện đại đoàn kết dân tộc mà nòng cốt là liên minh công nhân, nông dân và trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Phần thứ hai

CHỦ TRƯỞNG, NHIỆM VỤ

I- MỞ RỘNG DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA, PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN TRONG XÂY DỰNG VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC

Phương hướng vừa cơ bản vừa cấp bách hàng đầu lúc này là giữ vững và phát huy bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta, ngăn chặn và đẩy lùi tình trạng suy thoái đạo đức, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, sách nhiễu nhân dân trong bộ máy nhà nước. Đây là vấn đề có ý nghĩa sống còn đối với chế

độ ta. Chính quyền có trong sạch, được dân tin yêu, ủng hộ thì mới vững mạnh, có hiệu lực. Chỉ có dựa vào sức mạnh của nhân dân mới xây dựng được chính quyền trong sạch, giữ vững kỷ luật, kỷ cương, an ninh, quốc phòng, tạo động lực to lớn phát triển kinh tế - xã hội.

Mở rộng dân chủ phải đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương; quyền lợi đi đôi với trách nhiệm, nghĩa vụ; dân chủ được thể chế hóa thành pháp luật, dân chủ trong khuôn khổ pháp luật; khắc phục tình trạng vô kỷ luật, dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để gây rối.

Để thực hiện phương hướng trên, điều quan trọng hàng đầu là nâng cao chất lượng chế độ dân chủ đại diện, mở rộng và có cơ chế từng bước thực hiện chế độ dân chủ trực tiếp một cách thiết thực, đúng hướng và có hiệu quả.

Những việc chính cần làm:

1. Tiếp tục cải tiến chế độ bầu cử các cơ quan dân cử, bảo đảm cho cử tri tiếp xúc, đối thoại với ứng cử viên, có đủ thông tin để trao đổi, nhận xét, lựa chọn và bầu cử đại biểu của mình thực sự dân chủ trên cơ sở có sự lãnh đạo, hướng dẫn về tiêu chuẩn, cơ cấu.

Quy định nhiều hình thức thích hợp để duy trì sự liên hệ thường xuyên giữa đại biểu dân cử và cử tri, để các đại biểu luôn luôn sát thực tiễn, nắm chắc tâm tư, nguyện vọng, yêu cầu của dân. Các đại biểu phải định kỳ báo cáo và chịu sự kiểm tra, giám sát của cử tri, nếu không đủ tín nhiệm thì cử tri thực hiện quyền bãi miễn.

Có các hình thức để nhân dân có thể dự thính hoặc theo dõi trực tiếp qua các phương tiện thông tin đại chúng các kỳ họp của cơ quan dân cử.

Cải tiến cách thức để nhân dân tham gia thảo luận và góp ý kiến vào các dự án luật, các dự thảo nghị quyết quan trọng của Đảng và Nhà nước thật sự thiết thực và có hiệu quả; tránh làm hình thức, tràn lan, tốn kém.

2. Nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan dân cử (Quốc hội, Hội đồng nhân dân) để các cơ quan này thực sự là cơ quan đại diện của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước trong việc xem xét và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, của địa phương. Các cơ quan hành chính nhà nước phải nghiêm túc chấp hành các quyết định của cơ quan dân cử trong trách nhiệm, quyền hạn đã được pháp luật quy định và chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan dân cử.

3. Đẩy mạnh cải cách thể chế và thủ tục hành chính trong các lĩnh vực trực tiếp liên quan đến đời sống nhân dân. Nhà nước giảm tối đa cơ chế xin phép - cho phép trong từng vụ việc; rút kinh nghiệm về cơ chế "một cửa" đã thực hiện có hiệu quả ở một số địa phương để chỉ đạo áp dụng rộng ở các ngành, các cấp.

Các nội dung trên được đăng trên các phương tiện thông tin, công báo, niêm yết hoặc lưu trữ ở các phòng thông tin, trụ sở, nơi tiếp dân.

4. Xác định rõ trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan nhà nước trong việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của nhân dân. Xử lý nghiêm minh các hành vi trì hoãn, chậm trễ, làm sai lệch, can thiệp trái pháp luật hoặc lẩn tránh trách nhiệm đối với việc giải quyết khiếu nại, tố cáo. Cần có quy chế tạo thuận lợi để người dân trình bày ý nguyện,

thực hiện quyền khiếu nại, tố cáo của mình, ngăn chặn những hành vi lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để xuyên tạc, vu khống, gây rối.

Tăng cường công tác giám sát và kiểm tra của cấp trên đối với công tác giải quyết khiếu tố của cấp dưới. Tiếp tục kiện toàn và phát huy vai trò của tòa án để xét xử các khiếu kiện hành chính.

5. Các cơ quan có thẩm quyền lập pháp, lập quy cần rà soát, sửa đổi, bổ sung và xây dựng mới các văn bản pháp luật với các định chế cụ thể, rõ ràng về quyền giám sát, kiểm tra của nhân dân trong các lĩnh vực sản xuất, phân phối, thu chi ngân sách, tài chính, các chế độ thu và sử dụng học phí, viện phí... trong các cơ quan, đơn vị sản xuất kinh doanh, trường học, bệnh viện.

Thanh tra Nhà nước cùng Mặt trận Tổ quốc, Liên đoàn lao động các cấp cần phối hợp và có biện pháp xây dựng, củng cố thanh tra nhân dân xã, phường, thị trấn, doanh nghiệp, trường học, bệnh viện, cơ quan để thanh tra nhân dân thực sự trở thành công cụ sắc bén của nhân dân trong việc phát hiện, ngăn chặn, đẩy lùi tiêu cực, góp phần xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh. Không chấp nhận các tổ chức thanh tra tự phát.

6. Nghiên cứu thực hiện từng bước chế độ dân chủ trực tiếp, trước hết ở cấp cơ sở:

- Những quyết định quan trọng ở cấp cơ sở có quan hệ đến đông đảo nhân dân (như chủ trương huy động sức dân để xây dựng kết cấu hạ tầng và các công trình phúc lợi...) cần đưa các phương án khác nhau và thông qua những hình thức phù hợp để nhân dân thảo luận và biểu quyết. Hội đồng

nhân dân và Ủy ban nhân dân chấp hành theo kết quả biểu quyết đó.

Ở các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, kinh doanh cần có quy chế báo cáo công khai các công việc đã làm, vấn đề sử dụng tài sản, thu, chi tài chính và quy định những việc phải do đại hội toàn thể cán bộ, công nhân trong đơn vị xem xét biểu quyết.

- Định kỳ 6 tháng và 1 năm, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, phường phải báo cáo công khai với dân về các công việc đã làm, tình hình sử dụng tài sản, tài chính, ngân sách, các khoản đóng góp của dân, quyết toán các công trình xây dựng cơ bản.

Hàng năm, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp có báo cáo tổng kết công tác, và thông qua những hình thức phù hợp, thông qua Mặt trận và các đoàn thể để phê bình, tự phê bình trước nhân dân và đề nghị nhân dân nhận xét, đánh giá.

- Tổ chức và hướng dẫn các hình thức nhân dân tự quản ở cơ sở và khu vực dân cư đối với những việc dân tự làm hoặc do Nhà nước ủy thác cho dân làm với sự hỗ trợ của Nhà nước như: hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân, bài trừ tệ nạn xã hội, bảo vệ trật tự an ninh, quản lý giáo dục những đối tượng cải tạo tại chỗ, chăm sóc người già, gia đình chính sách, việc quản lý các quỹ do dân đóng góp, v.v. nhân dân ở xã, thôn, ấp, bản cùng bàn bạc xây dựng quy ước, hương ước về nếp sống văn minh, gia đình văn hóa, về thủ tục cưới xin, ma chay, v.v. phù hợp với nếp sống mới, với truyền thống tốt đẹp của dân tộc và pháp luật Nhà nước.

II- NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG VÀ KIẾN TOÀN TỔ CHỨC QUỐC HỘI

1. Nâng cao hơn nữa chất lượng hoạt động lập pháp

Căn cứ vào định hướng phát triển đất nước, xuất phát từ nhu cầu thực tiễn và điều kiện, khả năng thực hiện mà xác định rõ thứ tự ưu tiên trong chương trình xây dựng pháp luật dài hạn và hằng năm.

Chỉ đạo chặt chẽ quá trình chuẩn bị và thông qua các dự án luật, đảm bảo quán triệt đường lối, quan điểm của Đảng, trên cơ sở tổng kết thực tiễn Việt Nam, tham khảo có chọn lọc kinh nghiệm nước ngoài, tránh sao chép, rập khuôn. Cần tập hợp trí tuệ của các nhà khoa học, các chuyên gia, lấy ý kiến nhân dân, nhất là các đối tượng có liên quan đến việc thi hành luật. Nâng cao chất lượng công tác thẩm định của các Ủy ban của Quốc hội để các kỳ họp của Quốc hội có thể xem xét và thông qua các dự án luật được nhanh chóng và có chất lượng cao.

Các luật ban hành cần bảo đảm tính khả thi, dễ hiểu, quy định cụ thể để giảm bớt tình trạng phải chờ đợi quá nhiều văn bản hướng dẫn mới thi hành được. Tăng cường công tác tuyên truyền, giải thích, giáo dục pháp luật để nhân dân hiểu và tự giác chấp hành.

Giảm dần pháp lệnh của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và nghị định của Chính phủ quy định những vấn đề chưa có luật. Những pháp lệnh, nghị định này sau một thời gian thực hiện, được kiểm nghiệm là đúng thì hoàn chỉnh để chuyển thành luật. Phấn đấu trong một thời gian nhất định Nhà nước có thể quản lý đất nước chủ yếu bằng các đạo luật.

2. Phấn đấu tiến tới việc Quốc hội thực hiện đầy đủ quyền quyết định ngân sách như Hiến pháp quy định, bảo đảm các điều kiện để Quốc hội xem xét quyết định một cách thực chất các kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình quốc gia, các dự án đầu tư lớn cũng như các vấn đề quan trọng về tổ chức bộ máy nhà nước và nhân sự.

3. Nâng cao chất lượng giám sát của Quốc hội, khẩn trương xây dựng cơ chế giám sát có hiệu lực. Quốc hội có chương trình giám sát hằng năm tập trung vào những vấn đề bức xúc như chống tham nhũng, chống lãng phí, về quản lý vốn và tài sản nhà nước, bắt giam, điều tra, truy tố, xét xử... Đổi mới việc xem xét báo cáo công tác và việc trả lời chất vấn của Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao.

Đề cao vai trò của cơ quan Kiểm toán Nhà nước trong việc kiểm toán mọi cơ quan, tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước. Cơ quan kiểm toán báo cáo kết quả kiểm toán cho Quốc hội, Chính phủ và công bố công khai cho dân biết.

4. Tiếp tục kiện toàn tổ chức Quốc hội. Đại biểu Quốc hội phải có đủ tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ của người đại biểu, đại diện cho ý chí, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân. Cần tăng thêm hợp lý số đại biểu chuyên trách cho các Ủy ban của Quốc hội. Cải tiến và nâng cao chất lượng hoạt động của đại biểu Quốc hội và sinh hoạt của Quốc hội. Có các hình thức thu hút các chuyên gia giỏi làm tư vấn cho các Ủy ban của Quốc hội trong các hoạt động thẩm định và giám sát. Nghiên cứu thành lập thêm một số Ủy ban của Quốc hội.

III- TIẾP TỤC CẢI CÁCH NỀN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC

1. Chính phủ và bộ máy hành chính nhà nước thống nhất quản lý việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại theo đúng chức năng phù hợp với cơ chế mới, đó là:

- Quản lý kinh tế - xã hội theo pháp luật, giữ gìn ổn định chính trị - xã hội và trật tự kỷ cương; chăm lo xây dựng kết cấu hạ tầng và những ngành kinh tế then chốt, bảo đảm môi trường và điều kiện chung cho nhân dân phát triển sản xuất kinh doanh, nâng cao đời sống.

- Thông qua các công cụ quản lý vĩ mô và vai trò của kinh tế nhà nước để quản lý thị trường, điều tiết thu nhập, kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội, thúc đẩy sự phát triển đồng đều giữa các vùng và các tầng lớp dân cư.

- Tăng cường kiểm kê, kiểm soát sản xuất và phân phối; quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn và tài sản công với tư cách đại diện chủ sở hữu nhà nước, khắc phục tình trạng vô chủ, đẩy lùi tham nhũng, lãng phí.

- Kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với tăng cường an ninh, quốc phòng và mở rộng hoạt động đối ngoại, để các lĩnh vực này tác động hỗ trợ nhau cùng phát triển.

2. Phân định trách nhiệm, thẩm quyền giữa các cấp chính quyền theo hướng phân cấp rõ hơn cho địa phương, kết hợp chặt chẽ quản lý ngành và quản lý lãnh thổ, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ

Trên cơ sở bảo đảm sự quản lý thống nhất của Trung ương về thể chế, về chiến lược và quy hoạch, kế hoạch phát triển các ngành và toàn bộ nền kinh tế quốc dân, cần phân

cấp đúng mức và rành mạch trách nhiệm và thẩm quyền hành chính, nhằm tạo điều kiện và thúc đẩy chính quyền địa phương phát huy tính chủ động, khai thác mọi tiềm năng tại chỗ để phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương và đóng góp ngày càng nhiều cho sự phát triển chung của đất nước. Theo tinh thần đó, cần tăng trách nhiệm và thẩm quyền của chính quyền địa phương trong việc quyết định những vấn đề của địa phương, đặc biệt là về quy hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư cho khu vực công cộng, về thu chi ngân sách, về tổ chức và nhân sự hành chính địa phương, về xử lý các vụ việc hành chính.

Việc phân định trách nhiệm và thẩm quyền của các cấp chính quyền phải phù hợp với tính chất và yêu cầu của từng ngành và lĩnh vực hoạt động, với chức năng, nhiệm vụ của từng cấp chính quyền trên từng địa bàn; phù hợp với điều kiện và khả năng của các địa phương có quy mô, vị trí khác nhau. Giữa các cấp chính quyền địa phương cũng cần cụ thể hóa việc phân cấp theo hướng việc nào do cấp nào giải quyết sát với thực tế hơn thì giao nhiệm vụ và thẩm quyền cho cấp đó.

Quan hệ phân cấp phải gắn liền với việc tăng cường sự phối hợp quản lý theo ngành và theo lãnh thổ, được quy định thành thể chế; đặc biệt cần tăng cường trách nhiệm kiểm tra, kiểm soát của cấp ủy đảng và chính quyền địa phương đối với các cơ quan và tổ chức hoạt động trên địa bàn, kể cả các đơn vị được quản lý theo ngành dọc.

Các bộ và cơ quan của Chính phủ phải thực hiện chức năng quản lý hành chính nhà nước về ngành, lĩnh vực của mình trong phạm vi cả nước, đồng thời thực hiện trách

nhiệm đại diện chủ sở hữu nhà nước trong phạm vi được ủy quyền đối với các doanh nghiệp nhà nước. Trên cơ sở xác định rõ chức năng và đổi mới sự phân cấp, tiếp tục điều chỉnh hợp lý tổ chức của các bộ, các cơ quan thuộc Chính phủ và bộ máy chính quyền địa phương.

3. Tăng cường tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra, coi đó là công cụ quan trọng và hữu hiệu để bảo đảm hiệu lực quản lý nhà nước, thiết lập kỷ cương xã hội

Đổi mới tổ chức thanh tra phù hợp với chức năng quản lý nhà nước trong điều kiện mới; phát triển mạnh tổ chức thanh tra việc thực hiện thể chế về từng lĩnh vực trong toàn xã hội như tài chính, lao động, giáo dục, vệ sinh - y tế, xây dựng, công vụ, v.v..

Nghiên cứu tăng thẩm quyền cho các cơ quan thanh tra trong việc xử lý hành chính tại chỗ các vi phạm pháp luật; phân định rõ hơn trách nhiệm của cơ quan thanh tra và tòa án hành chính trong việc giải quyết các khiếu kiện đối với các cơ quan và cán bộ, công chức hành chính, tạo điều kiện để các tòa án hành chính phát huy đúng chức năng và thẩm quyền.

Đẩy mạnh hoạt động tự thanh tra, kiểm tra trong nội bộ các cơ quan, tổ chức nhà nước; đề cao trách nhiệm thanh tra, kiểm tra của cấp trên đối với cấp dưới, của các cấp chính quyền đối với mọi cơ quan, tổ chức trên địa bàn lãnh thổ.

4. Chính quyền địa phương

a) Tập trung sức kiện toàn chính quyền cơ sở

- Phát huy vai trò của Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn trong việc xem xét, quyết định các nhiệm vụ về kinh tế,

xã hội, an ninh trật tự, đời sống nhân dân, về ngân sách và giám sát việc điều hành của Ủy ban nhân dân. Kiện toàn Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn với thành phần bao gồm những cán bộ chủ chốt của đảng bộ, Mặt trận và các đoàn thể, đồng thời thu hút những người ngoài đảng có đủ tiêu chuẩn, có nhiệt tình, có kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn trong lao động sản xuất, có tín nhiệm trong nhân dân.

- Thực hiện các hình thức, biện pháp bảo đảm phát huy quyền làm chủ của nhân dân ở cơ sở, đồng thời quy định một số trách nhiệm nhất định giao cho nhóm đại biểu hội đồng nhân dân xã theo từng thôn (làng, ấp, bản) như tổ chức việc xây dựng, thực hiện hương ước, giám sát trưởng thôn (bản, ấp).

- Quy định hợp lý số lượng cán bộ chính quyền cơ sở có phân biệt theo đặc điểm và dân số của từng loại đơn vị cơ sở; chú trọng công tác đào tạo, bồi dưỡng và có chính sách đãi ngộ phù hợp với chức trách của họ. Chính phủ quy định nguyên tắc chung, còn mức phụ cấp cụ thể cho mỗi chức danh cán bộ xã, phường, thị trấn do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cho sát hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Có chế độ thích hợp để chuyên nghiệp hóa một số cán bộ đảm nhiệm những công việc cần được đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ.

Trưởng thôn (bản, ấp) do nhân dân trong thôn, bản, ấp bầu và chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phê chuẩn.

b) Về Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân

- Kiện toàn và củng cố Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp để bảo đảm thực hiện tốt nhiệm vụ và thẩm quyền đã được phân cấp; đồng thời, đề cao trách

nhiệm tham gia cùng chính quyền cấp trên thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước đối với tổ chức theo ngành dọc trên địa bàn lãnh thổ.

- Xây dựng Hội đồng nhân dân các cấp có thực quyền để thực hiện đầy đủ vai trò là cơ quan đại diện của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước ở địa phương, thực hiện quyền làm chủ của nhân dân ở từng cấp.

- Nghiên cứu phân biệt sự khác nhau giữa hoạt động của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ quản lý hành chính ở đô thị với hoạt động của Hội đồng nhân dân và nhiệm vụ quản lý hành chính ở nông thôn, có thể tiến hành thí điểm ở một vài địa phương để thấy hết các vấn đề cần giải quyết; từ đó có cơ sở thực tế giúp cho việc quyết định chủ trương khi bầu Hội đồng nhân dân khóa mới vào năm 1999.

- Ủy ban nhân dân các cấp cần được kiện toàn theo hướng tinh gọn, giảm bớt số ủy viên là thủ trưởng cơ quan chuyên môn; quy định rõ hơn trách nhiệm, thẩm quyền của tập thể Ủy ban nhân dân và của chủ tịch Ủy ban nhân dân.

5. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có phẩm chất và năng lực là yếu tố quyết định chất lượng của bộ máy nhà nước.

Có biện pháp thực hiện tốt các chủ trương về xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đã nêu trong Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII và các điểm bổ sung sau đây:

- Cán bộ lãnh đạo phải được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức toàn diện, trước hết về đường lối chính trị, về quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; được bố trí, điều động theo nhu cầu và lợi ích của đất nước, có thể được luân chuyển từ Trung ương về địa phương, từ địa phương lên Trung ương và từ địa

phương này qua địa phương khác. Nghiên cứu bổ sung cơ chế chọn cử, điều động các chức danh cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp cho phù hợp. Riêng đối với chức danh chủ tịch Ủy ban nhân dân, trong trường hợp chưa đến thời điểm bầu cử Hội đồng nhân dân mà cần bố trí một đồng chí không phải là thành viên Hội đồng nhân dân làm chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thì đưa ra Hội đồng nhân dân bầu để đồng chí đó làm chủ tịch Ủy ban nhân dân.

- Xúc tiến ban hành thể chế và tổ chức thực hiện việc kê khai và kiểm tra về tài sản, trước hết là về nhà, đất của cán bộ. Quy định chặt chẽ các chế độ, tiêu chuẩn của cán bộ lãnh đạo các cấp, các ngành về sử dụng ô tô, trang bị nơi làm việc, nhà và đất ở... với tinh thần tiết kiệm, công bằng, chống lãng phí, chống đặc quyền, đặc lợi.

IV- CẢI CÁCH TƯ PHÁP

1. Hoạt động tư pháp phải nhằm đấu tranh nghiêm trị các tội chống Tổ quốc, chống chế độ, tội tham nhũng và các tội hình sự khác, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân. Khắc phục những biểu hiện hữu khuynh trong đấu tranh chống tội phạm, đồng thời chống tình trạng bắt và giam giữ oan sai, xét xử không công minh, vi phạm quyền dân chủ của công dân. Các cơ quan tư pháp phải là mẫu mực của việc tuân thủ Hiến pháp và pháp luật, phải thể hiện công lý, tính dân chủ, công khai trong hoạt động.

2. Nâng cao chất lượng hoạt động của Viện Kiểm sát theo chức năng quy định trong Hiến pháp, tập trung làm tốt chức năng công tố và kiểm sát hoạt động tư pháp.

3. Tòa án nhân dân

- Thực hiện nguyên tắc hai cấp xét xử. Bỏ thủ tục xét xử sơ chung thẩm của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án quân sự Trung ương. Nghiên cứu áp dụng thủ tục rút gọn để xét xử kịp thời một số vụ án đơn giản, rõ ràng.

- Tòa án nhân dân tối cao tập trung vào công tác tổng kết xét xử, hướng dẫn các tòa án áp dụng pháp luật thống nhất và làm tốt chức năng giám đốc xét xử. Đổi mới thủ tục giám đốc thẩm để bảo đảm việc xét xử vừa đúng đắn vừa nhanh chóng.

- Nghiên cứu phân cấp thẩm quyền bổ nhiệm thẩm phán tòa án cấp tỉnh và tòa án cấp huyện; đồng thời căn cứ vào tình hình đội ngũ cán bộ hiện nay mà điều chỉnh tiêu chuẩn tuyển chọn cho phù hợp để kịp thời bổ sung đủ thẩm phán cho tòa án cấp huyện và tòa án cấp tỉnh.

4. Sắp xếp lại cơ quan điều tra theo hướng gọn đầu mối, kết hợp chặt chẽ giữa trình sát, điều tra ban đầu với hoạt động của cơ quan điều tra nhằm bảo đảm sự thống nhất trong phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm, bảo đảm quyền dân chủ và sự an toàn của công dân.

5. Kiện toàn các tổ chức thi hành án, bảo đảm thi hành đầy đủ, nhanh chóng các bản án và quyết định của tòa án, của tổ chức trọng tài; chấn chỉnh các trại giam để giáo dục, cải tạo tốt phạm nhân.

Chuẩn bị điều kiện để tiến tới giao cho một cơ quan quản lý tập trung thống nhất công tác thi hành án.

6. Nghiên cứu việc thành lập cảnh sát tư pháp để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ phiên tòa, phục vụ công tác thi hành án, dẫn giải bị can, bị cáo, quản lý các trại giam...

7. Củng cố và tăng cường các tổ chức hỗ trợ tư pháp.

Đổi mới quản lý nhà nước đối với các hoạt động luật sư, tư vấn pháp luật, giám định tư pháp... phù hợp với chủ trương xã hội hóa; kết hợp quản lý nhà nước với vai trò tự quản của các tổ chức nghề nghiệp. Đào tạo, phát triển đội ngũ luật sư có phẩm chất, đạo đức, có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, phát huy vai trò của họ trong tư vấn pháp luật và trong tố tụng. Tổ chức hình thức tư vấn pháp luật cho các cơ quan, tổ chức và nhân dân, tạo điều kiện cho người nghèo được hưởng dịch vụ tư vấn pháp luật miễn phí. Cải tiến nội dung và thủ tục công chứng để phục vụ thuận tiện cho nhân dân. Củng cố các cơ quan giám định tư pháp để hỗ trợ cho công tác điều tra, truy tố, xét xử; sớm thành lập Viện Giám định pháp y quốc gia.

8. Xây dựng đội ngũ cán bộ tư pháp trong sạch, vững mạnh, có phẩm chất chính trị, đạo đức và có năng lực chuyên môn. Lập quy hoạch tuyển chọn, đào tạo, sử dụng cán bộ tư pháp theo từng loại chức danh với tiêu chuẩn cụ thể. Nâng cao chất lượng của hội thẩm nhân dân.

Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với hoạt động của cán bộ tư pháp để có thể đánh giá và sử dụng tốt cán bộ; xử lý nghiêm những cán bộ tham nhũng, tiêu cực.

V- TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG ĐỐI VỚI NHÀ NƯỚC

Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước nhằm giữ vững bản chất giai cấp công nhân của Nhà nước, bảo đảm mọi quyền lực thuộc về nhân dân, đưa công cuộc đổi mới đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Đổi mới nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng nhằm bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước có hiệu quả và chất lượng cao hơn, đồng thời phát huy trách nhiệm, tính chủ động và hiệu lực cao trong quản lý, điều hành của Nhà nước.

Kết luận của Hội nghị Trung ương 2, nhất là Nghị quyết Trung ương 8 khóa VII đã xác định nội dung và phương thức lãnh đạo của Đảng đối với từng lĩnh vực của bộ máy nhà nước. Các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng cần kiểm điểm và tiếp tục thực hiện các nghị quyết nói trên, đồng thời quán triệt và thực hiện một số điểm bổ sung, phát triển sau đây:

1. Phải nắm vững và thực hiện tốt ba nội dung trọng yếu về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước trong tình hình mới

- Lãnh đạo các cơ quan nhà nước kịp thời thể chế hóa đường lối, chính sách của Đảng thành pháp luật, nhất là chủ trương về thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, về đổi mới thể chế kinh tế, về xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa, củng cố, nâng cao hiệu quả của kinh tế nhà nước, phát triển kinh tế hợp tác.

- Tăng cường quản lý cán bộ, đảng viên trong bộ máy nhà nước; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức trong sạch, vững mạnh, thực sự vừa là người lãnh đạo, vừa là người dày tớ trung thành của nhân dân.

- Tăng cường kiểm tra tổ chức đảng và đảng viên trong các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp khác, các tổ chức sự nghiệp, các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị thuộc lực lượng vũ trang đối với việc thực hiện các nghị quyết của Đảng, các quy định của Nhà nước, nhất là về quản lý

kinh tế, tài chính, thu chi ngân sách, việc sử dụng, bảo quản vốn và tài sản của Nhà nước, không phân biệt đại diện chủ sở hữu thuộc ngành hoặc địa phương.

2. Củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước

- Đảng đoàn Quốc hội và các đảng đoàn Hội đồng nhân dân phải được tiếp tục kiện toàn về tổ chức, đề cao trách nhiệm trong việc chủ động đề xuất những vấn đề thuộc lĩnh vực của mình, phản ánh đầy đủ ý kiến của đại biểu với cấp ủy. Mặt khác, cấp ủy đảng cần lắng nghe đầy đủ các ý kiến đó để kịp thời xem xét và điều chỉnh chủ trương khi thấy có cơ sở xác đáng.

Khi cấp ủy đã có quyết định thì đảng đoàn phải lãnh đạo quán triệt và thực hiện nghiêm túc quyết định của Đảng. Mọi đảng viên phải nghiêm chỉnh chấp hành các quyết định đó.

- Có cơ chế gắn hoạt động của trưởng ban và các ban của Đảng với hoạt động của các Ủy ban của Quốc hội và các ban của Hội đồng nhân dân. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng để Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện tốt vai trò của mình.

- Củng cố tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Xây dựng quy chế, làm rõ mối quan hệ lãnh đạo của Bộ Chính trị với các ban cán sự, giữa ban cán sự đảng ở các bộ với Ban Cán sự Đảng Chính phủ cho phù hợp với mối quan hệ về mặt nhà nước. Phát huy vai trò của đảng ủy, chi bộ trong các cơ quan nhà nước. Sắp xếp lại đầu mối tổ chức đảng trong các khối cơ quan hành chính, doanh nghiệp theo đúng quy định của Điều lệ Đảng.

- Kiện toàn ban cán sự đảng ở các cơ quan tư pháp. Nghiên cứu, cụ thể hóa cơ chế cấp ủy cho ý kiến về việc xử lý các vụ án quan trọng, phức tạp trên cơ sở tôn trọng quyền theo luật định của các cơ quan tư pháp và bảo đảm tốt sự lãnh đạo của Đảng.

3. Các cấp ủy đảng phát huy vai trò, trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân trong việc xây dựng và bảo vệ chính quyền, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân; kiện toàn tổ chức, đổi mới hoạt động của Mặt trận và các đoàn thể nhằm thu hút sự tham gia ngày càng rộng rãi của nhân dân vào công việc quản lý nhà nước.

4. Về các cơ quan tham mưu, cần kiện toàn theo hướng tinh gọn, hợp lý để giúp cấp ủy nắm tình hình, hướng dẫn, kiểm tra hoạt động của tổ chức đảng trong các cơ quan nhà nước.

Phần thứ ba

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ và các ngành trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy tập trung thực hiện tốt một số công việc sau đây:

1. Lãnh đạo chặt chẽ cuộc bầu cử Quốc hội khóa X, bảo đảm dân chủ rộng rãi, lựa chọn được các đại biểu đủ tiêu chuẩn quy định, có cơ cấu hợp lý, để Quốc hội xứng đáng là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân và là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

2. Đảng đoàn Quốc hội căn cứ theo tinh thần Nghị quyết này tổ chức việc rà soát, sửa đổi, bổ sung một số điểm

trong *Luật tổ chức Quốc hội*; hoàn thiện quy chế làm việc của Quốc hội, các Ủy ban của Quốc hội. Nghiên cứu để có thể sửa đổi, bổ sung các luật về tổ chức bộ máy nhà nước.

3. Ban Cán sự Đảng Chính phủ căn cứ vào Nghị quyết này và Nghị quyết Trung ương 8 (khóa VII), chỉ đạo kiểm điểm rút kinh nghiệm về thực hiện cải cách nền hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu lực của bộ máy nhà nước; có kế hoạch và biện pháp cụ thể đẩy mạnh cải cách hành chính, tạo được chuyển biến rõ nét trong những bước tiếp theo; đồng thời có kế hoạch chỉ đạo việc sắp xếp bộ máy Chính phủ và các bộ, chỉ đạo việc phân cấp quản lý giữa Trung ương và địa phương. Cần sớm nghiên cứu, ban hành một số chế độ, chính sách và biện pháp về kiện toàn chính quyền cơ sở xã, phường, thị trấn. Chỉ đạo thí điểm thực hiện một số hình thức dân chủ trực tiếp ở các loại cơ sở, kịp thời tổng kết kinh nghiệm để xây dựng thành quy chế chung.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ phối hợp với Đảng đoàn Quốc hội sớm xúc tiến việc tổng kết thực tiễn, nghiên cứu đề xuất ý kiến về đổi mới tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp để trình Quốc hội xem xét, quyết định trước kỳ bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp năm 1999.

4. Các ban cán sự đảng Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phối hợp với các cơ quan hữu quan triển khai việc điều chỉnh nhiệm vụ, sắp xếp tổ chức và bố trí cán bộ thuộc trách nhiệm của ngành mình.

5. Ban Tổ chức Trung ương phối hợp với các ban có liên quan tiến hành việc tổng kết, rút kinh nghiệm để hoàn

thiện quy chế làm việc và sinh hoạt của cấp ủy, mối quan hệ giữa cấp ủy với tổ chức đảng ở các cơ quan nhà nước; đồng thời nghiên cứu, đề xuất chủ trương, biện pháp đổi mới, chỉnh đốn đảng, bảo đảm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với các cơ quan nhà nước.

6. Các tỉnh ủy, thành ủy có kế hoạch cụ thể thực hiện Nghị quyết ở địa phương mình. Chú trọng lãnh đạo đảng đoàn Hội đồng nhân dân các cấp cải tiến nâng cao chất lượng và tính thiết thực của các kỳ họp, tăng cường hoạt động giám sát các cơ quan nhà nước ở địa phương, tổ chức tốt việc tiếp xúc giữa đại biểu dân cử với cử tri ở địa bàn, thực hiện tốt việc tổ chức, vận động nhân dân phát huy dân chủ trực tiếp ở cơ sở; chú trọng kiện toàn ban tham mưu giúp cấp ủy lãnh đạo việc xây dựng các cơ quan nhà nước trong sạch, vững mạnh.

7. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng công tác ở các ngành, lĩnh vực, địa phương, đơn vị, tùy theo cương vị cụ thể có trách nhiệm lãnh đạo và cùng với cấp ủy tổ chức thực hiện Nghị quyết; đồng thời qua theo dõi việc thực hiện, đề xuất ý kiến với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi để lãnh đạo, bảo đảm Nghị quyết được thực hiện đúng đắn, có kết quả.

8. Đảng đoàn Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan nhà nước tổ chức, động viên các tầng lớp nhân dân lao động phát huy quyền làm chủ, tích cực tham gia công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội; chú trọng xây

dựng và triển khai các hình thức dân chủ trực tiếp của nhân dân ở cơ sở, tăng cường hoạt động kiểm tra, giám sát của nhân dân đối với cơ quan và cán bộ, công chức nhà nước.

9. Ban Nội chính Trung ương và các ban của Trung ương Đảng có trách nhiệm theo dõi việc thực hiện Nghị quyết, định kỳ báo cáo và đề xuất ý kiến với Bộ Chính trị.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Đảng Cộng sản Việt Nam:
*Văn kiện Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.36-65.*

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII**

Số 03-NQ/HNTW, ngày 18 tháng 6 năm 1997
**Về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh
công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước**

Cán bộ là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ, là khâu then chốt trong công tác xây dựng đảng. Chủ tịch Hồ Chí Minh và Đảng ta đã dày công đào tạo, huấn luyện, xây dựng được một đội ngũ cán bộ tận tụy, kiên cường, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ qua các giai đoạn cách mạng.

Đất nước ta đang bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nhiệm vụ chính trị mới rất nặng nề, khó khăn và phức tạp, đòi hỏi Đảng ta phải xây dựng được một đội ngũ cán bộ ngang tầm, góp phần thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định phải "sớm xây dựng chiến lược cán bộ của thời kỳ mới". Trên cơ sở tổng kết công tác cán bộ trong những năm qua, chủ yếu là trong 10 năm đổi mới, chúng ta xác định

phương hướng cơ bản, các chính sách và giải pháp lớn xây dựng đội ngũ cán bộ thời kỳ đến năm 2020, trước mắt là chuẩn bị cho nhiệm kỳ Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Phần thứ nhất

**THỰC TRẠNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ
VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ**

1. Đội ngũ cán bộ

Mặt mạnh:

- Được rèn luyện, thử thách trong quá trình đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ; cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cấp chiến lược có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định mục tiêu, con đường mà Đảng, Bác Hồ và nhân dân đã lựa chọn; năng động sáng tạo, hăng hái thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước.

- Trình độ, kiến thức và năng lực quản lý kinh tế, quản lý xã hội ngày càng được nâng cao.

- Số đông cán bộ giữ được đạo đức, phẩm chất cách mạng, lối sống lành mạnh, giản dị, gần bó với nhân dân.

Mặt yếu kém:

- Một số cán bộ dao động, giảm sút niềm tin, nhận thức mơ hồ về chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa xã hội, hoài nghi đường lối của Đảng; có người do bất mãn cá nhân đi đến phản bội Đảng và lợi ích của nhân dân.

- Một bộ phận cán bộ thoái hóa biến chất về đạo đức, lối sống, lợi dụng chức quyền để tham nhũng, buôn lậu, làm

giàu bất chính, lãng phí của công; quan liêu, ức hiếp dân, gia trưởng độc đoán; có tham vọng cá nhân, cục bộ, kèn cựa địa vị, cơ hội, kém ý thức tổ chức kỷ luật, phát ngôn và làm việc tùy tiện, gây mất đoàn kết nội bộ nghiêm trọng.

Đáng chú ý là những biểu hiện tiêu cực này đang có chiều hướng phát triển, làm xói mòn bản chất cách mạng của đội ngũ cán bộ, làm suy giảm uy tín của Đảng, suy giảm niềm tin của nhân dân đối với chế độ.

- Nhiều cán bộ lãnh đạo không nghiêm túc tự phê bình và tiếp thu phê bình, tính chiến đấu kém. Có tình trạng nể nang, né tránh, không nói thẳng, nói thật với nhau, bằng mặt mà không bằng lòng.

- Đội ngũ cán bộ tuy đông nhưng không đồng bộ, vẫn còn tình trạng "vừa thừa vừa thiếu". Trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ mới, nhất là về quản lý kinh tế thị trường, quản lý xã hội, luật pháp... Nhiều cán bộ lười học, lười nghiên cứu, một số học lướt chỉ cốt để lấy được bằng cấp.

Nhìn chung đội ngũ cán bộ hiện nay, xét về chất lượng, số lượng và cơ cấu có nhiều mặt chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

Ngoài những điểm chung nói trên, mỗi loại cán bộ còn có những mặt mạnh, yếu cụ thể:

Cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước và đoàn thể: có bản lĩnh và kinh nghiệm lãnh đạo chính trị, vận động nhân dân, tích cực tiến hành đổi mới. Nhưng trình độ kiến thức, năng lực lãnh đạo và quản lý còn hạn chế. Một số cán bộ lãnh đạo chủ chốt có biểu hiện chủ quan, thiếu dân chủ.

Cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang: có lập trường chính trị kiên định, có ý thức cảnh giác cao, chịu đựng gian khổ, vượt qua khó khăn bảo vệ Tổ quốc, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội. Một bộ phận, chủ yếu là trong lực lượng làm kinh tế, giữ gìn trật tự xã hội, bảo vệ pháp luật lợi dụng chức vụ, quyền hạn, nghề nghiệp để buôn lậu, sách nhiễu, gây hậu quả nghiêm trọng.

Cán bộ khoa học: có tâm huyết, có năng lực sáng tạo, tiếp thu nhanh khoa học công nghệ mới. Nhưng chất lượng chưa cao, năng lực thực hành còn yếu; thiếu nhiều chuyên gia giỏi; tỷ lệ cán bộ khoa học trên số dân còn thấp. Một số cán bộ chưa say mê nghiên cứu khoa học, thiếu hoài bão lớn, chưa đem hết tài trí phục vụ đất nước, ít gắn bó với sản xuất và cơ sở, thiếu tinh thần hợp tác.

Cán bộ quản lý kinh doanh: năng động, thích ứng nhanh với cơ chế mới. Nhưng kinh nghiệm còn ít, năng lực còn hạn chế, tổ chức kinh doanh còn kém hiệu quả, quan hệ với nước ngoài còn nhiều sơ hở, mất cảnh giác. Không ít cán bộ chưa quán triệt đầy đủ đường lối, chính sách của Đảng, nặng về kinh doanh đơn thuần, một số tham nhũng, thoái hóa, biến chất, xa hoa, lãng phí của công, làm giàu phi pháp.

2. Công tác cán bộ

Ưu điểm:

- Đã bước đầu huy động được các cấp, các ngành cùng các cơ quan có chức năng làm tham mưu trực tiếp xây dựng đội ngũ cán bộ. Việc đánh giá, sử dụng cán bộ dân chủ, tập thể hơn trước. Từng bước tiêu chuẩn hóa cán bộ, kết hợp các độ tuổi, các loại, các thế hệ cán bộ.

- Đã đào tạo và bồi dưỡng hàng vạn cán bộ cả về lý luận chính trị, quân sự, về quan điểm, đường lối của Đảng, về quản lý hành chính, quản lý kinh tế, khoa học, luật pháp, văn hóa, nghệ thuật...

- Đã thực hiện một số chính sách phù hợp với tình hình mới (trong đó có chính sách chăm sóc những người có công). Đã ban hành một số quy chế về quản lý cán bộ, quy trình tiến hành lựa chọn, đề bạt, bầu cử, khen thưởng, kỷ luật cán bộ.

Khuyết điểm:

- Việc đánh giá, bố trí, sử dụng cán bộ nhiều khi còn chủ quan, chưa thật công tâm, chưa hợp lý, thiếu dân chủ hoặc dân chủ hình thức. Bố trí cán bộ trong nhiều trường hợp còn nặng về cơ cấu, lúng túng, bị động khi bố trí cán bộ chủ chốt ở một số ngành và địa phương; hẹp hòi, định kiến, không mạnh dạn đề bạt cán bộ trẻ.

- Những chính sách đối với cán bộ, nhất là chính sách tiền lương, nhà ở, phương tiện đi lại, điều kiện làm việc... còn nhiều bất hợp lý, thiếu công bằng, thực hiện không thống nhất và đồng bộ, chưa tạo được động lực và phát huy tài năng, chưa khuyến khích những cán bộ công tác ở cơ sở, ở những vùng khó khăn, chưa chú ý thỏa đáng những cán bộ về hưu.

- Công tác đào tạo bồi dưỡng chưa gắn với yêu cầu, tiêu chuẩn và quy hoạch sử dụng cán bộ. Chất lượng và hiệu quả đào tạo còn thấp. Nội dung chương trình và phương pháp đào tạo cán bộ chậm đổi mới, chưa gắn với tổng kết thực tiễn của công cuộc đổi mới; buông lỏng giáo dục rèn luyện lập trường giai cấp và đạo đức cách mạng. Hệ thống

trường đào tạo chưa hợp lý; việc chiêu sinh, thi tuyển, công nhận tốt nghiệp, quản lý văn bằng, chứng chỉ, học hàm, học vị thiếu chặt chẽ.

- Nguyên tắc Đảng thống nhất lãnh đạo, quản lý công tác cán bộ và nguyên tắc tập trung dân chủ chưa được cụ thể hóa. Công tác kiểm tra, quản lý cán bộ, bảo vệ chính trị nội bộ ở nhiều nơi bị buông lỏng. Phần lớn khi có đơn tố giác mới thanh tra, kiểm tra. Không kiên quyết xử lý những cán bộ sai phạm. Còn thiếu các quy chế về quản lý cán bộ, luân chuyển cán bộ, nhân dân giám sát, phê bình cán bộ... Hệ thống tổ chức làm công tác cán bộ còn phân tán, chồng chéo, chức năng và trách nhiệm không rõ.

3. Nguyên nhân

Nguyên nhân của những mặt mạnh và ưu điểm:

- Đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng ta và những thành tựu của công cuộc đổi mới tạo điều kiện cho đội ngũ cán bộ cống hiến và trưởng thành.

- Đảng luôn chăm lo giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ.

- Công tác cán bộ có những đổi mới về cơ chế, chính sách, quản lý...

- Đội ngũ cán bộ được kế thừa truyền thống đấu tranh cách mạng kiên cường của Đảng và dân tộc, noi gương Bác Hồ và được sự giúp đỡ của nhân dân.

Nguyên nhân của những yếu kém, khuyết điểm:

- Bước vào thời kỳ mới, các cấp ủy đảng chưa dự báo được những tình huống mới, chưa hiểu đầy đủ nội dung, yêu cầu mới đối với cán bộ. Ban Chấp hành Trung ương Đảng chưa có nghị quyết chuyên đề về cán bộ, chưa xây dựng được chiến

lược cán bộ. Nhiều cấp ủy, tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo chưa chủ động xây dựng quy hoạch cán bộ, không tích cực chuẩn bị người kế nhiệm.

- Cơ quan làm công tác tổ chức cán bộ chậm đổi mới, chưa chú trọng nghiên cứu khoa học; trình độ lý luận và tổng kết thực tiễn, tham mưu đề xuất những vấn đề chiến lược về cán bộ còn hạn chế. Một số cán bộ làm công tác tổ chức chưa gương mẫu về đạo đức, phẩm chất, thiếu khách quan, yếu về năng lực.

- Một số cán bộ không chịu tu dưỡng, rèn luyện, tự phê bình và phê bình, bị chủ nghĩa cá nhân chi phối.

- Cách mạng nước ta chuyển giai đoạn, có nhiều vấn đề mới đặt ra, môi trường kinh tế - xã hội rất phức tạp, tổ chức bộ máy thiếu ổn định, công tác cán bộ và đội ngũ cán bộ lúng túng, bất cập. Các thế lực thù địch tìm mọi cách lung lạc, lôi kéo, mua chuộc, hòng làm biến chất đội ngũ cán bộ của Đảng ta.

4. Một số bài học kinh nghiệm

- Tiến hành công tác cán bộ phải trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc, nắm vững quan điểm và nguyên tắc cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Đảng phải thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ, dự báo đúng tình hình, bám sát yêu cầu của nhiệm vụ chính trị để có quy hoạch, kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, chuẩn bị cho trước mắt và cho cả một thời kỳ tương đối dài. Phải đề phòng nguy cơ sai lầm về đường lối cán bộ.

- Xây dựng đồng bộ đội ngũ cán bộ chủ chốt các cấp từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ đứng đầu. Phải đổi mới, trẻ hóa cán bộ trên cơ sở tiêu chuẩn và có sự chuẩn bị chu đáo, kết hợp các độ tuổi, bảo đảm tính liên tục, tính kế thừa và phát triển, giữ vững đoàn kết nội bộ và ổn định chính trị.

- Có quan điểm và phương pháp đánh giá, sử dụng cán bộ một cách khách quan, khoa học, công tâm. Xử lý tốt các mối quan hệ giữa đức và tài, quyền hạn và trách nhiệm, nghĩa vụ và lợi ích, giai cấp và dân tộc, tiêu chuẩn và cơ cấu, năng lực thực tế và bằng cấp, cán bộ đương chức và cán bộ về hưu... phù hợp với yêu cầu của mỗi loại cán bộ. Hết sức coi trọng việc đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ; giáo dục lý tưởng, bản lĩnh chính trị và đạo đức cách mạng, rèn luyện, thử thách, tuyển lựa cán bộ từ trong hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân.

- Để thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong công tác cán bộ phải thể chế hóa thành các quy chế, quy trình. Những nhận xét, kết luận về cán bộ nhất thiết phải do cấp ủy có thẩm quyền quyết định sau khi đã lắng nghe đầy đủ ý kiến của các cơ quan có liên quan, ý kiến đóng góp của nhân dân và sự tự phê bình của cán bộ. Kết hợp đúng đắn chế độ tập thể với trách nhiệm cá nhân, dân chủ với tập trung; không dân chủ hình thức. Huy động mọi cấp, mọi ngành phối hợp với cơ quan tham mưu giúp cấp ủy làm công tác quản lý cán bộ.

- Đổi mới và xây dựng hệ thống chính sách cán bộ (nhất là chính sách tiền lương, nhà ở) một cách nhất quán, công bằng, có lý có tình, thống nhất trong cả nước và giữa các loại

cán bộ, thực sự khuyến khích những cán bộ có tài, trân trọng những cán bộ có công, phù hợp với điều kiện cụ thể của đất nước. Đồng thời xử lý nghiêm minh và kịp thời những người có sai phạm. Cán bộ đứng phải bảo vệ, sai phải đấu tranh, có dư luận phải làm rõ. Tránh tình trạng để dư luận âm ỉ, lan truyền, ngò vực lẫn nhau.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ VÀ CÔNG TÁC CÁN BỘ

Trước bối cảnh quốc tế và trong nước với những thuận lợi và khó khăn như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã xác định, việc xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ cần quán triệt các quan điểm, mục tiêu và tiêu chuẩn sau đây:

I- QUAN ĐIỂM VỀ XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ

1. Phải xuất phát từ yêu cầu, nhiệm vụ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội. Công tác cán bộ được đổi mới có vai trò quyết định thực hiện thắng lợi mục tiêu đó. Mặt khác, quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc là môi trường thực tiễn để rèn luyện, tuyển chọn và đào tạo cán bộ, nâng cao phẩm chất, kiến thức, năng lực của đội ngũ cán bộ.

2. Quán triệt quan điểm giai cấp công nhân của Đảng, phát huy truyền thống yêu nước và đoàn kết dân tộc

Thường xuyên giáo dục, bồi dưỡng lập trường, quan điểm, ý thức tổ chức của giai cấp công nhân cho đội ngũ cán bộ. Đồng thời tăng cường số cán bộ xuất thân từ công nhân, trước hết là cán bộ chủ chốt trong hệ thống chính trị các cấp.

Phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng nhân tài, không phân biệt đảng viên hay người ngoài Đảng, dân tộc, tôn giáo, người ở trong nước hay người Việt Nam định cư ở nước ngoài; không định kiến với những người có sai lầm trong quá khứ, nay đã hối cải và sửa chữa.

Kế thừa, phát huy truyền thống tốt đẹp của đội ngũ cán bộ cách mạng để xây dựng các thế hệ cán bộ hiện tại và tương lai.

3. Gắn việc xây dựng đội ngũ cán bộ với xây dựng tổ chức và đổi mới cơ chế, chính sách

Xây dựng đội ngũ cán bộ và xây dựng tổ chức, đổi mới cơ chế chính sách, phương thức, lề lối làm việc có quan hệ chặt chẽ, tác động lẫn nhau. Có nhiệm vụ chính trị mới lập tổ chức; có tổ chức mới bố trí cán bộ, không vì cán bộ mà lập ra tổ chức. Mỗi cán bộ trong tổ chức phải có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm rõ ràng.

Quy hoạch, đào tạo, bố trí, sử dụng cán bộ phải gắn với yêu cầu và nội dung xây dựng tổ chức đảng trong sạch, vững mạnh, xây dựng bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ

nghĩa của dân, do dân, vì dân, kiện toàn hệ thống chính trị, đổi mới cơ chế chính sách.

4. Thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân, nâng cao trình độ dân trí để tuyển chọn, giáo dục, rèn luyện, bồi dưỡng cán bộ

Trên cơ sở phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo, nâng cao dân trí để xây dựng đội ngũ cán bộ một cách cơ bản, chính quy, có hệ thống; đồng thời thông qua hoạt động thực tiễn và phong trào cách mạng của nhân dân để giáo dục, rèn luyện, đào tạo, đánh giá, sàng lọc, tuyển chọn cán bộ.

Không đánh giá, sử dụng cán bộ một cách cảm tính, chủ quan. Mọi phẩm giá và bằng cấp, danh hiệu và chức vụ, tài năng và cống hiến đều phải được kiểm nghiệm qua hoạt động thực tiễn. Phong trào cách mạng của quần chúng là trường học lớn của cán bộ. Phải dựa vào dân để phát hiện, kiểm tra và giám sát cán bộ.

5. Đảng thống nhất lãnh đạo công tác cán bộ và quản lý đội ngũ cán bộ theo nguyên tắc tập trung dân chủ, đồng thời phát huy trách nhiệm của các tổ chức thành viên trong hệ thống chính trị

Đảng phải trực tiếp chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức cho cả hệ thống chính trị, trên mọi lĩnh vực. Đảng thực hiện đường lối, chính sách cán bộ thông qua các tổ chức đảng (ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy...) và đảng viên trong các cơ quan nhà nước và các đoàn thể nhân dân, thực hiện đúng quy trình, thủ tục, pháp luật của Nhà nước và điều lệ của các đoàn thể và tổ chức xã hội.

Phân công, phân cấp quản lý cán bộ cho các cấp ủy và các tổ chức đảng; đồng thời thường xuyên kiểm tra việc thực hiện công tác cán bộ của các ngành, các cấp, coi đây là một trong những công việc quan trọng bậc nhất của lãnh đạo.

Những vấn đề về chủ trương, chính sách, đánh giá, bổ trí, sử dụng, điều động, đề bạt, khen thưởng, xử lý kỷ luật cán bộ nhất thiết phải do cấp ủy có thẩm quyền quyết định theo đa số.

Nghiêm túc chấp hành các nghị quyết của cấp ủy về cán bộ và công tác cán bộ; cá nhân phải chấp hành quyết định của tập thể; tổ chức đảng cấp dưới phải chấp hành quyết định của tổ chức đảng cấp trên.

II- MỤC TIÊU

Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức các cấp từ trung ương đến cơ sở, đặc biệt là cán bộ đứng đầu, có phẩm chất và năng lực, có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu, bảo đảm sự chuyển tiếp liên tục và vững vàng giữa các thế hệ cán bộ nhằm thực hiện thắng lợi nhiệm vụ công nghiệp hóa, hiện đại hóa, giữ vững độc lập tự chủ, đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bảo đảm có đủ nguồn cán bộ để mỗi nhiệm kỳ có thể đổi mới khoảng 30 - 40% số cán bộ lãnh đạo đảng, nhà nước, đoàn thể các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang. Phấn đấu đến năm 2020 số người có trình độ đại học, cao đẳng trở lên bằng khoảng 4% dân số cả nước.

Trước mắt, chuẩn bị tốt nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đại hội đảng các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

III- TIÊU CHUẨN CÁN BỘ TRONG THỜI KỲ MỚI

Tiêu chuẩn chung:

- Có tinh thần yêu nước sâu sắc, tận tụy phục vụ nhân dân, kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, phấn đấu thực hiện có kết quả đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư. Không tham nhũng và kiên quyết đấu tranh chống tham nhũng. Có ý thức tổ chức kỷ luật. Trung thực, không cơ hội, gán bó mật thiết với nhân dân, được nhân dân tin nhiệm.

- Có trình độ hiểu biết về lý luận chính trị, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước; có trình độ văn hóa, chuyên môn, đủ năng lực và sức khỏe để làm việc có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ được giao.

Các tiêu chuẩn đó có quan hệ mật thiết với nhau. Coi trọng cả đức và tài, đức là gốc.

Ngoài các tiêu chuẩn chung nói trên, cán bộ lãnh đạo đảng, nhà nước, đoàn thể nhân dân còn phải:

- Có bản lĩnh chính trị vững vàng trên cơ sở lập trường giai cấp công nhân, tuyệt đối trung thành với lý tưởng cách mạng, với chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Có năng lực dự báo và định hướng sự phát triển, tổng kết thực tiễn, tham gia xây dựng đường lối, chính sách, pháp

luật; thuyết phục và tổ chức nhân dân thực hiện. Có ý thức và khả năng đấu tranh bảo vệ quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước.

- gương mẫu về đạo đức, lối sống. Có tác phong dân chủ, khoa học, có khả năng tập hợp quần chúng, đoàn kết cán bộ.

- Có kiến thức về khoa học lãnh đạo và quản lý. Đã học tập có hệ thống ở các trường của Đảng, Nhà nước và đoàn thể nhân dân; trải qua hoạt động thực tiễn có hiệu quả.

Cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang còn phải:

- Tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng và nhân dân, sẵn sàng hy sinh bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước, bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa.

- Có tinh thần cảnh giác cách mạng cao, có ý thức tổ chức kỷ luật nghiêm, giữ gìn bí mật quân sự, bí mật quốc gia.

- Nắm vững và có khả năng vận dụng sáng tạo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng và xây dựng nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. Nắm được những vấn đề cơ bản về quản lý kinh tế - xã hội.

Cán bộ khoa học, chuyên gia còn phải:

- Có tư duy độc lập, sáng tạo. Có ý thức hợp tác, say mê trong nghiên cứu và ứng dụng khoa học, công nghệ.

- Bám sát đời sống xã hội, có khả năng tổng kết thực tiễn.

- Chuyên gia đầu ngành phải có khả năng tập hợp và đào tạo cán bộ khoa học.

Cán bộ quản lý kinh doanh còn phải:

- Hiểu biết sâu sắc các quan điểm kinh tế của Đảng. Có phẩm chất và đạo đức, cần kiệm, liêm chính, không lợi dụng chức quyền để tham ô, lãng phí, xa hoa.

- Có kiến thức về kinh tế thị trường và quản trị doanh nghiệp, hiểu biết khoa học, công nghệ, pháp luật và thông lệ quốc tế.

- Có khả năng tổ chức kinh doanh đạt hiệu quả kinh tế - xã hội.

Các ngành, các cấp căn cứ vào những tiêu chuẩn trên đây để xây dựng tiêu chuẩn cụ thể của tất cả các loại cán bộ, công chức cho sát hợp.

Phần thứ ba

MỘT SỐ NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP LỚN

I- XÂY DỰNG QUY HOẠCH VÀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

1. Quy hoạch cán bộ

Quy hoạch cán bộ là một nội dung trọng yếu của công tác cán bộ, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài.

Phải xuất phát từ nhiệm vụ chính trị, nhiệm vụ tổ chức; đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ, công chức hiện có; dự kiến nhu cầu và khả năng phát triển của đội ngũ cán bộ, công chức để chủ động có phương hướng đào tạo, bồi dưỡng. Đặc biệt chú trọng tạo được nguồn cán bộ dồi dào, đủ tiêu chuẩn để kịp thời đáp ứng yêu cầu, tập trung vào cán bộ lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân các cấp, cán bộ lãnh đạo lực lượng vũ trang, cán bộ khoa học và chuyên gia, cán bộ quản lý kinh doanh.

Mỗi cấp, mỗi ngành phải có kế hoạch tạo nguồn cán bộ, chú trọng:

- Những cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, công chức có thành tích xuất sắc trong công cuộc đổi mới dưới 45 tuổi ở các quận, huyện, tỉnh, thành, các bộ, ban ngành Trung ương và các doanh nghiệp...

- Những công nhân, nông dân, trí thức, cán bộ và chiến sĩ lực lượng vũ trang ưu tú, cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ nữ, con em các gia đình có công với cách mạng có triển vọng, có thành tích, sáng kiến trong lao động, công tác.

- Các sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, các nhà khoa học trẻ tuổi thuộc các lĩnh vực.

Định kỳ kiểm tra, tổng kết và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch cán bộ.

2. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

- *Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đối với từng loại cán bộ:*

Mở rộng diện đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong hệ thống chính trị và các tổ chức xã hội, các thành phần kinh tế. Đặc biệt chú trọng phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng nhân tài, tạo nguồn cán bộ lãnh đạo và quản lý các cấp từ trung ương đến cơ sở; cán bộ khoa học đầu ngành; cán bộ quản lý kinh doanh các doanh nghiệp lớn.

Phấn đấu chậm nhất từ năm 2005 trở đi, nói chung những cán bộ chủ chốt dưới 45 tuổi từ cấp huyện trở lên ít nhất phải có trình độ đại học về chuyên môn, cao cấp về lý luận chính trị. Đào tạo, bồi dưỡng trước khi bổ nhiệm, đề bạt; khắc phục tình trạng bầu cử, bổ nhiệm rồi mới đưa đi đào tạo.

Đào tạo lại đội ngũ giảng viên, giáo viên, chú ý bồi dưỡng chính trị, nâng cao giác ngộ giai cấp để phần đông giáo viên trong các trường học có đủ tiêu chuẩn trở thành đảng viên.

- *Nội dung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:*

Lấy tiêu chuẩn cán bộ làm căn cứ xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng thống nhất trong hệ thống các trường. Nội dung đào tạo phải thiết thực, phù hợp với yêu cầu đối với từng loại cán bộ; chú trọng cả phẩm chất đạo đức và kiến thức, cả lý luận và thực tiễn; bồi dưỡng kiến thức cơ bản và hướng dẫn kỹ năng thực hành.

Chú trọng bồi dưỡng chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các kiến thức về lịch sử, địa lý, văn hóa...

Bồi dưỡng kiến thức về quản lý nhà nước, quản lý xã hội, quản lý kinh tế, khoa học, công nghệ, chuyên môn nghiệp vụ, phong cách lãnh đạo...

- *Phương thức đào tạo, bồi dưỡng:*

Kết hợp đào tạo chính quy với các hình thức khác cho từng loại cán bộ.

Mở rộng đào tạo trong nước, đồng thời chú trọng đào tạo ở nước ngoài. Nhà nước dành ngân sách thích đáng để cử cán bộ giỏi đi nghiên cứu và học tập ở các nước phát triển. Khuyến khích, tạo thuận lợi cho các tổ chức, tập thể và cá nhân trong và ngoài nước tài trợ, đưa người đi học ở nước ngoài.

Kết hợp việc đào tạo tại các trường lớp với việc rèn luyện qua thực tiễn công tác, trong lao động sản xuất, trong phong trào quần chúng.

Có chế độ khuyến khích và bắt buộc đối với việc tự học, tự nghiên cứu. Định kỳ kiểm tra kiến thức và trình độ nghiệp vụ đối với từng loại cán bộ.

Có quy chế kiểm soát việc sử dụng cán bộ sau đào tạo, bảo đảm làm đúng ngành nghề và chấp hành sự phân công.

- Kiện toàn hệ thống đào tạo, bồi dưỡng cán bộ:

Nghiên cứu sắp xếp hợp lý hơn hệ thống tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể từ trung ương đến địa phương theo hướng tập trung, thống nhất, có chỉ đạo chặt chẽ.

Các trường đào tạo, bồi dưỡng ở trung ương (trường đảng, nhà nước và các đoàn thể) cần được sắp xếp lại, bảo đảm sự chỉ đạo thống nhất về quan điểm chính trị, tư tưởng; có sự phân công hợp lý để không chồng chéo, trùng lặp.

Các trường đào tạo, bồi dưỡng ở địa phương cần được củng cố, tăng cường để đảm nhiệm tốt việc đào tạo, bồi dưỡng các loại cán bộ theo phân cấp.

Tăng cường cơ sở vật chất, phương tiện kỹ thuật, kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, cải tiến việc biên soạn giáo trình, nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên.

II- XÂY DỰNG CÁC QUY CHẾ CÔNG TÁC CÁN BỘ

1. Về đánh giá cán bộ

Việc đánh giá cán bộ phải làm hàng năm, trước khi kết thúc nhiệm kỳ, hoặc chuyển công tác, căn cứ vào tiêu chuẩn cán bộ, hiệu quả công việc thực tế, có tính đến môi trường, điều kiện công tác, mức độ tín nhiệm của nhân dân.

Trách nhiệm đánh giá cán bộ thuộc về cấp ủy, tổ chức đảng nơi cán bộ sinh hoạt, cơ quan quản lý cấp trên trực tiếp của cán bộ và bản thân cán bộ tự đánh giá. Việc đánh giá cán bộ phải trên cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình; theo nguyên tắc tập thể, dân chủ, công khai, kết luận theo đa số.

Cán bộ được thông báo ý kiến nhận xét của cơ quan có thẩm quyền về bản thân mình, được trình bày ý kiến, có quyền bảo lưu và báo cáo lên cấp trên, nhưng phải chấp hành ý kiến kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

2. Về tuyển chọn cán bộ

Thực hiện chế độ dân chủ, công khai trong việc tuyển chọn cán bộ, công chức, bảo đảm tuyển chọn đúng những người có đủ tiêu chuẩn theo từng chức danh. Xây dựng và thực hiện các quy trình tuyển chọn, bổ nhiệm một cách chặt chẽ.

Các tổ chức, cơ quan có nhu cầu tuyển cán bộ, công chức công bố công khai nhu cầu, đối tượng, tiêu chuẩn cán bộ cần tuyển. Kết quả sát hạch, thi tuyển là một căn cứ chủ yếu để ra quyết định tuyển dụng cán bộ.

Lập hội đồng thi tuyển quốc gia, các hội đồng thi tuyển của ngành, địa phương. Quy định nhiệm vụ, chức năng, quy chế làm việc của các hội đồng thi tuyển, bảo đảm việc thi tuyển tiến hành một cách chặt chẽ, khách quan và công bằng.

3. Về bầu cử

Việc bầu cử phải thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Đảng, đoàn thể. Các cán bộ do tổ chức đảng

giới thiệu tham gia vào các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, đoàn thể phải được tập thể cấp ủy thảo luận và nhất trí giới thiệu theo đúng thể lệ, quy chế, quy trình bầu cử.

Người được bầu vào các chức vụ cấp trưởng phải đề xuất được đề án, chương trình công tác trong nhiệm kỳ, cam kết hoàn thành nhiệm vụ, giữ gìn phẩm chất đạo đức.

Cán bộ đứng đầu từ cấp huyện, quận trở lên không giữ một chức vụ quá hai nhiệm kỳ ở cùng một đơn vị, địa phương.

4. Về bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ

Thực hiện chế độ bổ nhiệm có thời hạn. Hết thời hạn giữ chức vụ, cấp có thẩm quyền căn cứ vào mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ và yêu cầu công tác để xem xét quyết định có tiếp tục bổ nhiệm cán bộ giữ chức vụ đó nữa hay không.

Trong thời hạn đảm nhiệm chức vụ, người nào vì việc công, lý do sức khỏe, hoàn cảnh cá nhân được từ chức, miễn chức; người không hoàn thành nhiệm vụ, có sai phạm, uy tín giảm sút thì tùy theo mức độ mà bị miễn chức, hoặc cách chức kịp thời.

Cán bộ đứng đầu cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cùng với tập thể lãnh đạo đào tạo, bồi dưỡng người kế nhiệm.

Việc bổ nhiệm và miễn nhiệm cán bộ phải thực hiện đúng pháp luật của Nhà nước và Điều lệ của Đảng, đoàn thể.

5. Về luân chuyển cán bộ

Thực hiện luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý giữa các vùng, các ngành, các cấp nhằm sử dụng có hiệu quả và tạo nên sự đồng đều trong đội ngũ cán bộ; bồi dưỡng toàn diện

cán bộ, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng, cán bộ trong quy hoạch được rèn luyện trong thực tiễn; khắc phục tình trạng khép kín, cục bộ trong từng ngành, từng địa phương, từng tổ chức.

Căn cứ vào đặc điểm từng vùng, từng ngành, từng cấp, nhu cầu công tác và năng lực, sở trường cán bộ, cấp ủy đảng lập quy hoạch, kế hoạch luân chuyển cán bộ theo một quy trình chặt chẽ và có chế độ, chính sách thích hợp. Mọi cán bộ, đảng viên phải phục tùng tuyệt đối quyết định điều động, luân chuyển của Đảng và Nhà nước.

6. Về chế độ học tập

Học tập là quyền lợi và nghĩa vụ của cán bộ, đảng viên. Thực hiện chế độ học tập bắt buộc nhằm nâng cao trình độ mọi mặt, bảo đảm sự thống nhất về chính trị và tư tưởng trong toàn đội ngũ cán bộ.

Mọi cán bộ, công chức phải có kế hoạch thường xuyên học tập nâng cao trình độ lý luận chính trị, chuyên môn và năng lực hoạt động thực tiễn, bồi dưỡng đạo đức cách mạng, trước hết là những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tinh thần và kết quả học tập lý luận chính trị là một tiêu chuẩn để xem xét đề bạt, bổ nhiệm cán bộ.

Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn các bộ, ngành, đoàn thể có trách nhiệm tổ chức, quản lý và kiểm tra chế độ học tập. Có chế độ chính sách, kinh phí, tạo điều kiện thuận lợi để công tác giáo dục lý luận, chính trị đạt chất lượng và hiệu quả cao.

7. Về việc nhân dân tham gia xây dựng và giám sát cán bộ

Có cơ chế để nhân dân phát hiện, tiến cử những người có đức, có tài cho các cơ quan lãnh đạo đảng, nhà nước và đoàn thể; lựa chọn, bầu cử những người lãnh đạo trực tiếp của mình.

Nhân dân giám sát các công việc và phẩm chất của cán bộ, trước hết là những cán bộ có quan hệ trực tiếp với mình; biểu dương cán bộ tốt, phát hiện, đấu tranh với các biểu hiện tiêu cực, quan liêu, tham nhũng... Bảo đảm thực hiện quyền khiếu nại của nhân dân đối với cán bộ theo pháp luật.

Có chế độ định kỳ cán bộ tự phê bình, lắng nghe và tiếp thu những ý kiến của dân, sửa chữa những khuyết điểm mà dân nêu ra.

8. Về chế độ kiểm tra

Cấp ủy và tổ chức đảng có trách nhiệm xây dựng chế độ kiểm tra cán bộ và công tác cán bộ.

Kịp thời nêu gương cán bộ tốt, giúp đỡ cán bộ gặp khó khăn, ngăn chặn những biểu hiện lệch lạc, cơ hội, thoái hóa, biến chất.

Kịp thời kiểm tra, kết luận các vụ việc có liên quan đến cán bộ để đánh giá chính xác cán bộ.

Phát hiện và uốn nắn những sơ hở, thiếu sót trong công tác cán bộ.

9. Về bảo vệ chính trị nội bộ

Xây dựng quy chế bảo vệ chính trị nội bộ, nhằm:

- Bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh,

bảo vệ cương lĩnh và đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước; chống "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Bảo vệ sự trong sạch chính trị nội bộ, trước hết là cán bộ lãnh đạo cấp chiến lược và cán bộ lãnh đạo trong hệ thống chính trị, phát hiện và ngăn chặn kịp thời các phần tử chống đối và cơ hội về chính trị.

- Thẩm tra kết luận về các cán bộ có vấn đề về lịch sử chính trị hoặc có quan hệ chính trị phức tạp.

- Phát hiện và xử lý kịp thời các tổ chức chống đối ngay từ khi chúng nhen nhóm hoạt động.

- Bảo vệ bí mật của Đảng và Nhà nước.

10. Về phân công, phân cấp quản lý cán bộ

Xác định trách nhiệm, quyền hạn của các cấp quản lý cán bộ; quyền hạn phải đi liền với trách nhiệm.

Bộ Chính trị ban hành quy chế quản lý cán bộ, quy định về phân cấp quản lý cán bộ đối với các cấp ủy, các tổ chức đảng; trách nhiệm của cơ quan tham mưu về quản lý cán bộ.

Cấp ủy, cấp ủy viên và thủ trưởng quản lý cán bộ phải chịu trách nhiệm trước cấp ủy và thủ trưởng cấp trên về cán bộ thuộc quyền quản lý của mình.

Chi bộ, đảng bộ có trách nhiệm quản lý cán bộ là đảng viên thuộc chi bộ, đảng bộ mình (kể cả đảng viên là cán bộ cấp cao), nhất là về lập trường quan điểm, ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành chính sách và pháp luật, phẩm chất đạo đức và quan hệ với quần chúng.

Các ban tổ chức, tư tưởng văn hóa, kiểm tra, bảo vệ chính trị nội bộ, dân vận cùng các ban khác của Đảng có

trách nhiệm giúp cấp ủy, tổ chức đảng và thủ trưởng cơ quan nhà nước làm tốt công tác cán bộ và quản lý cán bộ.

Căn cứ vào những quan điểm, chủ trương về một số quy chế công tác cán bộ trên đây, các ngành, các cấp nghiên cứu xây dựng các quy chế cụ thể của tất cả các loại cán bộ, công chức cho sát hợp.

III. ĐỔI MỚI VÀ HOÀN THIỆN HỆ THỐNG CHÍNH SÁCH CÁN BỘ

1. Chính sách đào tạo, bồi dưỡng cán bộ

Đầu tư thích đáng cho việc đào tạo, bồi dưỡng những người ưu tú trở thành cán bộ chủ chốt. Chú ý con em gia đình cách mạng, những người có công với nước, công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang, cán bộ nữ, con em các dân tộc thiểu số, vùng căn cứ cách mạng. Có chính sách học bổng và miễn giảm học phí cho con em các gia đình có công với cách mạng, gia đình liệt sĩ, thương binh, con các gia đình nghèo vượt khó, cho học sinh giỏi, đạo đức tốt, sinh viên các ngành sư phạm. Bồi dưỡng tài năng ngay từ các trường phổ thông, đại học và trung học chuyên nghiệp. Dành kinh phí để cử cán bộ ưu tú và sinh viên xuất sắc đi đào tạo, tham quan, bồi dưỡng ở nước ngoài. Tổ chức tốt trường bổ túc văn hóa, dự bị đại học, trường dân tộc nội trú.

Nguồn đầu tư để phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo và bồi dưỡng cán bộ bao gồm từ ngân sách nhà nước các cấp, kinh phí của các tổ chức đảng, đoàn thể, của doanh nghiệp, tài trợ của các tổ chức quốc tế và các nước.

2. Chính sách sử dụng và quản lý cán bộ

Việc bố trí và sử dụng cán bộ phải bảo đảm đúng tiêu chuẩn phù hợp với sở trường. Đề bạt cán bộ phải đúng lúc, đúng người, đúng việc. Có chính sách đoàn kết tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng những người có đức, có tài trong Đảng và ngoài Đảng, người ở trong nước và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. Phát hiện, lựa chọn và giới thiệu những người đủ tiêu chuẩn trong các tầng lớp nhân dân, các thành phần kinh tế tham gia các tổ chức chính trị, xã hội, tạo điều kiện thuận lợi để họ đóng góp vào các công việc chung của đất nước.

Có chế độ quản lý chặt chẽ đội ngũ cán bộ. Các cấp ủy, thủ trưởng các cơ quan phải nắm chắc từng cán bộ, cả về đức, tài và tình trạng sức khỏe.

Trên cơ sở đó có kế hoạch sử dụng, đề bạt, giúp đỡ, khen thưởng đúng mức những cán bộ có thành tích, xử lý kỷ luật kịp thời và nghiêm minh những cán bộ vi phạm Điều lệ Đảng và pháp luật của Nhà nước.

3. Chính sách bảo đảm lợi ích vật chất và động viên tinh thần

Tinh giản biên chế, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả lao động, chống tham nhũng, lãng phí, mở rộng bảo hiểm xã hội, tăng tỷ lệ động viên thu nhập quốc dân vào ngân sách nhà nước, đổi mới cơ bản chính sách bảo đảm lợi ích vật chất cho từng loại cán bộ, trước hết là chế độ tiền lương, nhà ở và phương tiện đi lại. Tiền lương phải thật sự trở thành bộ phận cơ bản trong thu nhập của cán bộ, bảo đảm tái sản xuất mở rộng sức lao động. Thực hiện tiếp việc tiền tệ hóa tiền lương.

Tiếp tục có các hình thức thích hợp để tôn vinh những người có công với nước, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng, những người có tài, có đóng góp lớn cho sự nghiệp đổi mới. Biểu dương, khen thưởng kịp thời những người có thành tích xuất sắc trong lao động sản xuất, trong phát minh sáng chế khoa học và công nghệ, trong sáng tạo văn hóa nghệ thuật, trong quản lý và công tác. Nghiên cứu đổi mới chính sách tặng thưởng huân chương.

Đi đôi với khuyến khích lợi ích vật chất, chú trọng giáo dục lý tưởng cách mạng cho cán bộ. Mục tiêu, lý tưởng cách mạng là động lực lớn nhất để thúc đẩy sự phấn đấu vươn lên của từng cán bộ.

IV- ĐỔI MỚI VÀ CHỈNH ĐỐN TỔ CHỨC BỘ MÁY LÀM CÔNG TÁC CÁN BỘ

Việc xây dựng đội ngũ cán bộ phải tiến hành đồng thời với việc đổi mới và củng cố tổ chức đảng, bộ máy nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các đơn vị sản xuất kinh doanh, sự nghiệp, công tác; đổi mới cơ chế chính sách, phương thức, lề lối làm việc. Trong đó chú trọng đổi mới, chỉnh đốn các tổ chức bộ làm công tác cán bộ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng và đích thân cán bộ đứng đầu phải chăm lo xây dựng, đổi mới tổ chức và đội ngũ cán bộ làm công tác cán bộ. Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ và mối quan hệ công tác của các cơ quan làm công tác cán bộ. Khắc phục tình trạng chồng chéo, phân tán, không rõ trách nhiệm, không nắm chắc cán bộ.

Nâng cao phẩm chất, trình độ kiến thức và năng lực của đội ngũ làm công tác cán bộ. Có chính sách đào tạo, bồi

dưỡng, tuyển chọn những người công tâm, trung thực, trong sáng, có kinh nghiệm làm công tác cán bộ.

Đổi mới phong cách và phương pháp làm công tác cán bộ. Nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, chú trọng tổng kết thực tiễn, từng bước xây dựng khoa học về công tác tổ chức cán bộ. Trang bị các phương tiện làm việc hiện đại cho công tác tổ chức cán bộ.

Phần thứ tư

NHIỆM VỤ CÔNG TÁC CÁN BỘ TỪ NAY ĐẾN ĐẠI HỘI IX

Nhiệm vụ của công tác cán bộ từ nay đến Đại hội IX là:

Tiếp tục đổi mới cán bộ và công tác cán bộ, rà soát, sắp xếp, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ hiện có; khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện, sớm hình thành đội ngũ cán bộ kế cận có phẩm chất và năng lực; chuẩn bị tốt nhân sự Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Những nhiệm vụ chủ yếu là:

1. Rà soát, sắp xếp, bổ sung, sử dụng tốt đội ngũ cán bộ, tích cực chuẩn bị nhân sự đại hội đảng các cấp và kiện toàn cơ quan nhà nước

- Đánh giá đúng thực trạng đội ngũ cán bộ, trên cơ sở đó điều chỉnh, sắp xếp hợp lý đội ngũ cán bộ hiện có.

- Phát hiện những cán bộ có đủ tiêu chuẩn, đảm đương tốt nhiệm vụ, có triển vọng phát triển lâu dài để bố trí vào những cương vị trọng yếu. Điều chỉnh, đề bạt, giao nhiệm vụ

theo định hướng chuẩn bị nhân sự cho đại hội các cấp và Đại hội IX, cho việc kiện toàn cơ quan nhà nước và đoàn thể nhân dân các nhiệm kỳ tới. Dùng nhiều hình thức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ và rèn luyện trong thực tế công tác phù hợp với từng loại cán bộ.

- Đưa ra khỏi cơ quan lãnh đạo, quản lý những người có những việc làm vi phạm nghiêm trọng đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước, thoái hóa về phẩm chất đạo đức, tham nhũng, gây mất đoàn kết nội bộ. Đối với những cán bộ kiến thức, năng lực yếu phải đưa đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, trường hợp cần thiết thì điều chỉnh lại công tác cho thích hợp.

- Mở một số lớp đào tạo đặc biệt chuẩn bị cán bộ cho nhiệm kỳ Đại hội IX. Chú trọng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ về những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng, lịch sử và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc, những kiến thức mới của thời đại. Xây dựng niềm tin và ý chí kiên định lý tưởng cách mạng và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

- Có kế hoạch tập trung đào tạo, bồi dưỡng cán bộ xã, phường về văn hóa, chính trị, pháp luật, quản lý kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng...

2. Xây dựng và ban hành một số quy chế về công tác cán bộ

- Trên cơ sở tiêu chuẩn chung, xây dựng tiêu chuẩn cụ thể cho từng chức danh cán bộ trong thời kỳ mới để làm cơ sở cho việc đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng, đãi ngộ... cán bộ.

- Xây dựng các quy chế đã được xác định tại phần thứ ba mục II trong Chiến lược cán bộ.

3. Đổi mới chính sách tiền lương, nhà ở

- Tập trung nghiên cứu, tiếp tục đổi mới chính sách tiền lương, nhà ở, bảo đảm công bằng, thống nhất, theo nguyên tắc phân phối theo lao động.

Sớm quy định để thực hiện thống nhất về chế độ đối với cán bộ chuyển đổi công tác, thôi chức vụ khi về hưu; giải quyết một số điểm quá bất hợp lý về lương và phụ cấp.

- Ban hành chính sách, chế độ khuyến khích đối với cán bộ làm việc ở những ngành và những vùng cần phải ưu tiên, những cán bộ, chuyên gia giỏi, làm việc có hiệu quả, có cống hiến thiết thực cho sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Những cán bộ, chuyên gia có nghiệp vụ chuyên sâu, có tay nghề cao và đóng góp lớn trong công việc có thể được hưởng chế độ cao hơn cán bộ lãnh đạo, quản lý cùng cấp.

- Thực hiện chính sách điều tiết đối với người có thu nhập cao, bảo đảm công bằng xã hội.

Có chính sách phụ cấp tương xứng với trách nhiệm đối với cán bộ xã, phường.

Bổ sung chính sách đối với cán bộ dân tộc thiểu số, cán bộ công tác ở vùng cao, vùng sâu, vùng xa, khuyến khích cán bộ miền xuôi đến công tác ở miền núi, biên giới, hải đảo.

Có chế độ chăm sóc cán bộ có công với cách mạng (đương chức và nghỉ hưu), trước hết là cán bộ hoạt động trước Cách mạng Tháng Tám năm 1945, cán bộ từng hoạt động ở các chiến trường gian khổ.

4. Thực hiện nghiêm túc chế độ tự phê bình và phê bình

Xây dựng chế độ tự phê bình và phê bình ở các cấp, trước hết là trong cán bộ chủ chốt; lấy tự phê bình làm chính, chống cách làm hình thức, chiếu lệ.

Cán bộ lãnh đạo phải gương mẫu tự phê bình và phê bình, chống thái độ nể nang, né tránh, không kiên quyết bảo vệ cái đúng, phê phán cái sai. Có hình thức tổ chức thích hợp để quần chúng nhân dân tại cơ quan, đơn vị và nơi ở tham gia phê bình cán bộ. Nghiêm cấm mọi hiện tượng trấn áp, trù dập người thẳng thắn đấu tranh phê bình cũng như lợi dụng phê bình để đả kích cá nhân, vu cáo, gây rối nội bộ.

5. Đẩy mạnh đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng

Đấu tranh chống tệ quan liêu, tham nhũng, lãng phí, buôn lậu và các hiện tượng tiêu cực khác, tập trung vào các hành vi: tham ô, chiếm đoạt, làm thất thoát tài sản của Nhà nước, nhận hối lộ và đòi hối lộ.

Cần làm tốt những việc sau đây:

- Xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định của Đảng và Nhà nước về chống tham nhũng, buôn lậu, quan liêu, lãng phí và các tệ nạn khác, quy định những điều cấm làm đối với cán bộ, công chức.

- Xây dựng quy chế thực hiện công khai và dân chủ việc xét duyệt các chương trình kinh tế - xã hội, dự án đầu tư, phân bổ ngân sách, kinh phí, cấp giấy phép... nhằm ngăn chặn, đẩy lùi các hiện tượng tiêu cực. Tăng cường kiểm kê, kiểm soát, kiểm tra việc chi tiêu ngân sách nhà nước, tài sản

công, tài chính đảng, đoàn thể, các loại quỹ do nhân dân đóng góp ở tất cả các cấp, các ngành, từ trung ương đến cơ sở.

- Xử lý kịp thời, nghiêm minh theo pháp luật những cán bộ, công chức tham nhũng, buôn lậu, lãng phí và những người bao che, tiếp tay cho các hành vi đó.

- Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng, thủ trưởng các cơ quan, đơn vị phải gương mẫu chấp hành các quy định của Đảng, luật pháp, chính sách của Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tệ tham nhũng, buôn lậu, lãng phí ở cơ quan, đơn vị mình. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể và lãnh đạo các cơ quan thông tin đại chúng tham gia công tác chống tham nhũng, buôn lậu, lãng phí; kết hợp tốt các biện pháp kinh tế, giáo dục, hành chính và pháp luật...

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, đấu tranh chống tệ quan liêu, nâng cao hiệu lực và hiệu quả của bộ máy nhà nước. Bảo đảm quyền giám sát của nhân dân đối với cán bộ, công chức và bộ máy nhà nước.

6. Xúc tiến việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch cán bộ

Căn cứ vào Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, các đồng chí Ủy viên Trung ương, các tỉnh ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc trung ương, lãnh đạo các ban, ngành trung ương, ban cán sự đảng, đảng đoàn các cơ quan nhà nước, mặt trận và các đoàn thể nhân dân xúc tiến việc xây dựng và thực hiện quy hoạch, kế hoạch cán bộ thuộc phạm vi phụ trách.

Hàng năm có kiểm điểm, đánh giá việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch; kịp thời bổ sung và hoàn chỉnh.

*
* *
*

Có chiến lược cán bộ đúng đắn, xây dựng được đội ngũ cán bộ có đủ đức, tài là điều kiện quyết định để chuẩn bị cho Đảng và dân tộc ta đi vào thế kỷ XXI, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, giành những thắng lợi to lớn hơn trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ

ĐỖ MƯỜI

Đảng Cộng sản Việt Nam:
Văn kiện Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.66-101.

PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Ngày 18 tháng 6 năm 1997

Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa các đồng chí,

Sau chín ngày làm việc khẩn trương, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã hoàn thành tốt chương trình nghị sự đề ra.

Hội nghị đã thảo luận và quyết nghị những vấn đề lớn hết sức quan trọng và cấp bách. Đó là: phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh; Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; lãnh đạo cuộc bầu cử Quốc hội khóa X; bầu bổ sung Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương...

Các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương đã cho những ý kiến quan trọng. Các đồng chí Ủy viên Trung ương đã

thảo luận thẳng thắn, với tinh thần trách nhiệm cao, đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc, xác đáng. Hội nghị đã nhất trí cao thông qua nội dung hai nghị quyết quan trọng và giao cho Bộ Chính trị hoàn chỉnh văn bản để ban hành và lãnh đạo thực hiện.

- Về Nghị quyết "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh".

Bản thân tên gọi của Nghị quyết đã toát lên tư tưởng chủ đạo của Nghị quyết Trung ương kỳ này. Chúng ta đã biết, theo tư tưởng của Cương lĩnh thông qua tại Đại hội VII (tháng 6-1991), Hội nghị Trung ương 2 (khóa VII) tháng 11-1991 đã cho ý kiến chỉ đạo sửa đổi Hiến pháp năm 1980, ban hành Hiến pháp 1992. Hội nghị Trung ương 8 (khóa VII) quyết định những quan điểm và phương hướng cơ bản xây dựng và từng bước hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó trọng tâm là cải cách nền hành chính nhà nước. Hội nghị Trung ương lần này tập trung bàn và quyết định vấn đề phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, nhấn mạnh các biện pháp kiểm kê kiểm soát, chống tham nhũng, tiêu cực, giữ gìn tài sản nhà nước, bảo vệ cán bộ. Đó là mặt chính trị quan trọng đang nổi lên hiện nay khi bàn về Nhà nước. Còn những gì liên quan đến mặt tổ chức bộ máy mới bàn ở chừng mực nhất định, cần phải tiếp tục nghiên cứu, tổng kết thực tiễn, chuẩn bị kỹ hơn để Trung ương cho ý kiến.

Tôi nghĩ rằng, lúc này nhấn mạnh vấn đề giữ vững và tăng cường bản chất cách mạng của Nhà nước ta, phát huy

quyền làm chủ của nhân dân, thực hiện tốt hơn nữa dân chủ - cả dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp - là rất cần thiết. Dân chủ - dân làm chủ - là bản chất của Nhà nước ta, chế độ ta, thể hiện tính ưu việt của chủ nghĩa xã hội, là cái khác về chất so với các chế độ xã hội khác. Lênin nói dân chủ xã hội chủ nghĩa dân chủ gấp triệu lần dân chủ tư sản là với ý nghĩa chính quyền, quyền lực nhà nước thuộc về tuyệt đại đa số nhân dân lao động.

Chủ tịch Hồ Chí Minh nhấn mạnh rằng chế độ ta là chế độ dân chủ; nước ta là nước do nhân dân lao động làm chủ; Chính phủ là công bộc của dân; Đảng vừa là người lãnh đạo vừa là người đày tớ trung thành của nhân dân. Đảng ta luôn luôn trần trụi, suy nghĩ tìm tòi việc xây dựng cơ chế phát huy quyền làm chủ của nhân dân chính là xuất phát từ ý tưởng đó. Đương nhiên, cần hiểu đúng bản chất, nội dung vấn đề dân chủ. Dân chủ ở nước ta là dân chủ xã hội chủ nghĩa, là nền dân chủ của khối đại đoàn kết dân tộc trên cơ sở liên minh của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức, do Đảng Cộng sản lãnh đạo; dân chủ đi liền với kỷ luật kỷ cương. Chúng ta cần thấm nhuần sâu sắc vấn đề này để suy nghĩ và hành động đúng, đồng thời để không mơ hồ, dao động trước những luận điệu xuyên tạc của các phần tử xấu đối với bản chất chính trị của Nhà nước ta.

Các đồng chí Trung ương đã cho nhiều ý kiến về những việc làm được và chưa làm được trên vấn đề thực hiện quyền làm chủ của nhân dân trong thời gian qua, chỉ ra những yếu kém, những vi phạm quyền làm chủ của nhân dân; những tình trạng cán bộ, công chức quan liêu, hư hỏng, sống xa dân,

cách biệt với đời sống của dân; những biểu hiện phân tán, cục bộ, lối lỏng kỷ cương, kỷ luật, phép nước. Tình trạng đó là nghiêm trọng không thể chấp nhận, vì nó gây trở ngại công việc, làm xói mòn niềm tin của nhân dân đối với Nhà nước.

Yêu cầu cơ bản và cấp bách hiện nay là phải bảo đảm và thực hiện tốt quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng bộ máy nhà nước thật sự của dân, do dân, vì dân, trong sạch, vững mạnh, đẩy lùi được tham nhũng, tiêu cực. Phải có nhiều hình thức và biện pháp thu hút và tổ chức nhân dân, đặc biệt là công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang tham gia quản lý Nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát, chặn đứng, đẩy lùi có hiệu quả các tệ nạn tham nhũng, tiêu cực. Kiểm kê, kiểm soát cả trong sản xuất và trong phân phối (phân phối hàng, phân phối tiền...); giám sát các hoạt động của cơ quan và công chức, nhân viên nhà nước, giữ gìn bản chất trong sạch của Nhà nước. Chỉ khi nào phát động được nhân dân đứng lên tham gia các công việc nhà nước, tham gia kiểm kê, kiểm soát có hiệu quả chúng ta mới chống được tham nhũng, giữ được sự trong sạch của bộ máy nhà nước.

Việc xây dựng bộ máy nhà nước phải được tiến hành đồng bộ ở các cấp, đặc biệt ở cấp Trung ương và cấp cơ sở. Nhiều đồng chí Trung ương đã nói rõ yêu cầu cấp bách phải củng cố, kiện toàn bộ máy nhà nước ở cơ sở. Điều đó là rất đúng. Các cấp ủy đảng, các cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân cần hướng về cơ sở, chăm lo xây dựng cơ sở vững mạnh, có sức chiến đấu cao. Một mặt kiện toàn bộ máy, tăng cường cán bộ, sửa đổi cơ chế, chính sách; mặt khác cần làm tốt công tác vận động quần chúng, liên hệ mật thiết với

nhân dân, gương mẫu trước nhân dân, giữ gìn phẩm chất cách mạng. Cùng với việc ra sức cải tiến, không ngừng hoàn thiện, nâng cao hiệu lực của các hình thức dân chủ đại diện, cần đặc biệt quan tâm tìm tòi, thử nghiệm, áp dụng các hình thức thích hợp có hiệu quả về dân chủ trực tiếp ở cơ sở. Xây dựng chi bộ, đảng bộ cơ sở trong sạch, vững mạnh - hạt nhân lãnh đạo hệ thống chính trị ở cơ sở - là điều kiện then chốt để xây dựng chính quyền cơ sở trong sạch vững mạnh.

- Về Nghị quyết "Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Đây là lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương bàn sâu và toàn diện vấn đề cán bộ và có nghị quyết chuyên đề về cán bộ. Bản Nghị quyết đã đề cập tương đối cơ bản mang tính tổng kết các vấn đề về cán bộ và công tác cán bộ, có ý nghĩa chỉ đạo chẳng những cho những năm trước mắt mà còn cho cả một thời kỳ tương đối dài - thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trên cơ sở đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ, phân tích nguyên nhân, rút ra bài học, dự báo xu thế phát triển của tình hình, Nghị quyết đã khẳng định một hệ thống các quan điểm cơ bản chỉ đạo xây dựng đội ngũ cán bộ, đề ra các chính sách và giải pháp lớn thực hiện nhiệm vụ công tác cán bộ trong thời kỳ mới. Điều cần nhấn mạnh là phải nắm vững tiêu chuẩn cán bộ để đào tạo, bồi dưỡng, bố trí sử dụng đúng; đồng thời đòi hỏi mỗi cán bộ phải thường xuyên tu dưỡng, rèn luyện theo yêu cầu tiêu chuẩn đó.

Tiêu chuẩn chung của cán bộ ở mọi thời kỳ là phải có đủ phẩm chất và năng lực, tức là đủ **Đức** và **Tài**. Nhưng nội

dụng cụ thể của **Đức** và **Tài** ở mỗi giai đoạn, mỗi lĩnh vực có những biểu hiện không giống nhau. Hiện nay chúng ta đang đi vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhiệm vụ chính trị rất vẻ vang nhưng cũng hết sức nặng nề. Chúng ta tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong bối cảnh quốc tế và trong nước rất phức tạp, có cả thuận lợi và khó khăn, thời cơ và nguy cơ đan xen nhau. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa diễn ra dưới những hình thức mới không đơn giản. Cuộc cách mạng khoa học - công nghệ phát triển như vũ bão. Cơ sở vật chất kỹ thuật của nước ta quá nghèo nàn và lạc hậu, đòi hỏi chúng ta phải tìm mọi cách phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đồng thời từng bước xây dựng quan hệ sản xuất mới; mở cửa hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững độc lập tự chủ và bản sắc dân tộc... Trong chỉ đạo chiến lược và điều hành thực hiện hằng ngày, Đảng và Nhà nước phải xử lý nhiều mối quan hệ phức tạp, lãnh đạo và tổ chức nhân dân làm nhiều việc chưa có tiền lệ trong lịch sử. Đó là những công việc rất hệ trọng, khó khăn. Trong khi đó các thế lực thù địch lại đang thực hiện mọi âm mưu, thủ đoạn nhằm thủ tiêu vai trò lãnh đạo của Đảng, làm chuyển hóa chế độ chính trị, xóa bỏ chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Họ đang muốn lợi dụng sự đổi mới, sự chuyển tiếp các thể chế của ta, thông qua các quan hệ kinh tế, văn hóa, ngoại giao... để làm đội ngũ cán bộ ta "tự diễn biến" đi chệch quỹ đạo của chủ nghĩa xã hội.

Trong tình hình đó, chúng ta phải chú trọng bồi dưỡng, rèn luyện, đào tạo cán bộ một cách toàn diện, đồng bộ, xây

dựng được đội ngũ cán bộ thật sự kiên định, vững vàng, sáng tạo. Thời đại cách mạng khoa học công nghệ, thời đại bùng nổ thông tin như hiện nay, đứng trước yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, cán bộ của ta, trước hết là cán bộ lãnh đạo và quản lý, nhất thiết phải có tri thức, có trình độ trí tuệ, năng lực tổ chức, quản lý, điều hành. Không có tri thức thì không thể lãnh đạo, quản lý được. Mặt khác, phải thấy hết yêu cầu rèn luyện phẩm chất, bồi dưỡng đạo đức trong tình hình hiện nay. Các đồng chí Cố vấn và nhiều đồng chí Trung ương đã phân tích và cảnh báo tình trạng suy thoái đạo đức trong một bộ phận cán bộ. Bộ phận này tuy không phải là đa số nhưng lại đang gây tác hại nghiêm trọng trong Đảng, trong bộ máy nhà nước và trong xã hội. Xu thế này lại đang lây lan, chưa ngăn chặn được. Vì vậy, chúng ta phải rất chú trọng giáo dục rèn luyện phẩm chất, trau dồi đạo đức. Tổ chức phải quản lý. Từng cá nhân phải tự tu dưỡng, rèn luyện. Nhân dân giám sát, kiểm tra. **Đức** ở đây cần được hiểu đầy đủ với các nội dung:

- Trước hết đó là phẩm chất chính trị, trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, lòng trung thành với Đảng, với nhân dân, với chế độ, kiên định mục tiêu lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, quyết tâm phấn đấu hy sinh cho mục tiêu lý tưởng đó.

- Đó là đạo đức trong sáng, trung thực, không cơ hội, cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, không tham nhũng, không đặt lợi ích cá nhân lên trên lợi ích của Đảng, của dân tộc, của cộng đồng.

- Đó là lối sống trong sạch, lành mạnh, gần gũi nhân dân, gương mẫu và gắn bó với quần chúng.

- Đó còn là phong cách dân chủ, khoa học, sâu sát thực tế và cơ sở; ý thức tổ chức kỷ luật, chấp hành nghiêm túc chỉ thị, nghị quyết, sự phân công, điều động của cấp trên, của tổ chức; ý thức lãnh đạo tập thể đi đôi với trách nhiệm cá nhân.

Các nội dung đó hòa quyện vào nhau, nhuần nhuyễn, biện chứng, tạo nên cốt cách, đạo đức của người cán bộ cách mạng. Trong tình hình hiện nay, người đảng viên cộng sản càng phải nêu cao đạo đức xã hội chủ nghĩa.

Hai Nghị quyết Trung ương kỳ này có mối quan hệ mật thiết với nhau, bổ sung cho nhau, cần được triển khai thực hiện một cách tích cực, khẩn trương và có hiệu quả thiết thực.

Trước mắt, cần tập trung lãnh đạo tiến hành tốt cuộc bầu cử Quốc hội khóa X và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp, động viên toàn dân phát huy quyền làm chủ, sáng suốt lựa chọn bầu ra những đại biểu đủ tiêu chuẩn, xứng đáng vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp cách mạng trong giai đoạn mới. Quốc hội khóa X là Quốc hội mở đầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, là Quốc hội được bầu cử ngay sau Hội nghị Trung ương bàn về xây dựng Nhà nước và Chiến lược cán bộ. Vì vậy, việc tổ chức bầu cử phải thể hiện rõ tinh thần dân chủ, trật tự, kỷ cương, đoàn kết, cảnh giác với những hoạt động phá hoại của các phần tử xấu.

Thư các đồng chí,

Trên đây là một số điểm toát lên tại Hội nghị Trung ương kỳ này tôi muốn nhấn mạnh thêm. Đề nghị mỗi đồng chí Trung ương trên cương vị công tác của mình, cùng các cấp ủy đảng, đảng đoàn, ban cán sự đảng, các đồng chí lãnh đạo chủ

chốt các cấp, các ngành, nhận thức sâu sắc những vấn đề nêu trong Nghị quyết Trung ương, có kế hoạch triển khai thực hiện một cách cụ thể, thiết thực, đạt hiệu quả cao, tạo ra một bước chuyển biến mới. Mỗi đồng chí phụ trách lĩnh vực nào, địa phương nào phải chịu trách nhiệm về mọi công việc ở lĩnh vực ấy, địa phương ấy và có sự kết hợp, phối hợp chặt chẽ với nhau trong chỉ đạo và kiểm tra các công việc.

Chúng ta tin tưởng rằng toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đoàn kết một lòng, phát huy truyền thống vẻ vang, nhất định sẽ vượt qua được mọi khó khăn, thử thách, thực hiện tốt nhất mọi nghị quyết của Đảng, đưa cách mạng nước ta tiếp tục vững bước tiến lên.

Thay mặt Bộ Chính trị, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII).

Chúc sức khỏe các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Trung ương và toàn thể các đồng chí.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ ba

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Sđd, tr.102-111.

THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ BA BAN CHẤP HÀNH
TRUNG ƯƠNG ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
KHÓA VIII

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã họp từ ngày 9 đến ngày 18-6-1997, tại Hà Nội.

Hội nghị đã thảo luận, thông qua hai nghị quyết quan trọng:

- Nghị quyết về "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh".

- Nghị quyết về "Chiến lược cán bộ của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Hội nghị đã phân tích sâu sắc, đánh giá tình hình đổi mới trên lĩnh vực xây dựng Nhà nước và công tác cán bộ trong mười năm qua, khẳng định những thành tựu to lớn đã đạt được ở hai lĩnh vực trên. Hội nghị cũng kiểm điểm nghiêm túc, thẳng thắn nêu lên những khuyết điểm, yếu kém cần giải quyết, đặc biệt là tệ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, cửa quyền, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân ở một số cấp chính quyền và tổ chức kinh tế, trong một bộ

phận cán bộ các cấp, làm suy giảm lòng tin của nhân dân, kìm hãm quá trình phát triển của đất nước.

Hội nghị nhất trí thông qua phương hướng, nhiệm vụ, đề ra những giải pháp lớn nhằm tiếp tục phát huy quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng bộ máy nhà nước trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất và năng lực đáp ứng yêu cầu của thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Hai Nghị quyết mà Hội nghị Trung ương thông qua là sự phát triển sâu sắc thêm đường lối xây dựng và phát triển đất nước, xây dựng Đảng trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà Đại hội lần thứ VIII của Đảng đã quyết định.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung hai đồng chí Lê Hồng Anh và Đặng Ngọc Thanh làm Ủy viên Ủy ban Kiểm tra Trung ương.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã phát biểu khai mạc và bế mạc Hội nghị.

Đồng chí Tổng Bí thư nhấn mạnh: Điều quan trọng hàng đầu là phải thu hút nhân dân, đặc biệt là công nhân, nông dân, trí thức, lực lượng vũ trang tham gia quản lý nhà nước, sử dụng trên thực tế quyền lực của người làm chủ; cùng với việc từng bước áp dụng các hình thức dân chủ trực tiếp, phải phát huy hơn nữa các hình thức dân chủ đại diện thông qua bộ máy do nhân dân trực tiếp bầu ra và chịu sự giám sát của nhân dân; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước đi đôi với thực hiện tốt sự kiểm tra, giám sát của nhân dân. Xây dựng đội ngũ cán bộ và công tác cán bộ phải trên cơ sở giữ vững và tăng cường bản chất giai cấp công

nhân của Đảng, có chính sách đoàn kết, tập hợp rộng rãi các loại cán bộ, trọng dụng hiền tài. Giáo dục, rèn luyện và quản lý tốt đội ngũ cán bộ là biện pháp quan trọng nhất để bảo vệ Đảng, bảo vệ chế độ, bảo vệ sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta; trong điều kiện thực hiện cơ chế thị trường và mở rộng giao lưu quốc tế, Đảng phải đặc biệt chăm lo giáo dục, rèn luyện phẩm chất, đạo đức, lối sống lành mạnh cho cán bộ, giữ gìn đoàn kết và bảo vệ chính trị nội bộ; đấu tranh kiên quyết chống tham ô, lãng phí, quan liêu, trù dập cấp dưới, ức hiếp nhân dân, hối lộ, buôn lậu, làm giàu phi pháp, chống lối sống thực dụng, xa hoa, hưởng lạc.

Ban Chấp hành Trung ương kêu gọi toàn Đảng, toàn dân và toàn quân hãy phát huy vai trò người chủ thật sự của đất nước, chủ động, tích cực tham gia xây dựng Nhà nước và đội ngũ cán bộ, biến nghị quyết của Đảng thành hiện thực cuộc sống, góp phần xây dựng, bồi đắp những nhân tố bảo đảm thắng lợi của công cuộc đổi mới, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 18-CT/TW, ngày 10 tháng 7 năm 1997

VỀ VIỆC TRIỂN KHAI NGHIÊN CỨU QUẢN TRIỆT và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII*

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII đã thảo luận và thông qua Nghị quyết về "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh" và Nghị quyết về "Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước".

Đây là hai nghị quyết quan trọng, cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng về vấn đề Nhà nước và vấn đề cán bộ. Các cấp ủy đảng, các ban cán sự đảng, đảng đoàn cần nhận thức đầy đủ ý nghĩa và nội dung quan trọng của các nghị quyết này để tổ chức nghiên cứu quán triệt và có chương

* Tài liệu này nhóm biên soạn sắp xếp liền sau tài liệu Hội nghị Trung ương 3 khóa VIII để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

trình hành động cụ thể, thiết thực, tạo nên sự chuyển biến thực sự trong hoạt động của các cơ quan nhà nước và trong công tác cán bộ.

Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành thực hiện thật tốt những việc sau đây:

1. Tổ chức phổ biến và nghiên cứu Nghị quyết

a) Việc phổ biến, nghiên cứu quán triệt nội dung Nghị quyết cần được tiến hành rộng rãi trong toàn Đảng, toàn dân; trước hết tập trung làm thật tốt trong nội bộ Đảng, trong cơ quan nhà nước, các cơ quan tham mưu chiến lược, các lực lượng vũ trang, các đoàn thể và trong các doanh nghiệp nhà nước.

b) Nâng cao chất lượng và hiệu quả việc phổ biến quán triệt Nghị quyết. Nâng cao sự nhất trí trong việc đánh giá tình hình, quán triệt các quan điểm, nguyên tắc, chính sách trên từng lĩnh vực.

Xây dựng chương trình hành động bảo đảm lãnh đạo phát huy trong thực tế cụ thể quyền làm chủ của nhân dân, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh; xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ.

c) Tổ chức hội nghị toàn quốc nghiên cứu quán triệt nội dung Nghị quyết cho các đồng chí bí thư tỉnh ủy, bộ trưởng không phải là Ủy viên Trung ương, cho cán bộ chủ chốt các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương do Bộ Chính trị triệu tập.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, ngành, đảng đoàn, ban cán sự đảng phổ biến, nghiên cứu quán triệt Nghị quyết

trong đảng bộ, ngành, đoàn thể mình. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng phụ trách đơn vị nào, ngành nào chịu trách nhiệm phổ biến các nghị quyết trong địa phương mình, ngành mình.

Tài liệu chính để phổ biến, quán triệt là hai nghị quyết và hai bài khai mạc và bế mạc Hội nghị của đồng chí Tổng Bí thư.

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia, các trường chính trị tỉnh, thành phố đưa nội dung Nghị quyết của Hội nghị Trung ương vào chương trình giảng dạy, học tập và nghiên cứu khoa học.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chịu trách nhiệm biên soạn tài liệu phục vụ việc học tập, nghiên cứu và hướng dẫn kế hoạch tổ chức triển khai đợt quán triệt Nghị quyết; chỉ đạo các cơ quan thông tin đại chúng tuyên truyền, phổ biến rộng rãi Nghị quyết trong nhân dân, gắn với tuyên truyền cho kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X. Việc phổ biến tinh thần Nghị quyết trong nhân dân phải được chỉ đạo chặt chẽ, hướng dẫn thật cụ thể và phải bằng mọi biện pháp để nâng cao được tinh thần dân chủ của nhân dân, làm cho nhân dân nhận thức rõ muốn phát huy được quyền dân chủ của mình thì bản thân mỗi người dân phải nêu cao ý thức tôn trọng và thực hiện đúng Hiến pháp, pháp luật, kỷ luật; chống những hành động lợi dụng dân chủ để làm trái pháp luật; phát huy ý thức trách nhiệm của nhân dân trong việc giám sát các hoạt động của chính quyền và tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

2. Triển khai thực hiện Nghị quyết

Từng cấp ủy, trước hết là các ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương phải nắm vững những nội dung cơ bản của Nghị quyết, tiến hành phê bình, tự phê bình nghiêm túc sâu sắc, chỉ rõ được những khuyết điểm, những việc chưa làm được và nguyên nhân tập trung vào các vấn đề sau đây:

- Tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân, dân chủ trong nội bộ Đảng và dân chủ trong bộ máy nhà nước.

- Kết quả thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa VII về xây dựng và hoàn thiện Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chú ý vấn đề hiệu lực của bộ máy nhà nước, trong đó có vấn đề tinh giản biên chế và bộ máy...

- Vấn đề đạo đức, phẩm chất của đội ngũ cán bộ, đảng viên nói chung, nhưng tập trung vào đội ngũ cán bộ trong cơ quan nhà nước từ Trung ương đến cơ sở.

Trên cơ sở đó, đặt kế hoạch và có những biện pháp thiết thực, sát hợp với tình hình của từng đơn vị, cơ quan, tạo ra một sự chuyển biến thực sự ở cơ quan, đơn vị mình.

Bộ Chính trị giao cho Đảng đoàn Quốc hội, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Ban Cán sự Đảng Bộ Tư pháp và Ban Dân vận Trung ương đề xuất những nội dung bổ sung và hoàn thiện các bộ luật, luật, pháp lệnh; xây dựng các thể chế cụ thể để nhân dân tham gia hoạch định chính sách, pháp luật, kiểm tra, giám sát hoạt động của Nhà nước, xây dựng Nhà nước pháp quyền Cộng hòa xã hội chủ nghĩa

Việt Nam của dân, do dân và vì dân theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3.

Ban Tổ chức Trung ương cùng với các ban của Đảng sớm trình Bộ Chính trị các quy chế và chính sách cụ thể để thực hiện Chiến lược cán bộ.

Ban Tổ chức Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Hành chính quốc gia có quy hoạch, kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ phù hợp với nhiệm vụ của thời kỳ mới. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi đoàn thể căn cứ quy hoạch chung để có quy hoạch, kế hoạch đào tạo, đào tạo lại đội ngũ cán bộ của mình, sớm hình thành đội ngũ cán bộ kế cận, chuẩn bị tốt nhân sự cho đại hội đảng các cấp và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng.

Các cơ quan nhà nước, các đoàn thể cần có quy hoạch, kế hoạch tổng thể với những nhiệm vụ, cơ chế, giải pháp cụ thể, quy định tiến độ thực hiện những việc cần làm, đặc biệt là những vấn đề bức xúc để sớm tạo ra những chuyển biến tiến bộ về xây dựng Nhà nước pháp quyền trong sạch, vững mạnh và đội ngũ cán bộ của thời kỳ mới.

Trong quá trình thực hiện, cần tập trung làm dứt điểm từng việc, coi trọng kiểm tra, đôn đốc, phổ biến những kinh nghiệm tốt, kịp thời phát hiện và uốn nắn những lệch lạc.

Ban Tổ chức Trung ương và Ban Nội chính Trung ương chủ trì cùng với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Dân vận Trung ương giúp Bộ Chính trị hướng dẫn triển khai, đôn đốc, kiểm tra việc thực

hiện, làm cho Nghị quyết thực sự có hiệu lực; đồng thời thường xuyên sơ kết và báo cáo Bộ Chính trị về kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Đảng Cộng sản Việt Nam:
*Văn kiện Hội nghị lần thứ ba
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.112-117.*

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 75-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 1997

**VỀ VIỆC ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC
CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG ĐẢNG VÀ TỈNH, THÀNH ỦY**

Trong phiên họp ngày 3-6-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe đồng chí Đặng Hữu, Trưởng ban Khoa giáo Trung ương báo cáo về ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Trung ương Đảng và tỉnh, thành ủy, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Đồng ý nội dung tờ trình về mục tiêu và kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan của Trung ương Đảng và tỉnh, thành ủy. Những mục tiêu đề ra đến năm 2000 cần được xem là chương trình tối thiểu và là một bộ phận hợp thành của Chương trình quốc gia về công nghệ thông tin. Việc triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan đảng cần lưu ý rút kinh nghiệm của các đơn vị đã thực hiện trước việc này, bảo đảm hiệu quả thiết thực. Theo tinh thần đó, kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan đảng tới năm 2000 cần ưu tiên tập trung làm tốt một số nội dung sau đây:

- Có chương trình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức cơ bản về tin học và các ứng dụng thiết thực đối với cán bộ lãnh đạo và chuyên viên công tác trong các cơ quan của Đảng.

- Có chương trình của Văn phòng Trung ương, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc cung cấp thông tin cập nhật qua máy tính về tình hình đất nước và toàn Đảng phục vụ sự lãnh đạo của Bộ Chính trị và tổ chức việc theo dõi quá trình Bộ Chính trị xử lý công việc thường xuyên của Đảng.

- Đầu tư kinh phí để tin học hóa công tác lưu trữ tài liệu lịch sử của Đảng.

2. Kinh phí để thực hiện những nội dung đã nêu ở phần trên lấy từ kinh phí của Chương trình quốc gia về công nghệ thông tin và Quỹ khoa học chung do Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường quản lý. Giao Ban Cán sự Đảng Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường phối hợp Ban Khoa giáo Trung ương giải quyết việc đáp ứng nhu cầu kinh phí thực hiện kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan đảng năm 1997.

3. Thành lập ban chỉ đạo công nghệ thông tin của các cơ quan Trung ương Đảng, nhằm phối hợp có hiệu quả với Ban Chỉ đạo Trung ương Chương trình quốc gia về công nghệ thông tin, trong việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan Trung ương Đảng và tỉnh, thành ủy.

4. Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, có sự tham gia của Ban Khoa giáo Trung ương, chuẩn bị đề án "Về chiến lược phát triển và ứng

dụng công nghệ thông tin trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước" trình Bộ Chính trị cho ý kiến để bổ sung vào các đề án trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 76-TB/TW, ngày 17 tháng 6 năm 1997

Về tình hình kinh tế 5 tháng đầu năm và những giải pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 1997

Ngày 9-6-1997, sau khi nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ báo cáo về "Tình hình kinh tế - xã hội 5 tháng đầu năm 1997 và những giải pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch trong các tháng tiếp theo", ý kiến của Ban Kinh tế Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Thương mại, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Kinh tế 5 tháng qua vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng, có mặt đạt kết quả cao nhưng đang xuất hiện những vấn đề đáng chú ý:

- Công nghiệp, nhất là công nghiệp nội địa phát triển không đều, có ngành, có lĩnh vực, địa bàn chững lại, tốc độ tăng trưởng giảm dần, việc tiêu thụ một số mặt hàng nông sản và hàng công nghiệp gặp khó khăn.

- Chỉ số giá cả hàng hóa dịch vụ giảm liên tục, có khả năng dẫn đến giảm phát kéo dài, gây khó khăn cho sản xuất kinh doanh.

- Đầu tư xây dựng cơ bản đạt quá thấp, giải ngân nguồn vốn ODA chậm, vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) có dấu hiệu giảm sút.

- Tài chính - tiền tệ thiếu ổn định, ngân sách vẫn căng thẳng, dự báo một số nguồn thu khó có khả năng đạt kế hoạch, dư nợ tín dụng tăng chậm và thiếu an toàn.

Nếu không có những giải pháp xử lý kịp thời, đúng đắn sẽ ảnh hưởng tới việc thực hiện mục tiêu kế hoạch năm 1997 và tới tốc độ tăng trưởng kinh tế đất nước trong những năm tiếp theo.

Thường vụ Bộ Chính trị tán thành những giải pháp xử lý mà Ban Cán sự Đảng Chính phủ đã đề xuất và lưu ý những vấn đề quan trọng sau đây:

1. Về những giải pháp cấp bách trước mắt

- Bảo đảm đủ vốn để mua hết số thóc hàng hóa của nông dân theo giá sàn đã quy định, tìm thêm thị trường xuất khẩu gạo, nâng hạn ngạch xuất khẩu gạo năm 1997 lên 3,5 triệu tấn, cho phép một số tỉnh miền Bắc, miền Trung xuất khẩu lương thực khi đã cân đối được nhu cầu và bảo đảm an toàn lương thực.

- Giải quyết vốn lưu động cho các doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả, tiêu thụ được sản phẩm; có đóng góp cho ngân sách nhà nước bằng các giải pháp: cho phép sử dụng lợi nhuận sau thuế để bổ sung vốn lưu động, chuyển một phần vốn vay của ngân hàng thành vốn ngân sách cấp phát, xử lý vật tư ứ

động, điều hòa vốn trong nội bộ các tổng công ty lớn, thanh toán dứt điểm công nợ giai đoạn 2. Đồng ý cho phép sử dụng thêm 1.000 tỉ đồng (ngoài khoản đã cho phép để sử dụng vào đầu tư xây dựng cơ bản) từ quỹ dự trữ đặc biệt để bổ sung vốn lưu động cho một số doanh nghiệp sản xuất có hiệu quả, không phân bổ tràn lan.

- Tìm kiếm, mở rộng thị trường xuất khẩu, thực hiện các chính sách khuyến khích về vốn, thuế, khuyến mại với các doanh nghiệp để đẩy mạnh xuất khẩu; thực hiện cơ chế đấu thầu và bán hạn ngạch xuất, nhập khẩu thay cho cơ chế xin - cho, lập quỹ bảo hiểm xuất khẩu, xây dựng quy định về hoạt động môi giới, hoa hồng trong thương mại phù hợp với luật pháp Việt Nam và thông lệ quốc tế để đẩy mạnh xuất khẩu.

- Quản lý chặt chẽ nhập khẩu, tiếp tục giảm nhập siêu. Chỉ đạo kiên quyết việc chống buôn lậu, động viên mọi lực lượng Trung ương, địa phương, nhân dân tham gia chống buôn lậu, xác định rõ trách nhiệm, quyền lợi của các cấp, các ngành trong việc chống buôn lậu, xử lý nghiêm mọi hành vi buôn lậu.

- Tăng nhanh việc giải ngân vốn xây dựng cơ bản từ vốn đầu tư xây dựng cơ bản tập trung và vốn tín dụng đầu tư, đẩy nhanh việc giải ngân vốn ODA, để thực hiện đúng tiến độ và kế hoạch bằng các giải pháp: bố trí tập trung khoản vốn bổ sung đã cho phép sử dụng để đẩy nhanh việc xây dựng các công trình xây dựng cơ bản đặc biệt là giao thông và thủy lợi, nâng cao chất lượng xây dựng các dự án, phân cấp duyệt và đơn giản hóa thủ tục đầu tư, tạm ứng vốn và giải quyết đủ vốn đối ứng cho các dự án đã được duyệt, cải tiến và nâng cao chất lượng việc đấu thầu các dự án, giải quyết

những ách tắc trong khâu giải phóng mặt bằng, miễn thuế với các dự án ODA phù hợp với thông lệ quốc tế; đi đôi với tăng cường quản lý sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản và sử dụng vốn ODA.

- Thực hiện tốt việc phân cấp và ủy quyền cấp giấy phép cho các dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài, đổi mới và đơn giản hóa thủ tục đầu tư, thực hiện đúng cơ chế "một cửa". Giải quyết kịp thời các vấn đề sau cấp giấy phép: về đất đai, cấp phép xây dựng, vay vốn và ngoại tệ, các vấn đề xuất, nhập khẩu ở các doanh nghiệp đầu tư nước ngoài; giải quyết các vấn đề phát sinh sau khi công bố *Luật đầu tư nước ngoài* sửa đổi để khuyến khích thu hút vốn đầu tư. Bố trí sử dụng nguồn vốn ODA tập trung hơn, không phân tán ra quá nhiều dự án dễ gây nên lãng phí và làm giảm hiệu quả việc sử dụng nguồn vốn này. Ban hành một số chính sách thuế để khuyến khích nội địa hóa sản phẩm và đầu tư vào những vùng và lĩnh vực cần khuyến khích.

Đồng ý chủ trương hạ lãi suất trần cho vay và hạ lãi suất tái chiết khấu để mở rộng khả năng tái cấp vốn cho các ngân hàng thương mại, tăng khối lượng tín dụng cho nền kinh tế, đáp ứng tốt hơn vốn tín dụng cho nhu cầu vay ngắn hạn, trung hạn và các doanh nghiệp, khắc phục hiện tượng "co lại" của các ngân hàng. Tăng cường công tác kiểm toán, thanh tra, bảo đảm cho hoạt động tín dụng có chất lượng và an toàn. Chấn chỉnh, khắc phục những vướng mắc, sơ hở, tiêu cực trong hệ thống ngân hàng.

- Có biện pháp chỉ đạo tích cực việc thu ngân sách nhà nước, bảo đảm thu đạt chỉ tiêu Quốc hội đề ra. Nếu có những khoản thu lớn khó đạt kế hoạch vì lý do khách

quan thì phải tìm kiếm các nguồn thu khác bù đắp phần thiệt hại đó. Trường hợp không thu đủ kế hoạch, giảm thu thì phải giảm chi, kiểm soát chặt chẽ các khoản chi. Thực hiện nghiêm ngặt chế độ tiết kiệm, hạn chế việc xây dựng hội trường, trụ sở, mua sắm các phương tiện đắt tiền, tiếp khách lãng phí... của các cơ quan từ Trung ương đến địa phương.

2. Về một số giải pháp cơ bản lâu dài

- Đối với nông nghiệp, nông thôn: Nhà nước và doanh nghiệp nhà nước phải tổ chức tốt việc thu mua nông sản và bán vật tư cho nông dân, điều hành hợp lý cánh kéo giá cả bảo đảm lợi ích của nông dân, thực hiện tốt liên minh công nông về kinh tế; xây dựng hệ thống kho tàng phục vụ cho việc mua lúa của nông dân; giải quyết vấn đề thiên tai, lũ lụt cho vùng đồng bằng sông Cửu Long; khắc phục tình trạng nông dân không có ruộng đất phải đi làm thuê làm mướn ở nông thôn; phát triển phong trào hợp tác trong nông nghiệp, nông thôn; thực hiện công nghiệp hóa, đẩy mạnh phát triển công nghiệp, nhất là công nghiệp nhỏ vào nông nghiệp và kinh tế nông thôn; giải quyết tốt quan hệ giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa huy động sức dân và cải thiện đời sống nhân dân, giải quyết tình trạng trẻ em suy dinh dưỡng, cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc ít người, vùng sâu, vùng xa. Ban Cán sự Đảng Chính phủ sớm chỉ đạo việc ban hành chỉ thị của Chính phủ và những quy định cụ thể về việc huy động sức dân, nghiêm cấm mọi trường hợp tự ý huy động sức lao động, tiền của của nhân dân ngoài quy định mà không được nhân dân bàn bạc, thỏa thuận.

Bảo vệ rừng và phát triển rừng, phủ xanh đất trống, đồi trọc, phát triển đánh bắt hải sản, đặc biệt là đánh bắt xa bờ, phát triển nuôi trồng thủy hải sản theo quy mô công nghiệp; đẩy mạnh việc vận động thu hút vốn đầu tư nước ngoài cho lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp, cho các vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chuẩn bị báo cáo chuyên đề về nông nghiệp, nông dân và nông thôn để Bộ Chính trị thảo luận và ra nghị quyết về vấn đề này.

- Đối với công nghiệp: phải xúc tiến xây dựng chiến lược, quy hoạch phát triển các ngành công nghiệp trọng điểm như điện, cơ khí, thép, hóa chất, hóa dầu, điện tử, công nghiệp chế biến nông - lâm - thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng và xuất khẩu... phát triển công nghiệp hướng về xuất khẩu, thay thế nhập khẩu những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả, bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước, nâng cao hiệu quả kinh doanh và tính cạnh tranh của sản phẩm, chuẩn bị tích cực cho việc gia nhập AFTA và WTO. Ban Cán sự Đảng Chính phủ cần chỉ đạo việc nghiên cứu, xây dựng đề án chuyên đề về vấn đề bảo hộ hàng trong nước.

Tiếp tục tổ chức sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước, tổng kết hoạt động của các tổng công ty, các tập đoàn kinh tế mạnh, đổi mới quản lý, đầu tư chiều sâu cho các doanh nghiệp kinh doanh có hiệu quả, thực hiện cổ phần hóa tích cực, vững chắc một bộ phận doanh nghiệp nhà nước. Gắn xây dựng, phát triển công nghiệp với xây dựng, phát triển giai cấp công nhân về số lượng và chất lượng, giáo dục nâng cao ý thức giai cấp của giai cấp công nhân.

- Đối với thương mại: phải xây dựng, tổ chức lại hệ thống thương nghiệp quốc doanh, đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động, gắn công nghiệp quốc doanh với thương nghiệp quốc doanh, gắn ngoại thương với nội thương để thương nghiệp quốc doanh làm chủ thị trường, phục vụ tốt sản xuất và đời sống nhân dân.

- Đối với lĩnh vực giá cả, tài chính, tiền tệ: phải khắc phục tình trạng giảm phát kéo dài gây ảnh hưởng xấu tới sản xuất. Tăng tổng phương tiện thanh toán trong nền kinh tế bằng các giải pháp tăng vốn và tiến độ xây dựng cơ bản, tiến độ giải ngân vốn ODA, sử dụng tốt vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, động viên các nguồn lực trong nước, mở rộng vốn tín dụng cho đầu tư phát triển, giữ mức tăng giá 5 - 6%/năm.

Chỉ đạo củng cố tổ chức và hoạt động của hệ thống ngân hàng bảo đảm chất lượng và an toàn tín dụng. Hạ dần lãi suất cho vay trong nước xuống bằng mức lãi suất của quốc tế, mở rộng tín dụng, đáp ứng nhu cầu vốn ngắn hạn, trung hạn cho nền kinh tế. Điều hành tỷ giá hợp lý để khuyến khích xuất khẩu, nhập khẩu, giữ vững ổn định tiền tệ. Kiểm soát chặt chẽ cho vay nhập hàng trả chậm, cho vay bằng ngoại tệ, tiến tới xóa bỏ việc cho vay ngoại tệ trên đất Việt Nam, để trên đất Việt Nam chỉ thanh toán bằng đồng tiền Việt Nam.

Về tài chính: phải trên cơ sở phát triển sản xuất, lấy sản xuất làm gốc, để tăng nguồn thu cho ngân sách, điều chỉnh cơ cấu thu ngân sách theo hướng thu từ sản xuất là chính, giảm tỷ lệ thu ngân sách từ nguồn thuế nhập khẩu hàng tiêu dùng; lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp, để doanh nghiệp phát triển, tăng được nguồn thu cho ngân sách, đồng thời tìm mọi biện pháp để chống thất thu, tổn

động thuế. Thể chế hóa các chính sách huy động và sử dụng vốn ở các ngành, các cấp để việc huy động và sử dụng vốn đó hợp lý, có hiệu quả.

Gắn thu với chi, thu giảm thì chi phải giảm, có cơ chế quản lý, kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng vốn ngân sách, chống tham nhũng, thất thoát tiền của của Nhà nước; phân cấp hợp lý thu chi ngân sách giữa Trung ương và địa phương; thực hiện tiết kiệm nghiêm ngặt trong chi tiêu. Xây dựng quy chế, định mức chi tiêu, mua sắm phương tiện cho mỗi cấp cán bộ từ Trung ương đến địa phương.

*
* *
*

Yêu cầu đặt ra là phải giữ vững ổn định kinh tế - xã hội, hoàn thành thắng lợi các mục tiêu kế hoạch đề ra cho năm 1997, giữ vững được nhịp độ tăng trưởng kinh tế của đất nước trong những năm tiếp theo. Ban Cán sự Đảng Chính phủ, các bộ, ngành và các địa phương phải tổ chức chỉ đạo thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra; báo cáo kịp thời với Thường vụ Bộ Chính trị những vấn đề mới xuất hiện để có chủ trương xử lý kịp thời.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 17-CT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1997

**Về việc kỷ niệm lần thứ 20
ngày ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt Nam - Lào
(18-7-1977 – 18-7-1997)**

Ngày 18-7-1997, chúng ta kỷ niệm lần thứ 20 ngày ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt Nam - Lào. Trong 20 năm qua dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, nhân dân hai nước đã vượt qua nhiều khó khăn, thử thách tiến hành công cuộc đổi mới, đạt được nhiều thành tựu rất quan trọng. Trong khi phát triển quan hệ đối ngoại đa dạng hóa, đa phương hóa của mỗi nước, Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước không ngừng tăng cường mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, mở rộng quan hệ hợp tác giúp đỡ lẫn nhau theo tinh thần và nội dung của Hiệp ước.

Coi trọng mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị đặc biệt Việt - Lào, chúng ta tổ chức kỷ niệm trọng thể lần thứ 20 ngày ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt Nam - Lào bằng những biện pháp thiết thực, góp phần củng cố và phát triển hơn nữa

quan hệ truyền thống giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước.

I- CHỦ ĐỀ TƯ TƯỞNG

1. Làm cho nhân dân ta thấy rõ ý nghĩa chiến lược của Hiệp ước và những kết quả to lớn của việc thực hiện Hiệp ước, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước cũng như hòa bình, ổn định và hợp tác ở Đông Nam Á và thế giới.

2. Giáo dục nhân dân và thế hệ trẻ Việt Nam giữ gìn và phát huy truyền thống hữu nghị, đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt - Lào, đồng thời không ngừng đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả hợp tác trên tất cả các lĩnh vực vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hữu nghị và hợp tác ở khu vực và trên toàn thế giới.

II- TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG KỶ NIỆM

Các hoạt động kỷ niệm phải trang trọng, thiết thực, tránh phô trương hình thức và lãng phí. Bên cạnh các biện pháp đối ngoại cần thiết, cần coi trọng việc giáo dục đảng viên và nhân dân về ý nghĩa quan trọng và sự cần thiết không ngừng củng cố và tăng cường mọi mặt quan hệ Việt - Lào.

1. Lãnh đạo Đảng, Nhà nước và Mặt trận, Hội Hữu nghị Việt - Lào gửi điện mừng.

2. Tổ chức mít tinh trọng thể tại Hà Nội với danh nghĩa Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Mặt trận và Hội Hữu nghị Việt - Lào.

3. Các ngành, các địa phương có quan hệ hợp tác với Lào tổng kết quan hệ 20 năm qua và đề ra phương hướng tăng cường quan hệ, thúc đẩy hợp tác có hiệu quả trong thời gian tới. Các tỉnh, thành phố kết nghĩa hoặc có chung biên giới với Bạn gửi điện mừng và có hình thức kỷ niệm thiết thực.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin tổ chức triển lãm ảnh nghệ thuật về quan hệ Việt Nam - Lào tại Hà Nội, mời đoàn văn công Bạn sang biểu diễn tại Việt Nam. Các cơ quan, trường học, địa phương có cán bộ Lào đang công tác, học tập tổ chức hoạt động như gặp mặt, văn nghệ, thể thao.

5. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chỉ đạo việc tuyên truyền trên hệ thống thông tin đại chúng và trong hệ thống báo cáo viên về quan hệ đoàn kết hữu nghị hợp tác Việt - Lào. Các báo ra hàng ngày, Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài Truyền hình Việt Nam có chương trình riêng về sự kiện trọng đại này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 79-TB/TW, ngày 5 tháng 7 năm 1997

Về tình hình xảy ra gần đây ở huyện Quỳnh Phụ và một số xã thuộc các huyện khác của tỉnh Thái Bình

Ngày 2-7-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Thường trực Tỉnh ủy Thái Bình và đại diện các ban, ngành có liên quan báo cáo về tình hình xảy ra gần đây ở huyện Quỳnh Phụ và một số xã thuộc các huyện khác của tỉnh Thái Bình. Về việc này, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Thái Bình là một tỉnh có truyền thống cách mạng, lâu nay có phong trào tốt về nhiều mặt, nhưng vừa qua đã để xảy ra một số tình hình nghiêm trọng. Đó là việc nhân dân ở nhiều nơi kéo đến trụ sở chính quyền, bày tỏ bất bình và phản đối gay gắt một số việc làm của chính quyền và nhiều cán bộ xã, huyện. Sự việc này đã có mầm mống từ một số năm trước. Từ cuối năm 1996, ngày càng có nhiều lời kêu ca khiếu kiện của nhân dân yêu cầu chính quyền xem lại việc huy động sức dân quá mức và phải

xem xét, xử lý nghiêm những vụ việc tiêu cực tham nhũng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân của một số cán bộ xã, huyện. Những hành động phản đối này, ban đầu còn lẻ tẻ; từ giữa tháng 5-1997 đã tăng lên rất nhanh, trong một thời gian ngắn đã lan ra gần khắp huyện Quỳnh Phụ, đến cả một số xã của các huyện khác trong tỉnh Thái Bình. Mức độ phản đối ngày càng gay gắt và bắt đầu xen lẫn sự mạnh động. Gần đây, tình hình ở một số nơi đã phát triển đến mức nguy hiểm. Những phần tử xấu đã lợi dụng tình hình, vừa kích động, lôi kéo vừa khống chế đe dọa nhân dân, ngang nhiên coi thường pháp luật, bao vây phá phách công sở, hành hung đánh đập, truy bức, làm nhục cán bộ Đảng, Nhà nước và nhân viên thi hành công vụ, đốt nhà cướp của của cán bộ và công dân, lăng mạ và ngăn cản chính quyền cơ sở thi hành nhiệm vụ, thậm chí có nơi bọn xấu trắng trợn nêu khẩu hiệu đòi hủy bỏ, thay thế chính quyền cơ sở. Tình hình đã phát triển thành vấn đề chính trị nghiêm trọng, nếu không ngăn chặn và xử lý kịp thời, để sự việc tiếp tục lan rộng thì sẽ có hậu quả nguy hiểm khó lường.

Mặc dù tình hình diễn biến phức tạp, chúng ta cần tỉnh táo nhận rõ rằng nguyên nhân ban đầu, nguyên nhân chủ yếu gây ra sự việc nói trên là những mâu thuẫn trong nội bộ đảng và giữa nhân dân, trong đó có cán bộ, đảng viên đã về hưu với chính quyền và một số cán bộ đương chức. Nhân dân ngày càng bất bình đối với tình trạng một số cán bộ xã, huyện tham nhũng, làm giàu bất chính, quan liêu, xa dân thậm chí của quyền ức hiếp nhân dân; chính

quyền bắt dân đóng góp tùy tiện, quá mức dân có thể chịu đựng; việc sử dụng công quỹ lại thiếu minh bạch, có những biểu hiện tiêu cực. Khi nhân dân khiếu kiện thì Đảng và chính quyền ở một số địa phương không quan tâm giải quyết nghiêm túc, thỏa đáng, không đáp ứng kịp thời những đòi hỏi chính đáng, khiến những nỗi uất ức của dân ngày càng dồn nén lại, gay gắt hơn, cuối cùng dẫn đến những hành động bột phát.

Một số phần tử xấu như bọn có tiền án tiền sự, bất mãn hoặc chống đối chế độ đã nhân dịp "đục nước béo cò" xen vào kích động phá hoại, hoặc trả thù cá nhân, hành động một cách vô chính phủ, trắng trợn vi phạm pháp luật.

Trong quá trình xảy ra sự việc, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở nhiều địa phương đã bộc lộ rõ sự yếu kém, không nghiêm túc tự phê bình, tiếp thu những ý kiến đóng góp đúng đắn của nhân dân để kịp thời tự chấn chỉnh, mặt khác lại tê liệt bất lực trước những hành động phá hoại của bọn xấu, để mặc cho chúng chà đạp pháp luật của Nhà nước, đánh vào chính quyền của chính mình. Một số người đã sai lầm, đại dốt sử dụng hoặc dung túng bọn xấu làm lực lượng xung kích khiếu kiện, phản đối chính quyền, mong dựa vào chúng để thực hiện những nguyện vọng chính đáng của nhân dân!

2. Tình hình hiện nay đòi hỏi Tỉnh ủy phải lãnh đạo các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân ở Thái Bình tập trung toàn bộ lực lượng nhằm lập lại kỷ cương, ổn định tình hình, ngăn chặn không để tình hình trên đây lan rộng ra các nơi khác, xem đây là nhiệm vụ đột

xuất trọng tâm của toàn bộ hệ thống chính trị và nhân dân trong tình lúc này.

- Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc tỉnh cần có thông báo công khai cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong toàn tỉnh về tình hình xảy ra trong thời gian vừa qua, phân tích đúng đắn tính chất và nguyên nhân của sự việc, tự phê bình về trách nhiệm của Tỉnh ủy, của Đảng và chính quyền, ghi nhận những ý kiến phê bình đúng đắn của nhân dân, nói rõ chủ trương nghiêm túc xem xét, tiếp thu xử lý trong thời gian tới, sửa chữa những việc làm không đúng, xử lý nghiêm túc có lý có tình đối với những cán bộ có vi phạm. Đồng thời lên án nghiêm khắc những hành động phá hoại của bọn xấu, tỏ rõ thái độ sẽ nghiêm khắc xử lý những hành động vi phạm pháp luật, kêu gọi đồng bào và cán bộ ủng hộ và góp sức với Đảng, chính quyền khôi phục ngay lại trật tự, ổn định tình hình mọi mặt, tổ chức tốt bầu cử Quốc hội và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân sắp tới, cảnh giác không để bọn xấu lợi dụng phá hoại chính quyền, phá hoại bầu cử, lôi kéo mình và người trong gia đình mình vào những việc làm sai trái.

- Cần tổ chức một đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng trong các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở tất cả các xã, huyện trong toàn tỉnh. Tiến hành phê bình và tự phê bình nghiêm túc trong toàn Đảng, cả trong đảng viên đương chức và đảng viên đã nghỉ hưu để giải quyết thông suốt những mâu thuẫn trong nội bộ đảng, thẳng thắn chỉ ra những biểu hiện tham nhũng, mất dân chủ, ức hiếp dân. Trên cơ sở đó, đề ra hướng sửa chữa sai lầm, khuyết điểm của mỗi cá nhân

và của từng đơn vị, củng cố sức chiến đấu của tổ chức đảng, hiệu lực của chính quyền và vai trò của các đoàn thể quần chúng trong điều hành công việc, ổn định tình hình trong xã, huyện.

- Tiếp tục xúc tiến khẩn trương việc thanh tra những vấn đề dân khiếu tố; làm đến đâu kết luận và xử lý ngay đến đó để giải tỏa sự bất bình trong nhân dân. Những cán bộ sai phạm đã rõ, không thể tiếp tục lãnh đạo thì phải thay thế ngay, nếu cần thiết thì tăng cường, hoặc điều chuyển cán bộ bên trên về cho các huyện và xã yếu kém. Những cán bộ có vấn đề chưa rõ cần phải xác minh, trước mắt để điều hành công việc không có lợi thì có thể tạm thời đình chỉ công việc, chỉ định người khác thay thế điều hành. Đối với những cán bộ tốt, phải kiên quyết bảo vệ.

Phải củng cố tổ chức và hoạt động thanh tra theo đúng quy định của Nhà nước. Tổng Thanh tra Nhà nước cần có thông báo hướng dẫn về việc này. Đại biểu thanh tra nhân dân tham gia vào các đoàn thanh tra phải được cơ quan có thẩm quyền xét duyệt, phải bảo đảm tiêu chuẩn quy định để có thể tham gia có trách nhiệm, có hiệu quả vào công việc của các đoàn thanh tra. Tuyên bố rõ Nhà nước không chấp nhận các tổ chức thanh tra tự phát, không công nhận những kết luận của các tổ chức thanh tra không được cơ quan chức năng của chính quyền phê duyệt vì những hoạt động thanh tra như vậy không thể bảo đảm tính khách quan và chỉ làm tình hình rối thêm.

- Tiếp tục rà soát lại các khoản thu của nhân dân; khoản thu nào không hợp lý, phải sửa ngay. Đối với những khoản

đã thu của dân, việc đề ra biện pháp xử lý phải thận trọng, bảo đảm khả năng thực hiện, tránh vội vàng hứa hẹn không có căn cứ tạo nên khó khăn về sau. Việc huy động sức dân ngoài các khoản quy định của Nhà nước để xây dựng các công trình công cộng tại địa phương phải được nhân dân bàn và quyết định. Xây dựng quy chế công khai tài chính để dân có thể tham gia kiểm tra việc thu chi tài chính ở xã một cách có tổ chức.

- Đã đến lúc phải kịp thời nghiêm trị những phân tử xấu lợi dụng gây rối, đánh cán bộ, hủy hoại tài sản của Nhà nước và của công dân. Trước mắt việc này cần làm có trọng điểm, tập trung vào số đầu sỏ, bảo đảm đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, được cán bộ, đảng viên, nhân dân đồng tình ủng hộ và phải tổ chức chu đáo không để phát sinh những vấn đề phức tạp mới.

- Đối với những nơi xảy ra tình hình đặc biệt phức tạp cần có biện pháp lập lại ngay trật tự kỷ cương. Nếu đã dùng biện pháp giáo dục, thuyết phục mà không ngăn chặn được những hành động quá khích, manh động vi phạm pháp luật, cần nhắc nếu thấy cần thiết thì dùng lực lượng hợp lý để bảo vệ chính quyền, bảo vệ cán bộ, bảo vệ tài sản của Nhà nước, bảo vệ tính mệnh và tài sản của nhân dân. Nếu tình hình nghiêm trọng, phải thực hiện giới nghiêm cục bộ ở khu vực đó để ổn định tình hình.

Các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương dưới sự chỉ đạo chung của đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị được phân công, cần phối hợp chặt chẽ và hỗ trợ tích cực với các tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể nhân dân ở tỉnh Thái Bình trong

việc thực hiện những chủ trương trên đây, nhằm giúp Thái Bình nhanh chóng ổn định tình hình trước mắt, đồng thời nghiên cứu kiến nghị với Bộ Chính trị và Chính phủ những biện pháp, chủ trương có ý nghĩa cơ bản lâu dài nhằm khắc phục tận gốc những nguyên nhân dẫn đến tình hình ở Thái Bình gần đây.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO

Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 80-TB/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1997

Về tình hình xảy ra gần đây ở huyện Quỳnh Phụ và một số xã thuộc các huyện khác của tỉnh Thái Bình

Đầu tháng 7-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe Thường trực Tỉnh ủy Thái Bình và đại diện các ban, ngành có liên quan báo cáo về tình hình xảy ra gần đây ở huyện Quỳnh Phụ và một số xã thuộc các huyện khác của tỉnh Thái Bình. Về việc này, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

1. Thái Bình là một tỉnh có truyền thống cách mạng, lâu nay có phong trào tốt về nhiều mặt, nhưng vừa qua đã để xảy ra một số tình hình nghiêm trọng. Đó là việc nhân dân ở nhiều nơi kéo đến trụ sở chính quyền, bày tỏ bất bình và phản đối gay gắt một số việc làm của chính quyền và nhiều cán bộ xã, huyện; yêu cầu chính quyền xem lại việc huy động sức dân quá mức và phải xem xét, xử lý nghiêm một số cán bộ xã, huyện tiêu cực tham nhũng, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân. Những hành động phản đối này đã có mầm mống từ một số năm trước, ban đầu còn lẻ tẻ; từ giữa tháng

5-1997 đã tăng lên rất nhanh, trong một thời gian ngắn đã lan ra gần khắp huyện Quỳnh Phụ, đến cả một số xã của các huyện khác trong tỉnh. Gần đây, những phần tử xấu ở một số nơi đã lợi dụng tình hình, vừa kích động, lôi kéo vừa khống chế đe dọa nhân dân, ngang nhiên coi thường pháp luật, bao vây phá phách công sở, hành hung đánh đập, truy bức, làm nhục cán bộ đảng, nhà nước và nhân viên thi hành công vụ, đốt nhà cướp của của cán bộ và công dân, lãng mại và ngăn cản chính quyền cơ sở thi hành nhiệm vụ, thậm chí có nơi bọn xấu trắng trợn nêu khẩu hiệu đòi hủy bỏ, thay thế chính quyền cơ sở...

Nguyên nhân ban đầu, nguyên nhân chủ yếu gây ra sự việc nói trên là những mâu thuẫn trong nội bộ đảng và giữa nhân dân, trong đó có cán bộ, đảng viên đã về hưu với chính quyền và một số cán bộ đương chức. Nhân dân ngày càng bất bình đối với tình trạng một số cán bộ xã, huyện tham nhũng, làm giàu bất chính, quan liêu, xa dân, thậm chí cửa quyền ức hiếp nhân dân; chính quyền bắt dân đóng góp tùy tiện, quá mức dân có thể chịu đựng; việc sử dụng các khoản đóng góp lại thiếu minh bạch, có những biểu hiện tiêu cực. Khi nhân dân khiếu kiện thì tổ chức đảng và chính quyền ở một số địa phương không quan tâm giải quyết nghiêm túc, thỏa đáng, kịp thời, khiến những nỗi uất ức của dân ngày càng dồn nén lại, gay gắt hơn.

Một số phần tử xấu đã nhân dịp này xen vào kích động phá hoại, hoặc trả thù cá nhân, hành động một cách vô chính phủ, trắng trợn vi phạm pháp luật.

Trong quá trình xảy ra sự việc, tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể ở nhiều địa phương đã bộc lộ rõ sự yếu kém,

không nghiêm túc tự phê bình, tiếp thu những ý kiến đóng góp đúng đắn của nhân dân để kịp thời tự chấn chỉnh, mặt khác lại bất lực trước những hành động phá hoại của bọn xấu, để mặc cho chúng chà đạp pháp luật, đánh vào chính quyền của chính mình. Một số người đã sai lầm, đại dốt sử dụng hoặc dung túng bọn xấu làm lực lượng xung kích khiếu kiện, mong dựa vào chúng để thực hiện những nguyện vọng chính đáng của nhân dân.

Trước tình hình trên, Thường vụ Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tỉnh ủy Thái Bình tập trung toàn bộ lực lượng nhằm lập lại kỷ cương, ổn định tình hình, ngăn chặn không để sự việc lan rộng ra các nơi khác, xem đây là nhiệm vụ đột xuất trọng tâm của toàn bộ hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh lúc này.

2. Từ sự kiện xảy ra ở Thái Bình, các tỉnh, thành ủy trong cả nước cần có biện pháp chấn chỉnh kịp thời tình trạng huy động các khoản đóng góp quá sức dân và xử lý nghiêm những cán bộ có biểu hiện tiêu cực trong sử dụng các khoản đóng góp đó; tập trung giải quyết dứt điểm các khiếu kiện của dân về các vấn đề này và các khiếu kiện về đất đai, nhà ở... không để xảy ra "điểm nóng" ở địa phương mình. Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể nhân dân ở từng địa phương cần tập trung làm tốt công tác vận động, thuyết phục nhân dân tự giác chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước. Trong khi truyền đạt, phổ biến Nghị quyết Trung ương 3 về vấn đề nhà nước, cấp ủy các cấp cần lưu ý tập trung phân tích rõ những chủ trương, giải pháp có liên quan đến việc đảm bảo quyền làm chủ của nhân dân và giữ gìn kỷ cương xã hội.

*
* *
*

Thường vụ Bộ Chính trị đã chỉ đạo Tỉnh ủy Thái Bình tiến hành kiểm điểm, tổng kết sâu sắc về sự việc này, xác định trách nhiệm của các tổ chức và cá nhân liên quan, phân tích rõ các mặt được và chưa được trong quá trình xử lý, rút ra những bài học kinh nghiệm. Sau đó sẽ thông báo, phổ biến đến các tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 90-TB/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1997
Về tình hình Thái Bình*

Tại phiên họp ngày 10-9 và 11-9-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã nghe tập thể Ban thường vụ Tỉnh ủy và cá nhân các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Tỉnh ủy Thái Bình kiểm điểm về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo giải quyết tình hình khiếu kiện của nhân dân trong thời gian qua.

Thường vụ Bộ Chính trị có một số ý kiến chỉ đạo như sau:

1. Thái Bình là một tỉnh có truyền thống cách mạng. Trong kháng chiến cũng như trong xây dựng chủ nghĩa xã hội và công cuộc đổi mới, Thái Bình có phong trào tốt, đạt được nhiều thành tựu và có đóng góp về nhiều mặt cho sự nghiệp cách mạng chung của cả nước.

Những năm gần đây, sản xuất tiếp tục có bước phát triển, bộ mặt nông thôn thay đổi, đời sống của nông dân được cải thiện. Đó là nhờ sự lãnh đạo của tổ chức đảng các cấp,

* Văn bản này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

trực tiếp là các đảng bộ cơ sở và sự đóng góp to lớn của nhân dân trong tỉnh.

Vừa qua, tuy có để xảy ra tình hình nghiêm trọng, nhưng phải khẳng định những đóng góp, những thành tựu là mặt mạnh cơ bản của đảng bộ và nhân dân địa phương, để từ đó có quyết tâm sửa chữa, vững bước đi lên; không bi quan, dao động.

2. Cần đánh giá đúng tính chất nghiêm trọng và hậu quả xấu về nhiều mặt của tình hình vừa xảy ra; thấy rõ việc để nhân dân bất bình, đến mức phải tổ chức đi khiếu kiện ở nơi vốn có truyền thống cách mạng là sai lầm lớn của đảng bộ và chính quyền địa phương, mà sai lầm chủ yếu là tình trạng tham nhũng, quan liêu, mất dân chủ của một số cán bộ, đảng viên có chức, có quyền. Tình hình đã phát triển thành vấn đề chính trị nghiêm trọng, vi phạm đến bản chất của Đảng và Nhà nước của dân, do dân, vì dân; làm tổn thương lớn đến truyền thống đoàn kết trong xã hội và nhân dân địa phương, đến tình làng nghĩa xóm, tình đồng chí trong Đảng; làm suy giảm uy lực của chính quyền, các cấp, nhất là ở cơ sở. Việc này không những gây ảnh hưởng xấu trong tỉnh mà còn tác động xấu đối với cả nước, là sơ hở để kẻ địch lợi dụng kích động nói xấu chế độ, thực hiện diễn biến hòa bình.

3. Sau khi xảy ra sự việc nghiêm trọng, Tỉnh ủy đã có nhiều cố gắng để sớm khắc phục và ổn định. Nhưng, những việc đã làm chưa mang lại hiệu quả mong muốn, chưa tạo được chuyển biến cơ bản để ổn định tình hình nông thôn và nông dân.

Có nhiều nguyên nhân dẫn đến tình hình như đã nêu trong báo cáo kiểm điểm của Tỉnh ủy; Thường vụ Bộ Chính trị nhấn mạnh thêm một số vấn đề sau đây:

- Cần thấy trách nhiệm trước hết thuộc về sự lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ban thường vụ Tỉnh ủy và các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh. Do tự mãn với thành tích đã dẫn đến chủ quan, thiếu nhạy bén chính trị, quan liêu, không đi sâu, đi sát, không thấy tình trạng tham nhũng, mất dân chủ nghiêm trọng ở nhiều cơ sở; không quan tâm chỉ đạo giải quyết kịp thời các khiếu kiện và phát hiện của dân; không kiểm tra, giải quyết ngay khi sự việc còn ở phạm vi hẹp; đến khi xảy ra nghiêm trọng thì bị động, lúng túng, chủ trương biện pháp không rõ, không thống nhất từ tỉnh xuống cơ sở.

Một số chủ trương đề ra đúng về quan điểm, nguyên tắc, nhưng còn thiếu cụ thể, không giải đáp được sự việc thực tế đòi hỏi, nên kết quả thực hiện rất hạn chế.

- Chưa thực sự quan tâm củng cố tổ chức đảng, chính quyền và đội ngũ cán bộ cơ sở. Khi xảy ra sự việc, cán bộ tốt ở cơ sở chưa được bảo vệ nên thiếu chỗ dựa, có nơi chính quyền cơ sở bị tê liệt, vô hiệu hóa.

- Tự phê bình của Thường vụ Tỉnh ủy chưa thật nghiêm túc, sâu sắc. Nội bộ Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh có nhiều vấn đề dư luận đặt ra nhưng chưa được làm rõ và giải quyết đến nơi, đến chốn. Các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của tỉnh chưa thật gắn bó với nhau, do đó chưa tạo được sức mạnh tổng hợp trong việc lãnh đạo giải quyết công việc chung, nhất là trong khi dư luận và tình hình có diễn biến phức tạp.

4. Về phương hướng giải quyết, Thường vụ Bộ Chính trị lưu ý một số công việc sau:

- Trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị trong phiên họp này và phiên họp ngày 2-7-1997 (Thông báo số 79-TB/TW ngày 5-7-1997), Ban thường vụ Tỉnh ủy cần

hoàn chỉnh báo cáo kiểm điểm và tổ chức việc tự phê bình, kiểm điểm trách nhiệm một cách nghiêm túc trong Ban thường vụ Tỉnh ủy và Tỉnh ủy; phân tích, đánh giá đúng thực chất tình hình hiện nay để có biện pháp giải quyết có hiệu quả, tạo được chuyển biến cơ bản.

- Tổ chức họp Hội đồng nhân dân để Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân báo cáo trước hội đồng, khẳng định những thành tựu đã làm được của đảng bộ và nhân dân trong tỉnh, đồng thời nêu rõ những thiếu sót, khuyết điểm xảy ra trong thời gian qua; từ đó nghiêm túc nhận khuyết điểm trước nhân dân, đề nghị đồng bào ủng hộ và góp sức với Đảng, chính quyền để khôi phục trật tự kỷ cương, phát huy truyền thống cách mạng, nhanh chóng ổn định tình hình mọi mặt, đưa phong trào của tỉnh tiếp tục đi lên.

- Tổ chức cuộc họp với các đồng chí lão thành cách mạng đã có thời gian công tác ở tỉnh, tự phê bình, thông báo rõ tình hình, chủ trương giải quyết để tranh thủ sự đồng tình và ủng hộ của các đồng chí lão thành.

- Tổ chức đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng, tiến hành phê bình và tự phê bình thẳng thắn trong các tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể từ tỉnh đến tất cả các xã, phường trong toàn tỉnh; tiến hành làm cấp tỉnh trước, sau đó đến huyện và đến cơ sở. Các tổ chức đảng, chính quyền, cán bộ chủ chốt ở cơ sở phải trực tiếp tự phê bình trước nhân dân; nói rõ với dân chủ trương sửa chữa những việc làm không đúng.

- Triển khai các biện pháp đồng bộ để bảo vệ và củng cố tổ chức đảng, chính quyền, đoàn thể, dân quân tự vệ ở cơ sở. Rà soát lại đội ngũ cốt cán, những cán bộ tốt phải kiên quyết bảo vệ, cán bộ có khuyết điểm, không được dân tin nhiệm thì

phải thay thế. Phân công các đồng chí trong ban chấp hành, ban thường vụ tỉnh, huyện ủy trực tiếp chỉ đạo các huyện và các xã yếu. Tập trung sức chỉ đạo trong một thời gian ngắn củng cố, xây dựng được tổ chức đảng, chính quyền và đoàn thể ở cơ sở có đủ uy tín và năng lực điều hành công việc; lập lại trật tự kỷ cương pháp luật.

- Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác thanh tra đối với những đơn vị, những vụ việc mà nhân dân có khiếu kiện. Xử lý nghiêm túc, có lý có tình đối với cán bộ có vi phạm; có chính sách đối với những người thành khẩn nhận khuyết điểm, tự nguyện bồi thường thiệt hại.

Sớm đưa ra xét xử nghiêm những trường hợp cán bộ tham nhũng và các phần tử quá khích, gây rối để nhân dân thấy thái độ rõ ràng, nghiêm minh của Nhà nước.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 94-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 1997
Về giải quyết tình hình ở tỉnh Thái Bình*

Tình hình xảy ra ở Thái Bình là rất phức tạp và nghiêm trọng, có ảnh hưởng trong cả nước, thế giới cũng quan tâm theo dõi, để giải quyết tình hình, phải sớm giải quyết về tổ chức, cán bộ. Bộ Chính trị quyết định cụ thể như sau:

1. Đình chỉ công tác trong tỉnh ủy đối với đồng chí Vũ Mạnh Rinh; đồng chí Vũ Mạnh Rinh thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Bình để tiến hành kiểm điểm làm rõ trách nhiệm.

- Đình chỉ công tác trong tỉnh ủy đối với đồng chí Vũ Xuân Trường; đồng chí Vũ Xuân Trường, Ủy viên Trung ương Đảng, thôi giữ chức Phó bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình để tiến hành kiểm điểm làm rõ trách nhiệm.

* Văn bản này được sắp xếp theo vấn đề để bạn đọc tiện theo dõi (B.T).

- Giao Ủy ban Kiểm tra Trung ương cùng các cơ quan liên quan xem xét trình Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương quyết định.

2. Chỉ định đồng chí Phạm Văn Thọ, Ủy viên Trung ương Đảng vào Ban chấp hành Đảng bộ và Ban thường vụ Tỉnh ủy Thái Bình, giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình. Đồng chí Phạm Văn Thọ thôi giữ chức Bí thư Tỉnh ủy Hải Dương.

3. Lập Tổ công tác do đồng chí Phạm Thế Duyệt, Ủy viên Bộ Chính trị làm tổ trưởng; đồng chí Nguyễn Công Tạn, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Thủ tướng Chính phủ làm tổ phó, thay mặt Bộ Chính trị và Chính phủ trực tiếp chỉ đạo để củng cố và sớm ổn định tình hình tỉnh Thái Bình.

Văn phòng Trung ương, Ban Tổ chức Trung ương, Ủy ban Kiểm tra Trung ương, Ban Nội chính Trung ương, Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và các ngành Thanh tra Nhà nước, Bộ Tài chính, Tổng cục Địa chính, Bộ Nội vụ có trách nhiệm cử cán bộ lãnh đạo tham gia Tổ công tác.

Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ chỉ đạo làm thủ tục bảo đảm phù hợp với luật pháp Nhà nước đối với các chức danh cán bộ nhà nước.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ
BỘ CHÍNH TRỊ

Số 85-TB/TW, ngày 6 tháng 8 năm 1997

**Về quản lý ngân sách Đảng; về tiền lương
và chi phí hoạt động của các tổ chức đảng,
đoàn thể tại doanh nghiệp nhà nước***

Tại phiên họp chiều ngày 5-8-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã xem xét kiến nghị của Ban Tài chính - Quản trị Trung ương tại Công văn số 485/TCQT, ngày 4-8-1997 về việc thực hiện nguyên tắc cơ bản quản lý ngân sách đảng và kiến nghị của Ban Tổ chức Trung ương tại Công văn số 12-TT-TC/TW, ngày 30-7-1997 về tiền lương và chi phí hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp nhà nước. Thường vụ Bộ Chính trị kết luận như sau:

1. Về phương thức cấp phát kinh phí cho ngân sách chi thường xuyên của Đảng, tiếp tục thực hiện như Thông báo số 25-TB/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII, cụ thể như sau:

Hàng năm, căn cứ vào tổng mức dự toán ngân sách chi thường xuyên của Đảng được thường vụ cấp ủy đảng các cấp

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

duyet, cơ quan tài chính nhà nước các cấp có trách nhiệm cấp phát kinh phí thường xuyên cho cơ quan đảng (bao gồm cả kinh phí dự phòng trong tổng mức ngân sách thường xuyên của từng cấp ngân sách đảng) *bằng hình thức lệnh chi tiền* theo dự toán quý, tháng và quyết định chi đột xuất của cấp ủy đảng như từ trước đến nay vẫn làm. Cơ quan tài chính đảng giúp cấp ủy đảng các cấp quản lý và điều hành ngân sách đảng. Ủy ban kiểm tra đảng các cấp có trách nhiệm kiểm tra tài chính của các cấp ủy đảng cấp dưới và cơ quan tài chính của cấp ủy đảng cùng cấp theo đúng Điều lệ Đảng quy định.

Ban Tài chính - Quản trị Trung ương và Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn các cấp thi hành theo đúng quy định trên.

2. Lương cho cán bộ chuyên trách công tác đảng, đoàn thể và các chi phí hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp nhà nước được hạch toán vào giá thành sản phẩm, dịch vụ và chi phí hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

Ban Cán sự Đảng Bộ Tài chính chỉ đạo sửa lại nội dung Thông tư số 76-TC/TCDN của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý doanh thu, chi phí vào giá thành sản phẩm tại các doanh nghiệp nhà nước theo tinh thần trên.

Ban Tổ chức Trung ương rà soát và hướng dẫn chặt chẽ chế độ cán bộ chuyên trách công tác đảng, đoàn thể tại các doanh nghiệp.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHÁ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 86-TB/TW, ngày 9 tháng 8 năm 1997

VỀ VIỆC THÀNH LẬP BAN CHỈ ĐẠO ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG CÁC CƠ QUAN ĐẢNG

Để đẩy nhanh việc ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin trong hệ thống các cơ quan đảng, sau khi xem xét đề nghị của Ban Khoa giáo Trung ương và Văn phòng Trung ương Đảng, Thường vụ Bộ Chính trị đã đồng ý thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng, gồm các đồng chí:

1. Đặng Hữu, Trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Trưởng ban.
2. Ngô Văn Dụ, Phó Văn phòng Trung ương, Phó trưởng ban.
3. Chu Văn Ry, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Ủy viên.
4. Phạm Quang Nghị, Phó trưởng Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ủy viên.
5. Phạm Tất Dong, Phó trưởng Ban Khoa giáo Trung ương, Ủy viên.

6. Đặng Hữu Hải, Phó trưởng Ban Tài chính - Quản trị Trung ương, Ủy viên.

7. Đặng Văn Thân, nguyên Tổng Cục trưởng Tổng cục Bưu điện, Ủy viên Thường trực.

Ban Chỉ đạo có trách nhiệm chỉ đạo các ban Trung ương Đảng và các tỉnh, thành ủy ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống cơ quan đảng phù hợp và đồng bộ với chương trình ứng dụng công nghệ thông tin chung của Nhà nước.

Giúp việc cho Ban Chỉ đạo có một tổ chuyên viên, gồm các chuyên viên về công nghệ thông tin tại Văn phòng Trung ương, Ban Khoa giáo Trung ương và một số cơ quan khác do Trưởng ban chỉ đạo chỉ định.

Xin thông báo các đồng chí biết.

T/L THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
CHÁNH VĂN PHÒNG

PHAN ĐIỂN

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ
Số 88-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1997

VỀ VIỆC TỔ CHỨC NGHIÊN CỨU
XÂY DỰNG THIẾT CHẾ DÂN CHỦ Ở CƠ SỞ

Thi hành Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII), để giúp Bộ Chính trị thể chế hóa chủ trương "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" thành cơ chế cụ thể sát hợp với tính chất, đặc điểm từng loại cơ sở, thiết thực phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong việc tham gia xây dựng Đảng và Nhà nước trong sạch, vững mạnh, khắc phục tệ quan liêu, tham nhũng, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước, tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, Thường vụ Bộ Chính trị quyết định tổ chức nghiên cứu xây dựng thiết chế dân chủ ở cơ sở và lập Tổ chỉ đạo việc nghiên cứu xây dựng thiết chế dân chủ ở cơ sở (dưới đây gọi tắt là Tổ chỉ đạo) gồm các đồng chí:

- Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị, Tổ trưởng.
- Đỗ Quang Trung, Trưởng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ.
- Phan Thế Hùng, Trưởng Ban Nội chính Trung ương.
- Đỗ Quang Tuấn, Phó trưởng Ban Dân vận Trung ương.

- Lê Quang Thuởng, Phó trưởng Ban Tổ chức Trung ương.

Tổ chỉ đạo có nhiệm vụ chỉ đạo, tổ chức phối hợp các ban, ngành có liên quan nghiên cứu, xây dựng các thiết chế dân chủ ở cơ sở, các văn bản pháp luật của Nhà nước và chỉ thị của Bộ Chính trị về vấn đề này để trình Bộ Chính trị và các cơ quan nhà nước phê duyệt. Nhiệm vụ của các ban, ngành tham gia việc này phân công như sau:

- Ban Cán sự Đảng Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ chủ trì cùng các ngành liên quan nghiên cứu thiết chế dân chủ ở xã, phường, cơ quan.

- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì cùng Đảng đoàn Tổng Liên đoàn Lao động và các ngành liên quan nghiên cứu thiết chế dân chủ ở các loại doanh nghiệp.

- Ban Khoa giáo Trung ương chủ trì cùng các Ban Cán sự Đảng Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Y tế, Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường nghiên cứu thiết chế dân chủ ở trường học, bệnh viện, viện nghiên cứu.

- Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì nghiên cứu thiết chế dân chủ ở các hội, các đơn vị văn hóa - nghệ thuật, các báo, đài, nhà xuất bản.

- Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, Ban Cán sự Đảng Bộ Ngoại giao chủ trì nghiên cứu xây dựng thiết chế dân chủ ở các đơn vị cơ sở thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại.

- Ban Tổ chức Trung ương chủ trì nghiên cứu về trách nhiệm lãnh đạo của các đảng bộ cơ sở trong việc thực hiện các thiết chế dân chủ và quy chế dân chủ trong công tác tổ chức, cán bộ ở các loại cơ sở.

- Ban Dân vận Trung ương chủ trì nghiên cứu về vai trò, trách nhiệm của Mặt trận và các đoàn thể nhân dân trong việc thực hiện các thiết chế dân chủ ở cơ sở.

- Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo Ủy ban Pháp luật của Quốc hội tham gia nghiên cứu cùng các ban, ngành liên quan chuẩn bị các văn bản pháp luật về thiết chế dân chủ ở cơ sở.

- Ban Nội chính Trung ương chuẩn bị dự thảo chỉ thị của Bộ Chính trị về vấn đề này.

Các ban, ngành trên đây có trách nhiệm xây dựng kế hoạch cụ thể tiến hành nghiên cứu thực tế, xây dựng đề án, tổ chức thảo luận lấy ý kiến các địa phương, các ngành có liên quan về thiết chế dân chủ ở loại cơ sở được phân công.

Những việc trên đây cần làm xong trong quý IV-1997.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 19-CT/TW, ngày 13 tháng 9 năm 1997

Về lãnh đạo Đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam

Những năm qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Công đoàn Việt Nam đã đổi mới nội dung, tổ chức và phương thức hoạt động, giáo dục, vận động, tập hợp công nhân, viên chức đầy mạnh sản xuất, tích cực công tác, thực hành tiết kiệm, bảo vệ lợi ích chính đáng của người lao động, tham gia quản lý nhà nước, quản lý xã hội, góp phần quan trọng vào những thành tựu to lớn của công cuộc đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tuy nhiên, hoạt động công đoàn còn hạn chế, yếu kém cần được khắc phục.

Để lãnh đạo Đại hội công đoàn các cấp đạt kết quả tốt, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp ủy đảng làm tốt một số việc sau đây:

1. Chỉ đạo Ban chấp hành công đoàn các cấp, trước hết là ở cơ sở chuẩn bị tốt nội dung đại hội. Đại hội phải tổng kết phong trào công nhân và hoạt động của các cấp công đoàn trong những năm đổi mới; làm rõ vị trí, vai trò của

giai cấp công nhân, giai cấp lãnh đạo, đại biểu cho quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và lợi ích của dân tộc; cụ thể hóa Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng vào phương hướng, nhiệm vụ công tác của công đoàn; dự báo sự phát triển của giai cấp công nhân trong quá trình chuyển sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của Nhà nước, mở rộng quan hệ quốc tế, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Trên cơ sở đó, đề ra nhiệm vụ xây dựng giai cấp công nhân lớn mạnh về mọi mặt, có trình độ học vấn và tay nghề cao, có năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, có tác phong công nghiệp và ý thức tổ chức kỷ luật; xây dựng cơ chế phát huy quyền dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp của công nhân, viên chức, lao động ở doanh nghiệp, cơ quan, đơn vị nhằm phát hiện và kịp thời đấu tranh với những hành vi quan liêu, lãng phí, tham nhũng, buôn lậu, vi phạm pháp luật.

Công đoàn phải bám sát hoạt động của các doanh nghiệp, đơn vị, nhất là những nơi đang gặp khó khăn, xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định; phối hợp với Nhà nước, cơ quan, doanh nghiệp tạo thêm việc làm, cải thiện điều kiện lao động, thực hiện an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp; tổ chức tốt việc đào tạo và đào tạo lại nghề nghiệp, nghiên cứu bổ sung, hoàn chỉnh chính sách tiền công lao động và các chính sách xã hội; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của công nhân, viên chức, lao động; quan tâm bồi dưỡng, đào tạo cán bộ xuất thân từ công nhân. Các tổ chức đảng cần đẩy mạnh việc phát triển đảng trong công nhân, viên chức và người lao động.

2. Tiến tới Đại hội công đoàn các cấp, đẩy mạnh các phong trào hành động cách mạng trong công nhân, viên chức, lao động, nhất là phong trào thi đua "lao động giỏi", lao động sáng tạo; phát triển đoàn viên, củng cố tổ chức công đoàn các cấp, tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của công đoàn trong cơ chế kinh tế thị trường trong các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài; khắc phục tình trạng thụ động và những biểu hiện trì trệ, phô trương, hình thức trong hoạt động công đoàn.

Tổ chức tốt việc lấy ý kiến rộng rãi, phát huy trí tuệ của cán bộ, đoàn viên công đoàn, công nhân, viên chức, lao động tham gia xây dựng nội dung các văn kiện đại hội và lựa chọn nhân sự ban chấp hành công đoàn các cấp.

3. Chỉ đạo chuẩn bị tốt nhân sự ban chấp hành công đoàn các cấp. Những người được lựa chọn tham gia ban chấp hành phải là những người có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, đạo đức tốt, không tham nhũng và tích cực chống tham nhũng, có năng lực và gương mẫu trong sản xuất công tác, có uy tín và có phương pháp vận động quần chúng, có nhiệt tình bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của công nhân, viên chức, lao động, có khả năng tham gia xây dựng và cụ thể hóa các nghị quyết của Đảng và công đoàn có liên quan. Cấu tạo ban chấp hành công đoàn các cấp cần tinh, gọn, chú trọng cán bộ, công nhân trực tiếp sản xuất, cán bộ nữ, dân tộc thiểu số đủ tiêu chuẩn. Tránh mọi biểu hiện gò ép, áp đặt hoặc buông lỏng, thả nổi. Ban Dân vận cùng Ban Tổ chức thuộc các cấp ủy đảng có trách nhiệm tham mưu giúp cấp ủy chỉ đạo công đoàn các cấp thực hiện đúng đắn các yêu cầu về lựa chọn, bố trí nhân sự.

4. Lãnh đạo chính quyền, chuyên môn các cấp từ Trung ương đến địa phương, các ngành và cơ sở tạo điều kiện thuận lợi và giúp đỡ các cấp công đoàn tổ chức tốt đại hội, cử đại diện báo cáo nhiệm vụ chính trị - kinh tế - xã hội của địa phương, đơn vị và trả lời những vấn đề mà đại biểu đại hội đặt ra.

5. Đồng ý để Công đoàn Việt Nam tiến hành Đại hội toàn quốc lần thứ VIII vào cuối năm 1998.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ BẤT THƯỜNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII***

Ngày 15 tháng 9 năm 1997

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Trung ương,*

Hôm nay, Ban Chấp hành Trung ương họp Hội nghị bất thường để bàn về nhân sự lãnh đạo Nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa X.

Vừa qua cuộc bầu cử Quốc hội khóa X đã thành công tốt đẹp. Cử tri cả nước đã đi bầu rất đông, đạt tỷ lệ rất cao và đã bầu ra đủ số đại biểu Quốc hội dự kiến với chất lượng và cơ cấu đại biểu có nhiều mặt tiến bộ so với khóa trước.

Ngày 20-9 sắp tới, Quốc hội khóa X sẽ họp kỳ họp đầu tiên để bầu các chức danh lãnh đạo của các cơ quan nhà nước. Lúc đầu, có dự kiến ở kỳ họp này Quốc hội cũng sẽ bàn

* Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 15 đến ngày 16-9-1997. Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

về sửa đổi các luật tổ chức bộ máy nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, các cơ quan tư pháp); nhưng sau khi xem xét thì thấy những vấn đề này liên quan đến việc sửa đổi Hiến pháp, cần có thời gian để Quốc hội nghiên cứu chuẩn bị tốt hơn, vì vậy kỳ họp Quốc hội sắp đến sẽ chỉ tập trung vào việc bầu các cơ quan lãnh đạo Nhà nước.

Đây là một việc rất hệ trọng, liên quan đến vận mệnh của đất nước, của chế độ, đến sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta trong những năm sắp tới và lâu dài. Việc bố trí nhân sự lãnh đạo Nhà nước lần này cần đạt yêu cầu trẻ hóa, bảo đảm sự kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ; giữ vững sự ổn định và đoàn kết của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân; đáp ứng những yêu cầu của công cuộc đổi mới, của sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, của cả hai nhiệm vụ chiến lược xây dựng và bảo vệ Tổ quốc... trong giai đoạn mới.

Với tinh thần trên đây, vừa qua Bộ Chính trị đã tiến hành chuẩn bị phương án nhân sự. Các đồng chí được phân công đã tiếp xúc trao đổi ý kiến với từng đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, với một số đồng chí Ủy viên Trung ương, đã tranh thủ ý kiến của các đồng chí Cố vấn và một số đồng chí lão thành cách mạng, Thường vụ Bộ Chính trị và Bộ Chính trị đã dành nhiều thời gian để cân nhắc các mặt, tiếp thu các ý kiến đóng góp hợp lý và đi đến hình thành phương án dự kiến bố trí nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước để trình Ban Chấp hành Trung ương.

Tại Hội nghị Trung ương này, Bộ Chính trị sẽ báo cáo với Trung ương dự kiến nhân sự giới thiệu ứng cử các chức danh

Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội để Trung ương xem xét quyết định.

Đồng thời, Bộ Chính trị cũng sẽ báo cáo với Trung ương về phương án dự kiến bố trí nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước khác để Trung ương tham gia góp ý.

Sau khi có ý kiến của Trung ương, Bộ Chính trị sẽ xem xét lại một lần nữa để đi đến quyết định về phương án cuối cùng, trên cơ sở đó Đảng đoàn Quốc hội và Ban Cán sự Đảng Chính phủ sẽ lãnh đạo việc ứng cử, đề cử và bầu cử các đồng chí lãnh đạo các cơ quan nhà nước nhiệm kỳ mới. Ban Chấp hành Trung ương chúng ta, các đồng chí đảng viên là đại biểu Quốc hội có trách nhiệm phải lãnh đạo việc bầu cử ở kỳ họp Quốc hội lần này thành công tốt đẹp, nhất là bảo đảm bầu 3 đồng chí lãnh đạo chủ chốt đạt kết quả tập trung phiếu cao.

Xin đề nghị các đồng chí phát huy cao tinh thần trách nhiệm, tích cực đóng góp ý kiến để Hội nghị Trung ương chúng ta hoàn thành tốt đẹp nhiệm vụ đã đề ra.

Sau đây, đồng chí Nguyễn Văn An sẽ thay mặt Bộ Chính trị trình bày các báo cáo.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

NGHỊ QUYẾT HỘI NGHỊ BẤT THƯỜNG BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG KHÓA VIII

Ngày 16 tháng 9 năm 1997

Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 15 đến ngày 16-9-1997 tại Hà Nội, sau khi xem xét đề nghị của Bộ Chính trị,

QUYẾT NGHỊ:

I- Các đồng chí sau đây ứng cử các chức vụ lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ Quốc hội khóa X:

1. Đồng chí Trần Đức Lương, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX, đại biểu Quốc hội khóa X, ứng cử Chủ tịch nước.

2. Đồng chí Phan Văn Khải, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Thường trực Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX, đại biểu Quốc hội khóa X, ứng cử Thủ tướng Chính phủ.

3. Đồng chí Nông Đức Mạnh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ

tịch Quốc hội nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX, đại biểu Quốc hội khóa X, ứng cử Chủ tịch Quốc hội.

II- Ban Chấp hành Trung ương giao trách nhiệm cho Bộ Chính trị chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, các đồng chí đảng viên trong Quốc hội và các đồng chí có tên trên đây thực hiện và lãnh đạo thực hiện thắng lợi Nghị quyết này, bảo đảm việc bầu các chức danh Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X thành công tốt đẹp, thể hiện sự đoàn kết, thống nhất cao trong toàn Đảng, toàn dân, toàn quân.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MƯỜI

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
BẾ MẠC HỘI NGHỊ BẤT THƯỜNG
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII***

Ngày 16 tháng 9 năm 1997

*Thưa các đồng chí Cố vấn,
Thưa các đồng chí Ủy viên Trung ương,*

Sau một ngày rười làm việc khẩn trương với tinh thần trách nhiệm cao, thực hiện nghiêm túc nguyên tắc tập trung dân chủ, Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương đã hoàn thành nhiệm vụ đề ra. Trung ương đã biểu quyết với sự thống nhất rất cao cử các đồng chí Trần Đức Lương, Phan Văn Khải, Nông Đức Mạnh ra ứng cử các chức danh lãnh đạo chủ chốt của Nhà nước nhiệm kỳ Quốc hội khóa X.

Chấp hành Nghị quyết của Hội nghị Trung ương, trong những ngày tới, Ban Chấp hành Trung ương mà trực tiếp là Bộ Chính trị có trách nhiệm chỉ đạo Đảng đoàn Quốc hội, các đồng chí đảng viên trong Quốc hội và các đồng chí đã được Trung ương đề cử thực hiện và lãnh đạo thực hiện thắng lợi

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

quyết định của Ban Chấp hành Trung ương, bảo đảm 3 đồng chí do Ban Chấp hành Trung ương quyết nghị ra ứng cử các chức danh Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ và Chủ tịch Quốc hội ở kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X sắp tới trùng cử với tỷ lệ phiếu cao.

Ở Hội nghị Trung ương lần này, các đồng chí Trung ương cũng đã góp nhiều ý kiến với Bộ Chính trị về dự kiến bố trí nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước do Bộ Chính trị chuẩn bị. Bộ Chính trị sẽ nghiên cứu ý kiến của các đồng chí, cân nhắc để tiếp thu những ý kiến hợp lý và đi đến quyết định cuối cùng về phương án bố trí nhân sự lãnh đạo các cơ quan nhà nước. Trên cơ sở đó Đảng đoàn Quốc hội và các đồng chí đảng viên trong Quốc hội có trách nhiệm lãnh đạo bầu cử ở kỳ họp Quốc hội sắp tới, thực hiện tốt phương án nhân sự mà Bộ Chính trị chỉ đạo.

Chúng ta tin tưởng rằng với sự đoàn kết nhất trí cao của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, việc bầu cử các cơ quan lãnh đạo Nhà nước ở kỳ họp thứ nhất của Quốc hội khóa X sắp tới sẽ thành công tốt đẹp, tạo điều kiện thuận lợi để đất nước ta tiếp tục đổi mới, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thắng lợi, vững bước tiến lên trong những năm cuối của thế kỷ XX và đầu thế kỷ XXI.

Mong các đồng chí Trung ương lãnh đạo các đoàn đại biểu Quốc hội thực hiện tốt Nghị quyết của Hội nghị Trung ương tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X.

Chúc các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Trung ương khỏe mạnh, thắng lợi.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 20-CT/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1997

Đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Vùng biển, hải đảo và ven biển nước ta là địa bàn chiến lược quan trọng về kinh tế, an ninh - quốc phòng và môi trường sống; có nhiều lợi thế phát triển và là cửa ngõ lớn của cả nước để đẩy mạnh giao lưu quốc tế, thu hút đầu tư nước ngoài.

Qua 10 năm đổi mới, với sự nỗ lực phấn đấu của các ngành, các cấp, lao động sáng tạo và anh dũng bảo vệ vùng biển Tổ quốc của nhân dân và lực lượng vũ trang, kinh tế biển nước ta có bước phát triển đáng kể, đang phát huy vai trò to lớn trong nền kinh tế quốc dân. Cơ cấu kinh tế biển dần hình thành với một số ngành mũi nhọn (thủy sản, dầu khí, vận tải và du lịch biển); đã tạo ra 27,8% GDP và khoảng 50% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; giải quyết việc làm cho gần 8,5 triệu lao động; cơ sở hạ tầng bước đầu hình thành; các thành phần kinh tế phát triển đa dạng, nhiều mô hình tốt về kinh tế - xã hội kết hợp an ninh - quốc phòng đã xuất hiện; bộ mặt xã hội nông thôn tiến bộ hơn trước.

Nhưng, trong phát triển kinh tế biển cũng đang bộc lộ một số mặt yếu kém do nhận thức về vị trí kinh tế biển chưa đầy đủ; thiếu chiến lược phát triển tổng thể và liên kết chặt chẽ giữa các vùng, các ngành kinh tế, an ninh - quốc phòng và văn hóa, xã hội; chưa tổ chức tốt việc thực hiện Nghị quyết 03-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa VII) về một số nhiệm vụ phát triển kinh tế biển.

Các ngành và các địa phương phát triển kinh tế biển chưa theo một quy hoạch tổng thể, chưa hình thành cơ cấu có hiệu quả kinh tế - xã hội cao, do đó chưa phát huy được toàn diện và đồng bộ các lợi thế, tiềm năng của biển. Kinh tế biển, đảo chủ yếu vẫn là các ngành nghề truyền thống, lệ thuộc tự nhiên. Vùng nông thôn ven biển và hải đảo phần lớn còn nghèo, đời sống khó khăn. Kết cấu hạ tầng phục vụ kinh tế biển thiếu đồng bộ, lạc hậu và xuống cấp nghiêm trọng, hạn chế sản xuất kinh doanh, chưa bảo đảm an toàn tính mạng cho ngư dân và bảo vệ môi trường biển. Chính sách kinh tế - xã hội và thực lực khoa học, công nghệ chưa trở thành động lực phát triển kinh tế biển. Chúng ta chưa thực sự làm chủ vùng biển, tình trạng vi phạm an ninh, chủ quyền, lợi ích quốc gia, trật tự an toàn trên biển đang gia tăng và diễn biến phức tạp.

Để thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII về phát triển kinh tế biển, Bộ Chính trị chỉ thị:

1. Nắm vững các quan điểm trong phát triển kinh tế biển

- Vùng biển, hải đảo và ven biển là địa bàn chiến lược có vị trí quyết định đối với sự phát triển của đất nước ta, là tiềm

năng và thế mạnh quan trọng cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Cần đặt kinh tế biển trong tổng thể kinh tế cả nước, trong quan hệ tương tác với các vùng và trong xu thế hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới.

- Phát triển kinh tế biển phải nhằm tăng cường sức mạnh quốc gia, bảo vệ độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc; phục vụ cho mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Huy động mọi nguồn lực trong và ngoài nước, mọi thành phần kinh tế, trong đó kinh tế nhà nước cùng với kinh tế hợp tác xã giữ vai trò nền tảng, tăng cường liên minh công - nông và trí thức để xây dựng đô thị và nông thôn vùng biển và ven biển, hải đảo cùng phát triển. Các vùng có điều kiện cần tập trung phát triển trước để tạo động lực phát triển các vùng khác.

- Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa kinh tế biển hướng mạnh vào xuất khẩu, dựa trên những tiến bộ về khoa học và công nghệ làm động lực; vừa thúc đẩy nghiên cứu, quản lý, khai thác tiềm năng biển có hiệu quả cao, vừa tái tạo tài nguyên biển, bảo vệ môi trường, đào tạo nguồn nhân lực.

- Lợi ích kinh tế biển không chỉ xuất phát từ một địa phương, một ngành, mà cần được liên kết một cách khoa học sự phát triển các ngành trên toàn vùng, trên từng địa bàn cụ thể, thành một chương trình phát triển tổng hợp thống nhất. Phát triển kinh tế biển phải chú trọng ngay từ đầu sự tiến bộ xã hội vùng biển.

- Xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo và ven biển phải gắn kết

với yêu cầu bảo vệ kinh tế, bảo vệ đất nước; tăng tiềm lực kinh tế đồng thời củng cố khả năng an ninh - quốc phòng, tạo ra thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân. An ninh - quốc phòng phải vừa không ngừng tăng cường năng lực bảo vệ biển, đảo, vừa tạo điều kiện thuận lợi và chủ động tham gia phát triển kinh tế biển.

2. Mục tiêu tổng quát đến năm 2010 là:

- Phát huy mọi tiềm lực và lợi thế của vùng biển, hải đảo và ven biển cùng với sức mạnh cả nước xây dựng Việt Nam trở thành nước mạnh về kinh tế biển, có cơ cấu kinh tế hướng về xuất khẩu với một số ngành kinh tế mũi nhọn, có công nghệ hiện đại, có giá trị xuất khẩu lớn, tạo tích lũy cao và ổn định, đóng góp lớn cho nền kinh tế quốc dân.

- Xây dựng kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo và ven biển trở thành vùng phát triển năng động, thúc đẩy các vùng trong cả nước phát triển; đồng thời trở thành cửa mở lớn thu hút đầu tư nước ngoài, tăng cường khả năng hợp tác và đấu tranh giữ vững an ninh, chủ quyền đất nước; thực sự là địa bàn chiến lược về kinh tế và an ninh - quốc phòng.

- Từng bước xây dựng đô thị hiện đại, nông thôn và hải đảo văn minh, có cơ sở hạ tầng và trình độ sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt.

3. Phương hướng phát triển một số ngành kinh tế biển

- Huy động nhiều nguồn lực tập trung phát triển các vùng trọng điểm, các ngành mũi nhọn: thủy sản, giao

thông, vận tải, dầu khí, du lịch, dịch vụ kinh tế biển. Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo thế liên hoàn cho phát triển kinh tế, dân sinh và an ninh - quốc phòng. Xây dựng nông thôn vùng biển trên cả ba mặt: dân sinh, dân trí, dân chủ; bảo đảm sự phát triển hài hòa giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất. Tăng cường tiềm lực khoa học và công nghệ. Tạo lập thế trận quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân vững chắc.

- Với sự hỗ trợ ban đầu của Nhà nước, ngành thủy sản phải vươn lên thực hiện cơ chế tự đầu tư, tự cân đối để phát triển. Tập trung vào chương trình đánh bắt khơi xa và hiện đại hóa nuôi trồng thủy hải sản theo hướng thâm canh. Khẩn trương đầu tư hiện đại hóa chế biến thủy hải sản đi liền với nâng cao năng lực quản lý và tiếp thị. Điều chỉnh, sắp xếp lại cơ cấu nghề cá, hoán đổi nghề cá gần bờ. Hạn chế việc đóng mới loại tàu thuyền nhỏ, khuyến khích đóng tàu thuyền lớn đi khơi. Đầu tư có trọng điểm cho nghề khơi nhằm hình thành các tổ hợp đánh cá khơi - xa, mạnh, hiện đại, nhất là ở vùng Trung Bộ và Nam Bộ. Tăng cường phương tiện thông tin liên lạc, cảnh báo, cứu hộ đối với nghề cá. Tiếp tục hoàn thiện và xây dựng mới kết cấu hạ tầng nghề cá ở ven bờ và các đảo lớn. Xây dựng các trọng điểm hậu cần - chế biến - dịch vụ - thương mại nghề cá ở Cát Bà, Đà Nẵng, Phan Thiết - Vũng Tàu, Cà Mau - Rạch Giá.

Xây dựng một số đơn vị quốc doanh đủ mạnh và phân công một số đơn vị lực lượng vũ trang làm nhiệm vụ đánh bắt và hậu cần dịch vụ, làm chỗ dựa cho ngư dân bám biển

dài ngày đánh bắt khơi xa. Phát triển mạnh và rộng khắp các hình thức kinh tế hợp tác trong đánh bắt và nuôi trồng. Tổ chức hợp tác xã hoặc tổ hợp tác đánh bắt hải sản xa bờ, nuôi trồng thủy, hải sản. Hướng dẫn, khuyến khích các chủ nậu, vừa phát huy các mặt tích cực, nhất là trong đầu tư xây dựng cơ sở chế biến, tổ chức tốt tiêu thụ sản phẩm cho ngư dân, thu hút và tạo thu nhập cao cho người lao động.

Có chính sách tín dụng ưu đãi và miễn giảm thuế cho ngư dân phát triển đội tàu đánh bắt và tiêu thụ sản phẩm hải sản xa bờ.

- Phát triển mạnh giao thông - vận tải biển. Đầu tư xây dựng đội tàu vận tải biển đủ mạnh. Tìm các phương thức thích hợp có hiệu quả như thuê mua để phát triển nhanh đội tàu quốc gia. Có chính sách ưu tiên để tăng thị phần cho đội tàu của nước ta đối với hàng hóa xuất, nhập khẩu.

Có chính sách huy động các nguồn vốn để đầu tư xây dựng một số cảng nước sâu ở các vùng trọng điểm kinh tế, đồng thời tổ chức lại và nâng cấp hệ thống cảng hiện có thông qua đổi mới trang thiết bị xếp dỡ, đặc biệt là thiết bị xếp dỡ container. Đổi mới và hiện đại hóa công nghệ điều hành quản lý cảng. Nâng cấp cầu đường ra vào cảng và tận dụng các cơ sở hiện có để tăng khả năng thông qua cảng.

Tổ chức lại và hiện đại hóa một bước ngành đóng mới và sửa chữa tàu biển theo hướng tập trung quy mô lớn, có phân công chuyên môn hóa. Kiểm kê, đánh giá lại lực lượng đóng, sửa tàu hiện nay và có quy hoạch phát triển từ nay đến năm 2010.

- Cần có chiến lược phát triển ngành dầu khí; tự đầu tư và liên doanh liên kết để vươn lên thành một tập đoàn kinh tế mạnh, đủ sức tự thăm dò và khai thác dầu khí trong nước và từng bước vươn ra tham gia khai thác dầu khí ở nước ngoài.

Tăng sản lượng dầu khai thác lên 20 triệu tấn năm 2000; coi trọng tìm kiếm thăm dò bằng nhiều phương thức, bảo đảm trữ lượng dự trữ khai thác sau năm 2000. Phát huy lợi thế thị trường dầu thô, đồng thời xúc tiến nhanh xây dựng công nghiệp lọc - hóa dầu. Có quy hoạch phát triển khí đảm bảo đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, nhất là đảm bảo cho phát triển điện. Phát huy các công trình khí hiện có; chuẩn bị và đàm phán các điều khoản về khí đối với các hợp đồng liên doanh chia sản phẩm đã có phát hiện về khí và các lô có tiềm năng về khí, tìm các giải pháp tăng cường thị trường tiêu thụ khí trong nước. Đẩy mạnh hoạt động, đổi mới công nghệ và thiết bị, tăng thị phần dịch vụ dầu khí.

- Phát triển du lịch biển theo hướng du lịch cảnh quan, văn hóa, thể thao kết hợp với nghỉ dưỡng, vui chơi. Chú trọng cải thiện môi trường du lịch, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch đi đôi với tôn tạo và bảo vệ môi trường cảnh quan, giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm của các nước. Đầu tư xây dựng một số khu du lịch trọng điểm tại Hạ Long - Bái Tử Long - Cát Bà - Đồ Sơn, Huế - Đà Nẵng - Nha Trang, Vũng Tàu - Long Hải - Côn Đảo, Hà Tiên - Phú Quốc. Tăng tỷ trọng GDP của ngành du lịch trong GDP của cả nước từ 18,6% (2000) lên 27% (2010).

4. Một số chính sách và giải pháp

a) Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa phương hóa và đa dạng hóa các quan hệ đối ngoại, vừa hợp tác vừa đấu tranh; kết hợp chặt chẽ và khéo léo các lực lượng kinh tế và an ninh - quốc phòng, tạo thành sức mạnh tổng hợp để phát triển kinh tế - xã hội vùng biển và ven biển, hải đảo.

b) Phát huy tiềm năng và thế mạnh của các thành phần kinh tế trong các ngành kinh tế biển.

Phát triển các doanh nghiệp nhà nước đủ sức giữ vai trò nòng cốt trong phát triển công nghiệp dầu khí, giao thông - vận tải biển, đóng và sửa tàu biển, du lịch và dịch vụ, chế biến thủy, hải sản, kinh tế đối ngoại vùng biển.

Khuyến khích rộng rãi hợp tác xã và các hình thức kinh tế hợp tác trong đánh bắt, nuôi trồng thủy sản, đóng và sửa tàu thuyền, chế biến thủy sản, dịch vụ sản xuất, đời sống. Tạo điều kiện để kinh tế hộ nông dân và ngư dân xây dựng các hình thức kinh tế hợp tác từ thấp đến cao trong sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, công nghiệp chế biến, dịch vụ...

Phát triển kinh tế tư bản nhà nước trong tìm kiếm thăm dò, khai thác dầu khí, công nghiệp lọc - hóa dầu, khí - điện - đạm, khí hóa lỏng, đóng và sửa tàu biển, luyện kim, du lịch và khách sạn, dịch vụ, chế biến thủy sản bằng công nghệ hiện đại.

Khuyến khích kinh tế tư nhân đầu tư đóng mới tàu thuyền, sản xuất và chế biến thủy hải sản, dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm.

c) Phát huy cao độ nguồn lực trong nước đồng thời có chính sách thu hút mạnh hơn vốn đầu tư nước ngoài vào phát triển kinh tế biển.

Trên cơ sở quy hoạch chung, các tỉnh ven biển phải thực sự mở cửa mạnh, xây dựng các thành phố thương mại, công nghiệp, du lịch và dịch vụ. Từ nay đến năm 2000, cần lựa chọn, xây dựng thí điểm một vài khu kinh tế mở để rút kinh nghiệm nhân rộng.

Huy động mạnh nguồn đầu tư trong nước bằng cách: thu hút vốn từ các thành phần kinh tế; sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên để tạo vốn; phát triển thị trường vốn, thị trường chứng khoán; liên kết giữa các địa phương, các ngành, các thành phần kinh tế bằng nhiều hình thức, đặc biệt là dạng công ty cổ phần. Khuyến khích người Việt Nam ở nước ngoài góp vốn, chuyển giao công nghệ, tham gia phát triển kinh tế biển.

Có chính sách và xây dựng một số đặc khu kinh tế, phát triển các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu mật dịch để thu hút mạnh hơn vốn nước ngoài cho các chương trình, dự án có hiệu quả. Thu hút một số tổ chức tài chính, ngân hàng nước ngoài kinh doanh dịch vụ tài chính, ngân hàng để tạo vốn cho phát triển kinh tế biển.

d) Đầu tư để phổ cập văn hóa cấp II bằng nhiều hình thức cho nhân dân vùng ven biển và hải đảo. Đào tạo đồng bộ đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật và công nhân lành nghề cho các ngành kinh tế biển. Có chính sách phù hợp với thuyền viên, thủy thủ, cán bộ khoa học kỹ thuật, cán bộ giáo dục, y tế, lực lượng vũ trang công tác tại vùng biển xa.

e) Đầu tư thích đáng cho khoa học - công nghệ; tăng cường năng lực điều tra khảo sát, nghiên cứu khí tượng - thủy văn và môi trường, thực trạng tài nguyên và dự báo xu thế biến động trong những thập kỷ tới. Từ nay đến năm 2000 cần tăng đầu tư cho nghiên cứu khoa học biển, tìm kiếm thăm dò dầu khí, khoáng sản biển, nguồn lợi hải sản và năng lượng biển, nghiên cứu và bảo vệ môi trường biển, tiếp tục hiện đại hóa khí tượng - thủy văn.

*

* *

Ban Cán sự Đảng Chính phủ phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương, chủ trì chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương trong việc xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội vùng biển, hải đảo và ven biển, chiến lược phát triển và các dự án lớn của các ngành kinh tế biển, chiến lược xây dựng kết cấu hạ tầng, phát triển khoa học - công nghệ biển, đào tạo nguồn nhân lực... và sửa đổi, bổ sung các chính sách theo những yêu cầu trên.

Các tỉnh ủy, thành ủy tổ chức xây dựng chương trình phát triển kinh tế biển trên địa bàn lãnh thổ; phối hợp với các bộ, ngành ở Trung ương tổ chức triển khai đúng tiến độ các dự án đã được Chính phủ phê duyệt.

Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương xây dựng chiến lược bảo đảm an ninh - quốc phòng cả nước và vùng biển. Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương và ban cán sự đảng các bộ, ngành (ngoại

giao, hải quan, thương mại, nông nghiệp và phát triển nông thôn, thủy sản, giao thông) cùng với các địa phương có biển nghiên cứu đề xuất phương án phối hợp các lực lượng quản lý, kiểm soát trên biển.

Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Ban Kinh tế Trung ương phối hợp với các ban của Đảng theo dõi và đôn đốc việc thực hiện chỉ thị này.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

Số 91-TB/TW, ngày 28 tháng 9 năm 1997

**Về việc chuẩn bị thành lập thị trường
chứng khoán ở Việt Nam**

Ngày 20-8-1997, tại Văn phòng Trung ương Đảng, sau khi nghe đồng chí Lê Văn Châu, Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước báo cáo về việc chuẩn bị thành lập thị trường chứng khoán ở Việt Nam, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến chỉ đạo như sau:

- Việc chuẩn bị thành lập thị trường chứng khoán phải được thực hiện tích cực, có bước đi vững chắc.
- Việc xây dựng các văn bản pháp luật về chứng khoán, xác định mô hình tổ chức, cơ chế hoạt động, bước đi và phương hướng phát triển của thị trường chứng khoán phải phù hợp với trình độ phát triển của nền kinh tế và bảo đảm phục vụ cho định hướng phát triển xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế.
- Thành lập Ban Cán sự Đảng tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước để thực hiện sự lãnh đạo của Đảng trong quá trình

chuẩn bị thành lập thị trường chứng khoán và quản lý thị trường chứng khoán khi đi vào hoạt động.

- Cùng với việc chuẩn bị thành lập thị trường chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, cần thúc đẩy sự phát triển của thị trường tài chính, củng cố hoạt động của các ngân hàng thương mại, tích cực thực hiện cổ phần hóa và đổi mới doanh nghiệp nhà nước tạo sự đồng bộ cho thị trường chứng khoán ra đời và hoạt động tốt.

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trên cơ sở ý kiến chỉ đạo của Thường vụ Bộ Chính trị, chuẩn bị kỹ nội dung báo cáo để trình Bộ Chính trị.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**QUYẾT ĐỊNH
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

Số 31-QĐ/TW, ngày 1 tháng 10 năm 1997

**Ban hành Quy định về thể loại, thẩm quyền
ban hành và thể thức văn bản của Đảng**

- Căn cứ Điều lệ Đảng và Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII),
- Xét đề nghị của Văn phòng Trung ương Đảng,

BỘ CHÍNH TRỊ QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1.

Ban hành Quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng (văn bản kèm theo).

Điều 2.

Giao cho Văn phòng Trung ương Đảng hướng dẫn, theo dõi việc thực hiện thống nhất Quy định này trong hệ thống cơ quan đảng.

Điều 3.

Các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng

đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương có trách nhiệm thực hiện Quyết định này.

Điều 4.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

QUY ĐỊNH
VỀ THỂ LOẠI, THẨM QUYỀN BAN HÀNH
VÀ THỂ THỨC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 31-QĐ/TW,
ngày 1 tháng 10 năm 1997 của Bộ Chính trị)*

I- NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Văn bản và hệ thống văn bản

Văn bản của Đảng là loại hình tài liệu được thể hiện bằng ngôn ngữ viết để ghi lại hoạt động của các tổ chức đảng, do các cấp ủy, tổ chức, cơ quan có thẩm quyền của Đảng ban hành theo quy định của Điều lệ Đảng và của Trung ương.

Hệ thống văn bản của Đảng gồm toàn bộ các loại văn bản của Đảng được sử dụng trong hoạt động của hệ thống tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở.

Điều 2. Ban hành văn bản

Các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng ban hành văn bản phải phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Các văn bản của Đảng phải được viết bằng tiếng Việt, phù hợp về thể loại và đúng về thể thức.

Điều 3. Sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ văn bản

Văn bản của Đảng chỉ được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc

bãi bỏ bằng văn bản của chính cơ quan đã ban hành, hoặc bằng văn bản của cơ quan đảng cấp trên có thẩm quyền.

II- THỂ LOẠI VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

Điều 4. Thể loại văn bản

Thể loại văn bản là tên gọi của từng loại văn bản, phù hợp với tính chất, nội dung và mục đích ban hành của văn bản.

Các thể loại văn bản của Đảng gồm:

1- Cương lĩnh chính trị

Cương lĩnh chính trị là văn bản trình bày những nội dung cơ bản về mục tiêu, đường lối, nhiệm vụ và phương pháp cách mạng trong một giai đoạn nhất định.

2- Điều lệ Đảng

Điều lệ Đảng là văn bản xác định tôn chỉ, mục đích, hệ tư tưởng, các nguyên tắc về tổ chức và hoạt động, cơ cấu tổ chức bộ máy của Đảng, quy định trách nhiệm, nghĩa vụ, quyền hạn của đảng viên và các tổ chức đảng.

3- Chiến lược

Chiến lược là văn bản trình bày quan điểm, phương châm, mục tiêu chủ yếu và các giải pháp có tính toàn cục về phát triển một hoặc một số lĩnh vực trong một giai đoạn nhất định.

4- Nghị quyết

Nghị quyết là văn bản ghi lại các quyết định được thông qua ở đại hội, hội nghị cơ quan lãnh đạo Đảng các cấp, hội nghị đảng viên về đường lối, chủ trương, chính sách, kế hoạch hoặc các vấn đề cụ thể.

5- Quyết định

Quyết định là văn bản dùng để ban hành hoặc bãi bỏ các quy chế, quy định, quyết định cụ thể về chủ trương, chính sách, tổ chức bộ máy, nhân sự thuộc phạm vi quyền hạn của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng.

6- Chỉ thị

Chỉ thị là văn bản dùng để chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng cấp dưới thực hiện các chủ trương, chính sách hoặc một số nhiệm vụ cụ thể.

7- Kết luận

Kết luận là văn bản ghi lại ý kiến chính thức của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng về những vấn đề nhất định hoặc về chủ trương, biện pháp xử lý công việc cụ thể.

8- Quy chế

Quy chế là văn bản xác định nguyên tắc, trách nhiệm, quyền hạn, chế độ và lề lối làm việc của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng.

9- Quy định

Quy định là văn bản xác định các nguyên tắc, tiêu chuẩn, thủ tục và chế độ cụ thể về một lĩnh vực công tác nhất định của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng hoặc trong hệ thống các cơ quan chuyên môn có cùng chức năng, nhiệm vụ.

10- Thông tri

Thông tri là văn bản chỉ đạo, giải thích, hướng dẫn các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng cấp dưới thực hiện nghị quyết, quyết định, chỉ thị... của cấp ủy, hoặc thực hiện một nhiệm vụ cụ thể.

11- Hướng dẫn

Hướng dẫn là văn bản giải thích, chỉ dẫn cụ thể việc tổ chức thực hiện văn bản của cấp ủy hoặc cơ quan đảng cấp trên.

12- Thông báo

Thông báo là văn bản dùng để thông tin về một vấn đề, một sự việc cụ thể để các cơ quan, cá nhân có liên quan biết hoặc thực hiện.

13- Thông cáo

Thông cáo là văn bản dùng để công bố về một sự kiện, sự việc quan trọng.

14- Tuyên bố

Tuyên bố là văn bản dùng để chính thức công bố lập trường, quan điểm, thái độ của Đảng về một sự kiện, sự việc quan trọng.

15- Lời kêu gọi

Lời kêu gọi là văn bản dùng để yêu cầu hoặc động viên mọi người thực hiện một nhiệm vụ hoặc hưởng ứng một chủ trương có ý nghĩa chính trị.

16- Báo cáo

Báo cáo là văn bản dùng để tường trình về tình hình hoạt động của một cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng hoặc về một đề án, một vấn đề, sự việc nhất định.

17- Kế hoạch

Kế hoạch là văn bản dùng để xác định mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu của nhiệm vụ cần hoàn thành trong khoảng thời gian nhất định và các biện pháp về tổ chức, nhân sự, cơ sở vật chất cần thiết để thực hiện nhiệm vụ đó.

18- Quy hoạch

Quy hoạch là văn bản xác định mục tiêu và các phương án, giải pháp lớn cho một vấn đề, một lĩnh vực cần thực hiện trong một thời gian tương đối dài, nhiều năm.

19- Chương trình

Chương trình là văn bản dùng để sắp xếp nội dung công tác, lịch làm việc cụ thể của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng hoặc của các đồng chí lãnh đạo trong một thời gian nhất định.

20- Đề án

Đề án là văn bản dùng để trình bày có hệ thống về một kế hoạch, giải pháp giải quyết một nhiệm vụ, một vấn đề nhất định để cấp có thẩm quyền phê duyệt.

21- Tờ trình

Tờ trình là văn bản dùng để thuyết trình tổng quát về một đề án, một vấn đề, một dự thảo văn bản để cấp trên xem xét, quyết định.

22- Công văn

Công văn là văn bản dùng để truyền đạt, trao đổi các công việc cụ thể trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng.

23- Biên bản

Biên bản là văn bản ghi chép diễn biến, ý kiến phát biểu và ý kiến kết luận của đại hội Đảng và các hội nghị của cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng.

Điều 5. Các loại giấy tờ hành chính

Các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng thường dùng các loại giấy tờ hành chính sau đây:

1- Giấy giới thiệu,

2- Giấy chứng nhận (hoặc giấy xác nhận, thẻ chứng nhận),

3- Giấy đi đường,

4- Giấy nghỉ phép,

5- Phiếu gửi.

...

III- THẨM QUYỀN BAN HÀNH VĂN BẢN**Điều 6. Các cơ quan lãnh đạo đảng cấp Trung ương**

1- Đại hội đại biểu toàn quốc của Đảng ban hành:

- Cương lĩnh chính trị,

- Điều lệ Đảng,

- Chiến lược,

- Nghị quyết,

- Quy chế,

- Thông báo,

- Thông cáo,

- Tuyên bố,

- Lời kêu gọi.

2- Ban Chấp hành Trung ương Đảng ban hành:

- Chiến lược,

- Nghị quyết,

- Quyết định,

- Kết luận,

- Quy chế,

- Quy định,

- Thông báo,

- Thông cáo,
- Tuyên bố,
- Lời kêu gọi,
- Báo cáo.

3- Bộ Chính trị ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Chỉ thị,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông báo,
- Báo cáo.

4- Thường vụ Bộ Chính trị ban hành:

- Kết luận,
- Thông tri,
- Hướng dẫn,
- Thông báo,
- Báo cáo.

Điều 7. Các cơ quan lãnh đạo đảng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh)

1- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp tỉnh, thành phố ban hành:

- Nghị quyết,
- Quy chế,
- Thông báo.

2- Ban chấp hành đảng bộ tỉnh, thành phố (gọi tắt là tỉnh ủy, thành ủy) ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông báo,
- Báo cáo.

3- Ban thường vụ tỉnh ủy, thành ủy ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Chỉ thị,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông tri,
- Hướng dẫn,
- Thông báo,
- Báo cáo.

Điều 8. Các cơ quan lãnh đạo đảng cấp huyện, quận, thị, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện)

1- Đại hội đại biểu đảng bộ cấp huyện ban hành:

- Nghị quyết,
- Quy chế,
- Thông báo.

2- Ban chấp hành đảng bộ huyện (gọi tắt là huyện ủy) ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,

- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông báo,
- Báo cáo.

3- Ban thường vụ huyện ủy ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Chỉ thị,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông tri,
- Hướng dẫn,
- Thông báo,
- Báo cáo.

Điều 9. Các cơ quan lãnh đạo đảng cấp cơ sở

1- Đại hội đảng bộ (đại hội đại biểu hoặc đại hội toàn thể đảng viên) ban hành:

- Nghị quyết.

2- Ban chấp hành đảng bộ cơ sở ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông báo,
- Báo cáo.

3- Ban thường vụ cấp ủy ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Kết luận,
- Quy định,
- Thông báo,
- Báo cáo.

Điều 10. Tổ chức đảng được lập ra theo quy định của Điều lệ Đảng hoặc theo quyết định của Bộ Chính trị

1- Đảng ủy Quân sự Trung ương, Đảng ủy Công an Trung ương, các đảng ủy khối các cơ quan Trung ương và các đảng bộ trực thuộc Trung ương được ban hành các loại văn bản tương ứng với các cơ quan lãnh đạo đảng cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

2- Các đảng ủy trực thuộc tỉnh, thành ủy được ban hành các loại văn bản tương ứng với các cơ quan lãnh đạo đảng cấp huyện.

3- Các đảng ủy trực thuộc huyện, quận, thị, thành phố trực thuộc tỉnh được ban hành các loại văn bản tương ứng với các cơ quan lãnh đạo đảng cấp cơ sở.

Điều 11. Các cơ quan tham mưu, giúp việc cấp ủy các cấp ban hành:

- Quyết định,
- Kết luận,
- Quy chế,

- Quy định,
- Hướng dẫn,
- Thông báo,
- Báo cáo.

Điều 12. Các đảng đoàn, ban cán sự đảng các cấp
ban hành:

- Nghị quyết,
- Quyết định,
- Chỉ thị,
- Kết luận,
- Quy chế,
- Quy định,
- Thông báo,
- Báo cáo.

Điều 13. Ngoài thẩm quyền ban hành các thể loại văn bản được quy định trên, **các cấp ủy, tổ chức, cơ quan đảng tùy tình hình được quyền ban hành các thể loại văn bản như:** kế hoạch, quy hoạch, chương trình, đề án, tờ trình, công văn, biên bản và các giấy tờ hành chính được nêu tại Điều 5 của bản quy định này.

IV- THỂ THỨC VĂN BẢN CỦA ĐẢNG

Điều 14. Thể thức văn bản của Đảng

Thể thức văn bản của Đảng bao gồm các thành phần cần thiết của văn bản được trình bày đúng quy định để bảo đảm giá trị pháp lý và giá trị thực tiễn của văn bản.

Điều 15. Các thành phần thể thức bắt buộc

Mỗi văn bản chính thức của Đảng bắt buộc phải có đủ các thành phần thể thức sau đây:

- 1- Tiêu đề "**Đảng Cộng sản Việt Nam**",
- 2- Tên cơ quan ban hành văn bản,
- 3- Số và ký hiệu văn bản,
- 4- Địa điểm và ngày tháng năm ban hành văn bản,
- 5- Tên loại văn bản và trích yếu nội dung văn bản,
- 6- Phần nội dung văn bản,
- 7- Chữ ký, thể thức đề ký và dấu cơ quan ban hành văn bản,
- 8- Nơi nhận văn bản.

Điều 16. Các thành phần thể thức bổ sung

Ngoài các thành phần thể thức bắt buộc được quy định tại Điều 15, đối với từng văn bản cụ thể, tùy theo nội dung và tính chất, có thể bổ sung các thành phần thể thức sau đây:

- 1- Dấu chỉ mức độ mật (*mật, tối mật, tuyệt mật*),
- 2- Dấu chỉ mức độ khẩn (*khẩn, thượng khẩn, hỏa tốc hẹn giờ*),
- 3- Các chỉ dẫn về phạm vi phổ biến, giao dịch, bản thảo và tài liệu hội nghị.

Các thành phần thể thức bổ sung do người ký văn bản quyết định.

Điều 17. Bản chính, bản sao và các thành phần thể thức bản sao

- 1- *Bản chính* là bản hoàn chỉnh, đúng thể thức, có chữ

ký trực tiếp của người có thẩm quyền và dấu của cơ quan ban hành.

2- Bản sao và các thành phần thể thức bản sao

Bản sao là bản sao lại nguyên văn hoặc trích sao một phần nội dung từ bản chính. Văn bản sao dưới mọi hình thức đều phải đảm bảo đủ các thành phần thể thức bản sao sau đây:

- Tên cơ quan sao văn bản,
- Số và ký hiệu bản sao,
- Địa điểm và ngày, tháng, năm sao văn bản,
- Chức vụ, chữ ký, họ tên người ký sao và dấu cơ quan sao,
- Nơi nhận bản sao.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 21-CT/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1997

VỀ MỘT SỐ CÔNG VIỆC CẤP BÁCH Ở NÔNG THÔN HIỆN NAY

Những năm qua, nông thôn nước ta có nhiều đổi mới quan trọng: sản xuất phát triển, đời sống nhân dân được cải thiện, bộ mặt nông thôn thay đổi theo hướng tiến bộ. Đó là nhờ đường lối đổi mới đúng đắn của Đảng, công sức đóng góp to lớn của nông dân, sự nỗ lực phấn đấu của đảng bộ, chính quyền, đoàn thể nhân dân ở các địa phương và cơ sở.

Tuy nhiên, trong công tác nông thôn, công tác vận động nông dân còn nhiều khuyết điểm dẫn tới những mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, giữa một bộ phận nhân dân với chính quyền và đảng bộ cơ sở ở một số nơi khá gay gắt.

Vì vậy, các địa phương trong cả nước cần nghiêm túc xem xét đánh giá tình hình nông thôn và những vấn đề đang đặt ra, trên cơ sở đó có các giải pháp củng cố đảng bộ và chính quyền cơ sở trong sạch, vững mạnh, kiên quyết chống quan liêu, tham nhũng, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của dân, tăng cường đoàn kết nội bộ, đoàn kết nông thôn, giữ vững ổn

định chính trị - xã hội, phát triển sản xuất và xây dựng nông thôn mới đi lên chủ nghĩa xã hội.

Một số công việc cấp bách là:

1. Những năm qua, việc thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm và chủ trương xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, y tế... đã đem lại những kết quả tích cực, động viên nhiệt tình và huy động những nguồn lực tiềm tàng to lớn của nhân dân để phát triển sản xuất, xây dựng kết cấu hạ tầng, mở mang giáo dục, y tế, làm cho bộ mặt nông thôn có những thay đổi mau chóng. Phương châm, chủ trương đó là đúng đắn cần được khẳng định và tiếp tục thực hiện nghiêm túc. Nhưng ở nhiều nơi, trong khi đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, đã huy động sức dân quá mức, tự đặt ra nhiều khoản thu và đóng góp, cách làm lại thiếu dân chủ, công khai, thậm chí để xảy ra tham nhũng, làm cho nhân dân bất bình.

Các địa phương cần chấn chỉnh việc huy động sức dân, rà soát các khoản thu và đóng góp do các cấp chính quyền và đoàn thể đặt ra, trên tinh thần khoan sức dân, tính toán cân đối hợp lý giữa tích lũy và tiêu dùng, giữa đầu tư phát triển và cải thiện đời sống, xóa bỏ những khoản thu trái pháp luật, xóa bỏ hoặc giảm nhẹ những khoản thu để chi vào những việc chưa thật cấp thiết.

Kể từ nay, cần phân biệt để xử lý các khoản thu có tính chất khác nhau:

Thuế và một vài khoản thu (như quỹ lao động nghĩa vụ...) do pháp luật quy định là nghĩa vụ của công dân phải đóng góp cho Nhà nước.

Các dịch vụ sản xuất: thủy nông, cung ứng vật tư, phòng trừ sâu bệnh... là cơ chế thỏa thuận dựa theo hợp đồng ký kết giữa hộ nông dân với hợp tác xã và tổ chức cung ứng dịch vụ.

Các khoản đóng góp về xây dựng kết cấu hạ tầng và công trình phúc lợi công cộng ở xã phải do nhân dân bàn bạc dân chủ và quyết định.

Các khoản đóng góp mang tính chất tương trợ, nhân đạo, từ thiện do chính quyền hoặc các đoàn thể ở xã đứng ra tuyên truyền vận động nhân dân theo sự tự nguyện và tùy theo hoàn cảnh kinh tế của từng hộ, không phân bổ đồng đều nhất loạt, không được áp đặt mệnh lệnh.

Các khoản phí, lệ phí và xử phạt hành chính phải theo đúng pháp luật quy định. Nghiêm cấm xã, thôn tự ý đặt ra các khoản lệ phí và phạt hành chính trái pháp luật.

2. Tăng cường quản lý nhà nước ở xã về kinh tế - xã hội, nhất là về tài chính - ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản.

Nhà nước cần hoàn chỉnh cơ chế cụ thể về quản lý tài chính - ngân sách, đất đai, xây dựng cơ bản ở xã, đồng thời đào tạo bồi dưỡng, hướng dẫn chính quyền xã thực hiện đúng, khắc phục tình trạng sơ hở, buông lỏng quản lý dẫn tới tham nhũng, thất thoát lãng phí. Chính quyền cấp trên cần lựa chọn, đào tạo, bố trí ổn định, lâu dài cán bộ chuyên trách ở xã về kế toán - tài chính và về địa chính.

Các khoản thu, chi về xây dựng cơ bản từ nguồn nhân dân đóng góp đều phải được phản ánh vào ngân sách xã, thực hiện chặt chẽ sự quản lý nhà nước.

Thanh tra đất đai, phát hiện và xử lý những trường hợp giấu diếm tích, khai man nhân khẩu để lấy đất lập quỹ đen cho xã, thôn; kiểm tra và nghiêm cấm xã, thôn cấp đất sai

thẩm quyền. Tự ý bán đất trái pháp luật để lấy vốn xây dựng cơ bản và chi ngân sách.

Các công trình xây dựng cơ bản phải tiến hành theo đúng trình tự và các thủ tục quy định của Nhà nước.

Cần xác định vị trí, chức năng của thôn, bản, ấp, quy định cụ thể nhiệm vụ, quyền hạn của trưởng thôn, bản, ấp. Không được biến thôn, bản, ấp thành một cấp chính quyền cơ sở, có quyền thu, chi ngoài ngân sách xã.

3. Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, dựa vào nhân dân đấu tranh chống quan liêu, tham nhũng.

Cùng với việc nâng cao chất lượng dân chủ đại diện thông qua hoạt động của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân xã, cần sử dụng các hình thức dân chủ trực tiếp ở cơ sở để nhân dân trong thôn, xã có điều kiện được thông tin, được bàn bạc, kiểm tra; kể cả được quyết định những công việc có liên quan thiết thân đến lợi ích và đời sống của cộng đồng thôn, xã.

Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân xã phải định kỳ báo cáo công việc trước dân, phải tự phê bình và yêu cầu nhân dân phê bình. Những vấn đề quan trọng về kinh tế, xã hội, đời sống trong xã, phải đưa ra nhân dân bàn bạc, góp ý kiến trước khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân họp quyết định. Kế hoạch xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội ở xã dựa vào nguồn huy động dân đóng góp đều phải do dân bàn, quyết định; nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã về những việc này không được trái với ý nguyện của đa số nhân dân. Thu chi ngân sách hàng năm, quyết toán các công trình xây dựng phải báo cáo công khai với dân và chịu sự kiểm tra, giám sát của dân.

Chính quyền xã phải thực hiện đúng quy chế tiếp dân, phải nghiêm túc xem xét, giải quyết các khiếu nại, tố cáo của dân, trả lời rõ ràng cho dân, nghiêm cấm mọi hành vi trù dập người khiếu nại, tố cáo. Kiện toàn Ban thanh tra nhân dân xã, bao gồm những người thật sự đại diện cho dân, hoạt động theo đúng quy định của *Pháp lệnh thanh tra*.

Các đoàn thể chính trị - xã hội ở xã cần nâng cao chất lượng hoạt động, đoàn kết giáo dục hội viên chấp hành đúng chính sách, pháp luật, nắm sát yêu cầu nguyện vọng của dân, phản ánh với cấp ủy đảng và chính quyền để giải quyết và giám sát việc làm đó của chính quyền.

Những vụ việc có dấu hiệu tham nhũng do quần chúng tố giác phải được kiểm tra, thanh tra kịp thời, và tùy tính chất, mức độ vi phạm phải được xử lý nghiêm minh về hành chính hoặc về hình sự.

Mở rộng dân chủ đi đôi với giữ gìn trật tự, kỷ cương, pháp luật, đấu tranh khắc phục mọi biểu hiện vô chính phủ. Dựa trên cơ sở phát huy quyền làm chủ của dân, tuyên truyền vận động và đoàn kết đại đa số nhân dân mà tranh thủ và phân hóa những người nhất thời có hành động sai trái, cực đoan, cô lập và xử lý những phần tử xấu cầm đầu gây rối, vi phạm pháp luật.

4. Kiện toàn tổ chức đảng và chính quyền xã trong sạch, vững mạnh là khâu mấu chốt có ý nghĩa quyết định.

Rà soát lại đội ngũ cán bộ chủ chốt xã, lựa chọn, bồi dưỡng, bố trí đúng những đồng chí liêm khiết, chí công vô tư, có tín nhiệm với nhân dân, có năng lực hoàn thành nhiệm vụ. Lựa chọn, bố trí cán bộ xã một cách dân chủ, chú trọng tìm hiểu ý kiến nhận xét của nhân dân. Loại ra khỏi

cương vị lãnh đạo những người tham nhũng, quan liêu mệnh lệnh, không được dân tín nhiệm. Những cán bộ tuy có khuyết điểm nhưng thành thật nhận lỗi với dân, trả lại tài sản đã tham nhũng, có quyết tâm sửa chữa tiến bộ, thì có thể được miễn hoặc giảm nhẹ kỷ luật và được sử dụng vào công tác thích hợp.

Tăng cường đoàn kết nội bộ giữa đảng viên người tại chỗ và người từ nơi khác về, giữa cán bộ đương chức và cán bộ nghỉ hưu, cán bộ trẻ và cán bộ già, chân thành giúp đỡ nhau hoàn thành nhiệm vụ.

Nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ, đảng bộ cơ sở đảm bảo tính lãnh đạo, giáo dục và tính chiến đấu. Mở rộng sinh hoạt dân chủ nội bộ, bảo đảm cho mọi đảng viên quyền phê bình, đấu tranh trên tinh thần xây dựng trong sinh hoạt chi bộ, đảng bộ cơ sở và quyền tố giác với cấp trên để kiểm tra, thanh tra về sai phạm của đảng viên khác. Đảng viên đấu tranh trong tổ chức; nghiêm cấm đảng viên xúi giục, kích động quần chúng hoặc phụ họa theo quần chúng đi khiếu kiện đông người, dẫn tới những hành động vô chính phủ, dễ bị phần tử xấu lợi dụng. Đảng viên phải có trách nhiệm đấu tranh với những phần tử xấu gây rối, không được thụ động, bàng quan.

Chính phủ cần có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ xã, quy định bộ máy với cơ cấu hợp lý, có chính sách chăm sóc những cán bộ chủ chốt xã có cống hiến nay già yếu đã nghỉ việc, đời sống khó khăn.

Các cấp ủy đảng và Ủy ban nhân dân huyện, tỉnh phải có phong cách chỉ đạo sâu sát cơ sở, sát quần chúng, nắm bắt và giải quyết kịp thời yêu cầu, nguyện vọng của dân. Những nơi

có đơn thư của dân khiếu nại, tố cáo cán bộ tham nhũng, quan liêu, những nơi nội bộ mất đoàn kết, cấp trên cần tiến hành kiểm tra, thanh tra, giải quyết khẩn trương, không để phát triển nghiêm trọng và lây lan sang nơi khác. Những đảng bộ cơ sở kém nát, những nơi xảy ra điểm nóng, cấp ủy đảng và chính quyền huyện, tỉnh phải phân công cán bộ có năng lực về giúp đỡ củng cố.

Chỉ thị này được phổ biến đến các đảng bộ cơ sở ở nông thôn.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 22-CT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1997

VỀ TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO, QUẢN LÝ CÔNG TÁC BÁO CHÍ, XUẤT BẢN

I- Từ khi có Chỉ thị 08-CT/TW, ngày 31-3-1992 của Ban Bí thư (khóa VII) về "Tăng cường sự lãnh đạo và quản lý nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác báo chí - xuất bản", hoạt động báo chí - xuất bản đã có chuyển biến tích cực và tiến bộ nhiều mặt.

Báo chí nói chung hoạt động đúng định hướng, thông tin kịp thời, phong phú và đa dạng hơn; thực hiện tốt hơn vai trò tiếng nói của Đảng, của Nhà nước và diễn đàn tin cậy của nhân dân, đóng góp tích cực vào thắng lợi của sự nghiệp đổi mới, hoàn thành những nhiệm vụ chính trị quan trọng về đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước, nâng cao dân trí, bảo vệ và phát huy bản sắc, truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa thế giới, góp phần tăng cường ổn định chính trị, tạo ra bầu không khí dân chủ, cởi mở trong xã hội, mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với bạn bè thế giới.

Đã góp phần nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, cổ vũ những điển hình tốt, tham gia tích cực vào cuộc đấu tranh tư tưởng, đấu tranh lý luận, chống âm mưu và thủ đoạn "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

Hoạt động xuất bản đã có bước tiến bộ mới, số đầu sách mỗi năm một tăng, xuất bản được một số tác phẩm kinh điển có giá trị của chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, các văn kiện của Đảng và của Nhà nước, một số công trình nghiên cứu và tổng kết thực tiễn, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về đời sống tinh thần của xã hội, góp phần tích cực vào việc nâng cao dân trí.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí - xuất bản phát triển nhanh về số lượng, nâng cao hơn về chất lượng. Quan hệ quốc tế và giao lưu về báo chí - xuất bản được mở rộng.

Đa số những người làm báo, hoạt động xuất bản có phẩm chất đạo đức tốt, trưởng thành về chính trị, chuyên môn nghiệp vụ.

Sự lãnh đạo, chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí - xuất bản của các tổ chức đảng, đoàn thể, các cơ quan nhà nước có tiến bộ; tích lũy thêm nhiều kinh nghiệm tốt.

Bên cạnh những ưu điểm đó đã bộc lộ những thiếu sót, khuyết điểm:

Một bộ phận báo chí, xuất bản bị khuynh hướng thương mại và cơ chế thị trường chi phối chạy theo thị hiếu tầm thường, đăng tải những chuyện giật gân, tình dục, bạo lực, mê tín dị đoan hoặc những chuyện vụn vặt. Một số sách, báo, tạp chí, nhất là các số phụ, số chuyên đề xa rời tôn chỉ, mục đích và đối tượng phục vụ, nhất là đối với công nhân,

nông dân; tính chiến đấu và định hướng tư tưởng chưa rõ nét. Coi nhẹ việc biểu dương, cổ vũ người tốt, việc tốt, những nhân tố mới trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Có trường hợp phủ nhận truyền thống và thành tựu cách mạng, xa rời định hướng xã hội chủ nghĩa, làm lộ bí mật quốc gia, coi nhẹ công tác đấu tranh tư tưởng, đấu tranh lý luận hoặc chịu ảnh hưởng luận điệu chiến tranh tâm lý của các thế lực thù địch, khai thác tin tức, tư liệu, bài vở báo chí nước ngoài thiếu chọn lọc. Có những vụ việc thông tin thiếu chính xác, thiếu khách quan, gây nhiễu thông tin, vi phạm đạo đức nghề nghiệp, đưa tin sai không cải chính hoặc cải chính chiếu lệ làm ảnh hưởng tới uy tín đội ngũ làm báo. Có tình trạng để cho tư nhân chi phối một số hoạt động báo chí - xuất bản. Một số người làm báo, xuất bản bị ảnh hưởng bởi quan niệm không đúng về "tự do" báo chí - xuất bản, về vị trí, chức năng của người viết báo, ra sách, có những biểu hiện tiêu cực.

Nhiều cấp ủy, chính quyền và cơ quan chủ quản chưa xác định rõ trách nhiệm quản lý và chỉ đạo báo chí của cấp mình. Chỉ đạo, quản lý báo chí - xuất bản còn lỏng lẻo, phối hợp chưa chặt chẽ.

Kiểm tra và xử lý những hành động tiêu cực, những vi phạm pháp luật trong hoạt động báo chí - xuất bản còn chậm. Tinh thần tự phê bình, sửa chữa khuyết điểm chưa thật nghiêm túc.

II- Để góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII của Đảng, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp, các ngành, các cơ quan báo chí - xuất bản thực hiện một số nhiệm vụ quan trọng sau đây:

1. Nắm vững các quan điểm và định hướng lớn trong hoạt động báo chí - xuất bản.

Báo chí - xuất bản đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước và hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, là tiếng nói của Đảng, của Nhà nước, của các tổ chức chính trị, xã hội và là diễn đàn của nhân dân luôn luôn đi đầu trong việc bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước. Chủ đề trung tâm của hoạt động báo chí - xuất bản là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Phải bảo đảm tính tư tưởng, tính chân thật, tính nhân dân, tính chiến đấu và tính đa dạng, có trách nhiệm hình thành dư luận xã hội lành mạnh góp phần tăng cường sự đoàn kết, nhất trí về tư tưởng, chính trị và tinh thần trong nhân dân. Kiên quyết đấu tranh phê phán các quan điểm sai trái, thù địch, khắc phục các biểu hiện thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích và các biểu hiện tiêu cực, lệch lạc khác. Tích cực biểu dương nhân tố mới, tham gia đấu tranh chống tham nhũng, lãng phí, quan liêu, mê tín dị đoan và các tệ nạn xã hội, góp phần làm lành mạnh xã hội, giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, bản sắc và tinh hoa văn hóa dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

Người hoạt động báo chí - xuất bản phải theo định hướng của Đảng và pháp luật của Nhà nước, có bản lĩnh chính trị vững vàng, tính chiến đấu cao, phẩm chất đạo đức trong sáng, kiến thức sâu rộng, trình độ nghiệp vụ và ngoại ngữ ngày một nâng cao, luôn luôn gắn bó với thực tiễn đất nước.

Tiếp tục phát triển sự nghiệp báo chí - xuất bản đi đôi với quản lý tốt. Không ngừng nâng cao chất lượng chính

trị, văn hóa, khoa học, công nghệ, nghề nghiệp, từng bước hiện đại hóa.

Làm tốt công tác thông tin đối ngoại, giúp cho cộng đồng quốc tế, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài có thông tin kịp thời, đúng đắn về tình hình đất nước, tranh thủ sự đồng tình của nhân dân thế giới đối với sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta.

2. Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin dựa trên dự kiến quy hoạch tổng thể báo chí, xuất bản đến năm 2000 và những năm tiếp theo để kiểm tra, xem xét cụ thể và chấn chỉnh kịp thời theo hướng nâng cao chất lượng và hiệu quả, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của nhân dân trong thời kỳ mới, không để xảy ra tình trạng tự phát.

Trước mắt cần phối hợp chặt chẽ rà soát, chấm dứt tình trạng in ấn sách, báo, số phụ, số chuyên đề, sách dịch từ tiếng nước ngoài, sản xuất băng, đĩa có nội dung xấu. Hạn chế cấp giấy phép cho ra phụ trương, phụ bản. Chỉ cho ra thêm những cơ quan báo chí - xuất bản thực sự có nhu cầu, phù hợp với quy hoạch chung và có đủ điều kiện. Việc cho ra báo, tạp chí chính trị xã hội phát hành trong phạm vi cả nước và đối ngoại phải báo cáo Thường vụ Bộ Chính trị. Thu hồi giấy phép đối với các ấn phẩm thực hiện không đúng luật pháp, sai tôn chỉ mục đích, không đúng với đối tượng.

Chấn chỉnh ngay tình trạng khoán trắng, báo chí - xuất bản tư nhân trá hình.

Cấp giấy phép cho ra báo, tạp chí, nhà xuất bản, ra số phụ, tăng trang, tăng kỳ, thêm chương trình quan trọng, kênh phát thanh, truyền hình mới... và thu hồi giấy phép

đều phải theo luật pháp, có sự thống nhất giữa Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương và Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp nghiên cứu bổ sung và ban hành các quy định, quy chế về việc xét duyệt, cấp phép hoạt động mới của báo chí - xuất bản (cả in ấn, phát hành, xuất nhập khẩu sách, báo), khai thác thông tin trên mạng internet quốc tế và đưa sách, báo vào mạng này.

Nghiên cứu để đổi mới cơ chế quản lý hệ thống các đài phát thanh, truyền hình từ Trung ương đến địa phương, chỉ đạo và quản lý tốt nội dung, phát huy hiệu quả, khắc phục tình trạng chông chéo, lãng phí cơ sở vật chất kỹ thuật. Xây dựng quy hoạch phát triển phát thanh, truyền hình phù hợp với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học, kỹ thuật và điều kiện, khả năng quản lý hiện nay.

Tổ chức lại hệ thống phát hành báo chí, đảm bảo sách, báo đến với người đọc, người xem nhất là đối với vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo. Tổ chức lại và tăng cường chỉ đạo, quản lý công tác xuất nhập khẩu sách, báo và các ấn phẩm văn hóa.

Các nhà xuất bản có trách nhiệm báo cáo kế hoạch xuất bản hàng năm, nộp sách lưu chiếu cho Bộ Văn hóa - Thông tin và Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương.

3. Khẩn trương quy hoạch và sắp xếp lại hệ thống trường lớp, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng phóng viên, biên tập viên, chú trọng đội ngũ cốt cán, các tổng biên tập, phó tổng biên tập, giám đốc, phó giám đốc. Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí chủ yếu là trong nước dưới sự chỉ đạo thống nhất của Đảng và sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước. Không

mở các khoa, lớp báo chí, xuất bản ở các trường đại học dân lập, tư thục.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương chủ trì cùng Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Văn hóa - Thông tin, Hội Nhà báo Việt Nam và các cơ quan liên quan xây dựng đề án cụ thể về tổ chức, sắp xếp, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ báo chí - xuất bản từ nay đến năm 2000 để Bộ Chính trị và Thủ tướng Chính phủ quyết định; xây dựng bộ giáo trình chuẩn để đào tạo cán bộ báo chí, xuất bản.

4. Bộ Văn hóa - Thông tin chủ trì phối hợp với Hội Nhà báo Việt Nam, các ban, bộ, ngành có liên quan nghiên cứu, đề nghị sửa đổi, bổ sung và ban hành các chế độ, chính sách tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động báo chí, xuất bản trong điều kiện mới. Chính phủ xem xét để cấp vốn hoạt động cho một số báo, tạp chí, nhà xuất bản, chủ yếu là báo, tạp chí, sách lý luận chính trị, xã hội, phổ biến kiến thức, khoa học kỹ thuật có nhiều khó khăn trong việc tăng số lượng phát hành; xem xét việc tính thuế doanh thu và thuế lợi tức hợp lý trong hoạt động báo chí - xuất bản hoặc có hình thức để tái đầu tư cho các hoạt động này. Ngân sách hằng năm dành để tài trợ cho báo chí, xuất bản phải có cơ chế quản lý chặt chẽ, phân bổ đúng địa chỉ, phù hợp với yêu cầu định hướng công tác tư tưởng, văn hóa của Đảng.

5. Các cấp ủy, chính quyền, cơ quan chủ quản phải chịu trách nhiệm về mọi mặt quản lý và chỉ đạo chặt chẽ báo chí, xuất bản của cấp mình, ngành mình, đơn vị mình. Cơ chế cụ thể do Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Ban Tổ chức

Trung ương, Ban Tổ chức - Cán bộ Chính phủ và Bộ Văn hóa - Thông tin phối hợp quy định và ban hành.

Lập ban cán sự đảng, ban biên tập ở các cơ quan báo chí, nhà xuất bản quan trọng; ở các nơi không lập ban cán sự đảng, ban biên tập thì giao trách nhiệm lãnh đạo cho cấp ủy hoặc chi bộ của cơ quan.

Kiện toàn các cơ quan chỉ đạo, quản lý báo chí - xuất bản của cấp ủy đảng và chính quyền. Sắp xếp lại tổ chức, xác định phạm vi trách nhiệm, quyền hạn, quan hệ và sự phối hợp công tác.

Tăng cường cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực cho các cơ quan quản lý, chỉ đạo báo chí trước hết là ở Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin, Ban Tuyên giáo, Sở Văn hóa - Thông tin của các tỉnh, thành trực thuộc Trung ương.

Bổ nhiệm, đề bạt, thay đổi tổng biên tập, phó tổng biên tập các báo, tạp chí, giám đốc, phó giám đốc nhà xuất bản phải làm đúng quy trình và có sự thống nhất ý kiến bằng văn bản giữa cơ quan tham mưu về tư tưởng - văn hóa của Đảng với cơ quan quản lý nhà nước về văn hóa - thông tin.

Thường xuyên phổ biến chủ trương, chỉ đạo định hướng, cung cấp thông tin, thường kỳ kiểm điểm rút kinh nghiệm, biểu dương ưu điểm, xử lý kịp thời các vi phạm luật pháp và định hướng tuyên truyền.

Bộ Văn hóa - Thông tin cùng với Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Hội Nhà báo Việt Nam nghiên cứu, kiến nghị với Quốc hội và Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điểm cần thiết trong *Luật báo chí*, *Luật xuất bản* và các nghị định hướng dẫn thi hành các luật này. Ban hành các văn bản về

chủ trương và quy định thực hiện việc giao lưu và hợp tác với nước ngoài trên lĩnh vực báo chí - xuất bản.

Các cấp ủy đảng, các đồng chí phụ trách cơ quan nhà nước, các đoàn thể nhân dân, các cơ quan báo chí - xuất bản tổ chức quán triệt Chỉ thị này, tiến hành kiểm điểm sự chỉ đạo, quản lý hoạt động báo chí - xuất bản thuộc phạm vi trách nhiệm, đề ra các biện pháp cụ thể để phát huy ưu điểm, khắc phục khuyết điểm, chấn chỉnh và kiện toàn tổ chức, cán bộ, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động báo chí, xuất bản.

Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương, Bộ Văn hóa - Thông tin hướng dẫn đôn đốc việc chấp hành Chỉ thị, tổng kết và báo cáo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN KẾT LUẬN CỦA THƯỜNG VỤ
BỘ CHÍNH TRỊ

Số 93-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 1997

Về vụ án tổ chức buôn lậu ở tỉnh Long An

Ngày 14-10-1997, Thường vụ Bộ Chính trị đã họp nghe các đồng chí Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, Bộ Nội vụ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao và một số ban, ngành liên quan báo cáo về vụ án tổ chức buôn lậu ở biên giới tỉnh Long An.

Sau khi nghe báo cáo, Thường vụ Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Vụ án tổ chức buôn lậu ở biên giới tỉnh Long An xảy ra từ tháng 7-1995 đến tháng 1-1996 là một vụ án nghiêm trọng và phức tạp vì chính những cán bộ, đảng viên trong bộ máy quản lý nhà nước lại chủ trương cho buôn lậu ở biên giới; gây ra dư luận nghi ngờ trong cán bộ và nhân dân, trong nội bộ một số cơ quan đối với cấp ủy và chính quyền ở địa phương; làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh và một số ngành trong tỉnh.

Trong tình hình tham nhũng, buôn lậu và gian lận trong thương mại đang diễn ra hết sức nghiêm trọng, phổ biến và phức tạp hiện nay, để giữ nghiêm kỷ luật của Đảng, kỷ cương của Nhà nước và tính nghiêm minh của pháp luật, Thường vụ Bộ Chính trị yêu cầu:

1. Ban Thường vụ Tỉnh ủy và Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh Long An, trước hết là đồng chí Bí thư và Chủ tịch tỉnh phải nghiêm khắc kiểm điểm về trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý của mình đối với việc để xảy ra vụ tổ chức buôn lậu này.

Các huyện ủy và Ủy ban nhân dân các huyện có vụ, việc xảy ra cũng phải kiểm điểm về trách nhiệm của tập thể và của những người có liên quan trực tiếp đến vụ buôn lậu này.

Trên cơ sở kiểm điểm, rút ra những bài học kinh nghiệm về công tác lãnh đạo, quản lý nhà nước theo chức năng và công tác quản lý cán bộ ở địa phương; củng cố và nâng cao hơn nữa hiệu lực quản lý của bộ máy nhà nước.

Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh và các huyện ủy, Ủy ban nhân dân những nơi có liên quan vụ buôn lậu này, sau khi kiểm điểm phải báo cáo với ban chấp hành đảng bộ (nếu là tổ chức đảng) và báo cáo với Hội đồng nhân dân cùng cấp (nếu là cấp chính quyền).

2. Tất cả mọi đối tượng có hành vi vi phạm pháp luật trong vụ này, bao gồm những người chủ trương, những người trực tiếp tổ chức thực hiện và số người đi buôn lậu, tùy theo mức độ nặng nhẹ của hành vi vi phạm mà có hình phạt thích hợp, nhưng đều phải được đưa ra xét xử công khai trước pháp luật. Việc xét xử phải đảm bảo hết sức

nghiêm minh và phải có các hình phạt về kinh tế để thu hồi được tài sản cho Nhà nước.

Đối với Trưởng công an huyện Tân Thạnh và Trưởng công an huyện Thạnh Hóa, mặc dù đã có ý kiến không đồng ý với chủ trương tổ chức buôn lậu, nhưng lại không ngăn chặn và cũng không báo cáo lên cấp trên để ngăn chặn thì cũng phải kiểm điểm và xem xét về hành vi, mức độ trách nhiệm của mỗi người.

3. Các cơ quan chức năng của Trung ương như Bộ Nội vụ, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao phải trực tiếp chỉ đạo, giúp đỡ các cơ quan công an, tòa án, kiểm sát của tỉnh Long An điều tra, thu thập đầy đủ chứng cứ để việc xét xử vụ án đạt kết quả tốt, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Phải thông qua vụ này, làm tốt hơn nữa công tác tuyên truyền giáo dục để nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức tôn trọng và chấp hành pháp luật trong cán bộ, đảng viên và trong quần chúng nhân dân. Đồng thời, cũng để cán bộ, đảng viên và nhân dân thấy rõ tính nghiêm minh của pháp luật đối với vụ án tổ chức buôn lậu này.

T/M THƯỜNG VỤ BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 97-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1997
Về khắc phục hậu quả cơn bão số 5

Bão số 5 ngày 2-11-1997 đã gây thiệt hại nặng nề chưa từng có cho các tỉnh ven biển Nam Bộ và một số tỉnh ven biển Trung Bộ.

Ngay sau khi cơn bão xảy ra, Đảng và Chính phủ đã cử một số đoàn đến tận nơi kiểm tra chỉ đạo công tác khắc phục hậu quả và thăm hỏi đồng bào bị thiệt hại. Chính quyền các tỉnh bị thiệt hại và các Bộ Quốc phòng, Giao thông vận tải, Thủy sản, Ủy ban Quốc gia Tìm kiếm - cứu nạn trên không và trên biển đã huy động cao lực lượng và phương tiện cứu nạn và cứu trợ có kết quả.

Hậu quả của bão số 5 không chỉ đối với các tỉnh trực tiếp bị hại mà còn ảnh hưởng đến nền kinh tế nói chung, phải mất nhiều năm mới có thể khắc phục được. Bộ Chính trị yêu cầu các ban cán sự, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương và các tỉnh ủy, thành ủy trong cả nước chỉ đạo tiến hành ngay mấy việc trước mắt sau đây:

1. Tiếp tục tìm kiếm, cứu trợ người và tài sản của nhân dân, giúp đỡ nhân dân các vùng bị thiệt hại về lương thực, thực phẩm, thuốc men... không để xảy ra dịch bệnh; thống kê đánh giá đầy đủ những thiệt hại về người, tài sản, phương tiện sản xuất... của nhân dân và của Nhà nước.

2. Cả nước tưởng niệm và chia sẻ đau thương, mất mát đối với những gia đình đồng bào ta bị thiệt hại.

3. Vận động các tầng lớp nhân dân trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, phát huy truyền thống nhường cơm sẻ áo, ủng hộ vật chất và tinh thần đồng bào ta bị nạn trong cơn bão vừa qua.

Để đảm bảo sự đóng góp của nhân dân được đưa đến đúng chỗ, đúng đối tượng, không bị thất thoát, cần hình thành tổ chức cứu trợ do Mặt trận Tổ quốc chủ trì; tiền quyền góp được chuyển cho Bộ Tài chính quản lý và phân phối công khai trên cơ sở quyết định của Ban Chỉ đạo phòng chống lụt bão Trung ương. Tổ chức tốt việc vận động các nước và các tổ chức quốc tế ủng hộ nhân dân Việt Nam khắc phục hậu quả bão số 5.

4. Triển khai ngay những biện pháp cần thiết để hỗ trợ nhân dân bị thiệt hại nhanh chóng phục hồi sản xuất, ổn định đời sống, trong đó có việc cung ứng kịp thời gỗ đóng tàu thuyền đánh cá.

5. Đợt 1 cuộc vận động giúp đỡ các vùng và các gia đình bị thiệt hại do cơn bão số 5 sẽ tiến hành từ nay cho đến Tết Nguyên đán. Song song với việc quyền góp cần ráo riết vận động tiết kiệm toàn diện trong các tháng cuối năm và các năm sau, thiết thực bù đắp bằng được tổn thất của thiên tai.

6. Các cấp ủy địa phương và cơ quan trung ương phối hợp chặt chẽ, đi sát cơ sở, kịp thời chỉ đạo công tác tư tưởng và công tác tổ chức, phát động quần chúng, nâng cao khí thế đập bằng khó khăn. Kết hợp củng cố cơ sở, củng cố các tổ chức quần chúng, các hình thức hợp tác.

Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ cùng với các địa phương và cơ quan liên quan nắm chắc lại tình hình bảo vệ biển, an ninh trật tự, nhanh chóng kết hợp củng cố sản xuất với củng cố thể trận và lực lượng quốc phòng - an ninh ở các địa phương.

Chú ý đấu tranh chống chiến tranh tâm lý, và các hành động phá hoại khác của địch.

Kiên quyết ngăn ngừa và chống các hành động tiêu cực, lợi dụng tình hình khó khăn để buôn lậu, nâng giá, ép giá, tham nhũng, xâm phạm tài sản của công dân và tài sản xã hội chủ nghĩa.

7. Ngành hải sản tổng kết, rút kinh nghiệm về tổ chức tàu thuyền và các dịch vụ đánh cá để bảo đảm ra khơi an toàn; hướng dẫn nhân dân phương pháp nuôi trồng thủy sản phù hợp để có thể hạn chế được thiệt hại do bão, lũ gây ra.

8. Tổ chức kiểm điểm, rút kinh nghiệm công tác khí tượng, thủy văn, dự báo bão. Phải có kế hoạch chấn chỉnh công tác này, đồng thời tuyên truyền giáo dục hướng dẫn nhân dân, nhất là nhân dân Nam Bộ về ý thức phòng chống bão.

9. Phòng chống, hạn chế tác hại của bão lũ và các thiên tai khác vừa là nhiệm vụ cấp bách trước mắt vừa có tính chiến lược lâu dài. Cần nghiên cứu khả năng hợp tác với

các nước trong khu vực về phòng chống, cứu trợ, cứu nạn do bão gây ra; chuẩn bị trình Nhà nước ban hành Pháp lệnh về di biển.

Các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương thường xuyên báo cáo với Bộ Chính trị việc chấp hành các nội dung trên.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

THÔNG BÁO
KẾT LUẬN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
 Số 99-TB/TW, ngày 17 tháng 11 năm 1997
Về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội
và ngân sách nhà nước năm 1998

Trong các ngày 7, 8 và 10-11-1997, Bộ Chính trị đã nghe Ban Cán sự Đảng Chính phủ và Đảng đoàn Quốc hội báo cáo về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 1998. Sau khi thảo luận, Bộ Chính trị đã kết luận những vấn đề chủ yếu sau đây:

1. Về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội năm 1997

- Năm 1997, nền kinh tế nước ta tuy chưa đạt kế hoạch đề ra, nhưng vẫn tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng khá cao (xấp xỉ 9%), vốn đầu tư tăng, nhập siêu giảm, giá cả ổn định. Nhiều ngành, nhiều sản phẩm cơ bản trong nông nghiệp, công nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, có tốc độ tăng trưởng cao như: lương thực, cà phê, cao su; điện, than, dầu khí, xi măng, bưu chính viễn thông... Thu ngân sách không đạt kế hoạch nhưng chủ yếu do cắt giảm nhập khẩu các mặt hàng tiêu dùng cao cấp chưa cần thiết...

Tuy nhiên cũng có một số lĩnh vực, một số sản phẩm (như cơ khí, điện tử, vận tải hàng không, hàng hải, du lịch...) sản xuất kinh doanh đang gặp nhiều khó khăn, một số địa bàn kinh tế quan trọng (như Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh), tốc độ tăng trưởng có chậm lại. Tích lũy nội bộ của nền kinh tế, nhất là đầu tư thực hiện bằng nguồn vốn do Nhà nước chi phối đạt thấp; vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào các dự án mới đăng ký sút giảm; sức mua xã hội tăng chậm.

- Để thúc đẩy nền kinh tế tiếp tục phát triển, cần đi sâu phân tích đánh giá từng vấn đề, từng loại sản phẩm và từng địa bàn quan trọng, tìm ra những nguyên nhân cụ thể, biện pháp giải quyết từng loại cản trở, vướng mắc. Không nên nhận định chung là nền kinh tế đã chững lại, chính sách đổi mới đã hết động lực. Nếu điều hành kinh tế vĩ mô tốt hơn và kịp thời bổ sung các cơ chế chính sách mới cần thiết thì nền kinh tế sẽ tiếp tục giữ được tốc độ tăng trưởng cao.

- Có một số vấn đề cần được rút kinh nghiệm, sửa chữa ngay như: vốn ít nhưng đầu tư tràn lan, phân tán; lãng phí, thất thoát trong xây dựng và trong sản xuất kinh doanh cao; một bộ phận xã hội tiêu dùng xa hoa, lãng phí, chưa thực hiện tốt chủ trương tiết kiệm để dồn vốn cho đầu tư phát triển; việc nhập khẩu khối lượng lớn hàng tiêu dùng cao cấp và một số hàng hóa trong nước có thể sản xuất đáp ứng được yêu cầu thị trường và nạn buôn lậu quy mô lớn, gây khó khăn nghiêm trọng cho sản xuất trong nước; nhiều tiêu cực về xã hội chưa được ngăn chặn.

2. Về định hướng kế hoạch năm 1998

- Tư tưởng chỉ đạo của kế hoạch năm 1998 là phải phấn đấu để đạt và vượt (không giảm) các mục tiêu do Đại hội VIII đề ra với một số chỉ tiêu cụ thể là:

+ Tốc độ tăng GDP khoảng 9%.

+ Lạm phát ở mức 6 - 7%/năm.

+ Xuất khẩu tăng 25 - 26%, nhập siêu không quá 20% mức xuất khẩu.

+ Bội chi ngân sách ở mức 3,5 - 4% GDP (cố gắng giữ ở mức 3,5%).

- Vấn đề quan trọng hàng đầu là phải nâng cao hiệu quả của nền kinh tế, bảo đảm đầu tư, sản xuất kinh doanh có hiệu quả. Mỗi doanh nghiệp đều phải phấn đấu kinh doanh có lãi. Mọi cơ chế chính sách, nhất là các chính sách tài chính - tiền tệ (như chính sách thuế, chính sách tín dụng...) phải hỗ trợ tốt cho sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- *Về đầu tư phát triển*: Phải hết sức cần kiệm, tiết kiệm trong sản xuất, trong tiêu dùng để dành vốn cho đầu tư phát triển. Các cơ chế chính sách phải khuyến khích tiết kiệm và đầu tư: đánh thuế cao vào những hàng tiêu dùng cao cấp, xa xỉ, không khuyến khích tiêu dùng quá khả năng của nền kinh tế; ưu đãi tín dụng và miễn, giảm thuế cho phần vốn bỏ vào đầu tư phát triển; bảo đảm giá trị tiền gửi tiết kiệm của dân. Động viên cao nhất nguồn lực trong nước đi đôi với việc huy động các nguồn lực bên ngoài, tăng cường quản lý việc sử dụng vốn bên ngoài và hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, để nguồn lực trong nước

ngày càng giữ vai trò quyết định, đảm bảo cho nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng cao, đồng thời bảo vệ được độc lập tự chủ về kinh tế của đất nước.

Khắc phục ngay tình trạng đầu tư phân tán, bố trí đầu tư phải có trọng tâm, trọng điểm, tập trung cho những công trình quan trọng, sớm đem lại hiệu quả và có hiệu quả cao. Những lĩnh vực cần ưu tiên đầu tư là: các cơ sở kết cấu hạ tầng có nhu cầu cấp bách, sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, công nghiệp cơ khí, điện tử, sản xuất hàng xuất khẩu, hàng cho tiêu dùng trong nước thay thế nhập khẩu, giáo dục đào tạo.

Đồng ý trình kỳ họp thứ 2 Quốc hội khóa X các công trình đầu tư lớn đã được Bộ Chính trị thông qua là: dự án khí - điện - đạm, Nhà máy lọc dầu Dung Quất, dự án trồng mới 5 triệu hecta rừng.

Những công trình đầu tư lớn khác (như đường xa lộ Bắc - Nam) và những công trình chưa thật sự cấp thiết cần được tính toán, cân nhắc kỹ trước khi quyết định đầu tư.

- *Về vấn đề phát triển nông nghiệp, nông thôn*:

Cần tập trung sức khôi phục ngành đánh cá biển vừa bị bão số 5 tàn phá.

Chú ý nâng cao chất lượng, giá trị và sức cạnh tranh của hàng nông, lâm, thủy sản.

Về vấn đề ruộng đất: không để nông dân mất ruộng phải đi làm thuê, làm mướn, trừ làm mướn có tính thời vụ. Phát triển kinh tế trang trại ở trung du, miền núi, khuyến khích phát triển trang trại của người lao động, không phát triển trang trại kiểu tư bản chủ nghĩa của cán bộ. Thực hiện chính sách hạn điền cả ở vùng đồng bằng, cả ở trung du,

miền núi (mức hạn điền ở đồng bằng với trung du, miền núi có khác nhau).

Việc lấy đất để xây dựng công nghiệp, giao thông đô thị phải trên cơ sở giải quyết việc làm và thu nhập cho nông dân bị mất ruộng đất, không được để nông dân bị bần cùng hóa.

Việc giao đất trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng phải bảo đảm cho người dân sống được bằng nghề rừng. Chủ trương "đóng cửa rừng" là đúng đắn, nhưng cần có hướng dẫn cụ thể để đáp ứng được gỗ cho nhu cầu xây dựng, cho công nghiệp chế biến đồ mộc và sản xuất hàng mỹ nghệ.

Cần có những chính sách, quy hoạch, kế hoạch để chuyển dân từ những vùng ít đất canh tác, điều kiện sống khó khăn tới nơi còn đất và điều kiện sống tốt hơn (như Tây Nguyên). Hạn chế việc di dân tự do nhưng không xử lý và đối xử thô bạo với những người đã di dân tự do.

Đổi mới, củng cố các nông, lâm trường quốc doanh; nghiên cứu xây dựng thêm các nông, lâm trường quốc doanh ở những vùng sâu, vùng xa, để các nông, lâm trường quốc doanh trở thành các trung tâm kinh tế - tài chính, thương mại - khoa học, công nghệ - văn hóa và tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh quốc phòng trong vùng.

Tăng cường hoạt động của thương nghiệp quốc doanh ở thị trường nông thôn, đẩy mạnh xây dựng kinh tế hợp tác và hợp tác xã, thực hiện liên minh kinh tế giữa Nhà nước với nông dân, không để cho tư thương chèn ép, bóc lột nông dân, làm tăng thêm sự phân hóa giàu - nghèo, sự chênh lệch về đời sống giữa thành thị và nông thôn.

Khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống ở nông thôn, đưa công nghiệp nhỏ vào nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, để giải quyết việc làm và tăng thu nhập của người lao động là những đòi hỏi bức xúc hiện nay ở nông thôn.

Xây dựng và thực hiện tốt các quy chế đảm bảo quyền làm chủ trực tiếp của người dân ở nông thôn cả về chính trị, kinh tế, văn hóa xã hội, để dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, giữ vững ổn định chính trị, kinh tế - xã hội ở nông thôn.

- *Về công nghiệp*: Phải xem xét lại các cơ chế, chính sách và việc điều hành vĩ mô đối với công nghiệp quốc doanh để công nghiệp quốc doanh phát triển sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Cần đánh giá, phân tích cụ thể hoạt động sản xuất kinh doanh của cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Đi sâu vào từng ngành, từng loại sản phẩm, từng doanh nghiệp, từng tổng công ty để tháo gỡ những trở ngại từ cơ chế, chính sách nhằm tăng tốc độ phát triển công nghiệp.

Khuyến khích sản xuất hàng xuất khẩu, đồng thời phải chú ý sản xuất cho tiêu dùng trong nước, thay thế nhập khẩu hợp lý. Chuẩn bị kỹ kế hoạch, bước đi cho việc phát triển những sản phẩm để đủ sức cạnh tranh khi gia nhập các tổ chức thương mại khu vực và thế giới.

- *Về tài chính - ngân hàng*: Ngân hàng phải động viên được các nguồn vốn trong xã hội, đặc biệt là vốn trung và dài hạn cho phát triển kinh tế. Những hình thức huy động

vốn phải phong phú, đa dạng. Phấn đấu giảm chi phí bất hợp lý, tiêu cực trong hoạt động kinh doanh ngân hàng, trên cơ sở đó giảm mức lãi suất cho vay đối với người sản xuất kinh doanh.

Cải tiến chính sách thu ngân sách, nhất là chính sách thuế theo hướng coi trọng nuôi dưỡng nguồn thu, kích thích tạo nguồn thu mới, tạo điều kiện ổn định để các doanh nghiệp chủ động tính toán phương án sản xuất kinh doanh. Chấm dứt việc tùy tiện thường xuyên thay đổi mức thuế; sửa đổi những quy định thu quá mức khiến những doanh nghiệp đạt hiệu quả trung bình không còn khả năng tích lũy, tái đầu tư mở rộng kinh doanh. Tăng cường đấu tranh chống trốn thuế, lậu thuế để tận thu, tăng thu ngân sách. Ngân sách phải "lấy thu mà chi". Ban hành những quy định cụ thể để thực hiện nghiêm việc tiết kiệm chi thường xuyên, kiên quyết khắc phục xa hoa, lãng phí. Tiếp tục giảm nhập siêu để cải thiện cán cân thanh toán, bảo đảm chi đầu tư xây dựng, chi trả nợ, chi thường xuyên cần thiết. Giữ bội chi ngân sách nhà nước ở mức từ 3,5 - 4% GDP (cố gắng ở mức 3,5% GDP).

- *Về các vấn đề xã hội cấp bách*: Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội. Đặc biệt quan tâm giải quyết việc làm cho người lao động, đẩy mạnh việc xóa đói, giảm nghèo, thu hẹp chênh lệch giàu nghèo, nhất là giữa thành thị với nông thôn, bảo đảm cho con em các gia đình nghèo được đi học và người nghèo được chữa bệnh.

- *Về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ*: Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm túc những chủ trương về giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ đã nêu trong Nghị

quyết Trung ương 2. Khoa học, công nghệ phải gắn với sản xuất. Các chương trình nghiên cứu khoa học phải thiết thực góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của nền kinh tế, làm tăng hàm lượng "chất xám" trong giá trị của sản phẩm.

*
* *

Căn cứ kết luận trên đây của Bộ Chính trị, Ban Cán sự Đảng Chính phủ, Đảng đoàn Quốc hội chỉ đạo việc bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo trình Quốc hội trong kỳ họp sắp tới.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

CHỈ THỊ
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
Số 23-CT/TW, ngày 29 tháng 11 năm 1997
Về lãnh đạo thực hiện công tác
xóa đói, giảm nghèo

Trong những năm qua, được sự chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền và sự hỗ trợ của các đoàn thể, phong trào xóa đói, giảm nghèo phát triển sâu rộng, đông viên được sự ủng hộ của đông đảo nhân dân, đã giúp cho nhiều hộ vượt qua đói nghèo, một số vươn lên khá giả. Từ thực tiễn phong trào xóa đói, giảm nghèo, Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) đã nêu lên một nhiệm vụ có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội to lớn: "Tăng thêm diện giàu và đủ ăn, xóa đói, giảm nghèo, nhất là ở các vùng cao, vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng trước đây là căn cứ cách mạng". Thực hiện các chủ trương của Đảng và Chính phủ, phong trào xóa đói, giảm nghèo đang trở thành cuộc vận động lớn, có tác dụng thiết thực làm giảm đáng kể số hộ nghèo đói, giúp cho các hộ còn nghèo, đói giảm bớt được khó khăn.

Tuy nhiên, đến nay cả nước vẫn còn trên 20% số hộ nghèo đói, nhiều vùng còn nghèo; 90% hộ nghèo tập trung

chủ yếu ở nông thôn. Sự phân hóa giàu nghèo vẫn đang có xu hướng tăng lên giữa các tầng lớp dân cư và các vùng của đất nước. Ngoài nguyên nhân khách quan do điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, hậu quả nặng nề của chiến tranh, thiếu đất canh tác, thiếu vốn, thiếu việc làm, v.v. còn có các nguyên nhân chủ quan như năng lực sản xuất kinh doanh thấp, đông con; có nơi, có lúc các ngành, các cấp chưa quan tâm đúng mức đến việc chỉ đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo, tổ chức khám chữa bệnh, tạo điều kiện học hành cho người nghèo, xây dựng cơ sở hạ tầng cho vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc ít người.

Đại hội Đảng VIII đề ra mục tiêu "giảm tỷ lệ nghèo, đói trong tổng số hộ của cả nước từ 20 - 25% hiện nay xuống còn khoảng 10% vào năm 2000, bình quân giảm 300.000 hộ/năm. Trong 2 - 3 năm đầu của kế hoạch 5 năm, tập trung xóa về cơ bản nạn đói kinh niên". Để thực hiện thắng lợi mục tiêu này, Bộ Chính trị yêu cầu các tỉnh ủy, thành ủy, các ban, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương tập trung chỉ đạo tốt những nội dung sau đây:

1. Chỉ đạo giải quyết một số vấn đề về chính sách

a) Về vấn đề ruộng đất:

Không để nông dân mất ruộng đất canh tác quanh năm phải sống bằng nghề làm mướn. Thực hiện chính sách hạn điền ở cả vùng đồng bằng, trung du, miền núi (với mức hạn điền khác nhau); có chính sách hỗ trợ để những hộ nghèo đã nhượng đất có thể chuộc lại đất canh tác trên cơ sở thỏa thuận; vận động cán bộ, viên chức nhà nước đã mua đất,

thuê đất, thuê nông dân lao động chuyển nhượng lại đất cho những người lao động thiếu đất canh tác. Khai hoang, phục hóa tạo thêm quỹ đất. Nơi còn đất khai hoang chưa có chủ thì cấp cho các hộ chưa có hoặc thiếu đất canh tác. Vận động và giúp đỡ các hộ nông dân nghèo đến các vùng kinh tế mới, hoặc hỗ trợ vay vốn mua sắm tư liệu sản xuất, hỗ trợ đào tạo nghề để mở mang ngành nghề tiểu, thủ công nghiệp, dịch vụ, tạo điều kiện để họ có việc làm, thu nhập, bảo đảm đời sống.

Phát triển kinh tế trang trại ở trung du, miền núi, khuyến khích phát triển trang trại của người lao động, không phát triển trang trại kiểu tư bản chủ nghĩa của cán bộ.

Việc sử dụng đất nông nghiệp để xây dựng công nghiệp, giao thông, đô thị phải trên cơ sở giải quyết việc làm và thu nhập cho nông dân, không được để nông dân bị bần cùng hóa.

Việc giao đất trồng rừng, bảo vệ và phát triển rừng phải bảo đảm cho người dân sống được bằng nghề rừng.

b) Phát động sâu, rộng phong trào tiết kiệm. Tiết kiệm trong xây dựng, mua sắm hàng tiêu dùng cao cấp, hội họp, ăn uống... để tập trung nguồn lực từ ngân sách nhà nước cho công tác xóa đói, giảm nghèo. Mở rộng các hình thức tín dụng cho các hộ nghèo vay vốn với cơ chế phù hợp, thủ tục đơn giản. Vận động nhân dân tiết kiệm trong tiêu dùng, khuyến khích các hình thức tạo vốn do dân tự lập theo từng nhóm nhỏ dưới sự hỗ trợ giúp đỡ của các đoàn thể quần chúng để giúp nhau vốn sản xuất kinh doanh.

c) Có chính sách và cơ chế khôi phục và phát triển các ngành nghề truyền thống ở nông thôn, mở mang tiểu, thủ

công nghiệp, dịch vụ. Dành một phần quỹ xóa đói, giảm nghèo để hướng dẫn cách làm ăn, dạy nghề thích hợp với từng vùng, từng địa phương. Đưa công nghiệp nhỏ vào nông thôn, trước hết là công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy, hải sản, sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu, để tạo thêm việc làm và thu nhập cho các hộ nghèo.

d) Tăng cường hoạt động của thương nghiệp quốc doanh ở thị trường nông thôn, đẩy mạnh xây dựng kinh tế hợp tác và hợp tác xã, thực hiện liên minh kinh tế giữa Nhà nước và nông dân, tổ chức trực tiếp mua sản phẩm của nông dân và bán vật tư, hàng hóa cho nông dân, không để cho tư thương chèn ép, bóc lột nông dân; không thả nổi nông dân cho thị trường tự do, chống đầu cơ, ép giá... gây thiệt hại cho nông dân.

Đổi mới, củng cố, mở rộng các nông, lâm trường quốc doanh ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng để các cơ sở này thực sự trở thành các trung tâm kinh tế - tài chính, thương mại, khoa học - công nghệ, văn hóa, tạo điều kiện để các hộ nông dân nói chung, nhất là nông dân nghèo trở thành những vệ tinh để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh - quốc phòng trong vùng.

đ) Từng bước thực hiện chính sách miễn, giảm học phí và cấp học bổng cho con em các hộ nghèo, nhất là con em đồng bào dân tộc ít người, đào tạo, dạy nghề miễn phí, giảm phí tại các cơ sở đào tạo, trung tâm dạy nghề của Nhà nước, đoàn thể, tổ chức xã hội.

e) Thực hiện chính sách miễn, giảm phí khám, chữa bệnh cho người nghèo; từng bước mở rộng hình thức cấp

miễn phí thẻ bảo hiểm y tế cho các hộ nghèo. Các đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp động viên các cơ sở và cán bộ y tế nhà nước và tư nhân tham gia khám, chữa bệnh không lấy tiền của người nghèo.

g) Nhà nước (trung ương và địa phương) hỗ trợ ngân sách; vận động các tỉnh, thành phố, các vùng giàu, khá hơn, các doanh nghiệp hỗ trợ kinh phí để xây dựng các công trình công cộng như điện, nước, trường học, trạm xá, đường giao thông, chợ cho các xã nghèo.

2. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng và triển khai tổ chức thực hiện của Nhà nước

a) Các cấp ủy đảng từ Trung ương tới cơ sở tăng cường công tác giáo dục tư tưởng, làm cho cán bộ, đảng viên và nhân dân nâng cao nhận thức xóa đói, giảm nghèo là một nhiệm vụ quan trọng trong chiến lược ổn định, phát triển kinh tế - xã hội; thực hiện định hướng xã hội chủ nghĩa; kế tục và phát huy truyền thống tương thân, tương ái của dân tộc. Trên cơ sở đó tập trung mọi nguồn lực cho xóa đói, giảm nghèo, bao gồm nguồn từ ngân sách nhà nước, nguồn do dân gây quỹ xóa đói, giảm nghèo và tài trợ quốc tế.

Đảng bộ, chi bộ cơ sở phải là nòng cốt chỉ đạo công tác xóa đói, giảm nghèo, phải nắm cụ thể từng hộ nghèo để có biện pháp hỗ trợ trong từng thời kỳ, phấn đấu không còn gia đình đảng viên đói, nghèo để nêu gương cho quần chúng.

Tỉnh ủy, thành ủy cần chỉ đạo sát sao các hoạt động của ban chỉ đạo xóa đói, giảm nghèo của tỉnh, thành phố; định kỳ nghe ban chỉ đạo báo cáo và cho chủ trương giải quyết;

chương trình xóa đói, giảm nghèo phải được hội đồng nhân dân đồng cấp thông qua.

b) Chính phủ chỉ đạo thực hiện chương trình quốc gia xóa đói, giảm nghèo thời kỳ 1998 - 2000, lồng ghép các chương trình, dự án kinh tế - xã hội khác với chương trình xóa đói, giảm nghèo; trước mắt tập trung hỗ trợ 1.300 xã nghèo trong cả nước. Phải sử dụng tổng hợp các biện pháp để thực hiện cho được mục tiêu xóa đói, giảm nghèo đến năm 2000 do Nghị quyết Đại hội VIII đề ra; đối với Thủ đô Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương khác có điều kiện phải giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống 5%; đối với miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số phải giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống 20 - 25%.

Các tỉnh, thành phố phải tổng kết công tác xóa đói, giảm nghèo 5 năm qua (1992 - 1997), nắm chắc địa chỉ các hộ nghèo, xã nghèo; rút kinh nghiệm các mô hình, cách làm tốt, bổ sung cơ chế, chính sách, biện pháp thích hợp; xét duyệt, công nhận những xã đã thoát khỏi nghèo.

c) Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức và đoàn thể cần phát huy tốt vai trò của mình, phối hợp với cấp ủy, chính quyền tổ chức thực hiện chương trình xóa đói, giảm nghèo; trực tiếp hỗ trợ các thành viên của mình thoát khỏi đói nghèo.

d) Các Ban Cán sự Đảng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban Dân tộc và Miền núi và các bộ, ngành liên quan có trách nhiệm định kỳ tính toán lại chuẩn mực đói nghèo để kịp thời kiến nghị sửa đổi cơ chế, chính sách cho phù hợp; khẩn trương đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ để đáp ứng yêu cầu chỉ đạo công tác xóa đói, giảm nghèo.

đ) Ban Kinh tế Trung ương có trách nhiệm giúp Bộ Chính trị theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện Chỉ thị này; hàng quý phối hợp với các tỉnh ủy, thành ủy, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng ủy trực thuộc Trung ương báo cáo Bộ Chính trị kết quả thực hiện chương trình quốc gia xóa đói, giảm nghèo.

Các ban của Đảng theo chức năng, nhiệm vụ thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc quán triệt và thực hiện Chỉ thị này.

Các tỉnh ủy, thành ủy cần phân công bộ máy trực tiếp chỉ đạo công tác xóa đói, giảm nghèo.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỒ MƯỜI
KHAI MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII***

Ngày 22 tháng 12 năm 1997

Thưa các đồng chí Cố vấn,

Thưa các đồng chí Trung ương,

Thưa các đồng chí,

Trước hết, tôi xin thay mặt Bộ Chính trị nhiệt liệt chào mừng các đồng chí đã về dự đông đủ Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII).

Theo chương trình toàn khóa của Ban Chấp hành Trung ương, Hội nghị lần này có nhiệm vụ thảo luận và quyết định việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII về nhiệm vụ kinh tế - xã hội; xem xét nhân sự cấp cao của Đảng và góp ý kiến vào bản Báo cáo kiểm điểm công tác của Bộ Chính

* Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII họp từ ngày 22-12 đến ngày 29-12-1997 (B.T).

trị từ sau Đại hội VIII đến nay. Đây là một Hội nghị rất quan trọng, Bộ Chính trị đã dành nhiều thời gian và công sức để chuẩn bị. Nhiều đồng chí trong Bộ Chính trị đã trực tiếp khảo sát, nghiên cứu tình hình kinh tế, xã hội ở một số địa phương trong cả nước. Bộ Chính trị đã nghe và tiếp thụ ý kiến đóng góp của các đồng chí Cố vấn, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí Trung ương, các nhà khoa học, đã có hai đợt thảo luận các vấn đề quan trọng, từ đó hình thành nên bản Báo cáo và Dự thảo Nghị quyết để gửi đến các đồng chí.

Đại hội toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã tổng kết toàn diện và phân tích sâu sắc tình hình kinh tế - xã hội của đất nước, đề ra đường lối, chủ trương, chính sách và các giải pháp lớn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2020. Đại hội cũng đã đề ra mục tiêu, nhiệm vụ và 11 chương trình phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội, tình hình kinh tế nước ta, bên cạnh mặt cơ bản là tích cực, ở thế đi lên, song chưa vững chắc, còn nhiều mặt yếu kém và nảy sinh một số vấn đề mới cần được kịp thời xử lý. Gần đây lại có thêm hai sự kiện nổi bật tác động vào kinh tế - xã hội nước ta. Đó là:

- Cơn bão số 5 gây ra tổn thất rất nặng nề về người và của ở vùng ven biển Nam Bộ và Nam Trung Bộ, để lại hậu quả nghiêm trọng không thể một sớm một chiều khắc phục được.

- Cuộc khủng hoảng tài chính tiền tệ ở một số nước trong khu vực và trên thế giới đã và sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta.

Để phát huy những thành quả đã đạt được, khắc phục những khó khăn, yếu kém vốn có và những vấn đề mới nảy sinh, tiếp tục đẩy mạnh nhịp độ phát triển kinh tế một cách vững chắc, cần thấu suốt tư tưởng chỉ đạo của Hội nghị Trung ương lần này là: *tạo ra sự chuyển biến thật mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động trong toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, động viên mọi nguồn lực của nhân dân, nêu cao ý chí độc lập tự chủ, tự lực tự cường, cần kiệm, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000.*

Thưa các đồng chí,

Tại kỳ họp này, Ban Chấp hành Trung ương sẽ bàn sâu về kinh tế, xã hội. Vấn đề thì nhiều, lớn, phức tạp; mà thời gian họp không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị các đồng chí tập trung trí tuệ thảo luận các vấn đề quan trọng thuộc về quan điểm, chủ trương, chính sách lớn như sau:

1. Các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000

Chiến lược kinh tế 10 năm (1991 - 2000) đề ra mục tiêu tăng gấp đôi GDP vào năm 2000. Đến Đại hội VIII, Đảng ta quyết định đến cuối năm 2000 phải tăng gấp đôi GDP theo đầu người. Trong tình hình mới hiện nay, đề nghị Trung ương trao đổi kỹ để hạ quyết tâm và tìm giải pháp thực hiện. Đến năm 2000, không những phải thực hiện thắng lợi kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, mà cũng là hoàn thành chiến lược 10 năm 1991 - 2000. Chúng ta phải dự đoán được đến năm 2000, nền kinh tế nước ta đạt đến đâu; từ đó, dự báo chiều hướng phát triển thế nào để chuẩn bị cho chiến lược 10 năm đầu thế kỷ XXI. Như vậy, đây cũng là một bước chuẩn bị Đại hội IX.

2. Vấn đề phát huy nội lực và mở rộng hợp tác quốc tế

Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải mở rộng quan hệ kinh tế đối ngoại, tranh thủ vốn, công nghệ và gia nhập thị trường quốc tế. Nhưng phải trên cơ sở độc lập tự chủ, phát huy đầy đủ các yếu tố nội lực, dựa vào các nguồn lực trong nước là chính, bao gồm nguồn lực con người, đất đai, tài nguyên, trí tuệ, truyền thống (lịch sử, văn hóa của dân tộc). Kinh nghiệm cho thấy nếu không độc lập tự chủ, không phát huy đầy đủ nội lực thì không thể đứng vững và đi lên một cách vững chắc, lâu bền và cũng không thể hội nhập quốc tế một cách bình đẳng. Chúng ta cần nắm vững và quán triệt sâu sắc phương châm: giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế; động viên cao độ nguồn lực trong nước là chính đi đôi với tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài; xây dựng một nền kinh tế mở hội nhập khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời phải chú ý tới những hàng hóa trong nước có khả năng sản xuất và sản xuất có hiệu quả, đáp ứng yêu cầu của thị trường nội địa và nhu cầu của nhân dân. Không thể chỉ hướng về xuất khẩu còn để mặc thị trường trong nước cho hàng hóa nước ngoài thao túng. Đây là vấn đề lớn đề nghị Trung ương cần thảo luận và làm rõ. Phải thấy rằng nội lực càng mạnh thì càng khai thác được nhiều hơn khả năng bên ngoài. Trên cơ sở đó, chúng ta mới có thể giữ vững độc lập, tự chủ của đất nước.

3. Cần kiên trì công nghiệp hóa, khắc phục xu hướng chạy theo "xã hội tiêu dùng"

Muốn công nghiệp hóa phải hết sức cần kiệm. Ăn chơi, tiêu dùng lãng phí không thể công nghiệp hóa được. Đây là

bài học của nhiều nước mà chúng ta cần thấy rõ. Ở ta cũng đang có biểu hiện đi vào xã hội tiêu dùng, xa hoa lãng phí. Đây là vấn đề chúng ta phải suy nghĩ nghiêm túc.

Trong mấy năm qua, chúng ta đã nhập hàng chục vạn ô tô, trị giá mấy trăm triệu đôla Mỹ; nhập mấy triệu xe máy, trị giá mấy tỷ đôla. Rồi tủ lạnh, máy điều hòa, máy giặt, bếp ga, đồ uống các loại, mỹ phẩm; chỉ riêng rượu ngoại cũng tới hàng triệu chai mỗi năm, thuốc lá ngoại tăng thêm hàng tỷ bao...

Tệ ăn uống ma chay, cưới xin, tiệc tùng lãng phí diễn ra phổ biến ở cả thành thị và nông thôn, cả ở khu vực nhà nước và xã hội. Tiêu dùng quá khả năng nền kinh tế làm ra là không thể chấp nhận được.

Điều cần nói là tình trạng tiêu pha lãng phí như vậy diễn ra trong lúc nước ta còn rất nghèo, GDP bình quân đầu người chưa được 300 đôla/năm. Nước ta hiện nay vẫn là nước nông nghiệp, lao động nông nghiệp vẫn chiếm trên 70%; đời sống nhân dân vùng các dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa còn rất thấp. Cơ sở vật chất, kỹ thuật xây dựng chưa được bao nhiêu. Kết cấu hạ tầng rất lạc hậu. Nếu cứ tiêu pha kiểu này, đi vào xã hội tiêu dùng thế này thì không thể công nghiệp hóa, không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội được. Nếu công nghiệp hóa mà chỉ dựa vào hoặc chủ yếu dựa vào vốn nước ngoài thì không thể giữ được độc lập tự chủ về kinh tế và chính trị. Đây là vấn đề rất lớn.

Chúng ta nhất thiết phải cần kiệm để công nghiệp hóa, phải khắc phục xu hướng chạy theo xã hội tiêu dùng, lối sống xa hoa lãng phí. Đó là một trong những nhân tố quyết định thành công của chúng ta. Phát huy nội lực, cần kiệm để công nghiệp hóa là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt báo cáo của Bộ

Chính trị trình Hội nghị Trung ương. Đề nghị các đồng chí thảo luận kỹ để có giải pháp làm chuyển biến trong toàn Đảng từ Trung ương đến cơ sở, đến toàn dân.

4. Tập trung xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, đồng thời quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất, từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Chúng ta không thể để quan hệ sản xuất phát triển tự phát. Nếu để tự phát thì nền sản xuất sẽ hàng ngày hàng giờ đi vào chủ nghĩa tư bản. Quan hệ sản xuất của chúng ta hiện nay thế nào? Có thể thấy dưới các hình thức và mức độ khác nhau, các quan hệ bóc lột còn tồn tại khá phổ biến. Có thể nói hiện tượng tham nhũng, hối lộ có trong các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp nhà nước, cả trong một số cơ quan y tế, giáo dục... thực chất cũng là bóc lột, thậm chí đó là bóc lột tệ hại nhất. Chúng ta xây dựng quan hệ sản xuất quá độ lên chủ nghĩa xã hội lấy phân phối theo lao động làm chính, từng bước thực hiện công bằng xã hội.

Đây là vấn đề lớn quyết không thể buông lỏng được, buông lỏng là tự phát đi vào con đường tư bản chủ nghĩa. Chúng ta phải xây dựng quan hệ sản xuất theo con đường xã hội chủ nghĩa. Trong điều kiện phát triển kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, áp dụng cơ chế thị trường, chúng ta thừa nhận còn tình trạng bóc lột, nhưng phải hạn chế không để quan hệ bóc lột phát triển tự phát thành chế độ bóc lột. Càng không cho phép bóc lột diễn ra trong bộ máy nhà nước, trong khu vực kinh tế nhà nước và khu vực sự nghiệp.

Chúng ta cần làm rõ phải đổi mới quốc doanh ra sao, đổi mới hợp tác xã như thế nào, phát triển kinh tế tư bản nhà

nước thế nào... Đề nghị Trung ương trao đổi, thảo luận kỹ những vấn đề này.

5. Vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn; khắc phục tình trạng để một bộ phận nông dân không còn đất phải đi làm thuê, làm mướn; thực hiện hợp tác hóa, dân chủ hóa trong nông thôn

Vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn có làm được một bước, nhưng còn lúng túng, khó khăn, rất chậm chạp.

Tốc độ tăng dân số ở nông thôn vẫn cao, hiện nay là 1,8%/năm; mỗi năm tăng thêm 1,4 triệu người, chủ yếu vẫn là tăng ở nông thôn. Ruộng đất bình quân đầu người rất thấp, chỉ còn 800m²; riêng ở miền Bắc chỉ còn 500m². Quá trình đô thị hóa, mở rộng xây dựng kết cấu hạ tầng sẽ làm diện tích đất nông nghiệp còn thu hẹp lại nữa. Vì vậy, mặc dù nông dân đã làm 2 - 3 vụ, quay vòng đất rất nhanh, kết hợp trồng trọt, chăn nuôi, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, nhưng việc làm, thu nhập, đời sống của nông dân vẫn còn nhiều khó khăn.

Chúng ta phải tính toán, đưa công nghiệp vào nông nghiệp và nông thôn thế nào? Hiện nay việc này còn rất chậm chạp, ngay phát triển các nghề thủ công truyền thống cũng rất khó khăn. Hàng ngoại nhập, cạnh tranh đánh chết các ngành thủ công sử dụng nguyên liệu trong nước, như hàng nhựa đủ loại, rổ nhựa, rá nhựa... đánh chết hàng mây tre đan trong nước. Vấn đề công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn hiện nay rất cấp bách. Trước mắt cần phát triển công nghiệp chế biến và bảo đảm tiêu thụ nông sản cho nông dân. Không đầu tư vào khâu sau thu

hoạch thì nông dân rất khó khăn trong việc tiêu thụ sản phẩm, Nhà nước thì thua lỗ. Chúng ta phải tính toán kỹ. Nếu không sẽ không thể xóa đói, giảm nghèo được cho nông dân, nông thôn.

Hai là phải làm sao khắc phục được tình hình một bộ phận nông dân Nam Bộ không có ruộng, phải đi làm thuê, làm mướn. Từ khu V trở ra, tuy mỗi người chỉ có hơn một sào ruộng, nhưng nhà nào cũng có ruộng, Nam Bộ nhiều ruộng đất hơn, nhưng ở năm - sáu tỉnh đồng bằng sông Cửu Long có hàng vạn hộ mất ruộng. Cách mạng dân tộc dân chủ đã đem lại ruộng đất cho dân. Vì sao cách mạng xã hội chủ nghĩa lại để cho nông dân mất ruộng, phải đi làm thuê làm mướn. Ta có để tình trạng nông dân mất ruộng kéo dài trong lúc công nghiệp hóa chưa được bao nhiêu không? Nếu nông dân mất ruộng mà chưa chuyển được sang nghề khác, vẫn phải đi làm thuê, làm mướn trong nông nghiệp, tiếp tục bị bóc lột, nghèo khổ thì kinh tế không thể phát triển, xã hội không thể ổn định. Đây cũng là vấn đề bức bách đặt ra cho Đảng phải nghiên cứu cách giải quyết cho tốt.

Ba là vấn đề hợp tác hóa. Công nghiệp hóa nông nghiệp, nông thôn phải gắn với hợp tác hóa. Hợp tác hóa hiện nay đang dậm chân tại chỗ. Từ Hội nghị Trung ương kỳ trước đến Hội nghị Trung ương lần này, vấn đề hợp tác hóa không tiến triển được bao nhiêu. Hiện nay nông dân phải đi thuê phần lớn các dịch vụ, thuê cày, thuê bơm, tát nước, thuê bảo vệ thực vật... Dịch vụ chủ yếu do tư nhân làm. Những người làm dịch vụ này có thu nhập rất khá. Cuối cùng, chính những người nông dân sản xuất bị thua thiệt. Trong khi đó, các hợp tác xã không làm dịch vụ thương mại, dịch vụ tài chính, các

dịch vụ kỹ thuật như bảo vệ thực vật, nhân giống, cung cấp giống, dịch vụ điện, nước... Đó là còn chưa kể tới việc tiêu thụ nông sản cho nông dân hiện nay rất khó khăn, nông dân bị tư thương ép cấp, ép giá cả đầu ra lẫn đầu vào. Hợp tác hóa là yêu cầu cấp bách với nông dân, để phục vụ cho sản xuất của các hộ tốt hơn, để bảo vệ lợi ích của nông dân, để nông dân không bị thua thiệt.

Bốn là vấn đề dân chủ hóa nông thôn. Chính quyền của ta là chính quyền của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, nhân dân làm chủ đất nước. Bác Hồ nói cán bộ phải là người đày tớ của nhân dân. Tình hình vừa qua ở Thái Bình cho ta một bài học về vấn đề dân chủ ở nông thôn. Tỉnh thì báo cáo toàn là đảng bộ trong sạch, vững mạnh, chỉ có mấy phần trăm yếu kém, nhưng khi sự việc xảy ra, xuống kiểm tra thì không phải như vậy. Chính quyền huy động dân đóng góp quá sức, cán bộ xà xẻo của dân, dân khiếu nại thì không giải quyết, dân nói ra thì trấn áp. Tình hình này không chỉ có ở Thái Bình mà còn có ở nhiều tỉnh khác.

Cho nên phát huy quyền làm chủ của nhân dân thế nào là vấn đề rất lớn. Năm 1992 khi bàn thông qua Hiến pháp cũng xác định quan điểm, nguyên tắc xây dựng Nhà nước. Hội nghị Trung ương 3 (khóa VIII) khi bàn về vấn đề xây dựng Nhà nước, đã đi sâu bàn mặt chính trị của Nhà nước. Bản chất chính trị của Nhà nước là thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện quyền làm chủ của dân: dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra. Nếu không thực hiện được quyền làm chủ của dân, cứ để cán bộ đi ngược lại lợi ích của dân, áp bức dân thì bản thân chúng ta đang tự "diễn biến hòa bình", rồi kẻ địch tác động vào thì nguy hiểm.

Vậy, thực hiện dân chủ ở nông thôn như thế nào? Nhân dân làm chủ trực tiếp ở cơ sở ra sao? Bộ Chính trị đang chuẩn bị chỉ thị, Chính phủ đang xây dựng các thiết chế dân chủ, trong đó có thiết chế dân chủ cho nông thôn.

6. Hướng mạnh về xuất khẩu nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước

Hướng về xuất khẩu là đúng, phải khuyến khích mạnh xuất khẩu. Không xuất khẩu được thì không lấy gì để nhập khẩu. Nhưng, không được coi nhẹ sản xuất trong nước và không được coi nhẹ thị trường trong nước. Cái gì trong nước làm được phải cố gắng làm, không nhất thiết phải nhập hàng ngoại. Thí dụ như chúng ta có khả năng trồng bông để giải quyết cái mặc cho dân. Chúng ta có 80 triệu dân, nhu cầu về mặc rất lớn. Có thể làm sợi hóa học, nhưng phải trồng bông, 1ha bông giá trị bằng 3 - 4ha lúa, nông dân đang thiếu việc làm, chúng ta đang thiếu nguyên liệu để lo cái mặc cho dân. Trồng bông là rất đúng. Trước kia chúng ta phải nhập đường; vừa qua Chính phủ quyết tâm làm đến năm 2000 nước ta có được một triệu tấn đường, không phải nhập khẩu mà còn có thể xuất khẩu đường, làm như vậy là rất đúng.

Cái gì trong nước có thể làm được thì kiên quyết làm để dùng và để xuất khẩu, lấy tiền nhập cái khác. Mở rộng thị trường ngoài nước, xuất khẩu để nhập khẩu phục vụ cho công nghiệp hóa, nhưng phải coi trọng thị trường trong nước, coi trọng cái ăn, cái mặc, việc học, đi lại, chữa bệnh cho dân. Đây là những cái chúng ta phải lo. Ngành may mặc làm được nhiệm vụ xuất khẩu hàng tỷ đôla là tốt, nhưng chưa lo được cái mặc cho dân trong nước, để hàng Trung Quốc và Thái Lan

tràn ngập thị trường; như vậy là không đúng. Nông dân ta còn nghèo, lấy tiền đâu để mua xe máy, dùng xe đạp vẫn là chính. Trước đây các tỉnh đều sản xuất xe đạp, nay đều bỏ, chuyển sang làm bia, nước ngọt, thuốc lá, nhường thị trường xe đạp cho Trung Quốc, Thái Lan, Nhật là sai, cần tích cực khắc phục.

Đại bộ phận dân ta là nông dân, còn nghèo, những nhu cầu thiết yếu của dân phải tính thế nào bảo đảm cho tốt, phải chú ý thị trường trong nước, phải lo cho dân. Hướng về xuất khẩu mà coi nhẹ thị trường trong nước, không lo đời sống, đáp ứng những yêu cầu thiết thực của dân là sai.

7. Thực hiện cơ chế thị trường, nhưng Nhà nước phải quản lý và điều tiết theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng thả nổi thị trường, nhất là thị trường nông thôn

Nghị quyết của Đảng đã nói rõ như vậy, nhưng hiện nay tình hình thả nổi thị trường khá phổ biến. Nếu chúng ta thả nổi thị trường, để thị trường tự phát phân phối lại qua giá thì phân hóa giàu nghèo sẽ rất nhanh, thành thị sẽ điều tiết nông thôn, chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn sẽ tăng lên nhanh chóng. Nhiều nước khi tham gia thị trường thế giới, cũng phải bảo hộ, quản lý thị trường, điều tiết thị trường bằng cách này hay cách khác, nếu không kinh tế nội địa, sản xuất trong nước của họ sẽ gặp khó khăn ngay. Phải thấy thị trường là con dao hai lưỡi, chúng ta sử dụng mặt tích cực nhưng phải hạn chế mặt tiêu cực của nó, không thể thả nổi. Nhà nước phải quản lý, điều tiết thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thả nổi thì sẽ phát triển tự phát theo con đường tư bản chủ nghĩa.

8. Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, khắc phục tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng mở rộng ở cả thành thị và nông thôn

Ngày nay, nhiều nước trên thế giới đều quan tâm tới vấn đề này. Chúng ta phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa lại càng phải quan tâm giải quyết tốt vấn đề này. Phải phân phối đối tượng lao động (đất đai, tài nguyên...), tư liệu sản xuất, kết quả lao động thế nào để bảo đảm công bằng xã hội? Khuyến khích làm giàu hợp pháp, nhưng phải chăm lo xóa đói, giảm nghèo. Trong cơ chế kinh tế hiện nay, chúng ta còn phải chấp nhận có bóc lột, bên cạnh phân phối theo lao động, còn phân phối theo các yếu tố sản xuất khác, nhưng thừa nhận bóc lột đến đâu thì chấp nhận được? Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện công bằng xã hội, thu hẹp dần khoảng cách giữa thành thị với nông thôn, nông thôn với nông thôn và cả giữa thành thị với thành thị, giữa các tầng lớp xã hội. Trung ương cần thảo luận tìm giải pháp cho vấn đề này.

9. Vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa

Từ Đại hội VII và Đại hội VIII, Đảng ta đã nói nhiều về vấn đề này, nhưng làm chưa được bao nhiêu. Kinh tế những vùng này vẫn chậm phát triển nhất, đời sống nhân dân các vùng này vẫn khó khăn nhất. Ý định của chúng ta là tốt, các chính sách vạch ra là đúng, nhưng phải có giải pháp thế nào để làm thay đổi được tình hình? Phải chăng cần xây dựng các nông trường, lâm trường, cơ sở công nghiệp, thương mại... ở

vùng này để giúp đỡ đồng bào phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội và nâng cao đời sống.

10. Vấn đề thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, để "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra"

Như trên đã nói, thực hiện Nghị quyết Trung ương 3, Bộ Chính trị đang chuẩn bị chỉ thị về thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa trong Đảng và trong xã hội. Dự thảo sẽ gửi để các đồng chí cho ý kiến, còn 8 - 9 thiết chế dân chủ cụ thể ở cơ sở, ở xã, phường, ở trường học, bệnh viện, cơ quan, doanh nghiệp... đang được Chính phủ xây dựng.

Lênin nhiều lần nói rằng, không kiểm kê, kiểm soát thì không có chủ nghĩa xã hội; chỉ khi nào công nhân, nông dân, binh lính tự nguyện đứng lên làm nhiệm vụ kiểm kê, kiểm soát thì khi ấy mới có chủ nghĩa xã hội. Bác Hồ thường nói "dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong". Hiện nay có nhiều biểu hiện tiêu cực trong các tổ chức và trong xã hội cần kiên quyết đấu tranh ngăn chặn. Chỉ có sự tham gia của nhân dân vào kiểm kê, kiểm soát sản xuất, phân phối, thu chi tài chính, thực hiện công khai hóa ở cơ sở thì mới sửa được. Nếu nhân dân không thực hiện kiểm kê, kiểm soát thì khó có thể giải quyết được các tiêu cực.

Nhưng, thực hiện dân chủ, phát huy quyền làm chủ của dân phải có sự lãnh đạo của Đảng. Dân chủ phải tuân theo quy định của Hiến pháp và pháp luật. Trong Đảng thì phải nghiêm chỉnh thi hành đúng Điều lệ Đảng. Dân chủ phải đi đôi với kỷ luật, kỷ cương và phải có lãnh đạo; ngăn ngừa và khắc phục tình trạng dân chủ cực đoan, lợi dụng dân chủ để làm điều sai trái. Ở Thái Bình, bản chất sự việc thì như tôi

đã nói ở trên, nhưng ở đây cũng có một số kẻ xấu lợi dụng dân chủ để kích động nhân dân. Các cơ quan tuyên truyền một số nước phương Tây đã lợi dụng các vụ việc xảy ra ở một số nơi, biến những vấn đề xã hội thành vấn đề chính trị để kích động nhân dân chống lại chính quyền, gây mất ổn định chính trị. Một khi nhân dân thực hiện quyền làm chủ dưới sự lãnh đạo của Đảng thì tôi tin rằng chúng ta sẽ ngăn chặn được các tiêu cực.

11. Vấn đề khắc phục tình trạng suy thoái của một bộ phận cán bộ, đảng viên; về chủ trương đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân

Hiện nay trong Đảng ta có một bộ phận không nhỏ đảng viên xa rời lý tưởng, sa sút đạo đức, chạy theo chủ nghĩa cá nhân, phải chặn đứng sự suy thoái này. Xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh là vấn đề quan trọng nhất trong công tác xây dựng Đảng, để Đảng ta không bị biến chất.

Ở hầu hết các ngành, các tỉnh đều có các đồng chí Ủy viên Trung ương. Suy thoái ở đâu thì các đồng chí Trung ương, các cấp ủy đảng ở đó phải giải quyết. Các đồng chí Ủy viên Trung ương phải chăm lo công tác xây dựng Đảng, nhất là không thể để đảng viên suy thoái về tư tưởng, đạo đức. Đề nghị các đồng chí Ủy viên Trung ương quan tâm tới vấn đề này; làm mạnh việc khắc phục tình trạng suy thoái ở ngành mình, địa phương mình.

Đối với việc đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân, Nghị quyết Hội nghị toàn quốc của Đảng giữa nhiệm kỳ (khóa VII) đã có chủ trương là hướng sự phát triển của họ vào con đường kinh tế tư bản nhà nước. Nếu đảng viên làm kinh tế tư bản tư

nhân mà đi vào con đường kinh tế tư bản nhà nước, thì phần nào đó cũng đã có tính chất xã hội chủ nghĩa, vì theo như Lenin, trong điều kiện có chuyên chính vô sản và có sự lãnh đạo của Đảng, thì kinh tế tư bản nhà nước đã có 70 - 80% là tính chất xã hội chủ nghĩa. Đảng viên đi vào kinh tế tư bản nhà nước để khuyến khích những nhà tư bản không phải đảng viên cũng đi theo con đường này, để cùng cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chủ trương này sẽ phát triển được kinh tế - xã hội, là một trong những hình thức quá độ lên chủ nghĩa xã hội và vẫn giữ được danh hiệu đảng viên cộng sản.

Những vấn đề trên đây cần được Trung ương bàn bạc, quyết định, đề ra những giải pháp phù hợp để thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1996 - 2000 mà Đại hội VIII đã quyết định; thực hiện chiến lược kinh tế, xã hội 10 năm (1991 - 2000) do Đại hội VII thông qua; đồng thời thực hiện đúng đắn đường lối, chính sách của Đảng.

Trên đây là một số điểm chính mà tôi trình bày để Trung ương nghiên cứu, thảo luận và quyết định.

Tôi xin tuyên bố khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII.

Chúc các đồng chí sức khỏe.

Chúc Hội nghị thành công.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiến Hội nghị lần thứ tư

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998,

tr.5-24.

**BÁO CÁO
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ TRÌNH
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII**

Số 48/TLHN, ngày 15 tháng 12 năm 1997

**Phát huy nội lực, cần kiệm để công nghiệp hóa,
hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu
kinh tế - xã hội đến năm 2000***

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII
VỀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ, XÃ HỘI**

**I- MẤY NÉT LỚN VỀ TÌNH HÌNH KINH TẾ, XÃ HỘI
QUA HAI NĂM 1996 - 1997**

Trong gần hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, trong đó hơn một năm tiến hành dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng, chúng ta được kế thừa những

* Tài liệu này được gửi trước ngày khai mạc Hội nghị (B.T).

thành tựu to lớn của 10 năm đổi mới, đồng thời phải tiếp tục giải quyết những mặt yếu kém, chưa vững chắc từ trước và những hậu quả nặng nề do thiên tai mới gây ra.

Trong khi nước ta ngày càng tham gia sâu vào cuộc cạnh tranh kinh tế sôi động trên thế giới, cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ diễn ra từ giữa năm 1997 ở một số nước Đông Nam Á và một số khu vực khác cũng tác động đến nền kinh tế.

Trong bối cảnh vừa có thời cơ lớn, vừa đứng trước những thách thức mới, đối chiếu với những mục tiêu chủ yếu đến năm 2000, tình hình phát triển kinh tế, xã hội hai năm qua có một số nét nổi bật dưới đây:

1. Nền kinh tế tiếp tục giữ được mức tăng trưởng khá cao, nhưng việc tiêu thụ hàng hóa của một số ngành sản xuất gặp khó khăn, ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển kinh tế

Hai năm qua, tổng sản phẩm trong nước (GDP) tăng bình quân hàng năm 9,2%, cao hơn mức bình quân của 5 năm trước (8,2%), nhưng so với năm 1995 thì nhịp độ tăng trưởng có mức giảm nhẹ (1995: 9,5%; 1996: 9,3%; 1997: ước tính xấp xỉ 9,0%).

Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển ổn định và tương đối toàn diện, đạt nhịp độ tăng trưởng bình quân 4,8%. Tuy nhiều vùng bị thiên tai nặng, nhưng lương thực được mùa hai năm liên; năm 1997 có thể thu hoạch 30,6 triệu tấn, đạt mục tiêu đề ra cho năm 2000; cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi, đánh bắt và nuôi trồng thủy, hải sản, trồng rừng, chăm sóc và bảo vệ rừng đều có bước phát triển. Tuy nhiên, chất lượng nông sản chậm thay đổi; công nghệ các

khâu sau thu hoạch, kể cả trong bảo quản, chế biến, lưu thông chuyển biến chậm; thị trường và giá cả nông sản không ổn định, nên giá trị tăng thêm của nông sản không tương ứng với tăng sản lượng; nông dân bị thua thiệt làm cho sức mua xã hội bị hạn chế, ảnh hưởng trực tiếp tới sự phát triển sản xuất kinh doanh và nhịp độ tăng trưởng kinh tế chung.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1996 tăng 14,1%, năm 1997 ước tăng 13,2%, trong đó khu vực doanh nghiệp nhà nước tăng 11,4%, khu vực kinh tế hợp tác và tư nhân tăng 9,5%, khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 20,6%. Các ngành và sản phẩm có mức tăng khá là điện, dầu - khí, than, vật liệu xây dựng, phân đạm, sẫm lớp, đồ uống, dệt và may mặc, giày dép, chất tẩy rửa, mỹ phẩm... Một số sản phẩm như quạt điện, xe đạp, hàng điện tử và một số loại hàng tiêu dùng khác... phải hạn chế sản xuất vì khó tiêu thụ, do chất lượng và giá cả không cạnh tranh được với hàng ngoại, bị hàng nhập chèn ép.

Các ngành dịch vụ năm 1996 tăng 10%, năm 1997 ước tăng 9%, trong đó vận tải và thông tin liên lạc có bước phát triển. Nhịp độ tăng tổng mức bán lẻ hàng hóa xã hội giảm hẳn so với các năm trước (1995 tăng 29,6%, 1996 tăng 18,9%, 1997 ước tăng 10%); nếu loại trừ yếu tố giá thì năm 1997 tăng chậm hơn nhiều so với nhịp độ tăng GDP, phản ánh sự ngưng trệ sức mua xã hội. Du lịch và hàng không quốc tế là hai ngành phát triển mạnh trong mấy năm trước, năm nay cũng bị giảm sút. So với mục tiêu kế hoạch 5 năm (tăng 12 - 13%/năm) thì các ngành dịch vụ đạt kế hoạch thấp nhất, ít phát triển ở nông thôn; dịch vụ ăn uống, khách sạn mở ra quá nhiều, còn các dịch vụ chuyên môn lại phát triển chậm.

Với tỷ trọng chiếm trên 40% GDP, các ngành dịch vụ tăng chậm có ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng chung của nền kinh tế.

Qua 7 năm thực hiện Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế, xã hội 1991 - 2000 đã được Đại hội VII của Đảng thông qua, GDP đã tăng 77% so với năm 1990, bình quân hàng năm tăng 8,5% là một tốc độ vào loại cao trong khu vực. Duy trì được tốc độ hiện nay, thì đến năm 1999, GDP có thể gấp 2,1 lần năm 1990, thực hiện trước thời hạn mục tiêu đề ra trong chiến lược 1991 - 2000 là sau 10 năm tăng gấp đôi GDP. Tuy nhiên, muốn đạt mục tiêu được Đại hội VIII điều chỉnh là đến năm 2000, GDP bình quân đầu người gấp đôi năm 1990, thì trong 3 năm tới, GDP phải tăng trưởng bình quân 11,5%. So với mục tiêu đó, nông nghiệp có nhiều khả năng đạt, nhưng công nghiệp và nhất là dịch vụ còn có khoảng cách khá lớn. Kế hoạch năm 1998 dự kiến GDP tăng 9,0%. Với tốc độ này thì đến năm 2000, GDP bình quân đầu người chỉ đạt khoảng 93 - 95% mục tiêu mà Đại hội VIII đề ra.

2. Đầu tư phát triển trong hai năm qua tính bình quân hàng năm gấp đôi mức bình quân của 5 năm trước, nhưng cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, hiệu quả thấp, tỷ lệ tích lũy trong nước không tăng, đầu tư mới của nước ngoài giảm

Tổng đầu tư phát triển trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân trong hai năm đạt khoảng 34 - 35% mức kế hoạch 5 năm 1996 - 2000; tỷ lệ đầu tư so với GDP năm 1996 đạt 29,8%, năm 1997 đạt 32,5%. Trong nguồn vốn đầu tư hai năm qua, ngân sách nhà nước chiếm 19,7%, tín dụng nhà

nước (kể cả nguồn vốn tài trợ phát triển chính thức của bên ngoài - ODA) 11%, doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư 17,3%, vốn đầu tư của dân 22,9%, đầu tư trực tiếp của nước ngoài (FDI) 29,1%. Tính chung nguồn vốn ngoài nước (kể cả ODA, FDI và vốn do các doanh nghiệp trong nước vay để đầu tư) chiếm 47% tổng đầu tư.

Hai năm qua, nhiều công trình xây dựng đã được hoàn thành. Kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội có bước cải thiện; hệ thống giao thông, thủy lợi, mạng lưới điện, thông tin liên lạc, cấp thoát nước, cơ sở y tế, giáo dục, văn hóa, nhà ở được mở mang cả ở thành thị và nông thôn, tới một số vùng sâu, vùng xa. Năng lực sản xuất của một số ngành tăng khá như điện, than, khai thác dầu - khí, vật liệu xây dựng, đường mía, lắp ráp ô tô, xe máy, hàng điện tử, đồ uống, hàng may mặc và giày dép xuất khẩu, năng lực vận tải, khách sạn...

Tuy nhiên, tỷ lệ tiết kiệm gộp là nguồn tạo tích lũy trong nước so với GDP còn thấp và hầu như không tăng (1995 = 21,4%; 1996 = 19,9%; 1997 khoảng 20%). Chi tiêu công quỹ và sử dụng tài sản công còn nhiều lãng phí (nhất là trong việc xây trụ sở, trang bị nội thất cơ quan, sắm ô tô, tiếp khách...) nên tổng chi ngân sách trong hai năm qua chỉ dành được 22 - 23% cho đầu tư phát triển. Nguồn vốn ngân sách còn bị sử dụng phân tán, thất thoát, lãng phí nhiều và chậm thanh toán khối lượng xây dựng đã hoàn thành. Đầu tư thông qua tín dụng nhà nước thực hiện chậm; vốn tài trợ chính thức của bên ngoài được giải ngân khá hơn trước nhưng qua 4 năm mới thực hiện được 30% nguồn vốn đã được bên ngoài cam kết. Vốn do các doanh nghiệp nhà nước tự đầu tư (kể cả vay nước ngoài, chủ yếu là để nhập thiết bị) tăng

31%, đã góp phần tăng thêm năng lực sản xuất, song việc nhập thiết bị thiếu chặt chẽ cả về chất lượng và trình độ công nghệ; một số cơ sở khó bảo đảm hiệu quả và khả năng trả nợ. Trong nhân dân, tiền của dùng vào xây nhà, mua đất, sắm xe cộ, tiêu xài (đặc biệt là ma chay, cưới xin, giỗ chạp...) nhiều, ít đầu tư vào sản xuất kinh doanh; các đơn vị kinh tế tư nhân ngoài nông nghiệp tập trung đầu tư phần lớn vào thương mại, ăn uống, dịch vụ phục vụ đời sống. Đầu tư trực tiếp của nước ngoài tăng khá hơn trước về mức thực hiện những dự án đã cấp giấy phép, về số vốn bổ sung để mở rộng sản xuất kinh doanh của các dự án đã đi vào hoạt động, nhưng mức thu hút đầu tư mới từ năm 1997 giảm. Các nhà đầu tư có tiềm lực mạnh về công nghệ, tài chính và thị trường còn dè dặt khi đầu tư vào nước ta, chủ yếu vì lo ngại chính sách của ta chưa thật ổn định, thủ tục hành chính còn phiền hà...

Tình hình trên nếu không được khắc phục sẽ tác động tiêu cực tới nhịp độ tăng trưởng kinh tế trong những năm tới, nhất là thời kỳ sau năm 2000.

3. Xuất khẩu tăng khá nhưng tỷ lệ sản phẩm đã tinh chế còn thấp; nhập siêu được thu hẹp nhưng còn lớn

Kim ngạch xuất khẩu hai năm 1996 - 1997 ước đạt 16 tỷ USD, tăng bình quân 26% và mới bằng 27% tổng mức đề ra cho 5 năm 1996 - 2000; năm 1997 xuất khẩu tăng 20%, thấp nhất từ 1994 đến nay. Hàng công nghiệp nhẹ năm 1995 mới chiếm 28,4% tổng kim ngạch xuất khẩu, năm 1997 đã tăng lên 36,8%, bằng tỷ trọng của hàng nông, lâm, thủy sản và gấp 1,4 lần hàng công nghiệp nặng và khoáng sản. Tuy

nhiên, tỷ lệ sản phẩm xuất khẩu đã tinh chế mới đạt 31% (mục tiêu đến năm 2000 phải đạt 50%); hầu hết nông sản, khoáng sản xuất khẩu dưới dạng thô; còn hàng công nghiệp nhẹ xuất khẩu phần lớn là làm gia công, tuy tạo được việc làm nhưng giá trị gia tăng ít, thực chất là xuất khẩu lao động giá rẻ. Nhiều mặt hàng xuất khẩu đạt hiệu quả thấp, chưa có thị trường ổn định.

Kim ngạch nhập khẩu hai năm 1996 - 1997 ước đạt 22,3 tỷ USD. Mức nhập khẩu một số năm qua tăng quá nhanh, trong đó một phần đáng kể là nhập hàng tiêu dùng cao cấp, riêng năm 1996 tăng 36,6% nên từ năm 1993 đến năm 1996, mức nhập siêu hàng năm tăng vọt; từ 939 triệu USD năm 1993 lên 1.772 triệu USD năm 1994, 2.706 triệu USD năm 1995, đến năm 1996 là 3.900 triệu USD, bằng 53% kim ngạch xuất khẩu và 16% GDP. Sang năm 1997, thông qua nhiều biện pháp kiểm soát nhập khẩu, nhất là đối với hình thức nhập hàng trả chậm, kim ngạch nhập khẩu chỉ tăng 0,5% so với năm 1996, trong đó nhập hàng tiêu dùng giảm 31% (chiếm tỷ trọng 9%), nên mức nhập siêu đã giảm xuống còn 2.500 triệu USD, song vẫn còn bằng 28,7% xuất khẩu và xấp xỉ 10% GDP. Nhập siêu giảm chủ yếu dựa vào hạn chế nhập khẩu, chưa phải do tăng xuất khẩu. Mức nhập siêu lớn làm tăng gánh nặng về nợ, vượt quá giới hạn an toàn cho sự phát triển trước mắt và lâu dài. Tuy trên 90% hàng nhập khẩu năm 1997 là tư liệu sản xuất, nhưng ngoài nguyên, vật liệu để làm hàng gia công xuất khẩu, phần dành cho sản xuất hàng xuất khẩu để nâng cao trình độ phát triển kinh tế và bảo đảm khả năng trả nợ không nhiều.

Thị trường xuất nhập khẩu bước đầu được mở thêm ở Bắc Mỹ, châu Phi, nhưng còn hẹp; nhiều mặt hàng xuất nhập khẩu còn phải qua thị trường trung gian. Người Hoa hoặc gốc Hoa ở ngoài lục địa chiếm tỷ trọng lớn trong quan hệ thương mại và đầu tư vào nước ta.

4. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch chậm, tiềm năng, thế mạnh của các thành phần kinh tế chưa được khai thác, phát huy tốt

a) Chuyển dịch cơ cấu kinh tế là một quá trình đòi hỏi nhiều thời gian mới có được biến đổi rõ nét, song điều đáng quan tâm là hai năm qua, tuy nhịp độ tăng trưởng kinh tế cao hơn 5 năm trước, nhưng sự chuyển dịch cơ cấu lại diễn ra chậm hơn. Sau 7 năm phát triển vẫn có trên 70% lao động cả nước làm nông nghiệp; cơ cấu hàng xuất khẩu chủ yếu vẫn là nguyên liệu khai thác từ nguyên thiên nhiên không tái tạo và nông sản chưa chế biến.

Trong nông nghiệp, cây công nghiệp và chăn nuôi tăng chậm, còn cách xa mục tiêu đề ra là đưa tỷ trọng cây công nghiệp trong giá trị sản lượng trồng trọt lên 45% (1997 mới đạt 22%) và đưa tỷ trọng chăn nuôi lên 30 - 35% tổng giá trị sản phẩm nông nghiệp (1997 mới đạt 22%).

Trong công nghiệp, các ngành chế biến phát triển kém. Nhiều doanh nghiệp chưa chú trọng xuất khẩu, đòi được bảo hộ mà ít cố gắng vươn lên trong cạnh tranh; các cơ sở có vốn đầu tư nước ngoài cũng tận dụng hàng rào bảo hộ để khai thác thị trường Việt Nam là chính. Hướng mở thị trường, lựa chọn ngành và sản phẩm mũi nhọn chưa được tổ chức nghiên cứu chu đáo.

b) Trong cơ cấu thành phần kinh tế, doanh nghiệp nhà nước vẫn chiếm đại bộ phận các ngành quan trọng trong công nghiệp và tài chính - tín dụng, dịch vụ, nắm hầu hết vai trò đối tác phía Việt Nam trong các cơ sở hợp tác và liên doanh với nước ngoài, giành các vị trí có lợi nhất trong kinh doanh. Các doanh nghiệp nhà nước đã góp phần rất quan trọng vào nhịp độ tăng trưởng của nền kinh tế trong thời gian qua, nhưng nhìn chung hiệu quả kinh tế thấp do sự phát triển thiếu quy hoạch, đầu tư thiếu cân nhắc, thiếu vốn, chậm đổi mới công nghệ, yếu về năng lực quản trị và còn nhiều vướng mắc do cơ chế, chính sách quản lý và khuyết điểm trong điều hành vĩ mô của Nhà nước gây ra. Nhiều doanh nghiệp mắc nợ lớn, mất khả năng thanh toán. Các chủ trương, biện pháp cải cách đối với doanh nghiệp nhà nước tiến hành chậm, còn nhiều lúng túng. Các tổng công ty nhà nước phần lớn mới tập hợp các doanh nghiệp theo số cộng, chưa phát triển được sự phân công và hợp tác chặt chẽ theo chiều dọc và chiều ngang, nên chưa phát huy được hiệu quả mong muốn.

Các hợp tác xã cũ trong nông nghiệp có khoảng dưới 10% đổi mới có kết quả, hơn 40% còn hoạt động trong vài khâu, vài việc, nhưng hiệu quả thấp, còn gần một nửa chỉ tồn tại trên hình thức mà chưa được xử lý. Các hình thức hợp tác kiểu mới trong nông thôn bước đầu hình thành. Việc phát huy tính tích cực, năng động của hơn 10 triệu hộ nông dân và 2 triệu hộ sản xuất kinh doanh nhỏ ở thành thị đang đòi hỏi phải có những chính sách mới của Nhà nước và các hình thức hợp tác thích hợp để có thêm nguồn lực phát triển, hạn chế rủi ro và tránh bị chèn ép trong

kinh tế thị trường, song chưa được các cấp, các ngành thực sự quan tâm.

Các doanh nghiệp tư nhân có bước phát triển khá trong những năm trước; đến năm 1996 có hơn 21 ngàn doanh nghiệp, tập trung 2/3 trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, chiếm gần 2% GDP, 8% sản lượng công nghiệp. Khu vực kinh tế này có phần đóng góp tích cực vào việc phát huy nguồn vốn, sử dụng lao động, làm sống động thị trường, song nhìn chung chưa được quản lý, hướng dẫn và giúp đỡ phát triển lành mạnh. Gần đây, số doanh nghiệp mới đăng ký kinh doanh giảm đi, số doanh nghiệp phải đình chỉ hoạt động hoặc giải thể tăng lên.

Khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài đạt nhịp độ tăng trưởng cao hơn doanh nghiệp nội địa; năm 1997 chiếm 28% tổng sản lượng công nghiệp, góp phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế, thu hút lao động và thu ngân sách. Tuy nhiên, sự chuyển giao công nghệ chưa đạt yêu cầu, tỷ trọng xuất khẩu còn thấp. Sự tham gia điều hành của đối tác phía Việt Nam quá yếu kém và có không ít sơ hở; sự kiểm soát của Nhà nước đối với các doanh nghiệp này còn chông chéo, chưa quy định rõ trách nhiệm, còn buông lỏng nên chưa nắm được thực chất hoạt động và việc chấp hành luật pháp Việt Nam.

Tuy đã hình thành một số mô hình tốt về quan hệ liên kết giữa doanh nghiệp nhà nước với kinh tế hộ nông dân (như Hiệp hội mía đường Lam Sơn, Nông trường Sông Hậu...) và với kinh tế tư nhân, nhưng nhìn chung chưa tạo lập được khung pháp lý rõ ràng và môi trường hợp tác cạnh tranh bình đẳng để thúc đẩy sự liên kết các thành

phần kinh tế cùng nhau phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

5. Lạm phát tiếp tục giảm, giá cả ổn định, song tình hình tài chính - tiền tệ còn thiếu lành mạnh, có những diễn biến xấu

Tiếp theo việc giảm chỉ số giá tiêu dùng năm 1996 xuống 4,5%, qua 11 tháng đầu năm 1997, chỉ số này tiếp tục giảm xuống còn 2,6%, mức thấp nhất từ trước đến nay, góp phần ổn định môi trường kinh doanh, giảm rủi ro cho đầu tư phát triển, ổn định và cải thiện đời sống nhân dân. Tuy nhiên, tình trạng giảm phát đã tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh và làm cho thị trường kém sôi động. Giá cả nông sản giảm càng mở rộng cánh kéo giá cả giữa nông sản và hàng công nghiệp, làm tăng thêm chênh lệch về thu nhập giữa thành thị và nông thôn.

Tỷ lệ tiết kiệm nội địa giảm sút, hệ thống tài chính - tiền tệ có nhiều khó khăn và chậm khắc phục các mặt yếu. Khả năng sinh lợi của tài chính dân cư, tài chính doanh nghiệp và hiệu quả đầu tư của Nhà nước đều thấp, nhưng tiêu dùng trong cả 3 khu vực đều có lãng phí lớn. Ngân sách thường xuyên căng thẳng; mức thu tăng thấp hơn nhịp độ tăng trưởng kinh tế; tuy đã đảm bảo chi thường xuyên, chi trả nợ và dành được một phần cho đầu tư phát triển nhưng còn thấp. Vốn huy động và cho vay trong nền kinh tế mấy năm nay tăng chậm, ảnh hưởng tới nhịp độ tăng trưởng kinh tế. Thị trường vốn, đặc biệt là vốn trung hạn và dài hạn chưa hình thành. Hoạt động tín dụng vừa hẹp, vừa kém hiệu quả, công tác quản lý lỏng lẻo; nợ quá hạn lớn. Lãi suất tín dụng

được hạ xuống, nhưng còn cao so với khả năng sinh lời của các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp sản xuất. Sự đổ vỡ của một số doanh nghiệp lớn làm ăn trái pháp luật gắn với tình trạng tiêu cực trong hoạt động tín dụng của một số ngân hàng thương mại không những gây nhiều thiệt hại vật chất mà còn tác động xấu đến môi trường đầu tư, kinh doanh và làm giảm tín nhiệm của các ngân hàng Việt Nam trong quan hệ tín dụng quốc tế.

Từ cuối năm ngoái, tỷ giá hối đoái có biến động, đã được kịp thời xử lý. Song trong tình hình mới, do tác động của cuộc khủng hoảng tiền tệ và sự phá giá ở mức cao đồng tiền của một số nước xung quanh, đòi hỏi chúng ta phải rút ra bài học để lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng, có đối sách về tỷ giá hối đoái và quản lý ngoại tệ, đồng thời có giải pháp cơ bản để khắc phục các yếu tố là mầm mống gây suy thoái, khủng hoảng.

6. Nghị quyết Trung ương 2 về khoa học - công nghệ và giáo dục - đào tạo đang được tập trung chỉ đạo thực hiện, song kết quả thực tế mới ở bước đầu

Trong khoa học và công nghệ, các chương trình nghiên cứu và triển khai được xúc tiến tích cực hơn, hướng vào 4 chương trình về công nghệ thông tin, công nghệ sinh học, công nghệ vật liệu và công nghệ tự động hóa để hình thành các mũi nhọn công nghệ. Phương thức tiến hành hiện nay vẫn dựa chủ yếu vào nguồn lực của Nhà nước. Vấn đề tạo lập thị trường cho khoa học và công nghệ theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 2, đi đôi với hình thành môi trường cạnh tranh buộc các doanh nghiệp phải tìm đến khoa học,

công nghệ chưa có chuyển biến rõ nét. Mục tiêu nâng tỷ lệ đổi mới thiết bị, công nghệ hàng năm lên 10% thực hiện chậm. Tình trạng lạc hậu về công nghệ và trình độ quản lý đang là trở ngại lớn nhất cho việc nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, song chủ trương và biện pháp khắc phục còn yếu.

Tình trạng ô nhiễm và hủy hoại môi trường sinh thái tuy được kiểm tra và cảnh báo nhiều hơn song chưa được ngăn chặn kiên quyết và có hiệu quả. Yêu cầu bảo vệ và cải thiện môi trường, nâng tỷ lệ diện tích đất có rừng che phủ lên 40% (năm 1997 mới đạt 30%), khắc phục tình trạng ô nhiễm và cạn kiệt nguồn nước, tình trạng ô nhiễm ở đô thị, còn đòi hỏi sự quan tâm và nỗ lực nhiều hơn trong thời gian tới.

Công tác giáo dục và đào tạo có bước phát triển về số lượng học sinh, về đa dạng hóa các loại hình trường lớp, có những cố gắng mới về nâng cao chất lượng. Mục tiêu xóa mù chữ và phổ cập tiểu học đã được thực hiện trong 31 tỉnh, thành phố và có khả năng đến năm 2000 đạt được trong toàn quốc. Tuy nhiên công tác giáo dục còn nhiều vấn đề lớn phải giải quyết tích cực hơn, đặc biệt là vấn đề chất lượng giáo dục, đào tạo, bao gồm cả việc lập lại trật tự, kỷ cương, đẩy lùi tiêu cực trong việc dạy thêm, trong thi cử và cấp bằng hoặc chứng chỉ, vấn đề thay đổi hợp lý cơ cấu đào tạo theo trình độ và ngành nghề, thực hiện mục tiêu đến năm 2000 có 22 - 25% lao động được qua đào tạo (năm 1997 mới đạt 16%), vấn đề huy động sức dân đi đôi với chăm lo việc học cho người nghèo, các vùng sâu, vùng xa.

7. Đời sống vật chất và văn hóa của nhân dân tiếp tục được cải thiện, nhưng còn nhiều vấn đề bức xúc về xã hội chậm được giải quyết

Hai năm qua, có thêm 2,6 triệu lao động được giải quyết việc làm. Đời sống của các tầng lớp nhân dân ở các vùng đều có bước cải thiện; số hộ nghèo giảm; nhiều huyện, xã đã thanh toán được nạn đói. Các hoạt động bảo vệ và chăm sóc sức khỏe, thể dục thể thao có bước phát triển theo hướng xã hội hóa. Dân số năm 1997 tăng 1,87%; so với năm trước giảm được 0,08%, nhưng mức tăng còn cao (mỗi năm thêm 1,4 triệu người).

Các cuộc vận động đền ơn đáp nghĩa, xóa đói giảm nghèo, làm việc thiện có nhiều hoạt động thiết thực, đi vào chiều sâu. Trước tình hình thiên tai diễn ra trên diện rộng, gây thiệt hại lớn trong hai năm qua, một mặt chúng ta đã kịp thời khắc phục hậu quả, nhanh chóng khôi phục sản xuất và đời sống, mặt khác bổ sung các biện pháp phòng chống, đặc biệt là đẩy nhanh việc thực hiện chương trình phòng chống lũ lụt ở đồng bằng sông Cửu Long.

Tuy vậy, vấn đề giải quyết việc làm vẫn hết sức gay gắt ở cả thành thị và nông thôn. Mục tiêu giải quyết việc làm cho 6,5 - 7 triệu lao động mới chỉ tương đương số người đến tuổi lao động trong 5 năm; mục tiêu này có khả năng đạt được về số lượng, nhưng tỷ lệ người có việc làm ổn định chưa cao. Đời sống của một bộ phận dân cư ở miền núi, vùng sâu, vùng xa và một số vùng độc canh lúa, nhất là những nơi bị thiên tai, còn nhiều khó khăn. Trong sự gia tăng khoảng cách giàu - nghèo giữa các tầng lớp dân cư, nổi lên tình trạng làm giàu

bất chính, phi pháp, dựa vào đặc quyền, đặc lợi, gây bất bình lớn trong xã hội chưa ngăn chặn được.

Tệ tham nhũng, lãng phí cùng với tình trạng buôn lậu, gian lận thương mại không giảm mà có chiều hướng tăng. Một số vụ lớn đã được phát hiện cho thấy có sự kết nối thành đường dây của những phần tử xấu trong cả doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhà nước, ngân hàng thương mại, với sự tiếp tay, bao che của những cán bộ biến chất trong cơ quan nhà nước, kể cả cơ quan bảo vệ pháp luật. Nhiều tệ nạn xã hội chỉ thay đổi hình thức hoạt động nhưng vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển; đặc biệt là nạn nghiện ma túy đã lan rộng, để lại nhiều hậu quả khó khắc phục. Mê tín dị đoan và những hủ tục trong cưới xin, ma chay vẫn diễn ra phổ biến. Tội phạm hình sự gia tăng với nhiều vụ trọng án.

So với những mục tiêu chủ yếu về văn hóa, xã hội đề ra đến năm 2000 thì những tiến bộ đã đạt được cho đến nay mở ra khả năng đạt các mục tiêu về giảm tốc độ tăng dân số xuống dưới 1,8%, về xóa nạn đói, về cung cấp điện và xây dựng đường ô tô tới các huyện và phần lớn số xã, về tỷ lệ hộ được xem Đài Truyền hình Việt Nam và nghe Đài Tiếng nói Việt Nam. Mục tiêu giảm tỷ lệ hộ đói nghèo xuống còn 10% (1997 vẫn còn 18%), bảo đảm cho dân cư thành thị và 80% dân số ở nông thôn được cung cấp nước sạch còn đòi hỏi mức phấn đấu cao mới đạt được.

II- ĐÁNH GIÁ TỔNG QUÁT VÀ PHÂN TÍCH NGUYÊN NHÂN

1. Nhìn tổng quát, qua hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, công cuộc đổi mới, công nghiệp hóa, hiện

đại hóa và hội nhập quốc tế đang được tích cực thực hiện. Chúng ta tiếp tục duy trì được sự ổn định chính trị, xã hội và kinh tế vĩ mô, đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá cao, thực hiện được một số chỉ tiêu cơ bản do Nghị quyết Đại hội VIII xác định (về nhịp độ tăng trưởng GDP, tăng trưởng nông, lâm, ngư nghiệp, tỷ lệ đầu tư toàn xã hội trong GDP...). Cùng với sự phát triển kinh tế, nhiều mặt sự nghiệp xã hội như giáo dục, y tế, văn hóa, khoa học công nghệ, xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa tiếp tục được triển khai thực hiện theo các nghị quyết của Đảng, có bước phát triển. Đời sống số đông nhân dân ở các vùng có bước cải thiện. Quốc phòng, an ninh được giữ vững, quan hệ đối ngoại được mở rộng, uy tín quốc tế của nước ta được nâng cao. Đất nước có thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển nhanh trong những năm tới.

Tuy nhiên sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả cạnh tranh thấp, còn nhiều yếu tố tiêu cực. Lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng lớn, tỷ lệ tích lũy từ nội bộ nền kinh tế thấp. Đầu tư dàn trải, thất thoát lớn. Công nghiệp chưa phát triển, công nghệ lạc hậu, cơ cấu kinh tế chậm thay đổi. Nhập siêu và bội chi ngân sách lớn, nợ nước ngoài so với GDP và xuất khẩu cao, dự trữ quốc gia mỏng. Việc xây dựng quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa còn lúng túng và bị buông lỏng. Phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý, chưa ngăn chặn được những thủ đoạn làm giàu bất chính. Chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng và thu nhập giữa các tầng lớp dân cư ngày càng mở rộng. Việc làm và nhiều vấn đề xã hội đặt ra gay gắt. Văn hóa, nếp sống và đạo đức con người nhiều mặt xuống cấp.

Những vấn đề đó ảnh hưởng xấu tới môi trường kinh tế, làm giảm nhịp độ tăng trưởng, đồng thời tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định kinh tế - xã hội nếu không có những giải pháp đúng đắn, kịp thời.

2. Nguyên nhân

a) Những kết quả và thành tựu đạt được trong hai năm qua khẳng định sự đúng đắn của đường lối và các chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta, chứng tỏ những quan điểm, đường lối đổi mới của Đảng tiếp tục phát huy tác động tích cực trong cuộc sống.

Trong chỉ đạo điều hành, chúng ta đã thực hiện có kết quả nhất định việc ngăn chặn và hạn chế một số diễn biến xấu của nền kinh tế như xử lý việc thu mua lúa của nông dân, hạn chế bớt nhập siêu, chấn chỉnh hoạt động tín dụng, xử lý tình trạng giảm phát, giúp đỡ nhân dân vùng bị thiên tai khôi phục sản xuất và đời sống, v.v..

Nhân tố quyết định làm nên những thành tựu vẫn là sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp, của nhân dân cả nước.

Sự hợp tác và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế cũng là một nhân tố quan trọng. Những năm vừa qua kinh tế thế giới và khu vực có nhịp độ tăng trưởng cao, đã tạo môi trường quốc tế thuận lợi cho nước ta phát triển.

b) Những hạn chế, yếu kém trong nền kinh tế nước ta hiện nay có những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về mặt khách quan, nhiều khó khăn yếu kém vốn có của nền kinh tế do lịch sử để lại không thể khắc phục nhanh chóng. Hai năm qua thiên tai liên tiếp gây thêm nhiều thiệt

hại. Thế giới sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu đang trong quá trình biến đổi sâu sắc, chưa ổn định đã và còn tác động sâu sắc đến đất nước ta, nhưng việc nghiên cứu, phân tích, dự báo tình hình của chúng ta còn yếu. Cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực và ở một số nước trên thế giới từ giữa năm 1997 đã ảnh hưởng trực tiếp đến sự ổn định tài chính - tiền tệ, đến hoạt động xuất nhập khẩu và việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài vào nước ta.

Việc phát triển nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới đối với chúng ta còn là việc mới mẻ, hoàn toàn chưa có tiền lệ, chỉ có thể vừa làm, vừa tổng kết thực tiễn, rút kinh nghiệm và điều chỉnh.

Về mặt chủ quan:

- Việc quán triệt nghị quyết và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng vẫn là khâu rất yếu kém của bộ máy Đảng và Nhà nước ta ở nhiều cấp, nhiều ngành, trên nhiều lĩnh vực. Nghị quyết Đại hội Đảng và các nghị quyết của Trung ương đã tập hợp được trí tuệ, tâm huyết của đông đảo cán bộ, đảng viên, nhân dân, tổng kết sâu sắc thực tiễn cách mạng của đất nước, đề ra nhiều quan điểm, chủ trương đúng đắn có căn cứ khoa học. Nhưng trong quá trình hoạt động, nhiều cán bộ, đảng viên và cấp ủy ít quan tâm đầy đủ đến nghị quyết của Đảng, không căn cứ vào nghị quyết để hành động và kiểm tra công việc của mình; làm nhiều việc không đúng nghị quyết, thậm chí trái với nghị quyết. Ví dụ như: mấy năm qua đã nhập khẩu hàng tỉ USD hàng

cao cấp, xa xỉ cho tiêu dùng và để tăng thu ngân sách; một số ngân hàng thương mại cho vay không đúng mục tiêu, không đúng đối tượng, không đúng quy chế làm Nhà nước thất thoát hàng nghìn tỉ đồng, trong khi không có tiền cho một số xí nghiệp công nghiệp vay để đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất, giải quyết việc làm, để hàng nghìn công nhân mất việc... Đã để hàng vạn hộ nông dân Nam Bộ mất ruộng đất, trắng tay phải đi làm thuê làm mướn, trong khi ở một số vùng khác một số cán bộ lợi dụng chức quyền mua, chiếm ruộng đất, thuê lao động làm hoặc phát canh thu tô để kiếm lời; thương nghiệp quốc doanh bỏ thị trường nông thôn cho tư thương, để nông dân bị ép cấp, ép giá, phải đi vay nặng lãi do tín dụng nhà nước không cho vay đủ vốn, dẫn đến những thiệt hại về kinh tế và làm cho một bộ phận nông dân nghèo hơn trước. Nghị quyết của Đảng đã nói nhiều tới việc Nhà nước phải giúp vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc, vùng căn cứ cách mạng phát triển kinh tế, thoát khỏi cảnh nghèo đói, nhưng tình hình ít thay đổi; chủ trương của Đảng là từng bước thực hiện công bằng xã hội, nhưng đã để chênh lệch giàu nghèo giữa thành thị và nông thôn, giữa các tầng lớp dân cư ngày càng mở rộng.

Việc không quán triệt và tổ chức thực hiện đúng nghị quyết của Đảng là nguyên nhân quan trọng làm nảy sinh những tiêu cực trong nền kinh tế và xã hội.

- Việc cải cách bộ máy nhà nước với trọng tâm là cải cách nền hành chính quốc gia, xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý điều hành đất nước thực hiện chậm, ít kết quả.

Đến nay nền hành chính quốc gia còn nhiều yếu kém, bộ máy nhà nước cồng kềnh, thủ tục hành chính phiền hà, quản lý điều hành phân tán, hiệu lực thấp, một bộ phận cán bộ năng lực và phẩm chất kém, quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp quần chúng, cản trở sự phát triển kinh tế và gây bất bình trong nhân dân.

- Chúng ta chưa làm tốt, ở nhiều nơi còn làm rất kém việc phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, chưa thực hiện tốt dân chủ xã hội chủ nghĩa, để nhân dân, nhất là người dân ở cơ sở, phát huy được quyền làm chủ qua đại biểu và làm chủ trực tiếp, thực hiện được "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra". Như sự việc ở Thái Bình cho thấy, tình trạng cán bộ đảng, chính quyền xa dân, quan liêu mệnh lệnh, vi phạm quyền làm chủ và lợi ích của dân, thậm chí ức hiếp dân, còn khá phổ biến. Đây là nguyên nhân quan trọng khiến nhiều nơi lòng dân không yên, xã hội mất ổn định, tính tích cực và sức sáng tạo của quần chúng bị kìm hãm, thui chột, không được khơi dậy, phát huy.

- Sự lãnh đạo của Đảng trên nhiều lĩnh vực còn yếu kém, nhất là ở cấp cơ sở. Công tác cụ thể hóa nghị quyết của Đảng nhìn chung rất chậm. Nhiều cấp ủy đảng buông lỏng lãnh đạo công tác tổ chức cán bộ, buông lỏng lãnh đạo tài chính tiền tệ để cán bộ trong tổ chức của mình hư hỏng, tham nhũng, vận dụng đường lối của Đảng tùy tiện, chệch choạc, thậm chí gây thiệt hại lớn cho Nhà nước, xã hội. Cùng với những yếu kém trong công tác cán bộ, tổ chức bộ máy của Đảng chậm đổi mới, nhiều trì trệ; công tác nghiên cứu lý luận của Đảng còn lạc hậu, chưa vươn lên ngang tầm đòi hỏi của giai đoạn mới.

Tình hình thực tế đang đặt trách nhiệm nặng nề cho Đảng và Nhà nước ta phải tiếp tục đổi mới, nâng tầm lãnh đạo và quản lý đất nước, cả về chủ trương, chính sách cũng như về tổ chức chỉ đạo thực hiện thông qua việc đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy và con người, nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp của cả dân tộc để phấn đấu đạt và thực hiện vượt mức các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, tạo tiền đề thuận lợi cho bước tiến nhanh và bền vững hơn khi bước vào đầu thế kỷ sau.

Phần thứ hai

**NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LỚN
NHẪM ĐẨY MẠNH TIẾN TRÌNH ĐỔI MỚI,
PHẤN ĐẤU THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU
PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2000**

Để hoàn thành những mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã được Đại hội VIII của Đảng đề ra, nhiệm vụ phải thực hiện trong 3 năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1996 - 2000 rất nặng nề. Mặc dù trong nền kinh tế đã xuất hiện một số diễn biến không thuận, nhưng chúng ta vẫn có khả năng và cần phải *phấn đấu hoàn thành những mục tiêu đã đề ra bằng cách khơi dậy và phát huy nguồn nội lực đang còn nhiều tiềm năng cả về vật chất, trí tuệ và tinh thần của toàn xã hội, cùng với vị thế địa lý kinh tế - chính trị của đất nước, ra sức cân kiệm trong nước và thu hút nguồn lực bên ngoài để dồn sức đầu tư đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh*

tế, kết hợp chặt chẽ với phát triển văn hóa, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Đó là con đường bảo đảm *sự phát triển bền vững* là yêu cầu cơ bản và lâu dài, đồng thời đạt *nhịp độ tăng trưởng cao* là yêu cầu có khả năng và cần phải đạt được trong những năm tới.

Để thực hiện những yêu cầu đó, phải *"đẩy mạnh công cuộc đổi mới một cách toàn diện và đồng bộ"* theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII *nhằm tiếp thêm động lực, tạo thêm thuận lợi đồng thời thúc đẩy toàn xã hội thực hành tiết kiệm, phát huy mọi tiềm năng làm giàu cho mình và cho đất nước.*

Trên lĩnh vực kinh tế, xã hội, *nội dung đổi mới* trong thời gian tới phải thực hiện được sự *kết hợp ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa*; bảo đảm trên thực tế vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, đồng thời phát huy vai trò của các thành phần kinh tế khác, khuyến khích các hình thức sở hữu hỗn hợp; hình thành đồng bộ và phát huy tính năng động của cơ chế thị trường đi đôi với tăng cường hiệu lực quản lý của Nhà nước; nâng cao ý chí và năng lực *tự cường dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế.* Thấu suốt phương châm *"Phát triển kinh tế là trung tâm, xây dựng Đảng là then chốt"*, *"công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội phải được tiến hành song song và kết hợp chặt chẽ với cải cách bộ máy nhà nước và hệ thống hành chính, xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới"* theo Nghị quyết Đại hội VIII và Nghị quyết Trung ương 3.

Theo các tư tưởng chỉ đạo nêu trên, trong ba năm còn lại của kế hoạch 5 năm, cần tập trung sức chỉ đạo một số chủ trương, giải pháp lớn nhằm thực hiện thắng lợi các

mục tiêu và chương trình phát triển kinh tế - xã hội đã được Đại hội VIII thông qua.

I- THỨC ĐẨY SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU ĐẦU TƯ THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA, NÂNG CAO HIỆU QUẢ VÀ SỨC CẠNH TRANH CỦA NỀN KINH TẾ

Để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo quan điểm đã được Đại hội VIII xác định: "*Xây dựng một nền kinh tế mở, hội nhập với khu vực và thế giới, hướng mạnh về xuất khẩu, đồng thời thay thế nhập khẩu bằng những sản phẩm trong nước sản xuất có hiệu quả*", vấn đề cốt lõi là phải nâng cao sức cạnh tranh của hàng hóa và dịch vụ, của các doanh nghiệp Việt Nam cả trên thị trường quốc tế và thị trường nội địa, trên cơ sở đó mà tận dụng và phát triển năng lực sản xuất, nâng cao hiệu quả kinh tế. Đó là định hướng cơ bản cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường nội địa với sức tiêu thụ ngày càng tăng của gần 80 triệu dân, đồng thời mở rộng thị trường bên ngoài để đẩy mạnh xuất khẩu, không ngừng cải thiện cán cân thương mại và cán cân thanh toán quốc tế.

Đảng ta đã kịp thời nắm bắt xu thế tất yếu của thời đại để quyết định chủ trương đúng đắn về hội nhập kinh tế với khu vực và thế giới, với các bước đi vững chắc, trên cơ sở không ngừng tăng cường độc lập tự chủ của đất nước. Tiến trình hội nhập kinh tế đòi hỏi chúng ta phải từng bước giảm bớt các hàng rào phi quan thuế và giảm thuế nhập khẩu đối

với hàng công nghiệp chế biến, nhưng phải bảo vệ được lợi ích và chủ quyền quốc gia. Nếu các ngành công nghiệp, đặc biệt là công nghiệp chế biến (kể cả chế tạo) của nước ta phát triển chậm với công nghệ lạc hậu như hiện nay, thì sẽ không thể đứng vững được trước sức ép cạnh tranh gay gắt; chẳng những không khai thác được lợi thế của sự hội nhập quốc tế mà còn không làm chủ được thị trường nội địa trước sự xâm nhập của hàng nước ngoài.

Do vậy, phát triển nhanh các ngành công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến có khả năng cạnh tranh cao là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu trong chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hướng mạnh về xuất khẩu.

Để hoàn thành nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách nêu trên cần tổ chức thực hiện các giải pháp lớn sau đây:

1. Điều chỉnh quy hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư theo hướng tăng trưởng kinh tế bền vững, có hiệu quả

Xác định những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đáp ứng được nhu cầu trong nước và có khả năng tiêu thụ ở ngoài nước để định hướng và khuyến khích phát triển mạnh đi đôi với tích cực tìm thị trường nhằm tăng kim ngạch xuất khẩu với nhịp độ nhanh gấp vài lần so với nhịp độ tăng GDP. Mọi phương án sản phẩm, kể cả sản phẩm đáp ứng nhu cầu trong nước là chính, phải đặt trong quan hệ so sánh về chất lượng và giá cả với hàng hóa nước ngoài. Yêu cầu này càng phải nghiêm ngặt đối với dự án phát triển sản phẩm mới, doanh nghiệp mới. Đối với dự án đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào

sản xuất, phải quy định chặt chẽ hơn về tiêu chuẩn bảo đảm khả năng cạnh tranh của sản phẩm, về thị trường tiêu thụ và tỷ lệ hàng hóa xuất khẩu, về việc tăng tỷ lệ giá trị sản phẩm được tạo ra ở Việt Nam.

Hướng ưu tiên trong những năm trước mắt nhằm vào công nghiệp chế biến gắn với phát triển nguồn nguyên liệu nông sản, thủy sản, sản xuất hàng xuất khẩu và các mặt hàng tiêu dùng (gạo, cao su, cà phê, chè, hạt điều, rau quả, thịt, sữa, nước giải khát, thủy sản, hàng dệt may, đồ da, đồ sành sứ, đồ nhựa, dược phẩm, chất tẩy rửa và mỹ phẩm...); đồng thời tạo điều kiện phát triển một số mặt hàng điện tử kể cả dịch vụ phần mềm và một số sản phẩm cơ khí thành những sản phẩm có sức cạnh tranh cả trên thị trường trong nước và quốc tế.

Đối với các ngành công nghiệp cơ bản, cần phát triển có lựa chọn một số công trình có điều kiện về tài nguyên, có khả năng tìm nguồn vốn và bảo đảm được hiệu quả để tạo nên tảng cho công nghiệp và cho nền kinh tế, như điện, khai thác và chế biến dầu - khí, vật liệu xây dựng, hóa chất - phân bón, luyện kim...; coi trọng phát triển ngành cơ khí (kể cả chế tạo, lắp ráp, sửa chữa) theo hướng đầu tư chiều sâu để cải tạo các cơ sở hiện có và phát triển một số cơ sở mới có điều kiện, với phương án sản phẩm phục vụ tốt cho việc đổi mới thiết bị, công nghệ trong nước và tạo được thị trường xuất khẩu.

Phát triển mạnh một số loại dịch vụ đang có nhu cầu lớn cả ở trong nước và trong quan hệ với nước ngoài, có điều kiện thuận lợi và có khả năng tích lũy cao như bưu điện viễn thông, du lịch, vận tải (cả hàng không, hàng hải, đường thủy, đường bộ), thương mại quốc tế (bao gồm cả dịch vụ quá cảnh,

chuyển khẩu, trung chuyển, tạm nhập tái xuất, giám định hàng hóa, sửa chữa và cung ứng tàu biển...), dịch vụ khoa học - công nghệ, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn...

Đẩy mạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, ưu tiên cho các công trình trọng điểm phục vụ chung cho nền kinh tế, cho việc mở rộng kinh tế đối ngoại và chú ý thích đáng việc xây dựng một số cơ sở thiết yếu về kết cấu hạ tầng như đường, điện, trường, trạm, thủy lợi, nước sạch cho các vùng miền núi, biên giới, vùng khó khăn.

Trong những năm tới, các công trình đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng và các dự án lớn về phát triển công nghiệp tạo nên xương sống của nền kinh tế dựa một phần quan trọng vào vốn ngân sách, vốn tín dụng nhà nước (trong đó có nguồn vốn ODA) và vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài. Đây là phần đầu tư mà Nhà nước trực tiếp chi phối cần được soát xét kỹ theo tinh thần và phương hướng nêu trên. Đối với một số lĩnh vực và công trình, nhất là các công trình có sử dụng vốn vay, mà sản phẩm làm ra không có khả năng cạnh tranh, không bảo đảm hiệu quả để trả nợ, cần mạnh dạn điều chỉnh. Đồng thời, cần bổ sung các hình thức, biện pháp, chính sách có hiệu lực để khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư phát triển có hiệu quả, phù hợp với định hướng của kế hoạch nhà nước.

2. Áp dụng chính sách bảo hộ hợp lý, giúp đỡ và thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao chất lượng hàng hóa, nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh

Mấy năm gần đây, một số cơ sở sản xuất trong nước, bao gồm cả doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, đã làm ra

những sản phẩm không những đẩy lùi được sự xâm nhập của hàng nước ngoài mà còn từng bước mở rộng được xuất khẩu, như bóng đèn, phích nước, kính và đồ sứ xây dựng, pin và ắc quy, một số loại máy nhỏ, đồ nhựa, hàng may mặc, giày dép, chất tẩy rửa và một số loại mỹ phẩm, bia và nước giải khát, bánh kẹo... Thực tiễn cho thấy rõ *giải pháp chủ yếu để bảo vệ và phát triển sản xuất trong nước một cách tích cực là phải đặt các doanh nghiệp vào môi trường cạnh tranh, đồng thời có chính sách, biện pháp thúc đẩy và giúp đỡ các doanh nghiệp quyết tâm phấn đấu nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm hàng hóa*. Sự trợ giúp của Nhà nước cần hướng vào xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật bên ngoài doanh nghiệp, phát triển thị trường vốn, đào tạo nguồn nhân lực giúp đỡ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, về tiếp thị, thông tin thị trường, v.v.; dành ưu tiên cao nhất về đất, vốn, thuế, lao động được đào tạo... cho việc đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu và cho việc đổi mới thiết bị, công nghệ của các doanh nghiệp.

Tăng đầu tư của Nhà nước và từ nhiều nguồn khác cho việc nghiên cứu khoa học và công nghệ, hình thành các ngành công nghệ mũi nhọn, đặc biệt là trên các lĩnh vực sinh học, tin học, tự động hóa và vật liệu mới; nâng cao trình độ công nghệ, quản lý. Sản phẩm nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới phải được trả giá tương xứng với hiệu quả mà nó mang lại. Thực hiện tốt chế độ bảo hộ sở hữu công nghiệp. Phát triển sự hợp tác giữa các cơ quan và cán bộ khoa học - công nghệ với các doanh nghiệp, kể cả các nhà khoa học - công nghệ và doanh nhân người Việt ở nước ngoài, đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực này.

Chính sách bảo hộ bằng hàng rào quan thuế và phi quan thuế cần được tiếp tục điều chỉnh theo tinh thần bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện và có thời hạn. Lộ trình giảm thuế nhập khẩu và giảm dần các hàng rào phi quan thuế được công bố rõ để từng doanh nghiệp có kế hoạch phấn đấu cụ thể.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng với công tác vận động quần chúng để tiến hành có hiệu quả những biện pháp chống buôn lậu trên các tuyến biên giới, vùng biển và cả trên thị trường nội địa. Tăng cường áp dụng các hình thức xử phạt về kinh tế. Ngăn chặn và xử lý nghiêm bất kỳ cơ quan, doanh nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang nào có hành vi buôn lậu, gian lận thương mại hoặc tiếp tay, bao che cho bọn buôn lậu. Kiên quyết triệt phá các đường dây buôn lậu móc nối giữa gian thương và các cơ quan, tổ chức nhà nước.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu

Quy định rõ một số ít mặt hàng cấm xuất khẩu hoặc hạn chế xuất khẩu; những mặt hàng ngoài phạm vi đó được xuất khẩu dễ dàng với thủ tục đơn giản. Hoàn thiện thể chế kinh tế đối ngoại theo hướng khuyến khích mạnh xuất khẩu, kiểm soát được nhập khẩu; các đơn vị sản xuất, có hàng, có thị trường, có bạn hàng ngoài nước đều được trực tiếp xuất khẩu hoặc tham gia hoạt động xuất khẩu thông qua các hiệp hội theo những điều kiện được pháp luật quy định. Thu hẹp diện mặt hàng quy định hạn ngạch (côta) xuất khẩu, nhập khẩu, thay bằng chính sách thuế; đối với

mặt hàng chưa bỏ được hạn ngạch thì phải đổi mới cách phân bổ, áp dụng phương thức đấu thầu công khai thay cho cách phân bổ theo lối hành chính.

Ban hành quy chế thành lập và hoạt động của các quỹ hỗ trợ xuất khẩu từ nguồn ngân sách và nguồn đóng góp của các doanh nghiệp, trước hết là ở các ngành hàng có kim ngạch lớn để trợ giúp cho các nhà sản xuất và người xuất khẩu khi có biến động bất lợi trên thị trường.

Thường xuyên theo dõi, nghiên cứu bài học và tác động của cuộc khủng hoảng tiền tệ và sự biến động tỷ giá hối đoái đang diễn ra ở một số nước để có thêm căn cứ xây dựng chính sách tỷ giá phù hợp, có lợi cho xuất khẩu và ổn định được kinh tế vĩ mô.

Phát triển và nâng cao hiệu quả các khu chế xuất, khu công nghiệp. Nghiên cứu xây dựng thí điểm một vài *đặc khu kinh tế, khu mậu dịch tự do* ở một số đảo và địa bàn ven biển có đủ điều kiện.

4. Thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút vốn đầu tư nước ngoài, coi các doanh nghiệp được nước ngoài đầu tư vào nước ta là một bộ phận của nền kinh tế nước ta, nhưng phải có cơ chế quản lý chặt chẽ

Mở rộng nhiều hình thức thu hút đầu tư nước ngoài, chủ yếu là đầu tư trực tiếp (tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong nước hợp tác, liên doanh với nước ngoài); áp dụng từng bước và có mức độ các hình thức đầu tư gián tiếp (nước ngoài góp cổ phần, mua cổ phiếu của các cơ sở trong nước). Khuyến khích mạnh mẽ việc thu hút đầu tư nước ngoài vào

các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu và công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, điện tử, những ngành ta có thế mạnh về nguyên liệu và lao động, nhanh chóng phát triển các ngành công nghiệp chế biến ngang tầm quốc tế. Chú trọng thu hút các nhà đầu tư có tiềm năng lớn về tài chính và nắm công nghệ nguồn; không chỉ nhằm vào những dự án lớn mà phải chú ý cả các dự án vừa và nhỏ nhưng công nghệ hiện đại.

Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa thủ tục hành chính, từng bước tạo ra mặt bằng pháp luật và áp dụng thống nhất chính sách thuế, các loại giá cả dịch vụ (thuê đất, điện, nước, bưu chính, hàng không...) đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Bổ sung các chính sách ưu đãi thiết thực, có sức hấp dẫn cao, nhất là đối với các vùng và ngành cần dành ưu tiên như giảm giá thuê đất, giảm thuế thu nhập đối với các chuyên gia và nhà quản lý nước ngoài đến làm việc ở Việt Nam... Mở rộng đến đâu cần quản lý chặt chẽ đến đó. Quy định cơ chế quản lý và cơ quan có trách nhiệm giúp đỡ, kiểm soát việc thực hiện các dự án đã được cấp giấy phép và các cơ sở đã đi vào hoạt động, vừa tạo điều kiện thuận lợi vừa bảo đảm chấp hành tốt pháp luật Việt Nam.

5. Tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế

Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết, tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và gia nhập WTO. Giữ vững và mở rộng thị trường đã tạo lập được với các nước trong khu vực và

cộng đồng châu Âu, khôi phục thị trường Nga và các nước Đông Âu, phát triển quan hệ thương mại chính ngạch với Trung Quốc, tăng cường quan hệ buôn bán, hợp tác với Ấn Độ, mở rộng thị trường Mỹ, tìm thị trường mới ở Trung Cận Đông, châu Phi, Mỹ Latinh. Chú trọng đa phương hóa quan hệ thương mại, giảm sự tập trung cao vào một vài loại đối tác và việc mua bán qua thị trường trung gian.

Nâng cao năng lực dự báo, thu thập, xử lý thông tin thị trường. Sắp xếp hợp lý các viện nghiên cứu và các trung tâm thông tin thị trường thuộc các cơ quan nhà nước, hình thành hệ thống thông tin thương mại quốc gia nối mạng đến các cơ quan quản lý, các doanh nghiệp và mạng internet.

Thành lập Trung tâm xúc tiến thương mại trên cơ sở kết hợp các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước với các hiệp hội doanh nghiệp để tổ chức hợp lý công tác nghiên cứu, phát triển thị trường, giúp đỡ các doanh nghiệp trong việc tiếp thị và xuất khẩu hàng hóa.

Phát triển các hiệp hội ngành hàng liên kết chặt chẽ giữa sản xuất nguyên liệu, chế biến và xuất khẩu. Ban hành quy chế cho các doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp lập cơ quan đại diện, chi nhánh ở nước ngoài, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam chủ động thâm nhập vào các thị trường ngoài nước, tạo lập và phát triển các quan hệ bạn hàng ổn định lâu dài. Nghiên cứu việc sử dụng các tổ chức môi giới quốc tế để khai thông và phát triển thị trường đối với một số mặt hàng cần thiết.

Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan Chính phủ, của các tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp trong việc phát triển thị trường xuất khẩu và chủ động đàm phán và ký kết các

thỏa thuận song phương và đa phương. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan ngoại giao trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại; đổi mới tổ chức và hoạt động của bộ phận thương vụ ở nước ngoài. Thông qua các cuộc thương lượng, tiếp xúc ở cấp cao để tranh thủ các nhà lãnh đạo các quốc gia, các tổ chức kinh tế quốc tế, các khối kinh tế khu vực, các công ty xuyên quốc gia..., nhằm khai thông thị trường, mở rộng thị phần xuất khẩu hàng hóa.

Khuyến khích các cá nhân và tổ chức có khả năng và điều kiện ở trong nước cũng như người Việt Nam ở nước ngoài tham gia tích cực vào việc tìm hiểu, tiếp cận và thâm nhập thị trường thế giới (cả thị trường hàng hóa, lao động, vốn, công nghệ, dịch vụ...).

II- PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỢP TÁC HÓA

1. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phân công lại lao động ở nông thôn

Nông thôn nước ta chiếm xấp xỉ 80% dân số và 73% lao động, hầu hết làm nông nghiệp. Ruộng đất vốn đã ít lại đang bị giảm nhanh, đến nay, đất canh tác bình quân một nhân khẩu nông nghiệp chỉ còn hơn 800m², riêng miền Bắc chỉ còn hơn 500m². Vì vậy, trong những năm tới, một mặt cần nâng cao hiệu quả hoạt động của ngành nông nghiệp, nâng cao giá trị gia tăng trên một đơn vị diện tích; mặt khác, cần tăng nhanh tỷ trọng các sản phẩm ngoài lương thực và tiểu công nghiệp, công nghiệp và dịch vụ trong khu vực nông thôn,

phấn đấu thực hiện mục tiêu đến năm 2000 sử dụng được trên 75% thời gian lao động ở nông thôn, tiến tới bước chuyển đổi căn bản cơ cấu kinh tế nông thôn.

a) Phát triển nông, lâm, ngư nghiệp

- Trong *nông nghiệp*, tăng cường đầu tư thủy lợi hóa, điện khí hóa, cơ giới hóa và ứng dụng công nghệ sinh học, đặc biệt là giống mới, cải thiện môi trường sinh thái; hướng vào thâm canh, tăng vụ là chính và mở thêm diện tích ở nơi còn điều kiện. Giúp đỡ nhân dân các vùng bị thiên tai mau chóng khôi phục và ổn định sản xuất, đời sống. Đẩy nhanh việc thực hiện chương trình thoát lũ và củng cố hệ thống đê điều, chủ động phòng ngừa tình trạng mực nước biển nâng cao dần uy hiếp các vùng trũng.

Nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả các vùng chuyên canh, ưu tiên phát triển các cây trồng và vật nuôi có quy mô xuất khẩu tương đối lớn và thị trường ổn định, đặc biệt coi trọng các sản phẩm quý hiếm có lợi thế nhằm phát huy cao độ tiềm năng đa dạng của nông nghiệp Việt Nam và ưu thế của từng vùng. Hết sức chú trọng công nghệ sau thu hoạch để giảm tỷ lệ hao hụt, tăng khối lượng, chất lượng và chủng loại nguyên liệu cung cấp cho công nghiệp chế biến, tăng dự trữ để điều hòa lưu thông, đáp ứng kịp thời nhu cầu xuất khẩu.

Xác định diện tích lúa nước cần tập trung đầu tư thâm canh, nâng cao năng suất và chất lượng, bảo đảm lâu dài an toàn lương thực quốc gia, bảo đảm lợi ích ổn định cho người trồng lúa. Việc chuyển bộ phận diện tích làm lúa nước không chắc ăn, hiệu quả thấp, sang các cây trồng và vật nuôi khác

có hiệu quả cao hơn cần có quy hoạch cụ thể và được xét duyệt chặt chẽ.

Trước mắt, tập trung sức phát triển các vùng chuyên canh lúa xuất khẩu, gạo đặc sản, ngô, cao su, cà phê, chè, hạt điều, mía đường, cây ăn quả, rau đậu, chăn nuôi bò, lợn và các cây con đặc sản khác.

- Trong *lâm nghiệp*, phải quản lý và sử dụng có hiệu quả tiềm năng to lớn của *rừng và đất rừng* nhằm tạo bước phát triển mạnh mẽ về kinh tế - xã hội trên địa bàn miền núi, ven biển và hải đảo. Trước hết, bảo vệ cho được diện tích rừng hiện có, khoanh nuôi tái sinh rừng; bảo vệ nghiêm ngặt rừng đặc dụng và rừng phòng hộ; quản lý chặt chẽ và khai thác, sử dụng có hiệu quả vốn rừng kinh tế. Quy hoạch cụ thể việc thực hiện dự án phát triển 5 triệu hecta rừng.

Nghiêm cấm chặt phá bừa bãi, đốt rừng; áp dụng chính sách sử dụng gỗ tiết kiệm.

Để ổn định cuộc sống của đồng bào miền núi, ngăn chặn tình trạng du canh, du cư, đốt phá rừng bừa bãi cần thực hiện nhất quán chủ trương giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình thực sự làm chủ, xác định cơ chế lợi ích thỏa đáng cho các hộ nhận đất, nhận rừng, giúp đỡ thiết thực cho các hộ có điều kiện sinh sống để chăm sóc, bảo vệ rừng.

Xem xét cụ thể điều kiện sinh sống trước mắt và lâu dài của nhân dân ở từng xã, huyện miền núi phía Bắc, để một mặt có biện pháp phát triển kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống tại chỗ, củng cố vùng biên giới; mặt khác, có kế hoạch và chính sách tạo việc làm, bảo đảm đời sống cho những hộ cần chuyển cư. Giữa các tỉnh, các huyện có dân đi và tiếp dân

đến cần phối hợp chặt chẽ để tiến hành có tổ chức, có hiệu quả việc di chuyển dân.

- Trong *ngư nghiệp*, hạn chế việc đánh bắt cá ven bờ để bảo vệ nguồn lợi hải sản và khôi phục môi trường sinh thái biển; chuyển mạnh sang đánh bắt xa bờ, nuôi trồng thủy sản với mức độ thâm canh cao, áp dụng công nghệ nuôi bền vững; tổ chức lại công nghiệp chế biến và các dịch vụ trên bờ, cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ sở nghề cá. Tạo điều kiện và khuyến khích các hộ, nhóm hộ ngư dân tự đầu tư mua sắm tàu thuyền lớn ra khơi, sản xuất và chế biến hải sản, làm dịch vụ và tiêu thụ sản phẩm. Đi đôi với việc khôi phục nghề cá ở vùng bị thiên tai, cần đầu tư cho các vùng không bị thiệt hại để bù lại và nâng cao sản lượng hải sản.

Xây dựng quy hoạch phát triển *kinh tế biển*, thực hiện các chính sách tạo điều kiện thuận lợi nhằm thu hút đầu tư trong nước và ngoài nước. Tăng đầu tư từ nhiều nguồn cho nghiên cứu khoa học biển, hiện đại hóa các cơ sở nghiên cứu khí tượng thủy văn, đẩy mạnh tìm kiếm thăm dò dầu khí, khoáng sản biển và nguồn lợi hải sản, nghiên cứu các nguồn năng lượng biển, nghiên cứu và bảo vệ môi trường biển.

b) Phát triển mạnh các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn

Xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng ở nông thôn, bổ sung chính sách khuyến khích mọi người dân và doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ. Xóa bỏ những thủ tục phiền hà trong đăng ký kinh doanh, không phân biệt người địa phương hay người nơi khác đến đầu tư làm ăn; quy

hoạch các khu vực kinh doanh trên địa bàn nông thôn để cho thuê với giá ưu đãi làm mặt bằng sản xuất, kinh doanh; tăng thời hạn miễn, giảm thuế; dành một tỷ lệ tín dụng thỏa đáng vào mục đích này và có chính sách ưu đãi về lãi suất, thời hạn cho vay và bảo lãnh. Khuyến khích tất cả những dự án đầu tư phát triển kinh tế, tạo việc làm ở nông thôn kể cả các dự án ở quy mô hộ gia đình.

Xúc tiến việc xây dựng các khu công nghiệp, đặc biệt là một số khu quy mô nhỏ, các trung tâm kinh tế - xã hội ở các vùng nông thôn khác nhau để hỗ trợ cho quá trình phân công lại lao động và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn.

Các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản cần được tổ chức theo hướng gắn kết các đơn vị sản xuất nguyên liệu, liên kết giữa trước, trong và sau sản xuất, giữa sản xuất - chế biến và tiêu thụ, tạo hành lang thông suốt từ sản xuất của nông dân đến thị trường tiêu thụ sản phẩm cuối cùng, trong đó nhà máy chế biến là người tiêu thụ nguyên liệu ổn định và có hiệu quả. Tổng kết và mở rộng các mô hình tốt theo hướng nêu trên đã hình thành ở một số địa phương.

Ưu đãi, khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài vào khu vực nông thôn, cả các dự án đầu tư vào nông nghiệp và vào các lĩnh vực ngoài nông nghiệp. Miễn toàn bộ hoặc giảm tối đa tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư vào các vùng khó khăn, kể cả các dự án 100% vốn đầu tư nước ngoài.

c) Tăng nhanh trang bị kỹ thuật trong nông nghiệp và nông thôn

Trong 5 năm qua, nông thôn đã tăng thêm nhiều loại máy do các hộ nông dân, ngư dân tự mua sắm. Tổng lượng

phương tiện này còn nhiều hơn số được trang bị trong 20 năm trước.

Tuy nhiên hiện nay, trong sản xuất nông nghiệp, sức máy móc mới chiếm khoảng 20%, còn 35% là sức người, 45% là sức súc vật; trong lĩnh vực vận chuyển, chế biến nông sản, tỷ lệ cơ khí hóa còn rất thấp.

Trong thời gian tới, cần đẩy mạnh *sản xuất cơ khí phục vụ nông nghiệp*. Nhà nước cần hỗ trợ để máy sản xuất trong nước, nhất là các thiết bị vừa và nhỏ có sức cạnh tranh với máy của nước ngoài; tổ chức tốt các dịch vụ sau khi bán máy để tăng sức cạnh tranh.

Đối với những sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp và thủy sản trong nước chưa sản xuất đủ nhu cầu (như các máy động lực cho bơm nước, vận chuyển và chạy tàu đánh cá, máy chế biến, máy kéo nhỏ, ô tô tải nhỏ) thì cần nhập khẩu. Nhà nước có chính sách ưu đãi về vốn và thuế.

Việc nâng cao trình độ trang bị kỹ thuật và công nghệ ở nông thôn đòi hỏi sự phát triển tương ứng về *đào tạo nguồn nhân lực*, bao gồm cả bồi dưỡng kỹ năng lao động, đào tạo kỹ thuật viên và hình thành đội ngũ các nhà kinh doanh giỏi ở nông thôn, cả trong nông, lâm, ngư nghiệp và công nghiệp, dịch vụ.

d) Thực hiện chính sách ruộng đất phù hợp với sự phát triển nông nghiệp hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và thu nhập cho nông dân nghèo

Khẩn trương hoàn thành việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân; trong quá trình thực

hiện, cần khuyến khích và giúp đỡ các hộ nông dân đổi đất cho nhau để khắc phục tình trạng ruộng đất quá phân tán và manh mún, tạo điều kiện thuận lợi cho thâm canh và tăng năng suất lao động.

Căn cứ vào những nguyên tắc đã xác định trong *Bộ luật dân sự* và *Luật đất đai*, cần quy định chặt chẽ những trường hợp được chuyển nhượng quyền sử dụng đất (như chuyển nghề, lập nghiệp ở nơi khác, thiếu sức lao động...), không để nông dân nghèo sinh sống bằng nghề nông phải bán đất; ngăn chặn và xử lý việc sử dụng các thửa đoạn chèn ép để cưỡng đoạt ruộng đất của nông dân nghèo, nhất là đối với người vi phạm là cán bộ, đảng viên. Kiểm tra việc thực hiện chính sách hạn điền đối với đất canh tác phù hợp với điều kiện đất đai ở các vùng khác nhau; xử lý diện tích vượt quá giới hạn quy định, trước hết để giải quyết cho hộ nông dân không còn đất canh tác. Kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (nhà nước, tập thể, tư nhân) được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất; khuyến khích việc khai phá đất hoang vào mục đích đó.

Đối với hộ nông dân thiếu đất hoặc không còn đất canh tác, cần có chính sách cụ thể như cho vay vốn để giúp họ chuộc lại đất, khai thác đất chưa sử dụng, hoặc tạo điều kiện cho họ lập nghiệp mới, có việc làm và thu nhập ổn định trên cơ sở phát triển mạnh nền nông nghiệp hàng hóa và các ngành, nghề khác ở nông thôn.

Bổ sung thể chế để ngăn chặn tình trạng lãng phí đất đai, nhất là đất phi nông nghiệp. Quy định cụ thể hơn việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy hoạch,

nhất là việc chuyển đất canh tác và đất ở của nông dân để sử dụng vào mục đích khác. Có chính sách đền bù cho nông dân, phân biệt đất lấy để sử dụng vào mục đích kinh doanh khác với mục đích công ích. Cùng với chính sách đền bù bằng tiền, có biện pháp giúp nông dân có việc làm và nguồn thu nhập mới thông qua nhiều hình thức (có ruộng đất ở nơi khác, có nghề mới, góp vốn và/hoặc vào làm việc ở doanh nghiệp xây dựng trên đất chuyển nhượng...).

2. Giải quyết vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản

Thị trường tiêu thụ nông sản đang trở thành vấn đề lớn đối với sản xuất nông nghiệp và đời sống nông dân, đòi hỏi trên cơ sở hiệu quả sản xuất tạo ra, cần có chính sách và biện pháp giải quyết theo hướng ưu tiên chăm lo lợi ích của nông dân, bảo đảm lợi ích thỏa đáng của những người tham gia vào quá trình phục vụ sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản.

Để khai thông thị trường tiêu thụ nông sản, cùng với việc nâng cao sức mua trong nước, cần thực hiện một số giải pháp lớn:

a) *Thực hiện cơ chế lưu thông thật sự thông thoáng* trên thị trường trong nước đối với tất cả các loại vật tư và sản phẩm nông nghiệp và công nghiệp nông thôn, *phát triển mạnh hệ thống thương nghiệp nhà nước, đặc biệt coi trọng phát triển các hình thức liên kết giữa thương nghiệp nhà nước với hợp tác xã, nông dân và lực lượng thương nghiệp nhỏ*. Ngăn ngừa và xử lý kịp thời những hành động đầu cơ lũng đoạn thị trường làm thiệt hại lợi ích của nông dân và Nhà nước. Miễn thuế lưu thông đối với hàng tươi

sống và những nông sản thực phẩm thiết yếu cho đời sống nhân dân.

b) Lựa chọn đúng những sản phẩm có ưu thế của nông nghiệp nước ta để tập trung đầu tư, ứng dụng tiến bộ sinh học và công nghệ chế biến, *tạo cho được một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực* được chế biến có chất lượng cao, có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Nghiên cứu khẩn trương thị trường "nông sản và thực phẩm sạch" đang tăng nhanh trên thế giới, trước hết là ở những nước phát triển, kể cả gạo, thịt, chè, cà phê, rau, quả mà ta có ưu thế. Phân tích kỹ hiệu quả để xác định hợp lý cơ cấu xuất khẩu nông sản, đặc biệt là giữa xuất khẩu gạo và các nông sản khác có giá trị tăng thêm nhiều hơn qua chế biến. Tiếp tục đổi mới cơ chế xuất khẩu nông sản theo hướng khuyến khích, huy động mọi thành phần kinh tế có sản xuất hàng hóa tham gia xuất khẩu có tổ chức và quản lý của Nhà nước. Bảo đảm vai trò chủ đạo và chủ lực của kinh tế nhà nước đối với một số sản phẩm chủ yếu.

Đánh thuế xuất khẩu cao hợp lý đối với hàng xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô mà trong nước đã có cơ sở chế biến. Cho nhập khẩu miễn thuế hoặc thuế suất thấp đối với các loại nguyên, vật liệu phục vụ công nghiệp nông thôn mà trong nước không có hoặc còn thiếu; đánh thuế nhập khẩu hợp lý các nguyên liệu trong nước đã có.

c) Khuyến khích và giúp đỡ xây dựng các *quỹ bảo hiểm sản xuất* dưới nhiều hình thức với sự tham gia của các hộ nông dân và các doanh nghiệp mua nguyên liệu nông sản, Nhà nước có thể hỗ trợ một phần, để bù đắp thiệt hại cho nông dân khi mất mùa hoặc giá cả thị trường biến động bất

lợi. Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng phục vụ người nghèo có quy chế cho nông dân vay tiền vào đầu vụ thu hoạch để không phải bán nông sản ở thời điểm bất lợi về giá.

3. Phát triển mạnh các hình thức kinh tế hợp tác, đổi mới và củng cố các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp và nông thôn

a) Phát huy mạnh hơn nữa vai trò tự chủ của kinh tế hộ, kể cả kinh tế tiểu chủ, đồng thời tạo điều kiện và khuyến khích phát triển các hình thức kinh tế hợp tác, từ các tổ hợp tác đến hợp tác xã, chủ yếu là trên các khâu dịch vụ cho sản xuất "đầu vào" và "đầu ra".

Nhà nước hướng dẫn, hỗ trợ quá trình hình thành các hợp tác xã hoạt động theo *Luật hợp tác xã* (bao gồm cả chuyển đổi các hợp tác xã cũ) để các hợp tác xã kiểu mới sớm vươn lên đóng vai trò nòng cốt trong việc cung cấp các dịch vụ sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ở nông thôn. Đối với các hợp tác xã cũ không có điều kiện chuyển đổi, việc tồn tại chỉ là hình thức, cần cho giải thể. Quá trình xúc tiến các việc trên phải dựa vào sự đồng tình và tự nguyện của nông dân.

Xây dựng các hợp tác xã khai thác hải sản theo đơn vị thuyền nghề, các hợp tác xã chế biến, dịch vụ tại các tụ điểm nghề cá, bến cá nhân dân.

b) Củng cố và phát triển các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp và nông thôn làm dịch vụ, chế biến, tiêu thụ nông, lâm, thủy sản và chuyển giao kỹ thuật cho nông dân, nhất là ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Theo hướng đó, đổi mới hình thức tổ chức, nội dung kinh doanh và nâng cao hiệu quả của

các nông, lâm trường quốc doanh hiện có và phát triển các nông lâm trường quốc doanh theo mô hình mới ở các vùng sâu, vùng xa để giúp đỡ các vùng này phát triển kinh tế và nâng cao đời sống.

Đổi mới và củng cố các quốc doanh đánh cá theo hướng tăng nhanh khả năng bám trụ dài ngày trên các vùng biển khơi; làm tốt các dịch vụ chủ yếu ngoài biển và trên bờ để tạo điều kiện cho ngư dân có thể ra khơi, bám biển.

c) Phát triển các hình thức kinh tế hợp tác giữa các doanh nghiệp nhà nước với các hợp tác xã và các hộ nông dân cả trong sản xuất, chế biến và lưu thông, tiêu thụ sản phẩm, nhất là đối với sản phẩm xuất khẩu (trong đó nông dân là người làm nguyên liệu, hợp tác xã và doanh nghiệp nhà nước làm công nghiệp và thương mại). Xây dựng các hiệp hội ngành nghề có nhiều thành phần kinh tế tham gia, liên kết các khâu trong quá trình tái sản xuất, hoạt động theo cơ chế dân chủ, tự quản; cơ sở quốc doanh trong hiệp hội có vai trò nòng cốt, bảo đảm việc điều hòa lợi ích của các hội viên, hỗ trợ kinh tế hộ nông dân và hợp tác xã về kỹ thuật và thị trường.

III- ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ CÓ HIỆU QUẢ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

1. Tiếp tục đổi mới và phát triển khu vực doanh nghiệp nhà nước

Đổi mới doanh nghiệp nhà nước cả về cơ cấu và về cơ chế quản lý, tạo điều kiện và đòi hỏi doanh nghiệp nhà nước hoạt động có hiệu quả là một vấn đề then chốt và cấp bách để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, bảo

đảm vai trò chủ đạo và sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

Sự phát triển của doanh nghiệp nhà nước phải trên cơ sở nâng cao năng suất chất lượng, hiệu quả hoạt động và sức cạnh tranh để bảo đảm vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước.

Cần đẩy mạnh việc thực hiện những chủ trương, biện pháp lớn dưới đây:

a) Phân loại, sắp xếp và cơ cấu lại khu vực doanh nghiệp nhà nước

- Hoàn thành việc phân định loại doanh nghiệp công ích và loại doanh nghiệp kinh doanh; trên cơ sở đó, xác định danh mục loại doanh nghiệp cần giữ 100% vốn nhà nước, loại doanh nghiệp nhà nước cần nắm tỷ lệ cổ phần chi phối (trên 50%; cao nhất so với các cổ đông khác; cổ phần đặc biệt), loại doanh nghiệp nhà nước chỉ cần giữ tỷ lệ cổ phần ở mức thấp hoặc không cần có cổ phần. Khi sắp xếp, cần chú ý đến đặc điểm của từng ngành, từng vùng trong mối quan hệ với khả năng phát triển của các thành phần kinh tế khác.

- Đối với các doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, cần có kế hoạch và biện pháp cụ thể kiện toàn về tổ chức, cán bộ, xử lý lao động dôi dư, tài chính, ưu tiên bổ sung vốn lưu động, cho vay vốn ưu đãi để đổi mới thiết bị công nghệ đối với các doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả.

- Đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước chỉ nắm tỷ lệ cổ phần chi phối hoặc tỷ lệ nhỏ, cần lập kế hoạch tiến hành cổ phần hóa. Sửa đổi, bổ sung các quy định về cổ phần hóa nhằm huy động nguồn vốn trong và ngoài doanh nghiệp đáp ứng được yêu cầu phát triển, đơn giản hóa các thủ tục, bảo

đảm quy trình công khai và có chính sách thỏa đáng đối với số lao động dôi ra; thí điểm việc bán cổ phần cho người nước ngoài. Kiện toàn tổ chức chỉ đạo công tác cổ phần hóa với sự phân cấp hợp lý đối với từng loại doanh nghiệp, bảo đảm tiến độ triển khai và kịp thời rút kinh nghiệm để tiến hành một cách vững chắc.

- Đối với những doanh nghiệp nhỏ (hiện còn khoảng 3.000 doanh nghiệp có vốn dưới 1 tỷ đồng, trong đó 1.000 doanh nghiệp có vốn dưới 500 triệu đồng), không có vị trí quan trọng, kinh doanh thua lỗ kéo dài, cần áp dụng hình thức giải quyết thích hợp với từng doanh nghiệp như: sáp nhập vào doanh nghiệp khác, đấu thầu công khai cho tập thể hoặc cá nhân thuê, khoán kinh doanh hoặc mua; có thể giao doanh nghiệp cho tập thể cán bộ, công nhân tiến hành kinh doanh với điều kiện bảo đảm việc làm cho người lao động; áp dụng *Luật phá sản* đối với doanh nghiệp đã mất khả năng thanh toán. Trên cơ sở xây dựng thể chế về các chủ trương trên, quy định thẩm quyền quyết định của bộ và ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong việc thực hiện.

Số tiền thu được (do cổ phần hóa, bán, cho thuê và thanh lý tài sản doanh nghiệp) được sử dụng trước hết để giải quyết việc làm, thực hiện chính sách xã hội cho số lao động dôi ra và bổ sung vốn pháp định cho các doanh nghiệp nhà nước cần được ưu tiên củng cố.

b) Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước

- Sau khi sắp xếp lại chuyển các doanh nghiệp kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu

hạn hoặc công ty cổ phần với quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm; bổ sung hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ có một sáng lập viên để áp dụng đối với doanh nghiệp kinh doanh 100% vốn nhà nước.

Đặt các doanh nghiệp nhà nước trong môi trường cạnh tranh theo pháp luật. Đối với các tổng công ty và doanh nghiệp nhà nước có vị trí độc quyền, một mặt cần xây dựng cơ chế kiểm soát độc quyền, nhất là về giá cả; mặt khác, từng bước tạo môi trường cạnh tranh bằng việc thành lập các doanh nghiệp mới và bằng sự cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong tổng công ty.

- Làm rõ cơ chế đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước.

Trên cơ sở xác định hội đồng quản trị là cơ quan đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp nhà nước, cần quy định thành phần và việc chọn cử chủ tịch và các thành viên hội đồng quản trị đối với các doanh nghiệp 100% vốn nhà nước và doanh nghiệp mà Nhà nước nắm tỷ lệ cổ phần chi phối. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm về việc bảo toàn và phát triển tài sản và vốn Nhà nước giao cho doanh nghiệp. Giám đốc do hội đồng quản trị tuyển chọn và ký hợp đồng với sự chấp thuận của cơ quan hành chính có thẩm quyền, là người điều hành hoạt động của doanh nghiệp và chịu trách nhiệm trước hội đồng quản trị về công việc của mình. Áp dụng chế độ thi tuyển đối với giám đốc doanh nghiệp.

Bộ quản lý ngành không còn vai trò chủ quản đối với doanh nghiệp nhà nước như trước đây, nhưng phải xác định rõ hơn phạm vi trách nhiệm, thẩm quyền về quản lý nhà

nước (chiến lược phát triển, kế hoạch, chính sách, kiểm tra kiểm soát, tổng kết). Xem xét, tổ chức lại bộ máy để bộ quản lý ngành thực hiện được các chức năng này.

Căn cứ vào chủ trương của Chính phủ và kết quả hoạt động trên thị trường của từng doanh nghiệp, bộ quản lý ngành phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng phương án tổng thể phát triển và sắp xếp lại doanh nghiệp nhà nước để kiến nghị Thủ tướng quyết định (hoặc tự quyết định theo thẩm quyền) về việc thành lập, giải thể, cho phá sản, chuyển đổi sở hữu đối với từng trường hợp cụ thể. Hai bộ cử (và có quyền thay thế) cán bộ của mình tham gia hội đồng quản trị, phê chuẩn (hoặc phủ quyết) kiến nghị của hội đồng quản trị về việc tuyển chọn giám đốc. Thực hiện cơ chế Bộ trưởng Tài chính bổ nhiệm, trả lương, giám sát và bãi miễn kế toán trưởng, trước mắt là đối với các doanh nghiệp lớn.

Bộ quản lý ngành có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc xem xét phương án kinh doanh của doanh nghiệp (nhất là phương án đầu tư), thanh tra, kiểm tra việc doanh nghiệp thực hiện thể chế trên lĩnh vực do mình phụ trách.

Bộ Tài chính có trách nhiệm theo dõi, kiểm soát việc bảo toàn và phát triển đồng vốn của Nhà nước giao cho doanh nghiệp. Nghiên cứu việc chuyển từ cơ chế quản lý vốn theo phương thức hành chính sang cơ chế công ty tài chính.

Cơ chế tương tự được áp dụng cho Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương đối với doanh nghiệp nhà nước do mình thành lập; ở cấp hành chính quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh chỉ duy trì doanh nghiệp nhà nước hoạt động công ích.

- Lãnh mạnh hóa tài chính doanh nghiệp nhà nước.

Quy định khung pháp lý cho các doanh nghiệp nhà nước được huy động thêm vốn từ nhiều nguồn, tự chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng và về trả nợ vốn vay. Ngân hàng cho doanh nghiệp vay vốn đầu tư chủ yếu theo dự án hoặc được dành một tỷ lệ vốn nhất định để góp cổ phần với doanh nghiệp. Nhà nước không xóa nợ, bù lỗ cho các doanh nghiệp kinh doanh.

Chấn chỉnh công tác kế toán doanh nghiệp; sớm ban hành chế độ kiểm toán bắt buộc và chế độ công khai hóa tài chính doanh nghiệp. Xử lý dứt điểm các khoản nợ dây dưa trước đây của doanh nghiệp. Các doanh nghiệp kinh doanh thua lỗ không được nâng tiền lương, tiền thưởng.

Đổi mới chế độ phân phối, tạo động lực thúc đẩy doanh nghiệp nâng cao hiệu quả, ưu tiên dành lợi nhuận để tái đầu tư, lập quỹ dự phòng rủi ro; thực hiện rộng rãi chế độ lương khoán; xây dựng chế độ thù lao cho hội đồng quản trị và giám đốc doanh nghiệp, gắn lợi ích và trách nhiệm vật chất với hiệu quả kinh doanh; quy định rõ trách nhiệm của thành viên hội đồng quản trị, giám đốc và kế toán trưởng trong trường hợp để doanh nghiệp nhà nước bị phá sản.

- Kiện toàn các tổng công ty nhà nước (bao gồm cả các công ty thành viên) thành những đơn vị kinh tế mạnh, có hiệu quả và sức cạnh tranh cao. Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi mô hình tổng công ty theo hướng phối hợp quan hệ liên kết theo chiều ngang với quan hệ liên kết theo chiều dọc; chuyên môn hóa theo một ngành hàng và từng bước thực hiện kinh doanh đa ngành nghề. Điều chỉnh và cụ thể hóa quan hệ giữa tổng công ty với doanh nghiệp thành viên, tạo ra sự gắn bó về quan hệ tài chính và lợi ích kinh tế

trên cơ sở tôn trọng tư cách pháp nhân của doanh nghiệp thành viên.

- Tăng cường sự lãnh đạo của tổ chức đảng và vai trò của các đoàn thể quần chúng, quy định các hình thức dân chủ, công khai được áp dụng trong các doanh nghiệp nhà nước.

Đánh giá cụ thể và có kế hoạch, nội dung thiết thực đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao phẩm chất và trình độ quản lý của đội ngũ cán bộ doanh nghiệp, trước hết là các giám đốc, thành viên hội đồng quản trị, kế toán trưởng doanh nghiệp nhà nước và cán bộ quản lý Việt Nam trong các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài.

2. Phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp thuộc kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân

Nâng cao nhận thức trong các ngành, các cấp và trong xã hội về quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần với sự tồn tại, đan xen nhiều hình thức sở hữu, hình thành quan hệ sản xuất mới phù hợp với sự phát triển lực lượng sản xuất; thực hiện sự liên kết giữa các thành phần kinh tế, cùng hoạt động và phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa với vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước. Mọi loại hình kinh doanh có lợi cho quốc kế dân sinh, mọi doanh nhân và nhà quản lý doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật và đối xử tốt với người lao động đều được Nhà nước và xã hội tôn vinh, được bảo hộ quyền sở hữu và thu nhập hợp pháp, được hưởng chính sách ưu đãi trong những lĩnh vực được khuyến khích. Xây dựng mặt bằng chính sách và pháp luật đối với mọi loại hình kinh doanh, tạo môi

trường cạnh tranh bình đẳng giữa các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế.

Đồng thời với việc chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả của các doanh nghiệp nhà nước, phải loại bỏ các trở lực trong thể chế và trong tâm lý xã hội, tạo môi trường và điều kiện thuận lợi cho sự phát triển các loại hình doanh nghiệp thuộc kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân.

a) Tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh theo pháp luật

Ban hành nghị định mới quy định cụ thể các biện pháp thực hiện *Luật khuyến khích đầu tư trong nước*. Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy về các loại hình doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, xây dựng luật chung đối với các chủ thể kinh doanh, tạo thuận lợi cho mọi hoạt động đầu tư kinh doanh trong những lĩnh vực mà pháp luật không cấm hoặc không hạn chế, đồng thời bảo đảm sự kiểm soát của Nhà nước. Đổi mới các thủ tục về đăng ký kinh doanh, về hộ khẩu, về xuất nhập cảnh thuận tiện cho kinh doanh và giải quyết việc làm.

Quy định rõ chế độ thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp và việc kiểm soát dọc đường; ngăn chặn tình trạng tùy tiện, gây phiền hà, sách nhiễu. Đưa chế độ kế toán, kiểm toán vào nền nếp. Hoàn thiện các chế tài, xử lý nghiêm minh các hoạt động kinh doanh trái pháp luật.

Xây dựng môi trường cạnh tranh lành mạnh, kiểm soát được độc quyền và thể chế giải quyết tranh chấp

kinh doanh phù hợp với kinh tế thị trường. Chuyển mạnh từ cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh thông qua cơ quan hành chính sang cơ chế tài phán thông qua trọng tài và tòa án. Hoàn thiện cơ chế và kiện toàn cơ quan thi hành án đủ mạnh để thi hành các phán xử về tranh chấp kinh doanh.

b) Tạo những điều kiện cơ bản cần thiết cho đầu tư phát triển của các doanh nghiệp và nhân dân

Bên cạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ chung cho đời sống xã hội, Nhà nước cần:

- Tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp được thuê đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, bao gồm cả việc phát triển các khu công nghiệp;

- Mở rộng thị trường vốn. Nhà nước thực hiện cơ chế ưu đãi về thuế và tín dụng theo ngành nghề và địa bàn;

- Quy định rõ trách nhiệm của các cơ quan nhà nước, khuyến khích, giúp đỡ các hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ trong việc tổ chức công tác tiếp thị, thông tin thị trường;

- Có chính sách cụ thể khuyến khích và trợ giúp việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới của các doanh nghiệp;

- Đẩy mạnh việc dạy nghề và hướng nghiệp phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội đi đôi với phát triển có tổ chức thị trường lao động, kể cả xuất khẩu lao động;

- Khuyến khích phát triển các hiệp hội, câu lạc bộ các nhà kinh doanh; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức này và có phương thức thích hợp bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng;

- Đánh giá thực trạng các nhà kinh doanh để có chủ trương, biện pháp phát triển đội ngũ này. Các phương tiện thông tin đại chúng tổ chức các cuộc bầu chọn, đánh giá, xếp hạng các nhà kinh doanh thành đạt nhất hàng năm để động viên tinh thần kinh doanh và cổ vũ không khí đầu tư trong toàn xã hội.

c) Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết giữa các hình thức sở hữu

- Cùng với việc khuyến khích phát triển kinh tế hợp tác trong nông nghiệp (như đã nói ở trên), cần triển khai thực hiện *Luật hợp tác xã* trong các lĩnh vực hoạt động khác, vận động và giúp đỡ các tiểu thương, tiểu chủ tự nguyện xây dựng các cơ sở kinh tế hợp tác đa dạng từ thấp đến cao, phù hợp với tính chất của từng loại hoạt động và đáp ứng thiết thực lợi ích của những người tham gia.

- Phát triển nhiều hình thức hợp tác, liên kết giữa kinh tế nhà nước với thành phần kinh tế khác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và bảo đảm lợi ích hợp pháp của mỗi chủ thể kinh tế. Xây dựng các nghiệp đoàn trong những lĩnh vực thích hợp như vận tải ô tô, vận tải đường sông...

Cùng với việc thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, Nhà nước chủ động đầu tư và gọi vốn của các thành phần kinh tế khác để xây dựng doanh nghiệp mới hoặc cải tạo, mở rộng doanh nghiệp hiện có; nghiên cứu, thí điểm việc Nhà nước góp vốn, mua cổ phần của công ty tư nhân dựa trên nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, doanh nghiệp nhà nước thuê nhà kinh doanh tư nhân làm giám đốc.

IV- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ LÀNH MẠNH HÓA HỆ THỐNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ

1. Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính

a) Về chính sách tiết kiệm

Ban hành *Pháp lệnh thực hành tiết kiệm* trong xây dựng, sản xuất và tiêu dùng để tăng tích lũy trong cả ba khu vực Nhà nước, doanh nghiệp và dân cư. Quy định và thực hiện đúng tiêu chuẩn sử dụng phương tiện thuộc tài sản công (như ô tô, điện thoại, máy điều hòa...); ban hành quy chế tiết kiệm chi tiêu xây trụ sở, mua sắm trang bị, hội họp, khánh tiết, nghiêm cấm dùng công quỹ để tổ chức ăn uống, biếu xén và vào mục đích tư lợi khác; xử lý nghiêm các vi phạm, bắt bồi hoàn công quỹ và chịu kỷ luật. Thực hiện quy chế thẩm định giá và đấu thầu trong việc mua sắm các thiết bị, vật tư có giá trị cao hoặc khối lượng lớn cả trong lĩnh vực hành chính, sự nghiệp và trong các công trình đầu tư. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử trong việc phân bổ và kiểm soát chi tiêu ở từng cấp ngân sách.

Phát động phong trào cần kiệm xây dựng đất nước, bài trừ các biểu hiện lãng phí, hình thức, các hủ tục. Sắp xếp hợp lý bộ máy quản lý nhà nước và các cơ quan sự nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3, kiểm soát chặt chẽ chi tiêu của các đơn vị và cấp ngân sách. Các tổ chức đảng và cán bộ, đảng viên phải gương mẫu và lôi cuốn phong trào thực hành tiết kiệm trong từng cơ quan, đơn vị, từng doanh nghiệp, từng gia đình.

Áp dụng chế độ công khai báo cáo tài chính hàng năm. Kiểm soát chi phí sản xuất của các doanh nghiệp nhà nước,

doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp độc quyền kinh doanh. Quy định chế độ hoa hồng môi giới phục vụ sản xuất kinh doanh. Chống gian lận về giá đầu vào và đầu ra để tham ô và trốn thuế.

Mở rộng diện đánh thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc điều chỉnh mức thuế đối với các mặt hàng cần tiết chế tiêu dùng như rượu, bia, thuốc lá, mỹ phẩm, thực phẩm nhập khẩu và các mặt hàng xa xỉ khác.

Thực hiện chính sách bảo đảm giá trị tiền gửi và có lãi, cùng với đa dạng hóa các hình thức đầu tư trực tiếp và gián tiếp để khuyến khích nhân dân đưa vốn vào sản xuất - kinh doanh, thay cho thói quen cất trữ tiền nhàn rỗi (kể cả mua vàng, ngoại tệ, đất, nhà).

b) Về chính sách huy động và sử dụng vốn

Thấu suốt quan điểm "nguồn lực trong nước là quyết định, vốn nước ngoài là quan trọng", khuyến khích tất cả các thành phần kinh tế, khu vực dân cư, doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư cho phát triển kinh tế.

Đối với các nguồn vốn trong nước, cần tổ chức và đưa vào hoạt động thị trường vốn thông qua các giải pháp sau đây:

- Đa dạng hóa các hình thức huy động và đầu tư vốn như liên doanh, liên kết, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, góp quỹ bảo hiểm... Phát triển các quỹ đầu tư nhằm tạo ra các nguồn vốn tập trung lớn.

- Song song với việc phát triển thị trường vốn ngắn hạn, xúc tiến việc hình thành và phát triển thị trường vốn trung, dài hạn; thành lập trung tâm mua bán trái phiếu, cổ phiếu (quầy giao dịch chứng khoán) để thúc đẩy quá trình cổ phần

hóa các doanh nghiệp nhà nước và tạo tiền đề cho việc hình thành thị trường chứng khoán;

- Đẩy mạnh quá trình thị trường hóa các tiềm lực tài chính nội địa; chủ động phát triển thị trường bất động sản có tổ chức nhằm hạn chế tình trạng sử dụng lãng phí đất dưới nhiều hình thức, bảo đảm nguồn thu của ngân sách nhà nước và giải phóng nguồn vốn của doanh nghiệp và ngân hàng thương mại đang bị đọng dưới hình thức bất động sản.

Đối với nguồn vốn từ nước ngoài:

- Tiếp tục thu hút mạnh mẽ các nguồn vốn đầu tư trực tiếp; khai thác và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn ODA, đẩy nhanh tốc độ giải ngân; kiểm soát chặt chẽ các hình thức vay thương mại để đầu tư.

- Thông qua việc phát hành trái phiếu ra nước ngoài, tạo tiền đề cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia thị trường vốn quốc tế. Quy định việc áp dụng từng bước vững chắc các hình thức đầu tư gián tiếp của các nhà đầu tư nước ngoài vào Việt Nam thông qua việc góp cổ phần, mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường vốn Việt Nam. Trước mắt làm thí điểm ở một số doanh nghiệp để rút kinh nghiệm.

c) Về chính sách ngân sách

Nâng cao tính hiện thực của dự toán thu ngân sách hàng năm và thực hiện đúng chức năng chi ngân sách nhà nước trên cả ba lĩnh vực (chi đầu tư, chi thường xuyên, chi trả nợ). Khống chế mức bội chi ngân sách, dần dần cân bằng thu chi và tăng dự trữ.

- Trên cơ sở tăng thu, tiết kiệm chi, Nhà nước tăng tỷ lệ ngân sách dành cho đầu tư phát triển, tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, một số công trình trọng điểm

và đào tạo nhân lực; ngăn chặn việc đầu tư tràn lan, dàn trải. Đa dạng hóa các nguồn đầu tư toàn xã hội, tăng tỷ trọng đầu tư của dân cư.

- Xác định rõ chức năng chi của ngân sách nhà nước, của doanh nghiệp, của xã hội trong các lĩnh vực; giảm hoặc xóa bỏ các khoản chi mang tính chất bao biện, bao cấp không thuộc chức năng của ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, y tế, hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao có phân biệt theo vùng, theo các đối tượng và nhu cầu khác nhau. Trên cơ sở đó, có phương án giải quyết căn bản chế độ tiền lương thuộc ngân sách nhà nước và bảo đảm cho người nghèo, gia đình chính sách được chữa bệnh, học tập.

- Cơ cấu lại nợ Chính phủ: Đến năm 2000 phấn đấu cân bằng số vay hàng năm bằng số trả hàng năm về nợ gốc, không làm tăng tổng mức nợ Chính phủ đối với nước ngoài; xử lý nợ tồn đọng và chấm dứt vay nợ thương mại và ngân sách nhà nước phải trả.

d) Về chính sách thuế

Tiếp tục cải cách hệ thống thuế theo hướng kết hợp yêu cầu bảo đảm nguồn thu cho ngân sách nhà nước với yêu cầu khuyến khích đầu tư phát triển và thực hiện lộ trình hội nhập kinh tế với khu vực.

- Trên cơ sở đẩy mạnh sản xuất, đổi mới quản lý và công nghệ, tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm để xây dựng lộ trình giảm dần thuế nhập khẩu theo Hiệp định ưu đãi thuế quan (CEPT), đồng thời có giải pháp khắc phục việc giảm thu ngân sách và các ảnh hưởng bất lợi khác của quá trình hội nhập.

- Chuẩn bị tốt việc thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* và *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*. Đơn giản các sắc thuế, công khai hóa tối đa quy trình hải quan và cửa khẩu.

- Chú trọng khai thác những nguồn thu tiềm tàng, cơ bản và lâu dài của ngân sách nhà nước, đặc biệt là thuế thu nhập cá nhân và thuế tài sản; trước mắt, có cơ chế thích hợp để kiểm soát được các nguồn thu nhập và các loại tài sản của dân cư.

- Tiếp tục đổi mới chế độ thu phí, lệ phí; thanh tra và xử lý nghiêm mọi hiện tượng lạm quyền, lạm thu của cơ quan, đơn vị nhà nước.

- Tăng cường giáo dục ý thức của các doanh nghiệp và nhân dân về nghĩa vụ thuế; đưa việc chấp hành chế độ chứng từ, sổ sách kế toán vào nền nếp, mở rộng việc áp dụng hình thức đối tượng đóng thuế tự khai nộp và chịu xử phạt nếu gian lận. Nâng cao phẩm chất và trình độ nghiệp vụ của cán bộ thuế và hải quan, chống tiêu cực trong ngành thuế. Quy định nghiêm ngặt việc miễn, giảm thuế.

Theo hướng đổi mới chính sách tài chính nêu trên, cần đồng bộ hóa, thống nhất hóa và chuẩn xác hóa hệ thống thể chế, định mức, tiêu chuẩn tài chính; tăng cường năng lực, hiệu quả của công tác thanh tra, kiểm toán và kế toán, tạo ra bước chuyển biến cơ bản về kỷ cương và hiệu quả quản lý tài chính quốc gia.

2. Tiếp tục đổi mới và chấn chỉnh hoạt động ngân hàng

a) Hoàn thiện đồng bộ cơ sở pháp lý (Luật ngân hàng Nhà nước, Luật các tổ chức tín dụng, quy chế quản lý ngoại

hối...) phù hợp với đường lối đổi mới và đặc điểm của nền kinh tế nước ta. Nâng cao vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong việc kiểm soát lạm phát (bao gồm cả chống giảm phát), bảo đảm sự ổn định tiền tệ; quản lý và bảo đảm an toàn hệ thống tín dụng, quản lý vàng và ngoại tệ. Kiểm chế chỉ số tăng giá tiêu dùng dưới 10%.

b) *Phát triển thị trường tiền tệ và các công cụ của chính sách tiền tệ.* Nhà nước tăng cường sử dụng các công cụ gián tiếp, giảm sự can thiệp và điều hành theo lệnh hành chính. Từ cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước, cần rút bài học cho việc quản lý ngân hàng, chính sách tiền tệ, kịp thời có đối sách thích hợp với những tác động bất lợi để bảo đảm tính chủ động của hệ thống ngân hàng và sự an toàn của thị trường tiền tệ nước ta.

c) Chấn chỉnh hệ thống ngân hàng thương mại, làm cho hệ thống này thực sự lành mạnh, có hệ số an toàn cao, được nhân dân tin cậy. Kiện toàn tổ chức và nâng cao chất lượng hoạt động, bảo đảm quyền tự chủ kinh doanh, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật của các ngân hàng thương mại quốc doanh, các quỹ tín dụng; chấn chỉnh hoạt động và củng cố, tổ chức lại các ngân hàng thương mại cổ phần; xây dựng quỹ bảo hiểm tín dụng (bù đắp rủi ro cho vay và bảo hiểm tiền gửi).

Từng bước thực hiện cơ chế lãi suất tín dụng theo quan hệ cung cầu trên thị trường vốn; xóa bỏ quy định khống chế mức chênh lệch lãi suất; Ngân hàng Nhà nước khống chế lãi suất trần, tăng quyền chủ động của ngân hàng thương mại trong việc quy định lãi suất huy động vốn và

lãi suất cho vay. Các ngân hàng phải nắm được thực lực, đánh giá được mức tín nhiệm, khả năng trả nợ của người xin vay và phải nâng cao năng lực thẩm định dự án để quyết định việc cho vay.

Trên cơ sở củng cố và phát triển ngân hàng Việt Nam, từng bước mở rộng phạm vi hoạt động của chi nhánh ngân hàng nước ngoài nhằm đáp ứng nhu cầu về vốn và thanh toán của các doanh nghiệp, đồng thời thúc đẩy các ngân hàng Việt Nam nâng cao chất lượng hoạt động.

d) Trên cơ sở đảm bảo ổn định kinh tế - chính trị - xã hội mà điều hành tỷ giá linh hoạt theo cung - cầu, phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền Việt Nam so với một số ngoại tệ chính. Đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối; đẩy nhanh tiến độ thực hiện nguyên tắc trên đất Việt Nam phải thanh toán bằng tiền Việt Nam, tích cực tạo điều kiện cho đồng Việt Nam có giá trị chuyển đổi đầy đủ. Tăng cường dự trữ ngoại tệ đảm bảo vững chắc khả năng thanh toán quốc tế và sự can thiệp có hiệu quả của Ngân hàng Nhà nước.

đ) Quản lý chặt chẽ vay nợ và trả nợ nước ngoài

Hoàn thiện cơ chế quản lý nợ quốc gia, kiểm soát được mọi khoản vay nợ nước ngoài (kể cả của các doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài); quản lý chặt chẽ các hình thức vay thương mại; khống chế mức trần vay nợ hàng năm (gồm cả kế hoạch vay dài hạn).

Nắm chắc tổng số nợ phải trả trong các năm tới để có kế hoạch thực hiện đúng các cam kết trả nợ; hình thành quỹ hỗ trợ trả nợ. Tiếp tục xử lý nợ tồn đọng qua Câu lạc bộ Luân Đôn và giải quyết nợ dây dưa trong nước.

V- TÍCH CỰC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

Theo chương trình đã định, Trung ương sẽ có hội nghị bàn về chính sách xã hội. Hội nghị này chỉ đề cập vấn đề tạo việc làm và xóa đói, giảm nghèo nhằm kết hợp tăng trưởng kinh tế với thực hiện công bằng xã hội, đảm bảo phát triển bền vững.

1. Tích cực giải quyết vấn đề lao động, việc làm

Nhà nước và xã hội tạo cơ hội cho mọi người dân tự tạo và tự tìm việc làm, có thu nhập hợp pháp. Tiếp tục hoàn thiện chính sách, gắn các chương trình phát triển kinh tế với chính sách giải quyết việc làm và đào tạo nhân lực.

a) Kết hợp chương trình quốc gia *giải quyết việc làm* với các chương trình, dự án phát triển kinh tế để tạo ra nhiều chỗ làm việc mới trên cơ sở phát huy mạnh mẽ mọi khả năng đầu tư kinh doanh trong toàn xã hội và thu hút đầu tư nước ngoài. Trong từng dự án phát triển kinh tế - xã hội, đặc biệt là dự án đầu tư bằng vốn ngân sách, đầu tư của nước ngoài, phải quy định chỉ tiêu cụ thể về tạo việc làm. Đối với những dự án sử dụng đất của nông dân, phải có giải pháp tạo việc làm cho số nông dân bị mất đất. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ để tạo được nhiều việc làm mới; khôi phục, mở rộng và cải tiến công nghệ của các làng nghề truyền thống, phát triển các ngành nghề mới ở nông thôn để giải quyết việc làm tại chỗ.

Bổ sung chính sách lao động nghĩa vụ công ích để huy động hợp lý sức dân vào việc xây dựng các công trình công

cộng, đồng thời tạo thêm việc làm và thu nhập cho lao động nhàn rỗi.

Phân bố lại lao động và dân cư trên phạm vi cả nước gắn với các chương trình xây dựng các vùng kinh tế mới và định canh định cư, tiến hành việc di dân lập nghiệp ở nơi mới một cách có tổ chức, có kế hoạch.

Hoàn thiện hệ thống thông tin dịch vụ việc làm và quản lý thất nghiệp; nâng cao chất lượng các trung tâm tư vấn, dịch vụ giới thiệu việc làm; sớm xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

Song song với việc thực hiện chủ trương tạo việc làm trong nước là chủ yếu, cố gắng mở rộng xuất khẩu lao động; tạo lập và củng cố uy tín trên thị trường đã có, mở thêm thị trường mới. Cho phép các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu và làm dịch vụ xuất khẩu lao động trong khuôn khổ pháp luật dưới sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

b) *Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực* đáp ứng yêu cầu nâng cao tỷ trọng lao động có tay nghề, theo kịp và đi trước một bước đòi hỏi của sự phát triển các ngành nghề trong tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao khả năng cạnh tranh của lao động Việt Nam trên thị trường lao động quốc tế, nhất là về chất lượng tay nghề.

Cải cách hệ thống đào tạo theo hướng gắn với thị trường lao động và đẩy mạnh xã hội hóa dưới nhiều hình thức, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân dưới sự quản lý của Nhà nước. Cải thiện cơ cấu về trình độ lao động được đào tạo, tăng tỷ trọng công nhân kỹ thuật

và trung học chuyên nghiệp. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, chú trọng đào tạo lao động có chuyên môn kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và thị trường lao động quốc tế. Kiện toàn công tác quản lý nhà nước về đào tạo nghề; gắn kết đào tạo nghề với giải quyết việc làm.

2. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hỗ trợ các vùng nghèo, xã nghèo và người nghèo

Chính sách của chúng ta là xóa đói, giảm nghèo đi đôi với khuyến khích làm giàu hợp pháp, chống các thủ đoạn làm giàu phi pháp, thu hẹp dần khoảng cách thu nhập giữa các vùng và các tầng lớp dân cư. Những chủ trương về đổi mới cơ cấu và cơ chế quản lý kinh tế đã trình bày ở các phần trên cũng đồng thời là những giải pháp thúc đẩy sự phát triển của các vùng nghèo, tạo ra nhiều cơ hội có việc làm và nâng cao thu nhập cho dân cư, thiết thực xóa đói, giảm nghèo.

a) Nhà nước có kế hoạch hỗ trợ thiết thực cho các vùng nghèo, đặc biệt là 1.300 xã nghèo, chủ yếu là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, trước hết là 6 loại công trình thiết yếu (nước, đường, điện, chợ, trường, trạm), đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực tạo điều kiện cơ bản cho việc phát huy các nguồn lực tại chỗ để phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân, đạt được tốc độ phát triển nông, lâm nghiệp và tiểu thủ công nghiệp không kém các vùng đồng bằng. Ưu tiên đầu tư cho vùng biên giới, xây dựng những địa bàn vững mạnh về kinh tế, quốc phòng.

Nâng cao hiệu quả của các chương trình quốc gia bằng cách giao quyền quản lý và tổ chức thực hiện cho chính quyền cấp tỉnh là chủ yếu. Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng và tổ chức kiểm tra việc các cơ quan hành chính thuộc tỉnh thực hiện các quỹ này trên địa bàn. Các địa phương phải xây dựng kế hoạch giúp các xã nghèo, mỗi năm tập trung đầu tư cho một số xã để tạo được chuyển biến thiết thực, có thêm điều kiện giúp các xã nghèo khác. Các ngành Trung ương không xét duyệt dự án và cấp phát quỹ như hiện nay mà chủ yếu làm chức năng hướng dẫn, thanh tra (trừ một số ít chương trình mang tính chất kỹ thuật chuyên ngành do Chính phủ giao cho cơ quan trung ương tổ chức thực hiện).

b) Nhà nước và xã hội tăng cường giúp đỡ, trợ giúp vốn, kiến thức làm ăn cho các hộ nghèo, nhất là ở nông thôn, miền núi.

Cùng với việc thực hiện các chính sách, biện pháp giúp đỡ nông dân nghèo thiếu đất hoặc không còn đất canh tác (như đã nêu ở mục II trên đây), Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Ngân hàng phục vụ người nghèo phải mở rộng và nâng cao hiệu quả hoạt động tín dụng, gắn hỗ trợ vốn cho hộ nghèo với chương trình khuyến nông, dạy nghề, chuyển giao công nghệ.

Các đoàn thể quần chúng, các tổ chức xã hội cần có kế hoạch thường xuyên vận động toàn dân tham gia giúp đỡ người nghèo, vùng nghèo; đi sâu đi sát cơ sở để hướng dẫn giúp đỡ các hộ nghèo biết cách làm ăn. Đặc biệt quan tâm trợ giúp cho con em nhà nghèo được đi học, người nghèo được

khám, chữa bệnh. Hình thành các quỹ dựa vào sự đóng góp tự nguyện làm việc nghĩa của dân, do dân tự quản, Nhà nước có thể tài trợ một phần để trợ giúp cho mục đích này.

VI- ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN VỀ KINH TẾ

1. Đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội

Việc đổi mới phương thức quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội cần quán triệt một số quan điểm, nguyên tắc sau đây:

- Trong quản lý kinh tế - xã hội, trước hết, Nhà nước các cấp phải quán triệt quan điểm, đường lối, nghị quyết của Đảng, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa để đưa nghị quyết vào cuộc sống. Trong quá trình thực hiện phải thường xuyên đối chiếu với nghị quyết, tiến hành sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm, kịp thời báo cáo, kiến nghị với Đảng để bổ sung, điều chỉnh kịp thời chủ trương, chính sách, nhất là đối với những vấn đề quan trọng.

- Nhà nước chuyển mạnh sang quản lý kinh tế - xã hội bằng tổ chức; luật pháp; chính sách; chế độ; quy hoạch, kế hoạch; giáo dục, thuyết phục, thanh tra, kiểm tra; và rất quan trọng là bằng các công cụ và sức mạnh kinh tế của Nhà nước để tạo hành lang pháp lý, môi trường kinh doanh, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, hướng dẫn và điều tiết hoạt động của các doanh nghiệp. Hạn chế sự can thiệp hành chính trực tiếp của Nhà nước vào hoạt

động kinh doanh; chuyển từ cơ chế bộ chủ quản, các bộ chỉ quản lý kinh tế quốc doanh sang quản lý nhà nước đối với mọi thành phần kinh tế.

- Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế - xã hội. Mở rộng dân chủ, đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước về kinh tế, chuyển mạnh thẩm quyền và trách nhiệm giải quyết công việc cho chính quyền cấp dưới, cấp trên hướng dẫn và thanh tra cấp dưới; tăng quyền tự chủ và trách nhiệm, khuyến khích tính chủ động, sáng tạo của các địa phương, cơ sở, các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp trong phát triển kinh tế, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của Trung ương về những vấn đề quan trọng, chống chủ nghĩa cục bộ địa phương.

- Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. Tạo điều kiện để nhân dân làm chủ trong hoạt động sản xuất kinh doanh theo pháp luật, thông qua Mặt trận và các đoàn thể quần chúng để nhân dân tham gia quản lý, kiểm kê kiểm soát, thanh tra. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị để thực hiện thắng lợi các mục tiêu kinh tế - xã hội. Xây dựng những quy chế thực hiện quyền làm chủ qua đại biểu và làm chủ trực tiếp của nhân dân ở các loại hình cơ sở.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chấn chỉnh tổ chức, tinh giản bộ máy nhà nước các cấp, coi trọng củng cố chính quyền cơ sở theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 3. Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ.

Theo những quan điểm, nguyên tắc trên, trong những năm tới cần thực hiện tốt những việc sau đây:

Xây dựng và hoàn thiện thể chế. Chính phủ và các bộ cần dành ưu tiên cao nhất cho việc này. Ổn định kinh tế vĩ mô (quan trọng nhất là ổn định giá cả, tài chính - tiền tệ). Đẩy mạnh công tác hoạch định và hướng dẫn thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển. Thực hiện các chính sách ưu đãi và điều tiết thông qua ngân sách và tín dụng nhà nước, hỗ trợ cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế phù hợp với định hướng phát triển. Tăng cường công tác kiểm soát, thanh tra, xử lý kịp thời mọi vi phạm. Tạo lập đầy đủ các bộ phận của thị trường, nhất là thị trường các yếu tố sản xuất (thị trường vốn, bất động sản, lao động, công nghệ, dịch vụ tư vấn...) đẩy lùi và loại bỏ thị trường ngầm...

Đổi mới quản lý tài chính công. Công khai hóa việc sử dụng ngân sách và các khoản đóng góp của dân bằng những biện pháp: thực hiện chế độ kiểm toán bắt buộc đối với quyết toán tài chính hàng năm của mọi cơ quan hành chính và sự nghiệp (kể cả đoàn thể), xử lý nghiêm mọi hành vi đối trá trong kiểm toán. Quyết định đầu tư bằng vốn ngân sách từ mức tối thiểu nào đó trở lên phải được Quốc hội và Hội đồng nhân dân biểu quyết. Định ra thể lệ Trung ương hỗ trợ ngân sách địa phương một cách công bằng và ổn định; Chính phủ căn cứ vào đó phân bổ thẳng xuống địa phương và giao cho Hội đồng nhân dân định đoạt cụ thể nhưng phải thanh tra việc chi đúng mục đích, việc phân bổ quỹ của các chương trình quốc gia cũng theo tinh thần đó. Phân rõ thẩm

quyền, trách nhiệm của người chuẩn chi và kế toán Kho bạc Nhà nước, thủ trưởng các đơn vị thụ hưởng ngân sách được quyền chi trong dự toán đã được duyệt, kế toán kho bạc chỉ được phép cho thanh toán khi lệnh chi hợp lệ, đúng dự toán. Thực hiện chế độ thanh toán qua ngân hàng đối với các chi tiêu từ ngân sách, hạn chế tới mức thấp nhất việc chi bằng tiền mặt. Phân định các khoản thu của dân (kể cả thuế lần huy động sức dân) thành hai loại: loại đưa vào ngân sách do chính quyền quản lý và loại tạo thành quỹ do dân tự quản (dân quyết thu, dân bình chi công khai) dưới sự bảo hộ, giám sát của chính quyền. Chính phủ khống chế mức tối đa huy động sức dân và giao cho Hội đồng nhân dân tỉnh quyền ấn định mức thu tối đa của cấp huyện và cấp xã trong hạn mức chung đó.

2. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế

Nhiệm vụ thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa trong những năm tới rất nặng nề và phức tạp, đòi hỏi phải tăng cường và nâng tầm lãnh đạo của Đảng về kinh tế, xã hội, lĩnh vực trung tâm của công cuộc đổi mới hiện nay.

Các tổ chức đảng và đảng viên ở tất cả các ngành, các cấp phải quán triệt sâu sắc và chấp hành nghiêm túc đường lối, quan điểm kinh tế của Đảng. Đảng viên và tổ chức đảng ở các cơ quan chức năng có liên quan có trách nhiệm thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết của Đảng. Mỗi đảng viên và tổ chức đảng phải gương mẫu thực hiện nghị quyết của Đảng, thường xuyên kiểm tra tình hình thực hiện nghị

quyết và kịp thời tổng kết thực tiễn để bổ sung hoàn chỉnh chủ trương, chính sách và phương án hành động, phát hiện và uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong thực hiện quan điểm, đường lối của Đảng, hiện nay cần chú ý những lệch lạc trong thực hiện chính sách ruộng đất và phát huy vai trò của thương nghiệp quốc doanh ở thị trường nông thôn, trong việc phát huy nội lực, cần kiệm để thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, trong việc từng bước xây dựng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, v.v..

Cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, theo chức năng và quyền hạn của mình, phải nắm chắc công tác cán bộ, đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kinh tế, lãnh đạo việc lựa chọn và bố trí cán bộ chủ chốt ở các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế cũng như ở các đơn vị kinh doanh, quản lý tốt cán bộ, đảng viên để ngăn ngừa sự suy thoái về đạo đức, ngăn chặn những biểu hiện lãng phí, tham nhũng, quan liêu, ức hiếp quần chúng của cán bộ, đảng viên, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật.

Tổ chức đảng ở các cấp, đặc biệt là ở cơ sở, phải lãnh đạo, kiểm tra hoạt động tài chính, tiền tệ của đơn vị, bảo đảm cho việc phân bổ và sử dụng các nguồn lực đó đúng đường lối của Đảng, chủ trương của Nhà nước, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng lãng phí, tham nhũng, thất thoát tài sản của Nhà nước, của xã hội và của tập thể.

Để nâng tầm lãnh đạo của Đảng, phải tăng cường cán bộ có năng lực tham mưu giúp việc các cấp ủy đảng về kinh tế.

Kiện toàn về tổ chức và chức năng nhiệm vụ của các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng trong các loại hình doanh nghiệp, trong các tổng công ty, công ty, nhà máy, xí nghiệp... để nâng cao được vai trò lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của doanh nghiệp.

Các cơ quan chức năng của Đảng cần phối hợp các lực lượng có liên quan giúp các cấp ủy tổ chức tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, phát huy dân chủ và sức sáng tạo đưa công tác nghiên cứu lý luận vươn lên giải đáp được những vấn đề về lý luận và thực tiễn mà cuộc sống đang đặt ra cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, làm chỗ dựa vững chắc cho Đảng hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức hành động.

3. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội

Xây dựng và phát triển kinh tế, xã hội là sự nghiệp của toàn dân. Lời dạy của Bác Hồ: "Dễ trăm lần không dân cũng chịu, khó vạn lần dân liệu cũng xong" ngày nay cũng hoàn toàn đúng trong sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội.

Đảng và Nhà nước phải tạo điều kiện cho mọi người dân chủ động tham gia quá trình phát triển kinh tế, làm giàu cho mình và góp phần làm giàu cho đất nước; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ trương "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong lĩnh vực kinh tế.

Đối với những việc mà điều kiện cho phép, Nhà nước cần có hình thức thích hợp thăm dò, lấy ý kiến của dân về những chủ trương, chính sách dự định thực hiện về việc bổ nhiệm và

bố trí cán bộ; nghiêm túc lắng nghe và tiếp thu những ý kiến đúng để hoàn thiện các dự kiến quyết định.

Ở cơ sở cấp ủy đảng, chính quyền và đoàn thể cần phối hợp thực hiện tốt quy chế phát huy quyền dân chủ qua đại biểu và dân chủ trực tiếp của nhân dân trong việc bàn, quyết định và giám sát việc thực hiện những chủ trương kinh tế, xã hội trực tiếp liên quan đến lợi ích của dân, xử lý những việc làm sai, những cán bộ vi phạm, theo đúng pháp luật của Nhà nước, quy ước sinh hoạt cộng đồng của địa phương, đơn vị.

Các đoàn thể nhân dân cần hướng hoạt động của tổ chức mình vào việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế, xã hội..., thiết thực giúp dân phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, tiến lên làm giàu, vừa góp phần tích cực vào sự nghiệp chung xây dựng và bảo vệ đất nước.

*

* *

Với những chủ trương, chính sách đã trình bày trên, quyết tâm của chúng ta là phấn đấu thực hiện bằng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã được Đại hội VIII thông qua, tạo ra bước chuyển biến mới quan trọng về cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo đà, tạo thế và lực mới cho bước tiến nhanh và vững chắc hơn khi bước vào thế kỷ XXI.

Cuộc phấn đấu cho bước phát triển mới này là rất vẻ vang nhưng cũng nhiều gian khổ, phấn đấu trong thế đi lên của sự nghiệp đổi mới và trong hoàn cảnh phải thường xuyên khắc phục những khó khăn và trở ngại không ngừng nảy sinh trong tiến trình đi lên đó; nó đòi hỏi ý chí lớn, nghị lực lớn, quyết tâm cao và những giải pháp đúng đắn.

Đảng và Nhà nước, nhân dân ta tin tưởng một cách vững chắc rằng chúng ta sẽ tiến thẳng tới những mục tiêu đã đề ra.

BỘ CHÍNH TRỊ

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

BẢN TRÌNH BÀY Ý KIẾN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

Số 60/TLHN, ngày 29 tháng 12 năm 1997

VỀ MỘT SỐ VẤN ĐỀ TRUNG ƯƠNG NÊU LÊN TRONG QUÁ TRÌNH THẢO LUẬN BÁO CÁO CỦA BỘ CHÍNH TRỊ VÀ DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT TRÌNH HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 4

Tại Hội nghị Trung ương lần này đã có 168 ý kiến phát biểu ở tổ, 20 ý kiến phát biểu tại hội trường góp ý vào Báo cáo của Bộ Chính trị và 131 đồng chí Ủy viên Trung ương góp ý vào Dự thảo nghị quyết. Các ý kiến góp ý đều bày tỏ sự nhất trí về cơ bản với Báo cáo và Dự thảo nghị quyết, cho rằng các văn bản được chuẩn bị công phu, phản ánh đúng tình hình kinh tế - xã hội của đất nước trong hai năm qua, đề ra được những giải pháp để khắc phục khó khăn, đưa đất nước tiếp tục phát triển. Đồng thời các đồng chí Trung ương cũng đã góp nhiều ý kiến xác đáng để bổ sung, sửa đổi một số nội dung đã trình bày trong Báo cáo và Dự thảo nghị quyết.

Qua thảo luận của Trung ương, Bộ Chính trị xin trình bày một số vấn đề chủ yếu mà Trung ương đã có ý kiến như sau:

1. Về tiêu đề của Báo cáo

Một số đồng chí Trung ương nhận xét tiêu đề của Báo cáo và Dự thảo nghị quyết dễ gây ấn tượng là chúng ta co lại, không tiếp tục đổi mới, mở cửa, hội nhập với khu vực và thế giới. Về vấn đề này Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Tiêu đề Báo cáo của Bộ Chính trị muốn nhấn mạnh quan điểm lớn rất quan trọng là phải phát huy tối đa nguồn lực trong nước, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Phát huy tối đa nguồn lực trong nước chính là điều kiện rất quyết định để có thể tiếp thu nhiều hơn, có hiệu quả hơn các nguồn lực bên ngoài. Hiện nay vốn nước ngoài đã chiếm tới 49% tổng vốn đầu tư xã hội của nước ta, trong khi ở các nước đang phát triển trên thế giới cũng ít có nước nào vượt quá 20% trong thời gian dài. Nguồn vốn trong nước thấp đã trở thành nhân tố quan trọng hạn chế tiếp nhận vốn bên ngoài, hơn nữa tỷ lệ vốn nước ngoài trong tổng vốn đầu tư và tỷ lệ nợ nước ngoài trong GDP quá cao chứng tỏ mức độ độc lập tự chủ của nền kinh tế thấp, tính phụ thuộc vào bên ngoài nặng, đây là điều chúng ta cần hết sức chú ý khắc phục, không thể xem thường. Vì vậy lúc này nhấn mạnh việc phát huy nội lực, cần kiệm là hết sức cần thiết, điều đó không có nghĩa là không tiếp tục đổi mới, mở rộng, hội nhập và tranh thủ các nguồn lực bên ngoài. Ý tưởng này đã được thể hiện rõ trong nhiều phần của Báo cáo.

Tuy nhiên, để tránh hiểu lầm, Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến Trung ương và sửa lại tiêu đề của Dự thảo nghị quyết như sau: "*Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát*

huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000".

2. Về đánh giá tình hình

- Nhiều ý kiến nhận xét Báo cáo của Bộ Chính trị đánh giá tình hình kinh tế - xã hội quá lạc quan, có phần chủ quan, thỏa mãn, nói hai năm qua "đất nước ta tiếp tục giữ vững được sự ổn định chính trị, xã hội và kinh tế vĩ mô, đạt nhịp độ tăng trưởng kinh tế khá cao", không thấy rằng tăng trưởng cao nhưng điểm xuất phát thấp, hiệu quả kém, tăng trưởng chưa hẳn là phát triển, chưa thấy tình hình kinh tế - xã hội chứa đựng những nhân tố không bình thường, bất ổn. Về những nhận xét trên, Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Phải nói rằng tăng trưởng 8 - 9% dù điểm xuất phát thấp vẫn là một nhịp độ mà các nước cho là khá cao. Hai năm qua nhịp độ tăng trưởng của nước ta tuy có giảm nhẹ, vẫn đạt trên 9%. Trong hoàn cảnh có nhiều khó khăn về khả năng cạnh tranh, vốn đầu tư, nhiều nước trong khu vực đang khủng hoảng về tài chính - tiền tệ mà chúng ta đạt được như vậy là thành tựu đáng ghi nhận. Ở Hội nghị Tokyo tháng 12-1997 vừa qua, các nước tiếp tục nhận tài trợ cho Việt Nam với mức 2,4 tỷ USD, có yếu tố quan trọng là họ đánh giá cao thành tựu trên.

Tuy nhiên, hiệu quả nền kinh tế nước ta còn thấp, sức cạnh tranh kém, còn nhiều mất cân đối lớn, còn tiềm ẩn những nhân tố gây mất ổn định, mà những nhân tố này còn

có phần tăng thêm, vì vậy Bộ Chính trị đồng ý sửa lại nhận định trên như đã nêu trong đoạn mở đầu (trang 1) của Dự thảo nghị quyết.

- Một số ý kiến cho rằng nhận định sau hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm "đất nước ta có thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển nhanh trong những năm tới" là không phù hợp với thực tế.

Bộ Chính trị cho rằng, sau hai năm kinh tế tăng trưởng, "lực" của nền kinh tế đã tăng lên. "Thế" của nền kinh tế và của đất nước cũng có mặt được nâng cao. Tuy chúng ta có những khó khăn đối với thị trường các nước trong khu vực nhưng lại đang đứng trước những khả năng mới mở rộng sang một số thị trường quan trọng như EU, Liên bang Nga, các nước Đông Âu và thị trường Mỹ... Về nguồn đầu tư từ bên ngoài, nguồn vốn đầu tư trực tiếp (FDI) mới đăng ký, trước mắt có khả năng sẽ giảm bớt so với các năm trước và điều này sẽ ảnh hưởng đến nhịp độ phát triển của những năm sau, nhưng vốn ODA được giải ngân và vốn FDI thực hiện dự kiến còn tiếp tục tăng lên. Nếu chúng ta thực hiện được việc cải tiến môi trường đầu tư cho hấp dẫn hơn, thì khả năng thu hút vốn bên ngoài sẽ tiếp tục tăng lên. Vì vậy khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển kinh tế nhanh là có thực. Tuy nhiên, sắp tới cũng có những nhân tố cản trở sự phát triển nhanh của đất nước, đó là: Nếu chúng ta không kịp thời cải thiện những cân đối lớn của nền kinh tế, đặc biệt là cán cân thanh toán vãng lai, dự trữ ngoại tệ, quản lý chặt việc vay nợ và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nhằm phát huy lợi thế của đất nước, tăng nhanh hiệu quả và khả năng cạnh tranh và xử lý tốt những tác động của

cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực. Với những lý do trên, Bộ Chính trị đề nghị tiếp thu ý kiến Trung ương và sửa lại nhận định trên như sau: "Đất nước có thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển trong những năm tới" (bỏ chữ "nhanh").

- Đánh giá về đầu tư phát triển và cơ cấu đầu tư:

Các ý kiến phát biểu tập trung nhiều vào vấn đề đầu tư phát triển, cho rằng chủ trương và thực hiện đầu tư thời gian qua có nhiều sai lầm, lãng phí: nguồn vốn đầu tư phát triển còn hạn hẹp, cơ cấu đầu tư chưa hợp lý, chưa ưu tiên số một cho sản xuất, chưa xem xét kỹ hiệu quả, thiếu kiểm tra và quản lý chặt chẽ; đầu tư dàn trải cho quá nhiều khu công nghiệp, cảng biển, chôn vốn vào một số công trình lớn. Một số đồng chí nhấn mạnh cần phải tổng kết và có quy hoạch hoặc điều chỉnh quy hoạch, chỉ rõ vùng nào làm gì, để cả trung ương và địa phương cùng thống nhất làm, nhấn mạnh quan hệ thỏa đáng giữa đầu tư cho các vùng phát triển (vùng kinh tế trọng điểm) và cho các vùng có nhiều khó khăn, và kiến nghị trong ba năm tới cần đầu tư mạnh thêm cho nông nghiệp, nông thôn, xóa đói, giảm nghèo, tạo việc làm.

Bộ Chính trị thấy những ý kiến nêu trên về cơ bản là xác đáng, cần được tiếp thu trong Nghị quyết của Trung ương cũng như trong chỉ đạo thực hiện sau này. Báo cáo của Bộ Chính trị cũng đã toát lên tinh thần chấn chỉnh lĩnh vực đầu tư theo hướng điều chỉnh cơ cấu, khắc phục dàn trải nhằm nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, chống phân tán, lãng phí, thất thoát vốn đầu tư. Bộ Chính trị đề nghị sau Hội nghị này, từ trung ương đến các ngành, các địa

phương cần thống nhất nhận thức về quy hoạch tổng thể hợp lý, trên cơ sở tăng cường vai trò điều hành của Chính phủ và việc chấp hành của các ngành, các cấp để khắc phục những vấn đề tồn tại, tạo ra một bước chuyển mạnh mẽ trong lĩnh vực tiết kiệm và đầu tư.

Sau đây xin giải trình rõ thêm một số vấn đề cụ thể:

+ *Về vấn đề đầu tư còn phân tán, dàn trải:* Trong thời gian qua, hàng năm chúng ta đã huy động khoảng 27 - 28% GDP đưa vào đầu tư phát triển kinh tế - xã hội. Tuy vậy, phần vốn mà Nhà nước có thể trực tiếp chi phối trong bố trí cơ cấu đầu tư (bao gồm vốn ngân sách và vốn tín dụng nhà nước) chỉ chiếm 28% tổng vốn đầu tư. Vốn mà Nhà nước trực tiếp chủ động chi phối trong bố trí đầu tư đã ít lại bị phân tán bởi nhiều mục tiêu, trong bố trí lại thiếu tập trung, cho nên hiệu quả đầu tư không cao. Nguồn vốn của ngân sách chưa đủ để thúc đẩy và khai thác hết các khả năng của những nguồn vốn khác. Đồng thời các cơ chế, chính sách chưa thật hấp dẫn để thu hút các nguồn vốn của các thành phần kinh tế, kể cả vốn đầu tư của nước ngoài vào những lĩnh vực và những ngành chúng ta muốn đầu tư ưu tiên (như nông nghiệp, chế biến nông sản...) làm cho cơ cấu đầu tư toàn xã hội chậm chuyển đổi theo hướng phát huy lợi thế toàn bộ nền kinh tế.

Một biểu hiện khác của sự dàn trải là số lượng các công trình dự án đầu tư (bằng nguồn vốn ngân sách) mở ra quá nhiều, nhất là các dự án nhóm C, trong khi nguồn vốn đầu tư lại hạn hẹp: Năm 1995, vốn đầu tư xây dựng cơ bản bằng nguồn vốn ngân sách thuộc các bộ, các địa phương bố trí vào khoảng 3.000 dự án thì đến năm 1997 số dự án đã gấp trên

2 lần, trong đó chỉ có 61 dự án nhóm A, chiếm 32% số vốn; 348 dự án nhóm B chiếm 29,8% vốn, còn lại trên 5.800 dự án nhóm C. Sự phân tán, dàn trải này chủ yếu là do khuyết điểm trong điều hành của các ngành, các cấp và do cơ chế quản lý không chặt chẽ, cần được khắc phục nhanh chóng và triệt để.

Về các cảng biển nước sâu mà một số đồng chí cho là quá nhiều thì phần lớn mới ở dạng quy hoạch và chuẩn bị đầu tư; Bộ Chính trị tán thành ý kiến Trung ương là khi quyết định xây dựng sẽ phải cân nhắc thận trọng trình tự và tiến độ để bảo đảm hiệu quả.

+ Nhiều đồng chí cho rằng chúng ta *chưa tập trung vốn ngân sách để ưu tiên đầu tư đúng mức cho sản xuất*. Về vấn đề này xin được giải trình như sau:

Trước hết, theo tinh thần Nghị quyết Đại hội VIII và *Luật ngân sách*, vốn đầu tư từ ngân sách chủ yếu dành cho xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, còn đầu tư cho sản xuất chủ yếu là dùng nguồn vốn tín dụng và các nguồn vốn khác.

Đối với đầu tư cho công nghiệp: Trong bảy năm qua, các nguồn vốn đầu tư cho lĩnh vực sản xuất công nghiệp chiếm khoảng 40% tổng nguồn vốn đầu tư toàn xã hội (bao gồm cả vốn ngân sách, vốn tín dụng nhà nước, vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, vốn của doanh nghiệp tự đầu tư và vốn của tư nhân), tỷ lệ này không thấp. Trong đó vốn của ngân sách chiếm khoảng 25% tổng vốn đầu tư cho khu vực công nghiệp để tập trung hỗ trợ cho những doanh nghiệp, những ngành nghề, những vùng còn khó khăn. Như vậy là việc tăng lượng vốn đầu tư của ngân sách cho công nghiệp

phụ thuộc vào mức tăng tổng nguồn vốn ngân sách dành cho đầu tư phát triển.

Đối với đầu tư cho nông nghiệp: Nhiều ý kiến cho rằng đầu tư vào ngành nông, lâm, ngư nghiệp chỉ chiếm 8% trong tổng vốn đầu tư xã hội là quá thấp so với tỷ lệ đóng góp của ngành vào tổng GDP.

Hiện nay, đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn chủ yếu là bằng nguồn vốn ngân sách và nguồn tín dụng đầu tư.

Hàng năm, vốn ngân sách đầu tư trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp là khoảng 17 - 18%, chủ yếu là xây dựng các công trình thủy lợi, trạm trại, giống cây, con. Nếu kể cả các chương trình phát triển kinh tế - xã hội đưa về thực hiện ở nông thôn thì tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn chiếm đến 30% tổng vốn ngân sách đầu tư phát triển, tỷ lệ này không phải là thấp. Tuy nhiên vốn đầu tư của toàn xã hội cho nông nghiệp, nông thôn đúng là còn thấp, vì nguồn vốn tích lũy trong khu vực nông dân chưa nhiều và sức hút các nguồn vốn khác vào lĩnh vực nông nghiệp và nông thôn còn kém hấp dẫn.

Vì vậy, sắp tới cần quan tâm đúng mức hơn nguồn vốn ngân sách cho khu vực nông nghiệp và nông thôn, đặc biệt phải có chính sách khuyến khích và ưu đãi mạnh hơn để thu hút các nguồn vốn khác đầu tư vào khu vực này.

3. Về nguyên nhân của tình hình

Thứ nhất, một số ý kiến cho rằng Báo cáo nói về những khuyết điểm trong chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện là

quá nặng và nhấn mạnh trách nhiệm của cơ sở mà không thấy rõ trách nhiệm của Trung ương, của cấp vĩ mô.

Bộ Chính trị xin tiếp thu ý kiến trên của Trung ương để sửa lại Báo cáo nhằm thể hiện rõ hơn rằng những yếu kém của việc tổ chức thực hiện, thể chế hóa, cụ thể hóa nghị quyết của Đảng, chậm đưa đường lối của Đảng vào cuộc sống là trách nhiệm của nhiều ngành, nhiều cấp, từ trung ương tới địa phương và cơ sở; không phải chỉ ở cấp cơ sở.

Nhưng cần phải khẳng định rằng việc chỉ đạo điều hành, tổ chức thực hiện nghị quyết là khâu yếu kém lớn trong sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay. Nhiều nghị quyết của Đảng được triển khai thực hiện chậm, kỷ luật, kỷ cương trong Đảng bị buông lỏng, nhiều tổ chức đảng, nhiều đảng viên không làm đúng nghị quyết, vi phạm kỷ luật của Đảng, rõ nhất là tình trạng mất dân chủ, quan liêu, xa rời quần chúng, tham nhũng, buôn lậu, đây là vấn đề lớn mà chúng ta cần phải kiên quyết khắc phục.

Thứ hai, một số ý kiến góp ý cần bổ sung nguyên nhân quan trọng là nhìn chung việc đổi mới cơ chế, chính sách trong thời gian qua chưa đáp ứng được yêu cầu của thời kỳ mới, do đó phải tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội.

Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới là quan điểm nhất quán của Đảng, bởi vậy Bộ Chính trị đồng ý với ý kiến trong thời gian tới phải tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý kinh tế - xã hội. Nhưng Bộ Chính trị thấy cần phải khẳng định rằng đường lối và những chính sách lớn về đổi mới kinh tế - xã hội do Đại hội VIII đề ra mới chỉ cách đây một

năm rưỡi vẫn hoàn toàn đúng đắn, giữ nguyên giá trị và tiếp tục phát huy tác dụng. Như trên đã nói, vấn đề chính hiện nay là ở chỗ chúng ta phải cụ thể hóa, thể chế hóa và tổ chức thực hiện nhanh hơn, tốt hơn các đường lối, chính sách mà Đại hội đã thông qua. Đương nhiên trong quá trình thực hiện cần phải tổng kết thực tiễn để kịp thời thay thế những chính sách, cơ chế cụ thể đã không còn phù hợp, bổ sung những cơ chế, chính sách mới cần thiết đáp ứng yêu cầu của thực tiễn, nhằm khơi dậy nguồn lực của các thành phần kinh tế và sức mạnh của cả dân tộc đi đôi với tranh thủ các nguồn lực bên ngoài để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII.

Thứ ba, có một số ý kiến cho rằng nguyên nhân của những yếu kém trình bày trong Báo cáo không gắn kết với những chủ trương, chính sách lớn đề ra cho thời gian tới.

Trong Báo cáo, nguyên nhân của các hiện tượng kinh tế cụ thể như tốc độ tăng trưởng giảm xuống, cơ cấu kinh tế chậm thay đổi... đã được trình bày trong các mục tương ứng của phần đánh giá tình hình. Nhiều chủ trương, chính sách lớn trong phần thứ hai của Báo cáo đã hướng vào khắc phục những nguyên nhân này.

Trong phần phân tích khái quát Báo cáo nhấn mạnh những nguyên nhân chủ quan về trách nhiệm lãnh đạo của Đảng là phù hợp với tầm của Hội nghị Trung ương. Mục VI trong phần thứ hai của Báo cáo "Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế" chính là để khắc phục những nguyên nhân đó.

4. Về các chủ trương, chính sách

a) Về chính sách ruộng đất

- Phần lớn các ý kiến đề nghị khuyến khích sự tích tụ ruộng đất lành mạnh, đồng thời ngăn chặn tình trạng tích tụ làm bản cùng hóa nông dân. Nên có chủ trương rõ rệt về công điền, công thổ ở nông thôn, nên có quy định mức hạn điền mới; tiến hành tổng kết việc thực hiện *Luật đất đai* để có bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

Về vấn đề này, Bộ Chính trị xin trình bày như sau:

Quá trình đổi mới cơ cấu kinh tế và phân công lại lao động ở nông thôn gắn với quá trình chuyển nhượng và tích tụ ruộng đất. Đó là một xu thế hợp quy luật. Nhưng sự tích tụ ruộng đất chỉ có ý nghĩa tích cực khi nó đi liền với sự phát triển ngành nghề, tạo ra việc làm và thu nhập cao hơn cho dân cư nông thôn, không làm bản cùng hóa nông dân.

Hiện nay, quá trình đô thị hóa và sự phát triển ngành nghề ở nông thôn còn ở mức thấp, nên vấn đề tích tụ ruộng đất cần được xem xét cụ thể. Đáng chú ý là trong số hộ nông dân ở đồng bằng sông Cửu Long có rất ít hoặc không còn ruộng đất canh tác, số hộ chuyển sang nghề khác chỉ chiếm 20%, còn 40% số hộ do hoàn cảnh khó khăn buộc phải chuyển nhượng đất ngoài ý muốn, 30% số hộ bị chủ cũ lấy lại đất. Vì vậy, một mặt chúng ta phải có biện pháp tích cực giúp cho những hộ nghèo khó đang sinh sống bằng nghề nông vượt qua khó khăn, ổn định sản xuất và đời sống, không phải chuyển nhượng ruộng đất ngoài ý muốn; mặt khác, kiểm soát chặt chẽ việc chuyển nhượng ruộng đất,

không chấp nhận những trường hợp chuyển nhượng trái quy định của pháp luật. Trong tình hình hiện nay, chưa nên đặt vấn đề mở rộng mức hạn điền đối với đất canh tác. Đối với đất trồng cây dài ngày hoặc để chăn nuôi đại gia súc, ở những nơi nhiều ruộng đất, cần nghiên cứu quy định cho thuê lâu dài phần diện tích vượt hạn điền trên nguyên tắc khuyến khích sử dụng đất có hiệu quả, nhưng ngăn chặn việc kiếm lời bằng mua bán đất đai.

Về việc tổng kết thực hiện *Luật đất đai* để có bổ sung sửa đổi phù hợp với tình hình mới, Bộ Chính trị nhất trí với đề xuất trên và sẽ lãnh đạo các cơ quan liên quan thực hiện.

b) Về chính sách đối với xuất khẩu

Một số ý kiến đề nghị mọi đơn vị có khả năng và điều kiện xuất khẩu đều được tham gia xuất khẩu trực tiếp, không nên chỉ quy định những doanh nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu mới được tham gia trực tiếp xuất khẩu.

Về vấn đề này Bộ Chính trị thấy rằng, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu là định hướng chính sách nhất quán. Nhưng nếu đồng ý để mọi đơn vị có khả năng và điều kiện đều được trực tiếp xuất khẩu có thể dẫn tới tình trạng các doanh nghiệp trong nước sẽ tranh mua, tranh bán hàng xuất khẩu, vì lợi ích cục bộ của doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các đối tác bên ngoài lợi dụng ép cấp, ép giá làm thiệt hại chung cho nền kinh tế. Vì vậy để bảo đảm việc tham gia xuất khẩu của các doanh nghiệp có hiệu quả vừa lợi cho doanh nghiệp, vừa lợi cho đất nước, thời gian tới chính sách xuất khẩu cần được xác định là:

"Các doanh nghiệp có đăng ký thuộc các thành phần kinh tế, chủ yếu là các đơn vị sản xuất được trực tiếp xuất khẩu hoặc tham gia các hiệp hội xuất khẩu theo những điều kiện được pháp luật quy định".

c) Về vấn đề bảo hộ sản xuất trong nước

Nhận thức về vấn đề này còn có ý kiến khác nhau. Bộ Chính trị cho rằng, quan điểm bảo hộ sản xuất trong nước đã được Nghị quyết Đại hội VIII và các nghị quyết Trung ương trước đây xác định rõ ràng. Nghị quyết Trung ương kỳ này khẳng định lại việc bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước là hoàn toàn cần thiết và cần được hiểu đúng như Dự thảo nghị quyết là: "tiếp tục điều chỉnh chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước theo tinh thần bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện và có thời hạn". Như vậy vấn đề bảo hộ xét cho cùng là để yêu cầu và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh trên thị trường phù hợp với quá trình hội nhập quốc tế.

d) Về chính sách đối với khu vực doanh nghiệp nhà nước

Ý kiến chung nhất trí với yêu cầu phải nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của khu vực doanh nghiệp nhà nước thì mới bảo đảm được vai trò chủ đạo của kinh tế nhà nước, giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa. Bên cạnh việc tiếp tục xây dựng một số doanh nghiệp nhà nước cần thiết trong những ngành và lĩnh vực có chọn lọc như khí đốt, hóa dầu, công nghệ thông tin, một số cơ sở công nghiệp nặng, một số cơ sở quốc doanh phục vụ nông nghiệp, lâm nghiệp ở vùng sâu, vùng xa, v.v., nỗ lực to lớn sẽ phải dành cho việc sắp xếp

lại, cổ phần hóa và đổi mới tổ chức, quản lý để nâng cao hiệu quả những doanh nghiệp nhà nước hiện có.

Về vấn đề sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, các đồng chí Trung ương đã nhất trí về các chủ trương và nguyên tắc phân loại, sắp xếp như đã nêu trong Báo cáo. Tuy vậy, một số vấn đề cụ thể sau đây còn có ý kiến khác nhau xin được trình bày như sau:

- Có ý kiến cho rằng việc cổ phần hóa các doanh nghiệp nhà nước vừa và nhỏ nói chung là cần thiết, hợp lý, song riêng đối với các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa còn ít doanh nghiệp nhà nước và các doanh nghiệp vừa và nhỏ còn có vai trò quan trọng thì không nên đặt vấn đề sắp xếp giảm bớt, việc cổ phần hóa phải rất thận trọng. Bộ Chính trị thấy ý kiến này là xác đáng và đã chỉ đạo tiếp thu trong Dự thảo nghị quyết.

- Về đổi mới cơ chế quản lý doanh nghiệp nhà nước, còn có ý kiến khác nhau về một số điểm cụ thể trong cơ chế đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với tài sản ở doanh nghiệp. Bộ Chính trị thấy rằng cần tuân theo phương hướng và nguyên tắc đã được xác định là tạo mọi điều kiện cần thiết cho doanh nghiệp hoàn toàn tự chủ, tự chịu trách nhiệm về mọi hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với quản lý nguồn vốn và tài sản của mình một cách có hiệu quả. Do đó đối với các doanh nghiệp có hội đồng quản trị cần giao cho hội đồng quản trị làm đại diện trực tiếp của chủ sở hữu, không giao cho cá nhân giám đốc vì sẽ dễ dẫn đến tùy tiện. Cần xác định rõ thêm phạm vi trách nhiệm và thẩm quyền của bộ quản lý ngành và Bộ Tài chính trong việc quản lý nhà nước đối với

doanh nghiệp (quy hoạch, chiến lược, hướng dẫn, kiểm tra, kiểm soát vốn và tài chính của doanh nghiệp...); xác định rõ thêm chức năng, nhiệm vụ của hội đồng quản trị doanh nghiệp, quan hệ giữa hội đồng quản trị và tổng giám đốc (giám đốc) điều hành kinh doanh; cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm kế toán trưởng... Những vấn đề này cần tiến hành thí điểm và tổng kết thực tiễn để quy định thành thể chế, đi tới bổ sung, sửa đổi *Luật doanh nghiệp nhà nước*.

đ) Đối với các loại hình doanh nghiệp thuộc kinh tế hợp tác và kinh tế tư nhân

Nhiều ý kiến nhấn mạnh việc thực hiện nhất quán chính sách kinh tế nhiều thành phần, cho phép các thành phần kinh tế được kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật pháp không cấm; cổ vũ và khen thưởng những nhà kinh doanh sử dụng được nhiều lao động, tăng xuất khẩu và mở mang thị trường, v.v.. Tiếp thu ý kiến của Trung ương, Dự thảo nghị quyết đã làm rõ hơn những tư tưởng chỉ đạo lớn, nhấn mạnh những nguyên tắc như kinh doanh bình đẳng, cạnh tranh theo pháp luật... Theo tinh thần đó, sẽ ban hành một số quy định giải tỏa những vướng mắc, gây trở ngại cho việc thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp như thủ tục xin phép và đăng ký kinh doanh, chế độ thanh tra, kiểm tra của cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp, các quy định cụ thể thi hành *Luật khuyến khích đầu tư trong nước*... nhằm cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và tạo khí thế hăng hái, mạnh dạn phát triển sản xuất kinh doanh trong xã hội.

Đối với kinh tế hợp tác, sẽ quán triệt tinh thần của Trung ương là phải tạo chuyển biến trong nhận thức của các ngành các cấp, thực sự quan tâm chỉ đạo, giúp đỡ việc chuyển đổi các hợp tác xã cũ và phát triển các hình thức hợp tác mới. Ngoài ra còn có ý kiến đề nghị khi xử lý việc chuyển đổi các hợp tác xã trong nông nghiệp thì không nên nói "giải thể" các hợp tác xã yếu kém vì việc này liên quan đến chính sách đất đai và sự ổn định tình hình nông thôn. Về vấn đề này, Bộ Chính trị đồng ý tiếp thu và không nêu trong Dự thảo nghị quyết.

e) Về đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, công tác quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội

Nhiều ý kiến nhận xét nội dung phần này chưa đáp ứng được yêu cầu khắc phục những khuyết điểm trong tổ chức và công tác lãnh đạo của Đảng và Nhà nước mà phần đánh giá tình hình đã coi là một nguyên nhân quan trọng của tình trạng yếu kém về kinh tế - xã hội. Về vấn đề này Bộ Chính trị có ý kiến như sau:

Vì Hội nghị Trung ương 3 mới ra nghị quyết về tiếp tục xây dựng và kiện toàn Nhà nước trong sạch, vững mạnh, trong đó chú trọng phát huy quyền làm chủ của nhân dân và đổi mới, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng. Do đó, ở Hội nghị này, Bộ Chính trị đề nghị nhấn mạnh việc triển khai thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 nhưng không nhắc lại đầy đủ các nội dung mà chỉ cụ thể hóa một số điểm trong lĩnh vực lãnh đạo và quản lý kinh tế và tập trung nêu một số

chủ trương, biện pháp khắc phục tham nhũng, lãng phí, quan liêu. Đây là yêu cầu bức xúc của bản thân Đảng, là đòi hỏi gay gắt của nhân dân. Nhiều chủ trương, biện pháp nêu trong Báo cáo và Dự thảo nghị quyết chính là nhằm khắc phục từ gốc rễ tham nhũng, lãng phí, quan liêu, như: quy định các hình thức cụ thể thực hiện quyền của dân được biết, được bàn, được kiểm tra công việc Nhà nước và các hình thức dân chủ trực tiếp ở cơ sở; ban hành quy chế tài chính công khai, trước hết là đối với tài chính công, tài chính doanh nghiệp; quy định chế độ, tiêu chuẩn sử dụng các phương tiện và tài sản công; xác định trách nhiệm của tổ chức đảng và cán bộ lãnh đạo đối với những vụ tham nhũng, lãng phí xảy ra ở trong đơn vị mình, v.v..

Tuy nhiên, đúng như nhiều đồng chí Trung ương đã có ý kiến, các điểm nêu trên đây mới là chủ trương, vấn đề quan trọng sắp tới là phải tập trung chỉ đạo thực hiện có kết quả các chủ trương này để tạo được sự chuyển biến thực sự trong Đảng và ngoài xã hội.

- Có ý kiến đề nghị xem xét lại chủ trương Đảng làm kinh tế để bổ sung ngân sách Đảng vì thực tế được ít, mất nhiều.

Về điểm này, Điều lệ Đảng đã quy định tại Điều 46: "Tài chính của Đảng gồm đảng phí do đảng viên đóng, thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp của Đảng, ngân sách Nhà nước và các khoản thu khác". Tuy Ban Chấp hành Trung ương không thể sửa đổi được Điều lệ, song Bộ Chính trị thấy cần tăng cường sự chỉ đạo và quản lý các doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp của Đảng để bảo đảm thực hiện đúng đường lối của Đảng và pháp luật Nhà nước, chống tham nhũng,

lãng phí và các biểu hiện tiêu cực khác. Theo tinh thần đó, Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh làm kinh tế Đảng để có chủ trương phù hợp.

Trên đây là một số vấn đề chủ yếu trong Báo cáo và Dự thảo Nghị quyết Trung ương 4 về kinh tế - xã hội, Bộ Chính trị xin trình bày để Trung ương cho ý kiến. Còn một số vấn đề chi tiết, cụ thể khác, Bộ Chính trị đã chỉ đạo việc tiếp thu những ý kiến hợp lý để tu chỉnh Dự thảo nghị quyết.

BỘ CHÍNH TRỊ

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ tư

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII

Sđd, tr.25-47.

NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII

Số 04-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 12 năm 1997

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) họp từ ngày 22-12 đến ngày 29-12-1997 tại Hà Nội,

QUYẾT NGHỊ:

1. Giao Bộ Chính trị căn cứ vào Báo cáo của Bộ Chính trị, bài phát biểu khai mạc của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười, những báo cáo giải trình của Bộ Chính trị, ý kiến của các đồng chí Ủy viên Trung ương tại Hội nghị và kết quả biểu quyết của Ban Chấp hành Trung ương để chỉnh lý và ban hành chính thức:

"Nghị quyết về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000".

2. Yêu cầu các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương và các cấp ủy đảng tổ chức quán triệt và thực hiện tốt Nghị quyết nói trên, tăng cường đoàn kết nhất trí, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy thành tựu, khắc phục yếu kém, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, ra sức phấn đấu tạo nên sự chuyển biến thật mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động, thực hiện bằng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, tạo thế và lực để đất nước ta vững chắc đi vào những năm đầu thế kỷ XXI.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**NGHỊ QUYẾT
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII**

Số 04-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 12 năm 1997

**Về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới,
phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế,
cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa,
phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội
đến năm 2000**

Phần thứ nhất

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI VIII
VỀ NHIỆM VỤ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI**

1. Trong bối cảnh vừa có những thuận lợi và thời cơ lớn, vừa đứng trước những khó khăn và thách thức, qua hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng khá (GDP tăng 9%). Nông, lâm, ngư nghiệp phát triển ổn định và tương đối toàn diện. Một số sản phẩm công nghiệp quan trọng (điện, dầu khí, than, vật liệu xây dựng,...) tăng nhiều so với trước. Nhập

siêu giảm. Giá cả ổn định. Giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo có tiến bộ. Sự nghiệp giáo dục, y tế và việc thực hiện các chính sách xã hội có bước phát triển mới. Đời sống số đông nhân dân được cải thiện. Ổn định chính trị được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm. Quan hệ đối ngoại được mở rộng, vị thế quốc tế của nước ta được nâng cao. Chúng ta có thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Tuy nhiên, sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, còn nhiều yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng cao và lâu bền. Lãng phí trong sản xuất, xây dựng và tiêu dùng lớn, tỷ lệ tích lũy từ nội bộ thấp, tốc độ thu hút đầu tư mới của nước ngoài chậm lại. Phương hướng và cơ cấu đầu tư chưa hợp lý. Đầu tư dàn trải, thất thoát lớn. Công nghiệp, nhất là công nghiệp chế biến, chưa phát triển; năng suất lao động thấp; giá thành cao; công nghệ lạc hậu; cơ cấu kinh tế chậm thay đổi. Nhập siêu và bội chi ngân sách lớn, nợ nước ngoài cao, dự trữ quốc gia mỏng. Việc xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất theo định hướng xã hội chủ nghĩa bị buông lỏng. Điều hành nền kinh tế thị trường còn lúng túng. Phân phối trong xã hội còn nhiều bất hợp lý, đất nước nghèo nhưng còn tiêu dùng quá khả năng làm ra, chưa dồn sức cho đầu tư phát triển, chưa ngăn chặn được những thủ đoạn làm giàu bất chính. Tệ quan liêu, tham nhũng, sử dụng lãng phí ngân sách và tài sản công phổ biến và nghiêm trọng. Chênh lệch về trình độ phát triển giữa các vùng và thu nhập giữa các tầng lớp dân cư có chiều hướng ngày càng mở rộng. Việc làm và nhiều vấn đề xã hội đặt ra gay gắt. Dân chủ xã hội chủ nghĩa có mặt còn bị hạn chế. Những vấn đề đó

ảnh hưởng xấu tới môi trường kinh tế, làm giảm nhịp độ tăng trưởng, đồng thời tiềm ẩn những nguy cơ mất ổn định kinh tế - xã hội.

2. Những kết quả và thành tựu đạt được trong hai năm qua một lần nữa khẳng định đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước là đúng đắn và đang tiếp tục được phát huy. Trong chỉ đạo điều hành, chúng ta đã thực hiện có hiệu quả nhất định việc ngăn chặn và hạn chế một số diễn biến xấu của nền kinh tế.

Nhân tố quyết định làm nên thành tựu là sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp. Sự hợp tác và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế là một nhân tố quan trọng.

Những hạn chế, yếu kém trong nền kinh tế nước ta hiện nay có những nguyên nhân khách quan và chủ quan.

Về mặt khách quan, nền kinh tế vốn có những khó khăn yếu kém, lại bị thiên tai và ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực và ở một số nước trên thế giới từ giữa năm 1997.

Về mặt chủ quan:

+ Việc quán triệt và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng ở nhiều cấp, nhiều ngành, trên nhiều lĩnh vực còn yếu. Trong quá trình thực hiện, một số cán bộ, đảng viên và cấp ủy chưa quan tâm đầy đủ đến nghị quyết của Đảng, không căn cứ vào nghị quyết để hành động và kiểm tra công việc của mình; còn làm những việc không đúng nghị quyết, thậm chí trái với nghị quyết.

+ Bộ máy nhà nước và nền hành chính quốc gia còn nhiều yếu kém, chậm cụ thể hóa và tổ chức thực hiện nghị

quyết của Đảng bằng những chính sách thích hợp. Bộ máy công kênh, thủ tục phiền hà, điều hành phân tán, hiệu lực thấp. Một bộ phận cán bộ kém năng lực, quan liêu, tham nhũng, cửa quyền, ức hiếp quần chúng, cản trở sự phát triển kinh tế và gây bất bình trong nhân dân. Công cuộc đổi mới kinh tế và cải cách hành chính chưa theo kịp sự phát triển.

+ Thiếu cơ chế phù hợp để phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, nhất là làm chủ về kinh tế. Chưa thực hiện đúng phương châm "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra".

+ Sự lãnh đạo của Đảng trên nhiều lĩnh vực còn yếu. Chưa làm tốt công tác sơ kết, tổng kết để kịp thời đề ra những chủ trương, chính sách phù hợp với tình hình mới. Nhiều cấp ủy đảng buông lỏng lãnh đạo công tác cán bộ, công tác tài chính - tiền tệ, để cán bộ, đảng viên hư hỏng, tham nhũng, vận dụng chính sách tùy tiện, gây thiệt hại lớn cho Nhà nước, xã hội. Dân chủ trong Đảng chưa được phát huy đầy đủ. Đảng chậm đổi mới tổ chức bộ máy. Công tác nghiên cứu lý luận chưa vươn lên ngang tầm đòi hỏi của giai đoạn mới.

Phần thứ hai

NHỮNG CHỦ TRƯỞNG, CHÍNH SÁCH LỚN

Bước vào những năm còn lại của kế hoạch 5 năm 1996-2000, những yếu kém vốn có của nền kinh tế, đặc biệt là chất lượng và hiệu quả phát triển thấp sức cạnh tranh của hàng hóa trên thị trường còn quá yếu và những khó khăn mới nảy sinh, nhất là tác động của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền

tệ đang lan rộng trong khu vực và trên thế giới, sẽ là những thách thức lớn đối với chúng ta trong quá trình thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000.

Tuy nhiên, những thành tựu của công cuộc đổi mới vừa qua đã và đang tạo ra thế và lực mới cho chặng đường tiếp theo. Với quyết tâm đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, đẩy mạnh thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa, kiên trì đường lối kinh tế đối ngoại độc lập, tự chủ, rộng mở, chúng ta sẽ tạo ra những khả năng mới cho nhu cầu phát triển... Toàn Đảng, toàn dân phải phấn đấu cao và nỗ lực vượt bậc để thúc đẩy kinh tế - xã hội trong những năm tới tiếp tục tăng trưởng cao và bền vững, duy trì ổn định chính trị, xã hội, bảo đảm quốc phòng và an ninh.

Để hoàn thành những mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000 đã được Đại hội VIII của Đảng đề ra, cần nắm vững tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt là: *Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, khơi dậy và phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, ra sức cần kiệm để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế, kết hợp chặt chẽ với phát triển văn hóa, giáo dục, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Ưu tiên phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý chí tự lực tự cường, giữ vững bản sắc dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Bảo đảm an ninh quốc phòng vững chắc. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế - xã hội với cải cách bộ máy nhà nước và hệ thống hành chính, xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.*

Quán triệt các tư tưởng chỉ đạo nêu trên, cần tập trung thực hiện tốt một số chủ trương, giải pháp lớn sau đây:

I- THỨC ĐẨY SỰ CHUYỂN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ VÀ ĐIỀU CHỈNH CƠ CẤU ĐẦU TƯ

Nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế là định hướng cơ bản cho sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu đầu tư. Muốn vậy, *phải phát triển nhanh, mạnh, vững chắc các ngành công nghiệp, trước hết là công nghiệp chế biến có khả năng cạnh tranh cao.*

Những giải pháp lớn cần tổ chức thực hiện là:

1. Điều chỉnh quy hoạch phát triển và kế hoạch đầu tư theo các hướng chính sau đây:

Xác định những sản phẩm có lợi thế cạnh tranh, đáp ứng được nhu cầu trong nước và có khả năng tiêu thụ ở ngoài nước để định hướng và khuyến khích phát triển mạnh.

Ưu tiên phát triển công nghiệp chế biến gắn với phát triển nguồn nguyên liệu nông sản, thủy sản, sản xuất hàng xuất khẩu và các mặt hàng tiêu dùng; đồng thời tạo điều kiện phát triển một số mặt hàng điện tử, kể cả dịch vụ phần mềm. Chú ý phát triển các ngành công nghiệp tốn ít vốn, thu hút nhiều lao động. Phát triển có lựa chọn một số ngành công nghiệp có điều kiện về tài nguyên, nguồn vốn và bảo đảm được hiệu quả (điện, khai thác và chế biến dầu - khí, vật liệu xây dựng, hóa chất - phân bón, luyện kim...); coi trọng phát triển ngành cơ khí (kể cả chế tạo,

lắp ráp, sửa chữa) theo hướng đầu tư chiều sâu là chính để cải tạo các cơ sở hiện có và phát triển một số cơ sở mới có điều kiện.

Phát triển mạnh một số loại dịch vụ như bưu chính viễn thông, du lịch, vận tải, thương mại, dịch vụ khoa học - công nghệ, tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, tư vấn... theo hướng vừa phát triển thị trường nội địa, vừa nhanh chóng vươn ra thị trường quốc tế.

Đẩy mạnh việc xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế và xã hội, ưu tiên cho các công trình trọng điểm phục vụ chung cho nền kinh tế, cho việc mở rộng kinh tế đối ngoại, xây dựng một số cơ sở hạ tầng thiết yếu ở nông thôn, miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Bổ sung các chính sách, hình thức, biện pháp có hiệu lực để khuyến khích, hướng dẫn, giúp đỡ các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư phát triển có hiệu quả, phù hợp với định hướng của kế hoạch nhà nước.

2. Áp dụng chính sách bảo hộ hợp lý, giúp đỡ và thúc đẩy các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh

Nhà nước đảm nhiệm việc xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật bên ngoài doanh nghiệp, phát triển thị trường vốn, đào tạo nguồn nhân lực, giúp đỡ về nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, về tiếp thị, thông tin thị trường, v.v.; dành ưu tiên về đất, vốn, thuế, lao động được đào tạo... cho việc đầu tư sản xuất hàng xuất khẩu và cho việc đổi mới thiết bị, công nghệ của các doanh nghiệp.

Phát triển sự hợp tác giữa các cơ quan và cán bộ khoa học với các doanh nghiệp, kể cả với các nhà khoa học và nhà kinh doanh người Việt ở nước ngoài.

Tiếp tục điều chỉnh chính sách bảo hộ hợp lý sản xuất trong nước theo tinh thần bảo hộ có chọn lọc, có điều kiện và có thời hạn, phù hợp với tiến trình hội nhập quốc tế. Lộ trình giảm thuế nhập khẩu và giảm dần các hàng rào phi quan thuế được công bố rõ để từng doanh nghiệp có kế hoạch phấn đấu cụ thể.

Tăng cường sự phối hợp giữa các cơ quan chức năng, phát huy vai trò của nhân dân để tiến hành có hiệu quả những biện pháp chống buôn lậu trên các tuyến biên giới, vùng biển và trên thị trường nội địa. Ngăn chặn và xử lý nghiêm mọi hành vi buôn lậu, gian lận thương mại hoặc tiếp tay, bao che cho bọn buôn lậu. Tập trung triệt phá các đường dây buôn lậu móc nối giữa gian thương và các cơ quan, tổ chức nhà nước.

3. Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu

Quy định rõ một số ít mặt hàng cấm xuất khẩu hoặc hạn chế xuất khẩu; những mặt hàng còn lại được xuất khẩu dễ dàng với thủ tục đơn giản. Các doanh nghiệp có đăng ký thuộc các thành phần kinh tế, chủ yếu là các đơn vị sản xuất được trực tiếp xuất khẩu hoặc tham gia các hiệp hội xuất khẩu theo những điều kiện được pháp luật quy định. Thu hẹp diện mặt hàng quy định hạn ngạch (côta) xuất khẩu, nhập khẩu, thay bằng chính sách thuế; áp dụng phương thức đấu thầu công khai đối với mặt hàng chưa bỏ được hạn ngạch.

Ban hành quy chế thành lập và hoạt động của các quỹ hỗ trợ xuất khẩu từ nguồn ngân sách và nguồn đóng góp của các doanh nghiệp, trước hết là ở các ngành hàng có kim ngạch lớn.

Rút bài học kinh nghiệm từ cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ đang diễn ra ở một số nước để đề ra các chính sách phù hợp theo hướng có lợi cho xuất khẩu, giảm thâm hụt cán cân thương mại...

Phát triển từng bước và nâng cao hiệu quả các khu chế xuất, khu công nghiệp. Nghiên cứu xây dựng thí điểm một vài *đặc khu kinh tế, khu mậu dịch tự do* ở những địa bàn ven biển có đủ điều kiện.

4. Trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài

Mở rộng nhiều hình thức thu hút các nguồn lực từ bên ngoài. Có bước đi và biện pháp thận trọng trong việc mở cửa thị trường vốn. Áp dụng từng bước và có mức độ, được quản lý và giám sát chặt chẽ các hình thức đầu tư gián tiếp (nước ngoài góp cổ phần, mua cổ phiếu của các cơ sở trong nước).

Khuyến khích mạnh mẽ việc thu hút đầu tư trực tiếp của nước ngoài vào các ngành công nghiệp chế biến xuất khẩu và công nghệ cao, công nghiệp cơ khí, điện tử, những ngành ta có thế mạnh về nguyên liệu và lao động. Ưu tiên các nhà đầu tư có tiềm năng lớn về tài chính và nắm công nghệ nguồn; chú ý cả các dự án lớn, dự án vừa và nhỏ nhưng công nghệ hiện đại.

Từng bước tạo mặt bằng pháp lý và áp dụng thống nhất chính sách thuế, các loại giá cả dịch vụ (thuê đất, điện, nước,

bưu chính viễn thông, hàng không...) đối với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài. Bổ sung các chính sách ưu đãi thiết thực, có sức hấp dẫn cao, nhất là đối với những vùng và ngành cần ưu tiên. Có chính sách ưu đãi đặc biệt thu hút đầu tư vào các vùng sâu, vùng xa. Quản lý việc thực hiện các dự án đã được cấp giấy phép và các cơ sở đã đi vào hoạt động theo hướng vừa tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, vừa bảo đảm chấp hành tốt pháp luật Việt Nam.

5. Tích cực và chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế

Chủ động chuẩn bị các điều kiện cần thiết về cán bộ, luật pháp và nhất là về những sản phẩm mà chúng ta có khả năng cạnh tranh để hội nhập thị trường khu vực và thị trường quốc tế. Tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán hiệp định thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO. Có kế hoạch cụ thể để chủ động thực hiện các cam kết trong khuôn khổ AFTA.

Giữ vững và mở rộng thị trường đã tạo lập được với các nước trong khu vực và các nước thuộc Liên minh châu Âu, khôi phục thị trường Nga và các nước Đông Âu, phát triển quan hệ thương mại chính ngạch với Trung Quốc, tăng cường quan hệ buôn bán, hợp tác với Ấn Độ, mở rộng thị trường Mỹ, đẩy mạnh việc tìm thị trường mới ở Trung Cận Đông, châu Phi, Mỹ Latinh. Chú trọng đa phương hóa quan hệ thương mại, giảm sự tập trung vào một vài đối tác và việc mua bán qua thị trường trung gian.

Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan nhà nước trung ương và tỉnh, thành phố, các doanh nghiệp trong việc phát

triển thị trường xuất khẩu, đàm phán và ký kết các thỏa thuận song phương và đa phương. Tăng cường vai trò, trách nhiệm của cơ quan ngoại giao trong lĩnh vực kinh tế đối ngoại.

Hình thành hệ thống thông tin thương mại quốc gia. Thành lập Trung tâm xúc tiến thương mại.

Phát triển các hiệp hội ngành hàng liên kết chặt chẽ giữa sản xuất nguyên liệu, chế biến và xuất khẩu. Ban hành quy chế cho các doanh nghiệp và các hiệp hội doanh nghiệp lập cơ quan đại diện, chi nhánh ở nước ngoài.

Nghiên cứu việc sử dụng các tổ chức dịch vụ và tổ chức môi giới quốc tế. Khuyến khích các cá nhân và tổ chức có khả năng và điều kiện, ở trong nước cũng như người Việt Nam ở nước ngoài, tham gia tích cực vào việc tìm hiểu, tiếp cận và thâm nhập thị trường thế giới.

II- PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP VÀ NÔNG THÔN THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA VÀ HỢP TÁC HÓA, DÂN CHỦ HÓA

1. Đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế gắn với phân công lại lao động ở nông thôn

- *Thực hiện tốt các chủ trương về phát triển nông, lâm, ngư nghiệp đã được Đại hội VIII xác định và một số chủ trương mới: Đẩy nhanh việc thực hiện chương trình thoát lũ và ngọt hóa ở đồng bằng sông Cửu Long, củng cố hệ thống đê điều trên phạm vi cả nước. Đẩy mạnh việc áp dụng công nghệ sinh học, ưu tiên phát triển các cây trồng và vật nuôi*

có quy mô xuất khẩu tương đối lớn và thị trường ổn định, đặc biệt coi trọng các sản phẩm quý hiếm ta có lợi thế. Hết sức chú trọng phát triển công nghệ sau thu hoạch và công nghiệp chế biến.

Quy hoạch cụ thể và triển khai việc thực hiện dự án phát triển, trồng mới 5 triệu hecta rừng, kết hợp với bảo vệ và khoanh nuôi tái sinh để đạt tỷ lệ phủ xanh 40% diện tích cả nước. Áp dụng chính sách sử dụng gỗ tiết kiệm. Thực hiện nhất quán chủ trương giao đất, giao rừng cho các hộ gia đình thực sự làm chủ, có thể sinh sống bằng nghề rừng. Ổn định đời sống cho đồng bào định canh, định cư. Thu hẹp, tiến tới xóa tình trạng du canh, dư cư. Phối hợp, tổ chức chặt chẽ, có hiệu quả việc di chuyển dân ở một số tỉnh miền núi phía Bắc, không để tái diễn tình trạng di dân tự do.

Tổ chức lại công nghiệp chế biến thủy hải sản và các dịch vụ trên bờ, cải tạo và nâng cấp hệ thống hạ tầng cơ sở nghề cá. Tạo điều kiện và khuyến khích các hộ, nhóm hộ ngư dân tự đầu tư mua sắm tàu thuyền lớn ra khơi, sản xuất và chế biến hải sản, làm dịch vụ.

- *Thực hiện chính sách ruộng đất phù hợp với sự phát triển nông nghiệp hàng hóa và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn, tạo việc làm và thu nhập cho nông dân nghèo.*

Khẩn trương hoàn thành việc giao đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho nông dân; khuyến khích và giúp đỡ các hộ nông dân đổi đất cho nhau để khắc phục tình trạng ruộng đất quá phân tán và manh mún.

Quản lý chặt chẽ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất theo đúng pháp luật, không để nông dân nghèo sống bằng nghề nông phải bán đất; ngăn chặn và xử lý các thủ đoạn

chèn ép, cưỡng đoạt ruộng đất của nông dân nghèo. Chưa đặt vấn đề mở rộng mức hạn điền đối với đất canh tác. Kiểm tra việc thực hiện chính sách hạn điền đối với đất canh tác phù hợp với điều kiện đất đai ở các vùng khác nhau; có chính sách, biện pháp, quy định cụ thể, hợp lý để xử lý đối với từng loại đất vượt hạn điền (đất canh tác, đất chưa sử dụng, đất khai hoang...) theo nguyên tắc khuyến khích sử dụng đất có hiệu quả, đồng thời nghiêm cấm hành vi mua bán đất để kiếm lời, bảo đảm công bằng xã hội.

Đánh giá, phân loại các trường hợp nông dân không còn ruộng đất sản xuất để có chính sách, giải pháp xử lý phù hợp đối với từng trường hợp theo hướng vừa không để nông dân bị bán cùng hóa do không có đất sản xuất, vừa thúc đẩy quá trình tích tụ ruộng đất hợp lý theo tiến trình công nghiệp hóa.

Bổ sung thể chế để ngăn chặn tình trạng lãng phí đất đai. Có chính sách phân biệt việc đền bù cho nông dân bị lấy đất để sử dụng vào mục đích kinh doanh và mục đích công ích, giúp nông dân bị lấy đất có việc làm và nguồn thu nhập mới.

Kinh tế trang trại với các hình thức sở hữu khác nhau (nhà nước, tập thể, tư nhân) được phát triển chủ yếu để trồng cây dài ngày, chăn nuôi đại gia súc ở những nơi có nhiều ruộng đất; khuyến khích việc khai phá đất hoang vào mục đích này.

Tổng kết việc thi hành *Luật đất đai* để trình Quốc hội bổ sung, sửa đổi Luật.

- *Phát triển mạnh các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ ở nông thôn.*

Tăng tỷ lệ đầu tư cho nông nghiệp và nông thôn, xây dựng và nâng cấp kết cấu hạ tầng. Bổ sung chính sách

khuyến khích tối đa mọi người dân và doanh nghiệp đầu tư phát triển công nghiệp, dịch vụ trên địa bàn nông thôn. Ưu đãi, khuyến khích hơn nữa đầu tư nước ngoài và đầu tư trong nước vào phát triển kinh tế, tạo việc làm ở nông thôn, kể cả các dự án ở quy mô hộ gia đình. Miễn toàn bộ hoặc giảm tối đa tiền thuê đất đối với các dự án đầu tư vào các vùng khó khăn, kể cả các dự án 100% vốn nước ngoài.

Xúc tiến việc xây dựng các khu công nghiệp, đặc biệt là một số khu quy mô nhỏ, các trung tâm kinh tế - xã hội ở các vùng nông thôn. Tổ chức các cơ sở công nghiệp chế biến nông sản, thủy sản theo hướng gắn kết các đơn vị cung cấp nguyên liệu - sản xuất - chế biến và tiêu thụ.

- *Tăng nhanh trang bị kỹ thuật trong nông nghiệp và nông thôn.*

Nhà nước hỗ trợ, tạo điều kiện để đẩy mạnh *sản xuất và sử dụng sản phẩm cơ khí phục vụ nông nghiệp*, nhất là các thiết bị vừa và nhỏ có sức cạnh tranh với sản phẩm của nước ngoài. Có chính sách ưu đãi về vốn và thuế để nhập khẩu những sản phẩm cơ khí cho nông nghiệp trong nước chưa sản xuất hoặc sản xuất chưa đủ nhu cầu.

Chú trọng *đào tạo nguồn nhân lực*, bao gồm cả bồi dưỡng kỹ năng lao động, đào tạo kỹ thuật viên và hình thành đội ngũ các nhà kinh doanh giỏi ở nông thôn.

2. Giải quyết vấn đề thị trường tiêu thụ nông sản

Thực hiện cơ chế lưu thông thật sự thông thoáng trên thị trường trong nước. củng cố hệ thống thương nghiệp nhà nước trên địa bàn nông thôn, đặc biệt coi trọng phát triển các hình thức liên kết giữa thương nghiệp nhà nước với hợp tác xã,

nông dân và lực lượng thương nghiệp nhỏ, khắc phục tình trạng thả nổi thị trường nông thôn gây thiệt hại đến lợi ích nông dân.

Tạo cho được một số mặt hàng nông sản xuất khẩu chủ lực có sức cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

Đánh thuế xuất khẩu cao đối với hàng xuất khẩu dưới dạng nguyên liệu thô mà trong nước đã có năng lực chế biến. Cho nhập khẩu miễn thuế hoặc thuế suất thấp các loại nguyên, vật liệu phục vụ công nghiệp nông thôn mà trong nước chưa sản xuất được hoặc còn thiếu.

Xây dựng các *quỹ bảo hiểm sản xuất* dưới nhiều hình thức. Nhà nước có chính sách cho nông dân nghèo vay tiền vào đầu vụ thu hoạch để không phải bán nông sản ở thời điểm bất lợi về giá. Phát triển các loại hình kinh doanh kết hợp công nghiệp, nông nghiệp, xuất nhập khẩu theo phương thức ký kết hợp đồng dài hạn với nông dân.

3. Phát triển mạnh các hình thức kinh tế hợp tác, đổi mới hoạt động của các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp và nông thôn, phát triển các cơ sở quốc doanh ở vùng sâu, vùng xa

Tiếp tục phát huy vai trò tự chủ của kinh tế hộ, kể cả kinh tế tiểu chủ. Tập trung chỉ đạo phát triển mạnh các hình thức kinh tế hợp tác của nông dân theo tinh thần Chỉ thị số 68/CT-TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng khóa VII và *Luật hợp tác xã*.

Nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp và nông thôn theo hướng tập trung làm

dịch vụ (điện, nước, kỹ thuật, tài chính - ngân hàng, thương mại, vận tải, v.v.), công nghiệp chế biến và chuyển giao kỹ thuật cho nông dân; trên cơ sở đó phát triển thêm một số cơ sở quốc doanh nông, lâm nghiệp ở miền núi, vùng sâu, vùng xa. Đổi mới và củng cố các quốc doanh đánh cá theo hướng tăng nhanh khả năng bám trụ dài ngày trên biển; làm dịch vụ ngoài biển và trên bờ để tạo điều kiện cho ngư dân ra khơi, bám biển.

Phát triển các hình thức hợp tác giữa các doanh nghiệp nhà nước với các hợp tác xã và các hộ nông dân. Xây dựng các hiệp hội ngành nghề hoạt động theo cơ chế dân chủ, tự quản; trong đó cơ sở quốc doanh trong hiệp hội có vai trò nòng cốt.

III- ĐẨY MẠNH ĐỔI MỚI, PHÁT TRIỂN VÀ QUẢN LÝ CÓ HIỆU QUẢ CÁC LOẠI HÌNH DOANH NGHIỆP

1. Tiếp tục đổi mới và phát triển khu vực doanh nghiệp nhà nước

- Sắp xếp lại các doanh nghiệp nhà nước.

Phân định loại doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp kinh doanh; xác định danh mục loại doanh nghiệp cần giữ 100% vốn nhà nước; loại doanh nghiệp Nhà nước cần nắm tỷ lệ cổ phần chi phối; loại doanh nghiệp Nhà nước chỉ cần giữ tỷ lệ cổ phần ở mức thấp. Trong khi sắp xếp, cần chú ý đến điều kiện đặc thù của các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa.

Các doanh nghiệp công ích và doanh nghiệp 100% vốn nhà nước hoạt động có hiệu quả cần được kiện toàn về tổ chức, cán bộ, tài chính, xử lý lao động dôi dư, ưu tiên bổ sung vốn lưu động, cho vay vốn ưu đãi để đổi mới thiết bị, công nghệ.

Đối với các doanh nghiệp mà Nhà nước không cần nắm 100% vốn, cần lập kế hoạch cổ phần hóa để tạo động lực phát triển, thúc đẩy làm ăn có hiệu quả. Sửa đổi, bổ sung các quy định, kiện toàn tổ chức chỉ đạo cổ phần hóa các cấp. Thí điểm việc bán cổ phần cho người nước ngoài. Khuyến khích nông dân sản xuất nguyên liệu, tham gia mua cổ phần ở các doanh nghiệp chế biến nông sản.

Đối với những doanh nghiệp nhỏ có vốn dưới 1 tỷ đồng, kinh doanh thua lỗ kéo dài mà không cần thiết duy trì sở hữu nhà nước, cần áp dụng các hình thức xử lý thích hợp như: sáp nhập; đấu thầu công khai cho thuê; khoán kinh doanh hoặc bán; giao cho tập thể cán bộ, công nhân với điều kiện bảo đảm công ăn việc làm cho người lao động và thực hiện luật pháp của Nhà nước; áp dụng *Luật phá sản*... Ở vùng miền núi, kinh tế chưa phát triển, cần duy trì vai trò cần thiết và có hiệu quả của doanh nghiệp nhà nước vừa và nhỏ.

Số tiền thu được sử dụng trước hết để giải quyết việc làm, thực hiện chính sách cho số lao động dôi dư và bổ sung vốn pháp định cho các doanh nghiệp nhà nước cần ưu tiên củng cố. Bổ sung, sửa đổi các chính sách đối với số lao động dôi dư.

Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước.

Chuyển các doanh nghiệp kinh doanh sang hoạt động theo cơ chế công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần; bổ sung hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn chỉ có một sáng lập viên để áp dụng đối với doanh nghiệp kinh

doanh 100% vốn nhà nước. Đặt các doanh nghiệp nhà nước trong môi trường cạnh tranh theo pháp luật, có quy định kiểm soát các doanh nghiệp độc quyền và lợi nhuận do độc quyền đem lại.

Đối với doanh nghiệp nhà nước có hội đồng quản trị, hội đồng quản trị là cơ quan của Nhà nước đại diện trực tiếp chủ sở hữu tại doanh nghiệp, chịu trách nhiệm về việc bảo toàn và phát triển tài sản và vốn Nhà nước giao cho doanh nghiệp. Giám đốc do hội đồng quản trị tuyển chọn và ký hợp đồng với sự chấp thuận của cơ quan hành chính có thẩm quyền.

Xác định rõ phạm vi thẩm quyền về quản lý nhà nước của các bộ quản lý ngành và Bộ Tài chính đối với doanh nghiệp (về chiến lược phát triển, quy hoạch, kế hoạch, chính sách, kiểm tra, kiểm soát...).

Quy định khung pháp lý cho các doanh nghiệp nhà nước được huy động thêm vốn từ nhiều nguồn. Sớm ban hành chế độ kiểm toán bắt buộc và chế độ công khai hóa tài chính doanh nghiệp. Có cơ chế hạch toán và biện pháp xử lý các phương tiện sản xuất và lao động dôi dư để làm lành mạnh hóa tài chính doanh nghiệp. Đổi mới chế độ phân phối, ưu tiên dành lợi nhuận để trả nợ vốn vay và tái đầu tư, gán lợi ích và trách nhiệm vật chất với hiệu quả kinh doanh; quy định rõ trách nhiệm của thành viên hội đồng quản trị, giám đốc và kế toán trưởng trong trường hợp để doanh nghiệp nhà nước bị phá sản.

Tổng kết mô hình tổng công ty nhà nước, trên cơ sở đó có phương án xây dựng các tổng công ty thực sự trở thành những tập đoàn kinh tế mạnh, có hiệu quả và sức cạnh tranh

cao, thực sự là xương sống của nền kinh tế. Xem xét, sắp xếp lại các tổng công ty không phù hợp, hoạt động kém hiệu quả. Nghiên cứu bổ sung, sửa đổi mô hình tổng công ty theo hướng phối hợp quan hệ liên kết theo chiều ngang với quan hệ liên kết theo chiều dọc; chuyên môn hóa theo một ngành hàng và từng bước thực hiện kinh doanh đa ngành nghề. Nghiên cứu chuyển cơ chế quản lý vốn theo phương thức hành chính sang cơ chế công ty tài chính.

Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và vai trò của các tổ chức quần chúng trong quản lý doanh nghiệp nhà nước, xây dựng các thiết chế giám sát có hiệu lực nhằm phát huy vai trò của các tổ chức đó.

Trên cơ sở tổng kết thực tiễn và thí điểm, trình Quốc hội sửa đổi, bổ sung *Luật doanh nghiệp nhà nước*.

2. Phát triển và quản lý các loại hình doanh nghiệp thuộc kinh tế hợp tác, kinh tế tư bản nhà nước, kinh tế cá thể, tiểu chủ và kinh tế tư bản tư nhân

- Tiếp tục cụ thể hóa chủ trương nhất quán xây dựng nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Tiếp tục hoàn thiện môi trường kinh doanh theo pháp luật.

Sửa đổi, bổ sung *Luật khuyến khích đầu tư trong nước*. Sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp quy về các loại hình doanh nghiệp và hộ kinh doanh cá thể, xây dựng luật thống nhất áp dụng cho các loại chủ thể kinh doanh. Khuyến khích phát triển và quản lý tốt kinh tế tư bản tư nhân, kinh tế tư

bản nhà nước theo pháp luật. Đổi mới các thủ tục đăng ký kinh doanh, hộ khẩu, xuất nhập cảnh thuận tiện cho kinh doanh và giải quyết việc làm. Quy định rõ chế độ thanh tra, kiểm tra của các cơ quan nhà nước đối với doanh nghiệp, nghiêm cấm và xử phạt những người gây phiền hà, sách nhiễu đối với doanh nghiệp. Hoàn thiện các chế tài, xử lý nghiêm minh các hoạt động kinh doanh trái pháp luật. Thiết lập môi trường cạnh tranh lành mạnh, kiểm soát được độc quyền và cơ chế giải quyết tranh chấp kinh doanh phù hợp với kinh tế thị trường.

- *Tạo điều kiện cần thiết cho các doanh nghiệp và nhân dân đầu tư phát triển.*

Nhà nước có chính sách cho các doanh nghiệp được thuê đất làm mặt bằng sản xuất kinh doanh, được ưu đãi về thuế và tín dụng theo ngành nghề và địa bàn; giúp đỡ tiếp thị, thông tin thị trường; trợ giúp việc nghiên cứu và ứng dụng công nghệ mới. Đẩy mạnh việc dạy nghề và hướng nghiệp, phát triển có tổ chức thị trường lao động, kể cả xuất khẩu lao động; khuyến khích phát triển các hiệp hội, câu lạc bộ các nhà kinh doanh. Hằng năm có hình thức lựa chọn biểu dương, khen thưởng các nhà kinh doanh giỏi.

- *Phát triển các hình thức hợp tác, liên kết giữa các thành phần kinh tế.*

Đẩy mạnh thực hiện *Luật hợp tác xã* trong các lĩnh vực, vận động và giúp đỡ các tiểu thương, tiểu chủ tự nguyện xây dựng các cơ sở kinh tế hợp tác đa dạng từ thấp đến cao, thành lập tổ chức hội nghề nghiệp, nghiệp đoàn trong những ngành nghề thích hợp.

Phát triển nhiều hình thức hợp tác, liên kết giữa kinh tế nhà nước với các thành phần kinh tế khác trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và bảo đảm lợi ích hợp pháp của mỗi chủ thể kinh tế. Nhà nước chủ động đầu tư và gọi vốn của các thành phần kinh tế khác để xây dựng doanh nghiệp mới hoặc cải tạo, mở rộng doanh nghiệp hiện có; nghiên cứu, thí điểm việc Nhà nước góp vốn, mua cổ phần của công ty tư nhân, doanh nghiệp nhà nước thuê nhà kinh doanh tư nhân quản lý doanh nghiệp.

IV- TIẾP TỤC ĐỔI MỚI VÀ LÀNH MẠNH HÓA HỆ THỐNG TÀI CHÍNH - TIỀN TỆ; THỰC HÀNH TRIỆT ĐỂ TIẾT KIỆM

1. Tiếp tục đổi mới chính sách tài chính

- Về chính sách huy động và sử dụng vốn:

Đa dạng hóa các hình thức huy động và đầu tư vốn như liên doanh, liên kết, phát hành trái phiếu, cổ phiếu, góp quỹ bảo hiểm, các quỹ đầu tư... Từng bước tạo tiền đề vững chắc cho việc hình thành thị trường chứng khoán.

Đẩy mạnh quá trình thị trường hóa các tiềm lực tài chính trong nước; chủ động phát triển thị trường bất động sản có tổ chức.

Tiếp tục thu hút mạnh và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư nước ngoài, hạn chế luồng vốn ngắn hạn. Thí điểm việc phát hành trái phiếu ra nước ngoài, tạo tiền đề cho các doanh nghiệp Việt Nam tham gia thị trường vốn quốc tế.

- Về chính sách ngân sách:

Nâng cao tính hiện thực của dự toán thu ngân sách hàng năm và thực hiện đúng chức năng chi ngân sách nhà nước trên cả ba lĩnh vực (chi đầu tư, chi thường xuyên, chi trả nợ). Khống chế mức bội chi ngân sách, tiến tới cân bằng thu chi và tăng dự trữ, không phát hành tiền cho chi tiêu ngân sách. Trên cơ sở tăng thu, tiết kiệm chi, Nhà nước tăng tỷ lệ ngân sách dành cho đầu tư phát triển. Thực hiện chế độ kiểm toán đối với các đơn vị có sử dụng ngân sách nhà nước.

Xác định rõ chức năng chi của ngân sách nhà nước, của doanh nghiệp, của xã hội; giảm hoặc xóa bỏ các khoản chi không thuộc chức năng của ngân sách nhà nước. Tiếp tục thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục, y tế, hoạt động văn hóa, thể dục - thể thao có phân biệt theo vùng, theo các đối tượng, nhu cầu khác nhau và bảo đảm cho người nghèo, gia đình chính sách được chữa bệnh, học tập.

Quản lý tốt việc vay và trả nợ bên ngoài. Phấn đấu đến năm 2000 cân bằng số vay và số trả hàng năm về nợ gốc của Chính phủ, không làm tăng tỷ lệ so với GDP về nợ của Chính phủ và doanh nghiệp đối với nước ngoài.

- Về chính sách thuế:

Xây dựng lộ trình giảm dần thuế nhập khẩu theo Hiệp định ưu đãi thuế quan (CEPT) áp dụng trong các nước ASEAN và các cam kết quốc tế khác. Chuẩn bị tốt việc thực hiện *Luật thuế giá trị gia tăng* và *Luật thuế thu nhập doanh nghiệp*. Đơn giản các sắc thuế, công khai hóa thủ tục hải quan và xuất nhập cảnh.

Tăng cường giáo dục các doanh nghiệp và nhân dân về ý thức thực hiện nghĩa vụ thuế. Có cơ chế thích hợp để kiểm

soát được các nguồn thu nhập và các loại tài sản của dân cư. Tiếp tục đổi mới chế độ thu phí, lệ phí; thanh tra và xử lý nghiêm mọi hiện tượng lạm quyền, lạm thu của cơ quan, đơn vị nhà nước.

2. Tiếp tục đổi mới và chấn chỉnh hoạt động ngân hàng

Nâng cao vai trò của Ngân hàng Nhà nước trong việc kiểm soát lạm phát, kiềm chế chỉ số tăng giá tiêu dùng dưới 10%. Tăng cường sử dụng các công cụ gián tiếp, giảm sự can thiệp và điều hành theo lệnh hành chính. Rút bài học từ cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước trong việc quản lý ngân hàng, điều hành chính sách tiền tệ, bảo đảm tính chủ động và an toàn của thị trường tiền tệ nước ta.

Tiếp tục xóa bao cấp qua tín dụng. Đề cao vai trò tự chủ kinh doanh của ngân hàng thương mại. Thực hiện đúng các quy định của luật pháp về quyền và nghĩa vụ của cả người cho vay và người đi vay. Không hình sự hóa các quan hệ dân sự trong hoạt động tín dụng. Có giải pháp xử lý những vấn đề tồn đọng trong lĩnh vực tín dụng ngân hàng đang cản trở sự phát triển lành mạnh của nền kinh tế.

Chấn chỉnh hệ thống ngân hàng thương mại, làm cho hệ thống này thực sự lành mạnh, có hệ số an toàn cao, được nhân dân tin cậy. Thực hiện cơ chế lãi suất tín dụng theo quan hệ cung - cầu trên thị trường vốn. Các ngân hàng phải nắm vững thông tin về hoạt động kinh doanh của người vay, nâng cao năng lực thẩm định dự án để quyết định việc cho vay kịp thời, chính xác. Tăng vốn cho vay trung hạn, dài hạn, nhất là đối với các ngành có chu kỳ sản xuất và thu hồi vốn dài.

Điều hành tỷ giá linh hoạt theo cung - cầu, phù hợp với sức mua thực tế của đồng tiền Việt Nam, trên cơ sở bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô. Đổi mới cơ chế quản lý ngoại hối; đẩy nhanh tiến độ thực hiện nguyên tắc trên đất Việt Nam phải thanh toán bằng tiền Việt Nam, tích cực tạo điều kiện cho đồng Việt Nam có giá trị chuyển đổi. Tăng dự trữ ngoại tệ.

Hoàn thiện cơ chế quản lý nợ quốc gia để kiểm soát được mọi khoản vay nợ nước ngoài, quản lý chặt chẽ các hình thức vay thương mại; khống chế mức trần vay nợ hàng năm. Có kế hoạch thực hiện đúng các cam kết trả nợ; hình thành quỹ hỗ trợ trả nợ.

3. Về chính sách tiết kiệm

Ban hành *Pháp lệnh thực hành tiết kiệm* và những quy định cụ thể trong đầu tư, xây dựng, sản xuất và tiêu dùng để tăng tích lũy trong cả ba khu vực Nhà nước, doanh nghiệp và dân cư. Kết hợp thực hành tiết kiệm với đẩy mạnh đấu tranh bài trừ tham nhũng, lãng phí. Phát huy vai trò của các cơ quan dân cử trong việc phân bổ và kiểm soát chi tiêu ở từng cấp ngân sách. Áp dụng chế độ công khai báo cáo tài chính định kỳ. Kiểm soát chi phí sản xuất của các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp độc quyền kinh doanh. Quy định chế độ chi về trụ sở làm việc, xe, phương tiện làm việc đối với tất cả các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước.

Mở rộng diện đánh thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc tăng mức thuế đối với các mặt hàng cần hạn chế tiêu dùng. Bảo đảm giá trị tiền gửi và có lãi, đa dạng hóa các hình thức đầu tư

trực tiếp và gián tiếp để khuyến khích nhân dân đưa vốn vào sản xuất kinh doanh.

V- TÍCH CỰC GIẢI QUYẾT VIỆC LÀM VÀ XÓA ĐÓI, GIẢM NGHÈO

1. Tích cực giải quyết vấn đề lao động, việc làm

Kết hợp chương trình quốc gia *giải quyết việc làm* với từng chương trình, dự án phát triển kinh tế để tạo ra nhiều chỗ làm việc mới, đặc biệt là dự án đầu tư bằng vốn ngân sách và đầu tư của nước ngoài. Khuyến khích phát triển doanh nghiệp vừa và nhỏ, các làng nghề truyền thống, phát triển các ngành nghề mới ở nông thôn để giải quyết việc làm tại chỗ. Hoàn thiện cơ chế quản lý và tăng quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm.

Bổ sung chính sách lao động nghĩa vụ công ích; phân bố lại lao động và dân cư trên phạm vi cả nước; hoàn thiện hệ thống thông tin dịch vụ việc làm và quản lý thất nghiệp; sớm xây dựng chế độ bảo hiểm thất nghiệp.

Mở rộng xuất khẩu lao động trên thị trường đã có và thị trường mới. Cho phép các thành phần kinh tế tham gia xuất khẩu và làm dịch vụ xuất khẩu lao động trong khuôn khổ pháp luật dưới sự quản lý chặt chẽ của Nhà nước.

Đẩy mạnh công tác đào tạo và bồi dưỡng nguồn nhân lực. Cải cách hệ thống đào tạo theo hướng gắn với thị trường lao động, huy động sự tham gia của các doanh nghiệp, các tổ chức và cá nhân dưới sự quản lý của Nhà nước. Mở rộng các hình thức đào tạo nghề, chú trọng đào tạo lao động có chuyên

môn kỹ thuật cao, đáp ứng nhu cầu của các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và thị trường lao động quốc tế. Kiện toàn công tác quản lý nhà nước về lao động và đào tạo nghề.

2. Tăng cường và nâng cao hiệu quả hỗ trợ các vùng nghèo, xã nghèo và người nghèo

Nhà nước có kế hoạch hỗ trợ thiết thực cho các vùng nghèo, đặc biệt là 1.300 xã nghèo, chủ yếu là đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng thiết yếu và đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực. Nhà nước và xã hội tăng cường trợ giúp vốn, kiến thức làm ăn cho các hộ nghèo, nhất là ở nông thôn, miền núi, hải đảo... Nghiên cứu chính sách chữa bệnh và học tập đối với các hộ nghèo. Bổ sung chính sách đối với các nạn nhân chiến tranh.

Nâng cao hiệu quả sử dụng vốn quỹ của các chương trình quốc gia. Giao Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định việc sử dụng và tổ chức kiểm tra việc thực hiện các quỹ này trên địa bàn; các ngành Trung ương chủ yếu làm chức năng hướng dẫn, thanh tra.

VI- ĐỔI MỚI VÀ TĂNG CƯỜNG SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, QUẢN LÝ CỦA NHÀ NƯỚC VÀ PHÁT HUY QUYỀN LÀM CHỦ CỦA NHÂN DÂN VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng về kinh tế - xã hội

Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải quán triệt sâu sắc và nghiêm túc chấp hành đường lối, quan điểm kinh tế của Đảng. Đảng viên và tổ chức đảng ở các cơ quan chức năng có

trách nhiệm thể chế hóa, cụ thể hóa kịp thời các nghị quyết của Đảng. Mỗi đảng viên và tổ chức đảng phải gương mẫu thực hiện nghị quyết của Đảng, thường xuyên sâu sát cơ sở, kiểm tra tình hình thực hiện và kịp thời tổng kết thực tiễn để bổ sung chủ trương, chính sách, phát hiện và uốn nắn kịp thời những lệch lạc trong thực hiện quan điểm, đường lối, chính sách kinh tế - xã hội của Đảng.

Cấp ủy và tổ chức đảng các cấp, theo chức năng và quyền hạn của mình, phải nắm chắc công tác cán bộ, đặc biệt quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kinh tế, lãnh đạo việc lựa chọn, bố trí và quản lý cán bộ chủ chốt ở các cơ quan quản lý nhà nước về kinh tế cũng như ở các đơn vị kinh doanh, quản lý tốt cán bộ, đảng viên để ngăn ngừa sự suy thoái về đạo đức, ngăn chặn những biểu hiện lãng phí, tham nhũng, quan liêu, úc hiếp quần chúng, phát hiện và xử lý kịp thời, nghiêm minh những cán bộ, đảng viên vi phạm kỷ luật.

Tổ chức đảng các cấp và đích thân các đồng chí lãnh đạo chủ chốt phải định kỳ (hàng quý, hàng tháng, hoặc thường xuyên hơn) tiến hành kiểm tra tổ chức đảng cấp dưới về việc lãnh đạo hoạt động tài chính, tiền tệ của ngành và đơn vị thuộc phạm vi, địa bàn quản lý của mình, không phân biệt cấp sở hữu; bảo đảm cho tiền của và tài sản công được phân bổ và sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả, đúng đường lối của Đảng, chủ trương của Nhà nước.

Tăng cường cán bộ có năng lực tham mưu giúp việc các cấp ủy đảng về kinh tế. Kiện toàn về tổ chức trên cơ sở xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức đảng, các cấp ủy đảng trong các loại hình doanh nghiệp.

Tăng cường kỷ cương trong Đảng và ngoài xã hội, ở tất cả các cấp, các ngành.

Coi trọng tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận, phát huy dân chủ và sức sáng tạo, đưa công tác nghiên cứu lý luận vươn lên giải đáp được những vấn đề về lý luận và thực tiễn mà cuộc sống đang đặt ra cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa theo định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, làm chỗ dựa vững chắc cho Đảng hoạch định đường lối, chính sách và tổ chức hành động.

2. Đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội

Cần quán triệt các quan điểm, nguyên tắc sau đây:

Trong quản lý kinh tế - xã hội, trước hết, nhà nước các cấp phải quán triệt quan điểm đường lối, nghị quyết của Đảng, kịp thời thể chế hóa, cụ thể hóa để đưa nghị quyết vào cuộc sống; thường xuyên sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, báo cáo kiến nghị với Đảng để bổ sung, điều chỉnh kịp thời chủ trương, chính sách, nhất là đối với những vấn đề quan trọng.

Chuyển mạnh sang quản lý kinh tế - xã hội bằng tổ chức, luật pháp, chính sách, chế độ, quy hoạch, kế hoạch, giáo dục, thuyết phục, thanh tra, kiểm tra và rất quan trọng là bằng các công cụ quản lý vĩ mô và sức mạnh kinh tế của Nhà nước.

Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ trong quản lý kinh tế - xã hội. Mở rộng dân chủ, đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung thống nhất của Trung ương về những vấn đề và lĩnh vực quan trọng.

Phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường vai trò của Mặt trận và các đoàn thể quần chúng trong việc thực hiện quyền của nhân dân tham gia quản lý, kiểm kê, kiểm soát, thanh tra.

Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, chấn chỉnh tổ chức, tinh giản bộ máy nhà nước các cấp. Thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo để nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ của đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước.

Theo những quan điểm, nguyên tắc trên, cần thực hiện tốt mấy việc sau đây:

Nâng cao chất lượng giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp đối với hoạt động ngân sách.

Chính phủ và các bộ cần ưu tiên tập trung cao nhất cho việc bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô (quan trọng nhất là ổn định giá cả, tài chính - tiền tệ), đẩy mạnh công tác hoạch định và hướng dẫn thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển, tăng cường công tác kiểm soát, thanh tra... Trước mắt cần tổ chức theo dõi cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ đang tiếp diễn ở một số nước, kịp thời phân tích ảnh hưởng và tác động đối với nền kinh tế nước ta để có chủ trương và biện pháp thích ứng, bảo đảm cho nền kinh tế nước ta phát triển ổn định.

Công khai hóa việc sử dụng ngân sách và các khoản đóng góp của dân bằng những biện pháp cụ thể chặt chẽ, có hiệu lực, hiệu quả theo nguyên tắc, chế độ quản lý kinh tế tài chính của Nhà nước và hợp lòng dân.

3. Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội

Đảng và Nhà nước phải có thiết chế tạo điều kiện cho mọi người dân, mọi thành phần kinh tế chủ động tham gia phát triển kinh tế, làm giàu cho mình và góp phần làm giàu cho đất nước; phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa, thực hiện tốt chủ trương "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong lĩnh vực kinh tế - xã hội.

Khẩn trương xây dựng và ban hành quy chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân ở từng loại hình cơ sở. Phát huy quyền dân chủ đại diện và dân chủ trực tiếp của nhân dân trong việc bàn, quyết định và giám sát việc thực hiện những chủ trương kinh tế, xã hội trực tiếp liên quan đến lợi ích của dân, trong việc xử lý theo đúng pháp luật những việc làm sai, những cán bộ vi phạm. Đồng thời, đề cao kỷ luật, kỷ cương của Nhà nước.

Các đoàn thể nhân dân cần đổi mới tổ chức và hoạt động của mình hướng vào việc phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong lĩnh vực kinh tế - xã hội, thiết thực giúp dân phát triển sản xuất, kinh doanh, xóa đói, giảm nghèo, nâng cao dân trí, tiến lên làm giàu, góp phần tích cực vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước.

*

* *

Toàn Đảng, toàn dân ta quyết tâm phấn đấu thực hiện bằng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến

năm 2000 đã được Đại hội VIII thông qua, tạo ra bước chuyển biến mới quan trọng về cơ cấu kinh tế và cơ chế quản lý theo hướng đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, tạo đà, tạo thế và lực mới cho bước tiến nhanh và vững chắc hơn khi bước vào thế kỷ XXI. Đây là sự nghiệp rất vẻ vang nhưng cũng nhiều gian khổ.

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta tin tưởng vững chắc rằng chúng ta sẽ thực hiện thắng lợi những mục tiêu đã đề ra.

T/M BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG BÍ THƯ
LÊ KHẢ PHIÊU

Đảng Cộng sản Việt Nam:
*Văn kiện Hội nghị lần thứ tư
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.48-87.*

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ LÊ KHẢ PHIÊU
BẾ MẠC HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
KHÓA VIII**

Ngày 29 tháng 12 năm 1997

*Kính thưa đồng chí Phạm Văn Đồng,
Kính thưa các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương,
Thưa các đồng chí Trung ương,
Thưa toàn thể các đồng chí,*

Sau 8 ngày làm việc khẩn trương, tích cực, với ý thức trách nhiệm cao, Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) đã hoàn thành chương trình làm việc với kết quả tốt đẹp.

Hội nghị đã thảo luận báo cáo của Bộ Chính trị và thông qua Nghị quyết "Về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000"; góp ý kiến vào "Báo cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị,

Thường vụ Bộ Chính trị từ sau Đại hội VIII đến hết năm 1997". Đặc biệt, Hội nghị đã hoàn thành một công việc trọng đại là kiện toàn cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng với sự nhất trí rất cao.

Thành công tốt đẹp của Hội nghị là do có sự chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng của Bộ Chính trị, có sự đóng góp của các đồng chí Cố vấn, các cấp ủy đảng, các cơ quan khoa học, các đồng chí lão thành cách mạng, của đông đảo cán bộ, đảng viên; và tại Hội nghị, các đồng chí Trung ương, các đồng chí được mời dự Hội nghị đã tập trung trí tuệ thảo luận sôi nổi, thẳng thắn, đi thẳng vào những vấn đề bức xúc đang đặt ra, đánh giá tình hình thực hiện các nghị quyết của Đảng, khẳng định những thành tựu, chỉ rõ những mặt còn yếu kém, phân tích sâu sắc những nguyên nhân để từ đó tìm ra những giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các nghị quyết của Đảng.

Kính thưa các đồng chí,

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương họp vào thời điểm sau gần hai năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII, tình hình kinh tế - xã hội tiếp tục phát triển và đạt được những thành tựu khá. Đất nước có thêm thế và lực, khả năng và cơ hội để tiếp tục phát triển trong những năm tới, đồng thời cũng đang đứng trước những thách thức lớn, những vấn đề kinh tế - xã hội bức xúc. Sự phát triển của nền kinh tế chưa vững chắc, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh thấp, tệ lãng phí, quan liêu, tham nhũng và nhiều tệ nạn xã hội chưa bị đẩy lùi, quyền làm chủ của nhân dân ở nhiều nơi bị vi phạm nghiêm trọng. Xuất hiện những yếu tố tiềm ẩn, những nguy cơ gây mất ổn định

chính trị - xã hội. Cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu vực và một số nước trên thế giới đang và sẽ ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta.

Với quyết tâm tiếp tục tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội đến năm 2000 như Đại hội VIII của Đảng đã đề ra, chuẩn bị đưa đất nước bước vào thế kỷ XXI, hội nhập với nền kinh tế khu vực và thế giới, Hội nghị Trung ương lần này đã nhất trí cao với những vấn đề mà đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười trình bày trong buổi khai mạc, thảo luận và quyết định nhiều chủ trương, giải pháp quan trọng. Trong đó, đặc biệt nhấn mạnh các quan điểm chính sách lớn:

- Phát huy mạnh mẽ hơn nữa tinh thần tự chủ, tự cường, cần kiệm, huy động cao độ mọi nguồn lực trong nước; đồng thời tranh thủ thu hút nguồn lực bên ngoài để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Chỉ có cần kiệm mới thực hiện được công nghiệp hóa, chỉ có phát huy cao nhất nội lực mới có thể thu hút và sử dụng có hiệu quả nguồn lực bên ngoài, mới bảo vệ được độc lập chủ quyền khi hội nhập vào kinh tế khu vực và thế giới.

- Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, điều chỉnh cơ cấu đầu tư để nâng cao hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, đáp ứng nhu cầu thị trường trong nước và mở rộng thị trường bên ngoài.

- Quan tâm thực hiện tốt các chính sách đối với nông nghiệp, nông dân, nông thôn; giải quyết đúng đắn vấn đề ruộng đất đối với nông dân, tiêu thụ sản phẩm, phát triển công nghiệp chế biến nông sản, mở rộng ngành nghề, phát

triển các hình thức kinh tế hợp tác, các cơ sở quốc doanh trong nông nghiệp, nông thôn, dân chủ hóa nông thôn.

- Phát triển lực lượng sản xuất phải đi đôi với quan tâm xây dựng quan hệ sản xuất quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội. Tiếp tục sắp xếp lại khu vực doanh nghiệp nhà nước, đẩy mạnh việc cổ phần hóa một bộ phận doanh nghiệp, đổi mới cơ chế quản lý, chấn chỉnh và nâng cao hiệu quả hoạt động để doanh nghiệp nhà nước thực hiện được vai trò chủ đạo trong nền kinh tế; đồng thời hoàn thiện môi trường, tạo điều kiện cho sự phát triển kinh tế hợp tác, kinh tế tư nhân, khuyến khích sự liên kết giữa các thành phần kinh tế, phát triển kinh tế tư bản nhà nước.

- Khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho xuất khẩu, tích cực chủ động thâm nhập và mở rộng thị trường quốc tế, nhưng không được coi nhẹ sản xuất trong nước và thị trường trong nước, đáp ứng nhu cầu của nhân dân.

- Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính - tiền tệ; khuyến khích tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng để tăng tích lũy cho đầu tư phát triển, khai thác và sử dụng các nguồn vốn có hiệu quả, kiểm soát được lạm phát, bảo đảm an toàn thị trường tiền tệ, hạn chế ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tiền tệ ở một số nước tới nước ta.

- Phát triển kinh tế phải đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với chăm lo xóa đói, giảm nghèo, tích cực giải quyết vấn đề việc làm, tạo điều kiện thuận lợi cho người nghèo, vùng nghèo, quan tâm phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào các dân tộc, vùng căn cứ cách mạng, vùng sâu, vùng xa, khắc phục

tình trạng phân hóa giàu nghèo ngày càng mở rộng ở cả thành thị và nông thôn.

- Tiếp tục tạo lập đồng bộ các yếu tố thị trường, đồng thời đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế. Mở rộng dân chủ, đẩy mạnh phân cấp quản lý kinh tế, đồng thời bảo đảm sự quản lý tập trung của Trung ương về những vấn đề quan trọng. Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, tinh giản bộ máy, kiên quyết đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu.

- Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội; xây dựng thiết chế bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân qua đại diện và làm chủ trực tiếp ở các loại hình cơ sở: xã, phường, doanh nghiệp, bệnh viện, trường học, các cơ quan hành chính, sự nghiệp... tạo điều kiện cho mọi tầng lớp nhân dân: công nhân, nông dân, trí thức, ở mọi miền của đất nước, trong mọi thành phần kinh tế chủ động tham gia vào quá trình phát triển kinh tế; thực hiện chủ trương "dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra" trong việc kiểm kê, kiểm soát để ngăn ngừa có hiệu quả các tệ tham nhũng, quan liêu, lãng phí và các tiêu cực xã hội khác. Nhưng dân chủ phải tuân theo Hiến pháp và pháp luật, dân chủ phải đi đôi với tăng cường kỷ luật, kỷ cương.

Kính thưa các đồng chí,

Cùng với việc kiện toàn bộ máy nhà nước vừa qua tại kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa X, để tạo sự đồng bộ trong đội ngũ cán bộ chủ chốt của hệ thống chính trị, trong Hội nghị lần này, Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã xem xét rất

thận trọng và chặt chẽ về nhân sự cấp cao của Đảng và đã nhất trí rất cao:

Chấp nhận đề nghị của đồng chí Đỗ Mười chuyển giao chức vụ Tổng Bí thư; đề nghị của các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công kết thúc nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng; đề nghị của các đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt xin rút khỏi Bộ Chính trị và Ban Chấp hành Trung ương.

Đồng thời Hội nghị cũng nhất trí rất cao suy tôn ba đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, bầu Tổng Bí thư mới của Đảng và bầu bổ sung bốn đồng chí vào Bộ Chính trị.

Đây là những sự kiện rất trọng đại của Đảng và dân tộc ta, là sự tiếp tục những công việc của Đại hội VIII và là một bước chuẩn bị cho Đại hội IX, nhằm từng bước kiện toàn các cơ quan lãnh đạo cao nhất của Đảng, Nhà nước và các đoàn thể, bảo đảm kế thừa và phát triển của đội ngũ cán bộ lãnh đạo chủ chốt của Đảng và Nhà nước ta. Kết quả này là hợp với ý Đảng, lòng dân. Chúng ta tin tưởng rằng với kết quả đó và với những quyết định mà Hội nghị Trung ương vừa thông qua, Ban Chấp hành Trung ương và Bộ Chính trị sẽ đoàn kết toàn Đảng, toàn dân, toàn quân sẽ hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ cách mạng nặng nề trong giai đoạn mới.

Đạt được kết quả tốt đẹp này là nhờ có sự chuẩn bị công phu, kỹ lưỡng của Bộ Chính trị mà trực tiếp là của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười, của đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Võ Văn Kiệt, có sự đóng góp quý báu của các đồng chí Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương và của toàn thể Ban Chấp hành

Trung ương đã làm việc với ý thức trách nhiệm cao, đúng nguyên tắc tập trung dân chủ.

Cùng với toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, Ban Chấp hành Trung ương chân thành bày tỏ lòng kính trọng và cảm ơn sâu sắc đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Võ Chí Công với trách nhiệm Cố vấn, các đồng chí đã có những đóng góp to lớn và có hiệu quả vào sự lãnh đạo của Đảng. Phẩm chất và năng lực của các đồng chí luôn luôn là tấm gương sáng cho chúng ta noi theo. Tuy các đồng chí không giữ nhiệm vụ Cố vấn nữa, nhưng Trung ương, Bộ Chính trị sẽ thường xuyên báo cáo, thông tin đến các đồng chí và chắc chắn sẽ nhận được ở các đồng chí những ý kiến chỉ đạo sâu sắc.

Tôi xin thay mặt Ban Chấp hành Trung ương nhiệt liệt chúc mừng đồng chí Đỗ Mười, đồng chí Lê Đức Anh và đồng chí Võ Văn Kiệt được Ban Chấp hành Trung ương suy tôn làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Các đồng chí đã cống hiến xuất sắc cho sự nghiệp cách mạng của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta. Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và cá nhân tôi mong sẽ luôn luôn nhận được những ý kiến chỉ đạo quý báu của các đồng chí trên cương vị mới.

Chúng ta bày tỏ lòng biết ơn đối với các đồng chí lão thành cách mạng đã bền bỉ, kiên cường chiến đấu, góp phần cống hiến vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta. Tuy tuổi cao, sức yếu nhưng các đồng chí vẫn quan tâm công việc của Đảng, của Nước, của Dân, thường xuyên đóng góp những ý kiến tâm huyết.

Tại Hội nghị Trung ương lần này, các đồng chí Trung ương đã thẳng thắn đóng góp nhiều ý kiến sâu sắc vào Báo

cáo kiểm điểm sự lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ Chính trị từ sau Đại hội VIII đến nay. Bộ Chính trị hoan nghênh những ý kiến đóng góp đó, Bộ Chính trị sẽ có cuộc họp để tiếp thu và bàn biện pháp cải tiến công tác nhằm nâng cao hiệu quả lãnh đạo trong thời gian tới.

Về phần mình, tôi xin chân thành cảm ơn Ban Chấp hành Trung ương, cảm ơn các đồng chí Cố vấn, các đồng chí Bộ Chính trị đã cử tôi giữ chức Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Tôi ý thức sâu sắc về trọng trách mà Ban Chấp hành Trung ương đã giao cho. Với niềm tin sâu sắc ở trí tuệ tập thể của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, tôi luôn luôn mong mọi được sự giúp đỡ của các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương, các cấp, các ngành và của tất cả cán bộ, đảng viên của Đảng và của nhân dân.

Tôi xin cố gắng làm hết sức mình để cùng với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị tiếp tục lãnh đạo toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta nỗ lực phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội VIII của Đảng.

Kính thưa các đồng chí,

Sau Hội nghị, vấn đề quyết định là phải tổ chức thực hiện có kết quả Nghị quyết, biến các quyết định của Trung ương thành hiện thực. Lâu nay việc tổ chức thực hiện vẫn là một khâu yếu kém trong sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Bác Hồ nói: chủ trương một thì biện pháp phải mười, quyết tâm phải hai mươi. Chúng ta phải quán triệt và quyết tâm làm đúng như lời dạy đó của Bác.

Việc tổ chức học tập quán triệt Nghị quyết phải thiết thực, cụ thể, không hình thức. Cấp ủy và tổ chức đảng, các cơ quan nhà nước phải sớm thể chế hóa, cụ thể hóa Nghị quyết. Các cấp, các ngành từ Trung ương tới cơ sở, phải có chương trình hành động xác định rõ những trọng tâm, trọng điểm, thường xuyên đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện, kịp thời biểu dương những mặt tốt, uốn nắn những lệch lạc, tổng kết, rút kinh nghiệm để thực hiện tốt Nghị quyết. Mỗi đảng viên và tổ chức đảng phải gương mẫu thực hiện Nghị quyết; phải tạo được phong trào hành động cách mạng sôi nổi của toàn dân, nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả sản xuất, công tác, triệt để thực hành tiết kiệm trong sản xuất và tiêu dùng. Lúc này, từ các đồng chí lãnh đạo cao nhất, các đồng chí Trung ương đến mỗi người dân phải chống xa hoa, lãng phí, phải hạn chế những nhu cầu chưa thật cần thiết, phải soát xét lại những việc xây cất trụ sở, mua sắm ô tô và các tiện nghi sinh hoạt đắt tiền, giảm bớt các lễ nghi, tiệc tùng... dồn tiền bạc, của cải cho đầu tư phát triển; kiên quyết đấu tranh với các tệ quan liêu, tham nhũng đang là những trở ngại lớn làm triệt tiêu các động lực phát triển, là nguồn gốc của nhiều tệ nạn xã hội, làm xói mòn lòng tin của nhân dân với Đảng và chế độ; ra sức phấn đấu thực hiện thắng lợi Nghị quyết của Đảng và kế hoạch nhà nước ngay từ những ngày đầu năm 1998.

Toàn Đảng, toàn dân và toàn quân ta đồng tâm nhất trí, đoàn kết chặt chẽ xung quanh Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phát huy truyền thống vẻ vang của Đảng, của dân tộc, quyết tâm phấn đấu vươn lên, hoàn thành thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước vì mục tiêu

dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhân dịp năm mới, tôi xin kính chúc sức khỏe đồng chí Phạm Văn Đồng, đồng chí Đỗ Mười, đồng chí Lê Đức Anh, đồng chí Võ Văn Kiệt, các đồng chí Ủy viên Trung ương và toàn thể các đồng chí dự Hội nghị này.

Cũng nhân dịp này, tôi xin thay mặt Ban Chấp hành Trung ương Đảng gửi đến đồng chí Nguyễn Văn Linh, đồng chí Võ Chí Công, các đồng chí lão thành cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam anh hùng, các đồng chí thương binh, gia đình liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, nhân dân các dân tộc trong cả nước và bà con người Việt ở nước ngoài lời chúc mừng năm mới sức khỏe, hạnh phúc và thành đạt.

Xin cảm ơn các đồng chí.

Đảng Cộng sản Việt Nam:
*Văn kiện Hội nghị lần thứ tư
Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,
Sđd, tr.88-100.*

**THÔNG BÁO
HỘI NGHỊ LẦN THỨ TƯ
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG
ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM KHÓA VIII**

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam (khóa VIII) đã họp từ ngày 22 đến ngày 29-12-1997 tại Thủ đô Hà Nội.

Đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười đã đọc bài phát biểu quan trọng khai mạc và đã chủ trì Hội nghị.

Theo chương trình toàn khóa của Trung ương, đây là Hội nghị thường kỳ, tập trung bàn về các nhiệm vụ kinh tế và một số vấn đề xã hội liên quan, để tiếp tục cụ thể hóa đường lối, chủ trương của Đại hội VIII về đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, đồng thời xem xét và quyết định về vấn đề nhân sự cấp cao của Đảng và góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm công tác của Bộ Chính trị từ sau Đại hội VIII đến nay.

1. Hội nghị đã phát huy dân chủ, đề cao trách nhiệm, tập trung trí tuệ thảo luận báo cáo của Bộ Chính trị và thông qua Nghị quyết "Tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000".

Hội nghị thống nhất nhận định: Trong bối cảnh vừa có những thời cơ lớn, vừa có những thách thức lớn, qua hai năm thực hiện kế hoạch 5 năm 1996 - 2000, nền kinh tế nước ta tiếp tục phát triển và đạt mức tăng trưởng khá. Đời sống số đông nhân dân có bước cải thiện. Ổn định chính trị được giữ vững. Quốc phòng, an ninh được bảo đảm. Quan hệ đối ngoại tiếp tục được mở rộng. Chúng ta có thêm thế và lực, khả năng và kinh nghiệm để tiếp tục phát triển trong những năm tới.

Tuy nhiên, nền kinh tế phát triển chưa vững chắc, còn những yếu tố chưa bảo đảm tăng trưởng lâu bền. Lãng phí trong sản xuất và tiêu dùng lớn, tỷ lệ tích lũy từ nội bộ thấp. Việc xây dựng quan hệ sản xuất mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa còn lúng túng. Tệ quan liêu, tham nhũng, sử dụng lãng phí ngân sách và tài sản công phổ biến và nghiêm trọng. Chênh lệch về trình độ phát triển và thu nhập giữa các vùng và giữa các tầng lớp nhân dân có xu hướng ngày càng mở rộng. Việc làm và nhiều vấn đề xã hội đặt ra gay gắt.

Về nguyên nhân của thành tựu, Hội nghị nhấn mạnh: những kết quả và thành tựu đạt được trong hai năm qua một lần nữa khẳng định đường lối, chính sách đổi mới của Đảng và Nhà nước ta là đúng đắn và đang tiếp tục được phát huy. Nhân tố quyết định làm nên những thành tựu là sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, của các ngành, các cấp; nhân tố quan trọng là sự hợp tác và giúp đỡ của cộng đồng quốc tế.

Hội nghị đã nghiêm túc chỉ ra những nguyên nhân của những mặt yếu kém và hạn chế, trước hết đó là việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nghị quyết của Đảng ở nhiều cấp, nhiều ngành từ Trung ương đến cơ sở, trên nhiều lĩnh vực còn yếu;

việc cải cách nền hành chính quốc gia còn chậm trễ, một bộ phận cán bộ kém năng lực, quan liêu, tham nhũng, cửa quyền; chưa phát huy được quyền làm chủ của nhân dân.

Để phấn đấu hoàn thành mục tiêu do Đại hội VIII đề ra đến năm 2000, Hội nghị nhấn mạnh trong thời gian tới cần nắm vững tư tưởng chỉ đạo xuyên suốt là: khơi dậy và ra sức phát huy nguồn lực trong nước, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế, kết hợp chặt chẽ phát triển kinh tế với phát triển văn hóa, thực hiện công bằng và tiến bộ xã hội. Phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với xây dựng quan hệ sản xuất phù hợp theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Nâng cao ý chí và năng lực tự cường dân tộc trong tiến trình hội nhập quốc tế. Kết hợp chặt chẽ đổi mới kinh tế - xã hội với cải cách bộ máy nhà nước và hệ thống hành chính, xây dựng Đảng ngang tầm đòi hỏi của thời kỳ mới.

Hội nghị xác định những chủ trương, giải pháp lớn thúc đẩy sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và điều chỉnh cơ cấu đầu tư; phát triển nhanh các ngành công nghiệp có khả năng cạnh tranh cao, trước hết là công nghiệp chế biến. Phát triển nông nghiệp và nông thôn theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hợp tác hóa, dân chủ hóa. Đẩy mạnh đổi mới, phát triển và quản lý có hiệu quả các loại hình doanh nghiệp. Tiếp tục đổi mới và lành mạnh hóa hệ thống tài chính, tiền tệ. Tích cực giải quyết việc làm và xóa đói, giảm nghèo.

Để thực hiện thành công các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, phải đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và phát huy quyền làm chủ của nhân dân.

Mọi tổ chức đảng và đảng viên phải quán triệt sâu sắc và gương mẫu chấp hành đường lối, chính sách của Đảng và

pháp luật của Nhà nước. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ kinh tế, đấu tranh ngăn ngừa sự suy thoái về đạo đức, tham nhũng, lãng phí, quan liêu, vi phạm quyền làm chủ của nhân dân, phát hiện và xử lý nghiêm khắc những đảng viên vi phạm kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Tổ chức đảng các cấp phải quan tâm lãnh đạo, kiểm tra hoạt động tài chính, tiền tệ ở đơn vị mình.

Đổi mới và tăng cường quản lý nhà nước về kinh tế - xã hội, tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính, thường xuyên bồi dưỡng, đào tạo nâng cao giác ngộ xã hội chủ nghĩa, đạo đức cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ cán bộ, công chức nhà nước, ưu tiên tập trung cho việc ổn định kinh tế vĩ mô, thực hiện công khai hóa việc sử dụng ngân sách và các khoản đóng góp của dân.

Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân về kinh tế - xã hội là một vấn đề cơ bản và cũng là vấn đề cấp bách để đất nước phát triển nhanh chóng và bền vững. Đảng, Nhà nước và các đoàn thể nhân dân tạo điều kiện cho mọi người dân chủ động tham gia quá trình phát triển kinh tế, làm giàu cho mình và góp phần làm giàu cho đất nước. Phát huy dân chủ và tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa.

2. Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương đã quyết định một số vấn đề quan trọng về nhân sự cấp cao của Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương đã chấp nhận đề nghị của đồng chí Tổng Bí thư Đỗ Mười về việc chuyển giao chức vụ Tổng Bí thư. Hội nghị coi đây là việc làm cao cả trong sáng và đầy trách nhiệm. Hội nghị biểu dương công lao to lớn của đồng chí Đỗ Mười đối với Đảng và nhân dân.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu đồng chí Lê Khả Phiêu, Ủy viên Thường vụ, Thường trực Bộ Chính trị, giữ chức vụ Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị đánh giá cao công lao của các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Phạm Văn Đồng, Võ Chí Công và chấp thuận đề nghị của các đồng chí, để các đồng chí được kết thúc nhiệm vụ Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị biểu dương công lao của các đồng chí Đỗ Mười, Lê Đức Anh, Võ Văn Kiệt và chấp thuận đề nghị của các đồng chí xin rút khỏi Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Ban Chấp hành Trung ương suy tôn ba đồng chí làm Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Ban Chấp hành Trung ương đã bầu bổ sung các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng: Phạm Thanh Ngân, Nguyễn Minh Triết, Phan Diễn, Nguyễn Phú Trọng làm Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa VIII) kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân tăng cường đoàn kết nhất trí, nắm vững thời cơ, vượt qua thách thức, phát huy thành tựu, khắc phục yếu kém; tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, ra sức phấn đấu tạo nên sự chuyển biến thật mạnh mẽ cả về nhận thức và hành động, thực hiện bằng được các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000, tạo thế và lực để đất nước ta vững chắc đi vào những năm đầu thế kỷ XXI.

Đảng Cộng sản Việt Nam:

Văn kiện Hội nghị lần thứ tư

Ban Chấp hành Trung ương khóa VIII,

Sđd, tr.101-107.

PHỤ LỤC

**PHÁT BIỂU
CỦA THỦ TƯỚNG VÕ VĂN KIỆT
TẠI HỘI NGHỊ CHÍNH PHỦ HỢP
VỚI LÃNH ĐẠO CÁC TỈNH, THÀNH PHỐ***

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 1 năm 1997

Kính thưa các đồng chí,

Qua ba ngày làm việc, Hội nghị đã được nghe những báo cáo và nhiều ý kiến phát biểu có trách nhiệm, tâm huyết và nhiều đề xuất sáng tạo. Các ý kiến phát biểu của các đồng chí chính là những tổng kết cô đọng, có ý nghĩa thiết thực được đúc kết từ thực tiễn sinh động và phong phú của mỗi địa phương trong cả nước.

Các địa phương có những thuận lợi và khó khăn riêng, thậm chí rất khác nhau, nhưng ở đâu các đồng chí cũng đã quán triệt và khẳng định đường lối đổi mới của Đảng qua thực tiễn đưa các mặt kinh tế - xã hội đi lên. Nhiều địa phương như Nam Hà, Thái Bình, Hà Giang, Nghệ An, Trà Vinh... đã phát huy được sức dân để kiến thiết quê hương mình. Tôi nhiệt liệt hoan nghênh và biểu dương các địa

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

phương đã biết dựa vào dân, phát huy được lợi thế của mình, sáng tạo vượt khó giành được thắng lợi trong năm 1996, và mong rằng tất cả các địa phương trong cả nước phát huy những gì đã đạt được để tiến xa hơn trong năm 1997.

Tôi thật sự cảm ơn các đồng chí đã chia sẻ kịp thời những kinh nghiệm thực tiễn của tỉnh mình. Chính những kinh nghiệm đó góp phần quan trọng để Hội nghị thành công. Tôi xin ghi nhận những kiến nghị, đề xuất của các đồng chí về cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính; về mối quan hệ trách nhiệm giữa các ngành và địa phương... Nhiều kiến nghị các đồng chí nêu lên là có cơ sở.

Phát biểu của Phó Thủ tướng Phan Văn Khải đã tổng hợp khá đầy đủ nội dung của Hội nghị, trong đó đã nêu nhiệm vụ và phương hướng thực hiện các nhiệm vụ đó cho giai đoạn tới và cho năm 1997. Vấn đề còn lại là việc vận dụng sáng tạo các kinh nghiệm, khai thác lợi thế của từng địa phương để thực hiện tốt những nhiệm vụ đó, đạt được những kết quả lớn hơn so với năm 1996. Đó chính là điều quan trọng nhất, là ý nghĩa lớn nhất của Hội nghị này. Với suy nghĩ đó, trong khoảng thời gian còn lại, tôi xin không tổng kết Hội nghị mà muốn phát biểu thêm với các đồng chí về một số vấn đề.

1. Bước vào thời kỳ công nghiệp hóa, chúng ta phải thiết lập lại kỷ cương, tăng cường, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước ở tất cả các cấp để quản lý toàn bộ công việc một cách chặt chẽ, khoa học bằng công cụ pháp lý. Các chủ trương, đường lối của Đảng ta được thể chế hóa bằng các văn bản pháp luật, quy định của Nhà nước. Trong khi đó, tình trạng bản thân cán bộ không hiểu luật, không nắm vững các

quy định của Nhà nước còn khá phổ biến ở cấp xã, cấp huyện, thậm chí ở cả cấp tỉnh. Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền cần rà soát lại các văn bản này để tổ chức cho đảng viên, cán bộ trong bộ máy nhà nước học tập, quán triệt và tổ chức phổ biến, hướng dẫn để "*dân biết, dân làm, dân kiểm tra*" theo pháp luật.

Chính quyền tỉnh là bộ máy quản lý nhà nước ở địa phương. Mỗi tỉnh đều có Đoàn đại biểu Quốc hội, có Hội đồng nhân dân, có Viện Kiểm sát, Tòa án, đủ các ban ngành và các đoàn thể, tổ chức quần chúng. Ủy ban nhân dân tỉnh mà người đại diện là chủ tịch phải phát huy đầy đủ vai trò của mình và chịu trách nhiệm trước Chính phủ, trước Thủ tướng Chính phủ quản lý nhà nước trên địa bàn của tỉnh và có trách nhiệm ngăn chặn kịp thời mọi hành vi trái với các quy định của Nhà nước trong địa bàn tỉnh, kể cả đối tượng vi phạm là cơ quan trung ương hay tổ chức, cá nhân nước ngoài. Trường hợp vi phạm pháp luật thì phải đề nghị xử lý theo pháp luật.

Các bộ, ngành trung ương có trách nhiệm quản lý nhà nước xuyên suốt từ trung ương tới địa phương trong lĩnh vực của mình, và phải phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ chính quyền địa phương, đồng thời kiểm tra, phát hiện và có thái độ rõ ràng đối với các quyết định, quy định của địa phương trái với các quy định quản lý nhà nước theo lĩnh vực.

Địa phương cũng như các bộ, ngành phải làm đúng, làm đủ, làm tốt chức năng, quyền hạn và nhiệm vụ của mình, không đùn đẩy cho nhau và đùn đẩy lên trên. Sự phối hợp dựa trên các quy định của pháp luật, đặt lợi ích chung lên trên hết là sự phối hợp trong sáng, hiệu quả nhất.

Tình trạng không hiểu biết pháp luật, kết hợp với tình trạng đùn đẩy trách nhiệm là những nguyên nhân chính dẫn tới tình trạng nhân dân khi có việc thì không biết yêu cầu cấp nào, ngành nào giải quyết; khi bị oan ức thì không biết kêu với cơ quan nào cho đúng của, phải chạy lòng vòng và nhiều khi phải cầu cứu tới các đồng chí lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước. Riêng trong năm 1996, Thủ tướng nhận được 3.940 khiếu nại, tố cáo của công dân, trong đó chỉ có 172 vụ việc là các tỉnh, các ngành không đủ thẩm quyền giải quyết.

Tất cả các cấp, các ngành cần soát xét để cải tiến hoặc loại bỏ các quy định, thủ tục rườm rà, phiền hà tạo điều kiện cho các hành vi nhũng nhiễu với nhau trong bộ máy chính quyền và nhũng nhiễu với nhân dân. Một mặt, cần có biện pháp uốn nắn, xử lý thật nghiêm khắc các cán bộ vi phạm. Mặt khác, phải bảo vệ cán bộ và nhân dân phát hiện những hành vi nhũng nhiễu đối với nhân dân của một số cán bộ trong bộ máy nhà nước.

2. Trong quý I năm 1997, Chính phủ sẽ trình Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành ba pháp lệnh về chống tham nhũng; chống lãng phí, thực hành tiết kiệm; nghĩa vụ lao động công ích và phát huy nguồn lực xây dựng đất nước. Mọi văn bản không tự nó giải quyết được vấn đề. Các pháp lệnh này chỉ thực sự có hiệu lực một khi mỗi đảng viên, mỗi cán bộ, mỗi người dân ý thức được trách nhiệm của mình. Ngay từ bây giờ, chúng ta phải tích cực chuẩn bị, tập trung tuyên truyền sâu rộng trong cả nước để ba pháp lệnh này đi vào cuộc sống và thật sự có hiệu lực. Ví dụ như Nghị định số 36/CP, Chỉ thị cấm sản xuất, lưu thông và đốt pháo được

tuyên truyền, giải thích, vận động đến từng người dân nên được thực hiện có hiệu quả.

Tham nhũng, quan liêu, lãng phí của công là tệ nạn gắn liền với cơ quan nhà nước, liên quan trực tiếp tới cán bộ có chức, có quyền, làm thoái hóa một bộ phận cán bộ trong bộ máy của Đảng và Nhà nước. Để có thể đẩy lùi các tệ nạn này trong phạm vi cả nước, thì trước hết phải làm tốt ngay trong từng cơ quan, đơn vị, từng địa phương. Tất cả các cấp chính quyền đều phải đặt nhiệm vụ chống mọi hành vi những nhiễu để vụ lợi một cách quyết liệt, và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, trước Đảng, trước Nhà nước về tình trạng tham nhũng trong địa phương, ngành mình.

Qua các thời kỳ cách mạng khác nhau, khi nào chúng ta biết dựa vào dân, phát huy được sức mạnh toàn dân thì cuộc đấu tranh xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vượt qua được muôn trùng khó khăn và những thách thức hiểm nghèo, giành được thắng lợi. Thực tiễn trong những năm đổi mới và cả những kinh nghiệm qua các ý kiến phát biểu tại Hội nghị này cũng chứng minh điều đó.

Sức lao động nhân rỗi trong nhân dân còn rất lớn. Ngày nay, những điều kiện chủ quan và khách quan đều thuận lợi gấp nhiều lần so với những thời kỳ trước. Chúng ta đã có thể lo được cái ăn, cái mặc; có phương tiện kỹ thuật và kiến thức khoa học, trong khi phải gấp rút khắc phục nhiều yếu kém, nhất là về kết cấu hạ tầng để đưa đất nước đi lên công nghiệp hóa. Nhu cầu xây dựng kết cấu hạ tầng như điện, nước, thủy lợi, viễn thông... và các công trình phúc lợi như trường học, bệnh xá... rất lớn, nhưng quan trọng hàng đầu là hệ thống giao thông.

Giao thông là điều kiện cần thiết cho mọi yêu cầu phát triển. Khi đất nước đi lên công nghiệp hóa, bước vào thế kỷ XXI thì nhu cầu phát triển giao thông lại càng bức thiết hơn. Giải quyết được giao thông là điểm nút mở ra những khả năng mới để từng vùng khai thác lợi thế của mình; rút ngắn khoảng cách và tăng cường giao lưu kinh tế, văn hóa với các vùng khác; góp phần giảm chênh lệch về trình độ phát triển giữa các địa phương trong cả nước. Giao thông cũng là chìa khóa để phát triển kinh tế hàng hóa, để hình thành các vùng kinh tế trọng điểm, thực hiện định canh định cư, xóa đói giảm nghèo, và kể cả để đảm bảo an ninh quốc phòng. Các nhà đầu tư nước ngoài cũng chọn lựa nơi nào giao thông thuận tiện để đầu tư. Có thể nói hệ thống giao thông của một quốc gia như mạch máu trong cơ thể con người.

Phải coi việc xây dựng các tuyến giao thông là nhiệm vụ hàng đầu, là khâu đột phá để chuẩn bị điều kiện cho tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Nhu cầu làm đường giao thông ở khắp mọi nơi, từ đường liên thôn, liên xã tới các tỉnh lộ, liên tỉnh lộ, xa lộ và các tuyến đường xuyên quốc gia trong khu vực. Nhu cầu vốn để làm đường giao thông cũng rất lớn. Chúng ta không thể chỉ trông chờ vào ngân sách; không thể cứ đợi vốn vay, vốn viện trợ nước ngoài một cách thụ động, và cũng phải tính tới khả năng trả nợ. Nhà nước sẽ cân đối, hợp lý hóa các khoản chi ngân sách, kết hợp với các nguồn vốn vay và viện trợ bên ngoài, nhưng nguồn vốn lớn nhất mà chúng ta có sẵn trong tay chính là sức lao động to lớn của nhân dân, nhất là lực lượng trẻ, và cả lực lượng lao động có chuyên môn, có tổ chức ở Trung ương và địa phương. Kiến thức và kinh nghiệm rút

ra từ những công trình sửa chữa, nâng cấp và làm mới các tuyến đường; những điển hình huy động sức dân ở các địa phương như đã nói ở trên; cùng với những bài học phong phú qua những công trình không kém vĩ đại do ông cha ta để lại và qua hai cuộc kháng chiến cũng là những nguồn vốn quý báu cần được phát huy.

Ngoài giao thông, tôi xin nói thêm một lĩnh vực cũng rất quan trọng là cần sớm phủ xanh gần 10 triệu hécta đất đồi, núi còn trống bằng các cây công nghiệp có giá trị và rừng lâu năm. Rừng bị tàn phá, đất trống đồi trọc là một trong những nguyên nhân gây ra lũ lụt, làm mất cân bằng sinh thái. Ngay từ năm 1997 này, đi đôi với việc huy động trồng rừng, chúng ta phải kiên quyết hơn trong việc bảo vệ rừng. Nhà nước kêu gọi tiết kiệm sử dụng gỗ, và sẽ cấm xuất khẩu gỗ trong một thời gian 10 - 15 năm, đồng thời khuyến khích nhập khẩu gỗ để đáp ứng nhu cầu trong nước. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cần làm việc với các tỉnh có rừng, rà soát lại một cách nghiêm túc và kiên quyết đóng cửa những khu rừng cần bảo vệ. Không thể chỉ vì lợi ích trước mắt mà khai thác rừng một cách bừa bãi, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tới môi trường sinh thái, gây ra những hậu quả hết sức nặng nề và di hại lâu dài về sau.

3. Các cấp, các ngành, các đoàn thể quần chúng, Đoàn Thanh niên cần tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân, nhất là lớp trẻ bằng tất cả các phương tiện thông tin đại chúng để phát động được phong trào thực sự sôi động làm đường giao thông, trồng rừng và làm các công trình kết cấu hạ tầng ở khắp mọi miền đất nước. Cần làm cho mỗi người dân nhận thức được rằng sự nghiệp xây dựng đất nước, đi lên

công nghiệp hóa là sự nghiệp của toàn dân. Vì vậy, mọi người dân Việt Nam đều có trách nhiệm tham gia thực hiện sự nghiệp chung này. Chúng ta phải đưa đất nước đi lên, giữ vững độc lập, tự chủ, xứng đáng với lớp lớp cha anh đi trước đã hy sinh xương máu vì độc lập, tự do của dân tộc. Hợp tác quốc tế cũng rất cần thiết, nhưng không có bất cứ ai xây dựng đất nước thay cho chúng ta, mà chính dân tộc ta, trong đó thanh niên là lực lượng nòng cốt, phải làm việc đó. Chúng ta phải phát huy hết những lợi thế của dân tộc, của đất nước mình mà sức lao động và trí sáng tạo của nhân dân đang là lợi thế lớn, rõ nhất. Dân tộc ta đứng trước một sự chọn lựa: Hoặc là bằng sức mạnh của cả dân tộc để đi lên hoặc sẽ tụt hậu, nếu không thì cũng chịu lệ thuộc.

Chúng ta cũng cần phát huy các sáng kiến tổ chức lao động một cách năng suất, hiệu quả, với khí thế sôi động và các hoạt động văn hóa lành mạnh. Có thể kết hợp nhiều hình thức khác nhau, tương tự như chúng ta đã làm trong kháng chiến, đã mở đường Trường Sơn, kể cả hình thức thanh niên xung phong... Đây là một vấn đề rất sâu sắc, sinh động và phong phú, đòi hỏi phải rất sáng tạo.

Kính thưa các đồng chí,

Những nhiệm vụ trên đây rất to lớn, không ít khó khăn và phải tiến hành liên tục trong nhiều năm mà năm 1997 là năm đầu tiên. Thêm vào đó chúng ta vẫn phải hoàn thành những nhiệm vụ vốn đã nặng nề của năm 1997, khắc phục hậu quả thiên tai năm 1996 để lại, đồng thời tiếp tục thực hiện các nghị định về an toàn giao thông đường bộ, đường sắt, đường sông, các nghị định về chống các tệ nạn văn hóa

xã hội... Nhất là đối với Chỉ thị cấm sản xuất, kinh doanh và đốt pháo, cần xử lý thật nghiêm những hành vi vi phạm, coi như tái phạm. Năm 1997 phải là năm triển khai thực hiện các nghị định, chỉ thị này một cách kiên quyết, đủ bài bản và liên tục. Không để diễn lại tình trạng như một chiến dịch ào lên rồi lại lạng dần đi kiểu "đầu voi đuôi chuột", "đánh trống bỏ dùi".

Một điểm tôi muốn nhấn mạnh thêm với các đồng chí mà trong Hội nghị này chưa thấy đề cập là công tác dân số, kế hoạch hóa gia đình. Đây là vấn đề liên quan trực tiếp tới xóa đói giảm nghèo và có quan hệ chặt chẽ tới phát triển kinh tế - xã hội, tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh.

Chúc tất cả các đồng chí sức khỏe, chúc tất cả các địa phương, các ngành giành được thắng lợi cao nhất trong năm 1997.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU CỦA TỔNG BÍ THƯ
ĐỖ MUỠI TẠI LỄ KỶ NIỆM 50 NĂM
NGÀY THƯƠNG BINH - LIỆT SĨ*(27-7-1947 - 27-7-1997)**

Cách đây đúng 50 năm, Chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu đã khởi xướng và chọn ngày 27-7 là Ngày Thương binh - Liệt sĩ. Thực hiện lời dạy của Người, một nửa thế kỷ qua, nhân dân ta biết ơn sâu sắc và hết lòng chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, những người có công với nước, với dân.

Truyền thống cao quý của dân tộc ta là uống nước nhớ nguồn, hiếu thảo, nhân hậu, đền ơn đáp nghĩa. Bác Hồ đã nói: "Thương binh là những người đã hy sinh gia đình, hy sinh xương máu để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ đồng bào. Vì lợi ích của Tổ quốc, của đồng bào, mà các đồng chí đó chịu ốm yếu, què quặt.

Vì vậy Tổ quốc, đồng bào phải biết ơn, phải giúp đỡ những người con anh dũng ấy"¹⁾.

Bác Hồ cũng đã nói: "Máu đào của các liệt sĩ ấy đã làm cho lá cờ cách mạng thêm đỏ chói. Sự hy sinh anh dũng của

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.5, tr.204.

các liệt sĩ đã chuẩn bị cho đất nước ta nở hoa độc lập, kết quả tự do. Nhân dân ta đời đời ghi nhớ công ơn các liệt sĩ và chúng ta phải luôn luôn học tập tinh thần dũng cảm của các liệt sĩ để vượt qua tất cả mọi khó khăn, gian khổ, hoàn thành sự nghiệp cách mạng mà các liệt sĩ đã chuyển lại cho chúng ta"¹⁾.

Chăm sóc, ưu đãi thương binh, bệnh binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng là trách nhiệm của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội. Nhiều chính sách, pháp lệnh đã được ban hành: trợ cấp, nuôi dưỡng, chỉnh hình phục hồi chức năng, tặng nhà tình nghĩa, cấp đất, cấp ruộng, giúp đỡ đi lại, học hành, khám chữa bệnh, dạy nghề, được vay vốn với lãi suất nhẹ, được miễn giảm thuế, tạo công ăn việc làm.

Trong nhân dân có nhiều phong trào thiết thực: chăm sóc, giúp đỡ thương binh, đón thương binh nặng về gia đình, làm nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa, nhận đỡ đầu con liệt sĩ, nhận phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng...

Nhiều thương binh, bệnh binh, thân nhân liệt sĩ, người có công với cách mạng đã vượt qua khó khăn, lao động sản xuất, công tác giỏi, gương mẫu trong đời sống và thực hiện chính sách, luật pháp. Một số địa phương đang tích cực phấn đấu trước năm 2000 đạt mục tiêu do Đại hội VIII của Đảng đề ra: "Bảo đảm cho những người có công với đất nước và cách mạng có đời sống vật chất và tinh thần ít nhất bằng mức sống trung bình của nhân dân ở nơi cư trú".

1) Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t.12, tr.401.

Nhưng việc chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với nước cũng còn nhiều thiếu sót. Đời sống một số đồng chí, đồng bào thuộc diện nói trên còn rất khó khăn, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ kháng chiến và cách mạng... Phong trào "Uống nước nhớ nguồn", "Đền ơn đáp nghĩa" ở một số địa phương chưa sâu, chưa mạnh. Việc quản lý, tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước có nơi có lúc còn chậm trễ, buông lỏng, quan liêu, thậm chí có cả những hiện tượng tham nhũng, gây phiền hà. Việc tìm kiếm quy tập mộ liệt sĩ gặp nhiều trở ngại; chưa có những chính sách thỏa đáng về chăm sóc, điều trị đối với những cán bộ, chiến sĩ bị ảnh hưởng của chất độc màu da cam. Trong dịp kỷ niệm lần thứ 50 Ngày Thương binh - Liệt sĩ 27-7, các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền, các ngành, các đoàn thể cần ra sức khắc phục những khuyết điểm trên.

Cuộc chiến đấu lâu dài, gian khổ vì độc lập tự do, thống nhất Tổ quốc của dân tộc ta vô cùng oanh liệt. Nhưng hậu quả chiến tranh trên khắp đất nước ta còn rất nặng nề. Kỷ niệm 50 năm Ngày 27-7 là dịp toàn Đảng, toàn dân, toàn bộ hệ thống chính quyền nhà nước ta đưa công tác chăm sóc, ưu đãi thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng phát triển mạnh mẽ hơn nữa, mang lại những hiệu quả thiết thực, làm cho các đồng chí, đồng bào yêu quý đó của chúng ta "yên ổn về vật chất, vui vẻ về tinh thần" như mong muốn của Bác Hồ.

Các cấp ủy đảng, các cấp chính quyền có trách nhiệm đi sát cuộc sống thực tế của nhân dân, lãnh đạo, chỉ đạo thật tốt việc thực hiện các chế độ, chính sách của Đảng và Nhà nước,

loại bỏ những điều không phù hợp, kịp thời bổ sung những điểm mới cần thiết nhằm giảm bớt khó khăn, đau đớn của những người đã nêu cao tinh thần anh dũng vì nước, vì dân, cống hiến tài năng, hy sinh xương máu cho Tổ quốc.

Cần đặc biệt coi trọng thúc đẩy một phong trào nhân dân sâu rộng chăm sóc thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công với cách mạng, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam Anh hùng. Ở từng cơ sở, từng cộng đồng dân cư cần vận động các tầng lớp nhân dân hoạt động tình nghĩa, giáo dục, đào tạo, bồi dưỡng, sắp xếp việc làm cho thương binh, con thương binh và liệt sĩ, người có công, xây dựng quỹ "Đền ơn đáp nghĩa" ở mọi nơi, tham gia tìm kiếm các phần mộ liệt sĩ...

Bằng sự cố gắng của Đảng, Nhà nước và toàn xã hội, chúng ta quyết tâm làm cho toàn thể thương binh, gia đình liệt sĩ, người có công, các Bà mẹ Việt Nam Anh hùng có sự cải thiện trong đời sống vật chất và tinh thần, thể hiện tấm lòng của toàn dân ta "uống nước nhớ nguồn, đền ơn đáp nghĩa".

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

**PHÁT BIỂU
CỦA TỔNG BÍ THƯ ĐỖ MƯỜI
TẠI HỘI NGHỊ BÁO CHÍ VÀ XUẤT BẢN
TOÀN QUỐC***

Ngày 24 tháng 8 năm 1997

Thưa các đồng chí,

Tôi hoan nghênh các đồng chí tổ chức Hội nghị báo chí, xuất bản toàn quốc để tổng kết việc thực hiện Chỉ thị 08 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa VII) nhằm đánh giá đúng đắn thực trạng báo chí - xuất bản ở nước ta, rút ra những bài học kinh nghiệm về chỉ đạo và quản lý; đề ra phương hướng phấn đấu phát huy những thành tựu đã đạt được, khắc phục có hiệu quả những khuyết điểm và hạn chế; tiếp tục đổi mới và phát triển sự nghiệp báo chí - xuất bản, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII.

Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn luôn coi báo chí - xuất bản là vũ khí sắc bén để tuyên truyền, tập

* Đầu đề do chúng tôi đặt (B.T).

hợp, tổ chức và vận động nhân dân. Hoạt động báo chí trong các thời kỳ vận động thành lập Đảng, chuẩn bị tổng khởi nghĩa giành chính quyền, trong các cuộc kháng chiến trước đây, cũng như trong giai đoạn xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay đã thu được nhiều kinh nghiệm hết sức phong phú. Trong đó, vốn quý nhất là đội ngũ đông đảo hàng ngàn nhà báo và cán bộ làm công tác xuất bản có phẩm chất chính trị tốt, có kiến thức và trình độ chuyên môn khá, đã kinh qua hoạt động thực tiễn, gắn bó với sự nghiệp cách mạng của Đảng và nhân dân ta.

Qua hơn 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới, nhất là từ khi Chỉ thị 08 được ban hành, hệ thống báo chí và xuất bản nước ta đã có những bước phát triển đáng mừng cả về số lượng và chất lượng, cả về nội dung cũng như hình thức. Báo chí - xuất bản đã góp phần xứng đáng vào sự nghiệp nâng cao dân trí, bảo vệ và phát huy truyền thống tốt đẹp, bản sắc văn hóa dân tộc; động viên các phong trào hành động cách mạng sôi nổi và rộng khắp của nhân dân; giới thiệu những điển hình tốt, những kinh nghiệm hay ở các địa phương, cơ sở. Các phương tiện thông tin đại chúng luôn luôn đi đầu trong cuộc đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác; phản ánh tình cảm, nguyện vọng và những ý kiến đóng góp của các tầng lớp nhân dân với Đảng và Nhà nước, tạo nên dư luận xã hội lành mạnh, góp phần xây dựng bầu không khí dân chủ trong đời sống xã hội. Báo chí - xuất bản cũng đã có những đóng góp quan trọng vào công tác nghiên cứu lý luận, tổng kết thực tiễn, hình thành và từng bước hoàn chỉnh lý luận của sự nghiệp đổi mới, khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; tham gia tích

cực cuộc đấu tranh chống các luận điệu, thủ đoạn hòng thực hiện âm mưu phá hoại cách mạng nước ta. Nhìn chung, báo chí - xuất bản đã hoạt động đúng định hướng của Đảng, Nhà nước; thực hiện ngày càng tốt hơn vai trò diễn đàn của nhân dân, góp phần tăng cường ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội, làm phong phú thêm đời sống văn hóa - tinh thần của toàn xã hội. Các phương tiện thông tin đại chúng là kênh giao lưu quan trọng, là cầu nối mở rộng quan hệ hữu nghị, hợp tác với bè bạn trên thế giới. Nói tóm lại, trong mọi hoạt động thường ngày của đất nước và nhân dân ta, thật khó hình dung nếu thiếu vắng những hoạt động phong phú và sôi động của báo chí - xuất bản. Đạt được những thành tựu tạo ra diện mạo khởi sắc hôm nay của nền báo chí - xuất bản nước nhà là nhờ có chủ trương, chính sách đúng đắn và sự quan tâm của Đảng, Nhà nước, của các ban, ngành, đoàn thể ở Trung ương và địa phương; nhờ sự ủng hộ, tham gia tích cực của nhân dân; đặc biệt là có sự đóng góp trí tuệ và công sức to lớn của hơn 7.500 nhà báo, của hàng nghìn cán bộ xuất bản và đội ngũ đông đảo các cộng tác viên, thông tin viên đang làm việc tại gần 450 cơ quan báo chí và 40 nhà xuất bản. Thay mặt Đảng và Nhà nước, tôi nhiệt liệt biểu dương những thành tích xuất sắc của đội ngũ các nhà báo và những người làm công tác xuất bản trong cả nước.

Thưa các đồng chí,

Bên cạnh những thành tích đã đạt được, hoạt động báo chí - xuất bản cũng bộc lộ những khuyết điểm và yếu kém, trong đó có những khuyết điểm khá nghiêm trọng, mà các đồng chí đều biết rõ. Chúng ta phải nghiêm túc tiếp thụ

những ý kiến phê bình xác đáng của đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân về những thiếu sót, khuyết điểm đã xảy ra ở một số cơ quan báo chí - xuất bản và một số cán bộ làm công tác báo chí - xuất bản. Báo cáo tổng kết trình bày tại Hội nghị đã nêu những khuyết điểm và thiếu sót chủ yếu trong hoạt động và quản lý báo chí - xuất bản, như xu hướng thương mại hóa, xa rời tôn chỉ, mục đích của hoạt động báo chí - xuất bản, nặng về miêu tả, phê phán một chiều mặt khuyết điểm, yếu kém, tiêu cực; coi nhẹ việc giới thiệu, biểu dương, cổ vũ người tốt việc tốt, những nhân tố mới, những điển hình tiên tiến nảy nở trong công cuộc đổi mới toàn diện đất nước; thiếu nghiêm khắc đối với những khuyết điểm và những hành vi tiêu cực, vi phạm phẩm chất đạo đức của một số nhà báo và cán bộ xuất bản; các cơ quan chỉ đạo, quản lý công tác báo chí, kể cả cơ quan chủ quản của các báo chưa thường xuyên hướng dẫn, giúp đỡ, kiểm tra công tác báo chí.

Nhìn chung, chưa có nhiều ấn phẩm sâu sắc về chính trị, tư tưởng; còn ít đề cập việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật và quan hệ sản xuất mới; chưa nêu bật được những thành tích của công nhân, nông dân và trí thức trong sự nghiệp đổi mới đất nước; còn một số chương trình, ấn phẩm không lành mạnh, trái với truyền thống văn hóa tốt đẹp của dân tộc... Điều đáng suy nghĩ là không ít thiếu sót, khuyết điểm đã được đề cập và uốn nắn trong chỉ thị của Đảng từ 5 năm trước nhưng chậm được khắc phục, thậm chí có mặt còn trầm trọng hơn. Chúng ta cần đi sâu phân tích, xác định nguyên nhân và tìm ra giải pháp khắc phục một cách có hiệu quả để công tác báo chí - xuất bản tiếp tục phát triển vững chắc và mạnh mẽ hơn.

Nhân dịp này, tôi muốn gợi lên một số vấn đề để các đồng chí thảo luận, phân tích, làm rõ thực trạng, nguyên nhân và điều đặc biệt quan trọng là thống nhất ý chí và phương hướng hành động nhằm phục vụ đắc lực và có hiệu quả hơn nữa sự nghiệp cách mạng của Đảng ta và dân tộc ta trong thời kỳ mới.

Như các đồng chí đã rõ, báo chí - xuất bản là một bộ phận trong toàn bộ sự nghiệp cách mạng của dân tộc. Trong giai đoạn mới hiện nay, báo chí là một lá cờ cách mạng, tập hợp, đoàn kết, cổ vũ toàn dân hăng hái tiến hành thắng lợi công cuộc công nghiệp hóa, hiện đại hóa nước nhà. Người làm báo, làm công tác xuất bản là những chiến sĩ cách mạng, giữ vai trò xung kích trên mặt trận tư tưởng - văn hóa của Đảng. Do vậy, hơn ai hết, người làm báo, làm công tác xuất bản phải cùng vui với niềm vui của toàn dân trước mỗi thành công và tiến bộ, trước mỗi người tốt, việc tốt xuất hiện trong cuộc sống; lo lắng, chia sẻ những khó khăn, gian khổ với nhân dân, đất nước, kiên quyết đấu tranh chống tiêu cực, tham nhũng, quan liêu, buôn lậu và các tệ nạn xã hội khác; chống xu hướng thương mại hóa trong hoạt động báo chí - xuất bản. Cái đức của người làm công tác báo chí - xuất bản ngày nay là như vậy. Nghề gì cũng cần lấy đạo đức làm gốc. Nghề làm báo, làm xuất bản càng phải coi trọng đạo đức. Có như vậy sách báo mới đi vào lòng người, mới có sức cảm hóa, thuyết phục cao.

Bên cạnh số đông người làm báo chí - xuất bản trung thực, có tiến bộ nghề nghiệp, có tấm lòng trong sáng, cũng có một số sa sút về phẩm chất và đạo đức; có người xuất phát từ lợi ích cá nhân đã thông tin và bình luận thiếu khách quan,

trung thực; có người tự tách mình ra ngoài cuộc để giành quyền nhận xét, khen chê một cách chủ quan, thiếu tinh thần xây dựng. Trong lĩnh vực báo chí - xuất bản còn thiếu nhiều cán bộ đủ trình độ và năng lực đảm đương nhiệm vụ ở các cơ quan báo chí - xuất bản và các cơ quan quản lý nhà nước từ trung ương đến địa phương. Trình độ, năng lực và phẩm chất của không ít cán bộ chưa được nâng lên ngang tầm nhiệm vụ.

Thư các đồng chí,

Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa là một sự nghiệp vĩ đại, tiếp nối sự nghiệp lâu dài của cha ông nhằm bảo vệ vững chắc độc lập dân tộc, đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, trở nên giàu mạnh, văn minh, nhân dân tự do, hạnh phúc, biến giấc mơ của bao thế hệ người Việt Nam chúng ta thành hiện thực. Sự nghiệp đó phù hợp quy luật phát triển tất yếu của thời đại, thuận lòng dân, do đó được nhân dân đồng tình, ủng hộ và hăng hái thực hiện. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng là sự nghiệp mới mẻ, bên cạnh những nhân tố thuận lợi, còn có vô vàn khó khăn, thử thách. Để giành thắng lợi, chúng ta phải huy động được sức mạnh tổng hợp của khối đại đoàn kết toàn dân, động viên cao độ trí thông minh, lòng dũng cảm, tinh thần lao động sáng tạo, cần kiệm của con người Việt Nam, phát huy truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp, khai thác hợp lý tài nguyên thiên nhiên mà tổ tiên ta bao đời đã gây dựng và giữ gìn, kết hợp với những nhân tố thuận lợi của thời đại, của mối quan hệ hợp tác quốc tế ngày càng được mở rộng, đưa đất nước đến phần vinh. Trong sự

NGHIỆP TRỌNG ĐẠI ĐÓ, báo chí - xuất bản phải trở thành người tuyên truyền, cổ vũ, tổ chức tập thể các phong trào hành động cách mạng của nhân dân; trở thành phương tiện để các tầng lớp nhân dân, nhất là người lao động, thực hiện quyền làm chủ đất nước. Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu rõ chủ trương tiếp tục phát huy cao độ quyền làm chủ của nhân dân. Báo chí - xuất bản phải phấn đấu làm tốt hơn nữa chức năng là diễn đàn để nhân dân bày tỏ ý chí và nguyện vọng, phát biểu ý kiến góp phần giải quyết những vấn đề đặt ra cho đất nước; hình thành dư luận xã hội lành mạnh, tạo ra sự nhất trí cao trong suy nghĩ và hành động của toàn xã hội. Các cơ quan báo chí - xuất bản cần đặc biệt chú trọng thu hút tài năng, trí tuệ và ý kiến của các tầng lớp nhân dân, của đồng bào trong nước, hoặc đang định cư ở nước ngoài đóng góp vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Nâng cao tính nhân dân của báo chí và xuất bản cũng là tăng cường quyền kiểm tra, giám sát của người dân đối với hoạt động của các cơ quan đảng, nhà nước, đoàn thể và toàn xã hội; góp phần đắc lực vào cuộc đấu tranh chống tham ô, lãng phí, quan liêu, buôn lậu và các tệ nạn xã hội. Đồng thời việc phát huy quyền dân chủ, khả năng sáng tạo vô tận của nhân dân, cũng là nguồn sinh khí tiếp thêm sức mạnh cho báo chí - xuất bản tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ hơn nữa.

Để nâng cao chất lượng của hoạt động báo chí - xuất bản, cần thực hiện tốt phương châm phát triển phải đi đôi với quản lý tốt. Bố trí, sắp xếp lại một cách hợp lý các cơ quan báo chí - xuất bản để tránh tình trạng vừa thừa, vừa thiếu như hiện nay. Cái đang thiếu hiện nay là các tờ báo, các ấn phẩm, các

chương trình phát thanh và truyền hình có chất lượng cao, có nội dung lành mạnh, bổ ích, hình thức thể hiện phong phú, đa dạng, hấp dẫn, không chỉ phục vụ tốt các tầng lớp nhân dân ở thành thị, mà còn đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu thông tin của đông đảo công nhân, nông dân, nhất là đồng bào ở vùng sâu, vùng xa, vùng căn cứ cách mạng trước đây.

Tại Hội nghị lần này, các đồng chí cần tập trung vào những vấn đề then chốt nhất nhằm *nâng cao chất lượng hoạt động của hệ thống các phương tiện thông tin đại chúng. Đó là chất lượng chính trị, chất lượng văn hóa và chất lượng khoa học.* Làm rõ bản chất giai cấp và tính nhân dân; nâng cao tính chiến đấu và tính tổ chức, tính dân tộc và tính thời đại của báo chí - xuất bản. Mỗi dòng tin, mỗi bài báo, trang sách, mỗi hình ảnh được đăng, phát... đều phải lựa chọn, cân nhắc nhằm đạt hiệu quả tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức của mọi người. Người làm báo, làm sách phải ghi nhớ lời dạy của Bác Hồ, thường xuyên tự đặt cho mình câu hỏi: viết cho ai, viết để làm gì và viết như thế nào để luôn luôn khẳng định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, vì hạnh phúc của mọi người, mọi nhà; luôn luôn gắn bó với công nhân, nông dân, trí thức, cổ vũ toàn dân hăng hái phấn đấu thực hiện mục tiêu cao cả đó. Báo chí phải góp phần xây dựng con người mới, nêu cao tính cộng đồng, chống chủ nghĩa cá nhân, khuyến khích cổ vũ mọi người sống lành mạnh, nhân hậu, thủy chung, không chạy theo tiền tài để làm điều bất nhân, phi nghĩa; chăm lo giữ gìn và phát huy bản sắc dân tộc. Đánh giá thành tựu, bàn giải pháp khắc phục các mặt yếu kém, khuyết điểm, hay đề ra phương hướng phấn đấu nâng cao chất lượng hoạt động báo chí - xuất bản đều phải

tập trung vào những vấn đề then chốt đó. Phải có quan điểm chính trị vững vàng, có tầm vóc văn hóa tương xứng, có tính khoa học cao thì hoạt động báo chí - xuất bản mới ngang tầm và phục vụ đắc lực sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nhân tố quyết định nâng cao chất lượng công tác báo chí - xuất bản là đội ngũ các nhà báo và những người làm công tác xuất bản. Vì vậy, các cấp ủy đảng, các cơ quan thông tin đại chúng, các nhà xuất bản cần tổ chức tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tại chỗ. Mỗi nhà báo, cán bộ các cơ quan báo chí - xuất bản phải thường xuyên rèn luyện bản lĩnh chính trị, phẩm chất cách mạng kiên định vững vàng, không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, đề cao tự phê bình và phê bình, tu dưỡng đạo đức, gương mẫu trong cuộc sống, phấn đấu xứng đáng là nhà báo của nhân dân. Mặt khác, cần thống nhất quản lý, chỉ đạo công tác đào tạo, nâng cao trình độ chính trị, nghiệp vụ và đạo đức nghề nghiệp cho cán bộ làm công tác báo chí - xuất bản. Các cơ quan chủ quản báo, đài, nhà xuất bản phải làm đầy đủ trách nhiệm trong việc chỉ đạo hoạt động của các báo, tạp chí, nhà xuất bản do mình phụ trách. Kiện toàn các cơ quan chỉ đạo, quản lý lĩnh vực công tác này ở các cấp, bảo đảm thực hiện nghiêm chỉnh và có hiệu quả đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước cũng như các quy chế quản lý của ngành về hoạt động báo chí - xuất bản.

Thưa các đồng chí,

Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đánh giá cao những đóng góp to lớn của báo chí - xuất bản trong sự nghiệp đấu

tranh giải phóng dân tộc trước đây cũng như trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay. Bước vào thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, vai trò và nhiệm vụ của báo chí - xuất bản càng nặng nề song rất vẻ vang. Những người làm báo, làm công tác xuất bản hãy tiếp tục phấn đấu, đem hết tài năng và tâm huyết phản ánh một cách trung thực và sinh động cuộc sống chiến đấu và lao động sáng tạo, cổ vũ lòng yêu nước, chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam và chủ nghĩa nhân văn cao quý của nhân dân ta. Mỗi tờ báo, tạp chí, quyển sách, mỗi bản tin, chương trình phát thanh, truyền hình phải góp phần viết nên cuốn biên niên sử sống động và vĩ đại về bản lĩnh, trí tuệ, sức mạnh của cả dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng, quyết tâm đưa đất nước thoát khỏi nghèo nàn, vươn tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chúc Hội nghị của các đồng chí thành công tốt đẹp.

Lưu tại Kho Lưu trữ
Trung ương Đảng.

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời giới thiệu tập 56</i>	V
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 10-CT/TW, ngày 4 tháng 1 năm 1997, về tăng cường việc tổ chức thực hiện Nghị quyết 14 của Bộ Chính trị (khóa VII) về đấu tranh chống tham nhũng	1
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 27-TB/TW, ngày 4 tháng 1 năm 1997, về định hướng chuẩn bị đề án Chiến lược cán bộ trình Hội nghị Trung ương 3	8
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 26-TB/TW, ngày 7 tháng 1 năm 1997, về việc triển khai thực hiện quy hoạch khu đô thị mới Bắc Thăng Long - Thủ đô Hà Nội	12
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 12-CT/TW, ngày 10 tháng 1 năm 1997, về việc triển khai nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII	16
- Quy chế làm việc của Bộ Chính trị và Thường vụ Bộ Chính trị, số 23-QĐ/TW, ngày 16 tháng 1 năm 1997	21
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 29-TB/TW, ngày 24 tháng 1 năm 1997, về tổ chức, biên chế và chương trình công tác năm 1997 của Ban Kinh tế Trung ương	35

- Thông báo quyết định của Thường vụ Bộ Chính trị, số 30-TB/TW, ngày 25 tháng 1 năm 1997, về việc tổ chức nghiên cứu tổng kết thực tiễn một số vấn đề kinh tế quan trọng	38
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 37-TB/TW, ngày 27 tháng 1 năm 1997, về dự án liên doanh với Xingapo xây dựng khu du lịch Đà Lạt - Đan Kia (suối Vàng) tỉnh Lâm Đồng	41
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 33-TB/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1997, về công tác của Ban Khoa giáo Trung ương	43
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 34-TB/TW, ngày 30 tháng 1 năm 1997, về việc xây dựng nhà nghỉ cho cán bộ cách mạng lão thành	46
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 32-TB/TW, ngày 1 tháng 2 năm 1997, về công tác của Ban Nội chính Trung ương	48
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 25-QĐ/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997, về việc xuất bản công khai bộ Toàn tập văn kiện Đảng	51
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 36-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997, về tổng kết sản xuất, kinh doanh của Quân đội và Công an	57
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 38-TB/TW, ngày 3 năm 2 năm 1997, về một số công tác của Ban Tư tưởng - Văn hóa Trung ương	58
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 39-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997, về công tác của Ban Tổ chức Trung ương	63
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 44-TB/TW, ngày 3 tháng 2 năm 1997, về vấn đề quản lý, thiết lập, sử dụng mạng internet thực nghiệm ở Việt Nam	66

- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 40-TB/TW, ngày 5 tháng 2 năm 1997, về việc triển khai thực hiện nội dung Hội nghị cán bộ toàn quốc về công tác bảo vệ chính trị nội bộ	68
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 41-TB/TW, ngày 12 tháng 2 năm 1997, về một số dự án luật thuế	71
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 42-TB/TW, ngày 15 tháng 2 năm 1997, về việc chuẩn bị Đại hội đại biểu lần thứ II của Hội đồng Liên minh các Hợp tác xã Việt Nam	75
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 43-TB/TW, ngày 17 tháng 2 năm 1997, về việc tổ chức Đại hội của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam	77
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 45-TB/TW, ngày 20 tháng 2 năm 1997, về dự án <i>Luật dân tộc</i> và dự án <i>Pháp lệnh về lao động công ích và huy động nguồn lực để xây dựng đất nước</i>	80
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 46-TB/TW, ngày 28 tháng 2 năm 1997, về việc xử lý đối với vụ án buôn lậu ma túy có liên quan đến một số cán bộ công an và bộ đội biên phòng	83
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 47-TB/TW, ngày 28 tháng 2 năm 1997, về việc xử lý đối với vụ án xảy ra tại Công ty TAMEXCO	87
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 48-TB/TW, ngày 1 tháng 3 năm 1997, về việc điều chỉnh, chia tách, thành lập một số đơn vị hành chính	91
- Thông tri của Thường vụ Bộ Chính trị, số 02-TT/TW, ngày 13 tháng 3 năm 1997, về việc lãnh đạo Đại hội Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh các cấp	93

- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 49-TB/TW, ngày 14 tháng 3 năm 1997, về tổng kết nhiệm kỳ Quốc hội khóa IX và việc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X	97
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 50-TB/TW, ngày 15 tháng 3 năm 1997, về chương trình công tác năm 1997 và tổ chức nhân sự của Ủy ban Kiểm tra Trung ương	100
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 51-TB/TW, ngày 20 tháng 3 năm 1997, về dự án <i>Pháp lệnh nghĩa vụ lao động công ích và huy động các nguồn lực xây dựng đất nước</i>	104
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 54-TB/TW, ngày 21 tháng 3 năm 1997, về đề án Nhà nước trình Hội nghị Trung ương 3	107
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 52-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997, về một số dự án luật và nghị quyết Quốc hội	114
- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 53-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997, về việc tham gia Đại hội Liên hoan thanh niên và sinh viên thế giới lần thứ 14	118
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 56-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997, về tình hình hoạt động ngân hàng sau 5 năm thực hiện Pháp lệnh	121
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 58-TB/TW, ngày 24 tháng 3 năm 1997, về cơ chế kinh doanh lương thực và phân bón	125
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 55-TB/TW, ngày 29 tháng 3 năm 1997 về một số dự án pháp lệnh	129
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 57-TB/TW, ngày 31 tháng 3 năm 1997, về nhiệm vụ và chương trình công tác năm 1997 của Ban Đối ngoại Trung ương	134

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 13-CT/TW, ngày 2 tháng 4 năm 1997, về lãnh đạo cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa X	137
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 59-TB/TW, ngày 3 tháng 4 năm 1997, về các dự án đầu tư quan trọng	142
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 63-TB/TW, ngày 4 tháng 4 năm 1997, về tiếp tục triển khai tích cực và vững chắc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước	147
- Thông báo của Bộ Chính trị, số 61-TB/TW, ngày 7 tháng 4 năm 1997, về việc Việt Nam đăng cai Hội nghị cấp cao lần thứ 7 các nước có sử dụng tiếng Pháp (năm 1997)	154
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 14-CT/TW, ngày 9 tháng 4 năm 1997, về lãnh đạo việc quản lý, sử dụng mạng internet ở Việt Nam	159
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 64-TB/TW, ngày 19 tháng 4 năm 1997, về hai luật thuế và các dự án đầu tư quan trọng	162
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 28-QĐ/TW, ngày 21 tháng 4 năm 1997, về Quy chế làm việc của Ủy ban Kiểm tra Trung ương	165
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 65-TB/TW, ngày 23 tháng 4 năm 1997, về một số điểm trong bản Quy định thi hành Điều lệ Đảng	175
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 66-TB/TW, ngày 26 tháng 4 năm 1997, về <i>Bộ luật hình sự</i>	178
- Thông báo kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 67-TB/TW, ngày 5 tháng 5 năm 1997, về nhân sự Đại hội lần thứ VIII Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam	180

- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 68-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1997, về nhân sự ứng cử Đại biểu Quốc hội khóa X 183
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 69-TB/TW, ngày 19 tháng 5 năm 1997, về đề án Nhà nước trình Hội nghị Trung ương 3 198
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 15-CT/TW, ngày 26 tháng 5 năm 1997, về tăng cường lãnh đạo thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội 202
- Quy định của Bộ Chính trị, số 29-QĐ/TW, ngày 2 tháng 6 năm 1997, về thi hành Điều lệ Đảng 206
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 70-TB/TW, ngày 3 tháng 6 năm 1997, về việc tổng kết thực hiện Chỉ thị 08-CT/TW của Ban Bí thư (khóa VII) về công tác báo chí, xuất bản 232
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 16-CT/TW, ngày 6 tháng 6 năm 1997, về việc tổ chức kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Mười Nga (7-11-1917 – 7-11-1997) và 150 năm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản* (2-1848 – 2-1998) 235
- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 71-TB/TW, ngày 7 tháng 6 năm 1997, về việc tăng cường lãnh đạo và đổi mới công tác tuyên truyền miệng 239
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 9 tháng 6 năm 1997 243
- Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị, số 42/TLHN, ngày 18 tháng 6 năm 1997, về một số vấn đề Trung ương thảo luận và góp ý vào đề án và dự thảo Nghị quyết "Phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh" 271

- Bản trình bày của Bộ Chính trị, số 43/TLHN, ngày 18 tháng 6 năm 1997, về những ý kiến Trung ương thảo luận Chiến lược cán bộ 288
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 03-NQ/HNTW, ngày 18 tháng 6 năm 1997, phát huy quyền làm chủ của nhân dân, tiếp tục xây dựng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong sạch, vững mạnh 306
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 03-NQ/HNTW, ngày 18 tháng 6 năm 1997, về Chiến lược cán bộ thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước 332
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 18 tháng 6 năm 1997 364
- Thông báo Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII 373
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 18-CT/TW, ngày 10 tháng 7 năm 1997, về việc triển khai nghiên cứu quán triệt và tổ chức thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII 376
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 75-TB/TW, ngày 10 tháng 6 năm 1997, về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan Trung ương Đảng và tỉnh, thành ủy 382
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 76-TB/TW, ngày 17 tháng 6 năm 1997, về tình hình kinh tế 5 tháng đầu năm và những giải pháp chỉ đạo thực hiện kế hoạch năm 1997 385

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 17-CT/TW, ngày 25 tháng 6 năm 1997, về việc kỷ niệm lần thứ 20 ngày ký Hiệp ước hữu nghị hợp tác Việt Nam - Lào (18-7-1977 – 18-7-1997) 393
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 79-TB/TW, ngày 5 tháng 7 năm 1997, về tình hình xảy ra gần đây ở huyện Quỳnh Phụ và một số xã thuộc các huyện khác của tỉnh Thái Bình 396
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 80-TB/TW, ngày 12 tháng 7 năm 1997, về tình hình xảy ra gần đây ở huyện Quỳnh Phụ và một số xã thuộc các huyện khác của tỉnh Thái Bình. 403
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 90-TB/TW, ngày 18 tháng 9 năm 1997, về tình hình Thái Bình 407
- Thông báo quyết định của Bộ Chính trị, số 94-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 1997, về giải quyết tình hình ở tỉnh Thái Bình 412
- Thông báo ý kiến kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 85-TB/TW, ngày 6 tháng 8 năm 1997, về quản lý ngân sách Đảng; về tiền lương và chi phí hoạt động của các tổ chức đảng, đoàn thể tại doanh nghiệp nhà nước 414
- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 86-TB/TW, ngày 9 tháng 8 năm 1997, về việc thành lập Ban Chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong các cơ quan đảng 416
- Thông báo của Thường vụ Bộ Chính trị, số 88-TB/TW, ngày 19 tháng 8 năm 1997, về việc tổ chức nghiên cứu xây dựng thiết chế dân chủ ở cơ sở 418

- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 19-CT/TW, ngày 13 tháng 9 năm 1997, về lãnh đạo Đại hội công đoàn các cấp tiến tới Đại hội VIII Công đoàn Việt Nam 421
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 15 tháng 9 năm 1997 425
- Nghị quyết Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 16 tháng 9 năm 1997 428
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười bế mạc Hội nghị bất thường Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 16 tháng 9 năm 1997 430
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 20-CT/TW, ngày 22 tháng 9 năm 1997, đẩy mạnh phát triển kinh tế biển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa 432
- Thông báo ý kiến của Thường vụ Bộ Chính trị, số 91-TB/TW, ngày 28 tháng 9 năm 1997, về việc chuẩn bị thành lập thị trường chứng khoán ở Việt Nam 443
- Quyết định của Bộ Chính trị, số 31-QĐ/TW, ngày 1 tháng 10 năm 1997, ban hành Quy định về thể loại, thẩm quyền ban hành và thể thức văn bản của Đảng 445
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 21-CT/TW, ngày 10 tháng 10 năm 1997, về một số công việc cấp bách ở nông thôn hiện nay 460
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 22-CT/TW, ngày 17 tháng 10 năm 1997, về tiếp tục đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo, quản lý công tác báo chí, xuất bản 467

- Thông báo ý kiến kết luận của Thường vụ Bộ Chính trị, số 93-TB/TW, ngày 18 tháng 10 năm 1997, về vụ án tổ chức buôn lậu ở tỉnh Long An 476
- Thông báo ý kiến của Bộ Chính trị, số 97-TB/TW, ngày 12 tháng 11 năm 1997, về khắc phục hậu quả cơn bão số 5 479
- Thông báo kết luận của Bộ Chính trị, số 99-TB/TW, ngày 17 tháng 11 năm 1997, về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và ngân sách nhà nước năm 1998 483
- Chỉ thị của Bộ Chính trị, số 23-CT/TW, ngày 29 tháng 11 năm 1997, về lãnh đạo thực hiện công tác xóa đói, giảm nghèo 491
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười khai mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 22 tháng 12 năm 1997 498
- Báo cáo của Bộ Chính trị trình Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 48/TLHN, ngày 15 tháng 12 năm 1997, phát huy nội lực, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000 513
- Bản trình bày ý kiến của Bộ Chính trị, số 60/TLHN, ngày 29 tháng 12 năm 1997, về một số vấn đề Trung ương nêu lên trong quá trình thảo luận Báo cáo của Bộ Chính trị và dự thảo nghị quyết trình Hội nghị Trung ương 4 583
- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 04-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 12 năm 1997 601

- Nghị quyết Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, số 04-NQ/HNTW, ngày 29 tháng 12 năm 1997, về tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, phát huy nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, cần kiệm để công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phấn đấu hoàn thành các mục tiêu kinh tế - xã hội đến năm 2000 603
- Phát biểu của Tổng Bí thư Lê Khả Phiêu bế mạc Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa VIII, ngày 29 tháng 12 năm 1997 634
- Thông báo Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam khóa VIII 644
- PHỤ LỤC 649
- Phát biểu của Thủ tướng Võ Văn Kiệt tại Hội nghị Chính phủ họp với lãnh đạo các tỉnh, thành phố, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 1 năm 1997 651
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Lễ kỷ niệm 50 năm Ngày Thương binh - Liệt sĩ (27-7-1947 - 27-7-1997) 660
- Phát biểu của Tổng Bí thư Đỗ Mười tại Hội nghị báo chí và xuất bản toàn quốc, ngày 24 tháng 8 năm 1997 664

Chịu trách nhiệm xuất bản
Q. GIÁM ĐỐC - TỔNG BIÊN TẬP
TS. HOÀNG PHONG HÀ

Chịu trách nhiệm nội dung
PHÓ GIÁM ĐỐC - PHÓ TỔNG BIÊN TẬP
TS. VŨ TRỌNG LÂM

Biên tập nội dung: ThS. CHU VĂN KHÁNH
 ThS. ĐÀO QUỲNH HOA
 NGUYỄN MAI ANH
 Trình bày bìa: PHÙNG MINH TRANG
 Chế bản vi tính: NGUYỄN QUỲNH LAN
 Sửa bản in: PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT
 Đọc sách mẫu: BAN SÁCH ĐẢNG

Mã số: $\frac{3KV (060) "1997"}{CTQG - 2015}$

In 5.000 cuốn, khổ 15 x 22 cm,
 Số đăng ký xuất bản:
 Quyết định xuất bản số:
 In xong và nộp lưu chiểu tháng 6-2015.
 Mã số ISBN: 978-604-57-1632-8.